

MIDWIVES
Bà mụ

CHRIS BOHJALIAN



dtBOOKS



Thị Trúc Quỳnh

MIDWIVES

Bà mụ

CHRIS BOHJALIAN

Thi Trúc *dịch*



Thông tin sách

Tên sách: **BÀ MỤ**

Nguyên tác: **Midwives**

Tác giả: **Chris Bohjalian**

Người dịch: **Thi Trúc**

Nhà phát hành: **Phương Nam**

Nhà xuất bản: **NXB Thời Đại**

Khối lượng: **600g**

Kích thước: **11.5x17.5 cm**

Ngày phát hành: **04/2011**

Số trang: **552**

Giá bìa: **120.000đ**

Thể loại: **Tiểu thuyết Đương đại**

Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Thực hiện ebook: **thanhbt**

Ngày hoàn thành: **01/02/2017**

Dự án ebook #278 thuộc Tủ sách BOOKBT



Giới thiệu

Vào một đêm mùa đông tại vùng Vermont (Mỹ) bà mụ Sibyl vốn dày dặn kinh nghiệm đã thực hiện ca mổ lấy thai trên cơ thể người mẹ mà bà nghĩ đã chết sau cơn đột quy. Nhưng... nếu thai phụ chưa thực sự chết? Phải chăng Sibyl đã vô tình giết chết cô ấy?

Trong tiểu thuyết Bà mụ, tác giả Chris Bohjalian đã tường thuật lại những sự kiện dẫn đến phiên tòa xét xử Sibyl Danforth, một bà mụ lành nghề ở thị trấn nhỏ Reddington, từng đỡ đẻ cho hơn 500 đứa trẻ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đó không đơn thuần là phiên tòa về tội bất cẩn gây chết người của Sibyl, mà còn là cuộc đối đầu giữa giới bác sĩ và bà mụ, những người luôn bị xem là cái gai trong mắt của chính quyền và cộng đồng y tế.

Sững sờ và ám ảnh, Bà mụ - một trong những cuốn tiểu thuyết hay nhất mà bạn nên đọc.

Tác giả



Nhà văn, nhà báo **Chris Bohjalian**, sinh ngày 12/8/1960, tốt nghiệp đại học Amherst và sống một thời gian ở New York, sau đó chuyển về một thị trấn nhỏ ở Vermont và sống ở đó đến nay.

Ông là tác giả của khá nhiều tiểu thuyết khá đặc sắc. Tác phẩm của Bohjalian thường tập trung vào một số vấn đề như: tình trạng vô gia cư, luật bảo vệ động vật hay vấn đề sinh thái. Ông có thói quen đặt những nhân vật bình thường của mình vào những hoàn cảnh khó khăn bất thường để làm nổi bật một khía cạnh nào đó trong con người họ. Ông chia sẻ rằng chính Vermont yên tĩnh đã tạo nguồn cảm hứng cho ông.

Tác phẩm của Chris Bohjalian đã được dịch ra hơn 25 ngôn ngữ và xuất bản ở hai mươi một quốc gia. Có hai tiểu thuyết đã được dựng thành phim là Bà mù và Băng qua khán đài.

Năm 2002, ông đoạt giải thưởng sách New England cho thể loại hư cấu.

Ngoài sáng tác tiểu thuyết, ông còn viết bài cho nhiều tạp chí, trong đó có Cosmopolitan, Reader's Digest, và Boston Globe Sunday Magazine, là người phụ trách chuyên mục xã luận Chủ nhật cho báo Burlington Free Press từ năm 1992 đến nay. Hiện ông sống với vợ và con gái ở Vermont.

Các tác phẩm

A Killing in the Real World (1988)

Hangman (1991)

Past the Bleachers (1992)

Water Witches (1995)

Midwives (1997) *dịch sang tiếng Việt với tựa đề Bà mẹ, do NXB Thời đại và Phương Nam book ấn hành (2011)*

The Law of Similars (1999)

Trans-Sister Radio (2000)

The Buffalo Soldier (2002)

Idyll Banter: Weekly Excursions to a Very Small Town (2003)

Before you know kindness (2004)

The double bind (2007)

Skeletons at the Feast (2008)

Secrets of Eden (2010)

The night strangers (2011)

The scandcastle girls (2012)

The light in the ruins (2013)

Lời khen tặng dành cho tiểu thuyết Bà mụ của *Chris Bohjalian*

Giải Quyển sách hay nhất của *Publishers Weekly*^[1]

“Một Bản đồ thế giới thứ hai... xúc động... đau đớn.”

Glamour

“Sự kết hợp giữa cường độ kể chuyện, nhân vật và bối cảnh thuyết phục, giọng văn xuôi tinh tế và chủ đề quan trọng đủ hiếm thấy để được trân quý.”

Portland Oregonian

“Quyển sách phải đọc của mùa này.”

Woman's Own

“Thông minh và phóng khoáng... Bà mụ còn hơn cả một quyển sách hay để đọc.”

Burlington Free Press

“Quyển rữ... Bohjalian chuyển tải sự nhạy cảm đáng kinh ngạc vào tác phẩm mô tả nữ giới của ông.”

San Antonio Express-News

“Một quyển sách hay mê hoặc... Bohjalian... là bậc thầy trong tác phẩm của ông.”

Concord Sunday Monitor (New Hampshire)

“Lôi cuốn, sâu lắng... Độc giả sẽ bị mê hoặc trước sức hút không thể cưỡng lại của câu chuyện.”

Publishers Weekly

“Một tiểu thuyết hấp dẫn, phức tạp.”

Kirkus Reviews

Vì Chúa chẳng hề bỏ cho đến đời đời:

Dù Ngài đã làm cho lo buồn,

còn sẽ thương xót

theo sự dư dật của lòng nhân từ Ngài.

Vì đó chẳng phải là bốn tâm Ngài,

làm cho con cái loài người cực khổ và buồn rầu.

CA THƯƠNG 3:31-33

Mỗi người chúng ta chịu trách nhiệm về thảm họa

mà chúng ta lẽ ra ngăn ngừa được

JAMES MARTINEAU

Tặng Victoria

người phụ nữ đã mang nặng đẻ đau

để làm đẹp cả cuộc đời tôi

Và tặng tôi con gái nhỏ

Grace

Tưởng nhớ đến mẹ tôi,

Annalee Nelson Bohjalian

(1930-1995)

Lời nói đầu

Vào một đêm mùa đông bão bùng năm 1981, một ca đẻ tại nhà ở bang Vermont, miền bắc nước Mỹ, đã biến thành bi kịch. Đường dây điện thoại bị đứt, đường sá bị phong tỏa vì băng đá. Không thể đưa bệnh nhân đến bệnh viện, bà mẹ Sibyl Danforth đã nỗ lực hết sức để cứu cả bà mẹ lẫn thai nhi trong lúc người học việc thiếu kinh nghiệm của bà và người chồng hoảng sợ của thai phụ chỉ biết bất lực đứng nhìn. Thai phụ đã chết nhưng đứa bé được sống nhờ quyết định vào phút chót của Sibyl: mổ lấy thai. Nhưng cơn ác mộng chỉ mới bắt đầu: người học việc một mực cho rằng thai phụ chưa chết lúc Sibyl tiến hành mổ đẻ.

Trong tiểu thuyết *Bà mẹ*, tác giả Chris Bohjalian đã tường thuật lại những sự kiện dẫn đến phiên tòa xét xử Sibyl Danforth, một bà mẹ lành nghề ở thị trấn nhỏ Reddington, từng đỡ đẻ cho hơn 500 đứa trẻ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đó không đơn thuần là phiên tòa về tội bất cẩn gây chết người của Sibyl, mà còn là cuộc đối đầu giữa giới bác sĩ và bà mẹ, những người luôn bị xem là cái gai trong mắt chính quyền và cộng đồng y tế.

Bà mẹ được kể lại qua cách nhìn của Connie, cô con gái mười bốn tuổi của Sibyl. Khi câu chuyện về điều gì đã xảy ra trong đêm mùa đông định mệnh ấy dần mở ra cũng là lúc người đọc bước vào một thế giới lạ lẫm của nghề bà mẹ. Ở đó có những người phụ nữ không xem việc đỡ đẻ là một “nghề nghiệp” mà là một “duyên phận” chỉ dành riêng cho một số người, và họ thực hiện nó như một nghi thức tôn giáo thiêng liêng. Những người như Sibyl Danforth luôn tin rằng “phụ nữ đẻ con hiệu quả nhất trong môi trường mà họ thông thuộc nhất và điều đó khiến họ cảm thấy thoải mái nhất; tương tự, việc chào đón một đứa trẻ đến với thế giới này trong một căn phòng ấm áp, và đỡ lấy đứa bé với đôi tay trù mẫn, là điều rất quan trọng”. Ở đó có những ca đẻ tại nhà với sự cộng hưởng cảm xúc của tất cả

những người có mặt khiến ta chỉ muốn “*đóng chai những rung cảm trong căn phòng đó và để dành một ít cho những ca để cô đơn hơn*”.

Bà mụ cũng có thể được xem là “duyên phận” của tác giả Chris Bohjalian khi ý tưởng viết quyển sách đến với ông như một sự sắp đặt. Chris kể rằng khoảng sáu tháng sau khi cô con gái của ông chào đời, vợ chồng ông đến dự một buổi tiệc tối tại Vermont nơi họ sinh sống, và ngồi cạnh ông là một bà mụ hành nghề độc lập ở địa phương. Nghe tin vợ chồng ông phải lặn lội lái xe hơn 50 cây số giữa đêm mới đến được bệnh viện gần nhất để sinh con, bà đã mỉm cười nói: “Nếu anh chị dùng đến tôi, thì anh chị đã có thể đẻ con trong phòng ngủ của mình và anh đã có thể đích thân đỡ lấy cháu bé rồi.”

Nhà văn kể lại: “Tôi chưa bao giờ nghe người ta nói động từ “ *đỡ*” trong bối cảnh sinh đẻ, thế là tôi lập tức cảm thấy thích thú. Ngày hôm sau, chúng tôi ăn trưa với nhau, và bà chia sẻ với tôi những quyển sách về nghề bà mụ như *Trái tim và đôi tay* và *Nghề bà mụ thiêng liêng*. Rồi bà giới thiệu tôi với những ông bố bà mẹ từng đẻ con tại nhà. Tôi đã gặp gỡ những bà mụ và bác sĩ sản phụ khoa khác, và tôi phát hiện ra rằng một câu chuyện tuyệt vời đang chờ được viết ra.”

Bà mụ (xuất bản năm 1997) là tiểu thuyết thứ năm của Chris Bohjalian. Là tác giả, Chris nhớ ơn người phụ nữ đã gợi ra cho ông một đề tài sáng tác tuyệt vời. Là bạn đọc, tôi cảm ơn cuộc gặp gỡ định mệnh đó, vì nó là duyên lành cho sự ra đời của một tác phẩm hé mở về thế giới ít được biết đến của những bà mụ, của một nghề đang dần mai một. Đọc *Bà mụ*, thấy đồng cảm với niềm tin bất biến của những người làm nghề đỡ đẻ vào sự thiêng liêng không thể thay thế của sinh đẻ tại nhà. Thấy thương hơn những vất vả “mang nặng đẻ đau” của người làm mẹ, dù ở đâu và bên cạnh ai. Rồi bất chợt nhận ra, hình như có một lúc nào đó giữa những trang sách, ta đang nghĩ về giờ phút chào đời của chính ta và thấy yêu mẹ của ta nhiều hơn một chút.

Đó là khi ta chạm đến sự đồng điệu với tác giả, như ông đã tâm sự: “*Bà mụ* đề cập đến nhiều câu chuyện, nhưng trên hết, tôi xem quyển tiểu thuyết này như một câu chuyện về tình mẫu tử thiêng liêng.”

Thi Trúc

Sài Gòn, tháng 11 năm 2010

Về tác giả

Chris Bohjalian đã cho ra đời mười ba tác phẩm, mới nhất là *Bí mật vườn địa đàng* (*Secrets of Eden*) xuất bản tháng 2/2010. Tiểu thuyết *Bà mụ* từng chiếm vị trí số 1 trong danh sách bán chạy của New York Times, đoạt giải “Quyển sách hay nhất” của Publishers Weekly và được tuyển chọn trong Câu lạc bộ sách của Oprah.

Tác phẩm của Chris Bohjalian đã được dịch ra hơn 25 ngôn ngữ và xuất bản ở hai mươi một quốc gia. Đến nay, đã có hai tiểu thuyết của ông được dựng thành phim, gồm *Bà mụ* và *Băng qua khán đài*. Năm 2002, ông đoạt giải thưởng sách New England (New England Book Award) ở thể loại hư cấu.

Ngoài sáng tác tiểu thuyết, ông còn viết bài cho nhiều tạp chí, trong đó có *Cosmopolitan*, *Reader's Digest*, và *Boston Globe Sunday Magazine*, và là người phụ trách chuyên mục xã luận Chủ nhật cho báo *Burlington Free Press* từ năm 1992 đến nay. Hiện ông sống ở Vermont với vợ và con gái.

Tiểu thuyết

The double bind (*Nghịch lý*)

Before you know kindness (*Trước khi bạn biết lòng tử tế*)

The buffalo soldier (*Chiến binh trâu*)

Trans-sister radio (*Đài phát thanh chị em*)

The law of similars (*Lấy độc trị độc*)

Midwives (*Bà mụ*)

Water witches (*Phù thủy nước*)

Past the bleachers (*Băng qua khán đài*)

Hangman (*Người treo cổ*)

A killing in the real world (*Một vụ giết người trong thế giới thật*)

Tuyển tập tản văn

Idyll Banter: Weekly excursions to a very small town (*Idyll Banter: Những cuộc dạo chơi hàng tuần đến một thành phố nhỏ*)

Dẫn nhập

TRONG SUỐT MÙA HÈ DÀI trước khi phiên tòa của mẹ tôi bắt đầu, và trong những ngày thu hanh khô sau đó, khi cuộc đời bà bị phê phán trước cả hạt - thanh danh bà bị bôi xấu, kiến thức bà bị công kích - tôi đã nghe lắm được nhiều hơn bố mẹ tôi tưởng, và tôi đã hiểu được nhiều hơn những điều họ muốn.

Thông qua tấm van nhiệt trên sàn phòng ngủ, tôi có thể nghe được những cuộc bàn luận của bố mẹ với luật sư trong phòng làm việc vào lúc tối muộn, sau khi người lớn nghĩ rằng tôi đã ngủ được nhiều giờ rồi. Nếu ba người tình cờ ở trong dãy phòng cạnh nhà bếp mà mẹ dùng làm phòng làm việc và phòng khám bệnh, có thể để tìm kiếm một tài liệu cũ trong hồ sơ của bà hoặc bệnh án sản khoa của bệnh nhân, thì tôi thường nằm trên sàn nhà tắm phía trên họ và lắng nghe giọng nói hai người đi lên phía tôi thông qua những lỗ khoan để lắp ống nước. Và dù tôi chưa bao giờ quá đáng đến nỗi nhắc điện thoại trên lầu lên khi nghe mẹ nói chuyện qua điện thoại phụ ở nhà bếp, tôi vẫn thường rón rén bước xuống cầu thang cho đến khi nghe được từng lời bà nói. Tôi hẳn đã nghe được hàng chục cuộc điện đàm theo kiểu này - đứng im bất động trên bậc thang cuối cùng, khuất khỏi tầm nhìn từ nhà bếp vì dây điện thoại chỉ dài một mét tám - và đến khi phiên tòa bắt đầu, tôi tin mình có thể dựng lại hầu như chính xác những gì luật sư, bạn bè, hoặc bà mụ nói ở đâu đây bên kia.

Tôi vốn đã thích quan sát nhất cử nhất động của bố mẹ, nhưng trong những tháng phiên tòa diễn ra, tôi càng trở nên đặc biệt sít sao. Tôi để ý những cuộc cãi vã của họ, và nhận thấy áp lực đã khiến cho các cuộc tranh cãi nhanh chóng trở nên căng thẳng; tôi nghe họ xin lỗi, một người thường nức nở, và rồi tôi sẽ đợi nghe những âm thanh ghen ghét hơn (nhưng vẫn giải mã được) khi họ leo lên giường và yêu nhau. Tôi nắm được đại ý những cuộc bàn bạc của họ với các bác sĩ và luật sư, tôi hiểu tại sao một số nhân

chứng lại đáng ghét hơn những người khác, tôi bắt đầu ghét những người mà tôi chưa từng gặp và chả biết mặt mũi ra sao. Chuyên gia pháp y của bang. Luật sư của bang. Một bà mẹ có vẻ chuyên nghiệp đến từ Washington, D.C.

Vào buổi sáng thẩm phán ra chỉ thị cho bồi thẩm đoàn và yêu cầu họ hội ý để quyết định số phận mẹ tôi, tôi đã nghe luật sư của mẹ giải thích với bố mẹ điều mà ông cho là chuyện khó lý giải trong kiện tụng: Bạn có thể biết bồi thẩm đoàn đã quyết định gì vào thời điểm họ quay lại phòng xử sau khi nghị án, bằng cách họ nhìn bị cáo. Hoặc không nhìn anh ta. Nhưng đừng tin điều đó, ông ta bảo bố mẹ tôi. Đó chỉ là chuyện đồn thổi.

Tuy mùa thu năm ấy tôi đã mười bốn tuổi, nhưng với tôi, đó không đơn thuần là chuyện đồn thổi. Nó có độ tin cậy như tôi đã từng nghe trong chuyện kể của nhiều bà vợ - và bà mẹ, một lẽ hiển nhiên được xác tín chắc chắn qua nhiều thế kỷ quan sát. Trẻ con chào đời khi trăng tròn. Nếu khoai tây luộc bị khét, trời sẽ mưa trước buổi tối. Một con sâu bướm lông rậm là dấu hiệu của mùa đông lạnh giá. Đừng bao giờ nấu đường cho đến khi sông ngòi chảy trở lại.

Luật sư của mẹ có thể không tin vào chuyện đồn thổi mà ông kể với bố mẹ tôi, nhưng tôi thì chắc chắn là tin. Tôi thấy nó có lý. Tôi đã nghe ngóng được nhiều điều trong sáu tháng qua. Tôi biết rõ chuyện đồn thổi nào nên tin, còn chuyện nào nên bỏ qua.

Và vì thế khi bồi thẩm đoàn bước vào phòng xử án, một tu đoàn tông đồ gồm mười hai người, tôi đã quan sát ánh mắt họ. Tôi quan sát xem họ sẽ nhìn mẹ tôi hay nhìn đi nơi khác. Ngồi cạnh bố ở hàng ghế thứ nhất, ngay sau lưng mẹ và luật sư của bà như tôi đã ngồi mỗi ngày trong suốt hai tuần, tôi bắt đầu thầm cầu nguyện: *Xin đừng nhìn xuống giày của các ông bà, xin đừng nhìn thẩm phán. Đừng nhìn xuống hoặc lên hoặc ra ngoài cửa sổ. Làm ơn, làm ơn, hãy nhìn tôi, hãy nhìn mẹ tôi. Hãy nhìn chúng tôi, nhìn đây, nhìn đây, nhìn đây.*

Tôi quan sát các bồi thẩm viên trong nhiều ngày liền, tôi thấy họ quan sát tôi. Tôi đếm râu, tôi để ý từng nếp nhăn, tôi dán mắt một cách vô cớ và bất lịch sự vào dáng ngồi của người sau này trở thành chủ tịch bồi thẩm đoàn, khoanh tay trước ngực, giấu bàn tay đã bị biến dạng nhiều năm trước vì một chiếc cửa máy. Ông ta có một ngón tay cái, nhưng không có những ngón còn lại.

Họ bước vào từ căn phòng liền kề với mười hai chiếc ghế của họ và tìm chỗ ngồi. Vài người phụ nữ bắt chéo chân, một người đàn ông dụi mắt và ngả ghế ra sau một lúc. Một vài người nhìn về bức tường cuối phòng xử án, một vài người nhìn về phía biển hiệu thoát hiểm nằm trên cửa chính tựa như nhận ra rằng bi kịch của họ sắp kết thúc và sự giải thoát đang nằm trong tay.

Có một người, một bà đứng tuổi tóc bạc với một tủ quần áo đầy những chiếc váy hoa đỏ cực đẹp, người mà tôi tin chắc là mang họ Lipponcott đến từ Craftsbury, đã nhìn về phía sau nơi có chiếc bàn của luật sư bang và trợ lý của ông ta.

Và đó là khi tôi suy sụp. Tôi cố không làm thế, nhưng tôi có thể cảm thấy mắt mình ngấn nước, tôi có thể cảm thấy vai mình bắt đầu run lên. Tôi chớp mắt, nhưng mi mắt của một đứa con gái mười bốn tuổi không thể diễn tả nỗi đau đớn mà tôi đang chất chứa trong lòng. Tiếng khóc của tôi lúc đầu còn lặng lẽ, âm thanh của một lời thì thầm ai oán, nhưng nó nhanh chóng biến thành cuồng nộ. Người ta nói tôi đã rú lên.

Và dù tôi chẳng lấy gì làm tự hào về bất cứ cơn kích động nào mà tôi đã bộc phát ngày hôm đó trong phòng xử án, tôi cũng không xấu hổ vì nó. Nếu có ai phải cảm thấy hổ thẹn vì bất cứ chuyện gì đã xảy ra vào khoảnh khắc ấy trong một căn phòng xử án nhỏ bé ở Đông Bắc Vermont, thì theo tôi, đó chính là bồi thẩm đoàn: Giữa những tiếng nức nở và gào thét của tôi, người ta nói rằng tôi đã lớn tiếng van nài, “Hãy nhìn chúng tôi! Ôi Chúa ơi, xin làm ơn, làm ơn nhìn chúng tôi đây này!”. Vậy mà vẫn không có một thành viên bồi thẩm đoàn nào buồn liếc mắt về phía mẹ tôi hoặc tôi lấy một cái.

Phần một

1

TỪ KHI CÒN BÉ, tôi đã dùng từ *âm hộ* như cách một số đứa trẻ khác nói cái mông, dương vật hoặc nôn mửa. Đó không hẳn là một lời chửi tục, nhưng tôi biết nó khiến người lớn giật bản mình. *Âm hộ* là một trong những từ mà ở mọi gia đình, trừ gia đình chúng tôi, biểu lộ đồng thời cảm xúc và quan điểm rằng đó là một bộ phận đơn giản trong môn giải phẫu người cơ bản để chỉ một giới tính hoặc một hành động - như nôn mửa - vốn là một chức năng khá căn bản của cơ thể con người.

Tôi nhớ mình chơi ở nhà Rollie McKenna vào một buổi chiều nọ, trong lúc mẹ nó tiếp một người bạn đến từ Montpelier. Đó là một trong những ngày hè hiếm hoi mà bầu trời ở Vermont xanh đến nỗi trông như màu xanh dạ quang - kiểu màu xanh chúng tôi thường thấy vào tháng giêng trong những ngày nhiệt độ không leo nổi lên trên âm mười bảy độ C và khói từ lò sưởi nhà hàng xóm trông như muốn đóng băng khi vừa hiện ra trên chóp ống khói, nhưng hiếm khi vào tháng sáu hoặc tháng bảy.

Cũng như bà McKenna, bạn của bà làm việc tại cơ quan giáo dục của tiểu bang. Khi hai người lớn đang ngồi quanh chiếc bàn sắt trên sân thượng lát gạch của nhà McKenna (một cái sân thượng trông có vẻ lịch sự thái quá với tôi ngay cả vào lúc ấy), nhấm nháp trà đá với lá bạc hà hái từ vườn của mẹ tôi, tôi bắt đầu kể cho họ nghe về ca đẻ của Cynthia Charbonneau với toàn bộ chi tiết mà tôi nhớ được.

“Em bé của cô Charbonneau nặng bốn kí mốt, nhưng mẹ cháu vẫn mát xa được âm đạo và kéo giãn cơ vì thế đáy chậu không bị rách. Đa số phụ nữ có con nặng bốn kí lô đều phải bị rách âm hộ - tức là cắt đáy chậu từ âm hộ đến hậu môn - nhưng cô Charbonneau thì không. Âm đạo của cô ấy vẫn bình thường. Và nhau ra ngay sau Norman - đó là tên người ta đặt cho đứa

bé - đầu chừng hai phút. Mẹ cháu bảo nhau cũng to lắm, được chôn ở ngay cái cây phong mà chú Charbonneau trồng trước sân nhà họ. Bố cháu bảo ông mong rằng con chó của họ sẽ không đào nó lên, nhưng biết đâu được. Ý cháu là con chó ý.”

Lúc đó có lẽ tôi đã chín tuổi, nghĩa là gia đình McKenna đã sống ở Vermont được hơn một năm, vì họ mới dọn đến thị trấn của chúng tôi từ một vùng ngoại ô Westchester của thành phố New York vào sinh nhật lần thứ tám của tôi - chính xác là vào đúng ngày sinh nhật tôi. Khi chiếc xe tải chuyển nhà bắt đầu xình xịch leo lên quả đồi nhỏ ở trước nhà, tôi nói với bố hi vọng nó sẽ rẽ trái vào đường chạy xe đến nhà chúng tôi và thả quà của tôi xuống.

Bố mỉm cười lắc đầu, bảo như thế chẳng khác nào mong cho mặt trăng rơi từ trên trời xuống nóc nhà chúng tôi.

Tôi chưa bao giờ đến Westchester, nhưng tôi có ngay cảm giác rằng gia đình McKenna đến từ một thị trấn cầu kỳ hơn Reddington: Cái sân thượng là dấu hiệu rõ ràng nhất, nhưng họ cũng kiểu cách hơn nhiều so với những người từng sống ở Vermont chúng tôi - đặc biệt là bạn bè của bố mẹ tôi từ thời họ tụ tập đàn đúm với những người làm ở Hãng tin Liberation^[2] và xem chuỗi hạt tình yêu^[3] là một tuyên ngôn chính trị sâu sắc. Tôi thích nhà McKenna, nhưng từ giây phút Rollie giới thiệu tôi với mẹ nó, tôi đã bán tín bán nghi rằng gia đình này sẽ không trụ được lâu tại khu của chúng tôi ở bang Vermont. Họ có thể sống được ở Burlington, thành phố lớn nhất bang, chứ không phải ở một ngôi làng nhỏ như Reddington.

Tôi đã nhầm. Nhà McKenna sống khỏe ở đây, nhất là Rollie. Và dù thật ra có những ông bố bà mẹ trong thị trấn không cho con gái nhỏ của họ chơi ở nhà tôi - một số người đơn giản chỉ vì lo sợ con gái của họ sẽ chứng kiến một ca sinh đẻ nếu mẹ tôi không tìm được người trông trẻ, những người khác tin rằng giữa mớ thảo dược và cồn thuốc kì lạ mà mẹ tôi dùng làm dụng cụ can thiệp y tế là cần sa, bồ đề, và nấm gây ảo giác - gia đình McKenna dường như chẳng bận tâm chuyện mẹ tôi làm bà mẹ.

Kể với bà McKenna và bạn của bà ấy về chuyến đi của Norman Charbonneau xuyên qua đường âm đạo của mẹ nó là một việc tự nhiên đối với tôi lúc chín tuổi cũng giống như kể với bố mẹ tôi về một bài kiểm tra mà tôi đã làm tốt ở trường, hoặc như tôi thích thú ra sao vào một ngày bất kì trong tháng mười hai khi chơi trượt dốc xuống quả đồi phía sau nhà Sadie Demerest.

Đến khi tôi mười bốn tuổi và mẹ tôi bị xét xử, tôi đã bắt đầu chán ngấy cảnh những người lớn thắng thốt trước sự hiểu biết y khoa của tôi về việc sinh đẻ tự nhiên hoặc những câu chuyện đáng kinh ngạc của tôi về các ca sinh tại nhà. Nhưng tôi cũng hiểu rằng những từ như *âm hộ* phát ra từ một đứa con gái mười bốn tuổi nghe sẽ kém dễ thương hơn từ một đứa bé hơn.

Hơn nữa, đến khi tôi mười bốn tuổi và cơ thể tôi đã tiến rất xa trong quá trình chuyển biến từ trẻ con sang vị thành niên - tôi đã bắt đầu mặc áo lá vào mùa hè giữa lớp năm và lớp sáu và bắt đầu có kinh gần một năm trước khi tòa án hạt trở thành ngôi nhà thứ hai của tôi - toàn bộ ý tưởng về bất cứ thứ gì nặng bốn kí mốt rần tìm lối ra qua khe hở bé một cách lố bịch giữa hai đùi tôi khiến tôi muốn nôn mửa.

“Con thật chả hiểu làm sao một thứ to như thế lại có thể chui lọt qua một thứ bé như vậy!” tôi thường nói, và sau đó bố tôi thỉnh thoảng lại lắc đầu bình phẩm, “Thiết kế dở quá, nhỉ?”

Nếu mẹ tôi có mặt, bà sẽ luôn phản bác lại ông: “Làm gì có!” bà thường nói. “Đó là một thiết kế tuyệt diệu và đẹp đẽ. Nó thật hoàn hảo.”

Vì mẹ tôi là một bà mụ, nên tôi nghĩ bà có chiều hướng suy nghĩ theo lối này. Tôi thì không. Hơn nữa, tôi nay đã ba mươi tuổi, và vẫn chưa thể hình dung nổi làm thế nào mà một vật to như đứa bé lại có thể một ngày nào đó trườn hoặc ngo ngoậy hoặc va đập qua thứ mà với tôi vẫn là một đường hầm cực kì mỏng manh.

...

Dù mẹ không bao giờ đưa ai trong số bạn bè tôi đến xem đỡ đẻ, nhưng khi tôi sắp lên tám, tôi bắt đầu theo bà đến những ca đẻ nếu có một đứa trẻ quyết định chào đời vào ngày hoặc đêm mà bố tôi không có ở nhà còn những người trông trẻ của mẹ lại bận đột xuất. Tôi không biết trước đó bà đã làm cách nào, nhưng bà luôn tìm được người khi cần, bởi vì ca đỡ đẻ đầu tiên mà tôi nhớ - lần đầu tiên tôi nghe mẹ lẩm bẩm, “Con bé nhú ra rồi,” câu nói khiến cho tôi đến hôm nay vẫn hình dung một em bé chui ra từ khe sinh với một chiếc mũ chóp dự tiệc trên đầu - xảy ra vào một đêm có sấm rền vang và tôi đang học lớp hai. Lúc đó là gần cuối năm học, có lẽ sắp vào hè, ở tuần thứ nhất hoặc thứ hai của tháng sáu.

Mẹ tôi tin rằng trẻ con thường chào đời khi trời kéo mây đen hơn là khi trời quang mây tạnh, vì áp suất khí quyển thấp hơn. Và thế là khi mây bắt đầu kéo đến vào buổi tối hôm đó trong lúc hai chúng tôi đang ăn tối ngoài hiên nhà, mẹ nói rằng khi ăn xong có lẽ bà phải xem ai rồi để trông trẻ tối nay, nếu chuyện đó xảy ra. Bố tôi đang ở bên phía New York của hồ Champlain tối hôm đó, vì hôm sau cánh thợ xây sẽ khởi công một khu nhà toán và khoa học mới mà bố góp phần thiết kế cho một trường cao đẳng ở đó. Đây không phải là dự án của riêng ông - lúc này vẫn còn là ba năm trước khi ông mở công ty riêng - nhưng bố tôi có thể nhận vinh dự đã giải quyết được những chi tiết liên quan đến việc xây công trình đó lên sườn đồi và đảm bảo nó trông không giống nơi làm việc của Bộ Tư lệnh không quân chiến lược Bắc Mỹ.

Đứa bé đầu tiên chào đời tại nhà mà tôi được chứng kiến là Emily Joy Pine. E.J., như sau này con bé được gọi, là một ca đẻ dễ, nhưng trông không dễ chút nào với tôi khi còn một tháng là đến sinh nhật lần thứ tám. Tôi đã ngủ chẳng hay biết gì khi David Pine gọi điện đến nhà chúng tôi vào khoảng mười giờ tối, có lẽ vì mẹ tôi vẫn còn thức và nhắc điện thoại lên ngay. Và thế là với tôi, sự chào đời của Emily bắt đầu bằng đôi môi mẹ hôn lên trán tôi, sau đó là hình ảnh tấm rèm cửa sổ cạnh giường tôi dồn về phía hai chúng tôi trong cơn gió nhẹ. Không khí rất ẩm, nhưng trời vẫn chưa mưa.

Khi chúng tôi đến, Lori Pine đang ngồi ở một bên giường với một chiếc chăn bông nhẹ quấn quanh vai, nhưng hầu hết những vật dụng trên giường khác - chăn, tấm trải giường và drap giường - đã được tháo ra và chất thành một đống nhỏ trên sàn nhà. Có vài chiếc gối phòng ở đầu giường, trông như được lấy từ một chiếc ghế sofa cũ. Trên nệm phủ một tấm drap giường với hoa văn trông có lẽ phù hợp hơn với một tấm rèm phòng tắm vừa to vừa xấu: những đóa hướng dương mờ mờ ảo ảo với cánh hoa hình giọt nước, và những mặt trời tỏa sáng nóng bức.

Tôi nghe lầm rằng tấm drap đó đã được cho vào một chiếc túi giấy màu nâu và nướng hơn một giờ đồng hồ trong lò nướng của nhà họ. Nó có thể nhạt thối, nhưng nó vô trùng.

Khi mẹ con tôi đến, cô gái lúc bấy giờ còn học việc của mẹ tôi đã có mặt. Khoảng hai mươi tư, hai mươi lăm tuổi vào lúc đó, Heather Reed đã giúp mẹ tôi đỡ đẻ gần bốn mươi đứa trẻ tại gia; khi chúng tôi bước vào phòng ngủ, cô đang bình tĩnh bảo Lori tưởng tượng cảnh đứa con của mình trong dạ con vào lúc đó.

Mẹ tôi không thể làm được gì nếu không vệ sinh thật sạch, và sau khi chào hỏi, bà đi thẳng vào phòng tắm nhà Pine để rửa ráy. Bà thường dành hẳn mười phút để chà hai bàn tay và rửa xà phòng hai cánh tay trước khi nhẹ nhàng đặt lòng bàn tay mình lên bụng một thai phụ, hoặc đeo một đôi găng tay cao su mỏng và dùng ngón tay thăm khám cổ tử cung của một bà bầu đang chuyển dạ.

Khi đi từ phòng tắm ra, mẹ bảo Lori nằm xuống để xem tình hình thế nào. Hai đứa con trai nhỏ của Lori và David đã được đưa đến nhà dưỡng của chúng ở đầu phố, trong khi dì của chúng - chị gái của Lori - thì ở đây, xoa vai cho Lori qua lớp chăn. David vừa từ nhà bếp trở ra, sau khi chuẩn bị trà từ blue cohosh, một loại thảo dược mà mẹ tôi tin rằng giúp kích thích sinh đẻ.

Lori nằm ngửa xuống giường, khi đó tấm chăn rơi ra và tôi nhìn thấy cô khóa thân phía dưới chăn. Tôi đã nghĩ rằng cô sẽ không mặc pajama và quần dài đi ngủ như tôi, nhưng khi đứng trong căn phòng ấy, tôi không hề nghĩ rằng cô sẽ không mặc áo ngủ như mẹ tôi, hoặc có thể là một chiếc áo thun rộng như kiểu mà mẹ và tôi thường mặc để đi ngủ vào những đêm mùa hè oi bức.

Không, Lori Pine thì không. Trần như nhộng. Và to đồ sộ.

Trong mắt tôi, Lori Pine luôn là một người phụ nữ to lớn. Cô cao hơn tôi rất nhiều so với đa số các bà mẹ khác mỗi khi chúng tôi đứng cạnh nhau tại quầy tính tiền của Cửa hàng Bách hóa Reddington, hoặc trong một tiền sảnh đông người trước hoặc sau lễ nhà thờ. Các con của cô bé hơn tôi, một đứa kém hai tuổi và một đứa kém bốn tuổi, vì thế tôi không có liên hệ gì với cô ở trường. Nhưng tôi nhận thấy dường như cô thường đứng cạnh tôi, và lúc đó tôi đã lo sợ rằng nếu tôi cần vượt qua cô trong trường hợp khẩn cấp, thì cô sẽ đứng nút hết khung cửa, một cái nút bằng người khổng lồ, ngoại cỡ, mông to.

Giờ đây tôi tưởng tượng rằng trong một tình huống khẩn cấp thật sự, Lori Pine thật ra sẽ dùng kích cỡ của mình để xua tôi cho nhanh ra khỏi nguy hiểm, ném tôi qua lối thoát hoặc khung cửa một cách dễ dàng như tôi ném mấy con mèo của mình ra khỏi nhà vào buổi sáng.

Nhưng điều khiến tôi choáng nhất khi nhìn thấy Lori Pine khóa thân trên giường đơn giản chính là cái bụng bầu của cô. Đó là thứ tôi nhìn thấy, đó là điều tôi nhớ: một quả lê bằng thịt khổng lồ nằm trên đùi và nhô cao lên đến tận hai đầu gối gập lại của cô, với một núm nhỏ ở giữa khiến tôi nhớ đến những nút nhú lên từ ức con gà mái hoặc gà tây đã nấu chín. Khi ấy tôi chưa biết rằng bụng bầu khá cứng, vì thế tôi cứ chờ cho nó phẳng ra và chảy sang hai bên người cô như một khối mayonnaise khi cô nằm xuống; khi nó không phẳng ra, khi nó trồi lên trên giường như một quả núi, tôi đã

nhìn chăm chú với ánh mắt hiếu kì đến nỗi Lori phải xoay mặt về phía tôi và nói hỏn hển từ mà tôi khi đó tin là “Bao cao su.”

Tôi chưa bao giờ hiểu nổi liệu đối với tôi từ đó có nghĩa là một lời khuyên mà tôi nên ghi lòng tạc dạ, kiểu như “Hãy yêu cầu người đàn ông của cháu luôn đeo bao cao su để cháu không phải rơi vào cảnh cố rặn một quả dưa muối qua một chiếc ống hút,” hay như một lời cảnh báo về kiểu ngừa thai đó: “Đây hoàn toàn là lỗi của một chiếc bao cao su. Có những cách ngừa thai tốt hơn, và nếu tôi có lấy một chút lý trí thì tôi đã dùng một trong những cách ấy rồi.”

Dù Lori Pine có thực sự nói *bao cao su* hay điều gì khác, hay chỉ đơn giản là tên của tôi khi cô trông thấy tôi đứng đó - tên tôi là Constance^[4], nhưng từ bé tôi đã thích cái tên Connie hơn - tôi sẽ không bao giờ biết được. Tôi muốn tin rằng cô đã nói *bao cao su*; quá nhiều điều tôi tin tưởng khác tan vỡ khi tôi trưởng thành, tôi muốn giữ điều này nguyên vẹn.

Dù sao thì, câu nói của cô khiến mọi người trong phòng nhận ra rằng tôi đang ở đó, tựa lưng vào tường.

“Cô có phiền không nếu con bé ở đây, Lori?” mẹ tôi hỏi, gật nhẹ đầu về phía tôi. “Cứ nói thật nhé.”

Chồng của Lori nắm tay cô, vỗ vỗ lên đó và nói, “Con bé có thể đến chơi với lũ con trai ở nhà dượng của chúng, chị biết đấy. Tôi chắc rằng Heather sẽ không phiền nếu phải chờ nó đến đấy.”

Nhưng Lori Pine cũng rộng lượng và thoải mái như thân hình quá khổ của cô vậy, cô bảo không phiền khi tôi có mặt ở đó. “Thêm một cặp mắt thì đã làm sao, Sibyl?” cô nói với mẹ tôi, trước khi bắt đầu nhăn mặt vì một cơn co thắt, đầu cô gật về phía tôi như thể vừa bị tát.

Và thế là tôi ở lại, chứng kiến cảnh sinh nở của Lori Pine và sự chào đời của E.J.Pine. Mẹ con tôi đến vào khoảng mười giờ ba mươi tối, và tôi đã thức gần hết đêm đến sáng hôm sau. Tôi đã ngủ gật trên đồng trải giường bị

ném xuống sàn nhà, nhất là khi tiếng sấm trước đó di chuyển về phía đông qua thung lũng Champlain và dãy Green Mountains tiến qua chúng tôi vào New Hampshire, nhưng đó chỉ là những giấc ngủ chập chờn. Tôi thức giấc lúc sáu giờ kém mười lăm khi mẹ bảo Lori bắt đầu rặn, và lần nữa vào lúc bảy giờ ba mươi lăm khi E.J. nấp dưới xương mu lần cuối, mẹ tôi ấn các ngón tay vào đầu đứa bé để làm nó chậm lại và cho đáy chậu của mẹ nó thêm vài giây để thở.

E.J. chào đời lúc bảy giờ ba mươi bảy - giống như số hiệu máy bay. Cơn đau đẻ kéo dài khoảng chín giờ rưỡi đồng hồ, và theo quan điểm của mọi người, đó là một ca nhẹ nhàng. Mọi người trừ tôi. Khi tôi gà gât ngủ, có thể đó là do tôi không còn chịu đựng nổi phải chứng kiến Lori Pine đau đớn như thế và phải nhắm mắt lại - chứ không chỉ vì tôi mệt mà hai mắt tự đóng sầm lại.

Căn phòng tối lơ mờ, chỉ thắp sáng bằng một cặp nến Giáng sinh với hai bóng đèn màu đỏ mà David lôi ra từ góc mái cho sự kiện này ngay sau khi tôi và mẹ đến. Nếu đêm ấy không nhiều gió đến thế thì họ đã dùng nến thật, nhưng Lori muốn để cửa sổ mở khi đẻ, và David đã đề nghị hi sinh sự chân thật để đổi lấy sự an toàn.

Lori đã bắt đầu lộ vẻ thất vọng khi trông thấy David xuất hiện trở lại với hai đế nến bằng nhựa thay vì nến sáp, nhưng rồi một cơn co thắt nữa xâm chiếm cơ thể cô và cô dùng cả hai bàn tay chộp lấy cánh tay mẹ tôi, rồi thét lên qua hàm răng nghiến chặt: một âm thanh giống như cỗ máy nhỏ có bộ khởi động kém đang cố gắng nổ máy.

“Thở nào, Lori, thở nào,” mẹ tôi điềm tĩnh nhắc cô, ‘hít vào sâu và chậm,’ nhưng nhìn đôi mắt Lori trợn tròn vào trong đầu, tôi biết bảo cô hít thở chẳng khác nào bảo cô đi ra ngoài treo một cánh cửa garage mới lên, và đó là lần cuối cùng bất kì ai trong chúng tôi nghe Lori Pine nói về nến trong đêm đó.

Tôi chưa từng thấy một người lớn đau đớn trước đó. Tôi đã thấy trẻ con la khóc, thỉnh thoảng trong những trường hợp phải là đau đớn tột độ - khi Jimmy Cousino bị gãy xương đòn lúc chúng tôi học lớp một. Jimmy rú lên như một đứa bé bị đau quặn bụng, với cái loa là hai lá phổi có kích thước của một đứa bé sáu tuổi, và nó kêu gào không ngừng cho đến khi được một giáo viên đưa từ sân chơi đến bệnh viện.

Tuy thế, thấy một người lớn khóc lại là một chuyện khác hẳn. Mẹ tôi rất tử tế với Lori, không ngừng mỉm cười và trấn an cô rằng cô và đứa bé đều ổn, nhưng cả đời tôi cũng không hiểu nổi vì sao mẹ tôi không cho người lớn ấy một liều tương đương viên thuốc aspirin vị cam dành cho trẻ em mà bà đã cho tôi uống khi tôi cảm thấy không khỏe. Loại thuốc ấy có tác dụng thần kì.

Thay vì vậy, mẹ tôi lại đề nghị Lori đi quanh nhà, nhất là trong những giờ đầu tiên sau khi chúng tôi đến nơi. Mẹ bảo cô đi bộ qua phòng ngủ của hai đứa con trai; bà đề nghị Lori tắm nước ấm. Bà bảo chị gái của Lori xoa lưng và mát xa vai cho cô. Có lúc mẹ bảo Lori và David cùng xem những tấm ảnh trong một quyển album về những ca sinh tại gia của hai đứa con trai họ - những tấm ảnh được chụp trong chính phòng ngủ đó.

Và dù tôi không tin rằng chứng kiến cơn đau của Lori Pine đã làm tôi hoảng sợ đến mức ám ảnh, nhưng đến tận ngày nay tôi vẫn nhớ rất, rất rõ một vài âm thanh và hình ảnh cụ thể: Mẹ tôi thì thầm vào tai Lori về chuyện ra máu báo chuyển dạ, và máu mà tôi trông thấy trên tấm vải cũ mẹ dùng để lau drap giường. Lori thở hỗn hển, chồng và chị gái cô cũng chồm về trước và thở hỗn hển cạnh cô, bộ ba người lớn trông như đang cùng nhau thở gấp. Lori Pine đập mu bàn tay vào tấm ván đầu giường, những đốt ngón tay nện lên đó tựa như cùi chỏ cô là một cái lò xo bị cơn đau kích động, và tiếng xương chạm vào gỗ anh đào - với tôi nghe như tiếng một con chim đang lao vào tấm ván ghép. Cơn hoảng loạn tuyệt vọng trong giọng nói của Lori khi cô nói cô không thể làm được, cô không thể làm được, không phải lần này, có gì đó không ổn, trước đây không bao giờ đau như thế này, và lời nhắc

nhờ bình tĩnh của mẹ tôi rằng thật ra trước đây đã đau như thế. Hai lần. Những lúc vào cuối cơn đau để khi Lori bò ra khỏi giường, được mẹ tôi và Heather giúp vào nhà tắm, hai tay cô quàng qua vai họ như một binh sĩ bị thương mà tôi từng thấy trong phim được các nhân viên y tế giúp đỡ từ chiến trường, những người bạn tốt, hoặc những người trước đó chưa từng là bạn. Hình ảnh những ngón tay đeo găng của mẹ tôi biến mất định kì vào trong âm hộ của Lori Pine, và sự ngọt ngào dễ mẩn trong giọng nói của bà khi bà thốt lên - những lời nói khê chỉ hơn tiếng thì thầm một chút - “Ôi, cô làm tốt lắm. Không, không phải tốt, mà là tuyệt vời. Em bé của cô sẽ có mặt ở đây trước bữa ăn sáng!”

Và đúng là như vậy. Lúc sáu giờ kém mười lăm phút sáng khi Lori Pine bắt đầu rặn, bầu trời nhẹ tênh dù bị mây che, nhưng mưa đã di chuyển về phía đông tự lúc nào. Chẳng ai bận tâm rút phích điện hai cây nến Giáng sinh bằng nhựa, nên tôi đã làm: Dù là năm 1975, dù chưa đầy tám tuổi, tôi đã là một nhà bảo vệ môi trường quan tâm đến nguyên liệu tái chế. Hoặc là như thế hoặc vì tôi là một con dân New England tiết kiệm, luôn tắt hết đèn khi không cần dùng đến.

2

Sách vở thường viết rằng sự thụ thai xảy ra khi tinh trùng xâm nhập vào trứng, và tất cả đều dùng từ đó - xâm nhập. Sách nào cũng thế! Cứ như sự sống bắt đầu bằng một trận chiến vậy: “Hãy đột chiếm lấy trứng nào!” Hoặc, có thể là, như một sự thâm nhập của các điệp viên hay những kẻ phá hoại: “Chúng ta sẽ im lặng áp sát trứng, rồi sau đó bò vào qua cửa sổ nhà bếp khi cô ả ngủ say!” Tôi thật không hiểu, tôi chẳng hiểu tại sao lúc nào cũng phải gọi là xâm nhập. Sao không gọi là gặp gỡ, hoặc hợp nhất, hay gần gũi nhau?

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

TRONG SẢN KHOA, khi sự việc trở nên xấu đi, chúng sẽ xấu đi rất nhanh. Chúng rơi tòm xuống vực. Phút trước mẹ và thai nhi còn vui vẻ thường ngoạn phong cảnh trên đỉnh núi, phút sau họ đã ngã nhào xuống vực sâu, rơi tự do lên đất đá và cây cối tí phía dưới.

Tôi thường nghe các bác sĩ ví von như thế suốt thời gian tôi trưởng thành. Và dĩ nhiên hầu như mỗi một bác sĩ sản phụ khoa mà chính quyền bang trình ra trước bồi thẩm đoàn khi mẹ tôi bị xét xử đều có một bài diễn văn của riêng họ mô tả chuyện sinh đẻ giống như làm xiếc trên không.

“Trong đa số trường hợp, việc sinh con cũng giống như lái xe ở miền đồng quê. Sẽ không có gì bất thường xảy ra. Nhưng đôi khi - đôi khi - bạn sẽ đâm phải một khối băng trong suốt và xe trượt ra khỏi lòng đường, hoặc một chiếc xe chở rác sẽ mất tay lái và lao vào xe bạn.”

“Hầu hết các ca sinh đẻ không đòi hỏi bất kì sự can thiệp y tế nào. Đó là một quá trình tự nhiên mà phụ nữ đã thực hiện kể từ khi, xem nào, kể từ khi bắt đầu có sự sống. Nhưng trí nhớ tập thể của chúng ta đã không còn kí ức về việc dù cho sinh đẻ là chuyện tự nhiên, nó vẫn rất nguy hiểm. Hãy đối mặt với sự thật, đã có lúc phụ nữ và trẻ em liên tục mất mạng trong quá trình sinh nở.”

Quan điểm của họ lúc nào cũng giống nhau: Phụ nữ không nên sinh con ở nhà với mẹ tôi. Họ nên sinh trong bệnh viện với bác sĩ.

“Bệnh viện cũng giống như ghế ngồi an toàn cho trẻ em trong xe ô tô: Nếu sự cố xảy ra và có va chạm, chúng tôi có dụng cụ để kéo em bé ra khỏi lò,” một bác sĩ nhấn mạnh, trộn lẫn các hình ảnh ẩn dụ và nhầm lẫn một cái dạ con với một thiết bị nhà bếp của Sears^[5].

Vào cuối những năm 1970 và đầu 1980, mẹ tôi là một trong khoảng một chục bà mụ độc lập hay còn gọi là “không chuyên” làm việc đỡ đẻ tại nhà ở Vermont. Hầu như không có bác sĩ nào làm việc đó. Chi phí mua bảo hiểm cho sơ suất trong quá trình đỡ đẻ tại nhà rất đắt, và đa số bác sĩ sản phụ

khoa tin rằng sẽ an toàn hơn nếu đưa một đứa trẻ từ tử cung ra ngoài đời ở trong bệnh viện.

Mẹ tôi không đồng tình, bà và các bác sĩ khác thường dùng số liệu thống kê để đấu với nhau. Khi còn bé, tôi thường nghe những cụm từ và con số bay qua bay lại như quả cầu trên sân cầu lông, và tôi rất thích thú với sự đứt khoát đằng sau những từ ngữ nghe có vẻ rất bệnh viện, rất sạch sẽ. Bệnh tật của sản phụ. Tử vong ở trẻ sơ sinh. Tử vong khi sinh.

Từ *sinh non* mê hoặc tôi. Sinh non. Lúc chín hay mười tuổi, tôi cứ nghĩ nó có nghĩa là một ca đẻ ở chốn luyện ngục, một ca đẻ diễn ra mãi mãi.

“Nó vẫn còn đang được đẻ à?”

“Phải rồi. Đáng sợ quá nhỉ? Bây giờ đang đẻ đến năm thứ ba rồi đấy...”

Mẹ tôi tin rằng đẻ tại nhà rất an toàn, ít nhất một phần bởi lẽ bà từ chối đỡ đẻ tại nhà cho những ca mang thai có nguy cơ cao. Ví dụ như phụ nữ có huyết áp cao. Tiểu đường. Sinh đôi. Bà nhấn mạnh những thai phụ đó phải vào bệnh viện, ngay cả khi họ nài nỉ bà đỡ đẻ tại nhà cho họ.

Và bà chưa bao giờ chần chừ khi phải chuyển một thai phụ đang chuyển dạ cho bệnh viện, nếu có gì đó khiến tim bà đập nhanh hơn một chút - như bà đã có lần mô tả cảm giác đó với tôi. Đôi khi vì linh cảm của mẹ tôi về một ca sinh không tiến triển trong nhiều giờ liền, và bệnh nhân của bà mệt lả. Đôi khi mẹ tôi có thể đề nghị nhập viện vì bà sợ một chuyển biến nguy hiểm đang cận kề, điều mà giới y khoa mô tả một cách hoa mỹ là “sự cố không lường trước”: nhau bong ra khỏi thành dạ con trước khi đứa bé chào đời hoặc những dấu hiệu thai suy như nhịp tim giảm.

Dữ liệu cho thấy trong suốt những năm mẹ tôi hành nghề, chỉ có khoảng bốn phần trăm trường hợp bà đưa thai phụ đang chuyển dạ đến bệnh viện.

Trong đầu tôi không hề nghi ngờ chuyện mẹ tôi và giới y khoa không ưa nhau. Nhưng bà không bao giờ để những mâu thuẫn ấy ảnh hưởng đến sức

khỏe của bệnh nhân. Đó là một thực tế.

Tôi có thể bắt đầu câu chuyện của mẹ tôi bằng cái chết của Charlotte Fugett Bedford, nhưng như thế đồng nghĩa với việc tôi đã chọn cách mở đầu cuộc đời bà bằng một điều mà đối với bà là khởi đầu của dấu chấm hết. Nó sẽ khiến bạn nghĩ rằng điều quan trọng nhất trong cuộc đời bà chính là thử thách nghiệt ngã ấy, điều đã biến gia đình tôi thành một phần trong chú thích nhỏ đầy bi kịch của câu chuyện.

Vì vậy tôi sẽ không làm thế.

Và lại, tôi xem đây cũng là chuyện của tôi, và là lý do tại sao tôi tin rằng trẻ em cũng trở thành sứ mệnh của tôi.

Và tôi tin rằng câu chuyện của chúng tôi bắt đầu vào đầu mùa xuân năm 1980, tròn mười tám tháng trước khi mẹ tôi chứng kiến cảnh cuộc đời mình tan nát trong một phòng xử án đông người ở Bắc Vermont, và ít nhất một tháng trước khi gia đình Bedford chuyển đến bang chúng tôi.

Đây là những gì tôi nhớ: tôi nhớ năm đó bùn đất là một cơn ác mộng, nhưng nghề nấu đường thì tuyệt vời. Thường là như thế. Nếu bùn rất bẩn, thì cây phong sẽ tốt, vì bùn và cây phong là anh em họ về mặt khí tượng học với nhau. Kiểu thời tiết biến những con đường bẩn ở Vermont thành cát lún trong tháng ba - một mùa đông lạnh lẽo, đầy tuyết, nối tiếp bằng một mùa xuân với ngày ấm và đêm lạnh, rất lạnh - cũng kích thích cây phong sản sinh ra thật nhiều nhựa ngọt, tuôn chảy như những dòng sông cuộn cuộn nước tan ra từ băng và tuyết.

Gia đình nội ngoại của tôi đã không còn nấu đường nữa, vì thế kí ức của tôi về tháng ba năm ấy tập trung nhiều vào bùn hơn là vào nhựa đường: Với tôi, tháng ba ấy chủ yếu là một dòng chảy không dứt của lớp bùn nâu nhớp nhúa. Bùn bám lên đôi boot của tôi đến tận cẳng chân mỗi khi tôi dò dẫm bước qua đoạn đường bốn mươi lăm mét từ đầu đường chạy xe vào nhà từng là đất tơi đến căn phòng nhỏ nằm giữa cửa phụ và nhà bếp, được gọi là

phòng bùn vào những ngày đó: Sàn và tường lúc nào cũng phủ một lớp bùn. Khi bùn ướt, nó có màu thuốc lá sậm; khi bùn khô, màu trở nên nhạt hơn và giống loại bột mà lúc đó chúng tôi dùng để pha sữa chocolate.

Nhưng dù ướt hay khô thì bùn cũng xuất hiện khắp nơi trong hai tuần tháng ba năm 1980. Những con đường lầy lội bắt đầu biến thành những miếng bọt biển khiến xe cộ liên tục bị lún và mắc kẹt, đôi khi lún sâu đến nỗi người lái xe không thể mở cửa để thoát thân mà phải trèo ra ngoài qua cửa sổ xe. Sân trở thành đầm lầy, khiến lũ chó chạy lết bệt như đang đi. Hầu như gia đình nào trong thị trấn chúng tôi cũng trải vài ba tấm ván dài hoặc tấm phản để làm cầu bắc qua những vũng bùn trên thảm cỏ, hoặc bắc cầu nổi từ điểm đỗ xe đến trước hiên nhà.

Mẹ tôi đỗ chiếc xe nhà ga^[6] của bà ngay cạnh đường nhựa, cuối đoạn đường chạy xe vào nhà của chúng tôi, như bà vẫn thường làm vào mùa đông và đầu mùa xuân, để đảm bảo đến nhà bệnh nhân kịp lúc. Dù vậy, thỉnh thoảng vẫn có những ca sinh mà ngay cả người quyết đoán như mẹ tôi cũng không thể đến kịp. Khu nhà cũ mà mẹ dùng làm phòng làm việc có một bức tường treo đầy ảnh chụp những đứa trẻ sơ sinh do mẹ tôi đỡ đẻ với bố mẹ chúng, và một trong những tấm ảnh đó chụp một đứa bé đang nhú đầu ra còn người mẹ đang được chị gái đỡ đẻ. Người chị đang kẹp điện thoại giữa tai và vai trong lúc chuẩn bị đỡ lấy đứa bé. Mẹ tôi đang ở đầu dây điện thoại bên kia, hướng dẫn người chị cách đỡ đẻ, vì một trận bão tuyết đã khiến mẹ tôi lẫn đội cứu hộ của thị trấn không thể đến chỗ thai phụ trước khi đứa bé quyết định đã đến lúc chui ra.

Mùa xuân năm đó, ngay cả một thành phố chẳng có gì ngoài đường trải nhựa và vỉa hè cứng như Montpelier - thủ phủ của bang - cũng đã xuất hiện những lớp bùn bóng mượt trên hàng dăm nhựa đường và xi măng.

Nhưng nghề nấu đường thì rất thuận lợi và đó là năm bội thu mật đường. Bạn thân của tôi, Rollie McKenna, có một con ngựa, và dù cả hai chúng tôi không nên cưỡi ngựa cùng lúc, nhưng chúng tôi vẫn cưỡi thường xuyên.

Tháng ba năm đó, chúng tôi cưỡi ngựa lên xưởng đường của nhà Brennan sau giờ học ít nhất ba, bốn lần để ngửi làn khói ngọt ngào bao trùm khu vực khi Gilbert và Doris chậm rãi nấu nhựa cây thành nước mật đường.

Đương nhiên, còn có nhiều lý do khác để cưỡi ngựa lên quả đồi nơi nhà Brennan treo hàng trăm chiếc xô trên những cây phong. Chúng tôi còn cưỡi ngựa đến đó vì đường đến xưởng đường sẽ dẫn chúng tôi đi ngang qua sân bóng của thị trấn, nơi Tom Corts và các bạn của anh thường đứng hút thuốc.

Vào năm mười hai tuổi (và sắp lên mười ba), tôi thường không quản ngại cưỡi ngựa, chạy bộ hoặc đi bộ nhiều cây số để xem Tom Corts - lớn hơn tôi hai tuổi và đang học lớp chín - hút thuốc. Có thể tôi cũng sẽ không quản ngại vượt nhiều cây số để xem Tom Corts chất củi hay sơn ván che. Anh lúc nào cũng mặc áo cổ lọ, thường là màu đen hoặc xanh nước biển, và chúng luôn khiến anh trông khá ngẫu. Nhưng anh lại có mái tóc vàng rất nhạt, và đôi mắt màu xanh lục trông chẳng khác gì con gái, khiến cho tinh hoa của nét lãng tử hấp dẫn bao trùm xung quanh anh trở nên rất thi vị. Tom là người đầu tiên trong số nhiều chàng trai hút thuốc có tâm hồn nhạy cảm mà tôi yêu mê mẩn, và dù chưa bao giờ thử hút thuốc, nhưng tôi biết rất rõ vị khói trên đầu lưỡi mình.

Tom Corts hút Marlboro đựng trong hộp chống móp, anh thường cầm điếu thuốc giống kiểu những tên tội phạm nguy hiểm trong phim: bằng ngón cái và ngón trỏ. (Vài năm sau khi tôi lên trung học, một đứa con trai học bằng lớp tôi và là đệ tử của Tom đã dạy tôi cách cầm một mẫu theo kiểu như vậy.) Anh không hút vào nhiều, có lẽ chỉ vừa đủ để làm cháy điếu thuốc, rồi giữ cho nó cháy; phần lớn thời gian điếu thuốc từ từ biến mất trên tay anh, để lại tàn trên đất hoặc bùn của sân bóng, vỉa hè, hoặc mặt đường.

Tom nổi tiếng làm cho người lớn phát điên, dù hiếm khi theo cách mà họ nghĩ là họ phải - hoặc có thể - kỉ luật được anh. Tôi nhớ mùa đi săn đầu tiên khi anh được giao một khẩu súng và đem nó vào rừng với những người lớn tuổi hơn trong hội đi săn, anh đã bắn trúng một trong những con hoẵng được

to nhất bị hạ trong năm đó ở hạt. Tuy thế, niềm kiêu hãnh của cánh đàn ông dành cho chàng trai trẻ đã giảm sút khi họ trông thấy Tom làm dáng trước ống kính trong tấm ảnh mà ông chủ cửa hàng bách hóa chụp cho anh và con hoẵng để treo lên bức tường danh vọng hằng năm của ông ta. Tom quàng một tay qua cổ con hoẵng đã chết và giả vờ khóc, tay kia giơ cao tấm biển trên đó anh viết tên con hoẵng, “Vô tội.”

Người trong thị trấn cũng tin rằng Tom là kẻ cầm đầu nhóm trộm những lon sơn màu vàng mà đội công nhân làm đường dùng để kẻ vạch trên đường cao tốc, và vào một lễ Halloween dùng nó phủ lên bức tường ngoài phòng làm việc của tân thư kí tòa thị chính. Tòa nhà đó, một vật thấp lè tè chường mắt mà ngay cả các ủy viên hội đồng thị chính cũng không thể chấp nhận nổi, là một sai lầm mà toàn thể thị trấn hối tiếc, và cả cảnh sát cấp hạt lẫn cấp bang đều chẳng buồn nhọc công tìm xem ai là thủ phạm.

Vào bất kì ngày nào, rất có thể thấy Tom ở đâu đó đọc một quyển sách bìa mềm về thần thoại Hi Lạp - không phải bài tập về nhà - hoặc một quyển tạp chí về trượt tuyết bằng xe; anh thuộc kiểu người khó đoán, có thể bỏ một chuyến tham quan của lớp học đến cung thiên văn ở St. Johnsbury, nhưng sau đó lại viết một bài luận về lỗ đen khiến thầy giáo phải kinh ngạc.

Thoạt đầu, bố tôi không thích Tom, nhưng chưa đến nỗi khiến ông can ngăn tôi tìm cách thu hút sự chú ý của anh, hay bảo rằng tôi và Rollie không nên cố gắng lấy lòng bạn bè anh. Tôi cho rằng bố tôi - mẫu kiến trúc sư ngăn nắp, thường mỗi tối sắp xếp những đồng tiền xu theo kích thước trong suốt cuộc đời, để vào một buổi sáng bất kì tôi có thể tìm thấy trên bàn làm việc của ông những tháp nhỏ đồng 25 xu, 5 xu và 10 xu - nghĩ rằng Tom hư hỏng quá. Bố tôi xuất thân từ một gia đình thành đạt - dòng dõi những người nông dân đã thực sự ăn nên làm ra trên nền đất đá lởm chởm của Vermont, tiếp nối bằng hai thế hệ doanh nghiệp nhỏ thành đạt - và ông nghĩ nòi giống không mấy tốt đẹp của Tom có vấn đề. Dù biết rằng Tom rất thông minh, nhưng ông vẫn lo sợ anh kết cục sẽ giống như hầu hết những người mang họ Corts ở Reddington: ngày làm việc ở garage ô tô bữa bộn

trông như một nghĩa trang ô tô, còn đêm thì mua bia Budweiser bằng tem phiếu. Đó có thể không phải là một cuộc đời tồi tệ nếu nhớ tiêm vắc xin ngừa uốn ván đủ liều, nhưng đó không phải cuộc sống mà bố tôi mong muốn cho đứa con duy nhất của ông.

Mẹ hiểu tại sao tôi thấy Tom đáng yêu, nhưng cả bà cũng bảo lưu ý kiến của mình. “Có thể còn có người tệ hơn cả cậu Tom Courts trên thế gian này,” bà từng cảnh cáo, “nhưng mẹ vẫn muốn con cẩn thận với cậu ta. Hãy tỉnh táo.”

Cả hai đều đã đánh giá thấp Tom, như họ sẽ nhận ra vào năm sau đó. Anh đã luôn có mặt bên tôi khi tôi cần anh nhất.

Vào mùa bùn năm 1980, con ngựa Witch Grass của Rollie tròn hai mươi tuổi, và dù những năm tháng tốt đẹp nhất của nó đã qua, nó vẫn là một con ngựa giỏi. Kiên nhẫn. Không đòi hỏi. Và tăng tốc chậm. Đặc điểm cuối cùng này rất có ý nghĩa với chúng tôi (và, tôi phải nghĩ rằng, với bố mẹ chúng tôi), vì chúng tôi đã bỏ học cưỡi ngựa chính thống từ một năm trước, quá chán ngán khi bị bảo phải ngồi thẳng lưng, nhắm mắt, và phi nước kiệu.

Witch Grass có thể chở cả tôi và Rollie đi một quãng đường dài trên tấm lưng màu hạt dẻ, dù chúng tôi cố gắng giảm thiểu thời gian chất khối lượng tám mươi sáu kí lô lên cột sống già nua của nó. Một trong hai đứa đôi khi lại xuống đi bộ cạnh bên.

Có lẽ là vào tuần thứ ba của tháng ba, tôi đã để Tom hôn tôi lần đầu tiên.

Đừng hiểu nhầm, đó không phải là khoảnh khắc “chúng tôi đã hôn nhau” nồng nàn đến vậy: tôi đã thụ động một cách cố ý suốt thời gian diễn ra nụ hôn đầu đời, và dù Tom là người khởi xướng nụ hôn (còn tôi thật ra là kẻ tham gia nhiệt tình), nhưng anh lại kết thúc nó rất chóng vánh, và chúng tôi còn quá trẻ - mà nền đất thì quá lầy lội - để cảm thấy mặt đất chỗ chúng tôi đứng di chuyển.

Tôi và Rollie dự định thay phiên nhau cưỡi Witch Grass lên đồi Gove như đã làm ngày hôm trước. Đó là điểm duy nhất ở Reddington mặt đất vừa không lát xi măng vừa không có bùn quá sâu mà mẹ của Rollie có thể nghĩ đến. Khi con ngựa đã có cơ hội sỏi bước, chúng tôi cùng nhau cưỡi nó băng qua đường và ngang qua cửa hàng bách hóa đến sân bóng, trộm nhìn Tom Corts và đám bạn lêu lổng của anh. Chúng tôi sau đó lại đi tiếp đến xưởng đường của nhà Brennan, vì ngay từ trung tâm thị trấn đã có thể trông thấy khói bốc lên từ những hàng cây như một mạch nước nhỏ phun trào cực mạnh.

Vậy là Rollie cưỡi Witch Grass trước, còn tôi leo qua hàng rào điện để vào cánh đồng cạnh chuồng ngựa nơi con ngựa thường gặm cỏ mỗi khi Rollie đi học, và bắt đầu xúc những tảng phân ngựa to thành cái mà tôi và Rollie bí mật gọi là Gò Phân. Witch Grass không phải là ngựa của tôi, nhưng tôi đã dành nhiều thời gian cưỡi nó, nên tôi cũng giúp một tay trong việc chăm sóc và cho nó ăn - chủ yếu là làm công việc xúc phân vào buổi chiều.

Tôi chỉ mới làm được một lúc thì nghe chiếc xe nhà ga của mẹ nổ máy trên đường tiến về phía tôi, với tiếng động cơ kêu xình xịch khó chữa không lẫn vào đâu được. Nó là một chiếc xe màu xanh bằng gỗ to khổng lồ từ cuối những năm 1960, và dù bố mẹ đã tính đến chuyện đổi nó trong cuộc khủng hoảng dầu năm 1973 - một cuộc tranh luận bắt đầu vừa vì tội lỗi do con vật nuốt quá nhiều xăng dầu vừa vì chi phí bơm những con khủng long chết vào bụng nó để nó tiếp tục chạy - mẹ tôi vẫn không thể nào rời xa nó. Bà đã có chiếc xe đó gần bằng thời gian bà có tôi, nó đã đưa bà an toàn đến hơn năm trăm ca đẻ, và bà không thể chịu nổi cảnh ném người bạn đường thân thiết này ra bãi cỏ.

Cánh đồng nằm cạnh một con đường nhộn nhịp của Reddington, con đường uốn cong vào Đường 15 - nằm ở phía tây Morrisville và phía đông St. Johnsbury. Như vậy có nghĩa là mẹ tôi có thể đang trên đường đến bất kì đâu: tiệm tạp hóa, ngân hàng, bà bầu đang chuyển dạ.

Mẹ giảm tốc độ khi trông thấy tôi, cho xe dừng lại giữa đường (bà không dám đỗ xe vào vũng bùn bên đường), và hạ cửa kính. Tôi băng qua đường, tay vẫn cầm xẻng của nhà McKenna, và giữ thẳng bằng hai chân trên đường vạch màu vàng kẻ giữa vỉa hè, giả vờ như hai đường vạch là hai sợi dây thừng trên không.

“Em bé của cô Wanda Purinton sắp chào đời rồi,” mẹ nói, mỉm cười thanh thản như cách bà vẫn cười mỗi khi một bà bầu của bà bắt đầu chuyển dạ.

“Cô ấy còn chờ lâu không ạ?” tôi hỏi.

“Chẳng biết nữa. Xem chừng sắp co thắt rồi. Để xem thế nào.”

“Mẹ sẽ không về ăn tối đúng không.” Tôi cố giấu sự thất vọng; tôi cố thể hiện nhận thức này như một thực tế đơn giản cần được xác nhận, nhưng lại không nói ra được như thế.

Mẹ lắc đầu. “Không, cưng ạ. Con và bố ăn một mình nhé. Con không phiền khi phải nấu bữa tối chứ?”

“Không ạ.” Nhưng thực ra thì có. Và dĩ nhiên mẹ tôi biết điều đó.

“Mẹ lấy ít thịt băm ra khỏi tủ đông rồi. Con làm hamburger nhé.”

“Vâng ạ.” Trình độ nấu nướng của tôi ở tuổi mười hai chỉ đạt đến món hamburger mà thôi. Hamburger và phô mai nướng. Thực ra, đến trước khi tôi tham gia lớp học nấu ăn hai tuần để tiêu khiển vào tháng giêng ở năm hai cao đẳng, thì đó là tất cả những gì tôi biết nấu.

“Có thể cơn đau đẻ chỉ ngắn thôi. Cô Wanda là người nhà Burnham, mà người Burnham thì thường đến nhanh lắm.”

“Và cũng có thể mẹ sẽ ở đấy cả đêm.”

Bà nhướn một chân mày. “Có thể lắm. Dù sao thì chúng ta cũng sẽ có một buổi ăn sáng thịnh soạn cùng nhau.” Bà rướn đầu một nửa ra khỏi cửa xe. “Thơm mẹ một cái nào?”

Tôi vâng lời, hôn chiếu lệ lên má bà, rồi nhìn theo chiếc xe tăng tốc và lao đi. Tôi không hẳn là giận mẹ mà chỉ thấy thất vọng: Công việc của bà và đứa bé của cô Wanda Purinton đồng nghĩa với việc tôi phải về nhà sớm hơn dự định. Không phải vì một bữa tối với hamburger và đậu đóng hộp lại mất nhiều thời gian chuẩn bị, nhưng tôi luôn cảm thấy có trách nhiệm đạo đức phải có mặt ở nhà khi bố đi làm về mỗi lần mẹ vắng nhà. Tôi không biết tư tưởng này ăn vào đầu óc tôi do mấy bộ phim truyền hình nhiều tập mà tôi xem hàng giờ liền trên chiếc ti vi thường xuyên bị nhiễu của gia đình chúng tôi, hay đó là kết quả từ cảm nhận của tôi về cách cư xử của mẹ các đứa bạn - những người phụ nữ khác nhau một trời một vực như bà McKenna từ Westchester và cô Fran Hurly, người Vermont chính hiệu - nhưng như những gì tôi biết, trừ bà đỡ ra, bà mẹ nào cũng thường phải có mặt ở nhà khi ông bố đi làm về.

Tôi bước trở lại cánh đồng và uể oải xúc phân được vài phút, biết rằng sẽ không có thời gian để vừa cưỡi ngựa lên đồi Gove vừa lấy con ngựa làm cớ để xem Tom Corts hút thuốc. Và thế là tôi cầm xẻng lên một tảng đá khô to, thả lai quần jeans xuống đôi boot đen cao cổ, và quyết định đi bộ một mình dọc theo sân bóng. Tôi tự nhủ thực ra mình định ghé qua cửa hàng bách hóa để mua kẹo cao su, nhưng ngay cả làm thế cũng là có động cơ: hơi thở thơm tho hơn nếu Tom hoặc tôi... hơi thở thơm tho hơn.

Tom đang ngồi với hai anh chàng lớn tuổi hơn khi tôi lững thững đi qua, những chàng trai vị thành niên đủ lớn để quyết định không cần học hết phổ thông để đi rửa bát ở những nhà hàng nằm xung quanh Power Peak, khu nghỉ mát trượt tuyết nằm ở phía Nam, hoặc trở thành thợ mộc làm thuê, và vì thế đã bỏ học. Tôi nhận ra một người là con nhà O'Gorman, nhưng anh ta lớn hơn tôi bốn tuổi và tôi chẳng biết anh ta là ai trong số anh em nhà đó, người kia là Billy Metcalf, kiểu con trai ngày càng gầy và cao khiến hàm râu lởm chớm trở nên đáng sợ kì lạ.

Nếu Tom ở một mình, tôi hẳn đã lấy hết can đảm đi một vòng đến khán đài ngoài trời băng qua đồng rác mà trong một hai tháng nữa sẽ trở thành bãi

cỏ, nhưng anh không ở một mình, vì thế tôi lê bước thẳng tiến đến cửa hàng. Kẹo cao su và kẹo bạc hà nằm trên kệ kim loại đối diện quầy tính tiền bằng gỗ mà John Dahrman thường ngồi ở phía sau ngày này qua ngày khác, một ông già góa vợ trầm lặng có mái tóc bạc trắng và đôi mắt sâu hoắm như hai hốc mắt ma quái của Abraham Lincoln trong các tấm ảnh chân dung in đầy chương Nội chiến trong sách giáo khoa lịch sử của tôi. Dù tóc bạc trắng và mắt thâm quầng, nhưng da của ông rất mềm mại, và lúc đó tôi đã tưởng tượng rằng ông phải trẻ hơn rất nhiều so với hình dung ban đầu của mọi người. Ông đã sở hữu cửa hiệu này ít nhất là từ khi tôi ra đời và nhận thức được về những điều như mua bán và kẹo cao su, được một lô lốc những cháu trai cháu gái phụ giúp ở quầy tính tiền khi chúng đã lớn và biết làm phép tính.

Khi tôi đang trả tiền kẹo cao su, thất vọng náo nức vì không thể tiếp cận phạm vi ba mươi mét quanh đối tượng làm tôi phát cuồng, thì tôi nghe thấy tiếng chuông leng keng trên cửa. O’Gorman và Billy Metcalf đang tiến về phía tủ lạnh có bia ở cuối cửa hàng. Họ chưa đủ tuổi để mua bia, nhưng trước đây tôi từng thấy họ đứng lảng vảng ở đó và dán mắt vào lốc sáu chai bia sau cửa kính, lớn tiếng bàn tán xem họ uống được bao nhiêu và nên mua hiệu nào khi đã đủ tuổi. Cuối cùng ông Dahrman thường tổng cổ họ ra ngoài hoặc lừa họ đến dãy hàng có bán khô bò và bánh phô mai phòng nhân tạo, những sản phẩm họ cảm thấy cũng thú vị chẳng kém gì bia mà lại được pháp luật cho phép mua.

Tôi chờ Tom Corts bước vào sau họ, nhưng không thấy. Tôi nghĩ như thế có nghĩa là anh đã về nhà, nhưng vẫn nuôi hi vọng mong manh rằng anh đang ở ngoài sân bóng một mình, và nếu tôi đi nhanh, tôi có thể có chút thời gian với anh trước khi O’Gorman và Metcalf quay lại với mớ thức ăn Slim Jim và Jax. Tôi không thể hình dung được khi ấy mình sẽ làm gì, bởi phần lớn những cuộc giao tiếp của tôi và Tom cho đến lúc đó chỉ là những lời chào gói gọn vào lòng bàn tay khi chúng tôi vẫy nhau.

Hóa ra chẳng cần bận tâm, vì Tom đã đi rồi. Khán đài ở mặt thứ nhất và mặt thứ ba của sân bóng trống trơn, và sự sống duy nhất mà tôi nhìn thấy là con chó tha mồi màu vàng ngu ngốc của nhà Cousino, một con chó ngốc đến nỗi có thể sửa hàng giờ liền trước những gốc cây và miệng trụ nước. Lúc này nó đang sửa cái lò nướng bằng gạch nằm giữa vạch kẻ bên phải sân bóng và con sông chảy cạnh sân bóng. Tôi cố gắng quên đi nỗi thất vọng bằng cách hài lòng với những quả bong bóng thổi to và vị ngọt của kẹo cao su khi tôi dùng lưỡi đè nó thật chặt vào thành răng, rồi đi bộ trở về cánh đồng nơi tôi xúc phân khi này. Tôi chẳng bận tâm Tom đã đem nét mặt cau có và những điều thuốc của anh đi đâu, tôi chỉ chấp nhận thực tế rằng anh đã biến mất và tôi phải chờ thêm một ngày nữa mới được thấy anh.

Tôi sai chân qua hàng rào điện và nhặt cái xẻng lên từ tảng đá mà tôi đã cắm nó xuống. Đứng tựa lưng vào tường chuồng ngựa cách đây chưa đến hai mươi mét là Tom Cortis. Anh rút điều thuốc ra khỏi môi và bắt đầu tiến về phía tôi, lơ đãng - hay không bận tâm - trước thực tế rằng với từng bước đi, đôi giày của anh lại lún sâu xuống phân ngựa hoặc bùn.

Tôi đứng yên, chờ đợi với trống ngực đập thình thịch. Khi anh đã đến rất gần, tôi ngửi thấy mùi thuốc lá trong hơi thở anh, anh dừng lại và hỏi, “Họ trả tiền cho em làm việc này à?”

Tôi khựng lại, suy nghĩ, Việc này? Rồi tôi nhận ra: xúc phân. “Không.”

“Vậy tại sao em lại làm?”

“Vì Rollie là bạn em.”

Anh gật đầu: “Và vì em cười con ngựa ấy.”

“Ừ, vì thế nữa.”

Anh thọc bàn tay không cần dùng để hút thuốc vào sâu trong túi áo khoác jeans màu xanh của mình. “Tối nay trời sẽ lạnh lắm đấy. Lạnh kinh khủng đối với lũ gia súc. Bản năng của chúng đang mách bảo chúng rằng mùa

xuân đang ở đây và một tháng giêng lạnh lẽo đã qua. Nhưng rồi tối nay nhiệt độ sẽ xuống còn âm sáu độ, và vì chúng không nghĩ đến điều đó, chúng sẽ cảm thấy như âm hai mươi độ.”

Tôi chẳng biết giả thuyết của Tom có giá trị hay không, nhưng chiều hôm đó nó nghe chừng có lý. Và nhân từ. Nó cho tôi thấy người con trai này có một tâm hồn bí ẩn cũng như đôi mắt dịu dàng của anh vậy.

“Gia đình anh có gia súc không?” tôi hỏi. Gia đình Corts đã không làm nông trong nhiều năm nay, nhưng tôi cảm thấy mình cần phải hỏi gì đấy. “Bò hay ngựa?”

“Ông bà anh - tất cả họ - đều từng có. Ông nội anh có một đàn gia súc năm mươi con trong nhiều năm, trước đây thế là to lắm. Và họ cũng có nuôi vài con ngựa nữa. Giống ngựa Morgan.”

“Anh có biết cưỡi ngựa không?”

Anh lắc đầu. “Không. Chỉ trượt tuyết bằng xe thôi. Và cưỡi xe máy.”

Tôi đã thấy Tom trượt tuyết bằng xe, thường vào những khi bố và tôi đi băng qua hạt đến trượt tuyết trên những con đường cao tốc thiên nhiên và đường mòn ở Bắc Reddington. Chúng tôi thường phải tấp vào lề trên ván trượt hàng chục lần để nhường đường cho Tom và những người bạn lớn tuổi hơn cùng anh em họ của anh. Nhưng tôi có cảm giác anh đang nói dối về chuyện cưỡi xe máy, và chẳng hiểu sao điều đó lại khiến tôi mến anh, cũng như sự hiểu biết của anh về loài vật vậy.

“Em chưa bao giờ trượt tuyết bằng xe.”

“Anh sẽ chở em, nếu em thích. Có thể là năm nay đi luôn. Chúng ta sẽ có nhiều tuyết hơn, em biết đấy.”

“Ồ, em biết.”

“Anh đã thấy em trượt tuyết. Với bố mẹ em.”

“Chỉ có bố thôi. Mẹ em không thích trượt tuyết.”

“Bác ấy thông minh đấy. Trượt tuyết bằng xe vui hơn. Em đi nhanh hơn, và em sẽ luyện tập thể thao được nhiều hơn. Nhiều hơn đa số người vẫn nghĩ.”

“Em nghĩ mẹ cũng không thích trượt tuyết bằng xe.”

Anh búng điều thuốc xuống chân rồi đạp nó lún xuống bùn.

“Em học tiếng Pháp với cô Purta phải không?”

“Vâng.”

“Thích cô ấy không?”

“Có. Đương nhiên.”

Anh gật đầu, tiếp nhận thông tin này và chuyển hóa nó vào trong đầu để hiểu ý nghĩa. Một tín hiệu. Có thể là xác nhận về sự trưởng thành của tôi. Rồi sau đó anh nói một câu có thể mang tính đe dọa đối với tôi nếu tôi đã không nghe ba từ đó từ mẹ tôi chỉ một lúc trước đó, một sự trùng hợp cho tôi thấy sự sắp đặt của duyên số. Hơn nữa, giọng nói của anh đột ngột trở nên lúng túng, giống như giọng tôi vậy.

“Hôn một cái trước khi anh đi, nhé?” anh hỏi, và giọng nói anh run run làm cho từ “nhé” trở thành một mệnh lệnh. Tôi đứng như trời trồng trước mặt anh, mà ở tuổi mười hai đó là cách gần nhất để tôi nói đồng ý, và sau một giây đủ dài để gai ốc sồn lên dọc cánh tay và nhảy múa dọc làn da dưới tay áo sơ mi và áo khoác của tôi, anh đã rướn về phía tôi và dán môi anh lên môi tôi. Chúng tôi đều hé miệng ra và nếm hơi thở của nhau.

Chỉ sau khi anh đứng thẳng lên và cơ thể chúng tôi rời nhau ra, tôi mới nhận ra anh đã không đưa lưỡi vào miệng tôi. Tôi rất mừng, nhưng chủ yếu là vì tôi không biết làm thế nào để vờ lưỡi của Tom Corts với một thói kẹo cao su bong bóng giấu trong má mình.

Lúc đó hẵng còn tám tháng trước khi tôi và Tom trở thành bạn trai và bạn gái của nhau, và tròn một năm rưỡi trước khi tôi nhìn về cuối phòng xử án ở Newport và thấy anh đứng đó, quan sát. Lúc đó là tròn một năm rưỡi trước khi tôi khóc trong vòng tay anh giữa đêm.

3

Hợp tử không phải là một từ xấu, nhưng nó cũng chẳng hề hoàn hảo. Một mặt, tôi thích nguồn gốc của từ này - tiếng Hi Lạp có nghĩa là “hợp lại với nhau.” Tôi cảm thấy như vậy là đúng, vì đó chính là điều đã xảy ra. Một trứng và một tinh trùng đã hợp lại với nhau, và chúng tiến hành một chuyến hành hương nho nhỏ đến dạ con.

Mặt khác, tôi không thích cách phát âm của từ này khi ta nói to nó ra: Hợp tử! Nó luôn nghe như cần một dấu chấm than. Nó luôn nghe như một tiếng chửi thề từ một nhà khoa học cáu giận phát điên nào đó. Hợp tử! Chiếc cốc thí nghiệm bị nứt rồi! Hợp tử! Radium lan khắp phòng thí nghiệm rồi!

trích nhật kí bà mẹ Sybil Danforth

MẸ TÔI ĐƯỢC ĐẶT TÊN SIBYL theo tên bà ngoại của mình. Bà ngoại của bà được sinh ra tại một ngôi làng nhỏ ở Đông Mexico, con gái của những nhà truyền đạo đến từ Massachusetts. Những nhà truyền đạo ấy - ông bà cố của mẹ tôi - đã sống mười năm tại một thị trấn nhỏ ven biển có tên gọi Santiago, trong một thập kỉ đó họ đã lập ra một nhà thờ Thiên chúa giáo, đã kết bạn tâm giao với một thầy thuốc của làng tên là Sibella, và có hai đứa con. Một trong hai người con ấy sống sót - bà ngoại của mẹ tôi - còn một người thì không.

Người không còn sống là một bé trai tên Paul, và chính cái chết của cậu đã phá vỡ đức tin của gia đình, buộc họ khăn gói trở về Mỹ. Tôi nghe kể Paul bị chết đuối trong chỗ nước cạn, điều đó làm cho trong nhiều năm liền trong đầu tôi luôn hiện lên hình ảnh một con sóng dữ ở vùng Vịnh gần bờ, và một

cậu bé ba tuổi nhấp nhô vài lần trên sóng trước khi bị nhấn chìm mãi mãi. Cuối cùng mẹ tôi bảo bà không hề tin rằng đó là điều đã xảy ra. Truyền thống của gia đình - đồn đại hay thực tế, ai mà biết được - nói rằng cậu bé chết trong bồn tắm.

Khi những nhà truyền đạo và con gái của họ trở về Mỹ, họ suýt nữa thì tái định cư ở miền Trung Massachusetts như đã dự tính, nhưng trong một nỗ lực nhằm làm lại cuộc đời, họ quyết định làm lại từ đầu tại một nơi mới, và cứ tiếp tục tiến về phía Bắc cho đến khi họ ra khỏi Massachusetts và New Hampshire, đến Vermont. Ở Reddington.

Tôi nghĩ đa số những người ở tuổi tôi đều cho rằng trẻ con ở thế kỉ mười chín thường xuyên tử vong đến mức người ta không đau buồn sâu sắc hoặc trong thời gian dài như chúng ta ngày nay. Tôi không tin là vậy. Người phụ nữ mà mẹ tôi được đặt theo tên chào đời năm 1889, và em trai bà chào đời năm 1891. Cậu qua đời năm 1894: Có một vật đánh dấu cho cậu bé ở nghĩa trang Reddington, một cái khác ở lô đất của gia đình tại một nghĩa trang trong thị trấn Worcester, Massachusetts, và một bia mộ thứ ba đánh dấu thi hài thực sự của cậu bé tại một nghĩa trang ở Santiago.

Không ai biết người nào chịu trách nhiệm tắm Paul khi cậu chết. Chi tiết đó bị thất lạc trong lịch sử gia đình chúng tôi.

Dù sao thì, khi những nhà truyền đạo đó, những người từng hăng hái dọn đến Mexico để truyền đi lời của Chúa và xây một nhà thờ - về nghĩa đen là giúp dựng lên công trình bằng sa thạch đỏ dưới ánh mặt trời như thiêu như đốt bằng chính đôi tay New England trắng trẻo của họ - cuối cùng định cư tại Reddington, họ hiếm khi đặt chân vào bất kì nhà thờ nào, Thiên Chúa giáo hay Tin lành, một lần nữa.

Mẹ tôi thực sự là dân hippie yêu chuộng hòa bình, thích hăng tin Liberation, tự do tự tại và thành thật với Chúa. Đây là một thành tựu không nhỏ, vì bà lớn lên trong một ngôi làng nhỏ ở phía Bắc Vermont. Những ngôi làng như Reddington chậm tiếp nhận thay đổi văn hóa do núi cao, thời tiết khắc

nghiệt, tín hiệu truyền hình kém, và mật độ dân cư thưa thớt (điều này có thể giải thích vì sao bà không bao giờ thực sự tìm cách bỏ trốn đến những nơi như San Francisco, East Village, hoặc Woodstock), vì thế phải dành đáng kể sự quan tâm tìm hiểu và lòng can đảm mới tìm ra cuộc cách mạng ấy - hoặc thậm chí tìm ra một chiếc váy bohemian tử tế.

Dù mẹ chưa bao giờ thực sự đặt chân lên một chiếc xe buýt đưa đón học sinh hay vào công xã, nhưng những bức ảnh chụp bà trong nửa sau thập niên 1960 cho thấy một cô gái yêu thích quần ống loe và khăn choàng, chuỗi hạt tình yêu, huy hiệu và dép xăng đan. Những tấm ảnh đó cho thấy một cô gái có đôi mắt tròn xoe xanh biếc và mái tóc vàng sậm xoăn tít, những đặc điểm mà tôi thừa hưởng, dù tóc tôi thẳng hơn tóc bà nhiều.

Bà đến học ở trường cao đẳng Mount Holyoke trong hai năm, nhưng đã gặp một người đàn ông khá lớn tuổi hơn trong thời gian làm bồi bàn ở Cape Cod vào mùa hè giữa năm hai và năm ba rồi quyết định bỏ học, trải qua mùa đông trong một căn nhà thôn dã với ông ở miền biển. Mối quan hệ này không kéo dài. Đến Lễ Tạ ơn bà đã dọn đến Jamaica Plain ở Boston, giúp tổ chức Những Con Báo Đen khởi xướng một chương trình bữa ăn sáng cho người nghèo, trong khi làm thêm bằng nghề trực điện thoại cho một tờ báo. Đến mùa xuân, bà cảm thấy đã quá đủ - không phải vì bà mệt mỏi với Phong trào này, mà bởi vì bà nhớ đồng quê. Nhớ Vermont. Bà muốn về nhà, và cuối cùng đã về.

Bà trở về ngay trước sinh nhật thứ hai mươi của mình, nói với bố mẹ rằng bà sẽ ở đến hết mùa hè rồi sau đó đi học lại vào mùa thu. Ông bà ngoại tôi luôn quả quyết rằng mẹ đã bỏ học khi điểm số rất tốt, toàn A và B, và trường Mount Holyoke sẽ vui mừng nhận bà vào học lại.

Nhưng tôi không tin việc trở lại trường cao đẳng là khả thi. Bà đã hình thành trong lòng một cảm giác rất phổ biến lúc bấy giờ, đó là chán ghét hầu hết chính quyền truyền thống hoặc học viện, và Mount Holyoke đã trở nên đáng nghi trong mắt bà. Và lại, đến tháng bảy bà đã gia nhập một nhóm

nghệ sĩ tự phát ở khu đồi phía bắc Montpelier, một hội gồm những ca sĩ, họa sĩ và nhà văn, trong đó có một họa sĩ minh họa sau này quyết định trở thành kiến trúc sư thay vì thiết kế bìa album ca nhạc - bố tôi. Nam giới trong hội vẫn duy trì việc học cao đẳng để hoãn quân dịch, nhưng nữ giới thì đã bỏ học và chuyển sang nặn lọ gốm, đan thảm, viết ca khúc.

Mẹ có mang tôi không lâu sau đó, cả bà và bố luôn cam đoan với tôi rằng họ chưa bao giờ tính đến chuyện tìm một chuyên gia ở Boston hay Montreal để bỏ tôi.

Biết rõ bố mẹ mình, tôi thực tình tin rằng ý tưởng bỏ tôi chưa bao giờ xuất hiện trong đầu mẹ, nhưng tôi tin chắc suy nghĩ ấy đã đến với bố tôi. Tôi chắc chắn như thế. Tôi chưa bao giờ nghi ngờ tình thương của ông, và tôi tin ông rất vui khi tôi ra đời, nhưng ông luôn là một người ngăn nắp, mà những cái thai ngoài dự tính luôn là những sự cố rườm rà. Việc thụ thai tôi đã hoãn vô thời hạn, và sau đó là mãi mãi, bất kì cuộc thảo luận nào về việc mẹ đi học trở lại.

Đó là một trong những lý do chính khiến mẹ tôi trở thành một bà mẹ không chuyên thay vì một nữ hộ sinh có đào tạo bài bản, hoặc thậm chí có thể là một bác sĩ sản phụ khoa: không có chứng chỉ cao đẳng và - theo thời gian - kết luận rằng bà không cần chứng chỉ đó.

Đương nhiên, mẹ cũng hết sức tin rằng trong đa số trường hợp, thai phụ nên sinh con tại nhà. Bà nghĩ như thế sẽ tốt hơn cho mẹ và em bé. Trong suy nghĩ của mẹ, phụ nữ đẻ con hiệu quả nhất trong môi trường mà họ thông thuộc nhất và điều đó khiến họ cảm thấy thoải mái nhất; tương tự, việc chào đón một đứa trẻ đến với thế giới này trong một căn phòng ấm áp, và đỡ lấy đứa bé với đôi tay trù mẫn, là điều rất quan trọng. Nghĩ đến loại kẹp đầu em bé giống như đồ kẹp xà lách và máy siêu âm bụng khiến mẹ tôi cáu tiết, và - cuối cùng, điều này lại chứng tỏ là sự trớ trêu nghiệt ngã nhất - bà sẽ cho một thai phụ đang chuyển dạ mọi cơ hội trên đời này để đẻ con qua âm đạo. Trong vài trường hợp, bà đợi trong nhiều ngày liền, luôn luôn kiên

nhân, trước khi đưa thai phụ đến bệnh viện để bác sĩ gây mê, sau đó rạch bụng và thành tiểu của thai phụ rồi nhấc đứa bé ngơ ngác lên dưới ánh đèn huỳnh quang của phòng mổ.

Mẹ tôi biết đề tại nhà không phải dành cho tất cả mọi người, nhưng bà muốn nó được duy trì thành một lựa chọn cho những ai có nhu cầu. Và nếu bà có trở thành bác sĩ hay nữ hộ sinh đi chăng nữa, thì chắc chắn Ủy ban nghề y của bang cũng sẽ phải cố gắng ép buộc mới khiến bà chịu hành nghề trong bệnh viện.

Quy định là như thế vào thời đó; quy định là như thế vào lúc này. Nếu bác sĩ và nữ hộ sinh đỡ đẻ tại nhà, thì họ sẽ hành nghề mà không có bảo hiểm sai sót hoặc sự phê chuẩn của bang. Vì thế theo quan điểm của mẹ tôi, chẳng có lý do gì để lấy bằng cấp y khoa cả. Bà biết mình đang làm gì.

Liệu Sibyl Danforth có ghét bệnh viện và điều mà các công tố viên mô tả là cơ sở y tế không? Đã có lúc, tôi nghĩ rằng bà ghét những nơi đó. Bà có phải là, như họ gọi, một kẻ nổi loạn không? Còn phải hỏi. (Dù khi bị buộc tội là người nổi loạn trước tòa, bà đã mỉm cười và nói, “Tôi thích nghĩ mình là một người tiên phong hơn.” Mỗi khi đọc đến đoạn ghi chép đó trong những đồng hồ sơ giấy tờ tòa án mà tôi đã thu thập được, tôi lại mỉm cười.)

Có những chuyện hài hước về thái độ chống bác sĩ sản phụ khoa của mẹ nhưng chúng không bao giờ xuất hiện ở tòa án. Trong một bức ảnh của mẹ chụp năm 1969, bà đứng dựa lưng vào một chiếc xe con bọ VW, và ở đầu gối bà là hai miếng dán: **HÃY HỎI CHÍNH QUYỀN!** và **CHỈ CÓ VỊT MỚI ĐƯỢC LÀM LANG BĂM**. Lòng nghi ngại bà dành cho cái gọi là quyền lực bị xói mòn của những giáo sư và hiệu trưởng cao đẳng, bà cũng dành nó cho các bác sĩ và ban quản trị bệnh viện.

Và dù cho bà đã bỏ qua rất nhiều sự bất tín nhiệm dành cho bác sĩ - dù bà chưa bao giờ lãng phí thời gian khi quyết định một thai phụ cần can thiệp y tế, dù bà chắc chắn đưa tôi đến bác sĩ nhi khi tôi thấy không khỏe lúc còn bé - đa số bác sĩ lại chưa bao giờ tin tưởng bà.

...

Ca đẻ của tôi không phải là ca đẻ đầu tiên mẹ có mặt. Đó là ca thứ ba.

Trong vòng một năm rưỡi kể từ khi bà trở về từ Boston đến lúc tôi chào đời ở Vermont, hai người phụ nữ khác trong nhóm bạn ở Đông Bắc Montpelier đã sinh con, và mẹ tôi đã có mặt tại ca đẻ đầu tiên do tình cờ, và tại ca đẻ thứ hai do lựa chọn. Thích hợp làm sao, ca đẻ đầu tiên lại diễn ra tại phòng ngủ của một căn nhà cũ tạm bợ nằm trong trang trại ở Vermont, không phải trong một phòng sinh đẻ vô trùng ở bệnh viện.

Ca đẻ đầu tiên - và là thử thách đầu tiên của mẹ tôi với nghề bà mụ - chính là ca đẻ của Abigail Joy Wakefield.

Cô bé được dự tính sinh trong bệnh viện, nhưng lại chào đời sớm hai tuần. Sáu người lớn có mặt vào đêm mẹ cô bé bắt đầu đau đẻ, trong đó có hai người sau này trở thành bố mẹ tôi, sợ rằng họ đã quá phê thuốc đến độ không lái nổi chiếc xe nào trong số xe đỗ bừa bãi cạnh ngôi nhà nhỏ như thế ở đó vừa xảy ra một trận động đất. Kết quả là, họ quay lại phân công nhiệm vụ theo giới tính, sự phân công mà tôi cho rằng một phần thuộc về bản năng, một phần do bị xã hội hóa, cánh đàn ông đồng ý chạy bộ gần sáu cây số đến cửa hàng bách hóa để dùng điện thoại công cộng gọi xe cấp cứu, còn cánh phụ nữ thì đưa người mẹ đang chuyển dạ lên lầu để giúp cô cảm thấy thoải mái - và đỡ đẻ đứa bé, nếu việc đó xảy ra.

Tại sao cả ba người đàn ông đều đi, trong đó có bố tôi, đã trở thành một chuyện khó lý giải được bạn bè của bố mẹ tôi kể đi kể lại trong nhiều năm. Bố tôi nhấn mạnh rằng đó là một quyết định tự phát bắt nguồn từ việc tất cả cánh đàn ông đều đã phê thuốc và đơn giản là không thể suy nghĩ sáng suốt về quyết định đó. Tuy nhiên, mẹ tôi và những cô bạn luôn trêu ông rằng mỗi người trong số họ là một kiểu đàn ông điển hình, muốn tháo chạy khỏi bà bầu đau đẻ càng xa càng tốt. Thực ra, sau khi đi được gần năm cây số trong đêm tối, cánh đàn ông đã quyết định đứng bên con đường chính đợi xe cấp cứu, để chắc chắn chiếc xe tìm được đường đến ngôi nhà đó.

May mắn là cả mẹ tôi lẫn mẹ của Abigail Joy, cô Alexis Bell Wakefield, đều tỉnh táo. Tối hôm đó họ hầu như chẳng hút tí cần sa nào.

Lúc đầu, mẹ tôi và Alexis ở trong phòng ngủ cùng Luna Raskin. Khác với hai người phụ nữ còn lại, Luna có đủ mọi thể loại hóa chất nhân tạo trong người, và mỗi khi Alexis nức nở, “Ôi trời ơi, đau quá, đau quá đi mất!” Luna lại túm lấy áo sơ mi của mẹ tôi và gào lên, “Họ đang giết cô ấy, họ đang giết cô ấy!”

Mẹ tôi thoát đầu nghĩ rằng Luna muốn nói đến những cơn co thắt của Alexis. Nhưng cô ấy càng nói, mẹ tôi càng nhận ra với một cảm giác kết hợp giữa khiếp đảm và ngạc nhiên rằng Luna đang nói đến Tổng thống Lyndon Johnson và Ngoại trưởng Dean Rusk, hai nhân vật có ảnh hưởng trên trang nhất số báo ngày hôm đó.

Vào lúc đó mẹ tôi tống Luna ra khỏi phòng và tự mình đỡ đẻ đứa bé.

Mẹ tôi không biết mình sẽ cần đến dụng cụ đỡ đẻ nào, và đã thực hiện một quyết định cho thấy bà quả thật có duyên làm bà mụ: Bà kết luận rằng phụ nữ đã đẻ con từ lâu, rất lâu trước khi có người phát minh ra dụng cụ đỡ đẻ, bất kể chúng là gì. Bà tưởng tượng cơ thể người phụ nữ hiểu khá rõ nó cần phải làm gì, nếu bà có thể đơn giản giữ cho Alexis bình tĩnh.

Dù vậy, bà vẫn gom toàn bộ vải vóc và khăn mà bà tìm được, rồi đổ đầy nước sôi vào một chiếc giỏ bắt tôm hùm to tướng. Bà không biết nhau trông như thế nào, bà chẳng hiểu rặn có ý nghĩa gì, và (sau này nhận ra như thế thì lại tốt hơn) bà chưa từng nghe nói đến thuật ngữ như sự không cân đối đầu và xương chậu - một cái đầu trẻ sơ sinh có kích thước to hơn xương chậu của mẹ.

Bà tắt bóng đèn ở trần phòng ngủ, nghĩ rằng Alexis sẽ cảm thấy thoải mái hơn nếu không phải nhìn thẳng vào ánh sáng chói mắt; chiếc đèn bàn ở góc phòng soi vừa đủ ánh sáng cho mẹ tôi nhìn rõ tất cả những điều mà bà không hiểu.

May mắn là mẹ của Alexis luôn nhắc nhở con gái phải đi khám bác sĩ sản phụ khoa, và Alexis đã tự đọc một số sách. Cô cũng may mắn khi chuyển dạ rất ngắn và hạ sinh một đứa trẻ bé xíu - nhưng khỏe mạnh. Nhưng chẳng có cơn đau đẻ nào là dễ dàng, và dù mẹ tôi chưa bao giờ mất đi niềm tin rằng tiến trình mà bà chứng kiến đẹp không thể tả, nhưng khi cơn đau của Alexis trở nên tồi tệ hơn, mẹ tôi bắt đầu lo sợ rằng có gì đó không ổn. Bà xoa chân của Alexis và mát xa lưng cho cô, thủ thỉ rằng Alexis chỉ đang trải qua điều mà hầu hết mọi phụ nữ đều cảm thấy kể từ khi có sự sống loài người. Nhưng trong lòng mẹ tôi cũng không mấy tin điều mình đang nói.

Khi một giờ đã trôi qua mà cánh đàn ông lẫn xe cấp cứu đều chưa đến, mỗi lo sợ ấy khiến bà đi rửa tay một lần nữa, lần này với một sự tỉ mỉ có thể gây ấn tượng với cả một bác sĩ giải phẫu tim. Bà cởi những chiếc vòng đeo tay bằng bạc và ba chiếc nhẫn đang đeo trên ngón tay, trong đó có một chiếc bố tôi tặng bà sau một đại hội nhạc rock ở gần Walden Pond, rồi chà cổ tay và cánh tay đến tận cùi chỏ.

Khi hai tay đã sạch đến mức bà tin là chấp nhận được, mẹ tôi đưa một ngón tay vào sâu bên trong âm đạo của Alexis hết mức có thể, hi vọng biết được đứa bé có sắp chui ra hay chưa.

“Tớ đã giãn ra chưa?” Alexis rên rỉ, đầu lảo đảo qua lảo lại trên gối như thể cột sống cổ của cô làm bằng thạch Jelly-O.

Vào thời điểm đó trong cuộc đời của Sibyl, từ *giãn nở* luôn được dùng khi nói đến đồng tử và ma túy. Bà không hề biết rằng Alexis đang nói đến cổ tử cung của cô. Vì thế mẹ tôi ngược lên từ giữa hai chân Alexis để nhìn mặt bạn mình, nhưng cô ấy đã nhắm tịt mắt.

“Tớ nghĩ là rồi,” mẹ tôi trả lời; dù bà không thể nhìn thấy đồng tử của Alexis, nhưng bà cho rằng bất kì ai dành nhiều thời gian rên la như Alexis hẳn đều phải giãn toét cả mắt.

“Bao nhiêu rồi?”

“Suýt,” bà mẹ bất đắc dĩ nói. Bà luồn đầu ngón trỏ vào trong Alexis và lướt qua một vật cứng mà bà hiểu ngay là cái đầu. Đầu đứa bé. Rất nhanh bà xoay ngón tay quanh nó, ngạc nhiên khi thấy có thể sờ được nhiều đến vậy.

“Cậu có sờ được cái đầu không?” Alexis hỏi.

“Tớ có sờ được cái đầu,” Sibyl đáp, mê hoặc, và từ từ rút ngón tay ra.

Chỉ vài phút sau Alexis gào lên rằng cô phải rặn, và cô đã rặn.

“Cố lên,” mẹ tôi nói. “Cậu làm tốt lắm.”

Mẹ tôi đỡ Alexis dựa vào tấm ván đầu giường và chất gối xung quanh người cô, không nghĩ gì đến tính hợp lý trong hành động này mà chỉ thấy yên tâm ở một mức độ nguyên thủy rằng đó là việc nên làm. Mẹ tôi nghĩ nếu Alexis ngồi dậy, trọng lực sẽ giúp đứa bé rơi ra.

Sau đó bà quỳ gối trên giường giữa hai chân của Alexis và nhìn vài phút trong lúc cô ấy rặn, rên rỉ và nghiêng rặn, và tuyệt đối không một điều gì xảy ra. Môi âm đạo của cô ấy có thể đã ẩm ướt hơn, nhưng chắc chắn không có cái đầu nào bắt đầu nhô ra giữa chúng.

“Hãy nghỉ một một phút nào. Tớ nghĩ cậu đã tiến bộ rất nhiều rồi đấy,” mẹ tôi nói dối. Bà luồn cánh tay xuống từng đầu gối của Alexis rồi nhắc chân cô dẹt ra, hi vọng nới rộng lối ra cho em bé. “Sẵn sàng chưa?” bà hỏi Alexis, và Alexis gật đầu.

Trong ba mươi phút tiếp theo Alexis cứ rặn rồi nghỉ, rặn rồi nghỉ. Suốt thời gian đó mẹ tôi không ngừng cổ vũ cô, nói đi nói lại rằng cô sẽ làm được, cô sẽ rặn thêm một giây nữa, một giây nữa, và đứa bé sắp phọt ra như cái nút bấc nếu cô rặn, rặn, rặn, rặn.

Gần một giờ sáng, khi mẹ tôi đã sắp ngã ngửa ra giường thì toàn bộ nỗ lực rặn đó đột nhiên phát huy tác dụng, chòm tóc đen đã treu người bà sau môi âm đạo suốt từ nãy đến giờ đột nhiên phọt ra, và bà đang nhìn xuống trán của em bé, đôi mắt em bé, cái mũi em bé, và cái miệng em bé. Đôi môi

chúm chím như nụ hồng, bé xiu xiu như môi búp bê. Bà lấy hai tay đỡ cái đầu, dự định làm gối đón nó đến với cuộc đời, thì một cái vai thò ra, rồi một cái nữa, và rồi toàn bộ Abigail Joy và cuống rốn. Đứa bé màu hồng, và khi mở mắt nó bắt đầu khóc rống lên, một tiếng khóc trẻ thơ rất dài khiến Alexis vừa khóc vừa cười, một tiếng khóc ré ầm tưng đến mức nếu mẹ tôi vào lúc đó biết thang điểm Apgar^[7] là gì, bà hẳn sẽ cho đứa bé một điểm mười hoàn hảo.

Khi mẹ tôi nghiên cứu hai điểm nơi cuống rốn của mẹ và bé nối với nhau, nghĩ rằng bà phải dùng kéo cắt nó trong khi chưa biết làm thế nào, thì bà nghe thấy tiếng còi hú leo lên đồi tiến về phía ngôi nhà, và bà biết một chiếc xe cấp cứu sắp đến. Bà ngay lập tức cảm thấy nhẹ nhõm, đồng thời với thất vọng. Bà đã hoảng sợ, không nghi ngờ điều đó, nhưng áp lực vào giây phút đó đã đem lại cho bà niềm đam mê khiến bà choáng váng. Bà đang chứng kiến sinh lực sống, phép màu nằm trong sức lực và cơ thể người mẹ - một cơ thể đã chuyển biến trước mắt một con người - và phép màu nằm trong đứa bé, một linh hồn trong một hình hài nhỏ bé nhưng khỏe mạnh, có khả năng tự đẩy nó đến với cuộc đời và gần như ngay lập tức tự thở, ngo nguậy và khóc thét.

Khi cô bạn Donna của mẹ tôi sinh con vài tháng sau đó, cô đã nhờ bà túc trực bên cạnh trong bệnh viện. Tôi chưa ở trong người mẹ khi bà đỡ đẻ Abigail Joy, nhưng tôi đã có mặt tại ca đẻ thứ hai mà bà chứng kiến. Tôi tính ra mình được sáu tuần tuổi, có lẽ chỉ dài chừng một centimet, với khung xương bằng sụn và cái đầu rất dày mới chớm hình thành. Không mỏng như da tôi lúc bấy giờ.

4

Bác sĩ dùng từ “co thắt” và rất nhiều bà mẹ dùng từ “thúc”. Tôi thực sự không thích cả hai từ đó: Co thắt thực dụng quá, còn thúc mớ hồ quá. Một từ quá sinh học còn một từ thì quá... đời thường. Ít nhất đối với tôi.

Tôi không rõ từ khi nào mình bắt đầu dùng từ “dâng trào tình hoa”, hoặc trong lúc đỡ đẻ, đơn giản là từ “dâng trào”. Rand tin rằng đó là khi tôi đỡ đẻ Casey, con trai đầu lòng của Nancy Deaver, một ngày sau khi tất cả chúng tôi đứng quanh trụ sở nghị viện bang ở Montpelier, reo hò cổ vũ McGovern. Rand không có mặt tại ca đẻ, dĩ nhiên rồi, nhưng Casey ra đời vào buổi chiều và chính trong bữa ăn tối hôm đó, Rand bảo anh nghe thấy tôi dùng những từ dâng trào và dâng trào tình hoa.

Có lẽ anh đã đúng. Hẳn tôi đã liên hệ giữa sự ngây ngất của tất cả chúng tôi ở Montpelier khi McGovern phát biểu ngày hôm trước, hầu hết đều không bị hóa chất tác động, với sự ngây ngất của tôi và Nancy vào ngày hôm sau. Tôi đã cảm thấy rất tốt đẹp về hành tinh và tương lai trong cả hai buổi chiều. Khi tất cả chúng tôi đứng trên bãi cỏ của trụ sở nghị viện bang lắng nghe ông ấy, ngoài trời lạnh cóng, và khi hai má tôi lạnh đến nổi da đau buốt, tôi có thể nhìn thấy hơi thở của mọi người khi họ nói chuyện, trông như họ đang phát tiết tình hoa của mình một cách rất ư thiêng liêng, ý nghĩa và có lẽ đơn giản là khỏe mạnh.

Và dù tôi luôn hiểu lý do sinh học căn bản của việc dùng từ “co thắt” trong các cơ quan y tế, dựa trên cả ca sinh của Connie lẫn tất cả những ca sinh mà tôi đã chứng kiến, ý tưởng về một sự dâng trào phản ánh cả khát vọng chào đời của đứa bé lẫn sức mạnh không thể tin nổi của người mẹ. “Dâng trào” cũng có thể chính xác hơn về mặt tinh thần, nhất là khi nó được gọi là “dâng trào tình hoa.”

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

MÃI ĐẾN MÙA THU NĂM 1981 - mùa thu diễn ra phiên tòa của mẹ - bố Rand của tôi vẫn còn để tóc mai dài. Những sợi tóc không bò xuống mặt ông đến khóe miệng như người ta thường để vào những năm 1960 và đầu 1970, nhưng tôi nhớ đã nhìn lên má ông khi chúng tôi ngồi cạnh nhau trong phòng xử án và để ý thấy tóc mai xõa như những móng ngựa quanh tai ông, mọc dài xuống ngay phía dưới mái tai.

Khi lời cung khai tỏ ra đặc biệt bất lợi cho mẹ tôi, hoặc khi mẹ bị luật sư của bang đối chất, tôi đã nhìn bố hồi hộp kéo chùm tóc đen mà ông đã để mọc dài phía sau tai.

LUẬT SƯ WILLIAM TANNER: Vậy bà đã yêu cầu Mục sư Bedford đem đến cho bà một con dao?

SIBYL DANFORTH: Đúng.

TANNER: Bà không phải yêu cầu một con dao bất kì. Bà đã yêu cầu một con dao bén, có đúng không?

DANFORTH: Có thể. Tôi không nghĩ mình lại đi yêu cầu một con dao cùn.

TANNER: Cả Mục sư Bedford và người học việc của bà đều kể lại rằng bà yêu cầu “con dao bén nhất trong nhà.” Đó có phải là lời của bà không?

DANFORTH: Đó có thể là lời của tôi.

TANNER: Có phải lý do bà cần “con dao bén nhất trong nhà” là vì bà không đem theo dao mổ không?

DANFORTH: Ý ông là đến các ca đẻ?

TANNER: Chính xác là vậy.

DANFORTH: Không, dĩ nhiên là tôi không đem theo. Tôi chưa từng gặp một bà mụ nào làm thế cả.

TANNER: Bà chưa từng gặp một bà mụ nào đem theo dao mổ à?

DANFORTH: Đúng.

TANNER: Đó có phải là vì bà mụ không phải là bác sĩ phẫu thuật?

DANFORTH: Đúng.

TANNER: Bà có tin rằng bác sĩ phẫu thuật có chuyên môn đặc biệt mà bà với tư cách là một bà mụ không có?

DANFORTH: Lạy Chúa tôi, ông không nghĩ thế à?

TANNER: Thưa bà Danforth?

DANFORTH: Đúng, bác sĩ phẫu thuật biết những điều mà tôi không biết. Tương tự như phi công lái máy bay và cô nuôi dạy trẻ.

TANNER: Bà đang nói đến việc đào tạo của họ?

DANFORTH: Tôi chưa bao giờ nói tôi là bác sĩ phẫu thuật.

TANNER: Một ca mổ để có phải là một ca phẫu thuật không?

DANFORTH: Đương nhiên.

TANNER: Bà có nghĩ bà đủ trình độ thực hiện cuộc phẫu thuật này?

DANFORTH: Ngay cả trong những cơn ác mộng tồi tệ nhất của mình, tôi cũng không bao giờ hình dung tôi sẽ phải làm thế.

TANNER: Tôi sẽ lặp lại câu hỏi của mình. Bà có nghĩ bà đủ trình độ thực hiện cuộc phẫu thuật này?

DANFORTH: Không, và tôi chưa bao giờ nói tôi nghĩ rằng mình đủ trình độ.

TANNER: Vậy mà bà lại làm. Với một con dao bếp, trên một người phụ nữ sống, bà...

DANFORTH: Tôi sẽ không bao giờ gây nguy hiểm cho người mẹ để cứu thai nhi...

TANNER: Bà không gây nguy hiểm cho người mẹ, bà đã giết...

HASTINGS: Phản đối!

Lẽ ra tôi phải ngạc nhiên khi đến cuối phiên tòa, đầu bố tôi dường như chẳng còn sợi tóc nào. Trong những tấm ảnh chụp vào mùa đông năm sau

đó, tóc ông trông như bắt đầu bạc, nhưng tóc mai thì vẫn nổi bật như mọi khi.

Sứ mệnh của mẹ tôi - đối với bà, nó chưa bao giờ là một công việc hay nghề nghiệp - đồng nghĩa với việc bố phải chăm sóc tôi khi tôi còn bé nhiều hơn các ông bố của bạn bè tôi. Luôn có một danh sách dài các cô trông trẻ đứng lên cửa tủ lạnh bằng nam châm, và thỉnh thoảng tôi lại có mặt cùng mẹ tại ca đẻ của một ai đó, nhưng chuyện sinh đẻ thường vừa ngoài dự đoán vừa tốn thời gian, và bố thường xuyên lấp đầy lỗ hổng trông-nom-Connie. Dẫu sao thì tôi vẫn là con một, còn mẹ tôi thì thường biến mất mỗi lần mười hai giờ đồng hồ, hoặc một ngày, hoặc một ngày rưỡi.

Bố tôi không phải là bạn chơi nhiệt tình cho lắm khi tham gia trò mặc áo cho búp bê hoặc đập phá nôi niêu xoong chảo bằng nhựa khắp nhà bếp đồ chơi của tôi (thực ra, ông cũng không được khéo lắm với những vật dụng ấy bằng gang hoặc kim loại), nhưng ông rất sáng tạo khi tôi cần giả giọng mới cho các chú lùn, và cực kì hữu ích khi cần xây một ngôi nhà đồ chơi lâu dài bằng gỗ, hoặc một cái tạm thời bằng bàn chơi bài và drap giường. Ông thường chịu đựng bất kì chương trình nào mà tôi muốn xem trên ti vi, ngay cả khi việc đó có nghĩa là phải vật lộn đến phát cáu để điều chỉnh bộ anten râu trên ti vi suốt mười lăm phút trước khi chương trình của tôi bắt đầu. (Tín hiệu tại chỗ chúng tôi sống ở Vermont kém đến nực cười. Tôi nhớ một ngày mùa xuân nọ - khi mùa bóng chày đã bắt đầu còn mùa bóng rổ và khúc côn cầu đang bước vào giai đoạn các trận hòa không dứt - bố tôi đang xem một trận bóng rổ qua màn hình hạt và nhiễu đến độ mẹ tôi ngồi xuống ghế sofa bên cạnh ông, lật qua các trang tạp chí trong năm, mười phút, rồi ngược lên và hỏi, “Người ta đang chơi môn gì vậy?”)

Bố và tôi cũng dành kha khá thời gian cùng nhau dạo quanh miền Bắc Vermont trên chiếc xe Jeep của ông. Ông thường làm tài xế chở tôi và Rollie đến nhà sách hoặc cửa hàng đồ chơi ở tận Montpelier, cửa hàng bách hóa ở St. Johnsbury, hoặc đến nhà một đứa bạn thứ ba ở Hardwick hoặc Greensboro hoặc Craftsbury. Vào tháng chín và tháng mười, dường như

ngày nào ông cũng chở chúng tôi đi đâu đó, rồi sau đó làm việc tại bàn ăn trong nhà suốt đêm để cố gắng bắt kịp công việc mà ông đã bỏ bê vào ban ngày tại văn phòng: Đã có một cuộc bùng nổ dân số đáng chú ý tại hạt vào mùa thu năm đó, khoảng chín tháng sau mùa đông lạnh nhất, khắc nghiệt nhất trong nhiều năm liền, và mẹ tôi rất bận rộn.

Dù cho bố cực kì kiên nhẫn với tôi, và luôn luôn ít nhất cũng làm ra vẻ miễn nguyện trước viễn cảnh lại dành một buổi chiều thứ bảy hoặc buổi tối thứ tư làm bạn với đứa con gái tám, chín tuổi, nhưng tôi biết những yêu cầu trong công việc của mẹ đã làm cuộc hôn nhân của họ trở nên căng thẳng. Khi họ cãi nhau, và tôi nhớ họ cãi nhau nhiều nhất khi tôi học tiểu học, ở độ tuổi mà tôi còn đủ bé để cần người giám sát liên tục và đã đủ lớn để hiểu những xung động của điều đang xảy ra ở chừng mực nào đó, các cuộc cãi vã của họ thường được lọc qua tấm van nhiệt trên trần các căn phòng ở tầng trệt.

“Mẹ kiếp, con bé cần một người mẹ!” bố tôi thường quát lên, hoặc “Cô chẳng bao giờ có mặt ở đây vì con!” hoặc “Tôi không thể làm việc này một mình!” Bất chấp thực tế, ông tiếp tục tin rằng có thể dùng tôi như con át chủ bài để thuyết phục mẹ ở nhà. Điều này không bao giờ phát huy tác dụng, và nó thường xuyên khiến ông phải thay đổi chiến thuật từ tội lỗi sang đe dọa:

“Tôi không cười cô về để sống một mình trong cái nhà này!”

“Một cuộc hôn nhân cần đến sự quan tâm của hai người, Sibyl ạ.”

“Tôi sẽ có một cô vợ trong đời này, Sibyl. Đó là sự thật.”

Vào lúc bắt đầu của những cuộc cãi cọ này, mẹ tôi luôn có vẻ lúng túng và tổn thương hơn là tức giận, nhưng ẩn sau nỗi buồn ban đầu trong giọng điệu của bà là một sự bướng bỉnh không khoan nhượng, cũng như loại đá granite của Vermont vậy. Bà không thể dừng đỡ đẻ trẻ em nếu người ta không dừng tạo ra chúng.

Nhưng tôi cũng nghĩ rằng bố xứng đáng được điểm cao vì đơn giản đã chịu đựng tất cả những điều đó: Chồng của đa số các bà mẹ không chịu đựng nổi

giờ giấc làm việc của vợ được lâu, đặc biệt là khi chính họ cũng lên chức bố, và hầu hết bạn bè trong nghề của mẹ tôi đều đã li dị ít nhất một lần.

Các cuộc cãi vã của bố mẹ thường kết thúc trong im lặng, thông thường vì bố tôi nổi tính đa nghi:

“Đợi đã. Đứa bé chào đời lúc sáu giờ tối phải không?” Tôi có thể nghe ông hỏi thế.

“Ừ. Julia. Thật là một cô bé xinh xắn.”

“Bây giờ hơn chín giờ rồi! Cô làm cái quái gì trong ba giờ đồng hồ qua?”

“Xếp quần áo trẻ con. Anh biết em thích xếp quần áo trẻ con mà.”

“Cô xếp quần áo trẻ con những ba giờ đồng hồ á? Vậy bố mẹ đứa bé hẳn phải làm chủ cả một cửa hàng bán đồ trẻ em đấy.”

“Ôi, vì Chúa, Rand ạ. Anh biết em đâu phải chỉ ở đây để xếp quần áo trẻ con. Em muốn đảm bảo mọi người đều ổn cả. Đó làcon đầu lòng của họ, anh biết không.”

“Vậy cô dành thời gian bao lâu...”

“Ba mươi phút, Rand à. Có lẽ em đã dành ra ba mươi phút để xếp những bộ đồ sơ sinh và những chiếc áo cổ lọ tí hon của Julia.”

“Nhưng cô đã la cà trong ba giờ đồng hồ...”

“Vâng, đúng thế. Em đảm bảo Julia được bú đầy đủ, và mẹ của Julia đi lại khỏe mạnh. Em đảm bảo gia đình ấy có nhiều thức ăn trong tủ lạnh, và những người hàng xóm đang chuẩn bị đem món thịt hầm đến trong vài ngày tới.”

“Và cô đảm bảo quần áo trẻ con được xếp lại.”

“Còn phải hỏi,” mẹ tôi nói, và tôi có thể tưởng tượng cảnh bố lắc đầu ngán ngẩm. Một lúc sau tôi nghe ông rời nhà bếp, nơi họ đã cãi nhau, rồi đi một

mình lên phòng ngủ của họ trên lầu. Đôi khi, sau đó, tôi nghe họ yêu nhau khi đã làm lành: Đến hôm nay, tôi nhớ tiếng động do giường họ tạo ra là một trong những âm thanh làm vững dạ nhất mà tôi từng nghe.

Không may là, cũng có những cuộc cãi nhau càng lúc càng leo thang và trở nên tồi tệ, đôi khi vì bố tôi đã có hơi men. Ông hẳn đã ngà ngà say khi mẹ tôi về nhà, còn bà hẳn đã rất mệt mỏi và cáu kỉnh. Đây là một sự kết hợp dễ bùng nổ. Và trong khi mẹ tôi sẽ không bao giờ uống rượu để bắt kịp bố - tinh thần trách nhiệm của một bà mẹ khiến bà không uống hoặc hút cần sa mỗi khi bà làm nhiệm vụ - nhưng khi bị tổn thương, bà có thể mắng té tát với một nỗi giận dữ vừa lưu loát vừa thô bạo về mặt từ ngữ. Tôi chưa bao giờ nghe bố mẹ tát hoặc đánh nhau, nhưng dưới sự khống chế của rượu scotch rơm và sự kiệt sức, họ thường nói những điều gây tổn thương không kém gì một nắm đấm. Có thể còn hơn cả thế. Tôi đã nghe những từ ngữ và lời đối đáp mà tôi không hiểu vào lúc đó nhưng vẫn khiến tôi hoảng sợ vì tôi biết một ngày nào đó tôi sẽ hiểu ra.

Tôi không bao giờ kể chi tiết các cuộc cãi vã của bố mẹ cho Rollie, nhưng tôi kể cho nó nghe đủ để một ngày nọ, nó cho tôi lời khuyên rất có ích: Thỉnh thoảng thay thế khoảng hai centimet rượu Clan McGregor bằng chừng đầy nước máy. Phải sáng suốt nếu chai rượu sắp cạn, và luôn ghi nhớ trong đầu vị trí chính xác trên nhãn mà chất lỏng chạm đến - chẳng hạn như đường viền của váy người thổi kèn túi hoặc chiếc kèn túi, hoặc đáy của dòng chữ ghi tên nhãn hiệu rượu.

Nó bảo đã làm thế với chính bố mẹ nó trong nhiều năm rồi, và nhìn xem cuộc hôn nhân của họ tốt đẹp thế nào.

Vào những đêm bố chọn cách chôn vùi nỗi bức dọc của mình trong men rượu, các cuộc cãi vã của họ bùng nổ như sấm sét lúc ba giờ sáng: ồn ào và đáng sợ, đôi khi mãi thật lâu sau mới qua đi, nhưng thiệt hại nhìn thấy được mà nó gây ra rất nhỏ. Khi tôi nhìn sân nhà vào buổi sáng sau một trận bão tháng tám đặc biệt dữ dội và đáng sợ, ánh mặt trời thường hé lộ tổn thất nhỏ

noi. Vài đóa hoa tú cầu trắng cuối hè vương vãi trên đất; một cây phong yếu ớt mất vài chiếc lá; sau nhà chúng tôi, thậm chí còn có cả một cái cây từ trong rừng, bị gió thổi đến bãi cỏ.

Nhưng ánh mặt trời luôn trấn an tôi rằng bão không bao giờ tồi tệ như âm thanh của nó, và tôi thường cảm thấy thế sau những trận cãi nhau của bố mẹ, khi chúng tôi ăn sáng cùng nhau vào ngày hôm sau. Tôi biết bố mẹ chưa bao giờ ngừng yêu nhau - rất nồng nàn, điên cuồng, hỗn loạn - và một trong hai người luôn có mặt vì tôi.

Căn cứ vào khoảng thời gian mà tôi được bố chở đi khắp nơi khi trưởng thành, chẳng có gì ngạc nhiên khi lần đầu tiên tôi làm quen với gia đình Bedford là khi tôi đi với bố. Nhưng dĩ nhiên số phận hai gia đình gắn kết với nhau chính là thông qua mẹ tôi: Cô Bedford là một bệnh nhân của mẹ và là trung tâm của những bi kịch công khai mà hai gia đình chúng tôi phải đối mặt.

Cô Bedford - Charlotte Fugett Bedford, sau này tôi biết cái tên ấy từ báo chí - đến từ Mobile, Alabama. (Rất dễ liên tưởng cô ấy với “một trong những người mang họ Fugett ở Mobile”, nhưng như thế sẽ hàm ý một dòng dõi ấn tượng hơn thế hệ những người linh canh, bán rượu lậu và trộm cắp vặt mà tôi biết mới thực là tổ tiên cô ấy). Chồng cô, Mục sư Asa Bedford, đến từ một thị trấn nhỏ ở Alabama, nằm cách xa bờ biển, gọi là Blood Brook. Nhiều năm sau, khi tôi quyết định đến thăm vùng này, tôi đã nhìn chăm chú hàng giờ liền vào chấm nhỏ đánh dấu nó trên một tấm bản đồ của câu lạc bộ ô tô tiểu bang trước khi đánh liều đến đó. Khi đến nơi, tôi đã ngay lập tức sợ hãi và ngạc nhiên trước trí tưởng tượng chính xác của mình. Nó là một giao lộ bẩn thỉu tập trung những căn nhà lụp xụp, không khí dày đặc muỗi và ruồi, còn cái nóng có thể khiến những khu vườn của Vermont tàn héo chỉ trong vài phút.

Tôi hình dung ở Blood Brook không có trường học, và quả đúng là như thế. Tôi luôn hình dung ở đó có một nhà thờ để gây cảm hứng cho Mục sư Asa,

và đúng là như thế thật. Lớp sơn trắng đã tróc ra khỏi ván như lớp da bị thối rữa, và cỏ nhọn mọc cao từ những khe hở trên lối đi trước nhà thờ: Với một ngày tận thế cận kề, chẳng có lý do gì để sơn phết hoặc nhổ cỏ.

Tuy nền tảng địa lý đó đã được lưu ý, và tính mỉa mai của tôi đã bộc lộ, tôi vẫn muốn nói rằng mình đã rất thích gia đình Bedford khi gặp họ. Đa số mọi người đều đáng mến: Họ là những kẻ cuồng đạo, nhưng cô ấy rất dễ mến, còn Mục sư thì tử tế. Tôi biết họ có tín đồ và cho rằng họ cũng có bạn bè.

Khi mới đến Vermont, nhà Bedford sống cách chúng tôi ba mươi phút về phía Bắc ở Lawson, còn xứ đạo nhỏ bé của Mục sư Bedford thì cách đây thêm hai mươi hoặc ba mươi phút nữa về phía Bắc, ở Fallsburg. Nhà thờ của Mục sư - một nhà thờ đạo Quaker được tu sửa lại, cách Newport mười sáu cây số về phía Tây Bắc, trên một đường quốc lộ cao tốc hai làn chỉ có cây cối xung quanh- nằm cách biên giới Canada chỉ một cuộc đi bộ sớm. Vào lúc cao điểm, giáo đoàn của Bedford tập hợp khoảng sáu mươi giáo dân từ Vermont và Eastern Townships của Quebec, những người một lòng tin tưởng rằng sự tái lâm của Chúa sẽ diễn ra trong thời đại của họ.

Khi gia đình Bedford đến Green Mountains, tin rằng vùng Vương quốc Đông Bắc^[8] quê mùa của Vermont đã đủ chín muồi để tiến hành phục sinh. Họ đã có một đứa con, một cậu bé bảy tuổi tên là Jared, nhưng cô Bedford luôn gọi là Foogie - một cách gọi rút gọn của họ Fugett.

Ngay cả nếu mẹ tôi không làm bà mụ, thì tôi vẫn sẽ gặp gia đình Bedford, dù tôi không tưởng tượng mình sẽ biết về họ rõ như tôi đã biết, hoặc rằng ngày hôm nay tên của hai gia đình sẽ được liên hệ trong đầu nhiều người đến thế. Và dù mỗi liên hệ đầu tiên của chúng tôi rất phức tạp, nhưng nó cũng tự nhiên, chắc chắn, và không thể tháo rời như một cái cuống rốn vậy. Foogie được bố mẹ dạy học ở nhà, có nghĩa là mẹ của Rollie bạn tôi phải đến thăm họ định kì với tư cách thanh tra giáo dục của bang. Bà McKenna có trách nhiệm đảm bảo rằng gia đình họ tôn trọng những điều cơ bản trong

giáo trình cần học. Có thể vì nhà Bedford còn lạ nước lạ cái ở Vermont, có thể vì bà McKenna muốn đảm bảo rằng cậu bé Foogie được tiếp xúc với thế giới bên ngoài nhà thờ của cha cậu càng nhiều càng tốt, bà đã đề nghị con gái mình, Rollie, làm một cô trông trẻ tận tụy và có trách nhiệm với cậu bé.

Vì thế, với tư cách là bạn của cô trông trẻ, tôi đã gặp gia đình Bedford lần đầu tiên khi bố chở tôi đến đây vào cuối một chiều thứ bảy để chơi với Rollie khi nó trông Foogie tối hôm đó. Rollie đã có mặt từ bữa ăn sáng, trong lúc Mục sư và cô Bedford đến miền Nam New Hampshire để dự hội nghị Người rửa tội của hai bang. Dù họ không phải là người rửa tội, nhưng Mục sư Asa vẫn thường tìm được một hoặc hai gia đình tại những nơi ẩn dật cuối tuần kiểu này, những người sẽ chăm chú lắng nghe ông nói về đức tin của mình, và cân nhắc chuyện mời ông đến nhà thờ của họ.

Ngôi nhà của họ giản dị và cũ kỹ, nằm ẩn sâu trong rừng ở cuối một con đường đất dài. Một thế kỉ trước, khu rừng này từng là đồng cỏ và đất trang trại, bố tôi nói lên quan sát của ông khi lần đầu tiên chở tôi đến đó, chỉ vào những bức tường đá rêu xanh thấp lè tè ngoài cửa xe Jeep mà chúng tôi băng qua khi chiếc xe lóc xóc chạy trên đường. Tôi không thể hình dung ra một điều như thế; tôi không thể tưởng tượng có ai đó có thể khai quang một khu rừng rậm thế này vào thời đại trước khi có sự ra đời của cửa máy và xe chở gỗ.

Dù hầu hết những người nông dân canh tác trên đồi ở Vermont đều rất cẩn thận chọn xây nhà của họ trên đỉnh cơ ngơi của mình, nhưng cũng có vài người vì lý do này hay lý do khác chọn thung lũng - có lẽ vì một người dò mạch nước đã tìm thấy một cái giếng cạn ở đây. Bất kể ai đã xây nơi ở của nhà Bedford hàng trăm năm trước đều nằm trong số ngoại lệ đó. Tôi có thể cảm thấy mình chúi về trước trong xe Jeep khi chúng tôi tiến xuống sâu hơn vào trong rừng, và sợi dây an toàn để thắt ngang đùi ấn vào eo tôi.

Ấn tượng đầu tiên của tôi về nơi ở của nhà Bedford - một ấn tượng thu được lúc hai tháng trước sinh nhật thứ mười ba của tôi - là một người nào

đó có ít tiền hoặc kĩ năng làm mộc đang cố hết sức để giữ nó ngăn nắp. Cỏ mọc cao trong bãi cỏ nhỏ bao bọc quanh ngôi nhà, trông như chưa được cắt vào mùa xuân năm đó (Ngày lễ Tưởng niệm^[9] chỉ mới diễn ra cách đó một tuần), nhưng ai đó đã đặt những phiến đá xanh hình vuông trên lối đi từ con đường đất đến cửa trước chỉ mới đây thôi, đến nỗi tôi có thể thấy dấu bàn tay người ấn thẳng xuống đất tại mép các phiến đá. Hai cửa sổ ở tầng thứ nhất của ngôi nhà có những vết nứt dài được dán lại bằng bột matit trắng, nhưng sau khung cửa là những tấm rèm bằng ren trang nhã. Nhiều tấm ván đã mục, nhưng những cây đinh đóng xuyên qua chúng để giữ chúng dính vào các bức tường bên ngoài còn mới đến độ bốn mặt ngôi nhà lấp lánh những đốm bạc nhỏ.

Đó là một ngôi nhà hình hộp hai tầng gọn ghẽ, góc mái nhà rộng và thanh nhã, tường sơn màu vàng hoa thủy tiên. Lớp sơn đã bắt đầu bong tróc, nhưng vẫn đủ sáng để khi Mục sư Bedford khởi động xe chở Rollie và tôi về nhà tối hôm ấy, ánh sáng từ đèn pha khiến ngôi nhà tỏa màu lưu huỳnh rực rỡ.

Vào ngày thứ bảy, tôi gặp ba người nhà Bedford - Foogie vào cuối buổi chiều và vợ chồng Mục sư lúc gần mười giờ tối - chùm tế bào sẽ trở thành Veil (đọc là *Vel* với lý do mà tôi nghĩ chỉ có Mục sư Asa mới hiểu hết) còn chưa tồn tại, nhưng sẽ hình thành không lâu sau đó.

Bất kể Mục sư Asa che giấu trong người nỗi sợ hay sự phẫn khích gì, điều đó thường không biểu hiện trên nét mặt ông. Khuôn mặt ông tròn trĩnh giống như tròng mắt kính ông đeo, còn mái tóc thì đã lùi lại xa trên đầu; tuy thế, phần tóc còn lại rất dày và có màu nâu đỏ. Hầu như lần nào tôi cũng thấy ông mặc áo sơ mi trắng là thẳng thớm, cài nút chín chu. Giống như bố tôi, ông là mẫu người mà tôi hình dung rằng khá gầy khi còn trẻ, nhưng giờ đã phát tướng và nặng nề hơn ở tuổi trung niên.

Trông ông giống kiểu doanh nhân nông thôn mà tôi thường thấy ở St. Johnsbury hoặc Montpelier: kém tinh tế, ít nhất là trong mắt tôi, so với

những doanh nhân mà tôi đã thấy trên ti vi hoặc bố tôi, đương nhiên.

Ông cũng là một trong số hiếm hoi những người lớn đặc biệt có khả năng giả vờ ngờ nghệch giống hết một đứa trẻ. Và Foogie sùng bái ông vì điều đó. Tôi thấy Mục sư Asa giả vờ làm con lừa đi trên bãi cỏ bằng tay và đầu gối, khịt mũi, cất tiếng hí và chở đứa con trai khoái chí của mình trên lưng. Tôi chứng kiến vị mục sư đi lạch bạch như vịt để làm Foogie vui, và nghĩ ra các vần điệu để dạy thẳng bé đọc một số âm:

“Phóc! Bóc! Ô kìa con sóc!”

“Em thổi kèn, anh rước đèn, các bạn khen!”

“Con cá nằm trong cối đá, đem nấu với cà, đãi được cả nhà!”

Khi ở cạnh Rollie và tôi, ông rất lịch thiệp và nghiêm trang; tôi hiểu ở một chừng mực nào đó rằng ông bị đa số người khác cho là hơi kì lạ, nhưng gia đình tôi và gia đình McKenna chắc chắn không phản đối việc chúng tôi chơi đùa cạnh ông hoặc với gia đình ông. Khu Vương quốc Đông Bắc luôn nổi tiếng về sự mộ đạo và các cộng đồng dân cư, còn nhà thờ nhỏ của Mục sư Asa thì chỉ đơn giản là một ví dụ nữa về sự vô hại.

Mặt khác, dù tôi chưa bao giờ nghe ông truyền đạo, nhưng tôi tưởng tượng ông rất thích điều mà tôi gọi là trường phái thuyết giảng giảng bầy. Đôi khi ông cho phép mình thốt ra lời bình phẩm trước mặt tôi và Rollie mà tôi dám chắc bố mẹ chúng tôi sẽ tá hỏa nếu chúng tôi kể lại với họ. Vào một đêm trời đặc biệt tối khi ông chuẩn bị đưa Rollie và tôi về nhà sau khi chúng tôi đã trông nom Foogie, ông đứng trên lối đi đá xanh nhìn lên bầu trời đen và lẩm bẫm, “Đêm tối sớm muộn sẽ không còn. Chúng ta sớm muộn sẽ không cần đến ánh sáng đèn hay mặt trời nữa.”

Lần khác, khi cô Bedford đang ở trên lầu đỡ Foogie đi ngủ và ông thấy những lá thư duy nhất ông nhận được ngày hôm đó là mớ hóa đơn từ công ty điện thoại và khí đốt, ông nói với những chiếc phong bì - không nhận ra Rollie và tôi đang ở trong tầm nghe thấy - “Ta thực tình rất vui lòng trả lại

Caesar những gì thuộc về Caesar, nhất là khi ta biết tất cả các người sẽ chết lần thứ hai trong hồ lửa.”

Ông có giọng miền nam đặc sệt, khiến tôi luôn cảm thấy những câu nói của ông nghe như bài hát, dù một số bài hát ấy có thể đáng sợ không ngờ.

Charlotte Bedford là một người phụ nữ nhỏ bé, trông có vẻ yếu đuối, chỉ to hơn Rollie và tôi khi cơ thể chúng tôi đến tuổi dậy thì. Cô không cao, người chỉ có da bọc xương. Da cô lúc nào trông cũng trắng bệch như ma, và tôi tin rằng Charlotte không cố tạo ra vẻ bề ngoài đó. (Vài năm sau, khi nhà Bedford đã đi qua cuộc đời gia đình tôi như một thiên tai, tôi vào học cao đẳng ở Massachussetts. Trong năm thứ hai ở trường, tôi kết bạn với một hoa khôi đến từ một thị trấn trên hồ Pontchartrain, Louisiana, và cô ấy thực sự cố gắng để trông trắng bệch như bột, vì thế tôi tin mình biết sự khác biệt.)

Nhưng cô không xử sự như thể mình ốm yếu, và điều đó rõ ràng trở thành một vấn đề quan trọng tại phiên tòa. Mẹ tôi tin là có một sự khác biệt quan trọng giữa yếu đuối và ốm yếu. Bà đã khuyến nghị nhiều phụ nữ có tiền sử bệnh tật không nên đẻ con tại nhà, nhưng những người phụ nữ gây cho ta ấn tượng họ trông thật yếu đuối tại khu mua sắm hoặc nhà thuốc thực tế lại không có vấn đề gì về sức khỏe - những phụ nữ đó mẹ tôi rất sẵn lòng giúp đỡ khi họ có mang. Mẹ tôi tin rằng đẻ tại nhà là một trải nghiệm cực kì mạnh mẽ và tăng cường sức lực, nó cho những người phụ nữ yếu đuối nguồn năng lượng, sự tự tin, và sức mạnh: Họ biết cơ thể mình có thể làm được gì, và nó cho họ sự động viên.

Và tôi biết mẹ tôi đã nhận ra khá nhanh rằng Charlotte chưa sẵn sàng cho những ngày ngăn ngủi, cái lạnh tê tái, và những trận tuyết rơi không dứt của mùa đông Vermont. Đặc biệt là mùa đông Vermont nằm cách không xa biên giới phía Bắc của bang. Ngay từ đầu tháng mười, khi Charlotte ở thai kì thứ hai và đến khám thai định kì ở phòng mạch của mẹ tại nhà chúng tôi ở Reddington, cô đã hốt hoảng và lo lắng khi nói về thời tiết.

“Tôi thật không biết chúng tôi phải làm gì ở trên này, tôi thật không biết chúng tôi sẽ vượt qua thế nào đây,” tôi nghe cô nói với mẹ tôi. “Asa thậm chí còn không có thời gian để sắm một chiếc xẻng xúc tuyết, mà tôi thì chẳng biết tìm một đôi boot thích hợp ở đâu nữa. Và chúng sao mà đắt quá, đắt kinh khủng.”

Họ đã đến Vermont vào khoảng thời gian tốt nhất trong năm để rồi bị huyền hoặc với niềm tin sai lầm rằng bang này có khí hậu thân thiện, chào đón, và ôn hòa. Tôi có thể hình dung suy nghĩ của cô khi họ đến vào giữa tháng tư, ngay sau mùa bùn kinh khủng của năm đó, khi những quả đồi lởm chởm đá của Vermont - những quả đồi dày đặc cây phong, cây thông và tro bụi - bùng nổ màu sắc sau một đêm, còn ngày đang trở nên dài và ấm hơn. Có lẽ cô đã tưởng tượng những mùa đông thần thoại thực ra chỉ là như thế: là thần thoại mà thôi. Đương nhiên trời có tuyết, nhưng chính quyền có máy cào tuyết. Có thể đôi khi mưa sẽ đóng băng, có thể đường chạy xe vào nhà sẽ lầy lội một chút vào tháng ba... nhưng không có gì mà một mục sư và gia đình ông lại không thể giải quyết.

Nhưng cô đã được biết đến một mùa thu khó chịu ở Vermont còn mùa đông thì thậm chí khắc nghiệt hơn nữa. Có một đợt sương giá rét mướt vào cuối tháng tám năm đó, và cô đã mất sạch số hoa cô trồng ven lối đi lát đá xanh vào mùa xuân trước; có một đợt tuyết nhẹ trong tuần thứ hai của tháng chín, và tuyết đã đóng dày hơn hai mươi centimet vào ngày thứ sáu và thứ bảy của lễ Columbus.

Charlotte có đôi mắt màu xám như đá mặt trăng, mái tóc mỏng màu rơm. Cô trông cũng xinh, nếu bạn không bận tâm đến cảm giác yếu mệnh phảng phất nhưng không thể nhầm lẫn dường như phát ra từ làn da tái nhợt đó.

Rollie và tôi đón Lễ Quốc khánh ở nhà Bedford, trông nom Foogie. Buổi chiều chúng tôi mặc áo phông và quần sooc, nhìn Foogie mặc đồ tắm chạy tung tăng dưới bình phun nước, rồi sau đó dùng vòi xịt nước vào cậu bé. Nó rất thích. Nó có làn da trắng giống mẹ, gần như trong suốt, nhưng lại có mái

tóc màu đỏ và cái đầu tròn của Mục sư Asa. Nó là một đứa bé đáng yêu, nhưng lại thừa hưởng những nét xấu xí của bố mẹ nó.

Rollie lúc bấy giờ đã có kinh, còn tôi thì chưa. Nó đang gặp “đèn đỏ” lần thứ tư vào cuối tuần đó, một sự thật mà nó chẳng lấy gì làm tự hào khi chia sẻ với tôi: sự đau đớn của những cơn co thắt mà nó đang khổ sở chịu đựng, lượng máu chảy mà nó nói là quá mạnh đến nỗi nó phải bỏ tôi một mình với Foogie hầu như mỗi tiếng một lần để chạy vội vào trong thay băng vệ sinh mới.

Một lần khi Foogie không nghe thấy, tôi trêu Rollie, bảo rằng nó đang bịa ra chuyện “đèn đỏ”.

“Sao cậu có thể nói như thế?” nó hỏi.

“Quần sooc màu trắng của cậu,” tôi trả lời. “Khi tớ có kinh, còn lâu tớ mới mặc quần trắng. Nhỡ băng bị tràn thì sao?”

“Băng không bị tràn đâu,” nó nói chắc nịch, với giọng ngụ ý tôi chả biết tí gì về điều mình đang nói. “Vả lại, tại sao tớ phải nói dối là tớ đang có kinh cơ chứ? Đây đâu phải là một lớp tiếng Pháp mà tớ muốn trốn học.”

Tôi nhún vai để nói rằng mình không biết, nhưng tôi biết. Hay ít ra tôi nghĩ rằng tôi biết. Rollie và tôi đều là những cô gái xinh xắn, nhưng tôi có thứ mà nó không có: bộ ngực. Không quá to đến mức lũ con trai sẽ trêu chọc tôi hoặc làm tôi cảm thấy xấu hổ, nhưng rõ ràng đủ để một người như Rollie phải chú ý. Có lẽ chính vì sự vô tư của mẹ tôi về cơ thể, về chuyện đẻ đẻ, về chuyện một đứa bé hình thành trong dạ con như thế nào, mà Rollie và tôi đã trở thành những đứa con gái biết tuốt. Chúng tôi nói chẳng bao giờ đủ về chuyện hôn hít, vuốt ve và ngừa thai - bao cao su, thuốc, màng chắn, và một thứ khiến cả hai đứa không khỏi kinh hoàng, gọi là vòng tránh thai.

Nằm giữa những quyển tiểu thuyết trinh thám bìa mềm đã quăn góc mà bố mẹ Rollie đặt trên kệ sách trong phòng ngủ của họ là quyển sách đã được đọc nhiều lần mang tên *Người đàn ông đầy khoái cảm* và - phía sau đây

sách bìa mềm, tựa vào bức tường của kệ sách - là một quyển sách bìa cứng nhan đề *Lạc thú tình dục*. Rollie và tôi thường cùng nhau đọc quyển sách ấy tại nhà nó, và thu thập từ đó một sự hiểu biết trước tuổi đáng sợ về những chuyện như liếm mút cho nữ, liếm mút cho nam, và mọi cách kích thích trước khi giao hợp. Chúng tôi tưởng tượng người tình của mình sau này sẽ thực hiện những động tác được đề nghị trong sách: đút chiếc lưỡi cong của họ vào cốc uống rượu mạnh, chống đẩy hàng giờ liền. Khi ấy tôi vẫn chưa từng nhìn thấy một cái dương vật thật, và tôi có cảm giác sự cương dương thật có thể khiến tôi sợ đến chết nếu tôi bị như thế, nhưng giữa những chi tiết giải phẫu học về cơ chế hoạt động của bộ phận sinh dục nam và nữ mà tôi đã lượm lặt được từ mẹ qua thời gian, và cảm giác thỏa mãn có được từ những cơ quan này như đề cập trong sách của bà McKenna, tôi nghĩ mình ít bị lúng túng về chuyện tình dục hơn rất nhiều so với đa số những đứa con gái tuổi tôi vào mùa hè giữa lớp sáu và lớp bảy. Rollie cũng thế.

Cả hai đều hi vọng rằng khi chúng tôi trở lại trường vào mùa thu, lũ con trai sẽ bắt đầu để ý chúng tôi. Chúng tôi không cao lắm, mà điều đấy rất quan trọng, và chúng tôi không có mụn. Chúng tôi thông minh, điều mà tôi biết sẽ làm vài cậu trai phát khiếp, nhưng không phải kiểu con trai mà chúng tôi thích: Có lẽ không có thứ gì làm một chàng trai như Tom Corts sợ hãi, chúng tôi nghĩ thế, và chắc chắn không phải là thứ vô hại như sở thích đọc sách.

Và, may mắn thay, ngoại hình chúng tôi không giống nhau, chúng tôi cho đó là điều tốt: Nó sẽ giảm thiểu khả năng một cậu con trai có thể thích cùng lúc cả hai chúng tôi, hoặc chúng tôi cùng thích cậu ta. Chúng tôi hiểu từ những năm tháng cưỡi ngựa và chơi đùa cùng nhau rằng chúng tôi là một đôi cạnh tranh với nhau, và vì tôi có tóc vàng hoe trong khi Rollie tóc nâu, tôi có mắt xanh còn nó mắt nâu, điều đó sẽ giảm thiểu khả năng một đứa con trai can thiệp vào tình bạn của chúng tôi.

Hoặc, như Rollie giải thích vào ngày Lễ Quốc khánh năm đó, “Con trai sẫm soi chúng ta như chúng ta sẫm soi lũ ngựa: màu lông, chiều cao, mắt, đuôi.

Bọn họ không thể không có sự thiên vị.” Con ngựa của Rollie màu nâu hạt dẻ, và theo quan điểm vũ trụ học của Rollie McKenna về sự thiên vị, điều đó có nghĩa là Rollie có thể luôn luôn thích ngựa màu hạt dẻ đến hết đời. Bản chất con người mà.

Chiều hôm đó Rollie giúp tôi lên phương án để duy trì liên lạc với Tom Corts cho đến khi trường học khai giảng lại vào tháng chín và chúng tôi sẽ ở bên nhau trong cùng khu mê cung bằng gạch giống như trò lắp ghép Lego mà một người nào đó nghĩ rằng là thiết kế thích hợp cho một ngôi trường. Tom có việc làm vào mùa hè năm ấy và tôi xem đó như là một trong những tín hiệu (chẳng hạn như, tủ quần áo dường như chỉ có toàn áo cổ lọ màu đen của anh) rằng anh muốn làm được nhiều việc hơn là sửa xe ô tô trong garage tồi tàn của gia đình, hoặc phóng bạt mạng trên xe máy cho đến khi đội cứu hộ đưa vôi anh vào bệnh viện với một tay hay một chân treo lủng lẳng. Anh đang làm việc cho Powder Peak, khu nghỉ mát trượt tuyết gần đó, xén cỏ quanh khu nhà nghỉ tầng hầm, cũng là nơi đặt văn phòng làm việc của công ty, và làm trợ lý cho đội bảo trì khi họ cần điều chỉnh ghế ngồi trên cáp đưa người trượt tuyết lên núi và lau chùi máy móc. Anh sắp mười lăm tuổi (cũng như tôi sắp lên mười ba), và anh có thể tụ tập với anh em và bố của mình ở garage, anh có thể dành cả tháng bảy và tháng tám để hút thuốc vô tội vạ với bạn bè của anh em và bố, nhưng anh đã không làm thế: Anh đi nhờ xe lên núi vào mỗi buổi sáng và đi nhờ một thành viên của đội bảo trì về nhà mỗi buổi tối. Dù xén cỏ và tra dầu ghế cáp chẳng có gì là to tát, nhưng vì anh làm việc đó ở cách nhà vài cây số, nên tôi thấy anh rất có chí.

Dĩ nhiên, công việc cũng khiến anh phần lớn thời gian không có mặt ở làng. Dù Tom và tôi chỉ mới hôn nhau một lần, và lần duy nhất đó đã là ba tháng rưỡi trước, nhưng tôi vẫn tin chắc rằng chúng tôi có thể có tương lai nếu một trong hai đứa tìm được cách đưa cơ thể mình vào trạng thái gần gũi hợp lý. Tôi tin rằng Tom đã không cố hôn tôi lần nữa vì hai lý do đơn giản, và theo thiên ý tôi, khiến tôi vững dạ. Thứ nhất, anh lớn hơn tôi hai tuổi, và

do đó với sự ga lăng của một đấng nam nhi tử tế và hiểu biết, sợ rằng tôi còn quá bé để hôn thường xuyên. Ngoài ra, chuyện anh lớn hơn tôi hai tuổi còn có nghĩa đường đời chúng tôi đơn giản là không giao nhau với bất kì tần số nào - chắc chắn là không giao nhau từ tháng chín đến tháng sáu, khi cả hai cùng học trường trung học công đoàn nhưng lại có cả một khối năm giữa hai chúng tôi như một vùng đệm, và giờ đây vào mùa hè cũng thế, vì anh có người lớn cho đi nhờ đến khu nghỉ mát trượt tuyết.

Nếu Rollie không tin chắc như tôi rằng Tom Corts là định mệnh của tôi, thì nó ít nhất cũng đồng tình rằng anh là một chàng trai tốt để tôi hẹn hò. Anh thông minh, độc lập, và dễ thương. Và bởi sẽ chẳng còn khả năng nào để đường đời của Tom và tôi giao nhau vào mùa thu, khi anh học lớp mười còn tôi học lớp tám, Rollie tin rằng chúng tôi phải cố gắng thúc đẩy mối quan hệ vào mùa hè. Trong tâm trí của một cô bé mười ba tuổi như Rollie, điều này có nghĩa đơn giản là phải hiện diện trước mắt Tom để anh lại có thể nảy ra sáng kiến gì đó.

“Quán kem tươi,” nó chu đáo đưa ra đề nghị với tôi vào chiều hôm đó. “Cậu phải lượn lơ ở quán kem tươi một khi đã xác định được khi nào anh ấy đến đó.”

“Tớ sẽ không lượn lơ ở quán kem tươi đâu. Tớ sẽ béo lên cho mà xem.”

“Cậu không cần phải ăn gì cả. Cậu chỉ cần đến đó.”

“Không đời nào. Tớ nghĩ tớ sẽ bị ốm nếu hít quá nhiều dầu mỡ từ món khoai tây chiên.”

“Cậu đâu có hít vào dầu mỡ.”

“Và tớ sẽ bị nổi mụn.”

“Cậu có thể sẽ nổi mụn khi cậu có kinh.”

“Cậu đâu có!”

“Tớ rửa mặt bảy tám lần mỗi ngày. Hai giờ một lần.”

“Vậy thì tớ cũng sẽ làm thế. Cậu nghĩ tớ là gì chứ, con lười à?”

“Tớ nghĩ cậu đang lý do lý trấu để khỏi chạm mặt Tom vì cậu mắc cỡ.”

“Tớ chẳng thấy cậu có tình cảm đặc biệt với ai.”

“Hiện giờ chẳng có đứa con trai nào khiến tớ quan tâm cả.”

Tôi lắc đầu, trong lúc Foogie chĩa vòi nước vào một tổ ong bầu gần mái hiên của ngôi nhà. “Tớ sẽ không lượn lờ ở quán kem tươi, đơn giản thế thôi.”

“Cậu có ý gì hay hơn không?”

“Có thể là cửa hàng bách hóa. Anh ấy phải mua thuốc lá trước khi lên núi.”

“Hoặc khi anh ấy về nhà.”

“Ừ.”

“Cậu không thể lảng vảng ở cửa hàng bách hóa, cậu biết mà.”

“Nhưng tớ có thể đến đấy khi anh ấy ở đó.”

Và câu chuyện tiếp diễn đến gần hết ngày. Chúng tôi vẫn ở bên ngoài, ngồi trên bậc tam cấp trước nhà đợi vợ chồng Bedford về, khi chiều chầm chậm chuyển sang tối. Qua cửa sổ phòng khách, chúng tôi nghe thấy Foogie đang xem phim truyền hình nhiều tập cũ phát lại trên ti vi, trong lúc đâm một chiếc đĩa bay bằng nhựa vào chiếc gối bông trên ghế sofa hết lần này đến lần khác.

Những câu chuyện mà các luật sư và nhà báo sẽ chọn để kể - dù trong tâm trí tôi, chúng chắc chắn không phải là câu chuyện của mẹ tôi - bắt đầu từ buổi chiều hôm ấy. Vợ chồng Bedford về nhà lúc sáu giờ, sau khi hầu hết các cuộc liên hoan ngoài trời ở Vermont đã bắt đầu bốc khói, nhưng còn cách vài giờ trước khi màn trời đêm được thắp sáng với những chùm pháo

hoa gầy gò, rục rờ. Khi Mục sư Bedford đang trả tiền cho Rollie (một khoản phí mà nó sẽ chia với tôi ngày hôm đó, dù nó mới là người trông trẻ chính thức của Foogie), cô Bedford kéo tôi vào nhà bếp.

Bằng một giọng thì thào mềm mỏng, bằng một ngữ điệu cho thấy cô đang trao đổi về một đề tài bị cấm đoán một cách mơ hồ, cô hỏi, “Connie à, mẹ của cháu, bà ấy có đúng là bà mẹ không?”

5

Tôi đã đỡ đỡ cho hai thợ làm bánh, nhưng chưa đỡ đỡ cho nhân viên nhà băng nào.

Các bà mẹ của tôi là họa sĩ, nghệ sĩ điêu khắc, nhiếp ảnh gia, và tất cả những người được trời phú cho tài năng thực sự tuyệt vời. Có ba bà mẹ của tôi là những nghệ sĩ đàn sơi cực kì tài giỏi, và hai người trong số đó đã đàn nên những tấm thảm kì diệu nhất mà tôi từng thấy trong đời. Khi có những cha mẹ là nghệ sĩ nhưng nghèo túng, tôi đã được trả công bằng những chiếc chăn thủ công do chính họ làm ra, những bức tranh, tác phẩm chạm trổ và tranh thủy tinh màu. Ngôi nhà chúng tôi đẹp đẽ là nhờ sự trao đổi hàng hóa.

Và cũng có nhiều nhạc sĩ trong số các ông bố bà mẹ của tôi, trong đó có cả Banjo Stan. Và Sunny Starker. Và nhóm Tullys.

Có những thanh niên làm trang trại, thợ mộc - có lẽ số lượng đủ để xây thành Rome trong một ngày - vợ của những người điều hành báo in, những chị em làm trang sức, gốm, làm nến từ sáp ong. Nếu tôi xem lại sổ sách của mình, tôi có thể tìm thấy một vài giáo viên, một biên tập viên báo chí, những người thợ điện làm công nhật, một chị chuyên làm đẹp cho chó, một anh thợ cắt tóc, vợ của những thợ cơ khí ô tô, chồng của những cô bồi bàn đang chuyển dạ, một đôi vợ chồng hướng dẫn trượt tuyết, người quét dọn ống khói, thợ lợp mái nhà, mục sư, thợ đốn gỗ, thợ hàn, thợ đào đất, một cô

nhân viên mát xa, thợ máy, người điều khiển cần cẩu, một nữ giáo sư, và đại biểu nữ đầu tiên của bang chuyên trách giao thông và du lịch.

Nhưng không có nhân viên nhà băng. Không luật sư. Và không bác sĩ.

Không có người làm quảng cáo để kiếm tiền, hoặc trám răng, hoặc tính thuế của người khác.

Không có người, như Rand, thiết kế nhà hoặc cao ốc hoặc trung tâm khoa học của trường cao đẳng.

Những kiểu người đó thường thích chọn bệnh viện hơn sinh tại nhà, và chọn bác sĩ sản phụ khoa hơn... hơn những người như tôi. Thế cũng hay. Họ nghĩ như vậy an toàn hơn, và dù thống kê cho thấy trong hầu hết các trường hợp, sinh tại nhà cũng không rủi ro hơn sinh tại bệnh viện là bao, nhưng họ cần làm những gì đúng đắn đối với họ. Tôi nghĩ điều đó là hoàn toàn bình thường.

Đôi khi tôi chợt nghĩ thật buồn cười khi tôi chưa bao giờ đỡ đẻ cho một nhân viên nhà băng.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

KHI MỘT CHIẾC MÁY BAY BỊ RƠI, thường là có hơn một thứ gặp trục trặc. Hệ thống an toàn trên những chuyến bay chở khách chồng chéo lên nhau, và trong đa số trường hợp cần một chuỗi những sai sót và xui xẻo để một chiếc máy bay cày xuống một khu rừng ở ngoại ô Pittsburgh, hoặc trượt khỏi một đường băng ở La Guardia vào Vịnh Flushing. Một chiếc máy bay Fokker F-28 do hai phi công kì cựu điều khiển một ngày nào đó có thể chúi mũi xuống hồ Champlain vài giây trước khi hạ cánh xuống sân bay Burlington cạnh bên theo kế hoạch, làm thiệt mạng ít nhất năm mươi sáu hành khách và bốn người trong phi hành đoàn, nhưng một vụ rơi máy bay như thế dù gì thì gì cũng cần phải có một chuỗi những lỗi do con người và sai sót cơ khí. Một cơn gió nghịch chiều đương nhiên có thể hạ chiếc

Fokker F-28 đó, gí nó xuống đất đột ngột từ độ cao tám, chín trăm mét, và một ngày nào đó điều đó sẽ xảy ra, nhưng có lẽ chỉ gió thôi là chưa đủ.

Cần phải có thêm, ví dụ như, cơ trường bị ốm khi ông lẽ ra phải có mặt tại buổi huấn luyện định kì của hãng hàng không về gió nghịch chiều - khi nào thì nó xảy ra, làm sao để đưa một chiếc máy bay băng qua nó.

Hoặc có thể đó đã là một chuyến bay êm ái từ Chicago đến Burlington, và dù cho lúc này mây xám đang cuộn cuộn còn sấm dội rền vang ở Tây Bắc Vermont, nhưng chuyến bay nhẹ nhàng tiến về hướng đông đã ru ngủ các phi công một chút, và họ đang phớt lờ quy định buồng lái nghiêm ngặt của Cục Hàng không liên bang Mỹ về việc cấm các cuộc nói chuyện ngoài lề dưới độ cao ba nghìn mét. Có thể viên phi công đang bình phẩm về việc các con của ông rất thích đi bộ đường dài vào rừng sâu ở Đông Bắc Burlington đúng vào lúc cơn gió nghịch chiều đập mạnh lên nóc máy bay, lời bình của ông về rừng rậm làm trì hoãn một giây quan trọng việc đưa ra quyết định tăng tốc máy bay lao về trước và bỏ lệnh hạ cánh.

Hoặc có thể đúng vào giây phút còi báo động gió nghịch chiều trong buồng lái gào lên âm thanh cảnh báo nhức óc và viên phi công theo bản năng lái máy bay sang bên phải để tránh hạ cánh, nhân viên không lưu ở tháp điều khiển Burlington đang thông báo với ông về cơn gió và yêu cầu tăng độ cao lên về phía bên trái; trong mớ hỗn loạn cảnh báo - một máy, một người - chỉ cần nửa giây chần chừ cần thiết để cơn gió đẩy chiếc máy bay lắp ráp từ những năm 1970 xuống hồ nước chứa hàng trăm chiếc phà, xuống, và những khẩu đại bác bằng sắt từ thế kỉ mười tám và mười chín.

Tôi đang kể với bạn những điều này vì đó là những gì luật sư của mẹ tôi nói đến rất nhiều khi ông ấy mới nhận lời bào chữa cho bà. Ông có thể nói thao thao bất tuyệt, luôn luôn dẫn đến một quan điểm giống nhau. Đại khái là, phân phải thực sự đập vào cánh quạt thì máy bay mới rơi chúi mũi được.

Luật sư của mẹ tôi từng là thợ cơ khí mặt đất trong không lực hải quân Việt Nam, nhưng vô cùng khát khao được trở thành phi công: Tuy

nhien, do vừa mù màu vừa cận thị, nên thị lực của ông không cho phép ông làm điều đó. Như tôi nhớ, cách nói ví von của ông vào năm 1981 chủ yếu xoay quanh cánh máy bay đóng băng thay vì gió nghịch chiều, hoặc - một cách nói rất ưa thích của ông ấy - chuỗi những sự kiện bất ngờ thường phải xảy ra để khiến một chiếc máy bay phản lực bị rơi vì nó hết nhiên liệu. Nhưng ông rất thích kiểu nói ví von của mình.

Lúc ông ngồi ở bàn ăn trong nhà chúng tôi giữa những chồng giấy ghi chú màu vàng, hoặc lúc ông đi đi lại lại trong nhà bếp, thỉnh thoảng dừng lại trước khung cửa sổ nhìn ra con đường trượt tuyết trên núi Chittenden, quan điểm của ông trong suốt những ngày và đêm đó là bất biến khi ông bắt đầu chuyển dịch tất cả những biến số trong đầu: Cần phải có cùng một chuỗi những bất hạnh và sai lầm để một bệnh nhân của mẹ tôi chết trong lúc sinh con, cũng như để một chiếc máy bay rơi xuống.

Và sự việc có vẻ là như thế, ít nhất là lúc đầu, trong cái chết của Charlotte Fugett Bedford. Cô ấy chết vào giữa tháng ba, sau một cơn đau đẻ dài như ác mộng. Lốp băng đá rơi mãi không ngừng đêm hôm đó đã làm mẹ tôi và người học việc của bà kẹt lại với Mục sư Asa và Charlotte. Ngay cả xe tải chở cát và xe xúc tuyết còn bị trượt ra khỏi mặt đường như những chiếc xe trượt tuyết bằng nhựa. Điện thoại không bị mất tín hiệu quá lâu vào ngày 14 tháng ba, nhưng chúng đã mất tín hiệu đúng vào khoảng bốn giờ sinh tử từ mười hai giờ hai mươi lăm đến bốn giờ mười lăm sáng hôm đó.

Và có một lúc Charlotte thực ra đã có biểu hiện khiến mẹ tôi lo sợ hiện tượng nhau bong non: Nhau bong ra khỏi thành dạ con, khiến người mẹ có thể chảy máu đến chết. Có lúc Charlotte chảy máu xối xả từ âm đạo, và cơn đau trong người cô dường như nghiêm trọng hơn kiểu đau đẻ tự nhiên. Nhưng máu đã chảy chậm lại thành nhỏ giọt, rồi dừng hẳn, và nếu nhau có bong non, thì rõ ràng nó đã vón lại và bắt đầu tự lành.

Lại có lúc huyết áp của Charlotte hạ xuống mức bảy mươi lăm trên năm mươi trong thời gian ngắn, còn nhịp tim của thai nhi chậm lại trong khoảng

sáu mươi đến bảy mươi nhịp một phút. Mẹ tôi và trợ lý của bà chỉ mới làm việc cùng nhau được ba tháng tính đến tháng ba năm đó, và Anne Austin vẫn còn phải học hỏi nhiều: khi cô ấy - một cô gái trẻ chỉ mới hai mươi hai tuổi - đặt ống nghe lên bụng Charlotte và nghe thấy tim đứa bé đập chậm lại, cô đã bật khóc để mẹ tôi nghe thấy, điều đó dĩ nhiên khiến Charlotte sợ hãi khóc thành tiếng.

Rõ ràng đã có náo loạn trong căn phòng đó ngay cả trước khi điều tồi tệ nhất xảy ra.

Do đó, khi Stephen Hastings - từ cựu binh Việt Nam chuyển sang làm luật sư Vermont - mới nhận lời đại diện cho mẹ tôi, ông đã kết luận rằng hẳn phải có một sự kết hợp giữa thời tiết khắc nghiệt, đường dây điện thoại bị đứt, và vận xui để Charlotte Bedford tử vong. Trong suy nghĩ của ông, nếu không có băng đá trên đường, mẹ tôi hẳn đã lái xe chở bệnh nhân của bà đến bệnh viện ở Newport. Nếu điện thoại hoạt động được, bà hẳn đã gọi cho đội cứu hộ, và họ hẳn đã tức tốc đưa Charlotte đến đó. Và, đương nhiên, mẹ tôi sẽ làm mọi điều có thể nếu Charlotte bị sốc vì nhau bong non. Mẹ tôi đã chuẩn bị cung cấp khí oxy. Bà đã chỉ đạo Anne lôi từ trong chiếc túi đồ nghề bằng vải in hoa ra nào ống nhựa, nào kim và túi chất dịch trong suốt mà bà sẽ truyền cho Charlotte để giữ cho cô không bị mất nước... nhưng Charlotte đột nhiên ổn định.

Không, nguyên nhân tử vong không phải là nhau bong non, như khám nghiệm pháp y sau này khẳng định. Và mẹ tôi hiểu điều này rất rõ trước khi cơn khủng hoảng thật bắt đầu: một thứ giống như chứng phình động mạch não ở đâu đó sâu bên trong não của Charlotte.

Đôi khi tôi nghe mẹ cố gắng giải thích với Stephen rằng dù đã có những khoảnh khắc hỗn loạn và lúng túng vào đêm đó, nhưng chuỗi những sự kiện tước đi mạng sống của Charlotte Fugett Bedford lại không hề phức tạp như kiểu chuỗi sự kiện lôi máy bay từ trên trời và con người vào chỗ chết. Bà cố

gắng nói với ông rằng nó vô cùng bình thường, và ông luôn từ tốn nhắc bà rằng nó không phải thế.

Hoặc ít nhất là, ông ấy thường nói, nó không bình thường trong mắt bồi thẩm đoàn. Và rồi họ lại thảo luận một lần nữa điều không thể chối cãi đã xảy ra trong căn phòng ấy.

Charlotte Fugett Bedford chuyển dạ đứa con thứ hai của cô vào ngày thứ năm, 13 tháng ba, năm 1981. Các cơn co thắt của cô bắt đầu xuất hiện vào cuối buổi sáng, và Charlotte kết luận rằng cơn đau lưng của cô chẳng liên quan gì đến cách cô nhắc chiếc máy hút bụi lên khi lau xong phòng khách. Vào lúc một giờ ba mươi lăm, cô gọi điện cho chồng mình ở văn phòng của ông tại nhà thờ và nói chuyện với ông trong ba phút. Vào lúc một giờ bốn mươi, cô gọi cho mẹ tôi, gặp bà lúc bà đang chuẩn bị ra khỏi nhà để thay dầu chiếc xe nhà ga. Charlotte và mẹ tôi nói chuyện trong sáu phút.

Mẹ tôi biết Charlotte đã chuyển dạ rất dễ dàng khi sinh Foogie, dù giai đoạn đầu - khoảng thời gian khi cổ tử cung mở đến mười centimet, và các cơn co thắt trở nên dài hơn, thường xuyên hơn, và ồn ào hơn - đã diễn ra trong một ngày rười rượi dưới cái nóng của Alabama. Tuy nhiên, giai đoạn thứ hai lại rất ngắn: Khi Charlotte đã sẵn sàng rặn, cô đẩy Foogie qua khe sinh sau hai mươi phút.

Dù không có bản ghi chép nào về cuộc nói chuyện của mẹ tôi và Charlotte trên điện thoại, nhưng bên công tố chưa bao giờ nghi ngờ lời khai của bà. Bà kể Charlotte nói với bà những cơn co thắt của cô vào đầu buổi chiều thứ năm hôm đó vẫn còn cách nhau hai mươi phút và kéo dài khoảng ba mươi hoặc ba mươi lăm giây. Vì thế mẹ tôi quyết định vẫn đi thay dầu xe như đã dự định và sau đó tiến về phía bắc đến nhà Bedford. Bà tính toán mình sẽ đến đó lúc ba giờ hoặc ba giờ ba mươi, và bà đã đúng.

Tuy nhiên, bà đã gọi điện cho người học việc mới và yêu cầu Anne đến nhà Bedford ngay lập tức. Bà không biết khi nào Mục sư Asa mới về, và bà muốn đảm bảo Charlotte có người bên cạnh.

Tôi nhớ mình đã bước xuống xe buýt đưa đón học sinh ở Reddington buổi chiều hôm đó đúng vào lúc bầu trời bắt đầu phụt xuống một cơn mưa tháng ba lạnh buốt. Trên núi vẫn còn một tấm chăn tuyết dày, được làm mới có lẽ hai ngày một lần, nhưng trận tuyết duy nhất ở Reddington ngày hôm đó là dòng chảy chậm dọc những mặt tối của các tòa nhà. Nhiệt độ vẫn lơ lửng giữa khoảng âm sáu đến âm một độ trong phần lớn các buổi chiều, nhưng chúng tôi biết mùa đông đang lui dần và mùa xuân sẽ sớm đến.

Tôi không ngạc nhiên rằng mẹ đã đi vắng khi tôi bước vào nhà. Tôi không cần đọc lời nhắn bà viết bằng cây bút ni mực xanh mà bà yêu thích, để biết bà đang đến nhà Bedford. Tôi đã trông đợi lời nhắn ấy nhiều ngày rồi.

Vào khoảng cùng lúc tôi đi học về, một trong các giáo dân của Mục sư Asa ghé qua nhà Bedford để đón Foogie. Nhà của gia đình Bedford rất nhỏ, và bố mẹ của Foogie đã đồng ý rằng tốt nhất là để cậu con trai ở một nơi nào khác khi em nó chào đời.

Giai đoạn chuyển dạ đầu khi sinh đứa con thứ hai của Charlotte lâu hơn rất nhiều so với dự đoán của hầu hết các bà mẹ và bác sĩ. Mẹ tôi đến nhà Bedford vào tầm giữa buổi chiều, và khai trước tòa rằng bà dự tính Charlotte sẽ sinh con không lâu sau bữa tối. Bà nói bà chưa bao giờ đi đến một ca đẻ mang theo bất kì hi vọng nào, hoặc mục tiêu tính theo giờ nào trong đầu: chẳng hạn như một giai đoạn đầu thì phải kéo dài mười giờ, sau đó là chín mươi phút rặn. Bà nói không một bà mẹ hay bác sĩ nào làm thế. Nhưng khi bị luật sư của bang chất vấn, bà nói nếu bà có bất kì hi vọng nào, thì đó hẳn là bà nghĩ cổ tử cung của Charlotte sẽ mở hoàn toàn vào khoảng sáu hoặc bảy giờ tối, và đứa bé sẽ chui ra vào khoảng chín hoặc mười giờ tối hôm đó - muộn nhất là thế.

Lúc không giờ kém mười lăm phút, khi Charlotte đã mở được tám centimet và đầu đứa bé đã xuống dưới xương sống đốt háng đến vị trí thuận lợi đầu tiên - đó là khi, theo suy nghĩ của mẹ tôi, cuống rốn không còn khả năng

trượt qua cổ tử cung đi qua đầu đứa bé, gây nguy hiểm cho thai nhi - mẹ tôi thận trọng cắt lớp màng đang chặn nước ối của Charlotte.

“Tôi không hiểu tại sao chị lại làm thế,” Anne thì thầm với mẹ tôi, lo rằng sự can thiệp này là không cần thiết.

“Đã đến lúc,” mẹ tôi nhún vai đáp.

Vào giữa đêm trời bắt đầu mưa, và những giọt nước mưa biến thành băng đá khi chạm xuống mặt đất giá lạnh. Lúc đó là âm một độ C tại trung tâm thời tiết của Trường cao đẳng bang Lyndon. Vào lúc không giờ hai mươi lăm, điện thoại giữa Newport và Richford, giữa Reddington và Derby Line bị cắt đứt, do sức nặng của băng đá đóng trên đường dây điện thoại, và vài cơn gió không đúng lúc. Mẹ tôi và người học việc của bà không hề biết điện thoại đã hỏng lúc đó, nhưng họ sẽ sớm biết điều này.

Cổ tử cung của Charlotte đã mở hoàn toàn lúc một giờ sáng. Giai đoạn đầu tiên của cô kéo dài mười ba giờ đồng hồ. Sự chuyển biến của Charlotte, giai đoạn kinh hoàng đối với nhiều bà mẹ ấy, chỉ ngay trước khi họ phải bắt đầu dùng hết sức bình sinh để rặn, những khoảnh khắc mà nhiều bà mẹ lo lắng với nỗi sợ bản năng rằng họ sẽ không sống nổi qua thử thách này, đây biến động. Cả mẹ tôi lẫn Asa Bedford đều khai trước tòa rằng Charlotte bắt đầu khóc trong cơn đau, nói đi nói lại rằng đứa bé trong người đang sắp xé toạc cô ra. Cô van nài họ giúp cô, nói với họ rằng cô cảm thấy khác so với lần sinh Foogie, đây là kiểu đau chết người, đây là sự tra tấn mà cô không còn chịu đựng nổi nữa và cô sẽ không sống nổi.

“Tôi không làm được, tôi không làm được! Chúa ơi, tôi không làm được!” cô kêu gào.

Và, trong ít nhất một phương diện, Charlotte đã đúng khi cô ấy nói rằng cô cảm thấy khác so với lần sinh con đầu lòng. Không như lần sinh con thứ nhất, ngày và đêm đó ở Vermont, cô đang chịu đựng cơn cực hình chuyển dạ với một đứa bé nằm ở vị trí chẩm sau bên phải: Đầu đứa bé đang đè lên

xương cùng, đốt xương ở phía sau khung chậu của Charlotte. Thay vì úp mặt xuống khi nhú ra, rất có khả năng đứa bé sẽ ngửa mặt chào đời.

Nhưng điều này không khiến mẹ tôi hoảng hốt. Thông thường đứa bé sẽ xoay lại vào cuối giai đoạn chuyển dạ đầu tiên hoặc vào đầu giai đoạn thứ hai. Và để tăng khả năng đứa bé xoay lại - cũng như để giảm đau lưng cho Charlotte - mẹ tôi bảo Charlotte đứng lên và đi lại giữa những cơn co thắt, bà để cô chuyển dạ trong lúc bò trên hai tay và đầu gối. Đôi khi mẹ bảo Anne đắp miếng gạc hoặc khăn nóng lên lưng Charlotte; thỉnh thoảng bà bảo Charlotte ngồi xổm.

Giữa một giờ và một giờ ba mươi phút sáng, khi Charlotte ở trong tình cảnh khốn khổ nhất và tiếng la khóc của cô rất lớn, kéo dài đầy tuyệt vọng, Mục sư Asa đã cầu nguyện. Mẹ tôi đã khai sau khi tuyên thệ rằng bà vẫn xem ca đẻ là bình thường, và những gì đã xảy ra đều không hề có tính cảnh báo với bất kì bác sĩ sản phụ khoa hoặc bà mụ nào ở bất kì nơi đâu trên thế giới. Cơn đau đẻ của Charlotte đến thời điểm ấy là rất vất vả, nhưng nó không đe dọa tính mạng hoặc nguy hiểm cho đứa bé bên trong cô.

Thoạt đầu Mục sư Asa còn cầu nguyện nhẹ nhàng, giọng của ông đều đều và bình tĩnh, nhưng khi tiếng rên rỉ của Charlotte mỗi lúc một ai oán và dễ sợ, tiếng cầu nguyện của ông trở nên gấp gáp và căng thẳng hơn.

Cả mẹ tôi và Anne đều khai rằng ông đã cầu xin Đức giáo hoàng giúp đứa con của Ngài là Charlotte vượt qua thử thách này, cho cô sức mạnh và lòng can đảm để chịu đựng nó, và bảo vệ cô suốt chặng đường. Ông cầu nguyện trôi chảy nhất khi Charlotte im lặng nhất: Khi Charlotte mở to miệng để la hét, ông thường giảm lời cầu nguyện xuống còn bài kinh cầu Chúa hết lần này đến lần khác.

Đôi khi Charlotte cố gắng đọc kinh cầu Chúa với ông, nhưng cô không bao giờ đọc hết trước khi phải dừng lại để thở trong đau đớn.

Còn mẹ tôi vẫn không ngừng trấn an cả hai người - và, khi đêm ngày càng dài hơn, điều này còn trấn an cả cô trợ lý của bà nữa - rằng cơn đau đẻ ở lưng rất vất vả và đau đớn, nhưng không gây chết người.

Ngay sau một giờ ba mươi phút, không lâu sau khi mẹ tôi đề nghị Mục sư Asa trèo lên giường và ngồi sau lưng vợ khi cô rặn, mẹ tôi để ý thấy vết máu. Bà tự nhủ đấy chỉ là máu báo chuyển dạ, nhưng thời điểm chảy máu và lượng máu khiến nhịp tim bà đập theo kiểu làm bà hồi hộp. Bà và Anne chỉ vừa mới đặt tấm trải sạch, được tiệt trùng trong lò nướng lên giường để đón đứa bé, và vết máu loang ra trên tấm vải trắng như một ly rượu vang đỏ bị đổ trên khăn trải bàn mới.

Charlotte khiến mẹ tôi ngạc nhiên khi nâng cơ thể mình lên với một sức lực khiến cô suýt lăn ra khỏi giường. Đến khi mẹ tôi níu được cô và bảo rằng cô vẫn ổn, thì máu đã vấy lên đùi và hông cô, cũng như lòng bàn tay mà cô dùng để đập vào giường trong lúc đau.

Sự chịu đựng của Charlotte có vẻ đã quá sức, và khi mẹ đo huyết áp cho cô, bà thấy nó đã giảm trong một giờ đó: huyết áp tâm thu đã giảm xuống còn tám mươi, và tâm trương xuống sáu mươi. Mạch của Charlotte đã tăng lên một - hai mươi, rồi một - ba mươi, nhưng nhịp tim của thai nhi vẫn không lên nổi chín mươi nhịp một phút.

Mẹ tôi quyết định sẽ không bảo Charlotte rặn thêm trong vài phút nữa, trong lúc bà theo dõi cô. Nếu huyết áp Charlotte tiếp tục giảm, nếu bà nghĩ cô ấy đang rơi vào trạng thái sốc hoặc nếu thấy thêm bất kì dấu hiệu nào của hiện tượng thai suy, bà dự định sẽ gọi đội cứu hộ của thị trấn để đưa cô đến bệnh viện. Nếu vì lý do nào đó họ không có sẵn người, bà sẽ đích thân chở cô đến đấy.

Ba phút sau, huyết áp của Charlotte giảm xuống bảy mươi lăm trên năm mươi, còn nhịp tim thai nhi đã giảm xuống sáu mươi hoặc bảy mươi nhịp một phút. Máu âm đạo đã trở thành dòng chảy nhỏ giọt rất nhỏ, hầu như không nhìn thấy, và rồi dừng hẳn... nhưng tấm trải giường ướt sũng nhắc lại

quy mô của đợt sóng trước đó. Và thế là mẹ tôi nói với hai người làm cha mẹ trong phòng đó rằng vì lợi ích của Charlotte cũng như của thai nhi, đứa bé nên được sinh trong bệnh viện. Bà nói - và rõ ràng lời nói của bà lập tức trở nên hụt hơi và lo lắng - có khả năng nhau đã bong ra khỏi thành dạ con. Bà giải thích điều này có nghĩa là đứa con của họ sẽ không có đủ dưỡng chất cần thiết, và Charlotte có thể đang chảy máu trong.

Mẹ tôi không bao giờ đưa ra quyết định một cách chóng vánh hoặc hời hợt rằng bệnh nhân của bà cần đến bệnh viện, nhưng bà cũng không bao giờ chần chừ đưa một thai phụ đang gặp nhiều biến chứng nguy hiểm đến sinh con với tấm lưới an toàn của y học hiện đại trải ra bên dưới cô ấy. Trước ngày 14 tháng ba năm 1981, tỉ lệ thai phụ được Sibyl Danforth đưa đến bệnh viện vì nhiều lý do là một phần hai mươi lăm.

Cả bà và Mục sư Asa sau này đều khai rằng nếu điện thoại hoạt động vào đêm hôm đó, thì mọi việc có thể đã kết thúc khác đi. Không như một vài bậc cha mẹ van nài mẹ tôi để họ tiếp tục cố gắng, những người hoặc quá yêu thích sinh con tại nhà hoặc ghét bệnh viện với lòng căm ghét tột độ đến mức họ sẵn sàng đau đớn hàng giờ liền bất chấp nguy hiểm, gia đình Bedford sẵn sàng chấp thuận rằng họ sẽ mạo hiểm đến những chiếc giường đẻ được cơ khí hóa với đường ray kim loại và những căn phòng phẫu thuật vô trùng của Bệnh viện North Country ở Newport.

Mẹ tôi nhắc điện thoại trong phòng ngủ lên để gọi cho đội cứu hộ (thời đó hầu hết điện thoại ở Vương quốc Đông Bắc thực ra đều yêu cầu họ phải quay số gọi về nghĩa đen) và phát hiện không có tín hiệu. Theo phản xạ, bà ấn vào hai nút trên giá để ống nghe và kiểm tra kết nối: kết nối của dây vào điện thoại và vào lỗ cắm gần chân tường. Khi thấy cả hai đều được gắn vào, bà đề nghị Anne kiểm tra điện thoại ở nhà bếp dưới lầu. Một lúc sau Anne gọi với lên lầu để thông báo với mẹ tôi rằng điện thoại ở tầng trệt không hoạt động.

“Nó cũng hỏng rồi!” cô ấy nói to với họ, và cả mẹ tôi lẫn Mục sư Asa đều nhận ra sự hoảng loạn trong giọng nói của cô gái trẻ, sự hoảng loạn mà họ hi vọng Charlotte không nghe thấy. Tuy nhiên, rõ ràng cô đã nghe.

Lúc ấy mưa và đá thủy tinh cứng đã đập vào cửa sổ phòng ngủ trong hơn một giờ, dù mẹ tôi nói bà chỉ nhận ra âm thanh ấy ngay sau khi Anne hét lên tin dữ từ lối đi nhỏ ở chân cầu thang. Sau khi người học việc phát hiện chắc chắn rằng điện thoại đã hỏng, Charlotte trở nên im lặng trong sợ hãi, còn cơn mưa và băng đá vẫn đập lên cửa kính không dứt nghe như, theo lời khai của mẹ tôi ở bục nhân chứng, “như ai đó đang dùng hết sức bình sinh ném hàng năm sỏi, như thể họ đang cố làm vỡ kính.”

Mẹ tôi gọi Anne trở lại phòng ngủ để ở bên cạnh Charlotte và Mục sư Asa trong khi bà đi ra ngoài để khởi động xe: Chiếc xe nhà ga của bà to hơn chiếc Sunbird bé nhỏ của gia đình Bedford hoặc chiếc Maverick tí hon của Anne, và Charlotte sẽ cảm thấy thoải mái nhất khi ngồi trong đó.

Mặt đất đã trở nên trơn trượt thế nào? Chuyển vật lộn của mẹ tôi băng qua lối đi được Mục sư Asa lát đá xanh và qua mười ba mét đường lái xe vào nhà đến điểm đỗ xe của bà sẽ không đến nỗi buồn cười nếu nó không đau khổ đến vậy. Ba ngày sau, vào ngày thứ hai, luật sư của mẹ đã chụp hình những vết bầm - vẫn còn xanh tím và xấu xí - dọc hai chân bà. Họ cũng chụp hình những vết cắt dài dọc phía trong bàn tay bà, cũng như mắt cá chân bị bong gân sưng phồng mà bà phải dán miếng băng Ace suốt mấy tuần liền sau đó.

Mẹ nói bà đã ngã bốn lần trước khi bò bằng tay và đầu gối đến xe của mình, sau đó đứng lên bằng cách vịn vào tay cầm kim loại của cửa trước chiếc xe. Tuy vậy bà vẫn dự định sẽ chở Charlotte đến bệnh viện, và bắt đầu bằng cách cố đưa chiếc xe đến ngay bậc thềm trước nhà - mặc kệ cái sân và đá xanh - để Charlotte không phải đi bộ trên sân trượt băng đã bao phủ khu đất nhà Bedford. Khi bà từ từ đạp chân xuống ga, các lốp xe xoay tít như những bánh xe lễ hội không di chuyển được, trước khi đột ngột đẩy chiếc xe về

trước và rồi quay nó gần như ba trăm sáu mươi độ. Chiếc xe trượt xuống phần sót lại của một bức vách tuyết phủ băng mà một giáo dân của Mục sư Asa đã đắp lên trong lúc xúc tuyết đường lái xe vào nhà suốt mùa đông năm ấy. Và dù chiếc xe của mẹ tôi không hề hấn gì, bà biết chuyện lái xe đến bệnh viện là bất khả thi.

Nếu mẹ tôi có khóc - và tôi nghĩ bà có toàn quyền làm điều đó khi đẩy cửa xe ra và lăn xuống đất trước khi quay trở về nhà của Bedford - thì bà cũng đã nín khi có mặt trở lại cạnh Charlotte, Mục sư Asa và Anne. Nhưng sau này bà nói bà đã khóc. Bà từng đỡ ra thai nhi đã chết, những đứa bé đẻ non có linh hồn mà bà nói rằng đã lên thiên đường trước khi da thịt kịp biết đến một thế giới rộng lớn hơn tử cung, nhưng kinh nghiệm không làm cho thử thách lần này bớt buồn hơn. Bà nói bà luôn khóc cho những đứa bé ấy và cho cha mẹ chúng, và bà lo sợ lúc này rằng đứa bé bên trong Charlotte sẽ chết, và gia đình Bedford sẽ mất đứa con thứ hai của họ. (Sau đó, điều tra của bang cho thấy trước ngày 14 tháng ba năm 1981, có ba ca thai nhi tử vong trong lúc được mẹ tôi đỡ đẻ, hay gần bằng chính xác tỉ lệ thường xảy ra đối với những thai phụ được bác sĩ sản phụ khoa đỡ đẻ.)

Mẹ tôi khai rằng dù mặt đất trơn trượt vì băng đá, nhưng vẫn có một ít bụi tuyết bám vào cò, và khi bà trông thấy nó, bà đã tưởng tượng cảnh lớp bã nhờn thai nhi bao bọc cơ thể của đứa bé vô hồn, không còn thở của nhà Bedford. Bà tưởng tượng đứa bé là một bé trai.

Nhưng dù mẹ tôi lo lắng họ sẽ mất đứa bé, bà bảo chưa bao giờ nghĩ đến cảnh Charlotte Fugett Bedford sẽ chết. Bà biết mình có thể cầm máu ngay sau khi đã đỡ đứa bé ra (dù sống hay chết), và chắc chắn đường dây điện thoại sẽ nhanh chóng được sửa. Bà nhắc mình rằng Charlotte phải mất ba lít, ba lít rưỡi hoặc bốn lít máu trước khi xảy ra tình trạng tim ngừng đập, và đó, theo quan điểm của mẹ tôi, là rất nhiều máu.

Bà biết trong túi đồ nghề của mình có ống tiêm, lọ thủy tinh đựng thuốc Pitocin và Ergotrate - những loại thuốc khiến tử cung co thắt mạnh, và đôi

khi có thể kiểm soát tình trạng chảy máu trong. Dĩ nhiên, bà bị cấm sở hữu những vật chất được pháp luật kiểm soát này, nhưng mọi bà mẹ đều đem chúng theo. Mẹ tôi cũng không cá biệt.

Tuy nhiên, hình ảnh Sibyl Danforth đi khắp nơi ở Bắc Vermont đem theo một chiếc túi to chứa đầy những loại thuốc cấm và ống tiêm không phải là một hình ảnh có lợi tại tòa án.

Trở trêu thay, khi mẹ tôi quay trở lại phòng ngủ của nhà Bedford, Charlotte lại có vẻ khá hơn. Huyết áp của cô đã trở về bình thường, nhịp tim thai nhi cũng thế: một trăm, một - mười, rồi sau đó là con số trấn an: một trăm và hai mươi nhịp đập nhỏ bé một phút. Charlotte đã ngừng chảy máu, và cô chắc chắn không hề có triệu chứng gì của một cơn choáng. Da cô không lạnh, sắc diện trông rất ổn, thái độ rất tốt. Cuối cùng thì chẳng cần đến khí oxy hoặc truyền dịch. Không cần đến Pitocin.

“Tôi tin rằng bây giờ mình đã khỏe rồi, chị Sibyl ạ,” cô ấy nói, giọng nói mệt mỏi nhuốm hi vọng.

Với tuyên bố này, Charlotte có thể chẳng muốn nói gì hơn ngoài ý cơn đau của cô, vào lúc đó, đã trở nên chịu đựng được. Vượt qua được. Chống chọi được. Nhưng trong giọng nói của Charlotte mẹ tôi còn nghe được nhiều hơn. Trong giọng nói của Charlotte mẹ tôi đã nghe thấy một sự chứng nhận âu yếm trước sức mạnh của lời nguyện cầu: Trong lúc mẹ tôi trượt ngã thê thảm bên ngoài dưới trời mưa và băng đá lạnh mà mỗi bước sau đó đều gây cho bà một cơn đau hờn xiêu phách lạc, thì Mục sư Asa, Charlotte và cả Anne đã cầu nguyện. Mục sư Asa đã quỳ gối bên giường vợ, ôm lấy đôi tay thuôn dài, xanh xao của cô, và cùng nhau họ đã cầu nguyện để máu ngừng chảy và cơn đau giảm nhẹ; họ đã cầu nguyện cho đứa bé trong người cô được sống, và cho cuộc đời họ được ban phước với sự hiện diện của nó.

Anne nói trước tòa rằng cô chưa bao giờ nghe thấy nhiều tình yêu thương đến thế trong lời nói của một người đàn ông như cô đã nghe trong lời nói của Asa Bedford vào sáng sớm hôm đó.

Mẹ tôi lập tức cảm thấy được an ủi và xúc động. Bà không còn lo sợ nhau bong non nữa. “Xem nào,” bà nói đơn giản, “hãy đưa đứa bé ra khỏi người cô nào.” Khi đó, theo ghi chú mà bà viết vội, là hai giờ ba phút sáng.

Mẹ tôi dựng Charlotte ngồi dậy trên giường giữa hai chân Mục sư Asa và để cô dựa người vào ông một lần nữa: Lưng cô tựa vào ngực ông, còn lưng ông thì tựa vào tấm ván đầu giường. Đôi tay của Mục sư Asa có thể chạm đến đùi trong của vợ và giữ chân cô dạng ra trong lúc cô rặn, để đứa bé có chỗ chui ra. Đầu, cổ và xương sống của Charlotte nằm trên một đường thẳng, cô ngồi trên một chiếc gối cứng mà mẹ tôi mới mua tại một cửa hàng giảm giá và đã giặt sạch, để móng cô cách nệm vài centimet.

Mẹ tôi không tin rằng thai nhi đã xoay tròn trong lúc chui ra. Vì thế, bà chờ đợi nó sẽ chào đời ngửa mặt nhìn trần nhà, thay vì nhìn xuống đất, và phía sau đầu nó sẽ tiếp tục gây đau đớn cho Charlotte khi nó thực hiện chuyển đi cuối cùng qua xương chậu của cô.

Charlotte từng chuyển dạ một lần trước đây và cô đã tham gia vài khóa học sinh sản của mẹ tôi, vì thế cô biết nên thở và rặn thế nào. Cô biết làm sao để vượt qua cơn co thắt giai đoạn hai, và tận dụng tối đa từng lần một. Cô biết khi nào nên giữ khí lại trong người và rặn, khi nào nên thả lỏng và hít thở vừa phải, nhẹ nhàng.

Trong một giờ Charlotte đã rặn qua từng lần co thắt, mỗi lần như thế, mẹ tôi, Mục sư Asa và Anne lại cổ vũ cô rặn thêm một, hai giây nữa:

“Cô làm được mà, một chút nữa, một chút nữa, một chút nữa, một chút nữa!”

“Em làm tốt lắm, tốt lắm! Hoàn hảo!”

“Một giây nữa, một giây nữa, một giây nữa!”

“Ôi trời ơi, chị giỏi lắm, Charlotte ạ, giỏi lắm, giỏi lắm!”

“Em làm được mà, em đang làm rất tốt, rất tốt, rất tốt. Làm tốt lắm!”

“Cố lên, cố lên, cố lên, cố lên, cố lên, cố lên!”

Tôi đã nhìn thấy mẹ tôi đỡ đẻ đủ nhiều để biết bà là một người hướng dẫn giỏi truyền cảm hứng và là một hoạt náo viên năng nổ nhiệt tình. Tôi cũng đã thấy cách mà hầu hết các ông bố để cho mẹ tôi dùng lời nói đem lại phần lớn sự tự tin. Mẹ tôi thật giỏi làm chuyện này.

Nhưng ai nói gì trong khoảng từ hai giờ đến sáu giờ sáng là điều rất quan trọng đối với chính quyền bang, và họ nhấn mạnh - còn mẹ tôi và luật sư của bà không bao giờ bác bỏ - rằng Mục sư Asa và Anne đã nói hầu hết các câu “Làm tốt lắm,” trong khi mẹ tôi nói hầu hết là “Một chút nữa” và “Một giây nữa.”

Charlotte nhắm mắt và nghiêng rằng khi cô rặn, những nếp nhăn kéo dài đến tận thái dương trên mặt cô trở nên hằn sâu hơn. Như tất cả các bà mẹ chuẩn bị sinh con, Charlotte đã căng người, đã cố gắng và chắc chắn đã nỗ lực hết sức. Đôi khi khuôn mặt cô chuyển sang màu xanh khi mẹ tôi thúc cô ép xuống mạnh hơn nữa.

“Một giây nữa, một giây nữa, một giây nữa!”

“Ôi trời ơi, cô làm tốt lắm, Charlotte, tốt lắm, tốt lắm!”

Sau khi Charlotte đã rặn suốt một giờ liền, mẹ tôi để cô nghỉ hai mươi phút. Charlotte một lần nữa lại trải qua nỗi sợ rằng cô sẽ không thể rặn đứa bé ra, và cô rất hoảng hốt. Mẹ tôi trấn an cô rằng đứa bé sẽ ổn, và cô cũng thế.

Đầu đứa bé, như mẹ tôi khai trước tòa, đã có tiến triển trong suốt một giờ đó, dù kết quả khám nghiệm pháp y không xác định được. Chuyên gia pháp y không thể biết chắc đứa bé đã đi xa cỡ nào, và ông ấy chắc chắn không thể tự tin nói nó đã đi đến đâu vào lúc ba giờ, bốn giờ, hoặc năm giờ sáng hôm đó.

Lúc ba giờ mười lăm, Charlotte tiếp tục rặn. Quai hàm nghiêng chặt nhưng hai môi ban ra, cô tiếp tục cố gắng rặn đứa con ra đời. Đôi khi đầu cô dựa

vào vai Mục sư Asa, đôi khi cô tựa cằm vào ngực mình.

“Cô có thể làm được, một chút nữa, một chút nữa, một chút nữa, một chút nữa, một chút nữa!”

“Cô làm tốt lắm, tốt lắm! Tuyệt vời!”

Cô ấy đã cố gắng, như mẹ tôi nói, hết sức có thể như bất kì thai phụ nào mà bà từng thấy. Cơ dâng trào quét qua cơ thể Charlotte rất dài, và mẹ tôi thuyết phục cô tận dụng tối đa mỗi lần cao điểm.

Và giữa những cơn dâng trào, Charlotte lại lấy hơi, và lại cố gắng lần nữa.

“Cố lên, cố lên, cố lên, cố lên, cố lên, cố lên, cố lên!”

Vài phút sau bốn giờ sáng, mẹ tôi để Charlotte nghỉ lần thứ hai. Bà thấy Charlotte đã kiệt sức, và bà cũng thấy được rằng sự tự tin của cô đang vơi dần.

Có hai định nghĩa y khoa phổ biến để chỉ về giai đoạn chuyển dạ thứ hai kéo dài: một giai đoạn hai kéo dài hai giờ rưỡi, và một giai đoạn hai đã diễn ra một giờ mà đầu đứa bé vẫn không dịch chuyển thêm.

Mẹ tôi nhấn mạnh rằng đầu đứa bé thật ra đã dịch chuyển xuống trong lần nỗ lực thứ hai của Charlotte. Bà nói về sau rằng đến bốn giờ sáng, đứa bé đã thương lượng với đốt sống háng và phần lớn xương chậu: Nó chỉ cần định vị được xương mu và sau đó sẽ nhú ra.

Gần bốn giờ ba mươi cảm giác mót rặn quá dữ dội, Charlotte bảo mẹ tôi và chồng của cô rằng cô muốn cố lần nữa. Và cô đã rặn. Cô rặn mạnh hết cỡ, cô dùng hết sức bình sinh để rặn, cô rặn mạnh đến nỗi khi cuối cùng cô thở ra, cô gào lên như một vận động viên quần vợt chuyên nghiệp vào thời điểm đập mạnh vợt vào quả bóng trong cú ve ở đường biên.

Trong vài giây ngắn ngủi vào cao trào rặn của Charlotte, mẹ tôi có thể thấy chỏm tóc đen của đứa bé, nhưng đứa bé dường như luôn tụt lại vào trong.

Liệu mẹ tôi có nghĩ đến chuyện bỏ cuộc, và cố gắng làm điều mà bà biết là khó khả thi - xác định phương hướng lái xe trên con đường băng tuyết đang ngăn cách họ với bệnh viện? Mẹ tôi nói rằng bà đã nghĩ đến, dù bà không hề nói điều đó với Anne. Nhưng ngay cả Mục sư Asa cũng khai rằng từ năm đến sáu giờ sáng, mẹ tôi đã đi đến cửa sổ phòng ngủ và kéo tấm rèm mỏng để nhìn ra ngoài.

“Có phải tôi nghe thấy tiếng xe tải chở cát không nhỉ?” bà đã một lần hỏi như thế trong khoảng thời gian đó, một câu nói mà luật sư của bà tranh luận rằng là bằng chứng cho thấy bà đã thiết tha hi vọng đến một ca đẻ mổ do một bác sĩ thực hiện ở Newport.

Nhưng từ cửa sổ phòng ngủ của nhà Bedford, đường lái xe vào nhà vẫn lấp lánh như thủy tinh, còn mưa và băng đá vẫn tiếp tục rơi. Xe của mẹ tôi vẫn nằm bên vách tuyết, một sự nhắc nhở nghiệt ngã về tình trạng đường sá lúc ấy, và bà chỉ cần nhìn xuống những vết cắt trên tay mình để nhớ lại đi trên mặt đất như thế thì nguy hiểm nhường nào.

Và, Stephen Hastings chỉ ra, mẹ tôi đã không thực sự nghe thấy tiếng xe tải chở cát: Không có chiếc xe tải nào lăn bánh trên đường ở trong hoặc quanh khu Lawson từ hai giờ mười lăm đến sáu giờ ba mươi sáng hôm đó. Và ngay cả vào lúc sáu giờ ba mươi, như lời chứng nhận của thành viên đội công trình giao thông Graham Tuttle, đường sá vẫn còn “rất xấu. Tôi chạy xe ngay phía trên vạch sơn vàng, lấp cát và cào tuyết chỉ một bên làn đường. Tôi không dám chạy trên phần đường của mình, nếu không sẽ bị lao xuống mương.”

Rõ ràng Charlotte không còn lựa chọn nào khác ngoài việc cố gắng rặn đứa bé ra trong phòng ngủ của cô, và vì thế dù mẹ tôi có thể đã hết lòng mong muốn rằng họ đến được bệnh viện, nhưng bà không bao giờ đề nghị ý tưởng đó với Mục sư Asa. Bà đã không bao giờ đề cập đến ý tưởng về một ca đẻ mổ tại bệnh viện North Country, vì bà biết họ không có hi vọng thật sự để đến đó.

Vả lại, mẹ tôi thực lòng tin rằng Charlotte đang có tiến bộ. Đứa bé sắp ra đời, bà nghĩ thế. Có thể chỉ cần một lần co thắt và một cú rặn thật quyết liệt nữa thôi.

Và thế là Charlotte lại cố. Cô không rặn lâu, cô không cố qua những đợt co thắt nối tiếp nhau. Nhưng khi mặt trời mọc ở đâu đó trên những dải mây đã đem băng đá và mưa đến góc này của Vermont, mọc đâu đó quá xa phía sau tấm màn đen và xám đến nỗi bầu trời không sáng nổi mãi cho đến lúc gần bảy giờ ngày hôm đó, Charlotte đã dùng toàn bộ sức lực mà cô có thể để cố gắng rặn đứa bé ra khỏi xương mu.

Đôi khi mẹ tôi thay đổi tư thế của Charlotte. Đôi khi Charlotte chuyển dạ trong lúc ngồi xổm. Đôi khi cô chuyển dạ với tấm lưng dựng thẳng, nhưng nằm hơi nghiêng qua một bên.

“Cô có thể làm được, cô có thể làm được, làm được, làm được, làm được, rặn đi, rặn đi, rặn đi, rặn đi!”

Lúc sáu giờ mười phút, khi mới bắt đầu đợt rặn thứ tư, Charlotte Fugett Bedford bị một chứng mà mẹ tôi tin là vỡ động mạch phình ở não - hoặc theo cách gọi của bà là đột quỵ. Bà hình dung rằng áp suất trong sọ từ nỗ lực của Charlotte đã khiến một mạch máu nhỏ trong não người phụ nữ bất hạnh này vỡ ra.

Mục sư Asa và mẹ tôi, cho đến phút đó, vẫn bảo Charlotte rằng cô có thể làm được, cô có thể đẩy đứa bé ra khỏi mình vào phòng ngủ với họ:

“Ôi trời ơi, em giỏi lắm, Charlotte, giỏi lắm, giỏi lắm!”

“Một giây nữa, một giây nữa, một giây nữa!”

Mục sư Asa đã chuyển đến đứng giữa hai chân vợ để đón đứa bé, trong khi Anne và mẹ tôi đứng hai bên, đỡ lấy cô. Đột nhiên, trong lúc gắng sức giữa cơn co thắt, cảm Charlotte bật lên từ ngực cô khi cô rặn với bất kể sức lực nào còn lại, cô mở mắt ra, và rồi thở ra với một tiếng ré nhỏ. Chồng cô

trông thấy mắt cô trợn tròn, rồi nhắm lại. Mẹ tôi và Anne cảm thấy cơ thể Charlotte thông ra trong tay họ khi cô lịm đi.

Cô có vẻ suy kiệt rất nhanh. Suy hô hấp bắt đầu gần như lập tức. Mẹ tôi được đào tạo bài bản chẳng kém những tình nguyện viên trong đội cứu hộ thị trấn, và bà đã cố gắng làm Charlotte tỉnh lại. Bà quỳ gối bên cạnh cô và thối một hơi sâu qua miệng vào phổi cô, nỗ lực làm cô thở lại; bà dùng tay ấn mạnh xuống ngực Charlotte, hét lên, “*Một và hai và ba và bốn và năm và sáu và bảy và tám và chín và mười và mười một và mười hai và mười ba và mười bốn và mười lăm!*”

Mười lăm lần ấn và hai lần thối. Mười lăm lần ấn sau đó là hai lần thối.

Dường như không có mạch, và mẹ tôi van nài Charlotte trong lúc bà cấp cứu. Bà vừa khóc vừa đếm to, bà van nài người phụ nữ này hãy chiến đấu vì sự sống của mình.

“Cô làm được mà, mẹ kiếp, tôi biết cô có thể, có thể, có thể, có thể! Làm ơn đi mà!” Anne nói mẹ tôi đã đòi hỏi ở một người phụ nữ rõ ràng đã chết.

Liệu mẹ tôi đã thực hiện ít nhất tám hoặc chín lần hô hấp nhân tạo như bà nói, hay bốn hoặc năm lần như Mục sư Asa nhớ lại? Đó là kiểu chi tiết thường gây tranh cãi. Nhưng vào lúc nào đó trong vòng vài phút của điều mẹ tôi tin là một cơn đột quỵ, sau khi bà kết luận rằng nỗ lực làm tỉnh lại của bà đã không thể tạo lại mạch hoặc hơi thở, bà gào lên gọi Mục sư Asa và Anne tìm con dao bén nhất trong nhà.

Mục sư Asa nói trước tòa rằng ông đã làm theo lời bà mà không nghĩ ngợi gì, ông nói rằng không biết mẹ tôi định làm gì với con dao. Ông nói ông tin rằng lúc đó mẹ tôi sẽ dùng con dao và tìm cách cứu mạng vợ ông. Mẹ tôi là bà mẹ còn ông thì không phải, mẹ tôi biết hô hấp nhân tạo còn ông thì không biết. Mẹ tôi chịu trách nhiệm chính. Còn ông thì không.

Có thể ông nghĩ mẹ tôi sẽ tiến hành phẫu thuật mở khí quản. Có thể không. Có thể trong thực tế ông đã biết. Có thể không.

Anne đòi đi cùng Mục sư Asa vì những lý do khác nhau vào những thời điểm khác nhau. Một lần vì cô không chịu nổi phải ở chung phòng với người chết. Một lần vì cô sợ phải ở chung phòng với mẹ tôi: Cô thấy mẹ tôi đột nhiên trở nên điên loạn.

Vì lý do nào đi nữa, Mục sư Asa và Anne cũng đã cùng nhau chạy xuống lầu đến nhà bếp, và Mục sư Asa lôi ra từ hộp cầm dao bằng gỗ đen trên quầy bếp mà Foogie không với tới được một con dao dài hai mươi lăm centimet, trong đó phần lưỡi dao bằng thép dài mười lăm centimet, cạnh dao để cắt bo tròn như một mũi tên. Cán dao bằng gỗ, dính màu xanh đậm của quả bí đậu, tiếp màu với hộp cầm dao.

Khi họ quay lại, mẹ tôi nói qua làn nước mắt, “Tôi không tìm ra mạch, Asa. Tôi không thể cứu cô ấy.”

“Chị hô hấp nhân tạo thêm được không?” Mục sư Asa hỏi, thả con dao xuống chân giường.

“Ôi trời ơi, Asa, tôi có thể làm hô hấp cả ngày, nhưng cô ấy vẫn ra đi. Cô ấy sẽ không quay lại.” Mẹ tôi đang ngồi cạnh Charlotte, lúc ấy vẫn nằm ngửa trên giường.

Như đã làm vào đầu buổi tối hôm đó - thật ra là đêm hôm trước rồi - Mục sư Asa quỳ xuống bên thành giường. Ông ngả đầu lên ngực vợ, và nhìn trần trối lên mặt cô, ông vén tóc mai của cô, vẫn còn ướt đẫm mồ hôi do cơn chuyển dạ khó nhọc. Ông lẩm bẩm gọi tên cô, và mẹ tôi đã siết vai ông một lần.

Rồi mẹ tôi di chuyển với một sự đột ngột khiến cả Mục sư Asa và Anne hoảng sợ.

“Đi nào,” bà nói, vẫn còn sứt sứt, “chúng ta không còn thời gian.” Với đôi tay mới siết vai ông chỉ vài giây trước, bà nhặt con dao lên khỏi tấm trải giường.

Điều bà đã không làm - và khi luật sư của bang nhắc lại điều này trong phòng xử án với Anne, lời khai của cô khiến ngay cả tôi cũng thoáng nghi ngờ mẹ mình - là hỏi Mục sư Asa xem ông muốn làm gì. Bà đã không hỏi người bố xem ông có muốn cố gắng cứu đứa bé hay không. Nếu ông ấy nói không, thì hẳn bà sẽ vẫn làm, nếu đó là điều bà muốn; nhưng nếu ông ấy nói có, thì bà ít nhất cũng tìm được sự đồng tình.

Và bà đã không đặt ống nghe trở lại lên bụng Charlotte để xem tim thai còn hay không. Đương nhiên, đứa trẻ sẽ chứng tỏ nó còn sống, nhưng không kiểm tra một lần cuối trước khi làm việc bà đã làm - điều đó gây ngạc nhiên và bất ngờ cho ngay cả những bà mụ lạnh lùng nhất.

Từ giây phút Mục sư Asa và Anne trở lại phòng cho đến khoảnh khắc mẹ tôi bắt đầu cắt, bà không bao giờ kiểm tra một lần cuối để xem Charlotte còn mạch hoặc nhịp tim hay không. Có thể bà đã làm - như bà tuyên thệ - kiểm tra ngay trước khi họ đem dao đến. Nhưng cả người bố lẫn người học việc đều không nhìn thấy mẹ tôi đảm bảo Charlotte đã chết trước khi bà ấn con dao vào người cô.

“Ý chị là sao?” Mục sư Asa hỏi mẹ tôi, sau khi bà bảo với ông rằng họ không còn thời gian. Ông thấy bà lau nước mắt, và sau đó ông nói rằng có cái gì đó trong hành động này khiến ông nghĩ rằng mẹ tôi đã bị suy sụp tinh thần. Đó là một cử chỉ hoảng loạn, như thể bà nghĩ rằng mình có thể xé toạc căn phòng.

“Đứa bé chỉ còn vài phút, và chúng ta đã dành phần lớn thời gian đó cho Charlotte!”

“Chị định làm gì?”

“Cứu đứa con!” Giọng nói của mẹ tôi nghe rất chói tai, cả Mục sư Asa và Anne đều nghĩ thế, và Mục sư Asa nói trước tòa ông tự hỏi liệu mẹ tôi có phát cuồng không. Mẹ tôi nhấn mạnh rằng nếu giọng bà nghe chói tai, thì

đó không phải là vì bà đã phát cuồng: Đó là vì bà muốn làm Mục sư Asa chú ý.

“Cứu đứa con?”

“Cứu đứa con của ông!”

Mẹ tôi đã kéo chiếc áo ngủ cũ mà Charlotte mặc lúc chuyển dạ lên gần cổ của cô khi bà nỗ lực làm tim cô đập lại, vì thế không còn áo quần gì để cởi ra trước khi tiến hành ca mổ lấy thai. Mục sư Asa đứng dậy và đi về phía sau mẹ tôi khi bà mở chiếc đèn bàn để bên giường lần đầu tiên trong đêm đó.

“Cô ấy chết chưa?”

“Chúa ơi, Asa, đúng thế! Dĩ nhiên rồi!”

Thật không? Chúng tôi không bao giờ biết được. Chuyên gia pháp y là một trong nhiều nhân chứng của bang nói rằng về mặt y học, rất có thể tim của Charlotte Fugett Bedford đã ngừng đập một lúc, nhưng nỗ lực hô hấp nhân tạo của mẹ tôi đã làm nó đập lại - và, trong một khoảng thời gian, đã làm cô ấy sống lại. Nhưng Mục sư Asa và Anne không nghi ngờ việc mẹ tôi tin Charlotte đã chết.

Khi mẹ tôi nói với Mục sư Asa rằng - đúng thế, dĩ nhiên rồi! - vợ ông ấy đã chết, ông gật đầu, và mẹ tôi xem cử chỉ đó như một sự đồng ý. Dĩ nhiên Mục sư Asa không làm gì để ngăn cản bà. Ông lê bước chậm rãi về phía cửa sổ không nói một lời và nhìn lên trời, bầu trời dường như đã mặc định sẽ tối mãi mãi.

Mẹ tôi sau này nói rằng trong những giờ phút sáng sớm ngày 14 tháng ba, bà đã tiến hành mổ cấp cứu vì bà không thể chịu nổi nhìn hai con người qua đời. Bà không chịu nổi điều đó. Và Charlotte chắc chắn là đã chết.

Liệu mẹ tôi có sai không? Anne nghĩ như thế, cũng như chuyên gia pháp y chắc chắn tin rằng có chỗ để nghi ngờ. Mục sư Asa đang đứng bên cửa sổ

khi mẹ tôi thực hiện nhất cắt đầu tiên, nhưng sau đó ông nói rằng - như Anne - ông nhìn thấy máu bắn ra.

Máu được điều khiển, như luật sư của bang nhấn mạnh, bởi một con tim đang bơm.

Nhưng Anne khi ấy không nói gì, quá trẻ để biết chắc về điều cô đã nhìn thấy. Lúc đó là còn nhiều giờ trước khi cô nhắc điện thoại lên, bối rối, không thể ngủ được, và gọi bác sĩ dự bị của mẹ tôi. Sau này cô nói rằng cô không thể tin được máu lại có thể phọt ra như thế từ một người đã chết, nhưng luật sư của mẹ tôi nói rằng có thể còn lý do khác để cô gọi bác sĩ Hewitt: Stephen Hastings luôn xem Anne như một con chuột sợ sệt nhảy khỏi tàu *Titanic*.

Cô thực hiện cuộc gọi quan trọng đó vào cuối buổi sáng, trong lúc cách đây hàng dặm, ở Burlington, chuyên gia pháp y đang thực hiện ca khám nghiệm tử thi, cố gắng - và thất bại - không tìm thấy dấu hiệu của chứng phình động mạch não.

...

Mẹ tôi dùng móng tay vạch một đường tưởng tượng từ rốn Charlotte đến xương mu. Đôi tay bà run run.

Bà nhớ đã đọc ở đâu đó rằng một bác sĩ giải phẫu có thể lôi đứa bé ra khỏi người mẹ đang ở tình trạng nguy cấp trong vòng hai mươi hoặc ba mươi giây, nhưng điều đó dường như là chuyện không thể đối với bà. Bao nhiêu là lớp như thế. Cắt vào trong một con người. Không muốn cắt phải bào thai. Có vẻ như không thể thực hiện được.

Dù mẹ tôi tin rằng bà sẽ không gây hại gì cho Charlotte, bà vẫn di chuyển chậm rãi, như thể bà sợ cắt phải một cơ quan nội tạng. Bà giả vờ như đường mà bà vạch ra dưới rốn của Charlotte là có thật và rồi ấn mũi dao mạnh xuống da người phụ nữ đã chết.

Máu phọt ra từng đợt từ người Charlotte vào thời khắc mẹ tôi thực hiện vết rạch. Anne nói đây không phải là sự phun trào mà ta biết từ một trái tim đang đập khỏe mạnh, mà là sự phun trào nhỏ nhoi từ một trái tim yếu ớt. Tuy nhiên, Anne cảm thấy dòng máu đó đã di chuyển qua người Charlotte, và bơm ra từ nơi mẹ tôi đã rạch một nhát trên người cô.

Khi nhìn thấy máu bắn từng đợt vào không trung - vẩy lên các ngón tay mẹ tôi - ý tưởng đầu tiên hình thành trong đầu Anne Austin là mẹ tôi đang thực hiện mổ lấy thai trên một người sống.

Nhưng Anne không thấy cơ thể Charlotte nhúc nhích, cô không thấy sự co giật nào cả. Và nhịp phun của máu nhanh chóng dừng lại, máu chỉ thuần túy chảy ra. Một dòng mảnh xuất hiện, rồi rộng ra. Mẹ tôi ấn lưỡi dao sâu hơn vào người cô, xuyên qua da đến mỡ đến gân, rồi ấn qua lớp cơ là phần duy nhất trong cơ thể Charlotte phản kháng lại sự thọc vào của lưỡi dao thép. Sau đó bà kéo con dao xuống âm đạo Charlotte.

Máu chảy dọc xuống bụng cô, thấm lên hai bên hông và cặp đùi xanh xao của cô, rồi nhỏ xuống tấm trải giường, tạo thành những vết loang mới. Mẹ tôi đè một chiếc gối lên vết thương một lúc để thấm máu, để bà có thể nhìn vào bên trong vết rạch. Sau này bà nói rằng, khi giữ chiếc gối ở đó, bà đã xác định rằng thực ra bà không phải thực hiện một vết rạch của bác sĩ giải phẫu, mà chỉ là tạo ra một cái lỗ toang hoác, không thể khép lại trên bụng của Charlotte Bedford. Nó đột nhiên trở nên khổng lồ đối với bà, to vật vã, và bà nghe tiếng hàm răng mình bắt đầu đánh lập cập trong đầu trước khi thực sự cảm thấy và hiểu tiếng động đó là gì. Không hiểu sao bà đổ mồ hôi.

Khi bà kéo chiếc gối ra, bà nhìn thấy hình bán cầu của một quả bóng màu hồng da cam, một nửa lớp vỏ mịn màng, bóng loáng của tử cung. Hình cầu. Sạch sẽ. Giống như chín mọng. Nó nằm đó, bốc hơi giữa lớp mỡ tỏa sáng trong bóng tối, và những dải cơ ẩm giống như thịt. Mẹ tôi không phải hạ người yếu bóng vía, nhưng bà nói hình ảnh đó khiến bà choáng váng -

không hẳn vì nó lại ấm và trơn như thế, mà vì đây chính là sự sống ở cấp độ cơ bản nhất. Nguyên thủy nhất. Đây chính là sự sống trong dạ con.

Bà lần ngón tay trên đáy dạ con cho đến khi biết được đứa bé nằm ở đâu, rồi sau đó vợ lấy con dao trên nệm. Dùng mũi dao như một cái đinh ghim, bà chích vào tử cung như một quả bóng tại một điểm cách xa bào thai. Vẫn còn một ít chất dịch màng ối. Và nỗi lo sợ của bà rằng nó sẽ xìt ra không khí và phủ đầy cánh tay, mặt mũi và bàn tay của bà là vô căn cứ. Bà đã rạch lớp màng trước đó rồi, bà nhớ lại; sẽ không còn gì để văng tung tóe nữa.

Sau đó bà đặt một ngón tay vào trong dạ con và nhẹ nhàng xé nó ra bằng cả hai tay, sợ không dám cắt nó bằng dao: Đứa bé ở quá gần.

Bà kể lại trong phòng xử án rằng xé cái dạ con cũng dễ như xé bột nhồi ẩm để làm bánh, nhưng dù vậy, bà vẫn cảm thấy khó thở khi làm điều đó.

Khi vết mở đã đủ rộng để thò tay vào, bà đưa tay vào sâu bên trong và cảm thấy khuôn mặt đứa bé. Bàn tay bà lướt trên cái mũi nó, và bà đưa tay sờ lên đầu, cổ, cột sống đứa bé, cho đến khi bà phát hiện ra một cái đuôi mồm mồm ngắn tũn của nó. Bà trườn tay lên hai cẳng chân cho đến khi chạm được một bàn chân, và sau đó chạm bàn chân kia bằng tay còn lại.

Sau đó bà nhấc đứa bé ra khỏi mẹ nó, và trong không khí của căn phòng, thai nhi lập tức biến thành một đứa trẻ sơ sinh trong mắt mẹ tôi. Một đứa con trai. Khi bà hút nước nhầy trong cổ họng đứa bé bằng ống bơm tai và nó từ từ sống lại - ngáp, rồi thở, và cuối cùng khóc rống lên - nó trở thành một lời nhắc nhở sống với bố nó về cuộc sống, cái chết và nỗi thống khổ khôn nguôi của Charlotte Fugett Bedford.

Phần hai

6

Eleanor Snow chào đời sáng nay, và đó là đứa trẻ bé bỏng đáng yêu tuyệt vời nhất. Nặng ba kí bẩy, dài năm mươi một centimet. Chiếc mũi giống như cú nhảy trượt tuyết bé nhỏ êm ái. Những cuộn mỡ tí hon trên hai cánh tay tạo thành những chiếc vòng tay nhỏ ở cổ tay. Và mái tóc cô bé, ít nhất là hồi sáng nay, có màu vàng nghệ.

Hôm nay mắt cô bé màu xám, nhưng tôi nghĩ mai này chúng sẽ thành màu xanh.

Cơn chuyển dạ của Dottie Snow rất nhanh: Anne và tôi đến đó lúc sáu giờ mười lăm phút sáng, Dottie đã mở mười centimet và sẵn sàng khai hoa nở nhụy. Tôi nghĩ cô ấy chỉ rặn không đến nửa giờ, và niềm hân hoan trong phòng khi cô ấy vượt cạn thật là không thể tin nổi. Không thể tin nổi! Cô ấy có mẹ, hai chị gái, và đương nhiên cả Chuck ở bên cạnh. Chuck cũng đã có mặt trong những lần sinh hai đứa con trước, và anh ấy quả thật là một người hướng dẫn dịu dàng. Anh và Dottie hôn nhau và ôm nhau giữa mỗi cơn dâng trào, anh liên tục xoa ngực và vai cho cô. Tôi thực sự xúc động trước kiểu tình yêu như thế.

Nhưng điều khiến tình hoa trong căn phòng mạnh mẽ đến thế chính là sự kết hợp giữa tình yêu vợ chồng, tình chị em, và tình mẹ con. Các chị em gái của Dottie ôm ấp cô, họ ôm nhau, và họ ôm Chuck. Thật là tuyệt diệu. Tôi ước gì mình có thể đóng chai những rung cảm trong căn phòng đó và để dành một ít cho những ca đẻ cô đơn hơn.

Những ca đẻ cô đơn là điều đáng buồn nhất trên thế gian này.

Chúng có thể khiến tôi ủ rũ trong nhiều ngày liền.

Ca đẽ của Charlotte Bedford có thể là một ca đẽ cô đơn. Ít nhất thì cũng có tiềm năng như thế. Charlotte không có gia đình ở gần đây, trừ Asa. Và Asa là một người đàn ông ngọt ngào, nhưng ông ấy quá bận bịu với giáo đoàn của mình đến nỗi dường như chẳng còn sức lực nào dành cho Charlotte.

Và tôi nghĩ mình chưa từng gặp một cô bạn nào của cô ấy. Nữ cũng như nam! Cô ấy đã gặp gỡ vài người bên ngoài giáo đoàn của chồng, cô kể lúc chúng tôi nói chuyện, và họ giữ một khoảng cách tôn trọng nhất định vì cô là vợ của nhà truyền đạo mới. Tôi có thể là bạn thân nhất của cô ở đây, vì thế những ca khám thai của cô thường kéo dài bất tận.

Không nghi ngờ gì nữa, ca đẽ của cô là một ca đẽ cô đơn. Và một kì hậu sản cô đơn. Tôi hi vọng giáo xứ của Asa sẽ giúp đỡ họ. Tôi phải tin họ sẽ làm thế, họ là người tốt mà. Nhưng giá tôi biết nhiều người hơn nữa ở mạn trên Lawson hoặc Fallsburg.

Có lẽ tôi sẽ gặp thêm vài người trước khi đứa bé chào đời. Có lẽ tôi sẽ thử cố gắng.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

ĐẾN BỮA SÁNG MẸ TÔI VẪN CHƯA VỀ từ ca đẽ của Bedford, và trong lúc ăn bánh quế nướng, bố con tôi đã thảo luận xem Charlotte tội nghiệp trông như thế nào vào giữa ca đẽ kéo dài từ mười tám đến hai mươi tư giờ như thế.

Ngày hôm đó trường học không đóng cửa, nhưng những tiết học đầu tiên được dời lại hai giờ để đội công trình giao thông có thời gian biến những sân băng ngoằn ngoèo trên khắp Đông Bắc Vermont thành đường đi trở lại. Và vì thế bố đi làm trước khi tôi đi học.

Charlotte Fugett Bedford và con trai Veil ra đi mỗi người một ngả ngay sau khi Veil chào đời. Thi thể của Charlotte được chuyển trong xe của giám đốc công ty mai táng đến Burlington sau khi luật sư bang và chuyên gia pháp y đã khám nghiệm căn phòng, và cảnh sát bang đã chụp những bức ảnh hậu

sản không được bình thường đó. Chuyên gia pháp y nói với mẹ tôi rằng ông ta sẽ tiến hành mổ khám nghiệm tử thi khi ông ta và thi thể Charlotte về đến Burlington, nhưng ông nói đó chỉ là một thủ tục bình thường và không có gì khiến bà phải lo lắng.

Mẹ tôi, Mục sư Asa và Anne thực sự đã rời khỏi nhà Bedford trước cả những người mặc y phục và đồng phục. Họ vẫn đang lượn lờ quanh tấm nệm đầy máu và cho các vật dụng - găng cao su ướt, vụn trà thảo dược khô, một ống tiêm sạch, một chiếc khăn dính máu - vào những chiếc túi nhựa trong khi Veil được đưa đến bệnh viện North Country ở Newport, nơi bác sĩ nhi khoa có thể khám cho nó thật cẩn thận. Mẹ tôi đã gọi điện đến văn phòng bố từ bệnh viện để kể với ông chuyện gì xảy ra. Bà định sẽ đích thân kể với tôi khi tôi đi học về.

Như tất cả những điều đã xảy ra quanh sự chào đời của Veil Bedford, sự việc không diễn ra như mẹ tôi tưởng. Tin tức về cái chết bất ngờ, nhất là khi nó rùng rợn, truyền đi rất nhanh ở góc này của Vermont. Những vụ va chạm liên quan đến xe tải nhỏ và xe ô tô dẫn đến tử vong, tai nạn cửa gỗ với cửa máy hoặc xe chở gỗ, chết đuối ở vùng nước sâu của hẻm núi gần đó, đều là đề tài bàn tán. Khi có người chết, người ta tán chuyện - đặc biệt là những đứa trẻ mới lớn.

Do đó, tôi biết tin về cái chết của Charlotte Bedford trong tiết học thể dục, ngay trước giờ ăn trưa. Sáng hôm đó chúng tôi chơi bóng chuyền.

Khi tôi mới nghe tin này, câu chuyện chưa dính đến mẹ tôi. Có lẽ nếu cắt đứt được những kiểu kết nối tin đồn với hiện thực và tách bạch những phần riêng rẽ với nhau, thì lời kể của họ sẽ cho thấy tôi chính là người đầu tiên gắn Sibyl Danforth vào câu chuyện - ít nhất là ở trường, ít nhất là giữa những đứa trẻ mới lớn ở hạt của chúng tôi.

Tôi đang thay quần sooc thể dục thành quần jeans xanh thì Sadie Demerest nói với tôi, “Vị mục sư kì lạ ở Lawson vừa mới mất vợ - người đến từ miền Nam ấy.” Giọng của nó rất vô tư và thản nhiên, như thể nó đang kể với tôi

về một sai lầm thời trang của một học sinh nào đó - một đứa con gái mặc chiếc áo khoác hơi bị trịnh trọng đến trường, hay một lọn tóc màu đen bất thường của nó trông hơi bị phá cách.

“Cô ấy chết rồi à?” tôi hỏi.

“Ừ. Trong lúc đẻ con.”

Và tôi lẩm bẩm thành tiếng một suy nghĩ mà tôi không tin rằng đã kịp lướt qua đầu Sadie, mặc dù chắc chắn nó sẽ sớm đến. “Chẳng biết mẹ tớ có ở đấy không,” tôi nói.

Sadie khựng lại trên băng ghế trước tủ cá nhân của nó, chiếc quần jeans vẫn còn nằm trên đùi.

“Mẹ cậu đỡ đẻ cho cô ấy à?” nó hỏi sau một lúc lâu, và tôi gật đầu. Tiếng động trong phòng thay quần áo - tiếng nước chảy từ vòi hoa sen cách đây vài mét, tiếng cười khúc khích và ha hả từ những đứa con gái khác, tiếng bật nhỏ của những ổ khóa kim loại khi được mở ra và đóng lại - dường như biến mất trong lúc Sadie nhìn tôi trân trối. Vào lúc đó tôi không hiểu hết mức độ thay đổi sẽ xảy đến cho cuộc đời tôi, nhưng những ý niệm tăm tối mơ hồ đầu tiên đã bắt đầu định hình.

Tôi có thể thấy thông tin về việc mẹ tôi có thể ở đó khiến Sadie hoảng sợ và làm thay đổi thái độ của nó đối với câu chuyện một cách khủng khiếp. Đột nhiên, đây không còn là một bi kịch với những diễn viên giấu mặt, một câu chuyện kinh dị đủ xa lạ để cho phép sự ngưỡng tượng thông thường về tính chất man rợ cốt lõi của nó. Cơn ác mộng nhỏ nhoi này có liên quan đến mẹ của Connie Danforth. Mẹ của Connie Danforth đã có mặt với người chết, bà ta đã giúp cô ấy đẻ con.

Mà người ta lẽ ra không chết trong lúc đẻ con, ngay cả ở cái góc Vương quốc quê mùa này của chúng tôi. Và thế là Sadie hỏi tôi câu hỏi mà mọi người trong hạt sẽ hỏi nhau trong nhiều tháng sau đó, câu hỏi mà không ai có thể trả lời đầy đủ tại tòa và không ai có thể trả lời một cách chắc chắn từ

hôm đó trở đi. Trong trường hợp của Sadie, đó là một câu hỏi tu từ, một thách thức nó phải biết rằng tôi không thể trả lời. Nhưng đó là một câu hỏi mà nó - như mọi người khác - không thể không hỏi.

Xoắn hai ống quần jeans trong tay, làn da trở nên tái nhợt trước mắt tôi, Sadie hỏi, “Connie, chuyện gì đã xảy ra?”

Khi tôi đi học về, bố đang ở trong nhà bếp. Mẹ đang ngủ.

“Đi học thế nào?” bố hỏi. Ông đang mặc quần tây, áo sơ mi mà ông đã mặc đi làm, nhưng cà vạt đã tháo ra - có lẽ đã tháo ra từ lâu trước ba giờ rưỡi chiều. Tôi tưởng tượng ông đã về nhà nhiều giờ rồi.

“Tốt ạ.”

“Được, được,” ông nói, giọng đều đều xa cách và trầm lặng. Tôi nhìn thấy ai đó đã pha một ấm cà phê đặt trên quầy bếp sau khi tôi đi học, nhưng có vẻ như không ai chạm đến nó.

“Con cần phải dịu dàng với mẹ một chút,” ông nói thêm.

“Vì những gì đã xảy ra ạ?”

Ông ngồi xuống chiếc ghế nhà bếp bằng gỗ và khoanh tay trước ngực. “Con đã nghe được những gì?”

“Con nghe nói cô Bedford đã chết.”

Ông lắc đầu buồn bã. “Sao con không để cặp sách xuống và nói cho bố nghe con biết được gì. Rồi bố sẽ nói bố biết gì.”

“Những chi tiết ạ?”

“Nếu con chưa biết chúng.”

Suốt buổi chiều, có hai ý nghĩ khiến tôi không nghe được một từ nào mà giáo viên Anh văn hoặc lịch sử đã nói. Ý nghĩ thứ nhất là Foogie giờ đây đã mồ côi mẹ, và tôi không thể tưởng tượng nổi thằng bé sẽ chịu đựng thế nào.

Vào thời điểm đó trong đời, tôi chưa từng gặp một đứa bé mồ côi mẹ. Ý nghĩ thứ hai là nỗi sợ rằng gia đình tôi sẽ đột nhiên trở nên nghèo túng.

Ở tuổi mười ba, tôi không hiểu cặn kẽ về bảo hiểm sai sót trong nghề y, nhưng tôi biết rằng các bà mẹ ở Vermont không mua loại bảo hiểm này. Chẳng có công ty nào trong bang bán bảo hiểm này cho họ. Và tôi biết đây thỉnh thoảng là vấn đề giữa bố mẹ tôi, thường là sau khi mẹ về nhà từ một ca đẻ mà bà mô tả là phức tạp.

Tôi nghĩ vào buổi chiều sau khi Charlotte Bedford qua đời, điều này cũng là mối bận tâm lớn của bố: một vụ kiện dân sự. Tôi không tin ý nghĩ cảnh sát bang đến nhà chúng tôi trong vài giờ nữa từng lướt qua đầu ông.

“VẬY con đã nghe những gì?” ông hỏi lại khi tôi ngồi lên chiếc ghế cạnh ông. “Người ta đang nói gì?”

“Chẳng có ai biết nhiều đâu. Chủ yếu chỉ là vợ của vị mục sư đến từ miền Nam đã qua đời.”

“Trong lúc sinh con? Họ có biết cô ấy chết lúc sinh con không?”

“Có ạ.”

“Họ có biết mẹ con có mặt không?”

“Vâng, họ biết.” Tôi không nhắc đến việc mình phải chịu trách nhiệm vì đã tiết lộ thêm chi tiết đó vào trong câu chuyện khi nó lan truyền trong trường.

“Còn gì nữa?”

“Không ai biết liệu đứa trẻ có chết hay không. Nó có chết không ạ?”

“Không, đứa bé còn sống và khỏe mạnh. Họ đã có một bé trai.”

“Thế cũng tốt, ít ra là vậy.”

“Ừ, đúng thế.”

“Họ đặt tên nó là gì ạ?”

“Mục sư Bedford đặt tên cậu bé là Veil,” bố tôi nói, nhấn mạnh đại từ nhân xưng để đối tượng mà tôi gọi là “nó” có một giới tính trong tâm trí tôi. “Người ta còn nói gì nữa?”

“Như con nói, không ai thực sự biết nhiều. Tất cả những gì con nghe thấy là cô Bedford chết lúc sinh con, và đó là một cái chết đầy máu me. Nhưng con biết sinh đẻ thì lúc nào mà chẳng máu me, và hình như không ai có thể cho con biết tại sao.”

“Tại sao...”

“Tại sao nó lại quá máu me.”

Ông vân vê một bên tóc mai rồi đặt các ngón tay lên ngực trở lại. Tôi nhận ra tôi đang ngồi lên tay mình. “Ai nói với con?” ông hỏi.

“Sadie.”

“Có nhiều bạn nói về chuyện đó không?”

“Vâng. Đến hết ngày thì là thế đấy ạ.”

“Trên xe buýt đưa đón học sinh?”

“Con đoán thế.”

“Các bạn có hỏi con nhiều không?”

“Không ạ, chỉ một câu thôi. Chúng cứ hỏi con rằng mẹ có ở đấy không.”

“Và con trả lời chúng là có?”

Tôi gật đầu. “Như thế có được không ạ?”

“Chúa ơi, Connie, dĩ nhiên rồi. Dĩ nhiên là được. Mẹ con tuyệt đối không làm gì sai cả. Không hề. Đôi khi phụ nữ chết trong lúc sinh con, cũng như đôi khi người ta ốm và qua đời. Nó không xảy ra thường xuyên, nhưng nó

có xảy ra. Cô Bedford chỉ tình cờ là một trong số ít người qua đời ấy. Đây là chuyện buồn - rất buồn - nhưng những chuyện như thế này vẫn xảy ra.”

“Thật không may.”

“Ừ. Thật không may.”

Ông nhìn ấm cà phê và lần đầu tiên nhận ra nó còn đầy. Tôi chờ ông đứng dậy, rót một tách, nhưng ông không rời khỏi ghế.

“Nó có máu me không ạ?” cuối cùng tôi hỏi.

Tựa cùi chỏ lên bàn và chống tay dưới cằm, ông gật đầu. “Có, nó rất máu me.”

Lúc đó ông có thể đã kể cho tôi nghe rằng mẹ đã thực hiện một ca mổ lấy thai, nhưng chúng tôi nghe tiếng bước chân ở lối đi trên lầu. Chúng tôi đều nhận ra mẹ đã thức, và bà đang trên đường đi xuống cầu thang. Bố muốn để mẹ kể cho tôi nghe một số chi tiết đại khái về chuyện đã xảy ra trong phòng ngủ của nhà Bedford vào sáng sớm hôm đó.

Khi mẹ bước vào nhà bếp, tóc bà vẫn còn bù xù, đôi mắt thì đỏ hoe, trông đầy đau đớn. Bà đang mặc áo ngủ, điều bà hiếm khi làm vào ban ngày ngay cả khi bà ngủ trưa sau một ca đẻ ban đêm kéo dài, và bà đi chân trần. Trông mẹ có vẻ già, và đó không chỉ đơn giản vì bà đi cà nhắc hoặc vì dưới mắt bà có quầng thâm. Không chỉ đơn giản vì trông bà mệt mỏi.

Tinh hoa, như cách nói mà mẹ yêu thích, của lòng nhiệt tình không giới hạn dường như luôn bao bọc lấy bà, đã tiêu tan. Nguồn năng lượng - một phần lạc quan, một phần kiên nhẫn, một phần hân hoan - đôi khi bao phủ căn phòng khi bà bước vào, đã biến mất.

Rõ ràng mẹ cũng không ngủ được bao lâu, và dù có chợp mắt được chút nào, đó cũng không phải là giấc ngủ sâu. Những đêm mà giấc ngủ đến dễ dàng, những buổi chiều khi giấc ngủ trưa đến nhanh, những giờ phút khi giấc mơ của bà êm đềm và yên tĩnh, đã ra đi mãi mãi.

Mẹ của Clarissa Roberson, Maureen, là một người phụ nữ rất có tổ chức. Bà chào đời trong bệnh viện, và tất cả những đứa con của bà cũng thế (đĩ nhiên trong đó có cả Clarissa).

Nhưng David Roberson được sinh tại nhà, và anh muốn con của mình được sinh tại nhà. Thế là Clarissa bé nhỏ ở đó, toàn bộ cơ thể 62 kí lô của cô - 62 kí lô vào lúc chín tháng mười ngày! - chuyển dạ trên giường trong phòng ngủ, và mẹ cô ở đó bên cạnh David và tôi, giúp con gái mình vượt cạn.

Đó là một cơn chuyển dạ dài, mà Maureen thì đã gần sáu mươi tuổi. Nhưng bà ấy thật tuyệt vời. Không hề mệt mỏi.

Mặc dù tôi đã thấy nhiều bà mẹ có mặt lúc con gái vượt cạn, quan sát khi những cô con gái bé bỏng của họ giúp họ lên chức bà, nhưng tôi chưa từng thấy ai muốn tham gia nhiệt tình như Maureen. Hoặc tham gia một cách đầy âu yếm, hiểu biết và ủng hộ như thế. Vài bà mẹ trở nên khó ở và hồi hộp khi con của họ lâm bồn, và tôi nghĩ điều đó là hoàn toàn có thể hiểu được. Những cơn dâng trào có thể quá hấp và rùng rợn, còn máu có thể rất đáng sợ. Tôi nghĩ đó là lý do vì sao nhiều bà mẹ giúp con gái sinh con chỉ giới hạn mình làm những việc như pha trà, hoặc cố vũ con từ đầu giường.

Nhưng Maureen thì không. Bà ở ngay đó với tôi. Có lúc giữa những cơn dâng trào, tôi đặt chai Johnson's xuống để hỏi David một câu gì đấy, và khi tôi quay lại, Maureen đã ở đó, xoa đầu trẻ em đến tận cùi chỏ và mát xa đáy chậu cho con gái.

Cảnh tượng ấy thật đẹp. Đẹp một cách ngất ngây, ngất ngây.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

MẸ TÔI NÓI RẤT ÍT TRONG KHOẢNG THỜI GIAN từ lúc tôi đi học về đến lúc cảnh sát bang đến.

Bà mặc áo ngủ ngồi trên ghế sofa trong phòng khách, quần một tấm chăn quanh vai. Căn phòng nhỏ tỏa hương quế từ tách trà thảo dược bà đang hâm nhi. Mỗi khi điện thoại reo - nó hẳn đã reo ba, bốn lần trong buổi chiều hôm đó - bố tôi lại nhắc máy và tiếp chuyện người gọi.

Vào khoảng năm giờ ba mươi, mặt trời rực sáng lần cuối, không lâu trước khi biến mất vào màn đêm ở đường chân trời phía tây. Nhưng trong vòng vài phút, ánh mặt trời đã tỏa sáng khắp phòng, và ngọn lửa bố tôi nhóm lên trong lò sưởi trước đó dường như không còn cần thiết nữa.

Mẹ hỏi tôi hai lần về việc hôm ấy đi học thế nào, nhưng tôi biết không lần nào bà nghe câu trả lời của tôi.

Một lần bà hỏi xin bố thêm thuốc aspirin để giảm đau ở mắt cá chân, rồi khi ông đem những viên thuốc và một ly nước lạnh đến, ông phải nhắc bà nhớ rằng chính bà đã yêu cầu chúng.

“Ngày mai em đi chụp phim X-quang mắt cá chân nhé,” bố tôi đề nghị.

“Vâng. Hãy làm thế,” mẹ đáp. Bà hiếm khi nhìn bố hoặc tôi. Bà dán mắt vào ngọn lửa qua lớp cửa kính ở lò sưởi, bà dán mắt vào trà trong cốc của mình. Đôi khi bà đặt cốc trà xuống bàn cạnh ghế sofa và nhìn những vết cắt trên tay.

“Đó có phải là Anne không?” mẹ hỏi bố khi ông quay lại sau một lần trả lời điện thoại ở nhà bếp.

“Không. Là Sara. Chị ấy hi vọng em có thể nướng một ổ bánh cho buổi tiệc của sở cứu hỏa vào cuối tuần tới.”

“Là người gây quỹ à.”

“Chị ấy chưa nghe tin ư?”

“Chắc là chưa.”

Nhưng đa số thời gian, ba người chúng tôi ngồi trong im lặng. Vì lý do nào đó, tôi sợ phải rời khỏi nhà, và tôi sợ phải ở một mình trong phòng trên lầu. Vì thế tôi ngồi cùng bố mẹ trong phòng khách. Tôi tin tất cả chúng tôi đều hiểu ở chừng mực nào đó rằng chúng tôi đang đợi một điều gì đó xảy đến; tất cả chúng tôi đều có trực giác rằng một điều gì đó nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi sắp xảy ra.

Bố và tôi nhìn thấy chiếc xe cảnh sát bang chậm rãi tiến đến đường lái xe vào nhà chúng tôi vào tối thứ sáu tầm hoàng hôn, và tôi tin rằng chúng tôi trông thấy nó cùng lúc. Bộ đèn trên nóc xe đã tắt, nhưng tôi nghĩ không ai nhìn thấy một chiếc xe cảnh sát màu xanh đỗ trước nhà mình mà không cảnh giác. Nhất là con gái của dân cù hippie Rand và Sibyl Danforth.

Tôi đang phết thịt xay lên bánh hamburger, còn bố thì đứng cạnh tôi, với tay vào tủ bếp để lấy chiếc chảo rán. Mẹ vẫn ngồi trong phòng khách, bất động và im lặng, nhưng tỉnh táo.

“Để bố giải quyết,” bố nói khẽ với tôi, có lẽ ông hi vọng rằng có thể xua cảnh sát đi, như thể họ chỉ là những người bán máy hút bụi.

Tôi cho rằng mình phải ở lại bên quầy bếp cạnh bồn rửa chén, hi vọng nghe ngóng được ít nhất những chi tiết quan trọng, nhưng mẹ đã nghe thấy tiếng gõ cửa và trở nên cảnh giác hơn nữa: Bà đặt cốc trà xuống và ngồi thẳng dậy, rướn đầu về phía cửa. Khi bà nhận ra ai đã đến nhà chúng tôi, bà rời khỏi mớ đệm gối mà bà vừa chui vào trong, và bằng cách nào đó tìm thấy sức mạnh để thông thả bước vào lối đi trước. Thế là tôi cũng đánh liều đi ra đó.

“Tôi thực sự tin rằng việc này có thể đợi đến ngày mai,” bố đang nói.

“Tôi xin lỗi, không được,” một viên cảnh sát đáp, dù giọng nói cho thấy ông ta chắc chắn hiểu được mong muốn của bố tôi là cho mẹ tôi một đêm bình yên. “Nhưng tôi hứa,” ông nói tiếp, “việc này sẽ không kéo dài lâu.”

Hai người cảnh sát rất cao, cả hai đều ở tuổi trung niên. Một người có bộ ria mép màu trắng tủa sát đến độ trông hơi có vẻ đáng sợ. Người kia có những nếp nhăn rõ, hằn sâu trên mặt khiến tôi luôn liên tưởng đến những bác nông dân - kiểu nếp nhăn hình thành do lái máy cày trong gió mùa thu ngày này qua ngày khác suốt một thời gian. Áo khoác của họ cài nút chín chu để chống lại cái lạnh tháng ba, cổ áo dựng lên quanh cổ. Khi người thực hiện phần lớn cuộc nói chuyện tối hôm đó - người có bộ ria mép - nhận thấy mẹ tôi và tôi đang tiến đến lối đi sau lưng bố tôi, ông ta bỏ chiếc mũ cảnh sát rộng vành ra, và viên cảnh sát kia lập tức làm giống như vậy. Họ gật đầu chào mẹ tôi như đã quen biết bà, và tôi có ấn tượng họ có lẽ đã gặp bà ở nhà Bedford sáng hôm đó.

Lúc đó mới hơn sáu giờ ba mươi, đèn hiên nhà chúng tôi đã bật sáng: Thỉnh thoảng nó làm cho phù hiệu trên áo khoác của họ lấp lánh.

“Trong trường hợp đó, các ông có cần vào nhà không?”

“Chúng tôi cần đấy. Nhưng chỉ vài phút thôi.”

Bố ra dấu cho họ vào nhà, và họ cẩn thận chùi đôi giày đen bóng lên tấm thảm gần bậc tam cấp. Tôi cố nhắc bản thân rằng hai người đàn ông uy nghiêm này không phải là người xấu, tập trung suy nghĩ vào cách nói chuyện tử tế của người có ria mép dành cho bố tôi. Họ đều đeo nhẵn cười, có nghĩa là họ đã có vợ, và nếu họ có vợ, có lẽ họ đã có con. Và nếu họ có con, thì chính họ cũng là những ông bố. Cũng giống bố tôi. Cởi mũ và bao súng, bỏ súng và áo khoác màu xanh ra, họ cũng chỉ là những người đàn ông trung niên bình thường mà thôi. Chẳng có lý do gì tôi phải sợ họ.

Nhưng dĩ nhiên tôi sợ họ.

“Tôi là Trung úy Leland Rhodes,” người có ria mép bắt đầu, “còn đây là Hạ sĩ Richard Tilley.”

“Rand Danforth,” bố tôi nói, chìa tay ra với Rhodes trước rồi sau đó với Tilley. Khi bố quay lại, ông thấy mẹ và tôi đang đứng ở lối đi sau lưng ông.

“Connie, sao con không đi lên lầu. Việc này không kéo dài lâu đâu,” ông ôn tồn nói.

“Con có thể nấu xong bữa tối,” tôi đề nghị.

“Con có thể, nhưng con không cần nấu,” ông đáp, và tôi cảm thấy bàn tay mẹ đặt lên vai tôi, đẩy nhẹ tôi (nhưng không khó nhận ra) về hướng cầu thang.

Mẹ tôi pha cà phê cho họ. Đó là điều đầu tiên khiến tôi ngạc nhiên: tôi chưa lên đến bậc trên cùng của cầu thang, và tôi nghe bà hỏi hai người cảnh sát họ muốn uống cà phê hay trà thảo dược. Cả hai đều chọn cà phê, và trong lúc bố dẫn họ vào phòng khách, mẹ đi vào nhà bếp để pha một ấm cà phê.

Ngày hôm sau, tôi nhớ lại, Stephan Hastings đã nghĩ rằng đó là một trong những điều lạ lùng nhất mà ông từng nghe. “Cà phê,” bố nói ông luật sư đã lặp đi lặp lại. “Chị pha cà phê cho họ.”

Hai viên cảnh sát rất lịch sự, Trung úy Rhodes bắt đầu bằng cách giải thích rằng họ chỉ muốn thu thập thông tin về bi kịch mà mẹ tôi đã chứng kiến.

“Tôi chỉ muốn biết bà đã nhìn thấy gì,” Rhodes nói, như thể mẹ tôi chỉ là một người chứng kiến, một người tình cờ nhìn thấy hai chiếc xe đâm vào nhau tại một giao lộ. “Chúng tôi muốn bà kể cho chúng tôi điều gì đã xảy ra, khi trí nhớ vẫn còn tốt.”

“Tôi không nghĩ trí nhớ của mình về tối hôm qua sẽ biến mất,” mẹ tôi trả lời, và nhiều năm sau đó, bố đã nói với tôi rằng câu nói đó tạo ra một sự khác biệt lớn cho điều xảy ra tiếp theo. Rõ ràng mắt mẹ tôi bắt đầu ngấn lệ trong lúc bà nói, khiến bố sợ rằng bà sẽ cuối cùng - và đột ngột - suy sụp. Ông chăm chú nhìn bà, quá lo lắng về tình trạng cảm xúc của bà, đến nỗi không thể cắt ngắn cuộc thăm vấn khi có dịp trong cuộc nói chuyện tiếp theo, hoặc thông báo với hai người cảnh sát và mẹ tôi rằng sẽ không có thêm cuộc nói chuyện nào cho đến khi luật sư có mặt. Ông nói với tôi ý nghĩ về việc chúng tôi sẽ cần một luật sư đã bắt đầu hình thành trong đầu

ông, nhưng trong tâm trí ông đó chỉ là để bào chữa cho một vụ kiện dân sự, không phải một tội hình sự. Không phải trọng tội đến mức cảnh sát bang phải đến nhà chúng tôi vào tối thứ sáu.

“Điều đó có thể đúng, thưa bà Danforth, nhưng Bill Tanner và tôi đều đã nhận thấy qua nhiều năm rằng một vài chi tiết sẽ... sinh động hơn khi được kể lại ngay,” Rhodes nói.

“Bill Tanner?” mẹ tôi hỏi. “Tôi biết cái tên đó ở đâu nhỉ?”

“Ông ta là luật sư bang ở hạt Orleans. Bà đã gặp ông ta sáng nay,” viên trung úy trả lời.

Khi hai người cảnh sát đã đi, bố nói với mẹ ông không biết luật sư bang đã có mặt ở nhà Bedford sáng hôm đó. Hoặc mẹ tôi đã quên kể với ông chi tiết đó, hoặc bà không nhận ra William Tanner là ai - hay tại sao người này lại có mặt cùng chuyên gia pháp y tại nhà Bedford.

Và thế là khi Rand Danforth cắt ngang câu hỏi mà bất kì người chồng - người bảo vệ nào cũng có thể hỏi trong tình huống đó, ông đã nói một cách dè chừng, không chắc chắn: “Chúng tôi có nên mời luật sư đại diện không?” ông thắc mắc thành tiếng.

“Đương nhiên, nếu ông muốn. Nhưng những gì chúng tôi đang làm hiện giờ là lấp đầy khoảng trống trong câu chuyện,” Rhodes nói, giọng của ông ta bình thường và thản nhiên.

Liệu sự việc có kết thúc khác đi nếu mẹ tôi giữ im lặng vào lúc đó, hoặc nếu bố tôi bảo lưu quan điểm - có thể là khẳng định quan điểm, rằng họ nên hoãn cuộc nói chuyện với cảnh sát bang cho đến khi họ có luật sư đại diện? Có thể lắm, nhưng không hẳn. Công bằng mà nói, ngay cả Stephen Hastings cũng khẳng định rằng biên bản lời khai lấy vào buổi tối đầu tiên đó rất ít có khả năng buộc tội. Cảnh sát không biết một ca đẽ tại nhà gồm những gì, vì thế họ không hỏi những kiểu câu hỏi có thể dẫn đến những câu trả lời dài, nhiều thông tin, và sơ hở chẳng hạn: Sau khi Mục sư Asa đem

con dao đến, bà có kiểm tra Charlotte lần cuối để đảm bảo cô ấy đã chết không? Bà có kiểm tra nhịp tim thai nhi trước khi cắt không? Bà có xin phép Mục sư Asa để mổ vợ ông ấy không?

Hai viên cảnh sát chủ yếu chỉ để mẹ tôi kể câu chuyện về phía bà, trình bày những gì bà tin là đã xảy ra. Trước khi phiên tòa diễn ra, Stephen quả thực đã làm lớn chuyện mà ông gọi là “cuộc hỏi cung”, nhưng ông cũng nói với chúng tôi trước khi diễn ra phiên xử đơn thỉnh cầu loại bỏ bằng chứng thu thập bất hợp pháp rằng chính quyền bang có thể thắng thế - và ông đã đúng.

Và lại, bố mẹ tôi thậm chí chẳng có một luật sư nào vào tối hôm đó. Họ chỉ mới dùng đến luật sư hai lần trước đó trong đời: một lần, gần một thập niên trước, để lập di chúc cho họ vài ngày sau khi tôi chào đời, và lần thứ hai khi bố tôi mở công ty kiến trúc của riêng ông và muốn thành lập một doanh nghiệp hợp pháp. Họ đã dùng cùng một luật sư trong cả hai dịp đó, một người bạn lớn tuổi của bà ngoại tôi, sống ở St. Johnsbury và qua đời không lâu sau khi giúp bố tôi lập công ty.

Việc hai người cảnh sát không chủ động khuyến khích bố mẹ tôi có luật sư đại diện thực ra lại có lợi với Stephen ở một điểm nhỏ khi vụ án cuối cùng bị đưa ra xét xử: Ông dùng điều đó để củng cố mối liên hệ của mình rằng chính quyền bang có chủ trương tẩy chay sinh đẻ tại nhà, và quan tâm đến việc đẩy các bà mẹ ra khỏi nghề hơn là bảo vệ quyền tự do công dân của mẹ tôi. Cảnh sát không cần phải đọc lời cảnh báo^[10] vào lúc đó hoặc thông báo cho mẹ tôi những quyền lợi của bà, thậm chí đã ra phán quyết như thế, vì cách lấy lời khai của họ không có gì là phạm luật cả; nhưng Stephen vẫn có thể chỉ ra rằng việc Rhodes thể hiện mình là “cảnh sát tốt” đêm hôm đó là nhập nhằng về mặt đạo đức.

Dù sao đi nữa, mẹ tôi đã nói với hai người cảnh sát lần bố tôi sau khi ông đề xuất ý tưởng luật sư, “Tôi không làm gì sai cả.” Giọng của bà đờm vẻ hoài nghi, không hề bào chữa, như thế bà không tin rằng cần phải có luật sư.

“Tôi sẽ kể với các ông chính xác điều đã xảy ra. Các ông cần biết những gì?”

Sau khi mẹ tôi nói được một lúc, Hạ sĩ Richard Tilley bắt đầu ghi chép. Ông ta tốc ký để theo kịp mẹ tôi, và một số câu hỏi mà cộng sự của ông ta đưa ra thường bắt đầu bằng, “Bà có thể lặp lại không, thưa bà Danforth?”

Rốt cục Tilley đã ghi chép trên mười một tờ giấy kẻ hàng màu vàng, và câu chuyện của mẹ tôi kéo dài từ thời khắc đầu buổi chiều thứ năm khi Charlotte Bedford gọi điện cho bà báo tin cô ấy đang chuyển dạ đến khoảng thời gian sáng thứ sáu khi mẹ tôi kiệt sức dựa vào buồng điện thoại công cộng ở bệnh viện North Country để gọi điện cho bố tôi. Hai người cảnh sát ở lại trong phòng khách nhà chúng tôi hơn một giờ, gật gù, ghi chép và uống cà phê của bố mẹ tôi.

Sau bảy giờ ba mươi, Trung úy Rhodes nhìn lướt qua tập giấy của cộng sự. “Và sau đó bà về nhà?” ông hỏi mẹ tôi.

“Không, tôi quay lại nhà Bedford. Tôi phải lấy xe về.”

“Ồ, đúng rồi. Nó vẫn còn nằm trong vách tuyết.”

“Đại khái thế. Tảng tuyết đã bắt đầu tan rồi.”

“Ai chờ bà đến đó?”

“Đến nhà Bedford ư? Tôi không nhớ tên anh ta. Anh ta làm việc cho đội cứu hộ.”

“Xe của bà không sao chứ?”

“Không sao. Phần khó nhất là lùi lại phía sau xe cảnh sát.”

“Lúc đó vẫn còn cảnh sát ở hiện trường à?”

“Tôi đoán thế. Một chiếc xe cảnh sát vẫn còn ở đó.”

“Bà có nói chuyện với một sĩ quan cảnh sát nào không?”

“Tôi chẳng gặp ai để nói cả.”

“Bà có bị cảnh báo không?”

“Bị cảnh báo? Tại sao tôi lại bị cảnh báo?”

Có vẻ Rhodes đã trả lời câu hỏi của mẹ tôi bằng một câu hỏi khác: “VẬY là bà không đi vào nhà?”

“Không.”

“Bà đi thẳng về nhà.”

“Đúng. Tôi đi thẳng về nhà. Rồi đi thẳng lên giường.”

Một sự im lặng kéo dài. Cuối cùng Rhodes cầm tập giấy của viên hạ sĩ lên rồi đưa nó ngang qua bàn cà phê cho mẹ tôi.

“Mời bà đọc lại cái này, thưa bà Danforth, và đảm bảo chúng tôi đã ghi chép đúng mọi việc,” ông nói, trong lúc Tilley đưa bút của ông ta cho mẹ tôi.

Mẹ tôi đọc qua các trang, nhưng sau đó bà nói rằng bà không đọc cẩn thận. Bà có thể giải mã được hầu hết chữ viết của Tilley, nhưng bà đã mệt lử, vì thế khi gặp phải một từ hay một câu khó hiểu, bà chỉ việc phớt lờ và lướt qua nó. Tilley tóm tắt được đại ý những gì bà nói, và với mẹ tôi có vẻ như đó là điều quan trọng nhất vào lúc đó.

“Câu chuyện chính xác chứ?” Rhodes hỏi khi bà đọc xong. “Anh Richard đây ghi chép gần đúng chứ hả?” ông ta nói tiếp và mỉm cười.

“Đó không ít thì nhiều chính là những gì đã xảy ra,” mẹ tôi nói.

“Tốt, tốt,” Rhodes lẩm bẩm. Sau đó ông ta đưa ra một yêu cầu đối với mẹ tôi khiến cho cả bố mẹ tôi đều nhận ra rằng họ cần một luật sư, cần ngay lập tức. Không cần biết lúc đó là bảy giờ rưỡi, tám giờ tối thứ sáu; không cần

biết đó là khi cuối tuần mới bắt đầu. Họ cần một luật sư. Một luật sư hình sự. Và họ cần một luật sư ngay tức khắc.

Gật đầu như thể yêu cầu của ông ta rất nhỏ nhen, một chút thủ tục thứ yếu và vụn vặt, Rhodes nhìn kệ sách phía trên vai mẹ tôi và hỏi, “Bà có thể thề rằng tất cả đều là sự thật không? Và sau đó kí tên vào?”

8

Hôm nay Charlotte dành nửa giờ để xem tất cả những tấm ảnh chụp em bé và mẹ chúng trên tường của tôi. Cô ấy đã thấy những tấm ảnh trong lần đầu đến khám, nhưng hôm nay là lần đầu tiên cô muốn xem hình.

“Nhìn này, Foogie,” cô nói với cậu con trai nhỏ, chỉ tay vào tấm ảnh đầu tiên trong đời của Louisa Walsh. “Có thể em gái của con sẽ giống cô bé này.”

“Hoặc có thể em trai con sẽ giống em bé kia,” Foogie nói, chỉ tay vào ảnh của một đứa bé khác mà nó nghĩ là một bé trai. Nhưng không phải. Thực ra nó đang xem ảnh của Betty Isham ba giờ sau khi chào đời, được bọc lại bằng tã màu xanh vì đó là những gì bố mẹ cô bé tình cờ có sẵn. Dĩ nhiên tôi không nói với Foogie điều đó.

Dù sao thì, Charlotte nói cô muốn sinh con gái, Foogie nói nó muốn có em trai, còn Asa thì chỉ muốn một đứa trẻ khỏe mạnh. Charlotte nói với tôi đó là tất cả những gì ông cầu nguyện cho ca đẻ này: một đứa trẻ khỏe mạnh nữa. Ông nói đó là điều quan trọng nhất. Một đứa trẻ khỏe mạnh.

Charlotte giữ sức khỏe rất tốt. Tôi tin chắc ông ta sẽ toại nguyện.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

MẸ TÔI ĐÃ KÍ TÊN VÀO BIÊN BẢN LỜI KHAI. Bố cố ngăn mẹ lại, nói với hai người cảnh sát, “Cô ấy sẽ sẵn sàng kí tên một khi luật sư của chúng

tôi đã đọc lại nó,” nhưng mẹ tôi tin bà đã tuyệt đối không làm gì sai.

“Em sẽ kí,” bà nói với bố, rồi kí, viết tên mình bằng những chữ cái to và kiêu hãnh dọc phần dưới của trang thứ mười một.

Sáng thứ bảy, bố mẹ dậy sớm hơn tôi rất lâu. Tôi uể oải đi xuống cầu thang trong lúc vẫn mặc áo ngủ vào khoảng tám giờ, trong khi bố mẹ tôi đã ăn mặc chỉnh tề và kết thúc bữa ăn sáng. Không như hầu hết những thứ bảy khác, bố tôi mặc quần tây, thắt cà vạt, còn mẹ mặc váy và áo sơ mi kiểu. Bà đang ngồi duỗi thẳng chân phải, và ngay cả qua lớp quần bó bằng len dày, tôi vẫn thấy mắt cá chân bà sưng to thế nào.

“Con ngủ ngon không?” mẹ hỏi tôi, giọng bà cố làm ra vẻ vui vẻ.

“Cũng được ạ,” tôi lầm bầm, nhận thấy qua làn sương sớm của tôi rằng trông cả mẹ lẫn bố đều ngủ không đủ giấc. Tôi hình dung họ có chợp mắt, nhưng chỉ ngủ chập chờn.

“Hôm nay có định làm gì đặc biệt không?” bà hỏi tiếp.

Tôi lắc đầu, đột nhiên trở nên ngượng ngập khi đứng cạnh tủ lạnh trước mặt bố mẹ. Tôi vợ vội sữa và ngũ cốc rồi đến bàn ăn ngồi cùng họ.

Vào lúc đó tôi biết những điểm cơ bản trong kế hoạch của bố mẹ cho ngày hôm đó, nhưng không biết được chi tiết nào. Thêm chút nữa, tôi biết họ sẽ đi gặp luật sư. Khi họ nhâm nhi cà phê, tôi có thể thu thập phần còn lại.

Vào tối thứ sáu, bố tôi đã nói chuyện điện thoại với luật sư ở ba công ty, hai ở Montpelier và một ở Burlington. Hai luật sư ở Montpelier là bạn xã giao của gia đình chúng tôi, kiểu người mà bố mẹ tôi có thể gặp ở những buổi tiệc Giáng sinh lớn và những buổi dã ngoại mùa hè ở thị trấn, và bố mẹ tôi có thể thích sự có mặt của họ. Nhưng chúng tôi không đặc biệt thân với người nào cả, vì thế cuộc gọi của bố vào đêm hôm trước có thể khiến họ bất ngờ. Tuy nhiên, mỗi người đều rất sẵn lòng gặp bố mẹ tôi để cố gắng tìm hiểu xem họ có thể giúp được gì.

Luật sư thứ ba chính là Stephen Hastings, một người bạn của Warren Birch, một trong hai luật sư ở Montpelier mà bố mẹ tôi đến gặp sáng hôm đó. Hastings là một cộng sự trẻ trong một công ty ở Burlington, và Birch nghĩ ông ta là một luật sư hình sự xuất sắc - điều mà Birch thừa nhận là mình không bằng.

Vì thế kế hoạch của bố mẹ tôi là gặp hai luật sư ở Montpelier trước bữa trưa, sau đó gặp Hastings tại công ty của ông ta ở Burlington vào buổi chiều. Họ đi ngay sau khi tôi ăn xong bữa sáng, và suốt ngày hôm đó tôi như người trên cung trăng.

Tom Corts và tôi đã hẹn hò nhau được gần bốn tháng tính đến lúc đó, dù chúng tôi chưa chính thức hóa mối quan hệ bằng bất kì một vật biểu tượng nào như vòng tay khắc tên hoặc vòng đeo chân. Ở chỗ chúng tôi tại Vermont, vòng tay khắc tên đến năm 1981 đã quá lỗi thời, và những đứa con gái duy nhất đeo vòng kim loại quanh mắt cá chân là một nhóm ba đứa bạn thân do một đứa mới đến từ Kingdom ở Boston làm thủ lĩnh.

Tom và tôi dự định đi nhảy cùng nhau vào tối thứ sáu, một buổi liên hoan ở đồn Cựu chiến binh Mỹ tại Montpelier. Họ tổ chức các buổi khiêu vũ “không có cồn” vào tối thứ sáu cách tuần trong mùa đông năm đó cho lũ trẻ trung học, hi vọng giảm được số lượng những đứa choai choai uống say bí tỉ rồi lái xe tải nhỏ của bố xuống mương, hoặc đâm những chiếc Nova đã móp méo vào thân cây. Rõ ràng vào mùa xuân đó tôi còn nhiều năm nữa mới được lái xe, còn Tom thì còn năm tháng nữa mới được hưởng đặc quyền này. Và, đương nhiên, chúng tôi cũng chưa đủ tuổi để uống rượu ở Vermont.

Nhưng bạn bè của Tom ở lớp mười và mười một đã phát hiện ra rằng tuy các buổi khiêu vũ tại sàn nhảy Spartan bên trong đồn là không có cồn, vẫn luôn có ít nhất một công nhân mỏ đá thất nghiệp từ Barre hoặc thợ máy tiện bị sa thải từ công ty nội thất ở Morrisville lảng vảng gần cửa hàng tiện lợi, những người này sẵn sàng mua giúp lũ choai choai một lốc sáu chai bia nếu

họ có thể giữ lại một hoặc hai chai cho mình. Vì thế chúng tôi thường đứng thành từng nhóm nhỏ trong bóng tối của Đồn Cựu chiến binh hoặc cửa hàng tiện lợi, giậm chân để giữ ấm và cầm những chai bia lạnh trong tiết trời đêm lạnh gập bội.

Thông thường bố hoặc mẹ tôi hay là mẹ của Rollie sẽ chở chúng tôi đến những buổi khiêu vũ trong mùa đông đó, nhưng luôn có một người anh của Tom chở chúng tôi về. Chúng tôi sợ hơi thở hoặc lời nói làm nhảm của mình sẽ tố cáo chuyện mình đã uống bia. Tôi uống rất kém, và ở lớp tám, chỉ cần một chai rượu là đủ để tôi cười hình hích cả ngày.

Tuy nhiên, tôi đã không đi cùng Tom đến buổi khiêu vũ tối thứ sáu đó, vì khi còn ở trường tôi đã đoán rằng tốt nhất tôi nên ở nhà buổi tối. Đến lúc hầu hết chúng tôi bắt đầu leo lên xe đưa đón học sinh để về nhà lúc ba giờ, Tom đã nghe được tin một bà mẹ do Sibyl Danforth đỡ đẻ đã chết. Chúng tôi trao đổi nhanh về chuyện đó trước khi tiết học cuối cùng của mỗi đứa bắt đầu, và dự đoán của anh lập tức mang điềm xấu:

“Ông mục sư đó chắc là rất đau buồn, nhưng những tay bác sĩ mới là người sẽ gây khó dễ cho mẹ em. Bác sĩ nghĩ rằng họ biết mọi thứ.”

Sau khi im lặng một lúc lâu, anh nói tiếp, “Những tay bác sĩ này, bọn họ làm anh sợ. Bọn họ như một bầy thú. Bầy sói. Họ bao vây con mồi và nhắm thẳng vào cổ họng.”

Tối thứ sáu đó, Tom đã gọi điện cho tôi, lúc gần mười một giờ, từ điện thoại công cộng ở bãi đỗ xe của cửa hàng tiện lợi. Anh nói đường dây điện thoại nhà tôi đã bận gần như suốt đêm, và tôi giải thích với anh rằng bố tôi phải nói chuyện với luật sư. Tôi biết anh có uống bia, nhưng chưa say. Anh nói không thể đến nhà tôi vào sáng thứ bảy vì đã nhận lời giúp một người anh họ chuyển nhà đến căn hộ mới ở St. Johnsbury, nhưng anh bảo sẽ ghé qua vào buổi chiều. Tôi nói thế cũng được.

Khi lên đường đi Montpelier vào sáng thứ bảy, bố mẹ nói sẽ về nhà muộn, và bảo tôi nên kiểm tra điện thoại: Làm nghề bà mụ, mẹ tôi có lẽ là một trong những người đầu tiên ở hạt mua máy trả lời tự động, vì thế gia đình chúng tôi đã dùng nó trong nhiều năm rồi. Tôi rất thành thạo trong việc kiểm tra điện thoại.

Bố mẹ lo rằng phóng viên báo chí sẽ gọi điện cho chúng tôi, và nỗi sợ của họ là có căn cứ. *Tự do báo chí Burlington*, nhật báo lớn nhất bang, là tờ báo đầu tiên gọi đến, nhưng người phóng viên đó chỉ nhanh hơn vài phút so với các đồng nghiệp ở *Người bảo vệ Montpelier* và *Ghi chép Ê cốt*. Một người từ hãng tin AP ở Montpelier đã để lại ba tin nhắn, và tôi tin rằng ông ta chính là người đã gọi cách mười phút một lần cho đến giờ ăn trưa, gác máy mỗi khi tín hiệu ghi âm của máy trả lời tự động bật lên.

Tôi trải qua phần lớn ngày hôm đó trong tình trạng lơ mơ, lắng nghe những lời nhắn mà cánh phóng viên, bạn bè của gia đình và những bà mụ khác để lại trong máy trả lời tự động, và đợi Tom đến. Thông thường nếu tôi chờ Tom đến khi bố mẹ đi vắng, tôi sẽ mong mỗi giây phút chúng tôi nhanh chóng nằm trên ghế sofa ở phòng khách, âu yếm nhau cho đến khi Tom bắt đầu kéo áo len của tôi lên còn tôi thì phải làm cho việc đó chậm lại. Chúng tôi đều biết việc tôi cuối cùng sẽ cởi áo len và để anh vật lộn với áo ngực của tôi chỉ còn là vấn đề thời gian, nhưng thời điểm đó chưa đến.

Tuy nhiên, vào ngày thứ bảy khi bố mẹ tôi đi tìm luật sư, ý nghĩ Tom và tôi lao thẳng đến ghế sofa chưa bao giờ xuất hiện trong đầu tôi. Tôi biết mình rất vui khi Tom ghé qua, và tôi biết mình sợ - sợ như thể bố hoặc mẹ đang bị ốm thập tử nhất sinh. Nhưng tôi không biết hai cảm xúc đó sẽ chồng lấn nhau thế nào khi Tom cuối cùng cũng xuất hiện ở cửa nhà chúng tôi: Liệu anh nên ôm tôi hay đem cho tôi một chai bia? Liệu anh sẽ tra hỏi tôi đến từng chi tiết về những gì tôi biết hay sẽ cố tình nói về mọi thứ trừ chuyện đẻ tại nhà? Và nếu anh tình cờ ở nhà chúng tôi khi bố mẹ quay về, liệu một trong hai chúng tôi có nghĩ ra được ý gì để nói với họ - nhất là với mẹ tôi?

Ngay trước giờ ăn trưa, Rollie ghé qua, và trong khoảng một giờ, hai chúng tôi nghe những cuộc gọi đến trên máy trả lời tự động. Nếu bố mẹ hình dung ra cảnh hàng chục người sẽ dùng điện thoại để bố ráp tôi, họ hẳn sẽ đưa tôi đi cùng và cho tôi đi mua sắm ở Montpelier và Burlington trong lúc họ gặp luật sư. Nhưng không ai trong chúng tôi nghĩ đến sự tấn công dồn dập bắt đầu sau chín giờ sáng:

“Xin chào, tôi là Maggie Bressor, tôi là phóng viên của báo *Tự do báo chí Burlington*. Vui lòng cho tôi nói chuyện với bà Sibyl Danforth ngay sau khi bà ấy về nhà. Tôi xin lỗi đã làm phiền, nhưng tôi đang viết một bài về... ca đề ở Lawson, và tôi chỉ cần một ít thời gian của bà, thưa bà Danforth. Tôi sắp đến hạn nộp bài, vì vậy có thể tôi sẽ thử gọi bà lần nữa chiều nay. Số của tôi tại Burlington là 865-0940. Cảm ơn rất nhiều.”

“Chào Sibyl, chào Rand. Molly đây. Tớ đã nghe tin về, ừm, chuyện buồn đó, và tớ nghĩ đến các cậu. Cả tớ và Travis. Hãy gọi cho bọn tớ nếu muốn nhé. Và cho bọn tớ biết có giúp được gì không. Chào.”

“Xin chào, tôi muốn tìm Sibyl Danforth. Tôi là Joe Meehan ở *Người bảo vệ*. Chỉ muốn gặp bà nếu bà có ở nhà. Tôi sẽ gọi lại.”

Khi Rollie đến, tôi đã phải lắp cuộn băng cassette thứ hai để lưu tin nhắn. Và người ta vẫn tiếp tục gọi.

“Sibyl? Em có đấy không? Nếu em có ở đấy nhưng không nhắc máy, thì làm ơn nhắc lên đi! Là chị đây, Cheryl đây. Chị có cả một tập hồ sơ về pháp luật từ MANA mà chị muốn em xem. Khổng lồ luôn! Được rồi, em không có ở đấy, chị tin em. Nhưng gọi cho chị khi nào em về nhé. Hoặc có lẽ chị sẽ đem tập hồ sơ qua chỗ em. Trong đấy còn có cả tên của vài luật sư nữa - dĩ nhiên tất cả đều ở những nơi như Maryland và New Mexico - nhưng họ có thể giới thiệu tên một người ở Vermont. Một người giỏi. Nếu em cần. Nói với em sau nhé.”

Rollie nhấp một ngụm nước ngọt rồi hỏi tôi MANA là gì.

“Đó là một hội các bà mụ của mẹ tớ. Họ ở đâu đó tại vùng trung tây,” tôi đáp. Tôi đã biết từ sớm rằng đó là từ viết tắt của Liên minh Bà mụ Bắc Mỹ, tổ chức tương tự như Hiệp hội thương mại quốc gia của các bà mụ không chuyên thời đó.

“Chào các cậu, Christine đây. Gọi cho tớ nhé. Tớ lo cho các cậu lắm.”

“Sibyl, xin chào. Tôi là Donelle đây. Tôi biết có một bà mụ mà chị sẽ muốn nói chuyện. Bà ấy đã chứng kiến một sản phụ chết lúc sinh con tại nhà, vì vậy bà ấy hiểu nỗi đau mà chị có thể đang trải qua. Bà ấy ở Texas, và tôi biết bà ấy sẵn lòng nói và nghe tất cả những gì chị muốn. Chào nhé.”

“Timothy Slayton từ hãng tin AP. Tôi nghĩ tôi sẽ gọi lại sau.”

Thật tình là không dứt. Cuối cùng ngay cả Rollie cũng thấy mệt khi phải nghe những cuộc gọi, và về nhà lúc một giờ ba mươi. Mãi gần ba giờ Tom mới đến, và trong một giờ rưỡi ở giữa, tôi tiếp tục dán mắt vào máy trả lời tự động, nhìn bóng đèn đỏ của nó nhấp nháy khi các cuộn băng ghi âm tin nhắn đến và đi không chạy. Duy nhất một lần tôi nhấc điện thoại lên để nói chuyện, đó là khi tôi nghe giọng bố nói từ điện thoại ở văn phòng luật sư tại Burlington.

“Con sao rồi?” ông hỏi.

“Ồ, ổn ạ.”

“Con đang làm gì đấy?”

“Đọc sách ạ,” tôi nói dối. Tôi sợ bố mẹ sẽ lo lắng nếu họ biết sự thật và mừng tượng cảnh tôi ngồi bó gối, bất động bên máy trả lời.

“Bài tập về nhà à?”

“Vâng. Bài tập về nhà.”

“Chà, hôm nay thứ bảy đấy, đừng học nhiều quá. Đời còn dài mà. Con có canh điện thoại không?”

“Một chút, con nghĩ thế.”

“Có ai gọi cho mẹ con không?”

“Vài người.”

“Bạn hay nhà báo?”

“Cả hai.”

“Được rồi. Khi làm việc xong với ông Hastings, bố mẹ còn ghé qua một nơi nữa. Vì dù sao bố mẹ cũng đang ở Burlington, nên bố mẹ sẽ đến bệnh viện để chụp X quang mắt cá chân mẹ con.” Ông đã cố gắng giảm nhẹ tầm quan trọng của chuyến đi bệnh viện, ngụ ý họ có thể cũng chẳng bận tâm chụp X quang nếu họ không ở Burlington, nhưng khó mà nói giảm nói tránh về một chuyến đi đến phòng cấp cứu.

“Chân mẹ vẫn đau lắm ạ?” tôi hỏi.

“Một chút,” ông nói.

Tôi nghĩ lần duy nhất tôi cử động giữa khoảng thời gian Rollie đi và Tom đến là khi tôi đứng dậy để xem những tiếng lục đục nhỏ phát ra từ nhà bếp là gì. Hóa ra đó là một vật báo hiệu độc đáo thường gặp của mùa xuân: Một chú chim cổ đỏ đã trở về nơi cho chim ăn bên ngoài cửa sổ nhà bếp sau một mùa đông trốn rét, và cu cậu đang chiến đấu với hình ảnh phản chiếu của mình trên cửa sổ. Tuy nhiên, chuyến về nhà của chú chim cổ đỏ ngày thứ bảy hôm ấy chỉ là một sự chọc tức, lại là một thí dụ sống động nữa trong đầu tôi về sự ngu ngốc của thế giới tự nhiên: Chim đập đầu vào kính, các bà mẹ chết lúc sinh con.

Trông tôi có lẽ giống như một địa ngục lớp tám đối với Tom khi mở cửa cho anh. Tôi cũng ăn diện như bất kì đứa con gái gần mười bốn tuổi nào khác, nhưng thứ bảy hôm ấy tôi chưa kịp chải tóc, và tôi không nhớ là mình đã chải răng. Tôi chỉ thay quần áo ngay trước khi Rollie đến, nhưng chắc chắn tôi đã không mặc đẹp để đón Tom Corts. Tôi mặc một chiếc quần

jeans vừa rộng vừa lụng thụng, và một chiếc áo len hippie cũ của mẹ do bà tự đan. Bà có lẽ đã dùng đến mười một cuộn len, và dù hiệu ứng màu sắc có mục đích tạo ảo giác, ngay cả mẹ cũng từng nói rằng trông nó quá rối mắt, giống như do một đứa bé mẫu giáo chọn màu vậy.

Nhưng nếu Tom có phát khiếp vì những gì anh thấy khi tôi mở cửa, anh cũng kiềm nén sự thất vọng đó. Anh vòng tay qua eo tôi và kéo tôi lại gần, rồi hôn lên môi tôi vừa nhẹ nhàng vừa giản dị như nụ hôn đầu chúng tôi trao nhau một năm trước trên lớp bùn của trại ngựa nhỏ nhà McKenna.

Rồi sau đó anh đứng đưa tôi một lúc lâu, một sự đứng đưa kì cục nhưng khiến tôi cảm thấy thật hợp lí vào lúc đó. Tôi áp trán vào lớp áo sơ mi vải bông lộ ra từ áo khoác bông trùm mũ kéo khóa một nửa của anh, cảm thấy bình yên, nếu không muốn nói hoàn toàn yên tâm. Tôi không nhớ anh đã tách cơ thể chúng tôi ra và đưa hai người vào trong nhà như thế nào, nhưng anh đã làm thế mà không khiến tôi khó chịu.

Tôi nhanh chóng nhận ra Tom, cũng như tôi, không biết nên nói nhiều hay ít về cái chết của cô Bedford hoặc sự dính líu của mẹ tôi. Anh hiểu một cái ôm sẽ có ích, còn thái độ khi thể hiện thành lời thì anh phải tùy cơ ứng biến khi đã yên vị.

“Anh họ anh sống trong một cái hố xí,” là những lời đầu tiên anh nói với tôi sau khi chúng tôi đi vào nhà bếp. “Cha ấy cứng đầu lắm, vì vậy chẳng có cách nào làm ông ấy đổi ý được. Nhưng mà, trời ơi, ông ấy đã chuyển đến sống trong một đồng rác.”

“Chỗ đó có gì mà tệ vậy?”

“Ngoài hai cửa sổ, mỗi cái to bằng một bìa đĩa nhạc, thì chẳng còn gì sất. Ngoài trừ chỉ có hai phòng và một phòng tắm, mà sàn nhà tắm thì sắp mục hết cả ra. Và anh chỉ tìm thấy một cửa hiệu nhỏ ở toàn bộ cái khu chết giẫm đó.”

Khi chúng tôi băng qua nhà bếp đi vào phòng khách, anh dừng lại trước tủ lạnh. “Anh lấy một chai nước ngọt được không?”

“Được chứ.”

“Anh thật chẳng hiểu ông ấy nghĩ gì,” anh nói tiếp trong lúc thò tay vào chiếc tủ lạnh hiệu Kelvinator màu trắng để lấy một chai Coca.

“Căn hộ ở trong hay ngoài thị trấn?”

“Nó nằm trong một ngôi nhà gần công ty nấu đường. Cái công ty đóng lon mọi thứ từ Quebec ấy.”

“Một căn nhà đẹp?”

“Ha! Đẹp như một tai nạn xe ô tô vậy. Nó vừa tối vừa cũ, và rất cần hoặc là một người thợ mộc giỏi hoặc là một cú sét đánh đúng chỗ.”

Anh ngồi xuống ở góc nhà cạnh máy nghe nhạc rồi bắt đầu đưa ngón tay cái lên theo chông đĩa nhạc và băng cassette xếp thành hàng.

“Hôm nay mẹ em thế nào?” anh hỏi, cẩn thận nhìn chăm chú vào một bìa đĩa nhạc thay vì nhìn tôi.

“Em nghĩ mắt cá chân của mẹ đau hơn bà tự nhận.”

“Mắt cá chân?”

Tôi kể cho anh nghe ngoài việc phải chịu đựng tất cả những gì đã xảy ra ở nhà Bedford, mẹ còn bị thương ở mắt cá chân như thế nào.

“Bà đã chọn được luật sư chưa?”

“Em không biết.”

“Bố mẹ em đi gặp bao nhiêu người?”

“Ba.”

Anh gật đầu xác nhận. “Anh họ của anh đoán rằng bố mẹ em kiếm được quá nhiều tiền nên không cần luật sư biện hộ công. Nhưng anh ấy nói trước đây anh ấy có một luật sư công rất giỏi.”

Vào thời đó tín hiệu truyền hình có thể không tốt lắm ở chỗ chúng tôi tại Vermont, nhưng dù sao tôi vẫn xem đủ chương trình ti vi để biết luật sư biện hộ công là gì.

“VẬY Ạ?”

“Ừ, ở St. Johnsbury. Anh ấy bảo luật sư đó rất cừ.”

“NGƯỜI ĐÓ ĐÃ LÀM GÌ?”

“ANH HỌ ANH HAY LUẬT SƯ?”

Tôi nhún vai. “Em nghĩ là cả hai.”

“ANH HỌ ANH SAY RƯỢU VÀ ĂN CẮP MỘT CHIẾC XE ĐỂ ĐI DẠO RỒI ĐÂM VÀO MỘT CỘT ĐIỆN THOẠI. CHIẾC XE NÁT BẾT.”

“XE CỦA AI?”

“CỦA MỘT NGƯỜI Ở BOSTON. MỘT NGƯỜI TÊN LÀ SAAB. VẤN ĐỀ LÀ, ĐÓ LÀ LẦN THỨ HAI ANH ẤY ĂN CẮP VÀ LÀM HỎNG XE NGƯỜI TA. VÌ VẬY ANH ẤY BỊ GIAM BA MƯƠI NGÀY Ở WINDSOR. NHƯNG ANH ẤY BẢO LẼ RA CÒN TỆ HƠN BA MƯƠI NGÀY NẾU LUẬT SƯ BÀO CHỮA CỦA ANH ẤY KHÔNG NHANH MỒM NHANH MIỆNG NHƯ THẾ.”

“ĂN CẮP XE LÚC SAY XỈN CHỈ BỊ PHẠT TÙ BA MƯƠI NGÀY THÔI Á?”

“ANH HỌ ANH CHỈ BỊ THẾ.”

Điện thoại trong nhà bếp reo vang, và khi tôi không nhúc nhích, Tom ngược lên nhìn tôi, nói rằng anh sẽ nghe.

“CỨ ĐỂ MÁY TỰ ĐỘNG TRẢ LỜI,” tôi nói với anh, rồi giải thích rằng đến khoảng một giờ trước, điện thoại còn reo không ngừng. Không ngạc nhiên khi đó là một phóng viên gọi điện lần nữa.

“Sẽ có nhiều thứ trên báo ngày mai lắm, phải không?” Tom nói.

“Em đoán thế.”

“Mẹ em nói chuyện với tờ báo nào chưa?”

“Em nghĩ là chưa.”

Anh thở dài, nhìn xuống gói thuốc lá trong túi áo trước ngực. Tôi biết anh muốn hút một điếu, nhưng anh không được phép hút thuốc trong nhà chúng tôi.

“Anh nghĩ mẹ em có nên làm thế không?” tôi hỏi.

“Anh không biết. Có thể. Để kể câu chuyện về phía bà.”

“Về phía bà? Anh nói về phía bà nghĩa là sao?”

Anh nhét một đĩa nhạc vào dãy đĩa nằm giữa bức tường và loa, rồi xoa tay sau cổ.

“Nghe này, Connie, anh không biết nhiều về những chuyện như thế này. Anh thậm chí không thể dựng chuyện khi đề cập đến luật sư và mấy người làm báo. Vì vậy anh có thể hoàn toàn sai về tất cả những chuyện này. Nhưng vấn đề là: Một người phụ nữ đã chết. Và cô ấy chết lúc sinh con. Cô ấy không chết vì bị sét đánh, hay vì đâm xe vào tảng đá, hay vì nhà cô ấy bị cháy giữa đêm. Cô ấy không chết vì quá béo nên mắc bệnh tim, hoặc vì cô ấy gãy cổ trên một chiếc xe trượt tuyết. Cô ấy chết vì điều gì đó đã xảy ra trong lúc cô ấy sinh con.”

“Thì sao?”

“Thì, họ sẽ phải đổ lỗi cho một ai đó. Hãy nhìn tất cả những phóng viên đã gọi điện mà xem.”

Tôi nghe tiếng chú chim cổ đỏ ngoài cửa sổ nhà bếp, trở lại để đánh nhau với ảnh phản chiếu của mình. Tôi cố gắng tập trung một lúc vào những gì

Tom đang nói, nhưng tôi cứ nghĩ đến anh họ của anh và thời gian anh ta bị giam trong nhà tù bang ở Windsor. Câu nói cứ hiện ra trong đầu tôi như một đề bài trong tiết toán học:

Nếu một người đàn ông ăn cắp một chiếc xe và bị phạt tù ba mươi ngày, thì thời gian một bà mẹ ở tù là bao lâu nếu một sản phụ của bà ấy chết trong lúc sinh con tại nhà?

“Ai là luật sư biện hộ công của anh họ anh?” tôi hỏi.

“Anh không nhớ tên ông ta.”

“Nhưng vụ việc xảy ra ở St. Johnsbury?”

“Ừ.”

Nếu một người ăn cắp một chiếc xe và bị phạt tù ba mươi ngày, thì thời gian một bà mẹ ở tù là bao lâu nếu một sản phụ của bà ấy chết trong lúc sinh con tại nhà? Người đàn ông say xỉn, còn bà mẹ thì tỉnh táo.

“Không phải Newport?”

“Không phải Newport.”

“Anh nghĩ Newport có luật sư biện hộ công không?”

“Đó là một hạt khác. Có thể.”

Nếu một người ăn cắp một chiếc xe và bị phạt tù ba mươi ngày, thì thời gian một bà mẹ ở tù là bao lâu nếu một sản phụ của bà ấy chết trong lúc sinh con tại nhà? Người đàn ông say xỉn, còn bà mẹ thì tỉnh táo. Khi làm phép tính, không được quên rằng bà mẹ đã mổ sản phụ sau khi cô ta đã chết.

“Cô Bedford chết ở Lawson. Tất cả những người đến nhà họ vào sáng hôm qua đều đến từ Newport.”

“Nghe này, anh chắc chắn luật sư biện hộ công của Newport cũng giỏi.”

“Em hi vọng thế.”

“Vả lại, ngay cả nếu mẹ em cuối cùng phải cần đến một luật sư, thì bố mẹ em cũng biết chọn lọc mà. Họ có thể sẽ dùng một trong những người họ gặp hôm nay.”

“Và đây là trường hợp nếu bà cần đến một luật sư,” tôi nói thêm đầy hi vọng, lặp lại những lời anh nói trước đó.

Anh gật đầu và lẩm bầm, “Ừ, đúng thế: nếu. Nếu bà cần luật sư,” nhưng tôi biết sâu thẳm trong lòng anh tin rằng bà sẽ cần. Sau lưng chúng tôi điện thoại lại reo, và lần này Tom chẳng buồn ngược lên. Anh tiếp tục dán mắt vào đầu gối quần jeans xanh của mình, trong lúc lại một giọng nói xa lạ nữa yêu cầu mẹ tôi gọi lại cho ông ta sau khi bà về nhà.

9

Mười lăm năm trước, tôi luôn chờ đến một ngày mình sẽ bị bắt. Tôi đã biểu tình chống chiến tranh, tôi đã gọi cảnh sát là “lũ lợn”, tôi hút cần sa quá liều.

Nhưng tôi đoán mình chưa bao giờ đủ giận dữ hoặc rồ dại hoặc phê thuốc đến mức làm chuyện điên rồ. Có thể tôi sẽ như thế nếu tôi không được trời ban cho Connie. Tôi biết nhiều cô gái thời đó một tay chĩa ngón tay thối về phía cảnh sát còn tay kia thì bế con, nhưng đó không phải là tôi. Đứa bé quý giá với tôi đến nỗi tôi không thể phí hoài cuộc sống như thế.

Tôi nhớ Rand từng bị tóm một lần và lừa lên một chiếc xe thổ. Anh là một trong hàng chục người bị bắt trong một cuộc biểu tình ở Washington D.C., và tôi có lẽ đã bị bắt cùng anh nếu không phải vì lúc đó đang có bầu năm tháng. Nhưng tôi đang mang thai Connie, và điều cuối cùng tôi muốn làm là mất cả ngày trời trong chiếc xe nhét kín người từ Vermont đến

Washington, và rồi thêm một ngày nữa đứng dưới cái nóng của thủ đô, gào thét thùng cả phổi với hàng nghìn con người đang tức giận sục sôi.

Tôi nghĩ Rand chỉ bị giam một ngày, và anh không hề bị cáo buộc tội danh gì.

Và không như tôi, anh không bao giờ phải đeo còng tay.

Chiều hôm nay khi Stephen đảm bảo với tôi rằng tôi sẽ không vào tù, thẩm phán và luật sư bang - Tanner - lại khiến tôi có cảm giác như mình đã bắn vào ai đó trong lúc cướp một ngôi nhà. Stephen nói đó chỉ là thủ tục hình thức, nhưng tôi không nghĩ có ai bị cảnh sát đến nhà và bắt giam lại gọi một chiếc “còng tay” là thủ tục hình thức cả. Và dù tôi đã trông chờ cảnh sát đến, tôi chắc chắn đã không trông chờ chiếc còng.

“Thế này, tôi nghĩ việc này là không cần thiết, phải không nào?”

“Chúng tôi không có lựa chọn khác, Stephen ạ, anh biết mà,” người cảnh sát có ria mép nói, người mà tôi nghĩ tên là Leland.

Và thế là ở ngay hiên nhà tôi, họ đã buộc tôi đưa hai cánh tay ra để “còng tôi”.

Tôi không biết tội phạm nghĩ gì về chiếc còng tay. Nó không đến nỗi chặt lắm, nhưng tôi nghĩ đó là vì tôi không có nhiều thịt hoặc mỡ quanh cổ tay. Mỗi lần tôi ngo nguậy ngón cái, xương cổ tay tôi lại cứa vào thép. Nếu tôi chà đủ lâu, tôi nghĩ nó sẽ làm bong da.

Điều kì lạ nhất về chiếc còng tay chính là miếng bọc cao su mà ai đó đã quấn quanh sợi xích nằm giữa hai cái còng. Nó giống như một ống nước làm vườn trong suốt, dài khoảng mười hai đến mười lăm centimet. Họ thiết kế ra hai cái khóa kim loại đáng sợ, xấu xí, và đau đớn để còng cổ tay người ta, rồi lại bọc một ống cao su quanh sợi xích.

Tôi cảm thấy đó là chi tiết kì lạ nhất trong toàn bộ trải nghiệm kì lạ này. Tôi đấy, ngồi ở băng sau trong xe cảnh sát, mặc bộ váy mùa xuân in hình

hoa diên vĩ xanh, hai tay kín đáo khép lại giữa đùi vì tôi đang đeo một chiếc còng tay bọc bằng ống nước làm vườn.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

STEPHEN HASTINGS không có nhiều bị cáo ở cái góc lạnh lẽo, heo hút này của bang chúng tôi. Ông ta thường làm việc ở Burlington, nơi những loại tội ác có thể dẫn đến kết cục cần một luật sư năng động - theo tiêu chuẩn Vermont - thường xảy ra. Stephen từng bào chữa cho một ông giám đốc công ty điện lực, bị cáo buộc dìm chết vợ ở hồ Champlain, và một thầy giáo Anh văn ở trường trung học, bị khởi tố vì quan hệ tình dục với hai nữ sinh mười lăm tuổi học trong lớp của ông ta. Với sự giúp đỡ của Stephen, họ đều được tuyên vô tội.

Và dù số vụ năm chắc phần thua của Stephen cũng tương đương số vụ thắng, nhưng chỉ riêng việc ông từng cãi thắng cũng đủ giúp ông trở thành một luật sư ít nhiều có giá. Dù sao thì, không ai nghĩ ông có cơ hội thắng trong vụ người quản trị bệnh viện chặt đầu nhân viên kế toán sau khi có vẻ như bị người này phát hiện ông ta đã biến thủ hàng trăm nghìn đô la. (“Cách thực hiện và sự man rợ của cái chết cho thấy hành động có mưu tính từ trước,” Stephen kể cho chúng tôi nghe thẩm phán đã nói với ông như thế vào buổi tối khi phiên tòa đó kết thúc.) Mọi người trong bang đều biết một ông chủ nhà nghỉ ở Shelburne sẽ bị buộc tội buôn lậu ma túy, còn người đàn bà để hai đứa con sinh đôi sơ sinh của mình đóng băng trên đỉnh Camel’s Hump^[11] sẽ bị tuyên phạm tội giết người cấp độ một.

Dù các vụ xử án giết người, cưỡng hiếp và buôn ma túy của Stephen làm hao tổn nhiều bút mực của báo chí nhất, nhưng ông ta cũng từng bào chữa cho một ông chủ tịch ngân hàng sửa báo cáo tài sản và các khoản nợ của ngân hàng, một nữ doanh nhân trộm tiền từ nhà đầu tư, và hai quan chức Vermont nhận tiền hối lộ của một công ty xây dựng trong vụ đấu thầu một khu phức hợp văn phòng của bang. Vermont hiếm khi xảy ra nhiều hơn mười vụ giết người mỗi năm, và đa số các vụ đó thuộc dạng giết người liên

quan đến ma túy hoặc những cơn ác mộng gia đình kết cục với một luật sư biện hộ công. Vì thế, việc một công ty như công ty của Stephen - và bản thân Stephen - cũng nhận xử lý các kiểu phạm tội cổ trắng khó nhận biết hơn (và ít rùng rợn hơn) là chuyện hoàn toàn tự nhiên.

Dù Stephen có thể hiếm khi xuất hiện ở Tòa án Hạt Orleans tại Newport, nhưng ông ta vẫn biết khá rõ luật sư bang của hạt. Vermont là một bang nhỏ, và Stephen thường chạm mặt Bill Tanner tại những buổi họp trang trọng của hiệp hội luật sư ở Montpelier, hay những buổi chiêu đãi thân mật tại trường luật ở Royalton. Họ có bạn bè chung ở Burlington và Bennington, và từng dành một ngày thứ bảy trượt tuyết cùng nhau ở Stowe, khi tình cờ gặp nhau lúc xếp hàng chờ cáp treo sáng hôm đó.

Vì vậy, lẽ ra tôi không nên ngạc nhiên khi tình cờ chứng kiến cảnh tượng diễn ra vào một buổi sáng trong thời gian xét xử. Nhưng tôi vẫn ngạc nhiên. Tôi xem Bill Tanner như một người xấu có đầu óc hơi bị tâm thần, một lão già thích thú trước tình cảnh suy sụp của bố mẹ tôi vì những lý do mà tôi không thể hiểu nổi. Trong tâm trí tôi, lão đặc biệt đáng sợ vì lúc nào cũng vô cùng kiêu cách.

Nói tóm lại, vào một buổi sáng trước khi phiên tòa ngày hôm ấy diễn ra, tôi đang đứng bên ngoài hai cánh cửa gỗ bóng loáng dẫn từ tiền sảnh tòa án vào phòng xử án. Lúc đó hăng còn rất sớm, nhưng qua cửa sổ kính hình tròn, tôi có thể thấy Stephen, Tanner và thẩm phán Dorset đã ở bên trong. Dorset chưa mặc áo choàng, cà vạt vắt hờ quanh cổ như một chiếc khăn choàng: Ông ta thậm chí còn chưa bắt đầu thắt cà vạt.

Tanner đang ăn chuối còn Stephen đang nhai ngũ cốc khô, cả bàn tay và một phần cánh tay ông ta biến mất định kỳ vào trong chiếc hộp giấy bồi lớn. Ba người đàn ông đang đứng quanh bàn bào chữa, riêng Tanner thực tình đang ngồi trên chiếc ghế thường thuộc về mẹ tôi. Bồi thẩm đoàn chưa được đưa vào, chấp hành viên tòa án và báo cáo viên tòa án cũng chưa đến. Các phóng viên báo chí chưa chen nhau vào, cũng như hầu hết những người đến

xem thường lấp đầy phòng xử án suốt thời gian xét xử: bạn bè và người ủng hộ của mẹ tôi, những thành viên hiếu kì của Ủy ban nghề y, và gia đình Charlotte Bedford - một nhóm nhỏ những người vừa đau buồn khôn nguôi vừa giận dữ khôn xiết. Hai người duy nhất mà tôi thấy trong phòng lúc bấy giờ là hai thanh niên mà - dựa trên những quyển sách dày cộp về luật pháp bang họ đang đọc, và những nhãn dán màu vàng họ dùng để đánh dấu các đoạn trong mớ sổ ghi chép luật chi chít của họ - tôi đoán là sinh viên luật.

Mẹ tôi đang ở trong phòng vệ sinh nữ ở một tầng khác của tòa nhà vào lúc đó, còn bố tôi thì ở đây cùng bà - có lẽ đang đi đi lại lại trên hành lang ngoài nhà vệ sinh.

Nhìn thấy hai luật sư và thẩm phán ngồi cùng nhau gây ra một cảm giác gì đấy khiến tôi không xông vào phòng xử án như dự định. Độ vang trong phòng rất lớn, và qua khe hở mỏng giữa hai cánh cửa, tôi có thể nghe được cuộc trò chuyện của họ.

“Trời ạ, tôi suýt phì cười khi đọc báo sáng nay,” Tanner đang nói, cười khúc khích rất khẽ.

“Meehan có dự cùng một phiên tòa như chúng ta không nhỉ?” Stephen nói, và mất một lúc tôi mới nhớ ra tại sao tôi biết cái tên Meehan. Và rồi nó lóe lên: Đó chính là người phóng viên tóc vàng gầy nhằng viết về vụ xử này cho tờ *Người bảo vệ Montpelier*, người lúc nào trông cũng rất mệt mỏi.

“Tôi không ngờ nó lại diễn ra tốt như vậy, Stephen ạ,” Tanner nói tiếp, nhét vỏ chuối màu vàng và đen vào một cốc cà phê bằng xộp rỗng.

“Meehan là một anh ngốc,” Dorset nói. “Hai anh đều biết thế mà.”

“Có thể. Nhưng nếu bồi thẩm đoàn đến giờ này cũng nhìn sự việc theo cách nhìn của anh ta thì tôi thật tình là toi đời ở đây rồi,” Stephen nói.

“Không ai nhìn sự việc giống cách của Meehan cả,” Dorset đáp.

“Hi vọng là thế. Nếu không, vài ngày sắp tới sẽ là những ngày rất dài đối với cô bạn Sibyl của tôi,” Stephen nói, lắc đầu vẻ đau khổ.

“Nhưng là một buổi nghị án rất ngắn,” Tanner nhanh chóng tiếp lời, rồi nắm nhẹ lên tay Stephen.

Tôi nghĩ điều khiến tôi bức dọc nhất vào lúc đó không phải là ý nghĩ rằng Stephen sợ phiên tòa sẽ diễn biến xấu đi, dù tôi biết chắc điều đó góp phần làm cho tôi cảm thấy khó chịu trong phần lớn buổi sáng hôm đó. Nó có lẽ cũng không phải là cách mà người luật sư lẽ ra phải biện hộ cho mẹ tôi và bảo vệ gia đình tôi kết thân với kẻ thù mà tôi không ưa tẹo nào.

Không, nghĩ lại, tôi tin điều khiến tôi bức dọc nhất cả ngày hôm đó chính là cách đùa cợt tầm thường, hời hợt của ba người đàn ông đó. Phiên tòa này đã trở thành tất cả đối với gia đình tôi, nó là cuộc sống của chúng tôi; nó nằm trong tâm trí chúng tôi mỗi giây phút chúng tôi thức giấc, và tôi không thể tưởng tượng mẹ tôi có thể thoát khỏi nó trong những giấc mơ của bà. Tôi biết tôi đã không thoát được. Hình phạt cho tội bất cẩn gây chết người là từ một đến mười lăm năm tù, và sự tấn công không ngừng của Tanner vào mẹ tôi đã khiến tất cả chúng tôi nhận ra rằng nếu bà bị tuyên có tội, chính quyền bang sẽ gây áp lực để áp dụng mức phạt tối đa. (Tôi đã làm phép tính ngay vào buổi sáng người ta đưa ra các cáo buộc chống lại mẹ: Nếu bà bị tuyên có tội và bị phạt tù mười lăm năm, thì đến lúc bà mãn hạn tù, tôi đã hai mươi chín tuổi còn mẹ đã gần năm mươi.)

Tuy nhiên, với Stephen Hastings và Bill Tanner, với thẩm phán Howard Dorset, vụ xét xử này chỉ thuần túy là công việc của họ. Nó thực ra chỉ là một trong nhiều công việc mà họ làm trong đời. Thêm một ngôi nhà cho thợ xây. Thêm một chuyến bay cho phi công. Thêm một đứa trẻ cho bác sĩ sản phụ khoa hoặc bà mụ. Vụ việc có thể quan trọng với gia đình tôi, nhưng với những người đang bàn bạc về tính cách và năng lực của mẹ tôi, nó chỉ là một buổi sáng nữa ngoài phòng làm việc, một buổi chiều nữa ở tòa mà thôi.

Tôi không phải lòng Stephen Hastings, nhưng nếu có thì cũng dễ hiểu. Tôi hình dung rất nhiều cô gái trong hoàn cảnh của tôi sẽ si mê ông ta, vì ông thân thiết với gia đình chúng tôi đến nỗi giống như một thám tử điều tra hoặc một kị binh cảnh sát bước vào cuộc đời chúng tôi và giải cứu chúng tôi. Và, đương nhiên, hormone của tôi là một mớ hóa chất hỗn loạn hết như bất kì ai ở tuổi mười ba, mười bốn, một hỗn hợp chất nổ bao gồm những nguyên tố có nguy cơ bốc cháy - ít nhất là tại đây ở Vermont - ở những nơi ẩm thấp. Một chiếc xe tải chở một đồng quần áo, hoặc những chiếc chăn cũ ném tùy tiện lên giường. Những kẻ hở phủ đầy rêu khuất lấp rác trên những con sông uốn lượn qua cánh rừng. Những khu nghĩa trang.

Có lẽ vì quá nhiều đá granite được khai thác từ các mỏ đá ở Barre và Proctor mà rất nhiều chàng trai ở Vermont quả quyết (dù hết sức sai lầm) rằng các nghĩa trang và bia mộ tác động lên những cô gái vị thành niên như những loại thuốc kích dục.

Rollie thường trêu tôi rằng tôi có cảm tình với Stephen, nhưng tôi nghĩ đó là vì bản thân nó cũng bị người đàn ông này hấp dẫn. Điều đó không làm tôi ngạc nhiên lúc đó; điều đó cũng không khiến tôi ngạc nhiên lúc này.

Stephen bằng tuổi bố tôi vào mùa hè và mùa thu ông ta bào chữa cho mẹ, và lớn hơn mẹ tôi hai tuổi. Những người đàn ông ở quanh tôi năm đó ba mươi sáu tuổi, còn người phụ nữ là cả cuộc đời tôi thì ba mươi tư.

Tôi không đọc báo nhiều trước khi tên của mẹ xuất hiện trên đó thường xuyên, vì vậy tôi chưa bao giờ nghe nói đến Stephen trước khi ông ta bước vào cuộc đời chúng tôi, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra hầu hết những người lớn quanh tôi đều đã nghe nói đến Stephen. Nếu họ không biết tên ông, thì họ thường nhận ra khuôn mặt ông ngay khi gặp. Ông thường được chụp ảnh. Thời đó người ta không được phép đem máy ảnh vào phòng xử án khi phiên tòa đang diễn ra, vì thế những tấm ảnh điển hình của Stephen là những gì mà ông từng nhắc đến khi ở cạnh tôi là “ôm và cười” với một bị đơn trên bậc tam cấp tòa án sau khi cãi thắng, hoặc “những cái nhú mày

đơn độc của sự phản nộ chính đáng” khi tuyên bố việc kháng án không thể tránh khỏi sau một ca cãi thua.

Tóc ông chỉ mới bắt đầu bạc dọc thái dương và trên cặp boomerang duyên dáng có chức năng làm chân mày. Màu tóc đen nhiều hơn nâu, và ông chải chuốt, tỉa tót mái tóc của mình với một kĩ thuật chỉ có ở một cựu binh không lực. Những nếp nhăn nhỏ đã bắt đầu cong cong ở hai bên khóe miệng, nhưng ngoài đặc điểm đó ra, khuôn mặt ông khá gầy và sắc sảo. Vì phần lớn thời gian tôi gặp ông là vào buổi chiều hoặc tối, nên ông luôn mang nét mặt lờm chờm râu, một kiểu trang điểm sạm màu tự nhiên để lại trong kí ức tôi ấn tượng về một người cực kì cẩn mẫn và thông thái.

Ông cao tương đương bố tôi, khoảng một mét tám, và nặng hơn bố một tẹo - không phải béo, thậm chí cũng không phải nhiều thịt hơn, nhưng ông chưa bao giờ mất những cơ bắp hình thành trong quá trình huấn luyện cho cuộc chiến tranh Việt Nam.

Ông vừa li dị vợ khi gặp bố mẹ tôi, nhưng cuộc hôn nhân đó diễn ra không lâu lắm và không đem lại cho họ đứa con nào. Mẹ nói khi Stephen đặc biệt chú tâm chuyện gì, ông ta thường xoay ngón cái và ngón trỏ của bàn tay phải quanh ngón tay mà trước đây ông từng đeo nhẫn cưới, nhưng tôi chưa từng nhìn thấy ông làm thế bao giờ.

Có lẽ vì tôi là một cô gái mới lớn có mối quan tâm thường thấy về quần áo, nên tôi nhận ra rằng Stephen dường như luôn mặc đẹp hơn một chút so với những người đàn ông xung quanh ông ta: Nếu xung quanh là những luật sư mặc áo khoác giả vest và quần tây ở một buổi lấy lời khai sáng thứ ba, thì Stephen sẽ mặc complet; nếu những người xung quanh mặc quần kaki ở buổi tiệc rượu tối thứ bảy, thì ông ta sẽ mặc quần tây màu xám; thậm chí vào một ngày Chủ nhật nọ, tại một buổi dã ngoại vào mùa hè năm đó, trước khi những người lớn đồng loạt quyết định tất cả sẽ mặc quần jeans xanh, thì chỉ mình ông chọn quần vải chino - dệt chéo, đúng, nhưng thẳng thớm, bảnh bao, và màu be.

“Nhỉnh hơn một bậc,” ông giải thích với bố và tôi ngày hôm đó, đảo tròn mắt và tự giấu mình, sau khi bố bình luận gì đấy về thói quen luôn ăn mặc đẹp hơn một chút so với những người xung quanh. “Để chiến thắng ở công việc mà tôi làm - và cũng phải thừa nhận là, để tính mức thù lao mà tôi đặt ra - yêu cầu phải ăn mặc chính xác nhỉnh hơn một bậc so với những người khác. Không phải hai bậc, vì nếu thế thì tôi trông như một thằng ngốc. Chỉ một. Một bậc giúp tôi trông đắt giá. Và, tôi hi vọng, đáng đồng tiền bát gạo.”

“Tôi cũng hi vọng thế,” bố tôi đồng tình, giọng nói che giấu sự căng thẳng không thể hiện thành lời.

Stephen chưa bao giờ đối xử với tôi như một đứa trẻ con, một việc có nhiều ý nghĩa với tôi vào độ tuổi ấy. Ông ta đã hai lần đem đĩa nhạc punk đến cho tôi từ một cửa hiệu bán đĩa ở Burlington mà thông thường phải mất nhiều tháng sau mới đến được Vương quốc Đông Bắc. Một lần sau khi nghe Tom Corts nói quan tâm đến miền Tây nước Mỹ, ông đã đem cho anh một quyển sách bìa mềm tuyển tập các bức ảnh của Ansel Adams^[12]. Ông luôn tỏ vẻ cực kì quan tâm đến công việc của bố tôi, và tôi nghĩ đến khi phiên tòa bắt đầu, ông đã biết tường tận về chuyện đề tại nhà đến mức có thể ra tay đỡ đỡ ngay tại một phòng ngủ nào đấy.

Tôi biết đôi khi bố cảm thấy Stephen đã trở thành một phần quá thân thiết trong cuộc sống gia đình chúng tôi, nhưng với tôi đó dường như là một cái giá hợp lý để đảm bảo mẹ tôi được tuyên trắng án. Ngẫm lại, tôi nghĩ Stephen chỉ đơn giản là đã kết luận rằng - hoặc trong thực tế những việc này thường có khuynh hướng thành hiện thực - *phát hiện* ra rằng ông ta quan tâm đến mẹ tôi, và muốn ở gần chúng tôi càng nhiều càng tốt. Cái tài của ông ta, trong tâm trí tôi, chính là luôn chân thật, những cái ôm của ông luôn chân thành và thân ái như người một nhà.

Khoảng bốn mươi tám giờ đã trôi qua từ ngày thứ bảy khi bố mẹ tôi gặp Stephen Hastings ở Burlington đến buổi tối thứ hai khi ông xuất hiện tại

nhà chúng tôi ở Reddington với một thợ chụp ảnh, và tôi được giới thiệu với ông. Rõ ràng bố mẹ đã lập tức có thiện cảm với Stephen vào ngày họ gặp nhau, và ông ta đã lập tức đồng ý đại diện cho mẹ tôi nếu - như ông nói với họ - việc đó là cần thiết. Và khi chính quyền bang tiến hành điều tra trong suốt tháng ba, dù tất cả chúng tôi đều hi vọng rằng Bill Tanner sẽ quyết định không khởi tố, Stephen vẫn kiên quyết bảo bố mẹ tôi nên chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất: một cáo buộc tội bất cẩn gây chết người xuất phát từ sự khinh suất hoặc cực kì bất cẩn của mẹ tôi.

“Bill thậm chí có thể làm âm ỉ rằng việc đó là cố ý,” Stephen cảnh báo vào buổi chiều thứ bảy đó.

“Thế có nghĩa là gì?” bố tôi hỏi.

“Trong thực tế nó sẽ chẳng có nghĩa gì cả. Nhưng vì là công tố viên cao nhất của chính quyền ở Orleans, Bill cần hành động như thể ông ta là một chàng cao bồi dữ dằn,” Stephen bắt đầu, trước khi xoay ghế lại để nói chuyện trực diện với mẹ tôi. “Nếu ông ta đề xuất chị hành động cố ý, thì có nghĩa ông ta tin rằng có thể thắng với một cáo buộc tội ngộ sát, chứ không chỉ đơn thuần là bất cẩn gây chết người. Thậm chí có thể là giết người cấp độ hai.”

Mẹ tôi chỉ im lặng gật đầu, bố tôi kể với tôi điều này một thời gian lâu sau đó, còn ông không thể nghĩ ra được gì để nói. Vì thế ông chỉ đưa tay ra ôm lấy bàn tay mẹ.

May là Stephen đã nhanh chóng nói tiếp, “Đương nhiên, sẽ không có chuyện đó xảy ra. Tôi không nghĩ Bill có thể tìm được một tiền lệ nào cho cáo buộc kiểu này. Tôi chỉ cảnh báo anh chị rằng ông ta có thể làm âm ỉ đến mức đó ngay từ đầu.”

Stephen muốn bắt tay vào việc ngay để chuẩn bị bào chữa - chỉ để phòng hờ - và bố mẹ tôi đồng ý. Ông ta muốn những bức ảnh chụp các vết xây xước và bầm tím trên người mẹ tôi do băng đá vào sáng thứ sáu ở Lawson, và mắt

cá chân bị bong gân khiến bà phải đi tập thể. Ông muốn kiểm tra hồ sơ khám thai của Charlotte Bedford với một bác sĩ, và ông nói có thể đưa một nhà điều tra đến ngay. Ông cho mẹ tôi một vài lời khuyên: “Đừng nói với bất kì ai về chuyện này, không một ai. Đừng nói với bất kì người nào về bất kì chuyện gì - và đừng nói gì với tôi cả. Tôi sẽ hỏi chị những gì tôi cần biết khi chúng ta bắt tay vào việc. Và cố gắng đừng lo lắng gì cả. Tôi biết chị sẽ lo, nhưng chị không cần lo. Theo ý tôi, chính quyền phải tặng thưởng huy chương cho chị vì đã cứu mạng đứa bé mới đúng, chứ không phải hăm dọa chị như một băng đảng du côn hợp pháp.”

Đương nhiên, ngay lúc đó đã có những tín hiệu cho bố mẹ tôi thấy rõ ràng và chính xác rằng bất kì hi vọng nào về việc chính quyền bang sẽ không khởi tố là vô căn cứ, bất kì sự lạc quan nào cũng đều không được đảm bảo. Trải qua ngày thứ sáu, thứ bảy và Chủ nhật sau cái chết của Charlotte, mẹ tôi cứ ngóng chờ Anne Austin gọi điện thoại. Mẹ tôi thực lòng lo rằng cô học việc trẻ của bà quá ám ảnh với những gì đã nhìn thấy đến nỗi có thể sẽ từ bỏ ý định trở thành bà mẹ trong tương lai. Vì thế, bà đã gọi điện cho cô ta vào sáng thứ bảy trước khi cùng bố đi tìm luật sư, và lần nữa sau khi họ về nhà vào cuối ngày hôm đó. Bà gọi vào sáng Chủ nhật, và lần nữa vào tối Chủ nhật.

Như chúng tôi, Anne cũng có máy trả lời tự động, và mẹ tôi lần nào cũng để lại lời nhắn. Khi Anne vẫn không gọi lại lúc chúng tôi ăn tối vào ngày Chủ nhật, mẹ tôi tự nhủ thành tiếng không biết có phải Anne đã đi Massachusetts để thăm bố mẹ cô hay không, để tạo ra một khoảng cách về nghĩa đen giữa cô với ngôi nhà nơi Charlotte Bedford đã qua đời.

“Và biết đâu cô ấy đã cố gắng liên lạc với em hơn hai mươi lần mà chỉ gặp toàn máy bận,” bố tôi nói thêm.

Các tờ báo ngày Chủ nhật cũng là một dấu hiệu khá rõ cho thấy chính quyền bang sẽ khởi tố. Vào sáng thứ bảy, chỉ có vài bản tin dài tám hoặc mười centimet trên *Tự do báo chí Burlington* và *Ghi chép Ê cốt* nói rằng

một phụ nữ tên là Charlotte Fugett Bedford đã tử vong trong một ca đẻ tại nhà, nhưng không hề đề cập đến tên Sibyl Danforth. Bất kì ai tình cờ đọc hai bản tin này đều sẽ suy đoán từ nội dung câu chuyện rằng dù thi thể người phụ nữ đã được đưa đi khám nghiệm pháp y, nhưng đó chỉ là một thủ tục và chẳng có lý do gì để nghi ngờ ngoài chuyện chết vì nguyên nhân tự nhiên.

Tuy nhiên, các bài báo ngày Chủ nhật lại khác hẳn. Chúng dài hơn, chi tiết hơn, và rùng rợn hơn. Chúng cũng thiếu phần ý kiến của mẹ tôi về cái đêm dài ấy trong phòng ngủ của nhà Bedford, vì bà đã chọn cách không gọi lại bất kì cuộc điện thoại nào từ phóng viên trong ngày thứ bảy. Và dù Stephen giải thích với bố mẹ tôi rằng họ nên chuyển các yêu cầu của báo chí đến ông ta, nhưng họ không biết điều đó khi mới đến văn phòng của ông, và vì thế trong các bài báo ngày Chủ nhật cũng không có lời bình luận nào từ Stephen Hastings.

Thế cho nên, những bài báo đăng ngày Chủ nhật không chỉ đẫm máu mà còn một chiều và sai bét. Chúng có đầy những trích dẫn từ các bác sĩ và bà mẹ không có mặt trong phòng cùng mẹ tôi, những người sẵn sàng phỏng đoán về điều “hẳn đã xảy ra” hoặc điều “có thể đã xảy ra”. Ông bác sĩ sản phụ khoa từ Bệnh viện North Country, người đã chào đón Veil ngay sau khi nó ra đời, rất sẵn lòng nói về những việc ông ta biết (đứa bé vẫn ổn) lẫn những việc ông ta không biết (tại sao người mẹ thì không ổn).

“Chúng ta đã bị ru ngủ khi tin rằng việc sinh đẻ cũng an toàn như trám răng hoặc băng bó một cánh tay gãy,” Bác sĩ Andre Dumond nói với các phóng viên. “Rõ ràng, như sự cố này đã chứng minh, nó không an toàn. Danh sách những điều có thể diễn biến xấu trong sinh đẻ tại nhà là rất đáng sợ và bất tận. Đó là lý do tại sao bác sĩ thích lựa chọn sự hỗ trợ về mặt kĩ thuật và chuyên môn của bệnh viện hơn.”

Ngay cả khi chỉ mới mười ba tuổi, tôi có thể nhớ mình đã suy nghĩ trong lúc đọc lời nhận xét này rằng bản thân tôi sẽ không trám răng tại nhà hoặc băng

bó cánh tay bị gãy trong phòng ngủ của mình, nhưng tôi vẫn hiểu ý ông ta. Và tôi biết những người khác cũng sẽ hiểu.

Dumond cũng được phóng viên của hãng AP hỏi rằng liệu Charlotte Bedford có chết không nếu sinh con trong bệnh viện, và câu trả lời của ông ta cho câu hỏi đó nên được các giám đốc quan hệ công chúng và sinh viên luật, những người hiểu vai trò của truyền thông trong một vụ xét xử, nghiên cứu:

“Lúc này tôi không biết liệu người phụ nữ tội nghiệp ấy có sẽ chết trong bệnh viện hay không. Tôi chưa biết tường tận về chuyện đã xảy ra. Liệu bụng cô ấy sẽ bị banh ra bằng một con dao làm bếp không? Dĩ nhiên là không. Liệu cô ấy có sẽ phải chịu đựng ca mổ đẻ mà không được gây mê không? Dĩ nhiên là không.”

Trong số năm, sáu bác sĩ có thể gặp mẹ tôi và Veil khi họ đến Bệnh viện North Country, Dumond là sự lựa chọn tồi tệ nhất theo quan điểm của gia đình tôi. Mẹ tôi và Dumond quen biết nhau, và họ không ưa nhau. Tôi không nghi ngờ gì việc Dumond là một bác sĩ sản phụ khoa giỏi, nhưng lúc đó ông ta đã hơn năm mươi tuổi, và ông ta là kiểu bác sĩ mà các bà mẹ thường ví von là “nhà can thiệp”. Ông ta tin rằng sinh đẻ là một công việc nguy hiểm, cần phải có sự giám sát liên tục và rất nhiều thuốc men. Mẹ tôi và các bà mẹ khác đôi khi gọi ông là “Bác sĩ kẹp Fooc-xép” và “Người đàn ông Electrolux” - liên tưởng đến chiếc máy hút hình chòm sọ mà những bác sĩ như Dumond sẽ áp lên đầu thai nhi để kéo đứa bé ra khỏi âm đạo - vì ông ta rất nhanh nhẹn trong việc biến những cái đầu em bé thành những thứ trông như củ cải với các đồ chơi trong phòng đỡ đẻ của ông ta.

Mẹ tôi nghĩ thật là lỗ bịch (nhưng hoàn toàn nằm trong dự đoán) khi Dumond thuyết phục một bác sĩ nhi khoa giữ Veil ở lại bệnh viện vào cuối tuần để theo dõi. Hai người bác sĩ còn quá đáng đến mức đưa đứa trẻ khỏe mạnh, khóc oe oe, nặng ba kí tám ấy vào căn phòng chẳng khác gì mấy so với phòng săn sóc đặc biệt trẻ sơ sinh: một căn phòng đặc biệt, đóng kín,

được họ dựng lên cạnh phòng trẻ sơ sinh, có sẵn khí oxy, máy theo dõi, một chiếc lồng nuôi trẻ đẻ non, và đèn chiếu trị vàng da. Hôm Chủ nhật, đứa bé thậm chí còn ngủ trên một tấm nệm gắn máy báo động, có thể báo động nếu đứa bé ngừng thở.

Trong vài bài báo, một quan chức giấu tên ở văn phòng luật sư bang, chắc chắn là Bill Tanner, giải thích rằng Vermont đang điều tra cái chết. “Chúng tôi chưa biết liệu có cơ sở cho các cáo buộc hình sự hay không, hay đó chỉ là một vụ việc dân sự,” nguồn tin nói, cho thấy ngay cả khi chính quyền bang không tiến hành khởi tố thì mẹ tôi cũng nên chuẩn bị tinh thần bị kiện sạch túi.

Chỉ có phóng viên của tờ *Biên niên kí Newport* truy ra Mục sư Asa Bedford để lấy một phát biểu ngắn. Ông không hẳn là lẩn tránh, nhưng ông đã đưa Foogie đi vào đêm thứ sáu và trải qua vài ngày sau đó tại nhà một giáo dân. Vào sáng hoặc chiều thứ bảy, ông nói với phóng viên đó rằng ông vẫn còn bị sốc, và ông không có gì để nói về mẹ tôi hoặc ca đẻ của vợ ông:

“Tôi rất, rất mang ơn khi tôi được ban cho một đứa con nữa. Nhưng tôi thậm chí không biết phải bắt đầu thể hiện nỗi buồn đau của mình thế nào về cái chết của Charlotte. Tôi không biết phải nói gì. Tôi xin lỗi. Tôi không nên nói thêm gì nữa.”

Ông không giảng đạo vào sáng Chủ nhật. Ông thậm chí không đến nhà thờ. Thật ra, ông đã không bao giờ đến giảng đạo ở nhà thờ đó nữa. Ông đã dự lễ ở đó thêm hai lần nữa, nhưng đến đầu tháng năm, ông đã rời khỏi Vermont, trở về Alabama, nơi gia đình ông sinh sống.

Vài tuần sau, câu phát biểu của ông “Tôi không nên nói thêm gì nữa” bắt đầu có ý nghĩa riêng với bố tôi. Trong một thời gian, ông đã tin rằng Bill Tanner hoặc một luật sư chỉ biết xúi giục người khác kiện tụng để lấy tiền đã bảo Mục sư Asa nói như thế, để đảm bảo ông không nói gì có thể ảnh hưởng đến nhà Bedford khi họ kiện nhà Danforth ra tòa. Và ngay cả nếu những lời nói đó không phải do một luật sư bày vẽ cho Mục sư Asa, thì vào

sáng Chủ nhật chúng tôi đọc được chúng, chúng tôi cũng nhận ra rằng chúng - cùng với bình luận của bác sĩ Dumond và nguồn tin từ văn phòng luật sư bang - có nghĩa là mẹ tôi sẽ phải ra hầu tòa.

Mẹ và tôi hầu như không bao giờ cùng nhau nấu bữa ăn tối, vậy mà, trở trêu thay, đó chính là điều chúng tôi đang làm vào cuối ngày thứ hai khi Stephen Hastings và thợ chụp ảnh của ông ta nhấn chuông cửa. Mẹ tôi đang ngồi trên bàn ăn, cố hết sức để không đứng trên chân. Dù ba ngón chân bị dán băng keo cá nhân, bà vẫn cố lột vỏ những quả ớt đỏ chúng tôi vừa nướng, trong lúc tôi đang xắt rau trên tấm thớt cạnh bồn rửa chén.

Lúc đó chỉ mới bốn giờ ba mươi, vì vậy còn ít nhất một giờ nữa bố tôi mới về nhà.

Mẹ biết luật sư của mình sẽ đến vào bất cứ lúc nào để nói chuyện thêm với bà và thu thập những tài liệu mà ông ta cho là quan trọng. Có thể vì cảnh sát bang đã cử hai người đến nhà chúng tôi vào tối thứ sáu, một người hỏi còn một người ghi chép, mà tôi đã ra mở cửa với kì vọng đứng trước cửa là một người cỡ tuổi bố mẹ tôi, mặc bộ complet sang trọng, và một người trẻ hơn rất nhiều - có thể ăn mặc bình dân hơn - với trách nhiệm duy nhất là ghi lại cuộc nói chuyện trên giấy.

Thay vào đó tôi gặp một người đàn ông mặc quần tây và áo khoác giả vest, không thắt cà vạt, và một người hơi lớn tuổi hơn mặc quần jeans xanh, áo sơ mi vải flanel, và một áo phao cộc tay. Như một con vật thồ hàng, người đàn ông mặc quần jeans đeo hai túi đựng máy ảnh ở hai vai, trong tay ông là những cuộn dây nối và hai chiếc đèn kim loại lớn.

Báo chí, tôi sợ hãi nghĩ, đã quyết định đổ bộ đến nhà chúng tôi vì mẹ tôi không chịu gọi lại cho họ.

“Tôi không nghĩ mẹ tôi muốn nói chuyện với các người,” tôi nói, đứng thẳng lưng ở cửa.

Người thợ chụp ảnh quay sang người kia, và dù hàm râu của ông ta dày như bông thép, tôi vẫn có thể nhìn thấy ông ta nhăn mặt. Ông ta cong vai lên khiến hai sợi dây đeo túi máy ảnh nghiêng về phía cổ mình, và thở dài ngao ngán.

Người mặc áo giả vest chìa tay ra với tôi và mỉm cười. “Cháu là Connie, phải không?”

Tôi phớt lờ cái bắt tay, nhưng gật đầu. Tôi thích giọng nói và ngữ điệu của ông ta - tự tin và chân thành, không giả tạo - nhưng điều cuối cùng tôi muốn làm là dính vào một cuộc trò chuyện dài dòng với nhà báo trong khi luật sư của mẹ tôi có thể đến vào bất cứ lúc nào.

“Tôi là Stephen Hastings,” ông nói tiếp. “Tôi đã gặp bố mẹ cháu hồi chiều thứ bảy. Đây là Marc Truchon. Ông ấy đi với tôi để chụp vài tấm ảnh.”

Truchon gật đầu, và tôi theo phản xạ bắt tay Stephen.

“Cháu nghĩ hai chú là nhà báo,” tôi nói, cố gắng cười, nhưng âm thanh phát ra nghe như tiếng càu nhàu. Đến tận bây giờ tôi vẫn không khéo ở khoản chữa thẹn mỗi khi bị bé cái nhăm, và khi còn là một cô gái mới lớn - cũng hậu đậu và ghét bản thân như hầu hết những bạn cùng trang lứa - tôi có thể đôi khi đỏ lựng hai má đến nỗi trông như đang mắc nghẹn. Khi tôi dẫn hai người đàn ông vào nhà bếp, cảm giác bề mặt có lẽ đã nướng chín da tôi, trông như tôi mới phơi nắng suốt một tuần.

Mẹ tôi đứng dậy khi chúng tôi bước vào phòng, vịn lưng một chiếc ghế khác để làm điểm tựa.

“Chúa ơi, Sibyl, đừng đứng dậy!” Stephen nói, dùng tay ra dấu cho mẹ ngồi lại ghế như đang điều khiển giao thông. Khi bà đã ngồi xuống, ông nhoẻn miệng cười và nói thêm, “Mà nghĩ lại, sao chị không đứng dậy và nhảy lò cò một chút nhỉ? Hãy làm cho cái mắt cá ấy sưng to như quả bưởi nào.”

Marc Truchon chụp ảnh mẹ tôi trong phòng khách suốt gần ba mươi phút, ghi lại hình ảnh các bộ phận trên người bà trên tấm phong nền màu trắng nhỏ mà ông đem theo trong túi xách. Ông chụp lại những vết rách dọc lòng bàn tay trái của mẹ tôi như những cú nhào thẳng, trong đó có một vết đứt dài và sâu chạy từ cạnh nhẫn cưới đến ngón cái. Ông chụp ảnh một loạt những chỗ trầy xước và vết bầm của mẹ, nhiều chỗ có hàng chục chấm nhỏ như đầu bút bi do vết sẹo mới hình thành.

Thoạt đầu tôi rất ngạc nhiên khi Marc lại bắt đầu ở cánh tay và bàn tay mẹ, vì hai chân bà mới là bộ phận bị thương và bầm dập nhiều nhất. Nhưng rồi khi ông ta nói, “Được rồi, bà Danforth, chúng ta chụp tới hai chân nhé?” và Stephen quay lại nhà bếp lăm bầm gì đấy về một cốc nước, tôi đã hiểu ra: Chiều hôm đó mẹ tôi mặc một chiếc váy bohemian dài có họa tiết hình cánh hoa, một chiếc váy giản dị gần chạm sàn khi bà đứng lên, và giờ đây bà phải kéo váy lên đến tận hông. Ngoài mắt cá chân bị bong gân, bà còn có nhiều vết bầm rải rác trên hai chân, trong đó có một vết to bằng quả dâu tây ở đùi, đau đến mức bà không thể mặc quần jeans, một vết bầm sâu đến độ có màu đen hơn là màu tím.

Tôi nhanh chóng theo Stephen vào nhà bếp để cho mẹ và thợ chụp ảnh được riêng tư. Và lại, tôi không muốn nhìn thấy những chỗ bầm dập tồi tệ nhất của mẹ.

“Cốc để ở đâu Connie nhỉ? Tôi rất muốn uống nước,” Stephen nói trong lúc dùng một chiếc khăn mùi xoa trắng lau cặp kính.

Tôi mở cửa tủ và lấy ra hai chiếc cốc. Rồi, sức nhớ mẹ luôn mời khách cà phê và trà thảo dược, tôi lôi xuống một chiếc hộp kim loại bà dùng để đựng túi trà. “Chú có muốn uống cà phê không? Hay là trà thảo dược?”

“Gia đình cháu có cổ phần trong công ty trà hay cà phê à?”

“Cháu không biết,” tôi đáp, mở miệng rồi mới nhận ra đó là một lời nói đùa.

“Không,” ông nói tiếp, “lúc này nước là được rồi.”

Tôi vặn vòi nước ở bồn rửa bát đầy mỗi cốc.

“Lớp tám, đúng không?” ông ta hỏi.

Tôi gật đầu.

“Ở trường trung học công đoàn à?”

“Vâng ạ.”

“Trường cho xe đến đón, hay là bố mẹ cháu phải đưa rước cháu?”

“Ồ, không ạ, trường có xe đưa đón học sinh.”

Ông lắc đầu. “Trong mùa bùn thì như thế là nhất nhĩ.”

“Khó có gì làm cho xe đưa đón học sinh phải dừng lại.”

“Cháu có biết Darren Royce không?”

“Thầy Royce, giáo viên sinh học ạ?”

“Chính là người đó.”

“Vâng, cháu có biết.”

“Thầy ấy có dạy lớp cháu không, hay cháu chỉ biết thầy ấy là ai thôi?”

“Thầy dạy cháu môn sinh học. Mỗi tiết năm mươi phút, chưa kể giờ thực hành ở phòng thí nghiệm.”

“Thầy ấy dạy giỏi không?”

Tôi nhận ra trong lúc nói chuyện, tôi đã đứng thẳng lưng, một phản xạ để đáp lại dáng đứng hoàn hảo của Stephen. Tôi tiến đến từ quầy bếp nơi tôi mới dựa lưng và thẳng vai.

“Hai người là bạn à?”

“A, trả lời câu hỏi bằng một câu hỏi. Điều luyện lắm.”

“A, trả lời câu hỏi bằng một lời khen. Điều luyện lắm.”

“Ừ, chúng tôi là bạn.”

“Vâng, thầy ấy dạy hay lắm.”

“Thích thầy ấy không?”

“Có ạ. Hai người biết nhau thế nào ạ?”

“Không lực. Muốn trêu thầy ấy một tí không?”

“Có thể.”

“Lần sau khi gặp thầy ấy, nói với thầy ấy rằng L-T gửi lời chào từ Trại Latrine.”

“L-T?”

“Thầy ấy sẽ hiểu.”

“Còn Trại Latrine: Đó là tên gọi trại của chú ở quân đội à?”

“Không lực. Ừ. Nó là một trong những trại đó.”

“Nó ở Việt Nam ạ?”

“Đúng thế.”

Chúng tôi thỉnh thoảng nghe thấy từ phòng khách lúc thì giọng của mẹ, lúc thì giọng của Marc, và rồi tiếng bấm máy mỗi khi ông ta chụp ảnh. Cánh cửa khép chưa đến một nửa, nên mỗi lần ánh đèn lóe lên, nhà bếp lại sáng lòa như thể ánh nắng mùa hè đã chiếu sáng bầu trời bên ngoài.

“Bố cháu có ở nhà không?” ông ta hỏi.

“Chưa về ạ. Bố thường về nhà khoảng năm rưỡi sáu giờ.”

Ông ta liếc nhìn những quả ớt đã lột vỏ trên bàn làm bếp và rau củ, một số đã được thái, trên quây bếp.

“Bữa tối trông ngon lành nhỉ. Cháu đang nấu món gì đấy?”

“Thực ra cháu chẳng làm gì nhiều. Cháu không phải là đầu bếp gì đâu. Cháu chỉ cắt những gì mẹ bảo cắt. Cháu nghĩ kết quả sẽ là món thịt bê nấu nước sốt kem chua.”

“Ừm, hi vọng chúng tôi sẽ không làm mất quá nhiều thời gian của mẹ cháu.”

“Chú định làm gì tiếp theo?”

Ông ta lấy từ túi trước của áo khoác ra một chiếc máy thu âm dài bằng tấm burlap, nhưng rộng chỉ bằng một nửa. “Tôi sẽ hỏi bà ấy vài câu. Tối nay sẽ không hỏi gì quá khó.”

“Chú sẽ không ghi chép ạ?”

“Ôi, Chúa ơi, không.”

“Cảnh sát đã làm thế mà. Bố mẹ cháu nói cảnh sát đã ghi chép.”

Ông ta mở máy thu âm ra và cho tôi xem cuộn băng cassette nhỏ nhất mà tôi từng thấy, một cuộn băng chỉ to hơn con tem bưu điện một chút. “Chà, cảnh sát có phương pháp của cảnh sát, tôi có phương pháp của tôi. Và cháu biết gì không?”

“Gì ạ?”

“Phương pháp của tôi tốt hơn rất nhiều.”

Có thể vì cách nói chuyện tự tin của ông, và có thể vì dáng đứng thẳng của ông. Có thể vì cách ăn mặc của ông, chiếc áo khoác nhỉnh hơn một bậc. Có thể vì tất cả những điều đó gộp lại. Nhưng tối hôm đó tôi đã đi ngủ với niềm tin rằng nếu mẹ tôi quả thực cần đến một luật sư - và, trong suy nghĩ

của tất cả chúng tôi, điều đó vẫn còn chưa chắn chắn - thì bà đã có người tốt nhất ở Vermont.

10

Hôm qua Connie uống một tách cà phê trong bữa sáng. Lần đầu tiên, nhưng tôi nghĩ việc này sẽ trở nên thường xuyên. Tôi không hỏi con bé có thích hay không vì như thế thì giống giọng điệu áp đặt của bố mẹ quá. Và tôi cũng không ngăn con bé, dù ý nghĩ ấy đã nảy ra trong đầu tôi. Nó còn chưa tròn mười bốn tuổi.

Tôi nhớ mình đã làm gì khi mười bốn tuổi. Điều đó tệ hơn cà phê nhiều, vậy mà tôi vẫn sống sót đến năm mười lăm tuổi. Vì thế tôi tự nhủ chuyện cà phê này là bình thường, con bé biết nó muốn gì, và tôi cố giữ vẻ bình thản.

Con bé hẳn đã cho đến hai gói đường Sweet'n Low. Và tôi cá là vị cà phê vẫn không ngọt ngào bằng cô con gái bé bỏng của tôi. Nó vẫn đang mặc áo ngủ, chân đi dép dạng tất: loại tất len to có đế bằng da. Rand đã thức và đi ra ngoài - đến lúc toàn bộ sự việc khủng khiếp này kết thúc, tôi nghĩ anh chỉ có thể tập trung làm việc cho ra hồn khi mọi người xung quanh đều say giấc - còn con bé thì mới uể oải bước vào nhà bếp, uể oải băng qua căn phòng, uể oải đi đến những tách cà phê treo trên móc cạnh máy nướng bánh mì, và bắt đầu rót cho mình một tách.

Tôi nghĩ hẳn là mình đã nhìn chăm chú ghê lắm vì con bé dừng lại giữa chừng trong lúc rót cà phê rồi nhìn sang tôi.

“Con uống một tách được chứ ạ?” nó hỏi.

Và đó là khi câu hỏi thật sự kì lạ này hình thành trong đầu tôi, loại câu hỏi mà tôi có thể nghe mẹ tôi nói với mình: Con không nghĩ là con còn bé quá sao?

Vì vậy tôi chỉ gật đầu như thế, bạn biết đấy, không có gì nghiêm trọng. Và dù một mặt nó chẳng có gì nghiêm trọng - đó là cà phê, và con bé nhìn thấy bố mẹ nó nốc thứ ấy liền tù tì - nhưng mặt khác, việc này rất nghiêm trọng. Đó là một bước tiến nữa cho cô con gái của chúng tôi.

Tôi muốn viết “cô con gái bé bỏng”. Nhưng nó đã không còn là một cô con gái bé bỏng trong nhiều năm rồi. Thậm chí có lẽ tôi không nên nghĩ đến nó như một cô bé nữa. Người đang mặc áo ngủ và dép tất này là một thiếu nữ. (Chúa ơi, chẳng phải hôm qua con bé gọi đó là “dép tất” sao? Có lẽ là không. Có lẽ từ nửa thập niên trước rồi.) Và tôi không chỉ muốn nói nó là thiếu nữ về mặt cơ thể, dù khi con bé mặc áo ngủ đứng đó, rõ ràng cơ thể nó đã thay đổi. Chiều cao. Hông. Ngực.

Tôi muốn nói con bé đã trở thành thiếu nữ về mặt tình cảm. Nó đã luôn chừng chạc hơn so với tuổi, nhưng gần đây có những khoảnh khắc tôi cảm thấy nó đã hoàn toàn trưởng thành. Nó vẫn mang giọng điệu trẻ con mỗi khi nói chuyện điện thoại với Tom Corts, và nhìn từ xa nó vẫn trông khá trẻ con khi chải lông con ngựa nhà McKenna với Rollie. Nhưng cách con bé giải quyết những việc lớn hơn vào lúc này khiến tôi kinh ngạc. Đó là khi trông nó có vẻ như một người trưởng thành nhỏ bé. Như khi nó đọc những bài báo đáng sợ vào sáng Chủ nhật. Nó quả thực đang phân tích chúng như những nhà bình luận tin tức sáng Chủ nhật trên truyền hình vậy.

Hoặc khi nó gặp luật sư của tôi tối hôm qua. Đó là một ví dụ điển hình. Khi nó gặp Stephen. Nó đã rất ư khôn khéo, đảm bảo anh ấy có tất cả những gì anh cần, hỏi anh những câu hỏi rất hay, và kể những câu chuyện rất buồn cười.

Nó thậm chí còn hỏi anh ấy có muốn ở lại dùng bữa tối. Hệt như một nhà ngoại giao nhí. Hệt như một nhà ngoại giao trẻ tuổi. Không phải nhí. Trẻ tuổi. Và dù anh ấy không thể ở lại dùng bữa tối vào hôm qua, tôi có cảm tưởng anh sẽ ăn tối với chúng tôi vào những lần khác trong mùa xuân này.

Connie sẽ phải gặp anh ấy nhiều lần nữa, và điều đó thật không hay chỉ vì việc anh ấy làm, không phải vì con người anh như thế nào.

Tôi biết Connie sợ. Tôi biết tôi sợ. Tôi không biết phải làm gì trong cả hai trường hợp của chúng tôi.

Đây là điều tôi nghĩ tôi sẽ làm về chuyện cà phê. Con bé có thể uống cà phê vào buổi sáng trước khi đi học, nhưng không được uống sau bữa tối. Nếu nó muốn bắt đầu ngày mới với một tách cà phê, được thôi. Nhưng không một giọt trước giờ đi ngủ vì nó vẫn còn đang lớn, và nó thực sự cần phải ngủ. Chúng tôi sẽ giải quyết vụ cà phê như thế.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

KHI CHARLOTTE FUGETT BEDFORD CHẾT, các bà mẹ khác rất lo sợ. Những bà mẹ không chuyên, tức là những người không được đào tạo y khoa, những người đỡ đẻ tại nhà. Không phải những nữ hộ sinh: Họ làm việc với bác sĩ và đỡ đẻ trong bệnh viện, và không có lý do gì để hoảng sợ.

Nhưng những bà mẹ không chuyên thì lo sợ - và thực tế chứng minh nỗi sợ của họ là đúng đắn - rằng cộng đồng y khoa sẽ dùng cái chết của người phụ nữ nọ như một bản cáo trạng lên án việc đỡ đẻ tại nhà nói chung. Tuy nhiên, khi mùa đông chậm rãi nhường chỗ cho mùa xuân, và mẹ tôi bị khởi tố bị can và bị đối xử như một tội phạm, khi các bà mẹ biết điều kiện đặt ra để mẹ tôi được tại ngoại, thì nỗi sợ hãi của họ nhanh chóng biến thành giận dữ. Nói cho chính xác là phản nộ. Và dù những bà mẹ mà tôi đã gặp trong đời có rất, rất nhiều thế mạnh, nhưng họ lại không có khả năng trò chuyện vô tư về việc so sánh đẻ ở nhà với đẻ trong bệnh viện, hoặc không sẵn lòng thảo luận việc thực hiện một ca đỡ đẻ của chính họ một cách hoàn toàn khách quan. Hơn nữa, nếu - như Tom Corts đã ví von - bác sĩ là bầy thú săn mồi như sói, thì bà mẹ giống loài động vật bầy đàn như voi: Tấn công một con, những con còn lại sẽ lao vào con bị thương và làm mọi thứ có thể để bảo vệ nó.

Trong những tháng sau khi Charlotte Fugett Bedford chết, nhà chúng tôi thường xuyên có bà mụ đến thăm. Đôi khi họ đem theo thức ăn cứ như một người trong nhà chúng tôi mới qua đời, đôi khi họ đem theo hoa: Khi tháng năm đến, ngôi nhà thơm lừng mùi tử đinh hương; vào tháng sáu, phòng ăn và nhà bếp ngạt ngào hương hoa kim ngân và hoa thủy tiên ngọt lịm. Thỉnh thoảng họ đem theo tên các bà mụ trên khắp cả nước, những người từng trải qua - theo cách nói trại của các bà mụ để chỉ bất kì trường hợp tử vong, dị tật, hoặc dị dạng đáng sợ nào - “kết quả xấu”. Đôi lúc họ xuất hiện với tên luật sư của các bà mụ đó, một cử chỉ mà thoát đầu tôi cho rằng sẽ khiến Stephen Hastings cảm thấy bị đe dọa. Tôi đã nhầm. Ông ta tỉnh như không.

Ngay từ đầu ông đã bảo mẹ tôi cho ông biết tên những bà mụ này và luật sư của họ để ông có thể thảo luận với họ về các vụ xét xử *của họ* và chiến thuật bào chữa *của họ*. Từ một luật sư ở Virginia, ông lấy được tên của một chuyên gia pháp y và người này cuối cùng đã cung khai đại diện cho mẹ tôi; từ một bà mụ ở Seattle, ông nghe được chuyện về một bà mụ ở California, bị xét xử vì hành nghề không giấy phép sau khi bà ấy bơm Pitocin và Ergotrate vào một thai phụ đang lâm bồn.

Những bà mụ ghé thăm chúng tôi đến từ khắp New England và Bắc New York, vài người đã đi một quãng đường rất xa khiến tôi phải ngạc nhiên, chỉ để có cơ hội gặp và động viên mẹ tôi. Khi một số bài báo về bà được gửi đi bằng đường điện tín, các bà mụ ở những nơi xa tít mù như Arkansas và New Mexico đã đọc về tình cảnh của bà, và mỗi bang có một người lặn lội đến Reddington để bày tỏ tình đoàn kết.

Những người phụ nữ này, dù đến từ một góc heo hút ở bắc New Hampshire hay khu thành thị ở Boston, dù biết mẹ tôi nhiều hay ít, đều là những người có cái ôm triu mến. Họ không bao giờ bắt tay khi gặp bà, họ luôn ôm bà. Việc này cũng diễn ra với bố tôi nữa, nếu ông tình cờ có ở nhà, và với Stephen Hastings nếu ông tình cờ ghé qua. Họ cũng được ôm đáp trả. Hơn nữa, đó không phải là kiểu ôm ấp xã giao mà các mệnh phụ hoặc những cô gái trẻ mới vào đời hay làm ở những nhà hàng cao cấp hoặc những buổi

khiêu vũ ở Manhattan, đó là những cái ôm vòng hai tay siết mạnh trong một thời gian rất dài. Đó là những kiểu chào không khách sáo bắt đầu bằng hai tay dang ra như đôi cánh, sau đó khép lại quanh người được ôm như một chiếc áo bó. Tôi ghét phải nghĩ đến những hư hỏng họ có thể gây ra cho quần áo của nhau nếu những bà mẹ này hoặc mẹ tôi thuộc kiểu người thích trang điểm.

Các bà mẹ ở Vermont, tất cả đều biết mẹ tôi, thì tập trung quanh bà như những mặt vụ vây quanh một tổng thống mới bị bắn. Họ đem đến cho bà món thịt hầm và món kho; họ để lại trong nhà bếp chúng tôi những liễn khổng lồ nào xúp lạnh Tây Ban Nha, nào món sốt Địa Trung Hải, nào đậu Hà Lan và xúp cải bó xôi. Họ nướng những ổ bánh mì ngũ cốc và bánh xốt việt quất, bánh quy gừng và bánh xốt chocolate mềm toét. Họ làm thơ tặng mẹ tôi. Họ viết những bài xã luận cho mục bình luận của các báo ở Vermont; họ viết thư cho các nhà lập pháp và luật sư bang. Họ tiến hành các buổi “tập huấn” để giải thích về sinh đẻ tại nhà ở các thư viện công cộng tại St. Johnsbury và Montpelier. Cheryl Visco và Donelle Dolino tổ chức một buổi bán chăn thủ công để gây quỹ trả lệ phí bào chữa cho mẹ tôi, còn Molly Thompson và Megan Blubaugh thì viết hàng trăm lá thư gây quỹ trên danh nghĩa của bà. Em gái và em rể của bà mẹ Tracy Fitzpatrick có một nhà hàng chay ở Burlington, và cô ấy đã thuyết phục họ nấu một bữa tối gây quỹ đặc biệt, toàn bộ tiền thu được dành cho việc bào chữa cho mẹ tôi.

Vài bà mẹ dành tặng những ca để cho mẹ tôi, và tôi không tin có một đứa trẻ nào chào đời tại nhà ở Vermont trong sáu, bảy tháng sau đó lại không được chụp ảnh rồi đưa cho Sibyl xem như một cách động viên tinh thần: *Đây, những bức ảnh chụp chân dung các bé trai và bé gái sinh ra trong phòng ngủ và phòng khách nói, chính là những gì mà cô đang bảo vệ. Đây là lý do cô phải chiến đấu.* Tôi biết ít nhất ba cô gái sống ở Vermont ngày nay được đặt tên Sibyl, mỗi người là một đứa trẻ được sinh ra tại nhà vào mùa hè hoặc mùa thu năm 1981, tên của họ là một sự tôn kính có ý nghĩa không nhỏ dành cho mẹ tôi.

Và, đương nhiên, các bà mẹ cũng giúp mẹ tôi bằng cách nhận những thai phụ của bà làm bệnh nhân, khi chính quyền bang yêu cầu bà dừng hành nghề, ít nhất là tạm thời, như một điều kiện để tại ngoại. Các bà mẹ thường đến thăm khám thai tận nhà cho các thai phụ để giúp họ tiết kiệm gánh nặng di chuyển phát sinh sau cú sốc mất bà mẹ của họ.

Tôi nghĩ phần lớn thời gian, bố tôi rất vui khi chứng kiến mẹ nhận được những sự ủng hộ này từ các bà mẹ. Nó giúp giảm bớt áp lực lên ông. Đôi khi nó cũng động viên tinh thần ông. Và cả nhà chúng tôi quả thực đã ăn uống rất tử tế trong mùa xuân và mùa hè năm đó. Nhưng có những lúc bố tôi phát cáu, một mỗi khi ngôi nhà của ông đã trở thành quán cà phê cho một đám đàn bà tân thời mang dép xăng đan, cho những phụ nữ mặc váy hoa chéo nhiệt tình sung sức. Tôi nghĩ ông cảm thấy Cheryl Visco đặc biệt phiền phức.

Một ngày sau khi Charlotte chết, chính xác là không lâu sau khi bố mẹ tôi về nhà sau khi dành cả ngày thứ bảy với các luật sư và bác sĩ cấp cứu, bà ấy xuất hiện ở nhà chúng tôi với một chiếc phong bì hồ sơ dày nhàu nát chứa đầy thông tin pháp luật mà bà đã thu thập trong nhiều năm từ Liên minh Bà mẹ Bắc Mỹ: tên của những bà mẹ từng bị xét xử vì một lý do nào đó, kết quả các vụ xử. Những bản sao chất lượng kém của các bài báo cũ rích. Danh sách các công ty bảo hiểm. Các công ty luật.

Và trong những tuần ngay sau cái chết của Charlotte, khi ngày càng rõ rằng chính quyền bang đang thu thập chứng cứ để khởi tố một cách từ từ và bài bản, Cheryl ghé qua gần như mỗi ngày với lý do duy nhất là để ủng hộ tinh thần. Đôi khi bà đem theo một nhánh hoa, đôi khi đem theo một tấm thiệp mà bà nghĩ là hài hước. Đôi khi bà nói tên của quyển sách mà mẹ tôi nên đọc, đôi khi bà tự đem theo sách.

Khi đến muộn vào một buổi chiều trong tuần, bà thường ở lại để dùng bữa tối. Khi đến vào sáng cuối tuần, bà sẽ ở lại ăn trưa. Ngày thực sự đang trở

nên dài hơn khi tháng ba chuyển thành tháng tư, nhưng - như bố tôi nói - khi Cheryl ở đây, ngày dường như dài vô tận.

Cheryl có lẽ đã hơn năm mươi tuổi vào lúc đó, nhưng bà vẫn là một phụ nữ đẹp. Tóc bà đã bạc, và không như hầu hết những mái tóc bạc khác, trông nó vẫn dài lắm. Nó trông như tấm màn phủ xuống lưng bà, thường che lên một chiếc áo len màu đen ôm sát hoặc phần trên của một chiếc áo đầm đen tay dài nhưng vừa khít. Cheryl cao gần một mét tám, mảnh mai hơn hầu hết những cô gái bằng nửa tuổi bà, và là chủ đề của đủ mọi thể loại tin đồn và buôn chuyện: Bà có ba đứa con với ba người đàn ông khác nhau, và kết hôn với chỉ một người trong số đó. Trong khi một số người cho rằng các mối quan hệ của bà đổ vỡ vì những lý do làm cho các cuộc hôn nhân của nhiều bà mẹ xấu đi - giờ giấc làm việc dài đến phát bực và một thời khóa biểu hoàn toàn ngoài dự đoán - những người khác lại quả quyết rằng sở dĩ Cheryl ba lần thất bại trong tình yêu là vì tính nết gàn dở và chân giá trị lỏng lẻo của bà. Người ta xì xầm rằng nếu bà đã có một ông chồng và hai bạn tình chính trong nhiều năm, thì ắt hẳn bà phải có những ba mươi tình nhân. Có thể là ba trăm cũng nên.

Bản thân tôi nghĩ điều khiến các cuộc hôn nhân của Cheryl tan vỡ chính là khả năng thần kì của bà khi nói chuyện nhiều giờ liền mà không cần nghỉ lấy hơi. Bà có thể kể cả một câu chuyện mà không cần hít vào, nhắc lại những câu chuyện phiếm dài dằng dặc chẳng dừng một chút. Điều đó làm bố tôi phát điên, cũng như nó có thể đã tống hầu hết những người đàn ông trong đời Cheryl đi. Theo kinh nghiệm của tôi, đàn ông không đặc biệt giỏi trong việc lắng nghe, và muốn ở cạnh Cheryl bất kể lâu mau đều đòi hỏi một sự kiên nhẫn, thụ động, và một sự quan tâm vô bờ bến đến cuộc đời của Cheryl Visco.

Đương nhiên, Cheryl rất quý mến mẹ tôi, và trong những tuần mẹ tôi vẫn còn bấn loạn vì cái chết ở Lawson, Cheryl là một người bạn hoàn hảo: hiện diện nhưng không đòi hỏi, sự bầu bạn không cần gắng sức. Mẹ tôi có thể chỉ ngồi im và lắng nghe, có thể gật đầu mỗi khi cảm thấy đồng tình.

“May rủi là từ kì lạ nhất trên thế giới, phải không?” Cheryl bắt đầu, nói chậm lúc đầu nhưng tăng tốc dần như một đứa trẻ vị thành niên béo phì trên ván trượt tuyết. “Một từ, sáu âm tiết. Nó là danh từ, nó cũng là động từ. Thay đổi một chữ cái thì nó trở thành tính từ. Và mọi điều về nó làm nhiều người sợ thất kinh hồn vía; họ phải cố gắng tránh nó bằng mọi giá. Đừng đi du lịch đến Trung Đông những ngày này - may rủi có thể xảy ra. Đừng dính líu đến anh chàng mới dọn đến Phố Creamery - tôi nghe nói người ta đã cạo ra hàng đồng bunn từ sàn nhà anh ta sau khi li dị. Đừng để con ở nhà - may rủi chẳng biết đâu mà lần. Đừng, đừng, đừng... Chà, bạn không thể sống cuộc đời mình như thế! Bạn không thể dành cả đời để lẩn tránh may rủi. Nó ở ngoài kia, nó không thể tránh khỏi, nó là một phần linh hồn của cuộc sống. Chẳng có gì là chắc chắn trong vũ trụ này cả, và thật là buồn cười khi cố gắng sống như thể sự chắc chắn có tồn tại! Chẳng có gì làm tôi phát điên hơn là khi người ta nói để tại nhà thì may rủi hoặc thiếu trách nhiệm hoặc mạo hiểm. Chúa ơi, nếu thế thì đã sao nào? Mà dĩ nhiên, theo suy nghĩ của tôi, điều đó hoàn toàn không đúng. Đây là cái giá của việc nỗ lực loại bỏ may rủi, hoặc cố gắng làm tăng cơ may? Một thế giới nhỏ bé tiệt trùng với những bóng đèn bệnh viện sáng choang ư? Một thế giới nơi những cái kẹp kéo thai nhi thay thế cho những ngón tay ư? Nơi phụ nữ được truyền dịch và gây tê màng cứng thay vì dùng thảo dược? Dĩ nhiên, chúng ta có thể giảm bớt nguy cơ, nhưng chúng ta cũng đã giảm bớt rất nhiều sự vuốt ve và yêu thương hay đơn giản là sự kết nối giữa con người. Chẳng có ai nói sống trên đời không phải là một việc khá may rủi, Sibyl nhỉ. Chẳng có ai thoát khỏi đây mà còn sống cả.”

Dù Cheryl sống ở Waterbury, cách chúng tôi một giờ đi xe, nhưng bà thỉnh thoảng lại nán lại đến mười hoặc mười một giờ tối. Có đêm khi tôi lên lầu để làm bài tập hoặc gọi điện cho bạn bè tầm tám giờ, tám rưỡi, tôi lại nghe bà đang giảng đạo cho bố mẹ tôi. Tôi sẽ nghe thấy bố chuồn nhanh sau đó, lê bước lên cầu thang viện có cảm thấy mệt. Sau đó, khi Cheryl cuối cùng đã về nhà và mẹ tôi uể oải đi lên lầu, tôi lại nghe tiếng bố cảm rầm bực bội về khả năng phi thường của Cheryl khi có thể nán lại bất kể được hoan

ngheh hay không. Có những đêm giọng ông chì chiết hơn những đêm khác; có những đêm giọng ông to hơn.

Vào những đêm yên tĩnh hơn, ông thường chỉ nhận xét, “Chị ấy không giữ nổi chồng vì không biết im miệng.” Nhưng khi ông thực sự nổi trận lôi đình hoặc khi ông đã uống thêm rượu trong bữa tối, tôi có thể nghe ông lên giọng khi nói, “Không có bà ấy cuộc sống chúng ta cũng đã đủ căng thẳng rồi! Lần tới bà ấy đến mà không chịu về thì hãy gọi điện cho tôi. Gọi cho tôi để tôi ngủ quách ở văn phòng cho rồi.”

Mẹ tôi sau đó sẽ đóng cửa phòng ngủ, và tôi im lặng chờ đợi tại bàn học, lắng nghe, tự hỏi tối nay cuộc cãi cọ sẽ bùng lên hay xẹp xuống.

Chúng tôi biết được điều gì đã xảy ra với Anne Austin, người học việc của mẹ tôi, vào tối thứ hai. Chúng tôi biết không phải vì cô ta tự gọi lại cho mẹ tôi, hoặc vì cô cuối cùng cũng trả lời điện thoại sau rất nhiều lần mẹ tôi gọi đến. Chúng tôi biết không phải vì cô xuất hiện ở cửa nhà chúng tôi sau khi Stephen Hastings và thợ chụp ảnh của ông ta ra về, hoặc vì chúng tôi chạm mặt cô trong lúc đi mua sắm ở siêu thị.

Chúng tôi biết vì B.P. Hewitt - Bác sĩ Brian Hewitt - gọi đến từ bệnh viện trong giờ ăn tối và nói ông ta muốn ghé qua sau khi hết ca trực. Bố mẹ tôi đồng ý, và phần lớn cuộc nói chuyện của chúng tôi khi dùng xong bữa tối xoay quanh lý do tại sao bác sĩ dự bị của mẹ lại muốn ghé nhà chúng tôi. Theo như tôi biết, ông ta chỉ mới đến đây một lần, và đó là ba năm trước khi một nửa dân số của hạt tập trung tại sân nhà chúng tôi để dự buổi tiệc “tốt nghiệp” mà mẹ tổ chức cho Heather Reed, người đã theo học việc mẹ tôi ít nhất năm năm và sắp sửa bước vào sự nghiệp bà mụ của riêng mình.

“Ông ta biết được bao nhiêu?” bố tôi hỏi, dùng nĩa tách vỏ một quả khoai tây đứt lò trên đĩa của ông.

“Về Charlotte à?” mẹ tôi hỏi.

“Ừ,” bố đáp, sau khi hít vào thật sâu và chậm để khỏi trả miếng bà. Nhưng âm thanh hơi thở đó làm bầm rõ câu, *Dĩ nhiên. Ông ta còn có thể biết được cái quái gì khác chứ?*

“Em kể với ông ấy những gì em nhớ. Em kể những điểm cơ bản.”

“Em nói chuyện với ông ta khi nào? Là thứ bảy hay Chủ nhật? Hay là hôm nay?”

“Thật ra là từ hôm thứ sáu. Sáng thứ sáu. Em gọi cho ông ấy từ bệnh viện trước khi về nhà. Tại sao? Anh nghĩ em gọi cho ông ấy thì có vấn đề gì không?”

“Có thể. Anh không biết. Anh chỉ đang thắc mắc liệu ông ta nghe câu chuyện đầu tiên từ em, hay từ... từ lão già dở hơi em gặp ở phòng cấp cứu với đứa bé. Cái lão nói toàn những chuyện nhảm nhí với báo chí ấy. *Dumond. Bác sĩ Dumond.*” Bố nói chữ *bác* sỡn như thể nghĩ rằng lão đã lấy bằng y khoa qua đường bưu điện, như thể ông đã tìm thấy trường học bên trong một bao que diêm.

“Ông ta nghe chuyện từ em.” Rõ ràng, nhưng thủ thế. Một giọng điệu xuất hiện ngày càng nhiều trong lời nói của mẹ tôi năm đó. Và dù giọng điệu đó là đáng thông cảm, nhưng sự kết hợp giữa thái độ chắc chắn tuyệt đối với sự ương bướng chính đáng khiến nó nghe khá giống một tiếng rên, và tôi tin đôi khi nó chẳng có ích gì cho bà.

Tôi biết tên của bác sĩ Hewitt là Brian, nhưng tôi chưa bao giờ nghe người ta nhắc đến ông với cái tên nào khác ngoài B.P. Dù lớn hơn bố mẹ tôi mười mấy tuổi, ông vẫn mang biệt danh được gán cho từ thời còn học trường y: B.P., một điều tất yếu cho người hi vọng trở thành bác sĩ, vì những chữ cái đầu tên và tên đệm của ông là viết tắt của từ huyết áp^[13]. Mái tóc ông - màu lông lạc đà - lúc nào cũng lòa xòa trước trán và phủ trên vành tai, và tôi không nhớ từng nhìn thấy dù chỉ một nếp nhăn trên mặt ông. Ông có bốn đứa con trai, hai đứa trạc tuổi tôi, vì thế không có gì lạ khi tôi thường gặp

ông trong thị trấn: Trong tâm trí tôi, tôi vẫn có thể nhìn thấy mái tóc ông thò ra dưới chiếc mũ bóng chày, mũ bảo hiểm, và chiếc mũ rơm ông đội vào một mùa hè khi đến một hội chợ của hạt ở Orleans. Tôi luôn cảm thấy ông đúng là kiểu bác sĩ chuyên đỡ đẻ em bé.

B.P. đỡ đẻ cho bệnh nhân của ông tại bệnh viện, đương nhiên, và ông nói trước tòa rằng ông tin bệnh viện là nơi an toàn nhất để những đứa trẻ chào đời. Nhưng ông cũng nói ông hiểu rằng một số phụ nữ sẽ đẻ con tại nhà bất kể ông nghĩ gì, và ông rất sẵn lòng hỗ trợ cho “kiểu bà mẹ đảng hoàng.”

Rõ ràng mẹ tôi là kiểu bà mẹ đảng hoàng. Là bác sĩ dự bị của mẹ tôi, B.P. chấp nhận sẵn sàng đến bệnh viện khi mẹ tôi chuyển bệnh nhân của bà đến đấy. Vì mẹ tôi chỉ đưa các thai phụ đến bệnh viện khi lo sợ có biến chứng - một khó khăn lớn dần, chẳng hạn như một cơn chuyển dạ không có tiến triển, hoặc sự rối loạn đột ngột và căng thẳng của hiện tượng suy thai - điều này có nghĩa là đa phần những lần B.P. gặp mẹ tôi ở đó, ông đều chuẩn bị tinh thần cho một ca mổ đẻ.

Trong vòng chín năm B.P. hỗ trợ mẹ tôi, dữ liệu cho thấy bà đã chuyển bệnh nhân đến bệnh viện hai mươi tám lần. Trong số hai mươi tám lần chuyển viện đó - một con số nhỏ, đúng, nhưng dĩ nhiên ẩn sau sự bất thường của những con số đó là nỗi khiếp sợ và thất vọng của hai mươi tám người phụ nữ bị đưa đi bằng xe cấp cứu hoặc xe ô tô từ hơi ấm căn nhà họ đến những phòng ốc xa lạ ở bệnh viện, lo lắng với từng phút giây (hoặc khoảng dừng) trong tử cung của họ rằng đứa bé sắp chết - B.P. đã có mặt trong hai mươi sáu lần. Và trong số hai mươi sáu ngày hoặc đêm đó, khi ông gặp mẹ tôi ở bệnh viện, có hai mươi bốn trường hợp ông đưa thai phụ đang chuyển dạ - thông thường là im lặng trong sợ hãi, dù không bao giờ, không bao giờ chết lặng - vào phòng mổ và phẫu thuật lấy đứa bé ra.

Tất cả các em bé đều khỏe, trừ một trường hợp. Một đứa bé sinh non. Sinh ra đã chết.

Chưa có trường hợp nào người mẹ tử vong.

Và trong trường hợp đứa trẻ sinh ra đã chết, B.P. và chuyên gia pháp y chắc chắn rằng đứa bé - một bé trai mà bố mẹ nó định đặt tên là Russell Bret - cũng sẽ chết dù cho mẹ nó có đẻ trong bệnh viện đi chăng nữa. Nếu ai đó tin rằng bố mẹ Russell Bret đã phạm sai lầm khi cố gắng đẻ con ở nhà, thì tôi cũng không tin có ai nói ra điều đó. Ít nhất là nói một cách công khai. Và không một ai, theo như tôi biết, nói bóng gió rằng mẹ tôi phải là người chịu trách nhiệm.

Khi B.P. đến nhà chúng tôi vào tối thứ hai đó, trông ông có vẻ mệt mỏi và lo lắng. Tôi lập tức choáng váng khi nhận ra đây không phải là ông bố vô tư lự mà tôi đã từng thấy ở khán đài sân vận động trường học, xem con trai giữ chốt hai trong trận bóng chày, hoặc ông bố thanh thản đạp xe cùng các con trai trên Phố Hallock. Ông mỉm cười với tôi khi bố tôi dẫn ông vào phòng khách, nhưng đó là kiểu cười chẳng có lấy một chút thần sắc, là điềm báo cho một tin cực kì xấu. Tôi luôn hình dung rằng - cùng với bác sĩ - kế toán, thợ cơ khí, và luật sư chuyên kháng án tử hình là những người thường xuyên cần đến nụ cười đó.

Trong lúc ông ta nói với bố mẹ lý do ghé qua, tôi dọn dẹp nhà bếp. Tôi cẩn thận tạo ra vừa đủ tiếng động để bố mẹ tin rằng tôi đang tập trung vào bát đĩa, nhưng không quá ồn để tôi vẫn nghe được phần lớn những gì người lớn đang nói.

“Cô ấy gọi khoảng một giờ sau khi cô gọi, Sibyl ạ. Có lẽ là bốn mươi lăm phút sau,” B.P. nói với họ.

“Sáng thứ sáu à?” mẹ tôi hỏi.

“Ừ. Sáng thứ sáu.”

“Cô ấy lo lắng đến thế sao?”

“Rõ ràng là thế.”

“Sao cô ấy không gọi cho tôi?”

“Cô ấy không gọi à?”

“Không.”

“Hai người chưa nói chuyện với nhau từ... từ sau ca đẻ ư?”

“Sibyl đã cố gắng liên lạc với cô ta trong ba ngày,” bố tôi nói. “Trong ba ngày qua, Sibyl có lẽ đã để lại năm, sáu tin nhắn trên máy trả lời của cô ta.”

Tôi vặn nhỏ vòi để nước chảy nhỏ giọt rồi lau khô tay bằng chiếc khăn lau bát treo cạnh bồn rửa. Tôi bắt đầu cảm thấy chóng mặt, như vừa đứng dậy đột ngột sau khi quỳ gối một lúc lâu. Tôi nhận ra họ đang nói về Anne, người học việc mới của mẹ. Người đã có mặt cùng mẹ tại - theo cách nói của B.P. về sự kiện này - ca đẻ.

Tôi đưa tay chạm mép quầy bếp và chồm người về trước, cố gắng nhắc bớt trọng lượng khỏi chân.

“Hai người chưa nói chuyện với nhau, hai người chưa gặp nhau?” Giọng nói của bác sĩ lại vang lên. Trong giọng nói có gì đó như ngạc nhiên, có gì đó như lo lắng. Lo lắng cho mẹ tôi.

“Chưa,” mẹ tôi đáp. “Không một lời.”

“Tôi đã bảo cô ấy gọi cho cô. Nói chuyện với cô,” B.P. nói tiếp.

“Cô ấy đã không làm thế.”

“Cô ta còn ở Vermont không?” bố tôi hỏi.

“Tôi tin là thế.”

“Vậy thì tôi sẽ gặp cô ấy vào ngày mai,” mẹ tôi nói với B.P. “Tôi có hẹn khám thai cả buổi chiều, và Anne sẽ phụ giúp tôi. Khi đó chúng tôi có thể nói về toàn bộ chuyện này.”

“Ồ, tôi không nghĩ vậy đâu, Sibyl ạ,” B.P. chậm rãi nói, và tôi nghĩ lý do khiến ông bắt đầu nói chậm lại là vì ông muốn có thêm thời gian tìm từ

thích hợp cho điều mà ông sắp nói ra. “Nếu Anne chưa gọi cho cô, thì tôi không nghĩ cô ấy sẽ đến vào ngày mai.”

“Chính xác thì Anne đã nói gì với ông?” Bố tôi nghi ngờ.

“Trước tiên hãy cho tôi biết điều này đã. Nếu cô không phiền. Cô biết về Anne đến mức nào?” bác sĩ hỏi, và tôi có thể đoán rằng ông ta đang hướng câu hỏi về phía mẹ tôi.

“Tôi tin rằng mình biết rõ cô ấy.”

“Nhưng cô ấy học việc với cô chưa được bao lâu.”

“Không, không lâu lắm.”

“Khoảng sáu tháng?”

“Không lâu như thế. Ba. Có thể bốn. Chúng tôi bắt đầu hợp tác từ tháng mười hai.”

“Ông đang đánh trống lảng, B.P. ạ, ông đang tránh né vấn đề. Cô gái đó đã nói gì với ông?” bố tôi hỏi một lần nữa, sự kiên nhẫn của ông đang rơi rụng.

B.P. thở dài. Cuối cùng: “Khi cô thực hiện vết rạch trên người bà Bedford để cứu đứa bé, cô ấy nói cô ấy nhìn thấy máu bắn ra. Vài lần. Cô ấy nghĩ rằng bà ta còn sống.”

Có những cách nói để thể hiện sự im lặng; có những lời nói quen thuộc. Có những câu chữ và tình cảm như thơ. Một sự im lặng sâu tựa cái chết, một sự im lặng sâu tựa vĩnh cửu. Im lặng như tờ, sự im lặng uyên thâm và hữu hiệu. Sự im lặng của những không gian vô tận, sự im lặng nằm dưới những suy nghĩ dịch chuyển.

Sau khi B.P. nói, có phải phòng khách đã trở nên im lặng đến nỗi chúng tôi có thể nghe được tiếng động khẽ nhất? Các căn phòng thường tĩnh lặng như thế, và sàn phòng khách đó lát gỗ cứng sơn màu xám. Chúng tôi có thể nghe được những tiếng động khẽ nhất trong căn phòng đó trong hầu hết

ngày đêm. Không, sự tĩnh lặng xâm chiếm ba người lớn và tôi, sự tĩnh lặng bao trùm lên căn nhà chúng tôi rất khác với sự im lặng. Nó không phải là sự im lặng của ý nghĩ, sự lặng lẽ của thiên định. Nó không phải là sự im lặng bắt nguồn từ sự tĩnh mịch, sự lặng thầm nảy nở quanh những tâm hồn thanh thản.

Đó là trạng thái tĩnh lặng của sự chờ đợi. Của sự chuẩn bị. Của sự kì vọng nhuốm mùi - không, không phải nhuốm mùi, mà bị bao trùm - bị bao trùm bởi sự u ám.

Chúng tôi đã bất động trong bao lâu - những người lớn trong phòng, tôi trong nhà bếp - có lẽ trong thực tế rất khác với những gì tôi cảm thấy lúc này trong kí ức. Tôi nhớ sự tĩnh lặng kéo dài rất lâu; tôi nhớ mình chống tay lên bồn rửa trong một khoảng thời gian rất dài. Nhưng tôi chóng mặt quá, sợ rằng mình đã bị ốm, và trong thực tế sự tĩnh lặng có lẽ chỉ diễn ra vài giây. Một khoảng dừng trong cuộc trò chuyện - dù mọi người có mặt trong cuộc trò chuyện đó đều hiểu rằng hiện thực của chúng tôi đã bị tin tức của B.P. làm thay đổi, rằng cuộc đời chúng tôi trước và sau lời nói của ông ta sẽ rất khác nhau - nhưng dù sao vẫn chỉ là một khoảng dừng đơn giản.

Và rồi nó vỡ vụn. Sự tĩnh lặng do lời nói đem lại đã bị lời nói phá vỡ.

“Nếu ông muốn,” mẹ tôi nói, “tôi sẽ nói chuyện với Anne vào ngày mai và chấm dứt chuyện này.”

“Cô ta sẽ không đến đây vào ngày mai, Sibyl ạ, tôi đảm bảo với cô như thế.”

“Sao ông chắc chắn như vậy? Cô ấy có nói gì khiến ông tin như thế không?”

“Cô ấy đâu cần nói. Nhưng mọi việc đã rõ ràng. Rõ ràng từ thực tế là cô ấy đã không liên lạc với cô kể từ... kể từ khi người phụ nữ ấy qua đời. Cô ấy đang lảng tránh cô.”

“Lảng tránh tôi.” Một câu khẳng định hơn là một câu hỏi. Mẹ tôi nghe có vẻ ngờ vực hơn là lo lắng.

“Lảng tránh cô. Đúng thế.”

Tôi hít vào vài hơi sâu để cố gắng trấn tĩnh mình, để làm yên cái dạ dày. Nhưng hai đầu gối tôi đang hồi thúc và vì thế tôi bỏ cuộc, tôi để cho cơ thể mình trượt xuống sàn nhà bếp. Tôi ngã từ từ, như đang lặn lẽ chìm dần xuống nước, lưng tôi trượt trên chiếc tủ dưới bồn rửa và tôi quy xuống.

“Ông đã nói gì với Anne khi cô ta gọi?” tôi nghe bố hỏi, và trong một khoảnh khắc những giọng nói nghe như ở xa vời vợi đến nỗi tôi sợ mình sẽ ngất đi, những khoảnh khắc ấy trôi qua.

“Tôi bảo tôi nghi ngờ điều cô ấy nói là thật. Tôi bảo tôi đã nói chuyện với cô và Andre, và tôi có cảm giác rằng cô ấy đã nhìn thấy quá nhiều máu và có thể nó rất đáng sợ. Nhưng cô ấy đã không nhìn thấy cô rạch một người sống. Việc đó thật là không thể, căn cứ vào người như cô.”

“Người như tôi,” mẹ tôi lẩm bẩm. Một lời lặp lại.

“Đúng. Một bà mẹ giàu kinh nghiệm. Một người được đào tạo kỹ năng cấp cứu xuất sắc.”

“Sau đó thì sao?” Bố tôi lại hỏi.

“Cô ấy có vẻ hiểu ra, và tôi hi vọng như vậy là kết thúc chuyện này. Tôi đề nghị cô ấy gọi cho cô để giải tỏa hết những lo lắng trong lòng. Công khai giải quyết hết những khúc mắc giữa hai người.”

“Nhưng cô ấy không hề gọi điện cho tôi,” mẹ tôi nói, và trong giọng nói của bà tôi nghe thấy sự tổn thương lẫn nỗi sợ hãi.

“Rõ ràng là không. Nhưng rồi trong ngày hôm đó, cô ấy có gọi cho Mục sư Bedford.”

“Cô ấy gọi cho Asa?”

“Và rồi cô ấy gọi cho văn phòng luật sư bang.”

“Và cô ta bảo với họ cô ta nghĩ rằng người phụ nữ này còn sống khi Sibyl mổ đẻ?” bố tôi hỏi.

“Có vẻ là thế. Điều mà cô ấy có thể đã nói với luật sư bang - và đây là lý do tôi muốn ghé qua tối nay - chính là cô ấy và Asa đều nhìn thấy máu bắn ra khi cô thực hiện nhất rạch. Theo quan điểm của cô ấy, tim vẫn còn đập khi cô bắt đầu phẫu thuật.”

“Vậy tại sao cô ấy không nói gì?” mẹ tôi nói, lần đầu tiên to tiếng trong buổi tối hôm đó. “Không, cô ấy biết Charlotte đã chết - và Asa cũng biết!”

Mẹ tôi không phát rồ, nhưng giọng điệu của bà cho thấy bà hiểu rất rõ rằng sự nhìn nhận của Mục sư Asa về bi kịch này tác động đến mọi thứ. Bố tôi, có thể có lý do nào đó, lo sợ rằng chỉ thêm một tiết lộ nữa sẽ khiến bà hóa điên, nhanh chóng hỏi, “B.P., tại sao ông đến đây tối nay? Vào lúc này? Có chuyện gì xảy ra hôm nay à?”

“Tôi bị phỏng vấn. Tôi nghĩ đó là từ đúng. Phỏng vấn. Tôi đã bị vài cảnh sát phỏng vấn hôm nay. Và dựa trên câu hỏi của họ, tôi có ấn tượng rằng mọi người - luật sư bang, chuyên gia pháp y, mục sư - tin rằng có người mới chết vì một bà mẹ tiến hành một ca mổ đẻ trong phòng ngủ trên một người sống.”

...

Tối hôm đó, mẹ gõ cửa phòng tôi và hỏi tôi còn thức không. Có lẽ bà biết tôi còn thức vì bà có thể nhìn thấy ánh đèn dưới khe cửa, mà tôi thì không thuộc kiểu người ngủ quên lúc đọc sách. Qua tấm van trên sàn tôi nghe tiếng bố ở dưới lầu, cho khúc củi cuối cùng trong đêm vào lò sưởi.

“Mẹ vào đi,” tôi nói, lăn qua giường để nhìn ra phía cửa, ném quyển tạp chí đang đọc lên tủ đầu giường.

Tôi ngạc nhiên khi thấy mẹ chưa chuẩn bị đi ngủ. B.P. đã ra về nhiều giờ trước; lúc này đã gần nửa đêm. Nhưng mẹ vẫn mặc chiếc váy bohemian lòa xòa, và kẹp tóc. Bà khập khiễng đi vào phòng rồi ngồi lên mép giường. Ngoài cửa sổ phòng tôi, mặt trăng rất to, một hình bầu dục chỉ thiếu chút bạc nữa là tròn vành vạnh.

“Con thức khuya quá,” bà nói.

“Tại cà phê đấy,” tôi trả lời, trêu mẹ. Tôi đã thấy bà quan sát tôi hết sức tỉ mỉ vào buổi sáng hôm đó khi tôi quyết định thử một trong những giới hạn của mình. Đó là một sự khám phá hoàn toàn ngẫu hứng, tuyệt đối không tính trước. Tôi chỉ đơn giản nhìn thấy Ngài Cà phê, và hai tay tôi làm những việc còn lại.

Bà cầm quyển tạp chí lên, loại tạp chí dành cho phụ nữ tuổi đôi mươi, rồi lật qua các trang. Số báo đó đăng những bài viết về kiểu quần siêu ngắn mùa hè, những lập luận ủng hộ và phản đối các tiệm làm nâu da, và một phụ bản đặc biệt về ngừa thai. Không có người phụ nữ nào ở Vermont có thân hình hoàn hảo như cô nàng tóc vàng Texas trên trang bìa, và không cô gái nào có mái tóc to như thế.

“Trong này có gì hay không?”

Mẹ biết chính xác tôi thấy những phần nào trong quyển tạp chí này hay ho.

“Có mấy chiếc quần sooc con thích trên trang 186,” tôi đáp, không hẳn là bịa, nhưng cũng không hẳn là thật.

Bà gật đầu và mỉm cười. “Con mặc vào trông sẽ đẹp đấy.”

“Vâng, nhưng chúng có vẻ du thuyền,” tôi nói, bịa ra một từ khi tôi không thể tìm thấy từ thích hợp. “Con nghĩ phải sống trên đại dương thì mặc mới hợp.”

“Có thể.”

“Hoặc làm bồ nhí của một công tử nhà giàu nào đó,” tôi nói thêm, một kiểu nói đùa giữa hai chúng tôi. Mỗi khi nhìn thấy một cô gái ở Vermont ăn mặc thiếu thắm mỹ và quá lòe loẹt so với tiểu bang nhỏ bé của chúng tôi, thì người này lại thì thầm với người kia, “Kia kìa - bồ nhí của công tử nhà giàu đấy,” kéo dài chữ *giàu* cho đến khi nó nghe như hai âm tiết: *già-uuuuuuu*.

“Ô, hay đấy, có một bài viết về cách chọn tiệm làm nâu da phù hợp. Cái này sẽ rất, rất có ích đấy,” mẹ tôi nói.

“Bây giờ đã có một tiệm ở Burlington rồi đấy, mẹ biết không.”

“Không, mẹ không biết.”

“Ừm.”

“Cái xứ đồi núi này ngày càng tân thời nhì.”

“Con xem quảng cáo là chính. Để xem có gì hay ho ấy mà.”

Bà đọc lướt qua những dòng tiêu đề và chú thích trong mục ngựa thai. “Con và Tom thế nào rồi?”

“Ổn ạ.”

“Không cảm thấy lạ khi không đi nhảy với cậu ấy tối thứ sáu à?”

“Lạ?”

“Con có nhớ cậu ấy không?”

“Bọn con nói chuyện điện thoại rồi. Và anh ấy có ghé qua chiều thứ bảy, mẹ biết đấy.”

“Mẹ biết. Nhưng mẹ cá là như thế không giống như đi chơi với cậu ấy ở sàn nhảy.”

“Không. Không hẳn.”

Bà lại nhìn xuống quyển tạp chí, và khi dán mắt vào mục nói về màng chắn thai, bà nói, “Đừng bao giờ quên. Khi con nghĩ đã đến lúc, con phải nói với mẹ. Chúng ta sẽ đi thẳng đến bệnh viện.” Bệnh viện là cách nói vắn tắt của chúng tôi để chỉ Trung tâm Kế hoạch hóa gia đình.

“Con sẽ nói.”

“Hứa chứ?”

Tôi tròn tròn mắt. “Mẹ à!”

Bà tròn tròn mắt và ngả đầu ra sau như đóng kịch để trả lời.

“Hứa chứ?” bà hỏi lại, nhắc đến lời tuyên thệ bà đã bắt tôi thực hiện khi tôi mười ba tuổi là nếu tôi nghĩ có khả năng nhỏ nhất rằng tôi sẽ quan hệ tình dục trong tương lai mà tôi biết trước - ngay cả khi khả năng đó hiếm hoi cũng như bị sét đánh trúng vào cuối tháng mười hai - tôi sẽ nói với bà, và chúng tôi sẽ đi đến Trung tâm Kế hoạch hóa gia đình để chọn một chiếc màng tránh thai vừa vặn với tôi. Ngoài bán ma túy cho bạn cùng trường và bắn thầy giáo, tôi nghĩ điều duy nhất Tom và tôi có thể làm trong năm đó để khiến mẹ tôi thất vọng và buồn lòng chính là làm trò nhặng xị cùng nhau dẫn đến kết cục mang thai ngoài ý muốn ở tuổi vị thành niên.

Khi tôi kể với vài đứa bạn về lời hứa này, những đứa con gái như Rollie và Sadie, chúng kết luận rằng không có bà mẹ nào trên hành tinh này tuyệt vời bằng mẹ tôi. Đa số các bà mẹ vào lúc đó thậm chí còn không nói đến từ *màng tránh thai* với những cô con gái mười ba tuổi của họ, đừng nói gì đến việc chở chúng đến bệnh viện để mua một chiếc. Trong mắt bạn bè tôi, những lợi ích tinh thần khi có một bà mẹ làm bà mẹ lớn hơn đáng kể so với những bất lợi do các cơn chuyển dạ kéo dài hoặc các ca đẻ giữa đêm đem lại.

“Con hứa,” tôi nói.

“Cám ơn con.” Bà cuộn quyển tạp chí thành ống và giữ nó nghiêm trang trên đùi như thể đó là bằng tốt nghiệp.

“Không có chi. Mắt cá chân của mẹ thế nào rồi?”

“Ổn rồi.” Bà nhún vai. “Thuốc giảm đau.”

“Chúng có tác dụng ạ?”

“Còn phải hỏi.”

“Bác sĩ Hewitt muốn gì?”

“Con không nghe thấy à?”

“Con đâu có nghe được hết.”

“Ông ta là một người bạn tốt,” bà nói như vậy thay vì trả lời câu hỏi của tôi. Tôi không nghĩ đó là một sự lảng tránh cố ý, nhưng bà nhanh chóng nói tiếp, “Mẹ nghĩ ngày mai mẹ sẽ khám bệnh một mình.”

“Anne cũng chẳng làm được gì nhiều, phải không?”

“Cô ấy đã làm tròn bốn phận rồi. Cô ấy đang học hỏi.”

“Nghe như cô ấy còn phải học nhiều.”

Mẹ nhìn tôi một lúc lâu, và tôi cố hết sức để giữ cho mắt mình nhìn vào mắt mẹ. Tôi nghĩ bà nhận ra vào giây phút đó rằng tôi hiểu biết nhiều thế nào: bà rất cần chia sẻ với tôi, nhưng bà đã không làm thế. Bà không chớp mắt, và nếu lũ ruồi trong những bức tường nhà chúng tôi không nhặng xị vào lúc đó, chúng sẽ thấy đầu mẹ tôi chỉ gật một cái thật khẽ. *Đúng*, cái gật đầu đồng ý, *bà hiểu*.

Ở dưới lầu, bố đang châm thêm nước vào ấm đun trên lò sưởi, tựa chiếc nắp sắt lên quai ấm bằng đồng. Tôi biết rõ tiếng lanh canh nó tạo ra. Một giây sau mẹ và tôi đều nghe thấy tiếng xèo xèo từ những giọt nước tràn xuống quanh thân ấm lên mặt đá cẩm thạch của lò sưởi, đủ nóng để biến nước

thành hơi ngay tức khắc. Sau đó ông kéo sợi xích của chiếc đèn đọc sách bên ghế sofa, và tôi biết ông chuẩn bị lên lầu.

Cuối cùng tôi nhìn xuống mép chiếc chăn chăn bông của mình, không thể nhìn vào mắt mẹ lâu hơn được nữa.

“Ngủ ngon nhé, con yêu,” bà nói. “Chúc con có những giấc mơ đẹp.”

“Chúc mẹ cũng ngủ ngon nhé,” tôi đáp, và ở đâu đó sâu trong lòng bà đã tìm thấy sức mạnh để lăm bắm câu trả lời không thật lòng cho lời chúc đó.

11

25.000 USD. Một số hai, một số năm và ba số không - năm số không nếu bạn dùng dấu chấm thập phân. Không ít hơn số tiền mua cả căn nhà này vài năm trước là bao. Chi phí cho hai năm cao đẳng của Connie. Chi phí cho toàn bộ học vấn cao đẳng của con tôi, có thay đổi, nếu con bé quyết định muốn học ở Đại học Vermont.

Cho đến hôm nay, Rand và tôi chưa bao giờ viết một tấm séc nào trị giá lớn như thế. Về mặt kỹ thuật mà nói, tôi đoán là tôi vẫn chưa viết. Chính Rand mới thật sự là người tìm một cây bút trong ngăn kéo nhà bếp và viết ra những từ “Hai mươi lăm nghìn đô la” trên dòng kẻ của tấm séc, ngay bên dưới “Trả theo lệnh của”. Sau đó anh viết nguệch ngoạc con số hai và năm và tất cả những con số không đó.

Và 25.000 USD đó chỉ mới là khởi đầu. “Nút vặn để khởi động đồng hồ,” Stephen Hastings nói. “Số tiền để cho vào đồng hồ thu cước đỗ xe.” Và bây giờ chiếc đồng hồ thu cước đang chạy.

Thoạt đầu tôi rất phiền não với số tiền này, và tôi đã ước gì chúng tôi đủ điều kiện để có một luật sư bào chữa công, nhưng chúng tôi không đủ. Tôi cứ nghe thấy những lời này trong đầu, câu nói này: “Trời ơi, như thế bằng với rất nhiều bánh mì.” Đó là cách chúng tôi thường nói: “Rất nhiều bánh

mì.” Cần sa có thể bằng với rất nhiều bánh mì, hoặc một chiếc xe - dùng rồi hoặc móp méo hoặc nát bét vì một loại sơn kẻ đường màu cam xấu xí mà ai đó nghĩ là tạo ra ảo giác - hoặc một cặp loa âm thanh nổi.

Tôi nói với Rand số tiền đó là quá nhiều, đặc biệt vì chúng tôi sẽ còn cần nhiều hơn nữa nếu sự việc này kéo dài. Nó gần như là tiền tiết kiệm của cả đời chúng tôi, gần như là toàn bộ số tiền chúng tôi đã chặt mót trong hơn một thập niên qua để lo học phí cao đẳng cho Connie hoặc tiền về hưu của chúng tôi, hoặc cả hai.

Và lại, tôi đã không làm gì sai. Vì thế tôi nói với Rand có thể chúng tôi không cần phải có luật sư giỏi nhất mà chúng tôi có thể tìm được, hoặc luật sư giỏi nhất mà tiền có thể mua được. Đâu phải tôi bị bắt khi đang cướp nhà băng với một khẩu súng máy.

Nhưng Rand không đồng ý, và nói rằng không cần biết tôi có làm gì sai hay không, đó không phải là vấn đề. Vấn đề là một người phụ nữ đã chết khi làm một việc mà tất cả chúng tôi đều biết là chính quyền bang rất ghét, và việc đó chính là đẻ con tại nhà. Vì thế một người nào đó phải chịu trách nhiệm.

Thời trước, dĩ nhiên anh sẽ gọi chính quyền là “tổ chức”.

Trong tâm trí tôi, tôi có thể nhìn thấy Rand lắc đầu và tôi có thể nghe anh nói, “Trời ơi, sẽ tốn rất nhiều bánh mì để đấu với tổ chức, nhưng chúng ta vẫn phải trả đủ.” Anh không nói ra điều đó, đương nhiên. Anh sẽ không nói ra, không phải trong những ngày này.

Điều anh đã nói là, “Chúng ta muốn người giỏi nhất, và rõ ràng đó chính là Stephen Hastings. Chúng ta không nên ngạc nhiên khi anh ta tính phí cao nhất.”

Có lẽ Rand đúng. Nhưng nếu xét tôi là ai và làm gì, thì Stephen Hastings là một sự lựa chọn rất trớ trêu. Trong thế giới của pháp luật, Stephen đắt giá phải nói: Anh ta trau chuốt, công nghệ cao và rất, rất sành điệu. Trong khi

đó, trong thế giới của những đứa trẻ, tôi lại rẻ như bèo, một khoản rất nhỏ so với chi phí cho một bác sĩ sản phụ khoa. Và tôi cố hết sức để không trau chuốt, công nghệ thấp và... đời thường.

Và nghe có vẻ như Stephen đã đến Việt Nam, dựa trên một số chuyện anh ta nói với Connie. Tôi thấy chuyện đó cũng rất kì quặc. Hãy tưởng tượng thế này: Đó là một ngày cách đây mười bốn năm. Ở một bên của hành tinh, tôi đang ở Plattsburgh, mặc chiếc áo phong có dòng chữ “Hãy hút cần sa, đừng ném bom”, cài hoa cúc lên khắp hàng rào thép gai ở căn cứ không quân và trong họng súng của những người lính không ngừng bảo chúng tôi phải dừng lại. Đâu đó phía bên kia hành tinh đang là buổi tối, và anh chàng đến từ Vermont có tên là Stephen Hastings này ở đây, đang lội trong đầm lầy hoặc ruộng lúa ngập đến hông. Và giờ đây anh chàng đó sẽ bào chữa cho tôi.

Tôi thực lòng tin rằng việc này sẽ kết thúc tốt đẹp, ít nhất một phần bởi vì Stephen có vẻ là một luật sư rất giỏi. Nhưng cũng còn vì tôi đã cố gắng làm điều đúng đắn khi quyết định cứu Veil.

Stephen dường như hiểu được điều đó. Anh ấy có thể là kiểu người trau chuốt và sành điệu, nhưng tôi có thể mường tượng cảnh mình đỡ đẻ cho vợ hoặc bạn gái anh ở nhà họ một ngày nào đó. Có thể Stephen sẽ là ông bố luật sư đầu tiên của tôi. Như thế sẽ thật tuyệt.

Tôi biết anh chưa có con, và tôi biết anh không còn là trai có vợ nữa. Tôi tự hỏi liệu anh có bạn gái ở Burlington hay không.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

MÁU VỌT RA TỪ MỘT TRÁI TIM ĐANG ĐẬP sẽ bắn cao chừng nào? Với mẹ tôi, câu hỏi đã mất tính tu từ hoặc lý thuyết của nó, thay vào đó đã trở thành một chi tiết bệnh lý và y học: Theo suy nghĩ của bà, có một sự liên hệ vô hình, thậm chí có thể là toán học, giữa độ mạnh của mạch và độ cao của máu phun vào thời điểm rạch.

Tuy nhiên, với Stephen Hastings, vấn đề này đã trở thành một việc thuần túy thuộc về kỹ thuật: hậu cần, không phải bệnh lý. Ông ta không quan tâm một trái tim đang đập có thể bắn vào không trung với máu cao bao nhiêu, hoặc giả cái đường bán nguyệt màu đỏ ấy là hẹp hay thấp - một tia súng nước, hay sự bực vờ của một quả bong bóng nước bị đâm bằng đinh ghim. Dù định mệnh của mẹ tôi quả thực phụ thuộc rất lớn vào việc ai sẽ thắng cuộc chiến của các chuyên gia mà Stephen đã thách đấu với Bill Tanner - các bác sĩ của ông với các bác sĩ của chính quyền, các bà mụ của ông với các bà mụ của họ - nhưng với riêng vấn đề này, ông không quá lo lắng về những lời cung khai y tế. Thay vào đó ông lo lắng về sự chần chừ, cũng như vị trí Mục sư Asa Bedford và Anne Austin đã đứng lúc mẹ tôi mới chọc con dao bếp vào da Charlotte:

DANFORTH: Đúng, bác sĩ phẫu thuật biết những điều mà tôi không biết. Tương tự như phi công lái máy bay và cô nuôi dạy trẻ.

STEPHEN HASTINGS: Và rồi ông hỏi vợ ông đã chết chưa?

ASA BEDFORD: Vâng, thưa ông.

HASTINGS: Và Sibyl nói với ông rằng bà ấy đã chết?

BEDFORD: Đúng thế.

HASTINGS: Vậy tiếp theo ông làm gì?

BEDFORD: Tôi chẳng làm gì cả.

HASTINGS: Mục sư Bedford, tôi tin rằng chúng ta đều thống nhất là ông đã đi đến cửa sổ. Hãy sửa lại nếu tôi hiểu sai.

BEDFORD: Không, tôi không hiểu câu hỏi. Tôi tưởng ông muốn biết tôi có làm gì... về mặt y tế không.

HASTINGS: Ông đi đến cửa sổ?

BEDFORD: Vâng.

HASTINGS: Để nhìn ra bên ngoài?

BEDFORD: Tôi nghĩ vậy.

HASTINGS: Ông nhìn ra ngoài cửa sổ. Ông có nhìn tuyết rơi không?

BEDFORD: Tôi không nhớ, nhưng có thể tôi đã nhìn. Ít nhất là trong một hoặc hai giây. Nhưng sau đó tôi nhìn lại Charlotte.

HASTINGS: Từ cửa sổ.

BEDFORD: Vâng, thưa ông.

HASTINGS: (ra dấu về phía khung vẽ với bức tranh vẽ theo mô tả phòng ngủ nhà Bedford, đối chiếu *tài liệu bang số 8*) Cửa sổ cách giường bao xa?

BEDFORD: Không xa lắm. Vài mét.

HASTINGS: Sáu tấc?

BEDFORD: Không, xa hơn.

HASTINGS: Chín tấc?

BEDFORD: Không

HASTINGS: Một mét rưỡi?

BEDFORD: Có thể. Có thể hơn.

HASTINGS: Hai mét một?

BEDFORD: Tôi không biết, tôi chưa bao giờ đo cả.

HASTINGS: Nhưng ông nghĩ nó có thể cách xa tối đa là hai mét một?

BEDFORD: Hoặc ít nhất là một mét rưỡi.

HASTINGS: (tại khung vế) Dùng sơ đồ của bang và thước đo của bang, khoảng cách từ tâm của giường đến kính cửa sổ là hai mét. Ông thấy như thế có đúng không?

BEDFORD: Nghe có vẻ... đúng.

HASTINGS: Cảm ơn ông. Mặt trời lúc đó đã mọc chưa?

BEDFORD: Chưa, thưa ông, bên ngoài vẫn tối.

HASTINGS: Vậy là ông có nhìn ra ngoài.

LUẬT SƯ BANG WILLIAM TANNER: Phản đối. Đã hỏi và đã trả lời.

THẨM PHÁN HOWARD DORSET: Phản đối được chấp nhận.

HASTINGS: Lúc đó vẫn là buổi tối chứ?

BEDFORD: Lúc đó trời vẫn còn tối. Lúc đó không phải là buổi tối. Trời tối vì có bão. Mây mù.

HASTINGS: Vì vậy ánh sáng duy nhất trong phòng đến từ các ngọn đèn?

BEDFORD: Đúng, nhưng tôi có thể nhìn thấy Charlotte.

HASTINGS: (ra dấu về phía sơ đồ) Đèn trần nhà có mở không? Cái nằm trong góc ấy?

BEDFORD: Có. Chiếc đèn đó đã được mở suốt đêm.

HASTINGS: Còn chiếc đèn trên tủ đầu giường?

BEDFORD: Có. Chiếc đèn đó cũng được mở. Sib - bà Danforth đã mở nó lên ngay trước khi bà ấy bắt đầu... ca phẫu thuật.

HASTINGS: Sibyl đứng ở đâu trong suốt cuộc phẫu thuật? Ở phía nào của giường?

BEDFORD: Phía bên kia. Phía cách xa tôi.

HASTINGS: Ở đây ư?

BEDFORD: Vâng, thưa ông.

HASTINGS: (dán một chấm xanh lên bức tranh vẽ cạnh giường ngủ) Đây là Sibyl. (Dán một chấm đỏ lên bức tranh vẽ ngay bên trong cửa sổ) Và đây là ông. Thế này chính xác không?

BEDFORD: Tôi nghĩ vậy.

HASTINGS: Nói cách khác, vợ ông nằm trên giường, còn chiếc giường nằm giữa ông và Sibyl.

BEDFORD: Chính xác. Từ cửa sổ, tầm nhìn của tôi không bị cản.

HASTINGS: (dán một chấm vàng lên chóp tủ đầu giường phía sau bị cáo) Và đây là chiếc đèn Sibyl đã mở lên ngay trước khi bà ấy cứu đứa bé?

BEDFORD: Đúng.

HASTINGS: (dán một chấm vàng thứ hai vào góc phòng ngủ phía sau bị cáo) Và đây là chiếc đèn được mở gần như suốt đêm?

BEDFORD: Đúng.

HASTINGS: Đèn này có sáng mạnh không?

BEDFORD: Không, nó sáng dịu. Nó được gắn một bóng đèn công suất thấp, và cũng vì lý do đó mà chúng tôi dùng nó cho ca đẻ. Bà Danforth muốn ánh sáng dịu.

HASTINGS: Còn chiếc đèn ở cạnh giường. Nó có sáng không?

BEDFORD: Theo tôi là có. Đó là đèn đọc sách của chúng tôi.

HASTINGS: Đủ sáng để hắt bóng không?

TANNER: Phản đối. Câu hỏi mang tính suy đoán.

DORSET: Tòa cho phép hỏi. Nhân chứng có thể trả lời.

BEDFORD: Tôi đoán thế.

HASTINGS: Bóng đèn một trăm watt ư?

BEDFORD: Hầu hết là vậy.

HASTINGS: Hầu hết?

BEDFORD: Nếu bóng đèn hỏng và chúng tôi có sẵn bóng một trăm watt trong nhà, thì chúng tôi sẽ dùng nó. Nếu không có, chúng tôi sẽ dùng cái tốt thứ hai. Có thể một bóng đèn bảy mươi lăm watt chẳng hạn.

HASTINGS: Vào đêm Veil chào đời, ông đã sử dụng chiếc đèn với bóng một trăm watt, đúng không?

BEDFORD: Đúng, tôi nghĩ thế.

HASTINGS: Nó có được mở tối đa không?

BEDFORD: Có, thưa ông,

HASTINGS: (tại sơ đồ của bang, nhấn một ngón tay lên chấm chỉ bà Danforth và một ngón tay lên chấm đại diện cho chiếc đèn trên tủ đầu

giường) Và chúng ta đồng tình rằng đây là vị trí chính xác trong phòng của chiếc đèn, và vị trí chính xác của Sibyl?

BEDFORD: Vâng.

HASTINGS: Và đèn được mở?

BEDFORD: Đèn được mở.

HASTINGS: Cái bóng ở đâu?

BEDFORD: Cái bóng?

HASTINGS: Một chiếc đèn đủ sáng để đọc sách sẽ luôn hắt bóng. Đúng thế không?

BEDFORD: Tôi đoán thế.

HASTINGS: À, Sibyl có một chiếc đèn với bóng đèn một trăm watt ở ngay phía sau bà ấy, và khi bà ấy cúi xuống trên người vợ ông - thân trên bà ấy ở chính xác giữa chiếc đèn và vợ ông - thì phải có một cái bóng. Đúng không?

BEDFORD: Có vẻ như vậy.

HASTINGS: Vào đêm con trai ông chào đời - Veil - ánh sáng từ bóng đèn một trăm watt phía sau Sibyl đã hắt bóng đi đâu?

BEDFORD: Lên giường.

HASTINGS: Xin vui lòng nhìn sơ đồ phòng ngủ. Cái bóng đó đã hắt lên chỗ nào trên giường? (Ấn ngón tay vào giữa giường) Ở đây chăng?

BEDFORD: Có thể.

HASTINGS: Ngón tay tôi ở đâu?

BEDFORD: Trên giường.

HASTINGS: Phần nào của giường?

BEDFORD: Ở giữa.

HASTINGS: Cái gì nằm ở giữa giường vào đêm con trai ông chào đời?

BEDFORD: Vợ tôi, dĩ nhiên rồi. Đó là nơi cô ấy đ...

HASTINGS: Bóng của chiếc đèn hắt lên vợ ông?

BEDFORD: Vâng.

HASTINGS: Lên thân mình bà ta?

BEDFORD: Tôi đoán vậy.

HASTINGS: Cám ơn ông. Ông có nhớ Sibyl đã mặc gì đêm hôm đó không?

BEDFORD: Tôi nghĩ bà ấy đã mặc áo len và quần jeans xanh. Một chiếc áo len dày.

HASTINGS: Một chiếc áo len trượt tuyết?

BEDFORD: Tôi chưa bao giờ trượt tuyết.

HASTINGS: Nhưng là một chiếc áo len dày?

BEDFORD: Đúng.

HASTINGS: Ông có nhớ nó màu gì không?

BEDFORD: Không, thưa ông.

HASTINGS: (trình món đồ cho luật sư bang và Thẩm phán Dorset; áo len được nhận làm vật chứng) Thưa quý tòa, đối chiếu tài liệu bị cáo số ba. Đây có phải là chiếc áo mà Sibyl đã mặc không?

BEDFORD: Tôi nghĩ vậy.

HASTINGS: Nó có màu gì?

BEDFORD: Màu xanh nước biển. Còn hoa tuyết quanh vai và cổ áo có màu trắng.

HASTINGS: Nhưng chủ yếu là màu xanh nước biển?

BEDFORD: Chủ yếu.

HASTINGS: (trình áo cho bồi thẩm đoàn xem và đặt nó vào khay vật chứng) Chúng ta đã xác định rằng Veil chào đời vào khoảng từ sáu giờ mười lăm đến sáu giờ hai mươi sáng. Đúng không?

BEDFORD: Đúng.

HASTINGS: Đêm trước đó ông có ngủ chút nào không?

BEDFORD: Không, tôi không ngủ.

HASTINGS: Ông có chợp mắt ngày hôm trước không? Vào buổi chiều chẳng hạn?

BEDFORD: Không.

HASTINGS: Ông có nhớ ông thức dậy lúc mấy giờ vào ngày hôm trước không? Ngày thứ năm?

BEDFORD: Không nhớ rõ lắm. Nhưng có thể là khoảng sáu giờ ba mươi.

HASTINGS: Vậy là ông đã thức cả đêm khi con trai ông chào đời?

BEDFORD: Đúng vậy.

HASTINGS: Thật ra, ông đã thức khoảng hai mươi tư giờ.

BEDFORD: Vâng.

HASTINGS: Mắt ông có mệt không?

BEDFORD: Tôi không nhớ đã nghĩ rằng mắt mình mệt.

HASTINGS: Liệu chúng có thể đã mệt không?

TANNER: Phản đối.

DORSET: Tòa cho phép hỏi.

HASTINGS: Sau khi thức hai mươi tư giờ, liệu mắt ông có thể mệt không?

BEDFORD: Có thể.

HASTINGS: Cám ơn ông. Bây giờ, ông nói với tòa rằng ông nghĩ mình có thể đã nhìn thấy một chút máu phun ra, dù rằng ông đứng cách đây gần hai mét khi nó xảy ra. Tôi nói đúng không?

BEDFORD: Đúng.

HASTINGS: Và dù rằng bụng của vợ ông bị bóng che. Đúng không?

BEDFORD: Đúng.

HASTINGS: Và dù rằng ông đã nhìn thấy máu trên nền áo len trượt tuyết màu xanh nước biển. Phải không?

BEDFORD: Đúng, nhưng...

HASTING: Và dù rằng ông đã thức trắng đêm. Không, không chỉ trắng đêm. Những hai mươi tư giờ. Đó có phải là lời khai mà ông thực sự muốn bồi thẩm đoàn tin không?

BEDFORD: Tôi biết mình đã thấy gì.

DORSET: Luật sư còn câu hỏi gì cho nhân chứng không?

HASTINGS: Còn.

DORSET: Vậy hãy vui lòng hỏi đi.

HASTINGS: Ông có tin rằng vợ ông đã chết khi ông đi đến cửa sổ?

BEDFORD: Ồ, có.

HASTINGS: Ông có yêu bà ấy không?

BEDFORD: Dĩ nhiên.

HASTINGS: Ông có buồn không?

BEDFORD: Chúa ơi, có!

HASTINGS: Ông có rất buồn không?

BEDFORD: Có

HASTINGS: Và có phải trong tâm trạng đó mà ông nghĩ rằng ông đã nhìn thấy máu bắn ra?

BEDFORD: Vâng, nhưng tôi không bị bắn loạn. Tôi đã nói rồi, tôi biết mình thấy gì.

HASTINGS: Thế ông có làm gì đó - làm bất cứ điều gì - để ngăn Sibyl khi ông nhìn thấy máu không?

BEDFORD: Không, như tôi đã nói với ông Tanner, tôi nghĩ như thế là bình thường. Tôi cho rằng Charlotte đã qua đời, và đây chỉ là... chỉ là cách mà cơ thể phản ứng...

Stephen đã nói với bố mẹ tôi khi họ thảo luận chiến thuật vào tối hôm trước rằng sẽ có hai vấn đề với lời khai của Mục sư Asa: điều ông ta *có thể* đã thấy, và điều ông ta *lẽ ra* đã thấy. Stephen tin chắc rằng không có ông chồng đầu óc tỉnh táo nào lại đặt mình vào cảnh chứng kiến một con dao đi vào bụng người vợ đã chết của mình, và đó là lý do thực sự khiến Mục sư Asa đi đến cửa sổ. Nhưng ông bảo bố mẹ tôi rằng trước hết, ông sẽ đặt nghi vấn về điều Mục sư Asa có thể đã thấy từ phòng ngủ buổi sáng hôm đó.

Buổi đối chất của Stephen với vị mục sư bắt đầu ngay sau bữa trưa và tiếp diễn cho đến khi phiên tòa ngày hôm ấy khép lại. Có những khoảnh khắc trong buổi chiều hôm đó - ngẩn ngui nhưng rùng mình - khi tôi tin với niềm tin của một đứa trẻ mới lớn rằng Stephen đã thuyết phục từng người trong phòng rằng thật phi lý khi tin Mục sư Asa Bedford thực tình chứng kiến ca

mổ đẻ của vợ mình, và ít có khả năng ông ta đã nhìn thấy máu bắn ra nếu sự phi lý trên có thật. Tôi tự nhủ không người đàn ông nào ở vị trí Mục sư Asa lại chắc chắn tuyệt đối về điều ông ta đã thấy, và - có thể quan trọng hơn là - không người đàn ông nào sẵn lòng nhìn.

Nhưng khi buổi đối chất kết thúc, thực tế vẫn là thực tế, Asa Bedford vẫn là một giáo sĩ: Ở cái góc của chúng tôi tại Vương quốc vào năm 1981, điều này có nghĩa là lời nói của ông vẫn có trọng lượng. Trọng lượng đáng kể, mặc cho những điều quái dị trong đức tin của nhà thờ ông ta. Tôi nghĩ phần đối chất của Stephen rất tuyệt vời, nhưng khi tất cả chúng tôi ai về nhà nấy để ăn tối, tôi lại sợ rằng một phiên đối chất - dù là một phiên hay - sẽ không thể đảo ngược một tuần lời khai y học đầy bất lợi và trí nhớ của vị mục sư.

Khi các cô gái còn bé, búp bê của họ thường là em bé, không phải Barbie.

Stephen Hastings đã nói như thế. Đương nhiên, Stephen không có con. Nhưng điều này không làm ông từ bỏ quan điểm về cách suy nghĩ và niềm tin của trẻ con. Cuối cùng thì, như ông đã nói vào đêm bố tôi bắt bẻ ông, ông cũng từng là trẻ con. Stephen luôn sẵn sàng thừa nhận rằng ông chẳng có một tí khái niệm gì về cách nuôi dạy trẻ - làm sao để kỉ luật hay khen thưởng chúng, hoặc đơn giản là hết mực yêu thương chúng - nhưng ông một mực cho rằng mình hiểu rõ tính logic thâm nhuần trong tư duy của một đứa trẻ. Tư duy của một bé gái cũng như tư duy của một bé trai.

Và Stephen tin rằng các bé gái thích búp bê em bé - những đứa trẻ sơ sinh bằng nhựa không cần chăm sóc. Không ẵm bồng, không cho ăn, không thay quần áo, không trông nom. Không làm gì cả. Chỉ có giả tiếng khóc, giả đau bụng, giả những cơn đói. Tã bẩn tưởng tượng. Cảnh bừa bộn giống như thật. Cuối cùng, như ông nói, búp bê em bé sẽ dần mất vị trí trong mối quan tâm của đứa trẻ. Những con búp bê già hơn thì có thể mất vị trí hoặc không, tùy thuộc vào việc cô bé đó có phát hiện ra Barbie và Skipper và Ken hay không. Nhưng những em bé bằng nhựa - cùng ham muốn bản năng được nuôi dưỡng một thứ nhỏ bé và đòi hỏi - thì mất vị trí thật. Một số bé gái lại

bị con bọ nuôi dưỡng đốt khi họ dậy thì, và dùng nghề trông trẻ như một cách thay thế. Những cô bé khác thì không tìm lại được ham muốn làm mẹ cho đến khi họ trở thành người lớn, và nhu cầu nguyên thủy của việc vứt bỏ màng tránh thai để duy trì nòi giống áp đảo mọi lý lẽ.

Và rồi, dĩ nhiên, có những cô gái trở thành bà mẹ: những cô gái cảm thấy không bao giờ đủ với những đứa bé nhỏ xíu xiu - trẻ sơ sinh - những cô gái sẽ trở thành những người phụ nữ cực kì mê đắm quá trình sinh đẻ kì diệu mà lộn xộn.

Khi mùa xuân trở thành mùa hè và Stephen đã chìm đắm trong văn hóa sinh đẻ tại nhà, ông kết luận rằng sự khác biệt cơ bản giữa người phụ nữ trở thành bác sĩ sản phụ khoa và người phụ nữ trở thành bà mẹ có liên hệ rất ít với học vấn hoặc triết lý sống hoặc nền tảng gia đình, mà rất nhiều đến mức độ kì vọng về phép màu của sự sinh đẻ và về sự sống ở thời khắc hiện ra. Những người phụ nữ trở thành bác sĩ sản phụ khoa xem họ trước hết như một bác sĩ, sau đó như một chuyên gia sản phụ khoa. Ông cảm thấy khi những cô gái này bắt đầu tập trung nghiêm túc vào điều họ muốn làm khi lớn lên - ở trường trung học hoặc cao đẳng - họ có thể ban đầu quyết định rằng chỉ muốn làm bác sĩ. Sau đó, có thể ở trường y, họ thu hẹp lựa chọn vào khoa sản.

Ngược lại, những cô gái trở thành bà mẹ thì biết nghề bà mẹ là thiên hướng của họ từ khi còn rất trẻ, hoặc - như con đường của mẹ tôi đã chứng tỏ - bị níu chân vì một trải nghiệm liên quan đến sinh đẻ sâu sắc, làm thay đổi cuộc đời. Stephen nhất mực tin rằng những người phụ nữ trở thành bác sĩ sản phụ khoa cũng yêu trẻ không kém gì các bà mẹ, nhưng họ là kiểu người mà khi còn trẻ nhiều khả năng đối những con búp bê được mặc đồ để đặt vào nôi đồ chơi để lấy những con búp bê được mặc đồ để giả làm người lớn.

Đương nhiên Stephen có ấn ý gì đó trong trường hợp của tôi, ít nhất là khi nhắc đến búp bê. Tôi chơi búp bê em bé cho đến sau khi vào lớp một; gần

như chỉ sau một đêm trong năm đó, chúng trở thành thế giới nhỏ của những con búp bê Barbie bị ám ảnh với quần áo, xe cộ, và màu tóc của chúng. Tôi thậm chí còn có cả một Barbie Y tá, dù thật lòng mà nói nó dành phần lớn thời gian không mặc gì khi ở bên Ken.

Nhưng có phải tôi đã trở thành bác sĩ sản phụ khoa chỉ vì tôi muốn làm bác sĩ, và tôi tình cờ lớn lên trong một căn nhà khiến tôi quen thuộc với chuyện giải phẫu không? Tôi nghi ngờ điều đó. Và sau khi chứng kiến cách một số bác sĩ sản phụ khoa xé xác mẹ tôi ra bằng thuật ngữ y học tại tòa - dùng ngôi thứ ba như thể bà không phải đang ngồi cách đây chỉ năm, sáu mét - tôi rất có thể nung nấu một sự căm ghét theo bản năng đối với toàn bộ nghề nghiệp này đến mức tôi sẽ chọn bất cứ nghề gì trừ nghề bác sĩ nhi.

Đến ngày nay, một số bạn bè của mẹ nghĩ tôi đã phản bội bà khi trở thành bác sĩ sản phụ khoa. Có hai bà mẹ ở Vermont không thêm nói chuyện với tôi, hoặc với những bà mẹ chọn tôi làm bác sĩ dự bị. Nhưng như tôi đã nói với tất cả những bà mẹ thuộc thế hệ mẹ tôi mà tôi vẫn còn là bạn, hoặc với những bà mẹ thuộc thế hệ tôi mà tôi đã trở thành bạn, sự lựa chọn nghề nghiệp của tôi không phải là một sự lên án nghề nghiệp của mẹ tôi hoặc một cú tát vào những kẻ làm khổ bà. Rõ ràng nỗi gian nan của bà là một yếu tố trong quyết định của tôi - toàn bộ những ca mổ đẻ của tôi đều tiến hành trên những người phụ nữ còn sống, mỗi người được gây mê đúng cách và được chuẩn bị cho quá trình đẻ con - nhưng như một người bạn làm bác sĩ tâm lý của tôi đã nói, động cơ không quan trọng: đa phần chúng ta không biết động cơ của mình là gì. Và tuy tôi học được từ mẹ rằng cách đưa trẻ đến với cuộc đời này thực sự rất quan trọng, tôi cũng học được từ những người phỉ báng bà một thực tế không thể tránh khỏi là hầu hết trẻ em trên thế gian này chào đời trong bệnh viện. Trong suy nghĩ của tôi, tôi đã làm được rất nhiều việc tốt trong phòng sinh và phòng phẫu thuật, và dù tôi không dùng thảo dược như blue cohosh, tôi cũng chưa bao giờ thực hiện ca khám thai nào kéo dài ít hơn nửa giờ. Tôi hiểu các bà mẹ của tôi.

Stephen nhanh chóng đưa các chuyên gia vào cuộc, ngay cả trước khi mẹ tôi bị khởi tố bị can. Ngoài một thợ chụp ảnh ghi lại các vết xây xước và bầm dập mẹ tôi hứng chịu khi bò trên băng tuyết cạnh xe bà, ông lập tức thuê một chuyên gia tái tạo hiện trường tai nạn để kiểm tra độ dốc và bề rộng của đường chạy xe vào nhà Bedford. Ông muốn đảm bảo không có một mảy may nghi ngờ nào trong đầu bồi thẩm đoàn về việc mẹ tôi đã làm mọi điều có thể một cách có tình người để cố gắng chuyển cô Bedford đến bệnh viện trong đêm mà cô ấy qua đời, nhưng đường chạy xe vào nhà quá bừa bộn còn đường sá bị phong tỏa: Mẹ tôi đã làm những việc bà phải làm vì bà không có lựa chọn khác.

Và ông có thể đã dành nhiều ngày trời nói chuyện điện thoại trong những tuần đầu tiên, tìm cho được các bà mẹ trên khắp cả nước từng bị xét xử vì lý do nào đó - hành nghề y không giấy phép, sở hữu trái phép thuốc thuộc danh mục quản lý - và phỏng vấn các luật sư của họ. Ông tìm được những chuyên viên thẩm nghiệm y lý tư pháp và bác sĩ sản phụ khoa để làm chuyên gia làm chứng cho chúng tôi nếu cần, một số người sẵn sàng đến từ những nơi xa xôi như Texas.

Dù Stephen có thể không đặc biệt quan tâm đến những chi tiết về độ cao của máu bắn ra, vẫn có một số vấn đề y học có tầm quan trọng lớn với ông - dĩ nhiên bao gồm cả nguyên nhân cái chết của Charlotte Fugett Bedford. Stephen muốn đảm bảo rằng chúng tôi có lời giải thích thỏa đáng cho lý do tại sao người phụ nữ ấy chết, đặc biệt là sau khi cuộc khám nghiệm tử thi đã kết thúc và tình hình cho thấy chính quyền bang sẽ tin chắc không hề có chứng phình động mạch não, và nguyên nhân cái chết vì thế chính là Sibyl Danforth.

Với sự giúp đỡ của các chuyên gia, trong những tuần đầu tiên Stephen bắt đầu lập ra các danh sách: những bản mục lục dài lê thê về các biến chứng có thể xảy ra trong bất kì ca đẻ nào, ở nhà hay ở bệnh viện; những chuyện kể từ lịch sử nghề nghiệp của mẹ tôi cho thấy tiêu chuẩn cao bất thường của bà về sự chu đáo; những sự kiện cho thấy cộng đồng y khoa có mối thâm

thù với việc sinh đẻ tại nhà, và mẹ tôi chỉ là con tốt thí - thăm thương, nhưng tiện dụng.

Dẫu vậy, chuyên gia trở nên gần gũi với chúng tôi nhất như người trong gia đình, thực ra lúc đầu cũng hiểu biết rất ít về sinh đẻ tại nhà như Stephen. Cô ấy quả thật giống như một “chung gia” hơn, vì chuyên môn của cô là thu thập thông tin. Patty Dunlevy là một thám tử tư, nữ thám tử tư đầu tiên của bang. Stephen Hastings nói ông chọn cô làm điều tra viên trước hết vì cô là người giỏi nhất ở Vermont, không cần tranh cãi. Nhưng xét các vấn đề liên quan đến vụ kiện của mẹ tôi, tất cả chúng tôi đều hiểu rằng việc cô là phụ nữ cũng chẳng gây hại gì.

Patty nhanh chóng trở thành một kiểu hình mẫu cho Rollie McKenna và tôi. Chúng tôi cùng nhau gặp cô, vào một buổi chiều thứ tư chưa đầy một tuần sau khi Charlotte Bedford qua đời. Hai đứa chúng tôi đang chải lông cho Witch Grass trên bãi cỏ nhà McKenna, ở chỗ gần con đường nhất, khi chiếc xe màu trắng của Patty - một chiếc xe lạ thấp bè nhưng đẹp mắt phủ một lớp bùn, một vết xước khá lớn trên cửa xe, một vết nứt mạng nhện trên kính chắn gió - đỗ lại “két” một tiếng trên khoảnh đất cạnh hàng rào. Người phụ nữ cầm lái rướn người qua băng ghế trống, kéo kính mát xuống, và hạ cửa kính để hỏi xem chúng tôi có biết người tên là Sibyl Danforth sống ở đâu không.

Những ngờ vực mới khó biến mất hơn cả những thói quen cũ (nhất là khi sự ngờ vực này dựa trên thực tế), và tôi lập tức lo sợ rằng người phụ nữ này là nhà báo. Vì thế mặc cho sai lầm tôi phạm phải chỉ hai ngày trước đó khi Stephen Hastings xuất hiện ở trước cửa nhà chúng tôi, tôi đã trả lời câu hỏi của người phụ nữ này bằng một câu hỏi.

“Bà ấy có biết cô đến không?” tôi hỏi về cảnh giác.

“Dĩ nhiên là biết. Cháu hẳn là con gái của chị ấy.”

“Điều gì khiến cô nghĩ vậy?”

“Cháu cảnh giác cho chị ấy. Cô là Patty Dunlevy. Cô làm việc với Stephen Hastings - luật sư của mẹ cháu.”

Người phụ nữ này tầm ba mươi mấy bốn mươi tuổi, nhưng mái tóc cô vẫn có màu gần như vàng nghệ. Buổi chiều hôm đó cô đeo một miếng băng quấn đầu màu xanh sân golf để tóc không rơi xuống mặt, và mặc áo khoác da đen đặt may, kiểu áo thường thấy khoác trên lưng một cô nàng thượng lưu tại một tiệc khiêu vũ hơn là một tay chơi mô tô tại cuộc tuần hành của câu lạc bộ mô tô Những thiên thần của Địa ngục. Nhưng chúng tôi nhanh chóng nhận ra Patty là một cô tắc kè, và đó là một trong những lý do vì sao cô làm quá tốt công việc của mình. Tôi biết khi cô phỏng vấn các khách hàng của mẹ hoặc những bà mẹ khác vào mùa xuân và hè năm đó, cô có thể mặc váy bohemian rũ rượi hoặc quần jeans xanh rách rưới; khi đến gặp bác sĩ hoặc giám đốc bệnh viện, đặc biệt là những người khó tính, cô lại xuất hiện trong những chiếc váy kẻ và giày xỏ chân đế thấp, với áo sơ mi kiểu được là thẳng thơm, phẳng phiu. Patty rõ ràng rất thích cặp kính mát bóng lộn và chiếc áo khoác da màu đen, nhưng cô cũng hiểu chúng là trở ngại nghề nghiệp không cần thiết với nhiều nguồn tin của cô, và rất cẩn thận để đảm bảo ấn tượng đầu tiên về mình bao giờ cũng hoàn hảo.

Khi vừa hiểu ra Patty Dunlevy không phải là nhà báo, tôi đã thích cô ngay lập tức. Cả Rollie và tôi đều thích. Chiếc xe của cô vừa là đại diện cho đạo đức nghề nghiệp của cô - phong cách được tôi luyện bằng sức lao động - vừa là cách người phụ nữ này chứng tỏ cô là tâm điểm sống của sự hấp dẫn không lay chuyển được: Sau khi tôi cho Patty biết người cô tìm chính là mẹ tôi, tôi đã không những chỉ đường đến nhà chúng tôi, mà còn leo lên xe và làm phụ lái cho quãng đường năm trăm mét từ nhà McKenna đến nhà Danforth.

“Mẹ cháu thế nào rồi?” cô hỏi, khi Rollie và Witch Grass trở thành chấm nhỏ trong kính chiếu hậu.

“Cháu nghĩ là ổn ạ.”

“Thật là một cơn ác mộng. Cháu không biết cô cảm thấy buồn cho chị ấy thế nào đâu.”

“Cô làm gì với chú Hastings? Cô cũng là luật sư ạ?” tôi hỏi, ngồi ngay ngắn vào chiếc ghế đơn trong xe.

“Không. Cô là điều tra viên.”

“Là thám tử ạ?”

“Gần giống như thế. Cô làm việc với luật sư để moi những thông tin mà họ không thể.”

Một hình ảnh lướt qua mắt tôi về Patty Dunlevy ngồi trong chiếc xe nhỏ thấp bè của cô trong bãi đỗ xe ở một khách sạn gần sân bay Burlington. Cô đang dùng một chiếc máy ảnh có ống kính rộng như súng chống tăng để chụp ảnh những đôi tình nhân làm chuyện sai trái qua lớp rèm lá sách bụi bặm khép hờ.

“Kiểu thông tin gì ạ?”

Câu trả lời của cô cho thấy cô đã nhận ra sự lĩnh hội trong giọng nói của tôi.

“Ồ, đủ loại thông tin. Có thể là một việc cực kì tầm thường như lấy bản xác nhận về một vụ mất điện từ một công ty điện lực. Vài đoạn băng ghi âm điện thoại. Hoặc có thể là một việc thú vị hơn một chút như thu thập thông tin cơ bản từ một nhân chứng khó chịu. Kiểu công việc có thể làm mất uy tín người ta một ít. Nhưng cô sẽ nói thẳng với cháu điều mà cô đã nói với mọi người: Cô không nhận làm các vụ ngoại tình và các vụ li dị.”

“Cô sẽ... làm gì cho mẹ cháu?”

Cô mỉm cười. “À, đầu tiên cô sẽ thu thập từ chị ấy tên của từng người sẵn sàng nói tốt về chị ấy trên hành tinh này nếu bọn cô nhờ họ cung khai. Rồi bọn cô sẽ bắt tay tìm hiểu xem chính xác thì cô sẽ làm gì cho mẹ cháu.”

“Cô sẽ có một danh sách dài đấy, cô biết không.”

“Của những người thích chị ấy à? Tuyệt vời. Cô luôn cảm thấy được thết đãi đặc biệt mỗi khi Stephen nhờ cô làm việc cho những người tốt.”

...

Bây giờ tôi không mê tín, và tôi cũng không mê tín vào năm 1981. Trong đầu tôi, điều này chỉ thật trở trêu - chứ không mang tính tượng trưng - khi Charlotte Fugett Bedford đau đẻ vào ngày mười ba tháng ba, còn kết quả khám nghiệm tử thi viết tay đến vào ngày một tháng tư. Ngày Cá tháng tư. Ngày đầu là một ngày xui xẻo, còn ngày sau là một ngày để nói đùa.

Ngày Cá tháng tư năm đó rơi vào thứ ba, và trong nỗ lực của bố mẹ tôi nhằm đem lại cho cuộc sống chúng tôi một vẻ bình thường, họ nằng nặc đòi tôi gia nhập đội tuyển chạy cự bộ của trường như chúng tôi đã thảo luận trong suốt mùa đông. Tôi luôn nghĩ rằng mình là một vận động viên tương đối giỏi, và tôi tự tin mình có đôi chân khỏe nhờ những năm cưỡi Witch Grass. Tôi vẫn chưa bắt đầu hình dung mình sẽ chạy đường dài hay chạy ngắn, nhưng tôi biết tôi thích vẻ ngoài của mình khi mặc những chiếc quần sooc đó.

Các vòng thi tuyển bắt đầu vào thứ ba, vì thế mãi đến gần giờ ăn tối tôi mới về nhà. Nhưng chúng tôi đã nói khá nhiều về biên bản khám nghiệm tử thi cận kề vào những tuần sau khi Charlotte Bedford qua đời đến nỗi tôi có thể nhận ra ngay từ sự im lặng của bố mẹ và sự hiện diện của chai rượu trên bàn ăn rằng những kết luận cuối cùng của nó chỉ đem lại toàn tin xấu.

Khi mẹ tôi đứng dậy và bắt đầu dọn bữa tối - món thịt bò hầm mà chẳng ai đụng vào, dù tất cả đều hiểu đó sẽ là món thịt hầm thừa mứa cuối cùng của mùa đông năm đó - bố nói với tôi điều mà tôi đã biết. Chuyên gia pháp y không tìm thấy triệu chứng nào của chứng đột quỵ, không dấu hiệu nào của chứng động kinh. Nguyên nhân gây tử vong ban đầu? Choáng xuất huyết do mổ đẻ trong lúc sinh con tại nhà.

Sự sinh nở là một phép màu to lớn được báo trước bằng rất nhiều phép màu nhỏ.

Sự thụ thai. Những cái tay cái chân tí hon. Lòng tơ. Một dấu vân tay, những đoạn xương cứng. Thai máy. Sự xoay chiều. Sự trượt xuống.

Tôi sẽ không bao giờ quên khoảnh khắc thai máy khi mang bầu Connie. Lúc đó con bé được mười ba hoặc mười bốn tuần tuổi. Tôi mang chiếc bụng lum lúp trong chiếc áo len dày cộp dài đến gối. Lacey Woods đã đem nó về từ nơi nào đó ở vùng Trung Mỹ, và nó có hình con đại bàng Aztec mờ mờ ở trên lưng. Nó rất đẹp, dày đến độ có thể giữ ấm cho tôi ngay cả khi ở ngoài trời trong cái lạnh của tháng mười hai vào ngày mà Connie thông báo sự hiện diện của mình.

Tôi đang ngồi trên một tảng đá to khổng lồ ở sân sau nhà bố mẹ, một trong những tảng đá hướng về khu nghỉ mát trượt tuyết trên ngọn Republic. Lúc đó Rand và tôi đã quyết định sẽ kết hôn, nhưng sinh vật bé bỏng trong người tôi không phải là lí do. Con bé - đương nhiên, lúc đó vẫn chưa biết là cậu bé hay con bé, chúng tôi chẳng biết chúng tôi sẽ sinh trai hay gái - chỉ là một dấu hiệu cho thấy chúng tôi nên kết hôn sớm thay vì muộn.

Mặt trời đã khuất sau ngọn Republic, dù chưa đến bốn giờ, và không khí bắt đầu trở lạnh tê tái. Người ta đã tạo một ít tuyết trên những con đường mòn ở khu nghỉ mát trượt tuyết, còn thì mặt đất vẫn có màu nâu, và vì thế ngọn núi trông hao hao như một ngọn núi lửa tạo ra những dòng nham thạch trắng kì lạ.

Tôi đã thôi không leo lên những tảng đá ấy kể từ khi học trung học, và ngồi ở đây khiến tôi có cảm giác như mình là một cô bé. Và rồi, đột ngột, tôi cảm thấy sự rung động nhỏ ở phía dưới rốn một chút. Một con nòng nọc quẫy đuôi. Một gợn nước lăn tăn, một con sóng. Ngay lập tức hình ảnh về con nòng nọc - một hình ảnh mà tôi có lẽ đã nghĩ đến từ sách giáo khoa

sinh học ở trường phổ thông - biến đổi thành hình ảnh của một em bé sơ sinh. Tôi biết con mình lúc ấy trông chẳng giống em bé sơ sinh tẹo nào, nhưng tôi giả vờ đó là thứ đang rung động trong người tôi. Một người tí hon mờ ảo đang bơi ếch bên trong chiếc đèn đối lưu. Một bong bóng dịu dàng nảy lên, nhưng chuyển động rất chậm, quanh bụng tôi. Tôi thấy những ngón tay mũm mĩm của em bé sơ sinh búng nước ối tách một cái, tôi thấy những bàn chân tí hon bé hơn những củ khoai tây nướng nhẹ nhàng đập nước dội về phía tôi, và tôi vòng tay quanh mình để ôm em bé của tôi qua bụng của mình.

Ôi Chúa ơi, tôi thật hạnh phúc. Tôi nhớ mình cứ ngồi trên tảng đá đó âu yếm hình hài bé nhỏ - hình hài bé nhỏ của tôi - trong người tôi. Trong tất cả những phép màu nhỏ nhỏ hợp lại thành phép màu to lớn đó, tức sự sinh nở, phép màu tôi yêu thích nhất chính là khoảnh khắc thai máy. Toàn bộ những cảm xúc, sự trông đợi và ước mơ dành cho con bạn đang lên phủ lấy bạn như những con sóng.

Và thai máy rõ ràng là từ chính xác để mô tả nó, vì tim bạn đập nhanh lên, và sự phát triển của thai nhi bắt đầu tăng tốc.

Một số bà mẹ nhận biết thai máy ngay từ tuần thứ mười hai, những người khác muộn hơn. Theo kinh nghiệm của tôi, mười sáu tuần là phổ biến nhất, nhưng một số thai phụ không cảm thấy thai máy cho đến khi thai được mười tám tuần tuổi. Điều này thực sự không quan trọng, trừ việc những người phải chờ đợi sẽ lo sốt vó. Chuyện đó là không thể tránh khỏi, một người mẹ không thể chịu nổi việc đó. Bạn muốn cảm nhận người bạn của mình, bạn muốn biết cậu ấy hay cô ấy đang ở đó.

Đương nhiên, những trường hợp thai máy muộn cũng có thể đem đến một cảm giác dễ thương. Sau tất cả những lo âu khắc khoải, niềm vui sướng tột cùng hẳn là rất tuyệt diệu khi điều đó cuối cùng cũng đến. Tuyệt diệu một cách tuyệt đối, khó tin, và cùng cực.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

THÁNG TƯ KHÔNG HOÀN TOÀN là mùa xuân cũng chẳng hoàn toàn là mùa đông ở Vermont. Thường thấy mưa tuyết bất chợt - thậm chí có thể vài centimet tuyết ướt và nặng - ngày hôm trước, rồi mặt trời nóng bỏng và nhiệt độ cao nhất mười lăm độ C vào ngày hôm sau. Hoa nghệ tây và hoa tulip mọc lên, chịu đựng kiểu nhiệt độ đông đánh giở như mọi thứ khác (chúng nở hoa, chúng rũ xuống, chúng ngẩng lên và nở hoa), nở rộ sắc xanh hoặc vàng trên nền cỏ nâu ngày hôm trước, rồi lại trên nền cỏ xanh ngày hôm sau.

Người Vermont không biểu thị phản ứng của họ với những thay đổi đột ngột của thời tiết một cách kịch tính như hoa, nhưng chúng tôi cảm nhận chúng trong người và thể hiện chúng ra ngoài. Chúng tôi có thể chẳng buồn xúc tuyết khỏi lối đi hoặc đường chạy xe vào nhà sau một trận mưa tuyết tháng tư - tuyết cũng sẽ chóng tan thôi - nhưng chúng tôi sẽ quét tuyết khỏi hiên nhà hoặc bậc tam cấp trước nhà, và ý nghĩ về việc cầm chổi nhúng vào những tấm chăn trắng trong khi toàn thể giới đã bước vào mùa xuân cả rồi khiến người sôi nổi nhất cũng phải lắc đầu ngao ngán. Ngoại trừ những người nấu đường hi vọng một đợt nhựa phong chảy điên cuồng lần cuối, số đông chúng tôi đều thờ dài khi thức giấc và phát hiện mái nhà lại bị tuyết phủ trong lúc mình đang say giấc: Đến giữa buổi sáng những lớp tuyết ấy sẽ trượt khỏi lớp ngói hoặc mái tôn, lăn như tuyết lở xuống mương, tạo thành những đống tuyết tra tấn chúng tôi trong nhiều ngày liền.

Tuy nhiên, khi mặt trời sáng rực và không khí ấm áp, chúng tôi hét to lên để chào nhau ở những con đường dài chạy xe vào nhà và từ cửa xe khi đi ngang qua nhau; chúng tôi ngẩng cao đầu khi bước, nhìn thẳng lên bầu trời với đôi mắt nhắm nghiền và khuôn mặt giãn ra tươi cười. Chúng tôi hít thật sâu không khí mùa hè, nhưng kiểu hít vào này không kết thúc bằng một tiếng thở dài; nó là bắt đầu của một tiếng rừ rừ, hay những tiếng rên phát ra khi được cọ vào lưng.

Chúng tôi không còn lau chùi nữa, chúng tôi không còn căn nhắc nữa. Chúng tôi tràn đầy năng lượng.

Dù gia đình tôi hiểu vào ngày đầu của tháng rằng mẹ tôi sẽ bị khởi tố bị can, nhưng mãi đến gần cuối tháng chính quyền bang mới xác định chính xác tội danh - nói cho đúng là những tội danh - đó là gì. Vì thế, trong suốt tuần đầu tiên và nửa tuần kế tiếp của tháng tư, cảm xúc của chúng tôi đã đi tào lộn với những đỉnh và đáy nhiều hơn cả số đỉnh và đáy mà kiểu thời tiết hết sức đồng bóng của chúng tôi có thể tạo ra.

Stephen đã cảnh báo bố mẹ tôi ngay từ ngày họ mới gặp nhau rằng chính quyền bang có thể đưa ra giả thuyết rằng mẹ tôi đã cố ý giết Charlotte Bedford, và vì thế bà phải bị khởi tố tội giết người cấp độ hai. Sự khác nhau giữa giết người cấp độ hai với tội bất cẩn gây chết người là không hề nhỏ: Giết người cấp độ hai đi kèm với mười năm tù *nếu* có yếu tố giảm nhẹ từ phía bị cáo, và đến mức chung thân nếu không có yếu tố giảm nhẹ. Bất cẩn gây chết người, tội danh mà Stephen nghĩ là có khả năng dành cho mẹ tôi, chỉ hàm ý mẹ tôi đã hành động hoàn toàn vô đạo đức hoặc tắc trách ghê gớm, nhưng ít ra bà đã không chủ ý giết ai. Giết Charlotte Bedford không phải là ý định của bà trong trường hợp này, đó chỉ là một tai nạn không may, vì thế chỉ đi kèm với từ một đến mười lăm năm tù và có thể ba nghìn đô la tiền phạt.

Tuy nhiên, chúng tôi chưa bao giờ nghi ngờ về cáo buộc ít nghiêm trọng hơn, còn gọi là tội nhẹ: hành nghề y không giấy phép. Điều đó, như Stephen nói, là không thể tránh khỏi.

Tuy nhiên, bất chấp lời cảnh báo của Stephen - và sự trấn an của ông rằng việc truy tố tội danh giết người cấp độ hai ít có khả năng xảy ra - khi Bill Tanner lần đầu tiên đề nghị chính quyền bang nên nghiêm túc xem xét vụ án theo hướng hành động của mẹ tôi là cố ý, bố tôi đã nổi đóa, mẹ tôi sợ hãi, và cả hai trở nên lúng túng. Tôi ngồi trên cầu thang nhà chúng tôi vào một buổi tối, nghe họ nói chuyện với Stephen trên điện thoại - mẹ tôi từ điện thoại ở tầng trệt, bố tôi từ điện thoại ở lầu một.

“Tôi biết những từ cố ý và vô ý có nghĩa gì với một người bình thường,” bố tôi đang nói. “Tôi muốn biết chúng có ý nghĩa thế quái nào với luật sư... tôi hiểu rồi... Một tiền lệ ư? Ông đang nói với tôi rằng vụ việc như thế này từng xảy ra trước đây rồi à?... Ủ hử... Người phụ nữ ấy đã chết rồi, trời ạ. Tại sao Sibyl lại nghĩ rằng mỗ đẽ sẽ giết chết cô ta chứ?...”

Một lúc sau mẹ tôi nói thêm, giọng bà gần như hoảng loạn, “Sao họ có thể nói thế? Tôi đã bảo với Asa rằng cô ấy chết rồi!” nhưng tôi không hình dung được Stephen có thể trả lời kĩ càng trước lời cảm thán của mẹ, vì bố đã lại cắt ngang gần như lập tức.

“Tôi nghĩ nếu giết ai đó anh phải có động cơ... Nhưng chẳng có một lý do quái quỷ nào khiến cô ấy lại ‘muốn gây ra cái chết’ cho người phụ nữ đó, chẳng có lý do nào cả!... Thật là ngu ngốc, đó là điều ngu ngốc nhất mà tôi từng nghe nói... Ủm, như thế thì vẫn ngu ngốc. Tôi hi vọng họ sẽ nói thế, vì họ sẽ không có lấy một cơ hội nào để thắng. Phải không? Phải không?”

Khi cuộc trò chuyện có dấu hiệu đi đến hồi kết, tôi rời khỏi chỗ ngồi của mình trên cầu thang và đi vào phòng khách, làm ra vẻ đang vừa đi vừa đọc sách giáo khoa sinh học. Gần như lập tức bố đi xuống gặp mẹ ở nhà bếp.

“Anh xin lỗi đã nổi nóng,” ông nói, và tôi nghe ông mở tủ chứa rượu.

“Khó mà dẫn lòng được,” mẹ tôi dịu dàng nói. “Có lẽ việc này thường xuyên xảy ra với anh ấy.”

“Việc người ta nổi trận lôi đình ấy à?”

“Em đoán thế.”

“Anh ta dường như chẳng phiền lòng.”

“Ừ.”

Cửa tủ lạnh đóng sập lại, và những viên đá va vào thành cốc trước khi bị nhấn chìm trong một vũng rượu dưới đáy.

“Để anh nói xem anh hiểu có đúng không,” bố lên tiếng, và ông kéo một chiếc ghế nhà bếp ra khỏi bàn, kéo lê nó trên sàn nhà tạo thành tiếng kêu rì rít. “Họ sẽ nói em đã chủ tâm giết Charlotte Bedford...”

“Họ có thể nói thế. Rõ ràng họ chưa quyết định điều gì.”

“Được rồi, họ có thể nói em đã chủ tâm giết Charlotte Bedford.”

“Em đoán thế.”

“Để cứu đứa bé.”

“Đúng. Họ có thể nói rằng em nghĩ Charlotte sắp chết, nhưng em phải biết rất rõ cô ấy còn sống khi em mổ đẻ.”

“Em phải...”

“Em phải biết. Em không thể làm việc em đang làm để kiếm sống mà không phân biệt được sự khác nhau. Em không thể phạm phải một... một sai lầm như thế.”

“Và em làm thế để cứu đứa bé...”

“Mổ đẻ á? Ủ. Họ nghĩ thế.”

Im lặng kéo dài. Sau đó một tiếng vọng từ bố tôi: “Ủ. Họ nghĩ thế.”

Từ ghế sofa, tôi không thể nhìn thấy cả bố lẫn mẹ, nhưng tôi hình dung bố đang xoay cốc rượu trong tay, còn mẹ đang ngồi bất động, hai tay khoanh lại trước ngực. Tôi biết rõ những hành động và tư thế đó.

“Sib này?” bố tôi nói tiếp sau một lúc im lặng.

“Vâng.”

“Anh muốn hỏi một chuyện.”

“Về Stephen hay về em?”

“Về em. Anh chỉ hỏi lần này thôi, và sẽ không bao giờ hỏi lại nữa. Nhưng anh phải biết. Anh phải hỏi...”

“Đừng nghĩ đến chuyện đó, đừng nghĩ đến chuyện hỏi nó. Em không thể chịu nổi nếu cả anh cũng nghi ngờ em.”

“Em đã trả lời rồi. Đó là tất cả những gì anh muốn nghe.”

“Đừng nghi ngờ em, Rand ạ.”

“Anh không nghi ngờ em.”

Mẹ tôi đã dành vô số ngày và đêm để đem sự sống đến cuộc đời này. Tôi cảm thấy thật bất công khi phiên tòa của bà lại được lập ra với khái niệm rằng bà có thể đã nhầm lẫn sự sống thành cái chết vào phút cuối.

Chiếc tàu lượn cảm xúc của chúng tôi đã vận hành như thế này: Bố mẹ tôi vừa bắt đầu xốc lại tinh thần sau cơn tuyệt vọng và nghi ngờ bản thân khiến họ gần như kiệt quệ trước khả năng một phiên tòa xử tội giết người cấp độ hai thì Stephen trấn an họ rằng tội danh ấy ít có khả năng. Thay vì từ từ tiến đến đỉnh đường lượn trong nhiều ngày, họ bị giật mạnh lên đỉnh bất thành linh - đầu tiên là mẹ tôi, trong một chuyến thăm buổi chiều của Stephen, còn bố tôi thì vào đêm hôm đó khi ông đi làm về.

Thông tin ấy đến với chúng tôi như với những người được chẩn đoán mắc bệnh giai đoạn cuối, thay vì là một tin đáng sợ hóa ra lại đáng mừng khôn xiết. Tôi thuyên giảm rồi, tôi còn sống được hai năm nữa ư? Thật tuyệt vời! Chỉ là bất cần gây chết người thôi ư? Ôi trời đất ơi, tuyệt quá!

Tôi rất ngạc nhiên khi về nhà sau buổi tập chạy vào một buổi chiều cuối tuần và thấy mẹ đang ngồi ở hiên trước nhà cùng Stephen. Đó là một ngày tháng tư kỳ lạ, mặt trời nóng bỏng chiếu sáng trên nền đất lạnh giá vẫn còn lầy lội, và đến năm giờ chiều, người ta vẫn có thể ngồi thong thả ngoài trời trên cầu tàu hoặc bậc tam cấp nhìn về hướng tây.

Mẹ tôi và Stephen mỗi người đang ngồi tựa lưng vào một cây cột trắng làm trụ đỡ mái hiên, hai chân khoanh lại tạo thành hình kim tự tháp. Họ dừng nói chuyện và mỉm cười với tôi khi trông thấy tôi ở cuối đường chạy xe vào nhà, và tôi có thể cảm thấy vị luật sư này đã đến với tin tốt.

Tôi có ngạc nhiên không khi Stephen đích thân đến từ tận Burlington để gặp mẹ tôi - một chuyến lái xe gần chín mươi phút - thay vì gọi điện thoại? Tôi đã ngạc nhiên, chỉ một thoáng. Và chính đêm đó trong bữa ăn tối, bố tôi đã đưa ra lời nhận xét đầu tiên trong số rất nhiều lời nhận xét cay nghiệt về Stephen khiến tôi tin rằng ông sẽ phải hối tiếc. Nhưng phản ứng đầu tiên của tôi khi trông thấy Stephen ngồi đấy vào khoảnh khắc ấy là ông sẽ là một người bạn tốt của mẹ tôi, và ông chắc chắn sẽ làm hết sức để bảo vệ bà. Nếu ông có những tình cảm dành cho bà mà hầu hết những luật sư khác sẽ cho là thiếu chuyên nghiệp, thì điều đó chỉ là vì lợi ích của chúng tôi mà thôi.

Họ đều đứng dậy khi tôi tiến đến đoạn đầu của lối đi bộ, và mẹ tôi đi về trước như để hôn tôi khi tôi đến bậc tam cấp. Tuy nhiên, bà đột ngột dừng lại, như thể sợ tôi sẽ ngượng nếu bà hôn tôi trước mặt Hastings. Bà đã đúng, tôi sẽ ngượng. Nhưng có lẽ tôi cũng ngượng không kém trước cách bà lúc lắc đầu về trước như một con gà tây rừng, và chỉ muốn bà dành cho tôi nụ hôn ấy cho rồi.

“Hôm nay thế nào rồi, con yêu?” bà hỏi, ý nói đến buổi tập luyện.

“Tốt ạ. Ổn hết.”

“Chân đau không?”

“Không. Chẳng đau tẹo nào.”

“Mẹ cháu nói cháu tham gia vào đội chạy rồi,” Stephen nói.

“Chỉ là đội dự bị thôi ạ,” tôi nói, một sự đính chính có ý nghĩa theo suy nghĩ của tôi.

“Ở lớp tám, như thế vẫn là một thành tích lớn đấy chứ,” ông nói.

Tôi gật đầu và nhìn chăm chăm vào đôi giày chạy, cách của tôi khi ấy để đón nhận lời khen một cách duyên dáng.

“Chú Hastings đến đây để cho chúng ta biết chuyện gì đang xảy ra,” mẹ tôi giải thích.

“Chúng ta? Bố về nhà rồi ạ?” tôi ngoái lại nhìn đường chạy xe vào nhà, tự hỏi có phải mình đi ngang qua xe Jeep của bố mà không nhận ra. Tôi đã không đi ngang qua nó; chẳng có chiếc Jeep nào ở đấy cả. Chỉ có chiếc Volvo xám quyền quý nhưng vương vãi của Stephen.

“Chưa, bố con chưa về. Ý mẹ là chúng ta, gia đình ta.”

“Ồ.”

“Chú Hastings nói mẹ không gặp rắc rối nghiêm trọng như chúng ta nghĩ đêm hôm trước.” Bà nhoẻn miệng cười, nụ cười trông vừa chân thành vừa dửng dưng đối với tôi, nhưng giờ nghĩ lại tôi thấy nó có lẽ mang vẻ châm biếm. Bố mẹ tôi đã cố gắng hết mức để giải thích với tôi sự khác nhau giữa giết người cấp độ hai và bất cẩn gây chết người, một sự giết người có chủ đích với một hành vi đơn thuần khinh suất và phạm pháp, và dù phần lớn những gì họ nói đều rõ ràng dễ hiểu, nhưng nhiều chi tiết vẫn làm tôi chẳng hiểu gì trong những tuần đầu tháng tư ấy, và tôi vẫn đơn giản hóa tình cảnh của mẹ tôi thành một cảnh tượng cơ bản: Nữ thánh Joan bị thiêu tại cọc. Hình ảnh chính xác đến từ một bức tranh trong từ điển bách khoa của chúng tôi, và nó thật đáng sợ: một người phụ nữ đẹp trẻ hơn mẹ tôi một chút, mặc chiếc đầm bohemian như kiểu đầm của bà mẹ, khuôn mặt nàng kiên cường - gần như mang vẻ anh hùng siêu thực - khi những ngọn lửa vàng và đỏ biến những thanh gỗ nâu thành màu đen. Da của Joan vẫn chưa bị bỏng, nhưng hơi nóng từ ngọn lửa đang khiến nàng đổ mồ hôi, và một số người trong đám đông vây quanh đang đứng giẫm lên con ngựa chết của Joan để xem rõ cái chết của nàng.

Trong mắt tôi, mẹ không phải là thánh, ngay cả vào lúc đó: tôi vẫn thấy khó chịu khi những thai phụ của bà lúc nào cũng được ưu tiên hơn tôi. Nhưng tôi tin bà đã tuyệt đối không làm gì sai trong trường hợp của Charlotte Bedford, và chắc chắn không đáng bị nuốt chửng trong đám lửa đột ngột bốc lên quanh bà. Và vì thế khi bà nói rắc rối của bà ít nghiêm trọng hơn - ít hơn rất nhiều đến nỗi Stephen phải lái xe vòng vèo đến nhà chúng tôi ở Reddington - tôi lập tức cho rằng bà hẳn đã được ban lệnh ân xá hoàn toàn, và đám lửa đã bắt đầu tan biến. Người đàn ông tên Bill Tanner nọ đã suy nghĩ có tình có lý. Asa Bedford đã suy nghĩ có tình có lý. Cô Anne Austin ấy - Anne Austin đê tiện, giả trá, phản phúc - đã suy nghĩ có tình có lý.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” tôi hỏi, và niềm hân hoan đầy kì vọng trong giọng nói của tôi hiện rõ đến nỗi ngay lập tức hai người lớn cùng lắc đầu để tôi bình tĩnh lại.

“Đó là tin tốt, Connie ạ, con đừng hiểu lầm,” mẹ tôi vội nói, “nhưng chúng ta chớ vội nhảy lộn vòng trên bãi cỏ.”

Tôi đã không nhảy lộn vòng ít nhất là năm, sáu năm rồi, và tôi nghĩ mẹ đã không làm thế trong hàng chục năm qua, nhưng tôi giữ lại suy nghĩ ấy trong đầu. Có thể nếu Stephen không có ở đó, tôi sẽ nói một câu đùa khiếm nhã, nhưng ông ta đang ở đó, vì thế tôi chỉ gật đầu và đợi bà nói tiếp.

“Vẫn còn rất nhiều người ngoài đó phát điên vì cái chết của Charlotte hơn cả chúng ta, nếu có chuyện ấy, nhưng ít nhất thì có vẻ như họ không nghĩ rằng mẹ của con là một -” bà dừng lại khi tìm trong mình sức mạnh cần có để nói thành lời từ ấy - “kẻ giết người.”

Rồi bà nhanh chóng nhoẻn miệng cười, và nói tiếp bằng giọng châm chọc qua đôi môi mở hé, “Họ chỉ nghĩ bà mẹ già của con là một bà mẹ cực kì tệ hại.”

Stephen cúi xuống để phui ít bụi khỏi đôi giày mọi màu đen bóng loáng nhỉnh-hơn-một-bậc của ông, rồi nói, “Sibyl này, tôi không nghĩ rằng người

ta sẽ tin điều đó.”

“Xin thứ lỗi. Họ chỉ nghĩ là tôi không biết một người phụ nữ còn sống hay đã chết mà thôi.”

“Họ nghĩ rằng chị từng - một lần - phạm sai lầm.”

“Một sai lầm khủng khiếp. Một sai lầm tai hại.”

Stephen nhìn mẹ tôi chăm chăm, và tôi nhận ra qua nét biểu cảm trên gương mặt ông rằng ông đang cố gắng để kéo phanh cảm xúc của bà, để bà bình tâm lại vì tôi. Sau đó ông quay sang tôi, hai tay chắp sau lưng lúc ông tựa vào cột, rồi nói, “Cứ cho rằng toàn bộ sự vụ khó chịu này bị đưa ra tòa, đó có thể sẽ không phải là một phiên tòa xét xử tội giết người. Đó là tin mới.”

Tôi suy nghĩ một lúc, những từ *giết người* và *ngộ sát* và *cố ý* tạo thành mớ bòng bong khổng lồ trong đầu tôi. Tôi cố gắng nhớ tất cả những điểm khác biệt. Cuối cùng tôi bỏ cuộc và hỏi, “Đó sẽ là phiên tòa xử tội gì?”

“Bất cần gây chết người. Ít nhất thì đó có vẻ là tội danh hiện giờ.”

“Con có hiểu điều đó nghĩa là gì không, con yêu?” mẹ tôi hỏi.

“Đại khái.”

“Đại khái, chứ không phải hoàn toàn à?”

“Vâng ạ.”

“Điều đó có nghĩa là,” Stephen nói tiếp, “chính quyền bang sẽ nói rằng mẹ cháu chịu trách nhiệm trước cái chết của bà Bedford, và bà ấy đã hành động phạm pháp khi tiến hành mổ đẻ. Nhưng đó là một tai nạn. Bà ấy không cố ý hại ai.”

“Nếu họ nghĩ đó là tai nạn, vậy tại sao họ phải bận tâm tổ chức phiên tòa chứ?”

“Một việc là tai nạn không có nghĩa nó không phải là một tội ác.”

“Đó là tội ngộ sát, phải không ạ?”

“Là tội bất cẩn gây chết người. Đúng thế.”

Mười lăm năm. Cho một tai nạn. Tôi đứng đó, cố gắng hấp thu con số năm nhiều hơn khoảng thời gian tôi đã sống.

“Khi nào thì phiên tòa bắt đầu?” tôi hỏi.

“Vài tháng nữa. Hi vọng là vài năm nữa,” Stephen trả lời.

“Vài năm?”

“Nếu vụ việc phải ra tòa.”

“Stephen, tôi không muốn việc này kéo dài vài năm trời,” mẹ tôi nói.

“Sự trì hoãn là bạn của chúng ta, Sibyl ạ.”

“Tại sao?”

Ông nhún vai. “Một vụ như thế này luôn bắt đầu với rất nhiều năng lượng của bên công tố, và nó luôn mất dần động lượng theo thời gian. Đó là lẽ tự nhiên. Bill phải tập trung vào truy tố những kẻ xấu thực sự, không phải một bà mẹ và bà mẹ tử tế như Sibyl Danforth. Và tất cả những người bác sĩ làm về vô cùng giận dữ lúc này sẽ tiếp tục bận tâm đến những việc khác. Hãy cho rằng không có ai nữa chết trong một ca đẻ tại nhà: Cuối cùng họ sẽ hết quan tâm. Cuối cùng báo chí sẽ hết quan tâm. Và lại, chị càng tại ngoại lâu mà không gây rắc rối gì, thì càng có khả năng chị sẽ được hưởng án treo ngay cả khi chị bị tuyên có tội.”

“Tại ngoại,” mẹ tôi lẩm bẩm, không hẳn là câu hỏi, vì đó có lẽ là kết luận đầu tiên bà rút ra rằng một tội danh sẽ đi kèm với một vụ bắt giam.

“Đó là một trong những khẳng định kì lạ mà không luật sư nào hiểu tường tận. Nhưng sự trì hoãn luôn có lợi cho bị cáo. Thật đấy. Điều cuối cùng

chúng ta muốn là việc này bị đem ra xét xử trước Giáng sinh - hoặc mùa xuân năm sau.”

Mẹ tôi cầm những lọn tóc vàng bần của bà bằng ngón cái và ngón trỏ, ngắm nghía những đoạn màu nâu như thể bà không thích màu của chúng. Đưa đuôi tóc đến gần mắt, bà nói với tôi, “Có thể chúng ta sẽ ăn tối muộn đấy, cưng ạ, hay là con vào nhà làm món gì để ăn vặt trước nhé?”

Tôi không bao giờ gặp vấn đề về cân nặng, nhưng như nhiều đứa con gái mới lớn khác, tôi chỉ ăn thức ăn vặt ít hoặc không có calorie. Và thế là tôi đã đem một chai Coca ăn kiêng và một bát sữa kem chocolate vón cục đến phòng ăn, căn phòng tốt nhất để nghe lỏm cuộc nói chuyện ở hiên nhà. Chỉ vì mẹ không muốn tôi nghe bà và Stephen đang nói gì không có nghĩa là tôi không muốn nghe.

Những cánh cửa sổ chống bão vẫn còn được dán kín trong mùa đông, nhưng có một cái ở phía bên kia của tủ búp phê nằm khá gần bậc tam cấp trước nhà, đủ để tôi có thể ngồi bên dưới nó và nghe rõ cuộc nói chuyện của người lớn qua hai lớp kính.

Tôi ngồi tựa lưng vào tường, đặt bát kem trên đùi, cẩn thận để đầu vẫn nằm dưới bậu cửa sổ.

“Điều gì khiến anh nghĩ rằng vụ này có thể sẽ không ra tòa?” mẹ hỏi khi tôi đã yên vị.

“Có thể không cần phải như thế.”

“Đương nhiên chúng ta sẽ phải ra tòa.”

“Sao chị nói vậy?”

“Tôi đã đỡ đẻ quá nhiều em bé trong những năm qua, và chọc giận quá nhiều bác sĩ. Họ sẽ không buông tha tôi đâu.”

“Trước hết, Bill Tanner là người có lập trường. Ông ta sẽ không tiến hành khởi tố vì một bác sĩ sản phụ khoa nào đấy có mối thâm thù với chị...”

“Chúng ta không nói về một bác sĩ sản phụ khoa *nào đấy*, chúng ta đang nói về rất nhiều người trong số họ. Chúng ta đang nói về toàn thể Ủy ban nghề y.”

“Tôi hiểu điều đó. Tôi biết có vài bác sĩ không ủng hộ sinh đẻ tại nhà...”

“Hoặc là không ủng hộ bà mẹ.”

“Hoặc không ủng hộ bà mẹ. Nhưng dù tôi có nghĩ gì về Bill Tanner, ông ta không phải tuýp người tiến hành khởi tố nếu không thật sự tin rằng một tội ác đã xảy ra. Ông ta sẽ không làm tất cả những việc này chỉ vì chị đã chọc giận vài ông bác sĩ.”

“Nhưng đó là một yếu tố.”

“Cùng lắm chỉ là một yếu tố nhỏ. Họ có thể báo động ông ta ở chừng mực nào đó rằng trong mắt họ, vụ này có vấn đề, nhưng việc có tiến hành khởi tố hay không tùy thuộc vào quyết định của ông ta.”

“Vậy thì tại sao anh nghĩ chúng ta có thể không phải ra tòa?”

“Có lẽ chúng ta sẽ kịp thu xếp mọi việc.”

Cuộc nói chuyện chìm vào im lặng, và tôi giơ chiếc muống lên không trung. Tôi sợ họ biết tôi đang lắng nghe, và tôi không muốn tiếng động của chiếc muống trong bát tố giác tôi. Nhưng rồi mẹ lên tiếng, và tôi nhận ra bà chỉ đang tiêu hóa ý nghĩ về một vụ dàn xếp.

“Điều đó có nghĩa là gì?” bà hỏi. “Tôi trả một khoản tiền phạt và tôi tiếp tục sống cuộc đời của mình à?”

“Không, phức tạp hơn thế.”

“Hãy cho tôi biết.”

Tôi nghe Stephen cười, như một tiếng cười thầm tự ti. “Chị muốn biết quá nhiều thứ khi còn quá sớm. Chị đang đi quá nhanh đấy.”

“Tôi muốn biết những phương án của mình.”

“Còn quá sớm. Tôi còn không biết các phương án của chị. Còn tùy chính quyền bang xem xét vụ này như thế nào. Chúng ta xem xét vụ này như thế nào.”

“Vậy thì hãy cho tôi một ví dụ.”

“Một ví dụ? Một ví dụ về cái gì?”

“Một vụ dàn xếp.”

“Dàn xếp là thuật ngữ dân sự. Không phải là thuật ngữ hình sự.”

“Anh đã dùng từ đó, luật sư ạ.”

“Nếu tôi đã dùng thì tôi xin lỗi. Nhưng tôi nghĩ tôi chỉ nói thu xếp.”

“Luật sư các anh đều giống nhau,” mẹ tôi nhẹ nhàng nói. “Các anh cãi những điểm nhỏ nhặt nhất.”

“Chúa ơi, tôi hi vọng chị không phải làm việc với nhiều luật sư đến thế trong đời để có thể khái quát hóa một cách chính xác như vậy.”

“Ồ, một số thôi. Nhưng thường chỉ để biện hộ cho tôi những lần tôi giết người vì nhầm lẫn.”

“Nghiêm túc nhé, chị có bao giờ cần đến một luật sư hình sự chưa?”

“Tôi đã nói với anh vào hôm chúng ta gặp nhau là chưa.”

“Tôi chỉ hỏi để biết xem chị có từng bị kết án trước đây chưa - chứ không phải là chị đã dùng một luật sư hình sự chưa.”

“Trời ạ, dĩ nhiên là chưa! Chẳng nào tôi mới cần đến một luật sư hình sự chứ?”

“Tôi không biết. Vì thế tôi mới hỏi.”

“Chưa, Stephen ạ, đây là một trải nghiệm mới trong đời tôi, tôi đảm bảo với anh như thế.”

“Tôi là người đầu tiên của chị.”

“Anh là người đầu tiên của tôi.”

“Tôi hãnh diện quá.”

“Một ả gái già như tôi có thể làm anh hãnh diện sao? Chúa ơi, anh đã li dị quá lâu rồi đấy.”

“Chị bao nhiêu tuổi?”

“Ba mươi tư.”

“Chỉ là một con nai vàng ngơ ngác thôi.”

“Ôi, tôi không nghĩ thế. Tôi chắc chắn là quá già để xõ ra những cách nói như ‘gái già’ và ‘traì già’ như tôi từng làm.”

“Tôi nghĩ vì cách nói đã cũ. Không phải chị.”

“Anh thiên vị rồi.”

“Vì tôi thích chị ư?”

“Vì anh không thuộc diện mang tư tưởng chống đối.”

“Chị không nghĩ tôi là một người làm cách mạng sao?”

“Còn lâu.”

“Một gã hippie?”

“Từ đó không đáng sợ sao? Tôi không tin nổi chúng ta lại từng dùng từ đó một cách nghiêm túc.”

“Chúng ta đã không dùng nó nghiêm túc, Sibyl ạ. Ít nhất tôi thì không.”

“Tôi cá lúc đó anh đúng nghĩa là người ghét dân hippie. Tôi cá chúng tôi đã khiến anh phát điên.”

“Tôi không ghét dân hippie! Tôi còn không biết một tay hippie nào. Sao chị nghĩ tôi ghét họ?”

“Vì anh cứ nhắc đến khó tin. Nhìn giày anh mà xem.”

“Tôi không cứ nhắc.”

“Anh nghĩ thế à?”

“Tôi nghĩ thế.”

“Được thôi, để xem. Hút cần sa bao giờ chưa?”

“Rồi.”

“Nhiều không?”

“Tôi không thích nó. Vì thế tôi không hút nữa.”

“Vậy anh đã hút một lần.”

“Hoặc hai lần, có lẽ thế.”

“Ở Việt Nam hay Vermont?”

“Việt Nam.”

“Như thế không tính.”

“Tại sao?”

“Tôi luôn hình dung đó là một nơi thật là khủng khiếp đến nỗi anh phải hút cần sa liên tù tì như hút không khí mới sống sót nổi.”

“Nếu ở trong rừng thì đúng là khủng khiếp. Tôi thì không phải vào rừng.”

“VẬY anh không cần phải hút cần sa à?”

“À, ít nhất không phải để sống sót.”

“Nhưng anh cũng chẳng muốn hút.”

“Tôi cảm thấy rằng, thưa bà Danforth,” ông ta nói với một sự trịnh trọng chuyên nghiệp, “bất kì phong trào nào dùng một loại thuốc cấm làm tiêu chí cơ bản để kết nạp thành viên là một phong trào không đáng để gia nhập.”

“Được thôi. Mấy câu này dễ hơn này. Có bao giờ sống một tuần trong công xã chưa?”

“May là chưa.”

“Ngủ trong xe tải?”

“Chưa.”

“Đi chân đất?”

“Dĩ nhiên.”

“Trong nhiều ngày liền ấy?”

“Trong vài giờ. Có thể.”

“Đeo chuỗi hạt?”

“Không phải là tín đồ.”

“Được rồi. Hãy hỏi những câu nghiêm túc hơn một tí nào: Có bao giờ thử liên lạc với Những Con Báo Đen chưa? Có thể là giúp tổ chức một chương trình ăn sáng cho những gia đình nghèo đói ở Boston?”

“Chị đã làm thế, đúng không nào?”

“Tôi đã làm. Có bao giờ tổng hợp thông tin về thai nghén cho phụ nữ nghèo ở Vermont, rồi in thành tờ rơi và đi đến từng căn nhà, từng chiếc nhà xe

ngày này qua ngày khác để đảm bảo người ta nhận được chúng?”

“Cũng làm thế rồi à?”

“Tôi đã làm. Thế còn chỉ cảm thấy tình yêu thương tuyệt vời, kì diệu nhất dành cho con người - mọi loại người - chỉ vì họ là con người và vì thế thật là kì diệu? Có bao giờ cảm thấy như thế chưa?”

“Có lẽ khi không tỉnh táo.”

“Hoặc chỉ mong muốn thế giới ngừng quan tâm đến *vật chất*? Sự sở hữu? Địa vị? Muốn tất cả chúng ta ngừng phán xét nhau vì những gì chúng ta sở hữu?”

“Tôi thích những gì tôi sở hữu, Sibyl ạ,” Stephen nói, cố gắng giảm nhẹ cảm xúc của bà, và rồi tôi nghe ông giả vờ rú lên đau đớn.

“Chị thường đánh luật sư của mình lắm à?”

“Thế mà đau gì,” mẹ tôi nói, cười thành tiếng.

“Tin tôi đi, đau lắm đấy.”

“Tôi đã làm những việc đó, tôi đã cảm thấy những điều đó,” mẹ nói, phớt lờ ông ta. “Tôi đã ở cạnh những người như Raymond Mungo và Marshall Bloom. Tôi thực lòng tin rằng cuộc chiến đó là sai.”

“Tôi tin rằng chị đã nghĩ như thế.”

“Tôi sinh trưởng ở Vermont - không phải ở hạt Westchester hay một thị trấn nào đó ở Back Bay. Tôi biết những cậu con trai đến Việt Nam. Nhiều lắm. Hầu hết những cậu học cùng lớp trung học với tôi đều đi đến đó. Với tôi, cuộc chiến đó không chỉ là một trào lưu thịnh hành nào đó để mà phản đối. Tôi rất lo lắng cho những cậu bạn mà tôi biết rõ - đôi khi rất rõ - cũng như những dân làng mà tôi chưa từng gặp.”

“Những chàng trai như tôi.”

“Đúng, những chàng trai như anh. Làm dân hippie đâu chỉ có nghĩa là đi lảng quăng không mặc áo ngực, hoặc quan hệ tình dục với những chàng trai mà mình chả biết tí gì. Ngày nay người ta rất dễ nhìn lại những năm tháng đó và giễu cợt chúng tôi vì cách ăn mặc hoặc thuốc phiện hoặc những tấm áp phích ngớ ngẩn. Nhưng ở mặt tích cực nhất, toàn bộ... thời đại đó là nhằm làm cho thế giới trở thành một nơi ít đáng sợ hơn.”

Một tấm ván kê kẻo kẹt khi một trong hai người lớn bên ngoài đứng dậy. Một cái bóng lướt qua bầu cửa sổ, và giọng nói của Stephen gần hơn.

“Tôi không có ý chế giễu những việc chị đã làm,” ông ta nói.

“Anh có chế giễu gì đâu. Tôi chỉ nói cho anh biết vậy thôi.”

Sau đó tôi nghe tiếng gỗ chuyển động dưới chân mẹ tôi, khi bà đứng dậy phía sau ông. Hai người im lặng trong một lúc lâu và tôi hình dung họ đang ngắm mặt trời lặn, hoặc đang dán mắt vào những cái bóng có hình như kem ốc quế do hàng cây vân sam xanh hắt xuống ở rìa phía tây của bãi cỏ nhà chúng tôi.

“Anh chưa nói cho tôi biết chúng ta sẽ thu xếp thế nào,” cuối cùng bà nói.

“Tôi chưa nói ư?”

“Chưa.”

“Được rồi, xem nào,” Stephen bắt đầu, những lời đầu tiên đó cất lên sau một tiếng thở dài thườn thượt. “Đây là nơi mà ý nghĩ về Vermont nhỏ bé luôn có vẻ đúng nhất với tôi. Bill và tôi quen biết nhau, và chúng tôi hiểu rõ hệ thống này. Khi tôi dùng từ *thu xếp*, ý của tôi là thương lượng. Hoặc ngã giá. Còn tùy thuộc chính quyền bang có hoặc không có gì trong cách tiến hành của họ, tôi có thể hình dung cảnh tôi ngồi xuống với Bill vào mùa xuân năm nay và nói với ông ta, ‘Bill này, chúng ta đều biết có thể thu xếp vụ này, hoặc là chúng ta có thể làm cho cuộc sống của mình trở nên khổ ải trong sáu tháng với một phiên tòa.’”

“Chúng ta sẽ thương lượng chuyện gì?”

“Có thể là tội danh. Và nếu chúng ta đồng ý, thì có thể là bản án.”

Tôi lưỡng lự trước từ *bản án*, và rõ ràng mẹ tôi cũng thế. “Bản án?” bà nói, một cơn rùng mình hoảng hốt nhỏ nhoi nhưng không nhằm lẫn được đi xuyên qua giọng nói của bà. “Tôi đã không làm gì sai!”

“Mọi điều tôi nói ở đây đều là phỏng đoán, Sibyl ạ. Tất cả chỉ là... chỉ là nói chuyện thôi. Được chứ?”

“Tôi không nghĩ mình thích kiểu nói chuyện này.”

“Ái chà, một bản án có thể chẳng là vấn đề gì cả. Vì thế hãy đừng nói về nó lúc này. Hợp lý mà, phải không?”

“Không. Tôi muốn anh nói tiếp.”

“Chị chắc không?”

“Đương nhiên là chắc. Ý nghĩ chúng ta đã tuyên án tôi rồi khiến tôi hốt hoảng một chốc lúc nãy, nhưng giờ thì tôi ổn rồi.”

“Được rồi. Đây là một cách chúng ta có thể thu xếp vụ này. Chúng ta thừa nhận có tội với tội danh hành nghề y không giấy phép - và chúng ta nộp một khoản phạt. Không to tát, ít nhất là không to tát trong bối cảnh lớn hơn. Sau đó với tội danh bất cẩn gây chết người, chúng ta chấp nhận một bản án bị hoãn. Cứ xem như là hai hoặc ba năm và một khoản phạt nhỏ khác, nhưng không có lời kết án nào vào cuối thời gian hoãn xét xử. Như thế được không?” Stephen hỏi, và tôi hiểu rằng ông ta nghĩ vừa mới vẽ ra một viễn cảnh tuyệt vời cho mẹ tôi, một viễn cảnh mà ông tin sẽ phục hồi sự tin và tâm trạng của bà.

“Cho tôi biết một bản án bị hoãn là thế nào,” bà nói.

“Chị nhận có tội với tội bất cẩn gây chết người. Thông thường, như thế có nghĩa là phải ở tù từ một đến mười lăm năm. Vụ này thì không. Một bản án

bị hoãn là việc hoãn thi hành án trong vòng - dù sao thì đây cũng chỉ là ví dụ của tôi thôi - hai hoặc ba năm. Nếu đến cuối thời gian đó chị đáp ứng mọi điều kiện cho việc hoãn án, thì sẽ không có thời gian ở tù và không bị lưu vào tiền án. Chỉ bị phạt thôi.”

“Điều kiện là gì? Giống như bị giam tại gia ư?”

“Trời ạ, không phải! Chị muốn đi muốn về cứ việc thoải mái, cuộc sống của chị hoàn toàn bình thường. Có thể chị sẽ phải làm một số nghĩa vụ công ích. Nhưng chủ yếu thì chị chỉ cần không phạm pháp trong suốt thời gian hoãn án hoặc là - và tôi nghĩ việc này là không thể tránh khỏi - hành nghề bà mụ.”

“Và sau hai hoặc ba năm?”

“Sẽ như chưa có gì xảy ra.”

“Sẽ không bao giờ như thế. Không thể trong bất kì tình huống nào.”

“Ý tôi là trong mắt của luật pháp.”

“Vậy nếu tôi bỏ nghề trong vài năm, chính quyền bang sẽ nhượng bộ? Đúng không?”

“Đó là một... khả năng.”

“Và sẽ không có tiền án gì cả?”

“Không tiền án với tội danh bất cẩn gây chết người. Trong món hầm mà tôi mới nấu, chị phải nhận có tội hành nghề y không giấy phép.”

“Và đó là một tội nhẹ?”

“Thật khó tin, đúng là như vậy.”

“Món... món hầm này có khả thi không?”

“Tôi chưa biết được.”

“Nhưng anh không nghĩ thế, đúng không?” mẹ tôi nói. Cả hai chúng tôi đều nghe thấy sự nghi ngờ trong giọng nói của Stephen.

“Sibyl ạ, tôi quả thực không biết được. Tôi chỉ biết là nó khả thi. Có lẽ án treo là khả thi...”

“Án treo?”

“Hãy giả sử chính quyền bang xử mạnh tay vụ này, một vụ mà chúng ta không thể thắng. Không có cách nào khác. Để đổi lấy không ngồi tù chúng ta nhận có tội, và chị nhận bản án treo cùng vài năm tù treo. Cứ thế, cuộc sống của chị tiếp diễn gần như trước, ngoại trừ chị sẽ phải thường xuyên gặp nhân viên quản chế, và chị bỏ nghề bà mụ.”

Rất chậm rãi, nghe như đang phê thuốc và quả quyết không thể lay chuyển - mỗi chữ cái trong một từ là một lời tuyên ngôn - mẹ tôi nói, “Đó không phải là một phương án, Stephen ạ. Tôi không thể nào bỏ nghề được. Tôi sẽ không bao giờ bỏ nghề.”

Mặt trời lúc này đã lặn xuống dưới rừng núi, và gian phòng quanh tôi đang tối dần.

“Tôi nghi ngờ khả năng sự việc sẽ diễn tiến đến mức đó,” Stephen lẩm bẩm sau một phút.

“Anh không tin điều đó. Anh tin rằng nó sẽ diễn ra đúng như vậy.”

“Tôi không biết. Và tôi sẽ không biết trong nhiều tháng nữa.”

“Nhiều tháng...”

“Có thể còn lâu hơn. Như tôi đã nói, sự trì hoãn giúp chúng ta nhiều hơn là giúp họ.”

“Tôi không muốn vụ này kéo dài.”

“Tôi hiểu.”

“Và tôi sẽ không dừng công việc đỡ đỡ.”

Tôi nghe tiếng xe Jeep của bố khi ông đỗ xe ở đường chạy xe vào nhà rồi tắt máy.

“Tôi nghĩ chị sẽ phải dừng lại, Sibyl ạ. Ít nhất là trong một thời gian.”

“Đến khi phiên tòa diễn ra?”

“Hoặc đến khi chúng ta thu xếp với chính quyền bang.”

“Và anh nói nó có thể kéo dài nhiều tháng.”

“Ít nhất là thế.”

Cửa xe Jeep đóng sầm, tôi thấy bóng của cánh tay mẹ khi bà vẫy bố.

“Làm ơn, Stephen,” bà nói, giọng bà vừa đủ thấp để bố tôi không nghe thấy, “hãy nhanh chóng kết thúc vụ này. Càng nhanh càng tốt.”

“Vụ này càng kéo dài thì...”

“Làm ơn đi, Stephen,” bà lại nói. “Nhanh lên. Vì tôi và gia đình tôi: Hãy kết thúc nhanh chóng vụ này.”

Nhiều năm sau, khi mẹ tôi được chẩn đoán mắc bệnh ung thư phổi - là ung thư biểu mô tuyến, loại ung thư phổi mà người không hút thuốc thường mắc phải - tôi thấy bố trở thành một người chăm sóc vô cùng khéo léo. Tôi thấy một con người mềm mại bên trong ông nổi lên, con người đó mua một chiếc máy xay hoa quả Vita-Mix, rồi làm cho bà món súp lơ xay và nước ép cà rốt vào buổi xế chiều. Mẹ nói với tôi rằng bố làm hết các việc giặt giũ và đi chợ khi bà không còn sức, và tôi thấy ông đã lấp đầy căn nhà bằng hoa quả như thế nào. Tôi biết ông thường lái xe đến cửa hàng bách hóa ở Burlington để mua cho mẹ mũ ôm đầu, mũ có vành và khăn choàng. Và, đến những ngày cuối, thỉnh thoảng tôi lại thấy ông ngồi kiên nhẫn cạnh bà khi bà nằm trên giường chơi ô chữ, bầu bạn với bà như một người lắng

nghe nhiệt tình và lắng lẽ. Đôi khi chiếc giường nằm trong phòng ngủ của họ, đôi khi ở trong bệnh viện.

Tôi có thể viết mà không e dè hay đoàng đếm rằng ông đã là một người nuôi bệnh ung thư ngoại lệ: vừa là y tá, vừa là chuyên gia dinh dưỡng, vừa là bạn đời, vừa là bạn tâm giao. Vừa là Knute Rockne^[14].

Nhưng, đương nhiên mẹ tôi không mắc bệnh ung thư vào năm 1981, bà bị khởi tố vì một trọng tội. Bà bị cáo buộc tước đi mạng sống của một người khi lẽ ra bà đang hỗ trợ cho sự chào đời của một người khác.

Vì thế, mẹ tôi không cần một y tá hay chuyên gia dinh dưỡng hay người nuôi bệnh ung thư, bà cần một luật sư. Do đó tôi nghĩ vai trò người chăm sóc đặt lên vai của Stephen Hastings thay vì trên vai của bố tôi cũng là chuyện bình thường, và bố chẳng qua là ghen tị mà thôi: Ông muốn giúp. Ông muốn được gánh trách nhiệm. Ông muốn có thêm việc để làm.

Tôi cẩn thận quan sát bố mẹ vào buổi tối Stephen ghé qua để báo tin, và rõ ràng mẹ tôi đã không nhận ra những tin tốt ông đem đến sau những tin xấu. Chắc hẳn bà đã cảm thấy nhẹ nhõm vì nhiều khả năng chính quyền bang sẽ khởi tố bà tội bất cẩn gây chết người thay vì giết người cấp độ hai, nhưng thông tin này đã bị che mờ trước ý nghĩ rằng bà sẽ phải dừng công việc đỡ đẻ trong một khoảng thời gian. Có thể là mãi mãi.

Ngẫm lại, tôi nhận ra phản ứng của mẹ lẽ ra không nên khiến tôi ngạc nhiên: Một tội danh hình sự là một điều trừu tượng đối với bà, một điều bà không thể hiểu tường tận. Nhưng nghề bà mẹ là sứ mệnh của bà, đó là việc bà đã được chọn để làm trong đời. Chính ý nghĩ phải chấm dứt hành nghề - dù chỉ tạm thời - khiến bà lo lắng hơn nhiều so với tin tức của vị luật sư về tội trạng giảm nhẹ.

“Em phải làm sao, nói với một người như May O’Brien rằng em không thể giúp cô ấy sinh con ư?” bà hỏi bố tôi đêm hôm đó trong lúc lấy nĩa ghim thức ăn trên đĩa.

“Anh nghĩ là em phải giới thiệu cô ấy cho người khác,” bố tôi đáp. “Tracy Fitzpatrick chẳng hạn.”

“Tracy sống ở Burlington, Chúa ơi. Chị ấy ở xa quá, không thể giúp các bà mẹ của em được.”

“Còn Cheryl thì sao?”

“Cheryl Visco còn chẳng có một giây để thở; chắc là chị ấy không thể giúp được ai khác. Và lại, chị ấy cũng ở xa quá.”

“Thế còn...”

“Và em quen thân với những người phụ nữ này - đó là điều quan trọng nhất! Họ tin tưởng em, không phải Cheryl hay Tracy. Họ còn không biết Cheryl hay Tracy là ai. Thế còn người tên là Peg Prescott thì sao? Cô ấy sẽ hạ sinh vào tháng tới. Em phải nói gì với cô ấy bây giờ? ‘Ồ, Peg ạ, chuyện chẳng có gì to tát cả. Cứ đi đến phòng sinh ở bệnh viện ấy, và một bác sĩ nào đó mà em chưa gặp bao giờ sẽ chăm sóc cho em. Chẳng có gì to tát, chẳng to tát tẹo nào.’ Cô ấy sẽ phát điên, cô ấy chắc chắn sẽ phát điên.”

Không ngược lên từ đĩa thức ăn của mình, bố tôi hỏi, “Stephen nói em nên làm gì?”

“Anh ấy không có giải pháp.”

“Thật không?”

“Thật.”

“Chúng ta đã ném tiền qua cửa sổ rồi ư?”

“Như thế nghĩa là sao?”

“Anh chỉ thấy ngạc nhiên thôi. Anh nghĩ vị luật sư một-trăm-đô-la-một-giờ của chúng ta phải có đáp án cho mọi thứ chứ.”

“Em có bỏ lỡ chuyện gì không? Hôm nay Stephen có nói gì chọc tức anh không?”

“Anh nghe giống như bị chọc tức lắm à?”

“Đúng thế đấy.”

Tôi cố gắng nhắc bố mẹ nhớ đến sự hiện diện của tôi trước khi cuộc cãi vã của họ leo thang, đứng dậy làm ra vẻ muốn đi lấy một cốc sữa gầy nữa. Tôi hỏi có ai muốn thêm gì từ tủ lạnh không trong lúc tôi đứng lên.

“Nói thật đấy, Stephen có nói gì làm anh nổi nóng không?” mẹ tôi nói tiếp sau khi trả lời tôi rằng bà không cần gì, còn bố thì vẫn giữ im lặng.

“Không.”

“VẬY TẠI SAO LẠI CÓ GIỌNG ĐIỀU NÀY?”

“Anh chỉ nghĩ là thật... thật kì cục khi anh ta lái xe đến tận đây hồi chiều này.”

“Việc đấy có gì kì cục? Anh ấy là luật sư của chúng ta mà.”

“Có lẽ *kì cục* là từ không chính xác,” bố tôi nói. “Anh chỉ cảm thấy anh ta không nên lái xe đường xa như thế đến đây để báo cho em một tin tức mà anh ta có thể làm đơn giản bằng cách gọi điện thoại. Nghe có vẻ như thiếu trách nhiệm về mặt tài chính quá. Có vẻ như anh ta hoang phí tiền bạc quá. Tiền bạc của chúng ta.”

“Có lẽ luật sư không tính phí lái xe.”

“VÀ CÓ Lẽ CÓ MỘT CON CÁ MỘC CÁNH Ở CÁI AO SAU NHÀ.”

“Nếu con làm việc ở Burlington, con sẽ muốn biến khỏi đó càng nhanh càng tốt,” tôi nói trong lúc ngồi xuống. Tôi không hề tin điều đó - thật lòng mà nói, ở tuổi đó tôi nghĩ rằng làm việc tại Burlington là một điều rất xa

hoa đẹp dễ - nhưng dường như đó là điều mà bố mẹ tôi thích nghe, và nó có thể giúp họ ứng xử văn minh.

“Thật thế à?” mẹ hỏi tôi. Bà khẽ mỉm cười, và rõ ràng bà không tin một lời nào của tôi.

“Vâng. Biến khỏi tiếng ồn đó. Những chiếc xe đó.”

“Những cửa hàng băng đĩa đó,” bà nói thêm. “Trung tâm mua sắm to lớn đó với tất cả những cửa hàng thời trang trên Phố Church đó.”

“Con không nói ở thành phố thì cái gì cũng xấu,” tôi giải thích. “Chỉ là nếu ở đó mỗi ngày, thì thỉnh thoảng ra ngoài đây có lẽ cũng thú vị đấy chứ.”

“Mẹ đồng ý,” mẹ tôi nói, dịu dàng vuốt tóc tôi một lúc.

Bố bực dọc nhìn tôi, nhưng ông cảm ơn ý định của tôi nhiều đến nỗi không thể nổi nóng với tôi vì đã đứng về phe mẹ. Ông cũng mỉm cười và nhường mảy.

“Thôi được rồi. Có thể chuyển viếng thăm nho nhỏ của anh ta đến đây hồi chiều chẳng tốn một xu nào.”

“Rõ ràng nó đã tốn một ít gì đấy,” mẹ nói.

“Ồ, có thể là không,” bố nói, giọng pha chút mỉa mai. Ông chồm qua bàn và hôn trán bà. “Có lẽ bùn thảng tư là một sự hấp dẫn lớn với một nhà thơ như luật sư của chúng ta. Có lẽ nó khêu gợi quá. Có lẽ vẻ đẹp của bùn là thứ duy nhất đã lôi kéo Stephen đến đây.”

Khi bố và tôi cùng xem ti vi sau bữa tối, tôi nghe mẹ nói chuyện điện thoại với một người bạn làm nghề bà mụ ở phía Nam của bang. Dường như một bệnh nhân mới của mẹ, một giáo sư cao đẳng ở giai đoạn cuối của thai kỳ thứ ba, đã không giấu nổi sự lo lắng và hồi hộp khi ở gặp mẹ tôi tại buổi khám thai sáng hôm đó. Huyết áp của cô cao hơn rất nhiều so với lần đầu tiên mẹ tôi khám cho cô, một tháng trước.

Sau một cuộc nói chuyện kéo dài - chính xác thì mẹ tôi đã dùng từ *chất vấn* trên điện thoại vào tối hôm đó - về mọi thứ có thể diễn biến xấu trong một ca đẻ tại nhà, bệnh nhân ấy bắt đầu hỏi những câu rất chi tiết về chuyện đã xảy ra ở Lawson. Theo cổ vấn của Stephen, mẹ tôi từ chối nói về chuyện đó. Rõ ràng mẹ tôi và cô giáo sư cuối cùng đã đạt thỏa thuận rằng cô ta nên nghỉ lại quyết định sinh con tại nhà, và nghĩ đến việc liệu cô có thể sẽ vui vẻ hơn không nếu đẻ con với một bác sĩ trong bệnh viện.

Nhắc lại cuộc trò chuyện ấy với người bạn khiến mẹ tôi rất buồn, bố và tôi đều nghe giọng của mẹ trở nên cáu bẳn. Khi bà gác máy, bố đi vào nhà bếp và âu yếm ôm bà thật lâu.

13

Tôi đi siêu thị mua sắm, như thế chẳng có gì xảy ra. Thật khó tin. Tôi đẩy xe qua lại các lối đi, tôi gật đầu với mọi người và họ gật đầu với tôi. Tôi chọn hoa quả, một việc chẳng bao giờ dễ dàng vào mùa này của năm, và tôi cố gắng tìm những thứ mà tôi và Connie định ăn.

Hôm qua Rand và tôi đã tính toán các hóa đơn hàng tháng, và chúng tôi đã thanh toán hết. Chúng tôi đảm bảo còn đủ tiền trong tài khoản, như thế cuộc sống vẫn hoàn toàn bình thường và mối lo lớn nhất của chúng tôi là séc bị từ chối.

Hôm nay tôi đã đặt mua hai chậu việt quất từ vườn ươm, còn Rand đặt mười mét khối gỗ. Anh nói hi vọng chúng tôi nhận được hàng trước ngày lễ Tưởng niệm để anh kịp xếp gỗ thành đống trước Lễ Quốc khánh. Rand là thế: người duy nhất mà tôi biết chuẩn bị xếp gỗ cho mùa đông từ trước cả khi mùa hè kết thúc.

Thật ra, việc mua sắm ở siêu thị nay đã hơi khác một chút. Không hẳn là kéo dài hơn, nhưng tôi biết tôi đã dành nhiều thời gian ở khu hàng tạp hóa hơn tôi từng làm nhiều năm qua. Không phải là cố ý, nó chỉ tự nhiên xảy ra

thôi. Tôi đỗ xe trong bãi tầm một giờ ba mươi, và đến lúc tôi đi ra đã là gần ba giờ. Một giờ rưỡi đồng hồ. Tôi nghĩ thông thường tôi chỉ mất bốn mươi lăm phút.

Không phải vì hàng người chờ tính tiền quá dài, hoặc người ta chặn tôi lại để nói chuyện. Có chăng chỉ là giờ đây dường như người ta tránh đường ra để khỏi chặn tôi lại nói chuyện. Họ gật đầu khi họ thấy tôi, và rồi nhìn chăm chú phát sợ vào nhãn dán hộp đậu Hà Lan hoặc gói đồ trong tay họ để không phải nhìn tôi nhiều hơn mức cần thiết và có nguy cơ phải nói chuyện với tôi. Thật lạ lùng.

Vì thế tôi không biết chính xác tại sao buổi mua sắm hôm nay lại kéo dài đến thế. Tôi chỉ làm việc của mình, nhưng tôi đoán mình di chuyển chậm đến mức khó tin. Tôi và chiếc xe đẩy, chỉ ngó nghiêng dọc theo các kệ hàng. Nhưng tôi có một giả định, tôi từng đọc ở đâu đó rằng một công việc có thể chiếm lượng thời gian mà ta có thể dành cho nó. Ví dụ như, nếu bạn dành cho một công việc ba mươi phút, thì bạn sẽ làm việc đó trong ba mươi phút. Nhưng nếu bạn cho nó được một giờ, nó sẽ ngốn hết một giờ. Nghe có lý. Và tôi nghĩ đó là điều xảy ra hôm nay tại khu hàng tạp hóa. Bình thường tôi sẽ mua sắm xong trong vòng chưa đến một giờ vì tôi phải về nhà để khám thai. Tôi thường có hai hoặc ba bà mẹ hẹn khám thai trong khoảng, ví dụ như, hai giờ rưỡi đến năm giờ, và tôi phải quay về để kiểm tra cân nặng và nước tiểu, lắng nghe nhịp tim của thai nhi. Tôi phải quay về để đo vòng bụng và kiểm tra chứng phù nề ở thai phụ.

Không, hôm nay thì không, hết rồi. Ít nhất là không trong lúc tôi - và tôi thích cách diễn đạt này - “tại ngoại có điều kiện.” Thật là một khái niệm thú vị. Với nét mặt cực kì thẳng thắn, như đang giải thích với tôi về một mã thuế hay gì đấy, vị thẩm phán đặt ra năm điều kiện để tôi “được thả.” Thứ nhất, ông ta nói, tôi phải đồng ý xuất hiện trước tòa và tôi phải giữ liên lạc với luật sư của tôi. Hai điều kiện đó nghe cũng có lý.

Nhưng rồi, như tôi là một tên tội phạm tàn bạo tuần nào cũng đi cướp các cửa hàng bách hóa, ông ta bảo tôi không được phạm một tội khác (làm như tôi đã phạm tội rồi không bằng!) và tôi không được dính líu đến ma túy (tôi không nghĩ việc này nhằm nói rằng nếu không phải đang bị quản chế thì tôi sẽ hút ma túy khi được mời, mà chỉ đơn thuần là một cách nữa để giấu cợt tôi).

Điều kiện duy nhất làm tôi khó chịu - không, nó không chỉ làm tôi khó chịu, nó còn khiến tôi cùng lúc vừa phát điên vừa sợ toát mồ hôi - chính là điều kiện về nghề bà mẹ. Tôi không được hành nghề cho đến khi phiên xét xử này kết thúc. Đó là điều kiện làm tôi đau đớn. Tôi không được đỡ đẻ đứa bé nào nữa, tôi không được chăm sóc bà mẹ nào nữa.

Vì thế hôm nay thay vì khám xem May O'Brien có cảm nhận được thai máy chưa hay cổ tử cung của Peg Prescott có bắt đầu mở chưa, thì tôi lại đi chợ. Tôi mua củ cải đường. Tôi đọc tỉ mỉ những chai sốt trộn xà lách. Tôi chọn những lon nước ngọt có đường cho Rand, và nước ngọt không đường cho Connie.

Và tôi nghĩ tôi đã làm tất cả những việc đó với tốc độ của một người chết.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

MẸ TÔI BỊ KHỞI TỐ tội bất cẩn gây chết người và hành nghề y không giấy phép vào ngày thứ tư, 9 tháng tư, khoảng hơn một tuần sau khi chuyên gia pháp y nộp kết quả khám nghiệm tử thi cuối cùng. Tôi biết vào tối thứ ba rằng bà sẽ bị bắt ngày hôm sau, và tôi dành toàn tiết Pháp văn và phần lớn tiết đại số vào sáng thứ tư để hình dung điều đang xảy ra vào thời điểm đó ở nhà tôi - cũng như trong chiếc xe cảnh sát, và ở tòa án ở phía Bắc, tại Newport.

Stephen đến nhà tôi vào thứ ba, lần này đến vào cuối ngày và ở lại dùng bữa tối. Bố tôi có vẻ như ít quan tâm đến việc chiếc đồng hồ của ông luật sư đang tính tiền hơn so với thái độ của ông cách đây một tuần, căn cứ trên lý

do Stephen đến Reddington và sức nặng từ thông tin của ông. Hơn nữa, vào đêm đó Stephen đã có thể dẫn chúng tôi từng bước qua toàn bộ quá trình mà mẹ tôi sẽ chịu đựng trong ngày hôm sau, và làm cho nó giống như một loạt những thủ tục buồn tẻ nhưng rất đỗi bình thường, hơn là một chuỗi những sự sỉ nhục tăng dần và cuối cùng có thể dẫn đến nhà tù.

Dù sao đi nữa, ý nghĩ mẹ tôi đang bị bắt lấp đầy những khoảng tối nhất trong trí tưởng tượng mới lớn của tôi, đồng thời đe dọa phần cô bé chưa kịp lớn trong tôi. Lúc này tôi trông thấy mẹ đang bị cảnh sát trấn áp như cảnh mà tôi đã xem lướt qua trên tin tức, lúc sau tôi lại thấy mình như một đứa bé mồ côi mẹ, một đứa trẻ đơn độc một thân một mình kéo dài ra trong thân hình một cô gái mới lớn.

Là con gái của một bà mẹ, dĩ nhiên tôi đã trải qua nhiều buổi chiều và nhiều khoảng thời gian dài ở một mình, vì thế ý nghĩ về một bà mẹ vắng mặt lẽ ra không khiến tôi hoảng sợ. Nhưng sáng hôm đó ở trường học, nó đã làm tôi sợ hãi, đặc biệt là vì mẹ tôi đã khẳng khăng từ chối để Stephen hoặc bố chở bà đến Newport để bà có thể tự nộp mình một cách kín đáo. Bất chấp sự cam đoan của Stephen rằng tự nộp mình không hề hàm ý nhận mình làm sai hoặc có tội, bà vẫn một mực đòi để cho chính quyền đến Reddington bắt mình.

“Nếu họ muốn bắt tôi, họ phải đến đây,” bà nói vào tối thứ ba, không ngược lên từ đĩa thức ăn mà bà chẳng hề quan tâm.

Vì thế, để tránh những hình ảnh tồi tệ nhất che phủ đầu óc mình vào sáng thứ tư, tôi đã nghĩ đi nghĩ lại viễn cảnh mà Stephen đã trình bày, cố gắng tập trung vào sự tẻ nhạt đơn thuần mà mẹ tôi đang trải qua vào lúc đó.

Một chiếc xe cảnh sát Vermont từ đồn cảnh sát ở Derby đang tiến đến nhà chúng tôi tại Reddington, len lỏi trên đường số 14 qua Coventry, Irasburg, và Albany. Bộ đèn trên nóc xe nhấp nháy, nhưng chiếc còi hụ thì im lặng. Nó đang vượt qua những chiếc xe chạy cùng chiều với vận tốc tối đa tám mươi cây số một giờ, và chạy qua những chiếc xe tải chở hàng và xe thùng

chở sữa chạy lắt lư cùng chiều ở vận tốc năm mươi sáu cây số một giờ. Nó giảm tốc độ khi chạy ngang qua cửa hàng bách hóa và nhà thờ ở trung tâm Reddington, rồi sau đó rẽ vào con đường đất dài chạy vào nhà tôi. Nó đỗ xích lại sau chiếc xe nhà ga của mẹ và cạnh chiếc Jeep nhỏ của bố. Hai cảnh sát mặc đồng phục màu xanh lá cây bước ra khỏi xe và đi theo con đường đến cửa trước nhà chúng tôi, có lẽ giống hệt cách của hai người cảnh sát đã xuất hiện ở nhà tôi tháng trước: Leland Rhodes và Richard Tilley. Họ lịch sự giải thích với mẹ tôi chính xác tại sao bà bị bắt, dẫn ra ngày tháng cụ thể và các tội danh chính thức.

Trong những khoảnh khắc ngắn tôi nhìn thấy giáo viên Pháp văn của mình và chiếc bảng đen sau lưng ông, nhưng ông nhanh chóng biến mất khi tâm trí tôi trôi về những sự kiện đang diễn ra tại nhà. Một trong hai người cảnh sát đang tra tay mẹ tôi vào còng, còn người kia đang dẫn bà đến băng ghế sau trong xe cảnh sát. Bố tôi và Stephen Hastings không được phép ngồi cùng bà trong chuyến xe về phía Bắc đến Newport mà phải tự lái xe theo sau.

Họ đến đồn cảnh sát vào tiết đại số của tôi. Khi những hàng X và Y trên trang giấy trước mặt tôi biến hóa từ biến số và vector thành những đường trườ tượng, ngón tay mẹ tôi đang bị lăn mực, dấu vân tay của bà bị lưu vào hồ sơ, và khuôn mặt bà bị chụp ảnh phía trước và một bên. Với những đầu ngón tay còn dính mực xanh, bà bị đưa đến tòa để đứng trước thẩm phán. Stephen được phép đứng cạnh bà, nhưng bố tôi phải ngồi ở một băng ghế giữa những hàng ghế tạo thành hai khối vuông sau lưng bà.

Tôi tưởng tượng vị thẩm phán ngồi sau chiếc bàn không chỉ to khủng khiếp mà còn nằm cao hơn những đồ đạc còn lại trong phòng xử án một cách hết sức không cân đối. Tôi thấy ông ta nhìn xuống vị luật sư mặc bộ complet doanh nhân kiểu thành thị Burlington và người phụ nữ mặc chiếc áo đầm in hình những bông hoa diên vĩ xanh, đeo dây chuyền ngọc trai và tô son môi. Theo đề nghị của Stephen, mẹ tôi đã cố gắng ăn mặc ra vẻ dân dã và hiền lành hết mức có thể, vì thế bà đã đeo sợi dây chuyền ngọc trai và tô son

màu môi mà thông thường bà chỉ dùng đến trong những trường hợp đặc biệt như đám cưới và dạ tiệc đón giao thừa.

Stephen đã khổ sở hết sức ở bữa tối hôm trước để giải thích rõ với chúng tôi rằng mẹ tôi sẽ không vào tù ngày hôm sau dù chỉ trong chốc lát, vì thế vào sáng thứ tư, tôi ít nhất được cứu khỏi hình ảnh những song sắt và phòng giam. Nhưng tôi đã nghe thấy giọng nói của vị thẩm phán thường xuyên như tôi đã nghe thấy giọng nói của thầy dạy Toán, và giọng nói đó rất đánh thếp: kiểu giọng đôi khi vẫn nghe thấy từ những bậc giảng kinh cao ngất, nhắc những con dân New England rằng tất cả chúng ta đều là kẻ tội đồ nằm trong tay của một Chúa trời giận dữ. Buồn thay, tôi không nhìn thấy vị thẩm phán như một kiểu trọng tài và người phân xử công bằng, người mà, chuyện này có thể hiểu được, thật ra có thể trở thành đồng minh của Sibyl Danforth. Thay vào đó tôi tưởng tượng một vị thẩm phán chỉ biết quan tâm đến chuyện kết án và trừng phạt, vì thế khi ông ta nói chuyện, đó chẳng qua chỉ là để đồng ý với lão Bill Tanner quý quyết vô lý, hoặc để lên lớp mẹ tôi vì đã cướp đi mạng sống của một bệnh nhân.

Đoạn hội thoại duy nhất tôi nghe được trong đầu mình mà tôi biết đã phản ánh thực tế những gì đang diễn ra ở Newport là câu trả lời từ hàng ghế cho câu hỏi “Bà biện hộ như thế nào?” Stephen theo kế hoạch sẽ nói thay cho mẹ tôi lúc này, vì thế ông ta đã trả lời, “Không có tội.” Mẹ tôi tuyệt nhiên không có một dòng thoại nào ngày hôm đó trong vở kịch mà bà là ngôi sao bất đắc dĩ.

Vào lúc đó, tôi hình dung, bố mẹ tôi và Stephen sẽ rời khỏi tòa án, và bố tôi sẽ chở mẹ về nhà.

Thực tế, như tôi biết được sau đó, có phần nào tốt hơn một chút so với sự tưởng tượng của tôi ở một điểm nhỏ, nhưng lại tồi tệ hơn ở một điểm quan trọng. Điểm nhỏ là gì? Thẩm phán Howard Dorset không phải là một nhà truyền giáo kiểu Jonathan Edwards^[15], không có giọng nói theo thuyết Calvin nào từ trên cao dùng hết sức lực để thông báo cho mẹ tôi về hỏa

ngực gào rú trước mặt bà. Nhiều tháng sau, khi phiên tòa đang diễn ra, tôi nhận ra mình cũng thích thanh âm trong giọng nói của Dorset, đặc biệt là cách nói của một người miền Bắc Vermont chính hiệu khi ông thỉnh thoảng kéo dài chữ *thang* và *đôi* thành những từ có hai âm tiết, hoặc công việc thành ba âm tiết.

Tuy nhiên, mẹ tôi đã phải trải qua một khoảnh khắc bất ngờ mà Stephen đã không chuẩn bị cho bà: những điều kiện để được thả. Stephen từng nói rõ rằng mẹ tôi sẽ phải gác nghề bà mụ cho đến khi vụ xét xử kết thúc hoặc vụ án được thu xếp, nhưng ngoài điều đó ra, ông đã khiến bà tin rằng cuộc nói chuyện về vấn đề tại ngoại sẽ không có gì gây bất đồng.

Trong thực tế, nó có.

Bill Tanner lập luận rằng “một bà mụ về bản chất đã là một sự coi thường đối với chính quyền, và đối với các tiêu chuẩn y tế của xã hội chúng ta. Một bà mụ về bản chất là một con ngựa bất kham, một người liều lĩnh đặt những phụ nữ - và trẻ em - vào tình cảnh rủi ro mỗi ngày vì lý do duy nhất là một sự căm ghét mù quáng và thiên cận đối với các quy tắc của y học hiện đại.” Mẹ tôi là một ví dụ điển hình: Một cựu hippie vô trách nhiệm ở một thị trấn núi đồi nhỏ bé, chạy quanh Bắc Vermont trong chiếc xe nhà ga cũ mốt. Một phụ nữ không có kiến thức đào tạo y khoa chính thống, vậy mà lại đi tung tăng khắp nơi với ống tiêm và chỉ phẫu thuật, với những loại thuốc như Ergotrate và Pitocin, trong khi giả vờ mang trong mình chuyên môn mà các bác sĩ phải mất nhiều năm mới có được.

“Sibyl Danforth có tiền sử thách thức chính quyền từ lâu, lúc đầu là một người biểu tình phản chiến, còn bây giờ là bà mụ,” Tanner nói. “Căn cứ trên tiền sử đó, và căn cứ trên thực tế rằng bà ta giờ đây đang đối mặt với mười lăm năm tù nếu bị kết án, chính quyền tin rằng nguy cơ bà ta sẽ bỏ trốn là có thật và quan trọng.”

“Thưa quý tòa, chúng ta đều biết không hề có nguy cơ bỏ trốn. Không hề. Thân chủ của tôi đã sống trong ngôi nhà của bà ấy gần mười năm, sống

trong một thị trấn gần như trọn đời,” Stephen nói.

“Hơn nữa, bà Danforth lại đang đối mặt với nguy cơ mất việc - chỉ có thể thôi.”

“Và đừng quên bà ấy là một người mẹ. Bà ấy có một con gái đang học ở tại Vermont này mà bà rất mực yêu thương. Và bà có một người chồng với một nghề kiến trúc sư ổn định. Đây là nơi diễn ra cuộc sống của bà ấy, đây là nơi cội rễ của bà đã mọc sâu và bám chắc. Bà Danforth sẽ không đi đâu cả.”

“Bà ta không có công ăn việc làm, thừa quý tòa, sự nghiệp bà ta đang rối tung. Uy tín bà ta đã bị hoen ố không thể cứu vãn. Có quá nhiều lý do để bà ta rời khỏi Vương quốc Đông Bắc khiến chúng tôi tin rằng nguy cơ bỏ trốn là rất cao. Vì thế chúng tôi muốn số tiền tại ngoại thể hiện điều đó. Chính quyền bang muốn yêu cầu mức tiền tại ngoại là ba mươi lăm nghìn đô la.”

“Như thế thật phi lý,” Stephen nói. “Thật là lỗ bịch.”

“Không hề, thưa quý tòa, ba mươi lăm nghìn đô la chỉ bằng một nửa giá trị ngôi nhà của gia đình Danforth. Chúng tôi tin rằng đó là số tiền đủ để đảm bảo rằng... rằng không có gì xảy ra với những cội rễ sâu xa đó.”

Thẩm phán Dorset, như bố tôi kể lại với tôi, ban cho Tanner cái nhìn mà gia đình tôi gọi là trông mắt lông lá: một cái nhìn trừng trừng mà người nhìn đảo con mắt lên trên đầu xa đến nỗi mắt và chân mày gần như thành một.

“Một bi kịch đã đưa tất cả chúng ta đến đây,” vị thẩm phán nói, “và chúng ta có thể sắp sửa bắt đầu đi trên một chặng đường dài cùng nhau. Tôi, vì một lẽ, có thể bỏ qua cách nói cường điệu như ‘con ngựa bất kham’ ở giai đoạn đầu của quá trình này, đặc biệt vì tôi biết sẽ còn chứng kiến thêm nhiều kiểu nói khoa trương và cường điệu hơn nữa về sau. Trực giác của tôi cho thấy luật sư biện hộ đã đúng khi nói rằng bà Danforth không có kế hoạch bỏ đi, và tôi không thấy có lý do nào để áp đặt điều kiện dùng tiền để tại ngoại.”

Rồi với một giọng cho thấy ông đã làm điều đó nhiều lần - rằng hầu hết các điều kiện là theo chuẩn mực và ông có thể liệt kê danh sách một cách thuộc lòng - Dorset nêu ra những yêu cầu đòi lấy sự tự do của mẹ tôi.

Đó là một mùa hè đầy những thỉnh nguyện đơn. Mẹ tôi bị bắt và bị khởi tố trong vòng mười ngày đầu của tháng tư, nhưng bánh xe công lý thật ra chuyển động rất chậm - một chiếc xe cào tuyết leo lên đồi giữa cơn bão tuyết - và mãi đến đầu tháng bảy, mọi động thái của Stephen và Patty Dunlevy mới dường như có phương hướng.

Tuy nhiên, vào tháng bảy và tháng tám, những động thái của chính quyền bang và các động thái ứng phó của Stephen bắt đầu tăng tốc, đột nhiên chiếc xe cào tuyết ấy lăn bon bon xuống đồi trên những con đường sạch bong, khô ráo. Ngay sau kì nghỉ Quốc khánh cuối tuần, Stephen nộp đơn thỉnh nguyện bãi bỏ vụ kiện, lập luận rằng ngay cả khi mọi chứng cứ đều đã được xem xét một cách rõ ràng đối với chính quyền bang, thì thực tế vẫn chẳng hề có một vụ kiện nào. Ông nói sẽ thua trong lần nộp đơn này, và quả thật là thế, nhưng nó đã cho ông một cơ hội để nghe những lập luận của Bill Tanner và lắng nghe một số chuyên gia của lão ta.

Hai tuần sau đó, Stephen nộp một thỉnh nguyện đơn yêu cầu không sử dụng biên bản lời khai của mẹ tôi vào đêm cảnh sát đến gõ cửa nhà chúng tôi - chính quyền bang, với thái độ hào hứng suồng sã, đã xem cuộc nói chuyện đó như lời tự thú của bà. Stephen nói có nguy cơ chúng tôi cũng thua lần này nốt, nhưng ông nghĩ ít ra chúng tôi có một cơ hội nhỏ để ngăn người ta biến những lời khai đầu tiên của bà về cái chết của Charlotte Fugett Bedford thành bằng chứng: Cảnh sát, ông ta nhấn mạnh, đã hoàn toàn thống trị bầu không khí trong nhà, nhưng đã không giải thích rõ với mẹ tôi rằng bà nên có một luật sư đại diện trước khi bà mở lời.

Nếu mẹ tôi chứ không phải là bố đặt câu hỏi về luật sư trong buổi tối tháng ba đó, chúng tôi có lẽ đã thắng; nếu bố tôi đặt vấn đề này ra trước khi mẹ tôi khai được một lúc, chúng tôi đã thắng. Nhưng hai việc đó đã không xảy

ra, và những lời nói của mẹ tôi trở thành một phần trong vụ kiện của chính quyền bang.

Sau đó Stephen nộp một thỉnh nguyện đơn yêu cầu thu thập tiền sử bệnh án của Charlotte Bedford từ thời cô ấy còn bé ở Mobile, Alabama, và những năm cô sống cùng Mục sư Asa ở Blood Brook và Tuscaloosa. Ông đã thắng với thỉnh nguyện này.

Và ông lập luận rằng chúng tôi phải được phép tiếp cận thư từ của cô ấy gửi mẹ và chị gái trong mùa đông năm đó, cũng như những băng ghi âm Mục sư Asa thu tại những buổi lễ Chủ nhật ở nhà thờ của ông cho những giáo dân không thể tham dự do thời tiết xấu hoặc ốm đau. Sau khi nói chuyện với các thành viên của nhà thờ Mục sư Asa, Patty kết luận rằng Charlotte ốm đau nhiều hơn những gì cô nói với mẹ tôi; Stephen không biết liệu thông tin này có liên quan hay không, hoặc nếu có liên quan, thì chúng tôi sẽ dùng nó như thế nào khi thời điểm thích hợp, nhưng đó là thông tin quan trọng đối với ông, và ông muốn chứng cứ. Trong những lá thư hoặc các buổi giảng đạo đó - khi Mục sư Asa hoặc một giáo dân đề nghị cầu nguyện cho người ốm hoặc người gặp khó khăn - biết đâu sẽ có gợi ý về một chứng bệnh nào đấy mà Charlotte giấu mẹ tôi.

Stephen cũng thắng thỉnh nguyện này, và Patty dành một kì cuối tuần trong tháng Tám để nghe những cuộn băng của Asa Bedford - người theo trào lưu chính thống sôi nổi - và của giáo đoàn ông ta.

Tiếp theo là những cuộc thương lượng biện hộ, dù hai phía luôn có khoảng cách quá xa đến độ trông như chuyện thỏa hiệp hoặc ngã giá chưa bao giờ mang tính khả thi. Có lúc Stephen đã thuyết phục được mẹ tôi sẵn sàng nhận có tội với tội bất cẩn gây chết người nếu chính quyền bang đề xuất năm năm hoãn thi hành án. Ý nghĩ mẹ tôi bỏ nghề bà mụ trong năm năm khiến tôi kinh ngạc, nhưng nó nghe có vẻ hợp lý với bố tôi và Stephen, và họ thuyết phục bà chấp nhận điều đó. Tuy nhiên, trước sức ép của Ủy ban

nghề y và sự thúc giục của các bác sĩ sản phụ khoa, chính quyền bang đã không đề nghị hoãn thi hành án.

Nhưng, Bill đề nghị với Stephen rằng chính quyền bang có thể lắng nghe đề xuất chỉ một năm trong tù và sau đó là án treo có thử thách - có thể thêm sáu năm nữa - nếu mẹ tôi sẵn sàng nộp thêm tiền phạt, thực hiện nghĩa vụ công ích, và không bao giờ hành nghề bà mụ nữa.

Tuy nhiên, ngay khi chính quyền bang nhắc lại yêu cầu mẹ tôi phải bỏ nghề bà mụ, các cuộc thương lượng đã sụp đổ không thể tránh khỏi. Vụ việc không thể thu xếp không phải vì nỗi ám ảnh nhà tù mà vì mẹ tôi không sẵn sàng từ bỏ sứ mệnh của bà.

“Anh không hiểu hay sao, Stephen, một người phụ nữ đã chết,” luật sư của chúng tôi nói Bill thường nhắc ông nhớ - cứ như lão đã quên tại sao họ gặp nhau hoặc nói chuyện điện thoại với nhau.

“Tôi không quên điều đó, Bill ạ,” Stephen nói ông thường trả lời như thế, “và thân chủ của tôi cũng đau buồn vì điều đó như bất kì ai. Nhưng thân chủ của tôi không giết bà ấy.”

Đôi khi Bill gợi ý cho Stephen rằng cơn thịnh nộ mà thân chủ của ông đã nghe trong buổi hầu tòa hôm nọ tuyệt đối chẳng là gì so với những điều bà sẽ phải chịu đựng trong suốt thời gian xét xử. Và Stephen nỗ lực hết sức để đảm bảo rằng mẹ tôi hiểu được điều này.

“Bác sĩ là một lũ người buồn cười. Họ không thể chấp thuận để những người không có bằng cấp y khoa đỡ đẻ,” Stephen lặp lại điều này nhiều lần vào mùa hè năm đó, luôn dùng nó như một cách hâm nóng cho lời cảnh báo của ông rằng chính quyền bang sẽ nói những điều thô lỗ đến khó tin về nghề bà mụ và mẹ tôi. Đến ngày lễ Lao động, câu nói “Bác sĩ là một lũ người buồn cười” của ông đã trở thành lời nói đùa thường trực trong nhà chúng tôi, có vẻ như một lời nói đùa tang thương chết chóc khi ngày xét xử cận kề.

Đương nhiên, với tất cả chúng tôi, lời nói đùa đó che giấu cả nỗi sợ hãi lẫn sự giận dữ. Vào tháng bảy, tôi bắt đầu cảm thấy những cơn đau nhói chạy lên dọc lưng bên trái khiến tôi vẫn còn đau đến tận bây giờ, những cơn đau khiến cho việc cưỡi Witch Grass hoặc bơi sông với Tom Corts trở nên hết sức đau đớn. Nhưng trước việc Sibyl Danforth là “bà mẹ đã tiến hành mổ đẻ,” tôi nghĩ mình không thể tin tưởng một ông bác sĩ nào trong mùa hè năm đó, và không muốn gây căng thẳng cho mẹ với việc phải đưa tôi đi khám bác sĩ.

Tôi luôn thích những câu chuyện kết thúc với cảnh bố mẹ ôm các con vào lòng, hoặc dỗ chúng ngủ vào cuối ngày. Có rất nhiều câu chuyện như thế, và nội dung chúng cũng có biến đổi.

Tôi thêm được dỗ đi ngủ vào mùa hè tôi lên mười bốn, một ham muốn lạ lùng chỉ vì tôi đã không thêm điều đó trong ít nhất năm năm trước đó, nhưng là một ham muốn hoàn toàn giải thích được khi tôi nghĩ đến cảnh mất mẹ và sự tan rã của gia đình tôi.

Những buổi chiều ở nhà một mình, tôi thường mở dàn âm thanh to hết mức mà loa và tai tôi có thể chịu nổi. Tôi làm kén trong âm nhạc của mình, sự ồn ào và những xung động âm thanh che chở tôi trước những nỗi sợ khủng khiếp nhất. Nhạc rock chưa bao giờ là cách thức diễn đạt tinh tế, nhưng nó ồn ào và rất gần với nỗi giận dữ. Mùa hè năm đó, ở nhiều góc độ, tôi đã tiến gần hơn đến thiếu nữ thay vì là cô bé; được lạc dưới những con sóng cuồn cuộn và ồn ào đã phần nào thỏa mãn khát khao được dỗ dành vào giấc ngủ.

Tôi dành rất nhiều thời gian bên Tom, nhiều hơn hẳn so với trong năm học. Chúng tôi dành những buổi tối ở bên nhau khi anh trở về từ khu nghỉ mát trượt tuyết, nơi anh đã quay lại làm việc, và trọn những buổi chiều anh được nghỉ. Chúng tôi cùng nhau bơi sông, thường với Sadie Demerest, Rollie McKenna và những chàng trai đi qua cuộc đời chúng tôi mùa hè năm đó. Một con đường chạy dọc theo dòng sông, những người thợ xây và tráng nhựa đường đã tráng xi măng song song với nước, những dòng sông nằm

khuất khỏi con đường do có những bờ dốc trượt xuống sáu mét, và do những rặng phong, rặng thông và tần bì rậm rạp. Vào ngày nóng, có thể có đến ba mươi đứa học sinh chúng tôi sưởi nắng trên những tảng đá nằm giữa sông, hoặc ngụp lặn trong những hồ nước sâu giữa những tảng đá. Vào buổi chiều lạnh lẽo và âm u, có thể chỉ có bốn hoặc năm người chúng tôi, tùy thuộc Rollie và Sadie có đem theo một chàng trai nào với họ ngày hôm đó hay không.

Vào bất cứ lúc nào trong mùa hè năm đó, tôi có thể đang thử chì kẻ mắt với Rollie, hoặc thử cần sa với năm, sáu cô bạn gái ở một nơi ngoài bìa rừng hoặc các góc xa xa của những bãi cỏ hoang, vốn đã trở thành địa điểm được chúng tôi chọn để tụ tập.

Tom bước sang tuổi mười sáu vào đầu tháng tám và bắt đầu lái xe, một việc mà tôi nghĩ làm bố mẹ tôi hoảng sợ cũng như mọi việc khác trong mùa hè năm đó, vì như thế có nghĩa là chúng tôi có thể tự lái xe đến rạp chiếu phim hoặc một trong những nhà hàng gần khu nghỉ mát trượt tuyết. Tom không có xe riêng, nhưng lợi thế của việc xuất thân từ gia đình sở hữu một garage và nghĩa trang xe ô tô chính là anh luôn có một chiếc xe tùy nghi sử dụng. Vài chiếc trông tươi tắn hơn những chiếc khác, nhưng tất cả chúng đều chạy được.

Nếu bố mẹ tôi chưa đạt đến độ mòn mỏi ngóng chờ Tom trở thành con rể của họ một ngày nào đó, thì họ cũng đã chuyển từ chịu đựng anh sang thật lòng quý anh. Khi chúng tôi đã bắt đầu bền chặt trong suốt năm học, trước cả khi Charlotte Bedford chết, anh bắt đầu ghé qua nhà tôi thường xuyên. Thông thường mẹ tôi đang bận với bệnh nhân ở khu vực dành làm phòng làm việc của bà hoặc đang đi đâu đó để đỡ đỡ, và chúng tôi luôn có chút riêng tư để âu yếm nhau và nghe nhạc. Tôi nghĩ việc anh tiếp tục đến nhà tôi ngay cả sau khi Charlotte Bedford chết đã nói lên nhiều điều về chàng trai trẻ Tom Cortis. Vào mùa xuân và mùa hè giữa buổi hầu tòa và phiên xét xử của mẹ tôi, anh đặc biệt năng nổ tới, vì anh hiểu tôi cần anh lẫn vì anh muốn thể hiện sự gắn bó với gia đình tôi. Tôi biết bố mẹ tôi trân trọng điều

đó. Mẹ tôi thậm chí còn nướng một ổ bánh cho anh vào đêm trước sinh nhật mười sáu của anh.

Và thể hiện sự gắn bó của anh với gia đình tôi cho thấy một sự chững chạc và can đảm không nhỏ. Số mệnh của mẹ tôi luôn có khả năng khơi gợi những phản ứng lạ lẫm và mạnh mẽ từ người khác, từ những ông bố bà mẹ không cho con gái họ chơi ở nhà tôi khi tôi còn rất bé vì sợ bà sẽ lừa tất cả chúng tôi đến ca đê, cho đến những đứa bạn mới lớn của tôi, những người cho rằng - thật lạc quan nhưng cũng thật sai lầm - trong các loại thuốc thay thế hoặc thảo dược tân thời mà mẹ tôi thường dùng là cần sa và thuốc phiện. Sau khi một thai phụ của mẹ chết, toàn bộ vòng tròn những cộng đồng nhỏ bé nơi tôi sống - làng tôi, trường tôi, đám bạn tôi - bị phân rẽ. Vài người xem cái chết của Charlotte Bedford như một sự lên án nghề bà mụ nói chung, và như sự vô trách nhiệm của mẹ tôi nói riêng: *Việc này sớm muộn cũng sẽ xảy ra, cháu/cậu biết không*, ánh mắt của họ nói như thế khi họ gặp tôi ở quầy tính tiền trong cửa hàng bách hóa, hoặc trong phòng khóa đồ khi tôi thay quần áo sau buổi tập chạy. Những người khác sẽ ra mặt để thể hiện sự ủng hộ cho gia đình tôi khi chúng tôi chịu đựng điều mà họ xem là một sự lãng mạ. *Các bạn luôn ở trong tâm trí và lời cầu nguyện của chúng tôi*, họ nói với tôi, đôi khi ôm tôi thật chặt tại cửa hàng pizza ở St. Johnsbury hoặc khi tôi giúp gia đình đổ rác ở bãi rác của thị trấn.

Còn nhóm thứ hai, tôi rất tiếc phải nói rằng nhỏ hơn nhóm thứ nhất đáng kể. Tôi trải qua phần lớn thời gian trong năm đó chịu đựng ánh mắt chỉ trích của các giáo viên trợ giảng thể dục, thư kí tòa thị chính, những quý bà xếp hàng tính tiền ở siêu thị, những người bơm xăng, và - rất thường xuyên - bố mẹ của những đứa con gái mà tôi nghĩ là bạn tôi, hoặc bố mẹ của những đứa trẻ mà tôi đã trông giữ. Tôi không thể chứng minh điều này, nhưng tôi thầm tin rằng bà Poultney đã đột ngột ngừng gọi điện cho tôi để trông nom Jessica vào tuần cuối cùng của tháng ba vì vai trò mà bà ấy tin là mẹ tôi đã có trong cái chết của một người phụ nữ khác.

Tuy nhiên, Tom Corts lại chẳng hề nao núng, và thế là vào một số buổi chiều, tôi mơ mộng cảnh anh dỗ tôi ngủ vào cuối ngày, hoặc ngồi trong chiếc ghế bập bênh cạnh giường của tôi cho đến khi tôi yên giấc. Nghĩ lại, những mơ mộng đó đã khiến tôi đôi khi tự hỏi liệu chúng có phải là một nỗ lực để chặn trước chuyện quan hệ tình dục với Tom, nhưng phần lớn thời gian tôi biết rằng sự thật không phải như thế. Mùa hè năm đó, chúng tôi đã vượt quá giới hạn của sự mờ mẫm đầy phấn khích xuyên qua áo ấm và áo len từng xảy ra trong mùa xuân, nhưng Tom không hề gây áp lực buộc tôi ngủ với anh và tôi cũng cảm thấy không thật sự nôn nóng.

Thay vì vậy, tôi nghĩ mình đã mơ mộng cảnh Tom trông chừng tôi như kiểu của một người cha vì tôi không thể được chính bố mình bảo vệ bằng cách đó nữa. Tom vừa bước sang tuổi mười sáu vào mùa hè năm đó, tôi cũng bước sang tuổi mười bốn, và điều đó có nghĩa là tôi không thể được bố ôm ấp vỗ về như cách ông từng làm. Lẽ ra tôi nên dùng từ *kì quặc* vào năm mười bốn tuổi để diễn tả bất kì nỗi ham muốn nào như thế từ phía tôi hoặc sự thể hiện tình cảm từ phía ông, vì tôi biết từ đó là không chính xác. Nhưng sự chính xác với ngôn từ cần thiết là không thể ở tuổi mười bốn, và tôi sợ tôi nói gì cũng sẽ bị hiểu sai - hoặc, tệ hơn, sẽ thể hiện một sự lệch lạc nguy hiểm và bất bình thường bên trong tôi.

Sự thật là, mặc cho nỗi nóng giận bủa vây bố tôi vào những thời điểm ông xem mình như kẻ bị vợ bỏ rơi, ông lại chính là người đã dạy tôi cách chải bộ tóc màu hồng chói của con búp bê quái thú. Chính bố là người đã có mặt vào ngày thứ bảy khi tôi trượt ngã chúi đầu trên một chiếc cầu trượt bằng kim loại xuống cây cọc dựng lều và phải khâu mười bảy mũi trên má. Tôi đã ngồi trên đùi của bố để xem hàng giờ liền chương trình *Phố Vòng*^[16] trên chiếc ti vi nhiễu sóng. Bố tôi thuộc thế hệ chưa thể hiểu rõ tầm quan trọng sâu sắc của những cái ôm siết thường xuyên, nhưng ông vẫn thường quỳ gối để ôm tôi, và tôi vẫn nhớ khi còn bé thường được bố nhắc bổng lên và ôm ấp. Đến ngày nay, tôi vẫn không phiền nếu được một người đàn ông có đôi má phúng phính ôm vào lòng.

Để mừng sinh nhật thứ mười sáu của Tom, tôi dùng số tiền trông trẻ trong nhiều tuần để mua vé đại hội nhạc rock ở Burlington. Chúng tôi đi ngay sau sinh nhật của anh, chỉ hai người để thay đổi không khí, và chúng tôi đã lái xe đi rồi về trong nhiều giờ liền chỉ có hai đứa bên nhau trong chiếc xe Catalina to tướng. Tôi vặn to âm thanh chiếc máy nghe băng cassette tám học nằm đung đưa dưới ngăn để găng tay, rồi ôm hai chân vào sát người. Chiếc Catalina có một ghế sofa kích thước bằng chiếc tủ lạnh của cửa hàng bách hóa, nhưng Tom đang ở cạnh bên và tiếng nhạc rất lớn, chuyển đi đến và về từ Burlington trong chiếc xe đó cho tôi một sự trốn thoát trong hình dạng như bào thai mà tôi đã khao khát.

Nhân tiện chúng tôi đến Burlington, mẹ nhờ chúng tôi gửi một phong bì đến chỗ Stephen Hastings và lấy về một thùng hồ sơ cho bà. Stephen đã giữ những hồ sơ này nhiều tháng, và đã photocopy những tài liệu ông cần.

Mẹ có lẽ đã nghĩ tôi sẽ xem trộm bên trong phong bì, và tôi đã không làm bà thất vọng. Bà gửi lại cho Stephen những bản sao chụp hồ sơ bệnh án của Charlotte Bedford, một phần trong tiền sử bệnh án mà Stephen đã kiến nghị tòa cho xem vào mùa hè năm đó. Mẹ đã viết tay những suy nghĩ của bà bằng bút màu xanh trên một số tài liệu, và vì bây giờ tôi đã là một bác sĩ và phiên tòa đã trôi qua, những gì bà khoanh tròn quả thật có lý. Tuy nhiên khi ở trong xe buổi chiều hôm đó, ghi chú Charlotte từng được điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt năm năm trước chẳng có nhiều ý nghĩa với tôi, cũng như một toa thuốc do bác sĩ ở Mobile, Alabama kê vào năm 1973 cho một loại thuốc mà tôi còn không phát âm được vào lúc ấy: hydrochlorothiazide, một loại thuốc lợi tiểu giá rẻ dùng để kiểm soát chứng cao huyết áp.

Hình như mẹ đã chữa bệnh thiếu máu cho Charlotte trong thời gian cô khám thai ở chỗ bà, nhưng không chữa chứng cao huyết áp; hình như huyết áp của Charlotte không quá cao khiến bà phải cảnh giác. Nhưng dường như Charlotte cũng không nghĩ đến việc báo cho mẹ tôi biết cô từng được chữa trị bệnh này trước đây.

Công ty luật của Stephen gồm hai ngôi nhà với kiến trúc Victoria có cùng đường chạy xe vào nhà ở giáp ranh khu học xá của trường đại học Vermont. Tòa nhà nằm trên khu đồi của Burlington, những con đường kiểu cách, trang nhã, hai bên là hai hàng cây thẳng tắp, từ trên đỉnh đồi nhìn xuống khu thương mại của thành phố. Vào thế kỉ mười chín, khi Burlington còn là một cảng phát đạt của vùng hồ Champlain, chuyên khai thác khoáng sản potash và gỗ, những thương gia giàu có và doanh nhân thành đạt đã xây nhà cho gia đình trên đồi, phía trên khu dân cư thành phố.

Chúng tôi không nghĩ sẽ gặp Stephen khi đến nơi. Tôi cứ nghĩ sẽ gửi chiếc phong bì ở chỗ tiếp tân, lấy thùng tài liệu, rồi đi. Nhưng sau khi tôi xưng tên với cô gái ở bàn tiếp tân, cô ấy nói Stephen sẽ rất thất vọng nếu không có dịp ra ngoài và chào tôi. Cô nói ông đang họp với một nhà điều tra, nhưng cuộc họp đã diễn ra cả buổi chiều rồi. Khi cô đi lên lầu để tìm ông, tôi quay trở lại xe bảo Tom cùng vào để anh không phải ngồi đợi một mình, bị nướng chín dưới nắng mặt trời mà không biết tôi ở đâu.

Stephen đang họp với Patty Dunlevy, và cả hai đi ra để đón tôi, Stephen mặc một bộ complet màu xanh nước biển bảnh bao, còn Patty mang dép xăng đan và mặc một kiểu đầm bohemian viền ren mà tôi thường thấy ở những bà mẹ bạn của mẹ. Có vẻ lạ khi người phụ nữ tôi gặp lần đầu đeo kính mát, mặc áo khoác da màu đen, lại diện một chiếc áo đầm rộng thùng thình chẳng một tẹo nào, và tôi hẳn đã nhìn cô rất chăm chú. Patty huých cùi chỏ tôi về bí ẩn, chỉ vào chiếc đầm và nói, “Chiếc đầm này trông kinh quá nhỉ? Cô mua ở một cửa hàng đồ cũ tại North End đấy. Nhưng cô đã dành nhiều buổi sáng gặp thêm một số bệnh nhân của mẹ cháu, vì thế cô nghĩ mình nên ăn mặc giống như trong hội.”

“Trong hội?” tôi hỏi.

“Cháu biết đấy, kiểu sinh đẻ tại nhà ấy mà. Hòa bình, tình yêu, nhuộm màu xoăn ốc. Thuốc thay thế. Hãy trao đổi hàng hóa vì tôi hết tiền rồi. Tôi không trả tiền được cho chị, nhưng chồng tôi là thợ mộc, anh ấy sẽ đóng

cho chị chiếc kệ sách tuyệt vời nhất mà chị từng thấy nếu chị đỡ đẽ cho tôi.”

Cô nói nhanh, và giọng nói của cô đầy vẻ mãn nguyện.

“Cô nên làm diễn viên mới phải,” Stephen nói.

“Ông anh ơi, thì tôi là diễn viên đây.”

Stephen dẫn chúng tôi đi tham quan một vòng tòa nhà, và đã có nhiều lúc tôi hi vọng tìm thấy những đoạn dây nhung phong tỏa quanh vài chiếc bàn hàng trăm năm tuổi bóng loáng và những chiếc tủ gỗ giờ đây được dùng để chứa hồ sơ: Tôi hi vọng được nghe kể, “George Washington từng ngồi ở đây,” hoặc “Ethan Allen từng ăn ở đó.” Những chiếc trường kỷ rất trang nhã nhưng êm ái: tôi có thể ngủ ngon trên chúng. Những chiếc ghế sau bàn làm việc đều bọc da; tất cả những cây bút trên sổ sách đều bằng bạc hoặc vàng. Thời đó máy vi tính chưa phổ biến, vậy mà dường như chúng có mặt khắp nơi trong tòa nhà.

Cuối cùng chúng tôi đi ngang qua khu vực hội họp mà Patty và Stephen vừa làm việc khi này. Tôi không nghĩ ông định cho chúng tôi xem bên trong, nhưng tôi đã không nhận ra điều này vào lúc đó; hai người lớn ở sau chúng tôi một bước, và theo cách ngớ ngẩn mười bốn tuổi của mình, tôi đã dò dẫm đi vào căn phòng tối đóng panô, với Tom ở ngay sau lưng tôi. Được thắp sáng bằng một chiếc đèn chùm với những hình cầu to bằng quả nho, khu vực này trông như từng là hai phòng ngủ riêng biệt. Có một chiếc bàn dài và rộng nằm giữa phòng, chôn dưới hàng đồng hồ ghi chép luật pháp, những thùng hồ sơ, và những tập hợp bài báo. Các bức tường dán giấy ghi chú trắng, trên đó Stephen và Patty đã viết những ghi chú và những cái tên bằng bút Magic Marker. Hẳn phải có đến hai hoặc ba chục tờ giấy như thế treo trên tường bằng những dải băng dính dày.

Trước khi Stephen và Patty kịp giải thích với chúng tôi họ đang làm gì hoặc dẫn Tom và tôi trở lại hành lang, những chữ, cụm từ và tên của những

người tôi biết đã hiện ra lồ lộ trước mặt tôi trên tường. Tôi nhận ra một trang chứa đầy tên các bà mẹ, một trang khác là tên các gia đình có con do mẹ tôi đỡ đẻ. Có một trang đầy tên bác sĩ, và một trang cạnh đó chỉ có một cái tên: bác sĩ dự bị của mẹ tôi, Brian “B.P.” Hewitt. Có một trang tiêu đề “Nhà nghiên cứu bệnh học,” và một trang khác với từ nghe lạ lùng và có điềm xấu “thần kinh mê tẩu”. Và dù thoát đầu tôi nghĩ đó có thể là từ viết tắt hoặc rút ngắn của từ *âm đạo*^[17] nhưng một số từ bên dưới nó - tim nhịp chậm, ngắt, hô hấp nhân tạo, mổ đẻ - khiến tôi kết luận rằng nó không phải.

“Connie, nhớ giữ kín những điều này, nhé?” Stephen đột ngột nói, khi ông nhận ra tôi đang dán mắt đọc chúng.

“Ồ, chắc chắn rồi.”

Rồi nhanh chóng và thản nhiên như thể Tom và tôi đã bước vào nhầm phòng, ông lừa chúng tôi ra, nói với chúng tôi, “Nhà bếp ở dưới. Thật tuyệt khi làm việc ở nơi có nhà bếp. Hiểu ý tôi không?”

Sau khi mẹ tôi mổ lấy thai xong, bà tỉ mỉ khâu lại vết thương cho Charlotte Bedford. Điều này luôn gây ấn tượng với tôi. Nhưng trong nhật kí của mẹ, đặc biệt là trong những bài viết dài bà đã viết nhiều tuần sau khi Charlotte chết, khi bà cố tìm hiểu điều gì đã xảy ra, chỉ có một câu về khoảnh khắc ấy trong toàn bộ bi kịch:

“Cơ thể cô ấy quá to không thể quần trong một chiếc chăn, vì thế tôi đã khâu nó lại ở mức tốt nhất có thể.”

Được viết cách xa, độc lập với những phần còn lại của quyển nhật kí, câu văn đó dường như có vẻ kì quặc: không phi lý cũng không điên rồ, nhưng khá kì lạ. Như thể mẹ tôi đã làm rõ một sự liên hệ nào đấy mà chỉ có bà mới hiểu. Như thể một mối liên kết hoặc một mệnh đề giữa chiếc chăn và đường khâu đã bị mất.

Mối liên hệ xuất hiện ở một bài viết trong quyển nhật kí được viết gần ba năm trước, một bài viết về những bố mẹ khác và một ca sinh khác:

Con của họ đã chết lúc ra đời, và cái vật cực kì đáng thương đó là sinh vật dị dạng nhất mà tôi từng thấy. Ruột của cậu bé nằm ở bên ngoài. Nhưng đương nhiên bố mẹ cậu muốn nhìn mặt con. Vì vậy tôi quấn cậu bé trong chiếc chăn sơ sinh mà một người dì của cậu đã may, bao kín cậu từ chân lên đến mũi - nếu mọi thứ còn lại không quá xấu xí - cậu bé cũng mất một nửa hàm dưới. Tôi đã không khóc khi đỡ cậu bé, vì tôi đã biết trong vài giờ rằng cậu sẽ chết trước khi chào đời, nhưng tôi đã khóc khi quấn cậu lại và đưa cậu cho bố mẹ xem. Trông cậu thật bình an và thật hạnh phúc. Bỗng nhiên tôi rơi nước mắt.

Một lúc nào đó sau khi mẹ tôi đỡ đẻ Veil, bà quay lại thi thể của Charlotte. Bà không quay lại ngay, vì trước tiên bà phải chăm sóc đứa bé, ban đầu chỉ là một vật tái nhợt, mềm rũ trông như sắp chết. Bà phải, như một số bà mụ nói, “làm mạnh tay với đứa bé.” Xoa cật lực lưng đứa trẻ mới sinh, hút nước nhầy, đánh vào lòng bàn chân nó. Hút thêm nhiều nước nhầy. Nói chuyện với cậu bé, bảo bố cậu nói chuyện với cậu.

Tôi tưởng tượng mẹ bảo Mục sư Asa, “Hãy nói gì đi. Nó cần nghe giọng nói của ông! Hãy nói chuyện với nó!” Tuy nhiên, cả Mục sư Asa lẫn Anne đều không đề cập đến cuộc nói chuyện này trong những buổi lấy lời khai hoặc trong phiên tòa, và mẹ cũng không bao giờ kể với tôi chuyện này.

Dẫu vậy, rõ ràng là trong những phút đầu tiên sau khi Veil chào đời, mẹ tôi đã chỉ tập trung vào việc làm cho đứa bé thở. Rõ ràng bà đã thành công.

Và khi biết rõ đứa bé sẽ sống, bà giao Veil cho bố nó và bắt đầu chăm sóc ông. Bà ôm ông, lúc đầu vừa đứng vừa ôm, sau đó vừa ngồi vừa ôm. Hai người lớn - với đứa bé trong vòng tay cha - ngồi trượt xuống bức tường cạnh cửa sổ cho đến khi chạm đất, lưng tựa vào miếng ván ở chân tường. Đôi tay mẹ không bao giờ buông ra khỏi người vị mục sư.

Anne nói cô nghe mẹ tôi bảo Mục sư Asa hết lần này đến lần khác rằng đứa bé thật xinh đẹp, và có thể đã nói một vài lần, “Ổn cả rồi. Shhhh. Ổn cả rồi.”

Mục sư Asa khóc, đôi vai ông rung rung khi ông hít vào giữa những cơn nước nở.

Và vào một thời điểm nào đó ở trên giường, cơ thể của Charlotte ngừng chảy máu. Khi cuộc khám nghiệm tử thi được tiến hành, chuyên gia pháp y chỉ tìm thấy khoảng bảy trăm năm mươi mililit máu trong ổ bụng. Hãy hình dung như đó là hơn hai chai sữa một tẹo. Đồng thời có những cơn sóng máu không thể đo được trào ra từ vết rạch - và tuôn chảy từ bên trong bụng - lên trên giường, thấm ướt những tấm trải, nệm, và chiếc gối mẹ tôi đã dùng như miếng bọt biển, cho đến khi ga giường màu trắng trông như màu đỏ rượu vang.

Khi mẹ tôi cuối cùng đứng dậy và quay trở lại chiếc giường cùng thi thể nằm trên đó, không ai xem đồng hồ đeo tay hoặc đồng hồ treo tường bên trên chiếc tủ đầu giường. Nhưng căn cứ trên sự nhất trí của Mục sư Asa, Anne và mẹ tôi rằng lúc sự cố xảy ra là mười giờ sáu phút - khi cằm của Charlotte giật ngược lên lúc cô rặn, và Mục sư Asa nhìn thấy tròng mắt của vợ mình đảo vào trong đầu - mọi người đều đồng ý rằng khi mẹ tôi đứng rất lâu lấy tay xoa sau cổ và nhìn xuống thân hình kinh hoàng của Charlotte, thời gian có thể là trong khoảng bảy giờ kém hai mươi đến bảy giờ kém mười lăm.

Nếu tôi diễn giải đúng ghi chú của mẹ tôi trong nhật kí, thì ý nghĩ chỉ cần quấn thi thể trong một chiếc chăn đã lướt qua đầu mẹ tôi. Có thể ban đầu bà đã đắp da lên trên vết thương. Có thể không. Nhưng bà muốn che thi thể lại; bà không muốn để nó trần trụi, lạnh lẽo và toang hoác như thế.

Nhưng trong tâm trí của mẹ tôi, thi thể đó quá to không thể quấn lại được, vì thế bà phải chỉnh sửa nó. Có vài chiếc khăn gấp gọn gàng đặt trên một chiếc ghế ở góc phòng, và mẹ tôi đã lấy một chiếc để thấm khô vùng xung quanh vết rạch. Vấn đề tiết trùng không còn quan trọng nữa. Sau đó bà đặt khăn lên một góc nệm ở chân giường và đi đến túi đồ nghề để lấy dây ruột mèo khâu vết mổ. Cây nhíp. Cây kim uốn cong và đồ giữ kim.

Rồi bà bắt tay vào việc. May vết thương cần đến ba gói chỉ khâu không tan.

Khi chuyên gia pháp y làm chứng, ông ta nói rằng mẹ tôi đã không quan tâm đến việc khâu lại vết thương trên đường tiểu; bà đã không khâu lại vị trí nơi bà mở tử cung ra. Ông không trình bày thông tin này như một dấu hiệu cho thấy vết khâu của mẹ kém, hoặc để trình bày ý nghĩ rằng bà không tôn trọng người chết. Ngược lại, ông nói đường khâu của mẹ tôi rất “chuyên nghiệp và chặt. Việc bà đã làm là hoàn toàn thành thạo.”

Quan điểm của ông - quan điểm của chính quyền bang - chỉ đơn giản là mẹ tôi đã không nỗ lực cứu Charlotte khi bà khâu thi thể cô ấy lại; bà hiểu Charlotte đã chết. Với quan điểm đó, mẹ tôi chỉ quan tâm đến vấn đề thẩm mỹ.

Khi mẹ tôi cung khai, Stephen đã hỏi bà tại sao lại bận tâm khâu lại cơ thể mà bà biết rằng đã chết.

“Tôi không thể để cô ấy như thế,” mẹ tôi nói. “Như thế thật không phải với cô ấy, và không phải với gia đình cô ấy.”

“Gia đình cô ấy?” Stephen hỏi, chờ cho mẹ tôi làm rõ ý là chồng của Charlotte, hoặc, có thể là, chồng của Charlotte và gia đình cô ở miền Nam.

“Asa và Veil,” mẹ tôi đáp, mở đầu cho một trong nhiều cuộc hỏi đáp giữa hai người, trong đó Stephen nghĩ ông biết chính xác mẹ tôi định nói gì, còn mẹ tôi thì cho rằng dù bà có định nói gì, chúng đều vô hại. Đôi khi bà đúng, đôi khi bà đã sai.

“Nhưng chủ yếu là Veil. Chúng ta đến với cuộc đời này như thế nào có ý nghĩa nhiều hơn so với những gì mà chúng ta hiểu,” mẹ tôi nói tiếp. “Vì thế tôi muốn đảm bảo rằng Veil nhìn thấy mẹ nó: Tôi muốn đảm bảo rằng cậu bé đem theo một hình ảnh với mình suốt cuộc đời rằng khuôn mặt mẹ cậu mới đáng yêu, xinh đẹp và bình an nhường nào - bình an một cách khó tin. Ngay cả vào lúc đó. Ngay cả sau tất cả những gì mà cô ấy đã trải qua. Ngay cả vào khoảnh khắc cuối cùng đó.”

Phần ba

14

Stephen và Rand muốn tôi “nạp nhiên liệu.” “Lên dây cót.” “Chuẩn bị tinh thần.” Họ muốn tôi sẵn sàng cho một cuộc chiến.

Tôi nghĩ họ nói như thế vì lúc đó đang vào mùa bóng bầu dục, và chúng tôi nghe những khẩu hiệu ấy suốt ngày. Nhưng chúng thật lạ khi phát ra từ Rand, vì anh chẳng bao giờ thật sự đam mê bóng bầu dục. Giống như tôi, anh luôn xem đó là một loại hình bạo lực có tổ chức vô cùng quái đản.

Nhưng anh là đàn ông, vì thế tôi nghĩ đó là kiểu nói duy nhất anh có để truyền cảm hứng cho tôi; đó là những từ duy nhất mà anh biết.

Dĩ nhiên, môn thể thao này bỗng có mặt ở khắp nơi. Ít nhất thì trông có vẻ là như thế ở khu vực này của hạt. Đội bóng bầu dục của trường Connie đã thắng ba trận đầu tiên trong mùa thu năm nay, điều này sẽ chẳng có gì to tát ở một số khu vực khác, nhưng nó xảy ra ở đây. Ai đó đã nói với tôi rằng đây là đội chưa bao giờ thắng, vậy mà đột nhiên họ thắng ba trận liên tiếp, mà lại thắng vang dội nữa. Tôi cho rằng những chiến thắng thường rất thiên vị.

Stephen khá hơn một chút ở khoản “Hãy chuẩn bị tinh thần!”, có lẽ vì anh ấy thường xuyên gặp những người lo sợ như tôi. Đó là một phần trong công việc kiếm sống của anh. Anh ấy phải giữ cho tôi không suy sụp, và do đó anh dường như biết nên gây sức ép đến đâu với tôi khi đặt các câu hỏi lúc chúng tôi ở cạnh nhau, và chính xác lúc nào thì nên lùi lại và cho tôi ít không gian.

Anh ấy cũng khéo bắt chước. Đó không phải là từ chính xác, vì nói thế thì hóa ra anh giống con vẹt hay con khỉ. Hoặc một kiểu nghệ sĩ mua vui nào đấy. Ý tôi là rõ ràng anh lắng nghe tôi rất chăm chú, mà không chỉ nghe

những gì tôi nói: Anh lắng nghe cách tôi nói chuyện, chính xác những từ tôi sử dụng. Và rồi, vài phút sau, tôi sẽ nghe anh lặp lại một từ hoặc một cách diễn đạt.

Sáng nay tôi ở phòng làm việc của anh ấy, và tôi đang giải thích với anh những suy nghĩ của tôi về giai đoạn chuyển dạ đầu tiên. Tôi nói với anh mỗi đợt dâng trào có tiềm năng thay đổi một người mẹ như thế nào, và cuối cùng một đợt dâng trào sẽ làm được điều đó. Tôi nói với anh một người phụ nữ ở giai đoạn đó có thể biến từ một người vô cùng trầm tĩnh trước mọi thứ xung quanh mình thành một con vật điên cuồng không còn nhận thức được gì ngoài thực tế cơ thể mình. Những cơn dâng trào của mình. Cách cơ thể mình thay đổi. Đó là một phần của quá trình sinh đẻ, sự từ bỏ mọi thứ - và ý tôi là mọi thứ - ngoại trừ duy nhất đòi hỏi được đẻ. Tôi nói cơ thể người phụ nữ biết nó đang làm gì, và cô ấy chỉ cần để nó làm điều đó.

Có lẽ khoảng mười, mười lăm phút sau, chúng tôi đang nói về một bác sĩ sản phụ khoa thực sự có niềm tin vào sinh đẻ tại nhà - tất nhiên ông ấy không hành nghề ở gần Reddington, đòi hỏi như thế thì thật quá đáng - và ông ấy sẽ nói gì trước tòa. Rồi Stephen nói với tôi, “Ông ta là người vô cùng trầm tĩnh. Chị sẽ thích ông ta.” Và rồi, vài phút sau, khi chúng tôi đang nói về thời gian anh dành ra để nghiên cứu vụ kiện của tôi, anh nói, “Tôi đã làm việc này quá thường xuyên đến nỗi bản năng có thể mách bảo cần đào sâu vào một vấn đề đến mức nào, và khi nào thì nên từ bỏ một việc gì đó. Đó chỉ là một phần trong công việc của tôi mà thôi.”

Có phải Stephen cố tình làm thế? Tôi chẳng thể nào biết được. Nhưng tôi thích như vậy, nó làm tôi cảm thấy dễ chịu. Và nó dễ chịu hơn rất nhiều so với những câu khẩu hiệu bóng bầu dục, cách nói mà - giống như Rand - anh ấy thỉnh thoảng lại dùng đến, nhất là khi giờ đây phiên tòa sắp bắt đầu và anh sợ rằng tôi chưa “lên đủ dây cót”.

Tôi muốn nói với anh ấy - tôi muốn nói với cả anh ấy và Rand - rằng thật khó “lên dây cót” khi phần lớn thời gian tôi quá bận bịu với việc sợ hãi

phát khiếp. Nhưng tôi nghĩ nếu tôi nói ra, họ sẽ còn lo lắng cho tôi hơn trước gặp bội, và cố gắng “nạp nhiên liệu” cho tôi. Giúp tôi sẵn sàng chiến đấu hoặc phản công hoặc làm bất kì việc gì mà các cầu thủ bóng bầu dục làm.

Và lại, tôi nghĩ nếu tôi nói với họ rằng tôi sợ biết nhường nào, thì tôi sẽ trút hết nỗi lòng của mình. Đột nhiên tôi sẽ kể với họ rằng tôi sợ mình sẽ vào tù. Tôi sợ mình sẽ phải bỏ nghề. Và - và nỗi sợ này đã không quá lớn trong mùa xuân, nó chỉ mới khiến tôi sờn gai ốc trong một tháng qua - đôi khi tôi sợ rằng mình có lẽ đã phạm sai lầm vào tháng ba. Có thể lắm. Nếu Charlotte Bedford quả thật đã còn sống thì sao?

trích nhật kí bà mụ Sibyl Danforth

NEWPORT NẴM Ở MŨI CỰC NAM của hồ Memphremagog, một hồ nước hẹp, lạnh lẽo, kéo dài bốn mươi tám cây số từ Bắc xuống Nam. Có lẽ một phần ba hồ nằm trong địa phận nước Mỹ, phần còn lại nằm ở phía Bắc biên giới, ở Canada.

Trước khi phiên tòa của mẹ bắt đầu, tôi ghét cái hồ đó. Đến khi phiên tòa kết thúc, tôi căm thù nó.

Có vài lý do hiển nhiên để một đứa bé ghét nó. Nó thật khó đánh vần và phát âm. Bây giờ thì tôi đã biết tên hồ trong tiếng Abenaki^[18] có nghĩa là “hồ nước đẹp”, nhưng ở trường, nó chỉ là một chuỗi kí tự dài ngoằng, khó hiểu và khó chịu.

Tuy thế, ngay cả khi đã lớn, ngay cả khi tôi không còn sợ hãi trước ngữ âm của từ đó, tôi vẫn không thích cái hồ. Nó luôn trông như kiểu hồ thích nuốt chửng người bơi và những chiếc thuyền nhỏ. Trong một vài lần tôi được đưa đến đây để bơi cùng lũ bạn, nước hồ luôn có vẻ như lạnh hơn những hồ lân cận - đặc biệt là những nơi nhỏ bé mời gọi như hồ Crystal hoặc Echo - và dòng chảy của nó cũng nguy hiểm hơn.

Và tôi nghĩ mặt hồ chưa bao giờ thôi dậy sóng.

Cũng có nhiều thần thoại về hồ Memphremagog, một số kể về một con thần lẩn không lồ đáng sợ hơn rất nhiều so với con quái vật hiền lành mà có người nói là bơi trong hồ Champlain, số khác lại kể về một thứ đặc biệt rừng rợn có thể sống thoải mái trên bờ lẩn dưới lòng nước tối tăm, và có thể biến dạng thành con mồi của nó: cá hoặc chó hoặc nai con. Đó là cách nó giết các con vật đó. Dù tôi không bao giờ tin vào những chuyện kiểu này, nhưng tôi đã hăm sâu trong đầu suy nghĩ rằng cái hồ là một nơi chốn không vui mà tôi chẳng muốn dính dáng đến.

Tuy nhiên, phần lớn mọi người lại không giống tôi; phần lớn mọi người rất ngưỡng mộ hồ Memphremagog. Và phần lớn những người dành bất kì phút nào trong Tòa án hạt Orleans đều rất hài lòng khi thành phố Newport tiếp giáp với cái hồ ở vị trí đó. Tòa án nằm trên đường Main Street, tọa lạc ở đỉnh dốc, còn phòng xử án nằm ở tầng ba, tức là tầng cao nhất của tòa nhà hình hộp xây bằng đá và gạch có tuổi đời một thế kỉ. Phòng xử án có ba chiếc cửa sổ to vật vờ nhìn ra hồ, cách đây chỉ ba tòa nhà về phía Bắc. Các bồi thẩm viên được dành cho tầm nhìn toàn cảnh mặt hồ, cũng như hình thù và đỉnh các ngọn núi Owl's Head và Bear ở phía xa. Tôi mừng tượng trong những phiên xử ít quan trọng hoặc ít nổi tiếng hơn phiên xử mẹ tôi, các bồi thẩm viên đã ngắm nhìn mặt nước hồ đến riu cả mắt.

Dẫu vậy, ngay cả trong phiên xử mẹ tôi, bồi thẩm đoàn lại thỉnh thoảng dùng hồ Memphremagog như một nơi để tập trung khi họ muốn lãng tránh ánh mắt của mẹ tôi, hoặc khi một vật chứng cực kì rừng rợn được trình ra. Với tôi, đây chỉ là một lý do nữa để ghét cái hồ.

Là bị cáo, mẹ tôi có tầm nhìn tuyệt vời về hướng mặt hồ: Bà và Stephen ngồi chung một bàn cạnh cửa sổ, và Stephen luôn chọn chỗ ngồi về phía giữa phòng xử án để có thể đứng lên và đi đi lại lại mà không cần phải leo qua người mẹ tôi hoặc thu hút sự chú ý không cần thiết về phía bà. Là con gái của bị cáo, tôi ngồi ở băng ghế đầu tiên - băng ghế ngay sau lưng bà - đồng nghĩa với việc cái hồ cũng là một sự hiện diện không thể tránh khỏi và không thể thoát trong mắt tôi. Ngay cả khi bố tôi chọn “chỗ ngồi cửa sổ”,

bóng hồ vẫn hiển hiện trước mắt tôi: Cửa sổ vừa cao, vừa rộng, lại vừa sạch như thể cơ mà.

May mắn là mẹ không có cùng quan điểm với tôi về hồ Memphremagog. Nhận ra cách truyền thông tiếp cận phiên tòa và vai trò của hình ảnh trong lịch sử truyền thông, bà đã nói một điều với bố, Stephen và tôi vào một buổi tối khi chúng tôi rời khỏi phòng xử án, cho thấy trong tâm trí bà, cái hồ không chỉ là một chứng nhân công bằng trước những sự kiện diễn ra ở tầng ba của một tòa nhà cách bờ nó chỉ vài dãy nhà, mà thực ra còn là đồng minh của bà. Trời đã xế chiều khi chúng tôi đi đến xe của mình, nhưng mặt trời vẫn chưa lặn. Lúc đó có lẽ gần năm giờ rưỡi.

“Nhìn xem cô ta đang đứng ở đâu kia,” mẹ tôi nói, chỉ về phóng viên của chi nhánh đài CBS tại Burlington, lúc bấy giờ đang nói trước ống kính máy quay phim, “và nhìn xem hậu cảnh sẽ là gì. Tất cả họ đều đứng ở đấy. Mọi người có nhận thấy không? Ngày này qua ngày khác, từng người trong số họ. Kể cả cô phóng viên từ đài Boston chỉ đến đây một buổi chiều. Chuyện này thật đáng chú ý đúng không? Tất cả họ đều đứng ngay đó.”

Chúng tôi đã không chú ý điều đó - ít nhất tôi đã không chú ý - nhưng chúng tôi đều hiểu ngay lập tức mẹ muốn nói gì: Người phụ nữ nọ đang đứng bên kia đường, đối diện với tòa án, thay vì trước tòa nhà, hoặc trên bậc tam cấp tòa nhà. Một ai đó - chính cô phóng viên, hoặc người quay phim - hình như đã quyết định chọn hồ nước làm phong nền thay vì Tòa án hạt Orleans.

“Ai không có mặt ở đây khi nghĩ về việc này sẽ nghĩ đến hồ nước,” mẹ tôi nói tiếp, “những người thấy nó trên ti vi. Ngày mai hoặc tuần sau hoặc bất kể khi nào, đó là điều họ sẽ nhớ khi họ hình dung toàn bộ chuyện này. Cái hồ đó. Cái hồ tuyệt diệu và bí ẩn đó.”

Mọi hi vọng của Stephen về một phiên tòa không bắt đầu trước Giáng sinh đã bốc hơi khi kì nghỉ cuối tuần Lễ Lao động^[19] cận kề. Tất cả chúng tôi đều biết đó sẽ là một phiên tòa mùa thu. Và chỉ hai ngày sau Lễ Lao động,

ngày thứ tư đầu tiên của tháng chín, chúng tôi được thông báo chính thức về ngày diễn ra phiên tòa. Nó sẽ bắt đầu vào thứ hai, ngày 29 tháng chín, và Stephen nghĩ nó sẽ kéo dài ít nhất hai tuần. Có thể là ba tuần.

Trong suốt mùa hè nóng bức, khô cằn quen thuộc đó - một tháng bảy khiến hoa lá héo tàn, ngô khoai còi cọc, và một tháng tám làm cạn khô nhiều giếng nước của hàng xóm chúng tôi - vụ kiện chưa bao giờ mất điều mà Stephen từng nhắc đến khi ở cạnh mẹ tôi là “năng lượng của bên công tố.”

Khi mùa thu đến, người tên là Tanner dường như điên dại hơn bao giờ hết, thích thú tra tấn tinh thần mẹ tôi lần truy tố bà. Và dù ngẫm lại, tôi biết đây chẳng qua chỉ là định kiến của một cô bé mới lớn không hiểu “sự cung khai” chỉ là một thuật ngữ của luật sư để chỉ sự quấy rối được tòa cho phép, hoặc những cách mà cả bên bị lẫn bên nguyên dùng những lần ra tòa làm đối trọng để thu hút sự chú ý trước phiên tòa, tôi biết sự ngờ vực của tôi ít nhiều có lý: Bill Tanner thật sự rất lộng lộn, Bill Tanner thật sự rất khát máu.

Cả Tanner lẫn thuộc hạ của lão ta đều không tin rằng mẹ tôi đã khước từ lời đề nghị của chính quyền bang về một năm tù giam (mà bà có thể chỉ thụ án sáu hoặc bảy tháng) và sáu năm tù treo để đổi lấy lời nhận có tội trước tội danh bất cẩn gây chết người. Nếu sáu năm tù treo nghe chừng khá dài, họ vẫn nghĩ đó là một đề nghị cực kì cao thượng và khoan hồng: Tuy Charlotte Bedford đã chết, mẹ tôi vẫn chỉ đi tù nửa năm mà thôi. Đúng, bà sẽ phải bỏ nghề bà mụ, nhưng đối với họ, đó là một cái giá nhỏ nhoi. Không có đề nghị nào tốt hơn thế này, họ hẳn đã nghĩ như thế; không có một thỏa thuận nào tử tế hơn.

Trong khi đó, khi tin đồn về đề xuất của Tanner lan truyền trong giới y khoa, nhiều bác sĩ - đặc biệt là bác sĩ sản khoa - đã giận điên người. Giận bầm gan tím ruột. Ý nghĩ về một bà mụ hippie đã giết chết một người phụ nữ bằng một ca mổ lấy thai trong phòng ngủ (và trong bài công kích của họ, đây thực sự là một bối cảnh quan trọng) mà chỉ phải ở tù có vài tháng đã

khiến nhiều bác sĩ nổi trận lôi đình. Tôi có cảm tưởng một vài người trong số họ dành thời gian để viết bài xã luận hoặc thư từ gửi đến báo chí còn nhiều hơn cả cho việc hành nghề y, và Stephen bắt đầu gọi Ủy ban nghề y là “Các nữ thần trả thù,” một cách liên tưởng vắn tắt mà cả tôi cũng hiểu.

Nghĩ lại, tôi vẫn thấy ngạc nhiên khi có quá nhiều bác sĩ rõ ràng chẳng hề màng đến lời khuyên của chính họ về cách tránh căng thẳng.

Từ cửa sổ phòng ngủ bố mẹ tôi, chỗ nhìn ra sân sau và thấy được núi Chittenden ở xa xa, tôi đã quan sát mẹ tôi và Stephen ngồi lọt thỏm trong hai chiếc ghế Adirondack^[20] ở góc bãi cỏ cạnh mái hiên. Họ đã dịch chuyển ghế để có thể ngồi cạnh nhau và nhìn thấy mặt trời lặn qua làn không khí mùa thu ẩm ướt.

“Xinh đẹp có thể là một bất lợi trước bồi thẩm đoàn,” Stephen đang nói, ông duỗi chân ra, luồn bàn chân xuyên qua lớp lá trên mặt đất.

“Anh suy nghĩ nhiều quá đấy. Anh toàn suy nghĩ về những chuyện trời ơi đất hời mà thôi.”

“Đó là nghề của tôi mà.”

“Ái chà, tôi nghĩ chúng ta không cần phải lo rằng tôi quá đẹp đến mức đẩy chúng ta vào thế bất lợi.”

“Đó sẽ là một yếu tố trong quá trình thẩm tra sơ khởi^[21]. Ý tôi là vậy.”

“Quá trình gì?”

“Quá trình chọn lọc bồi thẩm đoàn.”

“Đầu óc của anh suy nghĩ kiểu gì thế. Thật là không thể tin nổi.”

“Tôi hi vọng đó là một lời khen.”

“Tôi không biết. Tôi chỉ thấy nó thật khó tin.”

“Đầu óc tôi ư?”

“Quá trình này. Chính ý nghĩ rằng vì anh nghĩ tôi đẹp...”

“Là ý nghĩ rằng bởi thẩm đoán sẽ nghĩ chị đẹp. Tôi nghĩ gì chẳng liên quan.”

“Ha!”

“Họ sẽ nghĩ như thế, Sibyl ạ. Chị là một người phụ nữ đẹp không cần bàn cãi. Không cần bàn cãi. Và đối với một số bởi thẩm viên, nó sẽ là một lợi thế. Với những người khác, nó sẽ là một rắc rối mà chúng ta phải vượt qua.”

Mẹ tôi và Stephen buông thông cánh tay xuống hai bên ghế, những ngón tay của họ chạm vào lớp vỏ vừa chớm ngủ đông và những chiếc lá thu đã bắt đầu khô. Đôi khi đầu ngón tay họ chạm nhau, thỉnh thoảng mu bàn tay họ sượt qua nhau. Tôi tự hỏi liệu họ có đang tận hưởng những giây phút ngắn ngủi khi da họ cọ xát nhau hay không.

“Con định để Connie chứng kiến thật ư?” bà ngoại hỏi mẹ vào một ngày thứ bảy giữa tháng chín, như thể tôi không có mặt ở đó, ăn trưa cùng họ tại bàn ăn trong nhà bếp của chúng tôi.

“Chúng con thật sự sẽ để Connie chứng kiến,” mẹ tôi đáp.

Tôi hình dung khi còn trẻ, bà ngoại là người cực kì khoan dung. Nói gì thì nói, con gái của bà đã bỏ học ở trường Mount Holyoke để chung sống với một người đàn ông lớn tuổi hơn ở Cape Cod, rồi sau đó trải qua một mùa đông với tổ chức Những con báo đen ở Boston. Khi mẹ Sibyl của tôi cuối cùng cũng trở về Vermont, bà đã có thai trước khi cưới, và bà đã làm cả hai việc đó khi còn rất trẻ. Và ngay cả khi đây *từng* là “thập niên sáu mươi” - một bức bình phong cho nhiều hành động quá giới hạn và một cái cớ cho mọi thể loại hành vi phản xã hội - thế nào cũng có người nghĩ rằng hai mẹ con họ sẽ căng thẳng với nhau ở chừng mực nào đấy. Nhưng họ luôn quả quyết rằng chẳng hề có căng thẳng gì sắt, một điểm trong lịch sử gia đình

mà bố nói rằng ông có thể chứng thực từ ít nhất là khoảnh khắc ông bước vào cuộc đời mẹ tôi.

Tuy nhiên, đến khi Charlotte Fugett Bedford chết, bà ngoại tôi đã trở nên bảo thủ hơn. Chồng bà, ông ngoại tôi, đã qua đời mười năm trước, và một thập niên sống một mình đã khiến bà trở nên có phần khó chịu, cảnh giác, và dễ cau mày hoặc bối lung tìm vết. Và, đương nhiên, người đàn bà chứng kiến cô con gái mình ra tòa đã già hơn rất nhiều so với người đàn bà có con gái bỏ học cao đẳng: Bà đã từ tuổi ngũ tuần bước sang tuổi lục tuần, và cũng không thoát khỏi những trăn trở tuổi tác như bất kì ai.

Tuy nhiên, Ngoại tôi - tên tôi gọi bà, ngay từ khi mười bốn tuổi - vẫn là một người phụ nữ ân cần và nhiệt tình suốt lúc tôi trưởng thành. Xu hướng ôm bạn khi gặp của mẹ tôi ít nhất có một phần do di truyền, và tôi sẽ mãi không đánh mất tình yêu dành cho mùi thoảng hương hoa, thoảng chất sát trùng từ keo xịt tóc của Ngoại: mũi tôi ngập ngụa mùi hương ấy mỗi khi ôm bà.

Nói tóm lại, khi rõ ràng các cáo buộc chống lại mẹ tôi chỉ có thể dàn xếp thông qua một phiên tòa, Ngoại đã làm mọi cách để thuyết phục bố mẹ không cho tôi đến phòng xử án. Bà nghĩ đó sẽ là một trải nghiệm để lại ấn tượng xấu, và dù có một vài người tham dự phiên tòa đồng tình với bà - đặc biệt là khi chứng kiến cơn suy sụp tinh thần cuối cùng của tôi - bố mẹ lại biết tôi tha thiết muốn có mặt ở đó. Hơn nữa, tôi nghĩ họ nhận ra rằng nếu để tôi nghe những chi tiết quan trọng qua lời kể lại trong phòng tắm nữ ở trường thì ấn tượng cũng sẽ xấu không kém. Vì thế không quan trọng chuyện tôi sẽ nghỉ học hai (và có lẽ là ba) tuần; không quan trọng chuyện tôi sẽ thấy đủ loại vật chứng đáng sợ; không quan trọng chuyện tôi sẽ nghe người ta nói những điều thật sự khủng khiếp về mẹ tôi, hoặc phải chứng kiến nhiều kiểu nhân chứng trong đủ mọi bộ dạng khóc lóc ở bục.

Dù gì đi nữa, không ai nghĩ Mục sư Asa Bedford sẽ giữ được điềm tĩnh trong suốt quá trình kiện tụng, hoặc Anne Austin sẽ chịu đựng không rơi một giọt nước mắt điều mà Stephen gọi là một cuộc đối chất “tìm và diệt

thẳng tay, bắn tự do, hủy tàn nhẫn”. Và tôi nghĩ khi tháng chín đến, cả bố lẫn Stephen đều bắt đầu tự hỏi mẹ tôi sẽ phản ứng thế nào. Chúng tôi đều nhận thấy bà đã trở nên im lặng và ủ ê - không đến nỗi ảm đạm, chỉ là mệt mỏi vì mất ăn mất ngủ - và họ không ngừng cố gắng vực dậy tinh thần bà theo cách riêng của họ.

Nhưng tất cả những chuyện này chẳng có gì quan trọng, vì bố mẹ tôi hiểu tôi thiết tha muốn tham dự phiên tòa. Tôi cảm thấy mình có trách nhiệm đạo đức phải có mặt; trong suy nghĩ của tôi, sự hiện diện của tôi là cách thể hiện tình đoàn kết quan trọng với mẹ.

Vả lại, Stephen muốn tôi đến đó.

“Stephen nghĩ Connie đây sẽ rất có ích,” mẹ tôi nói với ngoại, và siết nhẹ cánh tay tôi. *Con đừng lo lắng về Ngoại*, cái siết tay đó nói: *Con sẽ đến tòa*.

“Có ích? Có ích thế nào?”

“Connie sẽ là một sự nhắc nhở thường trực cho bồi thẩm đoàn rằng con không phải là một bị cáo vô danh. Con không chỉ là một bà mẹ nào đó. Con là một người mẹ. Con có một đứa con gái, một gia đình.”

Ngoại đã biến những củ cà rốt cuối cùng trong vườn rau của bà thành món rau trộn với nho khô và hạt óc chó, và trong khi lễ ra phải thái cà rốt thành miếng nhỏ, chiếc máy xay của bà có tuổi đời lớn hơn cả tôi, vì thế món rau trộn vẫn còn nhiều khoanh màu cam to tướng. Tôi đã nhìn Ngoại cẩn thận nhai một khoanh như thế trong lúc suy nghĩ về lời giải thích của mẹ, và nhận thấy có một ít đất khô dính trên cổ tay chiếc áo len màu xanh nhạt của bà. Đất từ vườn của bà, tôi nghĩ. Có lẽ bà mới nhổ những củ cà rốt mà chúng tôi đang ăn ngay trong sáng hôm ấy.

Bằng một giọng nghe giấu cợt hơn là nghi ngờ, bối rối hơn là giận dữ, cuối cùng Ngoại nói, “Như thế có nghĩa là họ sẽ khoan hồng?”

“Đây không phải là chuyện khoan hồng!” mẹ tôi đáp trả.

“Thế thì nó là...”

“Con không cần khoan hồng.”

“Vậy thì cậu luật sư ấy của con có ý gì? Tại sao cậu ta lại muốn Connie có mặt ở đây đến thế?”

“Cậu luật sư ấy của con? Mẹ à, mẹ có cần nói như thế không? Nghe thật là khủng khiếp. Cứ như mẹ nghĩ anh ấy là phường lang băm vậy.”

Ngoại thở dài, rồi xoa các đốt bị viêm khớp trên những ngón tay dài. Cả mẹ và tôi đều biết Ngoại không hề nghĩ Stephen là lang băm. Sao bà có thể nghĩ thế? Nếu bà có ý gì đi nữa khi rút ngắn Stephen Hastings thành “cậu luật sư ấy của con,” nếu có bất kì ý gì sau lời nhận xét ấy đi nữa, thì nó có thể chỉ là một nỗi sợ mơ hồ xuất phát từ việc mẹ tôi có vẻ như lên giọng mỗi khi nhắc đến *Stephen*, cách mà từ đó nhuộm hứa hẹn và tô màu hi vọng khi phát ra từ mẹ.

“Mẹ chỉ nghĩ Connie không nên đến đây,” Ngoại nói sau một lúc, đặt hai tay lên đùi. “Nếu con không cần... khoan hồng hay thông cảm hay gì đi nữa, thì mẹ không hiểu tại sao con lại muốn đem một đứa bé mười bốn tuổi vào phòng xử án đó.”

“Việc ấy biến mẹ thành một người có thật,” tôi xen vào, diễn giải một câu mà tôi đã nghe Stephen nói với bố mẹ đầu tuần đó. “Và điều đó khiến cho việc kết tội mẹ trở nên khó khăn hơn. Các thành viên bồi thẩm đoàn không thích kết tội những con người thật, những người có thể là hàng xóm của họ.”

Cả hai người lớn quay sang nhìn tôi.

“Hôm tối thứ tư con không làm bài tập về nhà, phải không?” mẹ nói, mặt làm ra vẻ nghiêm khắc.

“Hôm tối thứ tư con có làm bài tập.”

“Phải rồi, con đã làm bài tập sau khi Stephen về,” mẹ nói. Sau đó bà quay sang ngoại và nói tiếp, “Connie sẽ có mặt với con vì con yêu nó và con muốn nó đến đây - miễn là con bé muốn đến đây. Nó đã đi cùng chúng con một chặng đường xa thế này, có lẽ nó cũng nên nhìn thấy kết cục.”

Tôi giật mình thức giấc giữa đêm vài ngày trước khi phiên tòa diễn ra, và qua tấm van nhiệt trên sàn, tôi nhìn thấy đèn phòng khách bên dưới vẫn sáng. Lúc đó đã gần hai giờ sáng. Thoạt đầu tôi nghĩ bố hoặc mẹ quên tắt đèn trước khi đi lên cầu thang, và tuy họ rất ít khi quên như thế, nhưng đó là khoảng thời gian không bình thường. Tất cả chúng tôi đều có quá nhiều việc phải bận tâm

Tôi lăn người qua một bên, hi vọng sẽ ngủ lại nhanh, nhưng tôi nghĩ đã nghe thấy gì đó trong phòng khách. Một thứ gì đó mơ hồ như tiếng sột soạt, khó nhận thấy như một cơn gió. Một cơn lốc, có thể, xoay tít, cuộn lên từ tầng hầm thông qua khe hở giữa những tấm ván sàn. Có phải những tấm rèm chỉ khẽ rung mình? Hay là ai đó đã thở ra, một sự run rẩy mong manh trong hơi thở của người đó?

Tôi bò ra khỏi giường và vẫn mặc nguyên đồ ngủ cúi nhìn xuống tấm van nhiệt. Nếu có người trong phòng khách, thì họ cũng không phải đang ngồi trên ghế sofa, thứ duy nhất tôi có thể thấy - cùng chiếc bàn cà phê và một phần nền lò sưởi - xuyên qua tấm lưới sắt.

Tôi không sợ cũng không lạnh, nhưng khi quyết định đi xuống cầu thang, tôi bắt đầu run lấy bầy: Connie Danforth, hết như một nữ anh hùng trong các bộ phim kinh dị vợ vẫn mà tôi và lũ bạn thường xem, cô tư vấn viên học đường ngu ngốc đêm hôm vào rừng một mình, chiếu đèn pin hướng về phía trước mà không biết thực tế đã ra hiệu cho kẻ giết người tâm thần đeo mặt nạ khúc côn cầu đến giết mình.

Những bậc thang vẫn im lìm khi tôi bước trên chúng, chủ yếu là do tôi biết chính xác phải bước vào đâu để tránh tiếng cọt kẹt thường vang lên. Tôi tự nhủ mình đi xuống cầu thang để lấy một cốc sữa. Nếu ai đó hỏi tôi đang

làm gì - mà tại sao phải là ai đó, đây là nhà tôi cơ mà - thì tôi chỉ cần nói rằng: Tôi định đi lấy một cốc sữa.

Đèn phòng ăn và nhà bếp đã tắt; tôi thấy phòng bùn tối mịt. Có lẽ đúng là bố mẹ đã quên tắt đèn. Có lẽ tôi đã chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng gió kì lạ thổi qua một căn nhà Vermont cũ kĩ khi chuyển mùa hoặc không khí miền Bắc trở lạnh.

Tôi dừng lại ở lối đi vào phòng khách từ nhà bếp, lưng tựa vào tủ lạnh, và cảm thấy động cơ của nó rung rung dọc sống lưng mình. Có lẽ tôi đã chờ nghe một tiếng nói cất lên gọi tôi. Tôi tự hỏi mình có nghe thấy hay không, tiếng nói chuyện đột ngột cất lên của người trong căn phòng đó. Không nghe gì cả, tôi chống hai bàn tay vào tủ lạnh rồi quay về hướng phòng khách.

Ở đó tôi thấy bố, một mình với hơn một chục tập giấy nhỏ ghim lại nằm rải rác quanh ông trên sàn nhà ở một góc phòng. Loại giấy photocopy hiệu Xerox. Ông vẫn đang mặc áo sơ mi mà ông mặc đi làm ngày hôm ấy, và quần tây màu xám nhạt. Ông ngồi lọt thỏm vào chiếc ghế bập bênh cạnh chiếc đèn bằng đồng trên sàn nhà.

“Con thức khuya làm gì đấy, con yêu?” ông hỏi khi thấy tôi đứng ở cửa. Ông có vẻ lo lắng khi thấy tôi còn thức.

“Con định đi lấy một cốc sữa ạ.”

“Không ngủ được à?”

“Không, ý con là, con giật mình dậy. Rồi con quyết định uống sữa luôn.”

Ông gật đầu. “Con biết sao không? Bố nghĩ bố sẽ uống một cốc với con. Rồi có lẽ bố cũng phải đi ngủ thôi.”

“Bố đang làm việc ạ?” tôi hỏi, chỉ về phía những xấp giấy tờ quanh ông trên sàn nhà.

“Những thứ này à?Ồ, không phải đâu. Đây là những tiền lệ. Tiền lệ pháp lý. Đây là một số ca mà luật sư của mẹ con đã nghiên cứu khi lập hồ sơ bào chữa.”

Tôi nhặt lên một tập giấy được ghim lại với nhau, một tập hợp gồm chín hoặc mười trang có nhan đề “*Bang kiện Orosco.*” Tôi xem lướt qua phần phụ chú dài dòng, một câu văn không hoàn chỉnh, giống như một nghiên cứu được viết sai ngữ pháp: “Những câu hỏi được chứng nhận về việc liệu thông tin và biên bản lời khai có tuyên thệ trong vụ kiện bất cần gây chết người có thiếu sót không sau khi đơn thỉnh nguyện bãi bỏ và thu lại lời khai bị từ chối.”

“Bố đang đọc những thứ này à?” tôi hỏi, ngạc nhiên trước việc bố lại trừng phạt bản thân như thế.

“Ừ.”

“Tại sao?”

Ông nhún vai. “Vì bố yêu mẹ con. Và bố muốn hiểu Stephen đang làm gì để bảo vệ bà.”

Ông đứng dậy và dắt tôi vào nhà bếp, nơi tôi mới đứng chỉ một lúc trước với đầu óc chứa đầy nghi ngờ, rồi lôi ra từ tủ lạnh một hộp sữa.

15

Tôi không hề nghĩ rằng tôi sẽ sợ hãi khi việc này bắt đầu, nhưng tôi đang sợ. Tôi nghĩ mình sẽ vượt qua được một khi tôi đến đây, một khi tôi đã yên vị trong chiếc ghế của mình. Tôi đã nhầm. Hoặc có lẽ tôi đã chỉ bồn chồn bản thân trong vài tuần qua.

Suốt cả ngày tôi cố gắng tập trung vào những điều nhỏ bé trong phòng xử án để đầu óc khỏi vương bận những việc lớn lao, ngay cả khi tôi biết lẽ ra

mình phải tập trung như thế chẳng có ngày mai.

“Không có ngày mai.” Tôi ước gì mình không có suy nghĩ đó. Nó thật đáng ghét.

Nhưng có những lúc tôi không làm được, có những lúc tôi chẳng thể nào tập trung nổi. Hoặc có lẽ tôi nên nói là tôi không muốn - có những lúc tôi không muốn tập trung. Đôi khi, tôi chợt nhận ra chẳng nghĩ đến gì khác ngoài chiếc đèn chùm đẹp lạ lùng trong căn phòng này còn dễ hơn là nghĩ đến việc tôi có thể ngồi tù ở nơi nào đó trong khi cô con gái đáng yêu của tôi đang học cao đẳng hoặc khi nó sinh con đầu lòng.

Tôi tha thiết muốn có mặt khi con tôi sinh con đầu lòng.

Tôi muốn có mặt khi con tôi sinh con đẻ cái.

Và khi ý nghĩ tôi có thể bỏ lỡ một việc như thế xuất hiện trong đầu tôi ngày hôm nay, tôi đã tổng nó ra khỏi đầu ngay lập tức và tập trung vào chuyện khác. Bất kì chuyện gì khác. Như chiếc đèn chùm chẳng hạn. Tôi đã nhìn thấy phòng xử án trước đây, khi tôi bị truy tố vào mùa xuân, nhưng hôm đó tôi chẳng ngó quanh quất gì cả, vì vậy tôi đã không nhận ra chiếc đèn chùm. Thật ra mà nói, tất cả những gì tôi thật sự làm sáng hôm đó là hiện diện trong chiếc áo đầm mùa xuân nhỏ bé trong lúc Stephen nói, “Không có tội, thưa quý tòa.” Mất khoảng hai giây.

Nhưng hôm nay tôi đã thấy chiếc đèn chùm, tôi không thể không thấy nó. Và nó đẹp, rất đẹp. Một chiếc đèn bằng sắt uốn treo đúng đưa ở giữa trần nhà. Bóng đèn nằm trong những bông hoa tulip pha lê trang nhã, còn bộ khung kim loại là một chuỗi những vòng xoắn và đường uốn cong hết sức duyên dáng. Trong rất nhiều lần, tôi dễ hình dung trong đầu về những bông hoa tulip hoặc những đường uốn cong đó hơn nhiều so với khuôn mặt những người đang bị chất vấn đủ thể loại câu hỏi về đề tại nhà và nghề bà mụ. Hôm nay Stephen và Bill Tanner hẳn đã nói chuyện với ba mươi hoặc

ba mươi lăm người, vậy mà họ vẫn chưa đạt thỏa thuận về việc ai có mặt trong bồi thẩm đoàn, ai không.

Vì thế, như Stephen đã nói, “Ngày mai chúng ta lại phải làm việc này nữa.” Tôi thật không tin nổi.

Tôi nghĩ hôm nay có bốn hoặc năm người ở trên đó ghét tôi dù chẳng biết tôi là ai. Trước đây việc đó chẳng làm tôi bận lòng. Trước khi Charlotte chết, tôi không hề nghĩ rằng tôi sẽ lúng túng khi gặp phải một người ghét tôi vì công việc tôi làm. Tôi nghĩ tôi đã xem nó như rắc rối của họ, chẳng phải việc khiến tôi phải lo lắng mất ăn mất ngủ. Nó giống như, “Này, tự mà lo lấy. Đây là việc của chị, không phải của tôi.”

Nhưng hôm nay nó thực sự khiến tôi phát cáu. Nó thực sự khiến tôi sợ chết khiếp.

Từ chỗ tôi ngồi, tôi có thể nhìn thấy hồ Memphremagog, và chiều nay, khi thỉnh thoảng lại có một bồi thẩm viên tiềm năng kể chuyện con của ông ta đứa nào cũng được để trong bệnh viện vì nơi đó an toàn hơn, tôi lại cố gắng hình dung đến hồ nước trong đầu. Rồi tôi có thể nhìn chăm chú vào người đàn ông đó và làm ra vẻ như đang lắng nghe, trong khi kì thực tôi chỉ đang nhìn cái hồ.

Tôi cá rằng nước hồ lúc này rất lạnh, lạnh khủng khiếp.

Bây giờ thật không phải là thời điểm thuận lợi trong năm để tổ chức một phiên tòa như thế này. Ít nhất là đối với tôi. Mọi thứ đều đang chết đi, hoặc ngả ngầu. Tôi không có thói quen bận tâm đến mùa thu. Năm nay thì khác. Đó là một điều có vẻ như khác lạ nữa với tôi kể từ khi Charlotte chết. Đột nhiên tôi ghét mùa thu.

Hôm nay có những khoảnh khắc tôi nhận ra mình đang dán mắt vào mặt nước hồ và rùng mình khi nghĩ đến nơi tôi đang ở lúc nước hồ đóng băng.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

CÁC BÁC SĨ KHÔNG PHẢN ĐỐI, họ vận động hành lang. Họ không phải loại người tụ tập bên ngoài phòng xử án với áp phích và băng đeo hai mặt, hoặc nắm tay nhau và hát những bài chống đối. Các bà mẹ thì ngược lại. Các bà mẹ chính xác là kiểu người tranh thủ công chúng để bày tỏ quan điểm chính trị của mình.

Và thế là trong khi các bác sĩ làm cho sự hiện diện của họ trở nên có thể lực theo nhiều cách khác nhau trước và trong khi phiên xử mẹ tôi diễn ra - họ quả thật rất thích ra làm chứng - song họ đã không đứng trên bậc tam cấp của Tòa án hạt Orleans.

Nhiệm vụ đó thuộc về các bà mẹ.

Vào hôm thứ hai khi phiên xử mẹ tôi bắt đầu, gia đình tôi đã được khoảng sáu mươi đến bảy mươi người chào đón ở Newport, tính luôn các bà mẹ và khách hàng của họ. Có những bà những cô tôi nhận diện được, như Cheryl Visco và Megan Blubaugh, Molly Thompson và Donelle Folino, song cũng có rất nhiều đàn ông đàn bà tôi chưa từng thấy trước đây, nhưng là những người dường như có niềm tin mãnh liệt vào quyền của một người đàn bà được đẻ con trên chính giường ngủ của mình. Một số bệnh nhân của mẹ tôi cũng có mặt ở đó, những khuôn mặt tôi ghi nhớ từ các lần khám thai ở nhà chúng tôi mà gần đây nhất là vào mùa đông năm trước. Khi vào bên trong, chúng tôi nhanh chóng nhận ra, còn có thêm nhiều khách hàng của mẹ, lặng lẽ đan len hoặc cho con bú ở ba băng ghế cuối cùng.

Chúng tôi đã trông thấy những người ủng hộ ngay khi lái xe đến đường Main Street vào buổi sáng hôm đó. Họ đứng như đội chiến binh dọc hai bên bậc tam cấp tòa án và thành những hàng dài trên bãi cỏ mở rộng ra từ đường bộ đến cửa trước. Chúng tôi đã đến New Port trong chiếc xe nhà ga cũ đặc trưng của mẹ tôi, nên được họ nhận ra ngay lập tức, và tiếng reo hò trời dậy khi chúng tôi đưa xe xuống bãi đỗ xe nằm giữa tòa án và hồ nước.

“Hãy trả tự do cho Sibyl, hãy để trẻ em được đẻ tự nhiên!” là khẩu hiệu đầu tiên chúng tôi nghe được từ đám đông, vừa bước xuống xe đã nghe. Trong

tất cả những câu khẩu hiệu chúng tôi nghe được vào những tuần tiếp theo (và chúng tôi đã nghe được rất nhiều), đó là câu khẩu hiệu tôi không thích nhất. Nó ngụ ý mẹ tôi không tự do; nó gợi ra nhà tù, sự giam cầm và sự tan nát của gia đình tôi.

Đáng tiếc là, cho đến ngày nay, đó là câu tôi nghe thấy thường xuyên nhất trong đầu. Những câu khác - hoặc là bài thơ con cóc liên hệ bệnh viện với phòng thí nghiệm, hoặc là bài hát ngắn nâng tầm chuyện đẻ tại nhà lên thành một nghi lễ tôn giáo - trở lại với tôi khi tôi nghĩ ngợi về những tuần lễ đó, nhưng giờ đây chúng không nhảy xổ ra trong đầu tôi như những bài hát dở ẹc trong lúc tôi khám cho bệnh nhân hoặc pha cà phê.

Như kế hoạch, Stephen và một cộng sự trẻ từ công ty của ông đã đợi sẵn tại bãi đỗ xe khi chúng tôi đến. Đêm hôm trước có sương mù, vì thế tuy mặt trời đã lên cao vào lúc tám rưỡi, không khí vẫn lạnh lạnh và tôi trông thấy hơi thở của Stephen khi ông nói chuyện.

“Chị có người hâm mộ kìa,” ông nói, chỉ về đoàn người biểu tình ở bên kia đường.

Mẹ tôi mỉm cười. “Anh có đứng sau chuyện này không?”

“Chúa ơi, không! Chúng ta đã đảm bảo sẽ có một số bạn bè ở trong phòng xử án - những người bạn im lặng - nhưng những người biểu tình đằng kia đích thân đến đây. Đừng hiểu nhầm, tôi tuyệt đối hài lòng khi họ ở đây, nhưng tôi chẳng liên can gì cả.”

Những người lớn bắt tay nhau, và tôi được giới thiệu với cộng sự của Stephen, một người đàn ông trẻ hơn ông ta vài tuổi, tên là Peter Grinnell. Peter không có vẻ chải chuốt của Stephen, và rõ ràng ông ta rất thích bột chiên và xúc xích - những món đặc sản hấp dẫn ở các hội chợ hạt và thị trấn thường mở màn tại Vermont vào đầu tháng tám và tiếp diễn cho đến tuần đầu tiên của tháng mười. Mái tóc ông rất mảnh, làn da nhợt nhạt, và ông ta cần phải giảm từ mười ba đến mười tám kí lô.

Tôi không thể hình dung người đàn ông này có điểm nào thích hợp với công ty luật danh giá - khiến người ta vừa thấy đã sợ - mà tôi đã xem lướt qua hồ sơ ở Burlington; tôi ngạc nhiên khi một người như Stephen lại muốn ông ta làm việc ở đó. Peter mặc một chiếc áo choàng, vì thế tôi không thấy được bộ complet của ông ta, nhưng tôi nhận ra mình đã hi vọng nó, như Stephen nói, nhỉnh hơn một bậc so với bất kì thứ gì mà Bill Tanner mặc.

“Chị cảm thấy thế nào, Sibyl?” Stephen hỏi.

Mẹ tôi nhún vai. “Tôi có thể cảm thấy tim mình đang đập khá nhanh. Nhưng tôi nghĩ tôi không sao.”

“Lên dây cót chưa?”

“Chưa, Stephen ạ, anh biết là chưa mà,” bà lắc đầu đáp, giọng nghe chừng bỏ cuộc. “Tôi không phải kiểu người lên dây cót.”

“Nhưng họ thì phải,” ông nói, và chĩa ngón cái như kiểu người đi nhờ xe vào những bà mụ và người để tại nhà sau lưng chúng tôi.

“Họ không phải là tôi.”

“Chà, trông chị...” Stephen khựng lại giữa chừng, một khoảng dừng ngay lập tức tỏ ra sượng sùng và không giống luật sư của mẹ tôi chút nào. “Trông chị giống như đã sẵn sàng,” cuối cùng ông nói.

Tôi luôn cho rằng điều Stephen muốn nói là mẹ tôi trông thật đẹp. Hoặc là quả cảm, có lẽ thế. Hoặc là can đảm. Vì mẹ tôi quả thực trông như tất cả những điều đó, ít nhất là với tôi. Trông bà có vẻ mệt mỏi và xanh xao, nhưng ngấm lại, tôi nghĩ tôi đã hiểu tại sao ít nhất một trường phái sắc đẹp vào thế kỉ mười chín lại tôn vinh vẻ đẹp nhợt nhạt như bệnh lao - tại sao, ngay cả vào phút chót, Lucy Westenra và Mina Harker của Bram Stoker^[22] vẫn được cho là kiều diễm. Mẹ tôi kẹp mái tóc màu vàng hoe của mình bằng một chiếc kẹp tóc màu xanh nhạt, và bà đang mặc chiếc váy kẻ giản dị

màu xanh lá cây giống loại váy nữ sinh mà bà đã mua đặc biệt cho dịp này. Không giống những bà mẹ ở bên trong lẫn bên ngoài tòa án, bà mang giày da và tất dài.

Nhưng tôi nghĩ Stephen khựng lại vì bố tôi có mặt ở đó. Có lẽ ông ta sẽ nói với mẹ rằng ông nghĩ bà rất hấp dẫn nếu hai người ở riêng với nhau.

“Dĩ nhiên, tôi sẵn sàng rồi,” mẹ tôi nói. “Bây giờ tôi đâu còn lựa chọn nào khác, đúng không?”

“Đúng rồi. Chắc là thế.”

Mẹ gật đầu, và bố khoác tay qua vai bà.

“Ngoài này lạnh quá,” ông nói với hai người luật sư và tôi. “Chúng ta vào trong đi.”

“Bà ngoại chưa đến đây,” tôi nói, chẳng cụ thể với một ai.

“Liệu bà của cháu có tìm được đường đến phòng xử án không?” Stephen hỏi.

Trước khi tôi kịp trả lời, bố nói ông sẽ đi với chúng tôi đến cửa trước tòa án rồi đợi bà ở đấy. Thế là giữa mùi hương của sơn mới và áp phích, năm người chúng tôi len lỏi qua một biển những người phụ nữ mặc váy bohemian in hoa và choàng khăn kiểu Nga, những người đàn ông để râu dài đến lưng chừng ngực, và hàng chục đôi chân đàn ông đàn bà mang tất len dày và dép xăng đan.

Tôi đã không nhận ra rằng Charlotte Fugett Bedford có một chị gái và một anh rể. Chẳng hiểu sao tôi đã quên mất chi tiết cô cũng có một người mẹ.

Và chẳng ai nói với tôi rằng ba người đó đã đi từ Alabama đến Vermont để ngồi ở băng ghế sau Bill Tanner và trợ lý của lão ta để theo dõi phiên xét xử mẹ tôi.

Nhưng khi tôi bước vào phòng xử án, tôi lập tức biết họ là ai. Chẳng cần ai phải nói với tôi. Hai người phụ nữ có nét phẳng phất giống người thân đã khuất của họ, và kiểu nghiêng đầu tựa vào người đàn ông của người phụ nữ trẻ hơn cho thấy họ đã kết hôn. Cả ba đều mặc trang phục chỉ thích hợp cho mùa hè, quá mỏng manh để đến Vermont trong tuần cuối cùng của tháng chín.

Tôi thấy họ trước khi họ thấy tôi, vì thế buổi sáng đầu tiên đó, tôi có thể nhìn tránh đi trước khi mắt chúng tôi chạm nhau và tôi phải thừa nhận nỗi buồn hằn sâu trên gương mặt họ. Dù tôi không tin rằng mình đã xem nhà Fugett hoặc nhà Bedford sở hữu sự độc ác mà Bill Tanner mang trong người, nhưng vào mùa hè năm đó, tôi đã cố gắng để quên hoặc lờ đi chuyện mẹ tôi không phải là nạn nhân trong bi kịch này, hoặc chuyện - trong mắt nhiều người - bà không phải là người duy nhất chịu khổ sở.

Hai mươi tám ứng viên bồi thẩm đoàn được chấp hành viên tòa án xếp ngồi thành bốn hàng, mỗi hàng bảy người: Hai hàng trong bồi thẩm đài nâng cao, hai hàng trên những chiếc ghế gỗ có lót đệm ngay phía trước đó. Như thế có nghĩa là hai hàng trước thì thấp hơn hai hàng trong bồi thẩm đài, vì thế trong phòng xử, khu vực đó có vẻ giống như một rạp chiếu phim. Các ghế ngồi có độ dốc xuống.

Ngoài ra, một chục bồi thẩm viên tiềm năng khác an tọa tại hai hàng ghế gần bồi thẩm đài nhất trong phòng xử án, và trong suốt buổi sáng khi Bill Tanner đặt ra hàng hà sa số câu hỏi, một vài người trong số họ lại đến thế chỗ của những người khác ở các dãy ghế dọc phòng xử án.

Mục đích là để tìm ra mười hai bồi thẩm viên và hai người dự phòng được cả Stephen Hastings lẫn Bill Tanner chấp thuận. Mỗi bên được bác sáu người mà không cần phải nêu lý do với thẩm phán, điều đó có nghĩa là nếu chỉ có một hoặc hai lần phản đối có lý do chính đáng - tức là loại một bồi thẩm viên tiềm năng vì những nguyên nhân rất kịch tính như thiên vị có thừa nhận, hoặc tầm thường như một cuộc hẹn gặp bác sĩ không thể dời

được trong thời gian diễn ra phiên tòa - thì một bồi thẩm đoàn có thể được lập ra từ nhóm hai mươi tám người đầu tiên đó.

Dĩ nhiên, điều này hiếm khi xảy ra, và phiên tòa của mẹ tôi đương nhiên cũng không ngoại lệ. Không có giới hạn số lượng ứng viên bồi thẩm đoàn có thể bị loại vì lý do chính đáng, và luật sư chính của cả hai bên đương như khá giỏi ở khoản đào bới ra lý do để loại người ta mà không cần dùng đến bất kì lần nào trong sáu lần bác bỏ cần thiết quý giá của họ.

Có lẽ ở đâu đó trong các tập hồ sơ dưới tầng hầm của Tòa án hạt Orleans, hoặc trong một chiếc đĩa mềm hoặc chiếc máy tính ở một văn phòng trên tầng hai hoặc tầng ba của tòa nhà, là tên của vài chục người đàn ông đàn bà nằm trong danh sách bồi thẩm đoàn ban đầu vào cuối tháng chín đó. Có lẽ không. Nhưng nhiều cái tên trong số hai mươi tám người đầu tiên ấy (kể cả tên của đội quân tiếp viện tham gia cùng họ, khi lần lượt từng người bị Stephen hoặc Bill Tanner loại ra sau khi nêu thêm một lý do nữa khiến người đó không thể ngồi vào ghế phán xét mẹ tôi một cách khách quan hoặc hợp lý được) đã bị xóa nhòa trong kí ức tôi cùng với tên của mười bốn người cuối cùng.

Nhưng những khuôn mặt thì không phai nhạt; tôi vẫn nhớ rõ mồn một mặt mũi và vóc dáng của mười bốn người cuối cùng đó. Hơn nữa, tôi biết - hoặc ít ra tôi tin rằng mình biết - chính xác ai là người Stephen lấy làm vui khi ngồi vào bồi thẩm đài trong hai tuần, và chính xác người nào khiến ông ta cảm thấy không thoải mái.

“Anh chị muốn người trong bồi thẩm đoàn là những người ủng hộ sinh tại nhà, hay là những người nghĩ rằng đó là một chuyện hết sức ngớ ngẩn?” Stephen hỏi bố mẹ và tôi vào đêm thứ năm trước khi phiên tòa bắt đầu. Stephen đã đưa gia đình tôi đến dùng bữa tối tại một nhà hàng Pháp ở Stowe, kiểu nhà hàng khiến tôi mất bốn mươi phút chọn áo váy trong tủ quần áo trước khi tìm được cách phối hợp mà tôi nghĩ ngay rằng vừa duyên dáng vừa cá tính. Stowe gần Reddington hơn Burlington một tẹo, nhưng nó

xem ra vẫn nằm ngay giữa hai thành phố, và tôi tưởng tượng Stephen đã hi vọng một buổi ăn tối bên ngoài sẽ vực dậy tinh thần mẹ tôi trước khi phiên tòa cuối cùng cũng diễn ra.

Chúng tôi vừa kết thúc bữa ăn và ba người lớn đang nhăm nháp cà phê thì Stephen nêu ra chủ đề về thành phần bồi thẩm đoàn. Như thế ông là một giáo sư khoa luật còn gia đình Danforth là một nhóm sinh viên, ông nói tiếp, “Anh chị nghĩ sao: Anh chị muốn một nhóm những người nghĩ rằng sinh tại nhà là một đề xuất an toàn hoàn hảo, hay là một nhóm người nghĩ việc đó còn nguy hiểm hơn cả cho máy bay hạ cánh trong bão?”

“Tôi nghĩ mình muốn những người ủng hộ sinh tại nhà,” bố tôi nhanh nhẩu đáp. “Họ sẽ thông cảm hơn.”

“Thông cảm hơn cho Charlotte hay Sibyl?”

“Sibyl,” bố tôi đáp, và ngay lập tức tôi bắt đầu lo cuộc trò chuyện sắp chuyển sang hướng mà tôi sợ. Tôi không biết câu trả lời của bố đúng hay sai và sai lầm của bố sẽ khiến ông bẽ mặt - và sau đó sẽ khiến ông phát cáu, hay là cuộc thảo luận sẽ xấu đi chỉ vì chủ đề đó quá nhạy cảm. Nhưng tôi biết mình không thích cách Stephen đặt tách cà phê xuống rồi nhún vai sau khi bố thốt ra tên của mẹ.

“Có thể đó là kiểu người chúng ta mong muốn,” Stephen từ tốn nói, “nhưng cũng có thể không. Rõ ràng tôi và các cộng sự đã bàn đi bàn lại vấn đề này. Cá nhân tôi muốn thấy một bồi thẩm đoàn gồm những người tin rằng đẻ tại nhà là một cách sinh con hợp lý. Nhưng tôi có hai cộng sự tỏ ra rất thuyết phục khi lập luận rằng tôi nên cố gắng tập hợp được một nhóm những người nghĩ chuyện đẻ ở trong phòng ngủ là một việc vô cùng ngu ngốc, một nhóm những người...”

“Một nhóm những người gì?” mẹ tôi hỏi Stephen khi ông ta dừng lại.

“Hãy thứ lỗi cho tôi, Sibyl,” Stephen nói, hít vào thật sâu trước khi lựa lời nói tiếp. “Một nhóm những người nghĩ rằng việc sinh tại nhà là quá... nguy

hiếm nên Charlotte mới phải trả giá.”

Mẹ tôi nghiêng đầu và đặt một bàn tay lên một bên cổ. Tôi nhớ là toàn bộ bàn ăn trong nhà hàng - tối hôm ấy nhà hàng đông nghịt những cặp đôi lớn tuổi giàu có đến Vermont vào mùa thu để ngắm lá chuyển thành màu vàng, cam và đỏ - dường như đã trở nên im lặng xung quanh chúng tôi, và đột nhiên tôi không còn nghe được cả những cuộn băng nhạc cổ điển đang mở suốt bữa ăn. Tôi nghe một tiếng rít cao vút trong tai mình, và tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra trước: Mẹ tôi sẽ khóc, hay bố tôi sẽ mắng lại Stephen?

Tôi đã sai; chẳng có việc nào xảy ra cả. Tôi tin bố hẳn sắp sửa nói với Stephen bằng giọng tức giận rằng ông ta đã nói quàng nói xiên, nhưng mẹ lại lên tiếng trước. Dù mệt mỏi, dù chưa sẵn sàng phấn khởi về mặt cơ thể, như cách mà hai người đàn ông quanh bà mong muốn, nhưng mẹ tôi vẫn rất mạnh mẽ.

“Tôi không nghĩ đó là một lựa chọn thông minh,” bà nói, giọng nhẹ nhàng nhưng cương quyết. “Tôi không nghĩ biến các bà mẹ của tôi hoặc tôi trông như những kẻ ngốc thì sẽ có ích lợi gì cho chúng ta.”

Stephen gật đầu, và âm nhạc, cuộc trò chuyện và âm thanh dao nĩa chạm vào đĩa sứ cao cấp lại vang lên. “Tôi đồng ý. Tôi chỉ nói với anh chị điều mà một số cộng sự của tôi tin là đúng thôi,” Stephen nói.

Bố tôi tựa lưng vào ghế. “Vậy là tôi đã đúng. Anh sẽ lấp đầy bồi thẩm đoàn với những người ủng hộ để tại nhà.”

“Tôi nghi ngờ mình có thể ‘lấp đầy’ được bồi thẩm đoàn với những người như thế. Nhưng nếu tôi tìm được những người có vẻ như suy nghĩ như thế, thì tôi sẽ cố gắng giữ họ lại.” Ông ta quay mặt sang trực diện mẹ tôi và nói tiếp, “Tôi xin lỗi. Tôi chỉ hi vọng có thể diễn đạt được rằng toàn bộ chuyện này vô cùng phức tạp, ngay cả đối với tôi.”

“Ngay cả đối với anh,” bố tôi nói. “Hãy tưởng tượng mà xem.”

“Với tư cách là một luật sư, Rand ạ. Ý tôi là vậy.”

“Tôi hiểu.”

Stephen thở dài. “Có lẽ tôi đã giải thích được một nửa vấn đề rồi. Nhưng trước nguy cơ sự việc rối rắm hơn nữa, tôi sẽ nói với anh chị một chuyện khác: Ngay lúc này thì tôi đã hiểu mình không muốn ai có mặt trong bồi thẩm đoàn rõ hơn là muốn ai có mặt.”

“Và người đó là?” bố tôi hỏi.

“Chà, xem nào. Trước tiên, tôi sẽ cố gắng tránh xa những phụ nữ ở độ tuổi sinh con. Tôi không chắc họ có thể tách mình ra khỏi nạn nhân hay không. Và tôi không muốn bất kì y tá, bác sĩ hoặc kĩ thuật viên cấp cứu y tế nào cả. Không một tình nguyện viên nào từ đội cứu hộ của thị trấn. Điều cuối cùng chúng ta cần là những con người không đủ hiểu biết như họ tưởng mà lại đi phê phán Sibyl. Và, đương nhiên, sẽ không có một người nào trong bồi thẩm đoàn từng ở cạnh một ca sinh đẻ tồi tệ - từng có một ca đẻ như thế, hoặc chứng kiến một ca, nghe kể về một ca rất gần nhà. Tôi có thể đảm bảo với anh chị điều đó.”

“Anh muốn có nhiều nam hay nữ hơn?” bố tôi hỏi. Các ngón tay của mẹ vẫn đặt trên cổ, và dù bà đang nhìn Stephen chăm chú - có lẽ đã nhìn như thế kể từ khi ông ta xin lỗi ít phút trước - tôi vẫn không nghĩ rằng bà thấy ông. Tôi biết ở chừng mực nào đó bà đang lắng nghe, và tôi biết bà sẽ nhảy vào cuộc trò chuyện trở lại nếu cần tháo ngòi một quả bom đang bốc khói giữa chồng mình và luật sư; tuy nhiên, bà có vẻ như hài lòng khi ngồi yên và để hai người đàn ông hao hơi tốn sức phỏng đoán.

“Không đơn giản là chuyện nam nữ. Tôi ước gì nó đơn giản như thế. Tôi nghĩ trong trường hợp này việc tìm được người thông minh thì quan trọng hơn.”

“Là do các chuyên gia à?”

“Đúng. Một người thông minh sẽ kiên nhẫn trong lúc nghe lời khai về những chuyện như chuẩn mực chăm sóc. Hoặc kết quả khám nghiệm tử thi nói gì - và không nói gì. Và người thông minh sẽ không tự động quy kết rằng bác sĩ và chuyên gia của chính quyền bang nhiều uy tín hơn bác sĩ và chuyên gia của chúng ta.”

Và thế là khi các luật sư bắt đầu lập bồi thẩm đoàn - hỏi hết câu này đến câu khác với những người nông dân, nhân viên cửa hàng và thợ đốn gỗ lớn tuổi hợp thành đội ứng tuyển - tôi hiểu ai là người chúng tôi muốn góp mặt trong bồi thẩm đoàn và ai là người chúng tôi không muốn. Tôi ngồi ở hàng ghế đầu tiên ngay sau lưng mẹ, Stephen và Peter Grinnell, bố một bên và bà ngoại một bên cạnh tôi, và tôi lên trong đầu một danh sách những người tôi muốn còn lại cuối cùng trong bồi thẩm đoàn.

Hai luật sư tập sự từ công ty của Stephen và Patty Dunlevy ngồi với gia đình tôi trên băng ghế của chúng tôi, nhưng ba người nhà của Charlotte có một băng ghế riêng. Người ta muốn cho họ khoảng cách. Còn lại thì chẳng có một chỗ trống nào trong phòng xử án.

Băng ghế của nhà Danforth và nhà Fugett ngang hàng nhau, nhưng hai gia đình chúng tôi bị ngăn cách bởi một lối đi rộng, một thám tử tư và các luật sư tập sự. Chỉ khi tôi đang quan sát các bồi thẩm viên ngồi dọc bức tường cạnh cửa nhất thì mới có nguy cơ một người trong nhóm người Alabama quay đầu qua và bắt quả tang tôi đang nhìn chăm chú, hoặc tôi phải lập tức nhìn đi nơi khác để tránh ánh mắt mà tôi sợ sẽ chứa đầy hận thù.

Tuy nhiên, có một lần trong số ít dịp tôi đang quan sát nhà Fugett, ngay sau khi hai mươi tám bồi thẩm viên ban đầu đã yên tọa, tôi nhận ra một thành phần quan trọng của gia đình ấy vắng mặt. Tôi rướn người qua bà ngoại và hỏi luật sư tập sự ngồi cạnh bà, một cô gái trẻ mà tôi được biết tên là Laurel, “Mục sư Bedford đâu ạ?”

“Ông ấy sẽ ra làm chứng,” cô ấy thì thầm, “vì thế ông ấy được ngồi riêng. Chừng nào đến phần biện luận kết thúc, ông ấy mới có mặt trong phòng xử

án.”

“Foogie có đến không ạ?”

“Foogie?”

“Thằng bé ấy,” tôi đáp, và rồi, nhớ ra bây giờ thực sự có đến hai thằng bé, nhanh chóng bổ sung, “đứa lớn hơn.”

“Ý em là Jared, phải không? Không, nó sẽ không đến đây. Ít nhất thì tôi không nghĩ vậy.”

Tôi ngả người ra lưng ghế, cảm thấy nhẹ nhõm. Ngồi cách chị và mẹ của Charlotte chín, mười mét đã là quá tệ rồi; sẽ không thể chịu nổi khi chứng kiến ông góa cô đơn cùng một con trai bé nhỏ mà giờ đây ông ta buộc phải tự tay nuôi nấng.

“Đây là sự khác biệt không nhỏ,” Bill Tanner nói với nhóm ứng cử viên bồi thẩm đoàn, chậm rãi đi đi lại lại giữa bàn của lão và ghế chủ tọa. “Một phần quan trọng trong công việc của quý vị sẽ là hiểu sự khác nhau giữa mỗi nghi ngờ hợp lý và mỗi nghi ngờ tưởng tượng - chúng khác nhau đấy - rồi đưa ra một phán quyết có lý.”

Tôi không biết Tanner có phải là loại người thích câu cá bằng côn trùng^[23] hay không, nhưng tôi quen biết khá nhiều người lớn thích môn này ở Reddington để có thể tưởng tượng vào lúc đó rằng lão ta đúng là một người như vậy: Lão bước như đang lội qua chỗ nước cạn, nhấc cao chân và di chuyển thận trọng. Lão cao và gầy, trước mặt bồi thẩm đoàn lão nói chuyện như một ông già. Lão có vẻ kiên nhẫn và bài bản, loại người cột dây câu hết sức tỉ mỉ và rồi đứng trong dòng sông một cách vui vẻ, tung dây câu hàng giờ liền.

Tôi đã nghe giọng của Tanner hai lần trước đó trong bản tin truyền hình, nhưng buổi sáng hôm đó là lần đầu tiên tôi nghe trực tiếp, và lần đầu tiên tôi nghe lão nói thao thao bất tuyệt: Thật khó tin rằng người đàn ông nhả

nhận này lại có thể nói ra những điều khủng khiếp về mẹ tôi như lão đã nói, hoặc rằng lão sẽ sớm nói những điều còn tồi tệ hơn nữa.

Tóc lão gần như bạc trắng, còn khuôn mặt hằn sâu nếp nhăn. Lão thường cầm kính bằng một bên gọng trong lúc nói, để lộ ra những dấu đỏ hằn sâu dọc sống mũi nơi cặp kính thường ấn vào. Tôi đoán lão khoảng năm mấy sáu mươi tuổi rồi.

“Còn ông thì sao, ông Goodyear? Ông có cần cảm thấy chắc chắn một trăm phần trăm về tội lỗi của ai đó trước khi kết án người đó, hay ông sẽ kết án sau khi loại bỏ mọi nghi ngờ hợp lý?” lão hỏi.

“Trên đời này chẳng có thứ gì là chắc chắn một trăm phần trăm cả,” Goodyear trả lời. Sáng hôm đó ông đã nói mình là thợ in của một nhà in ở Newport, và dấu vân tay của ông đã bị mực in làm phai.

“Trừ các khoản thuế,” Tanner nói. Một tay lão đang cầm mắt kính, còn tay kia đang cầm một tờ giấy có kẻ ô. Ô đó liệt kê những bồi thẩm viên tiềm năng theo hàng, vì thế Tanner biết tên của tất cả mọi người.

“Ông có con không, ông Goodyear?”

“Hai con trai.”

“Chúng bao nhiêu tuổi?”

“Một đứa mười tuổi, một đứa bảy tuổi. Không, tám tuổi. Nó sắp tròn tám tuổi. Tuần tới.”

“Ông lập gia đình rồi chứ?”

“Vâng. Được mười hai năm rồi.”

“Vợ ông làm gì?”

“Cô ấy làm việc hai ngày mỗi tuần tại căn tin trường học. Thời gian còn lại cô ấy chăm con.”

“Ông sinh trưởng ở khu này chứ?”

“Đúng thế.”

“Ông thật là may mắn,” ông ta thờ dài. “Đây là một trong những khu đẹp nhất của bang.”

“Tôi nghĩ vậy.”

“Ông sinh ra tại đâu?”

“Newport.”

“Ở ngay thành phố này à?”

“Đúng vậy.”

“Bệnh viện?”

“Đúng rồi.”

“Các con của ông thì sao? Chúng sinh ra ở đâu?”

“Cũng ở bệnh viện đó.”

“North Country à?”

“Phải.”

Ngày nay, ta hình dung luật sư đứng trên bục và dùng micro. Thời đó ở cái góc Vermont quê mùa của chúng tôi, tình hình lại khác. Như diễn viên sân khấu, các luật sư nói rất to đủ để nghe thấy, và họ làm thế mà không cần lên giọng. Họ cầm ghi chú trong tay lúc nói, và nếu họ cần chỗ để đặt giấy tờ, họ dùng bàn của mình.

“Những lần chuyển dạ có dễ dàng không? Hay là khó nhọc? Hay ở khoảng giữa?”

“Chúng dễ dàng đối với tôi,” ông Goodyear đáp. “Một lần tôi ở nhà chị vợ ăn tối, còn lần kia thì ở trong phòng chờ với cả hai gia đình chúng tôi.”

“Chúng có dễ dàng với vợ ông không?”

“Tôi nghĩ là có. Chúng tôi đã có hai đứa con trai ngoan ngoãn từ hai lần đó.”

“Ông và vợ có tính đến chuyện đẻ con tại nhà không?”

“Ý ông là thay vì đến bệnh viện ư?”

“Đúng. Chính xác là vậy.”

Goodyear mỉm cười. “Không, thưa ông. Tôi không tin là ý nghĩ ấy từng xuất hiện trong đầu chúng tôi.”

“Để xem nào,” Tanner nói. “Tôi chưa hỏi thăm Golner. Julia Golner. Sáng nay bà khỏe không, bà Golner?”

“Tôi khỏe.”

“Bà có làm việc không, bà Golner? Hay bà đã về hưu?”

“Ồ, tôi đã nghỉ làm cách đây bảy năm rồi. Tôi sáu mươi tám tuổi rồi, thưa ông Tanner.”

“Chồng bà có làm việc không?”

“Ông ấy qua đời rồi.”

“Tôi rất tiếc. Ông nhà mới qua đời à?”

“Không. Năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm.”

“Bà có con không?”

Bà ta nhướn miệng cười. “Bảy đứa. Và mười lăm đứa cháu - con số may mắn của tôi.”

“Bà sinh ra ở Vermont chứ?”

“Vâng.”

“Trong bệnh viện?”

“Không. Tôi ra đời năm một nghìn chín trăm mười ba. Tôi ra đời trước các cuộc Thế chiến. Cả hai cuộc!”

“Vậy bà sinh ra tại nhà?”

“Tôi chào đời trong phòng ngủ của bố mẹ tôi, trong ngôi nhà nông trang mà ông bà đã sống nhiều năm ở Orleans.”

“Còn con bà thì sao? Họ cũng được sinh tại nhà chứ?”

“Không. Có vài đứa. Nhưng không phải tất cả.”

“Bà nói rõ hơn giúp tôi được không?”

Trong thiên sử về các ca đẻ sống và sảy thai hẳn còn tiếp diễn không ngừng trong suốt hai thập niên nếu chồng bà ta không đăng lính năm 1943, bà Golner đã kể lại lịch sử sinh đẻ không chính thức ở Vương quốc Đông Bắc từ năm 1932 đến 1951, và sự di chuyển của nó từ nhà đến bệnh viện. Bà kể trước tòa rằng bà đẻ bốn người con trước Thế chiến thứ hai trong phòng ngủ của mình, và ít nhất từng đẩy lần sảy thai. Sau đó bà có ba người con sau chiến tranh, và hai “linh hồn” nữa không trụ nổi qua thai kì đầu tiên.

Những đứa trẻ hậu chiến đó ra đời trong bệnh viện: “Tôi không biết tại sao lại như thế,” bà nói. “Tôi nghĩ sau khi chiến tranh kết thúc, chúng tôi đều đồng ý rằng đó là cách tốt hơn. An toàn hơn, tôi nghĩ thế.”

“Tôi phục vụ ba năm ở Thái Bình Dương. Tôi chiến đấu trên đảo Iwo Jima.”

“Ông có bị thương không?”

“Không, số tôi đỏ lắm,” ông Patterson nói với luật sư bang. Ông ta có thân hình vạm vỡ, mặc một chiếc áo cổ lọ và áo len màu xanh bó sát vào cơ thể như lớp da thứ hai, ngồi khoanh tay thủ thế trước ngực một cách ngạo nghễ.

“Thời gian ông ở Thái Bình Dương: Đó có phải là lý do ông nói ông có ít... lòng kiên nhẫn với những người từng phản đối cuộc chiến ở Việt Nam không?”

“Không. Ngay cả khi tôi không có cơ hội phụng sự tổ quốc, tôi vẫn mong những người khác sẽ bước lên khi được yêu cầu. Và chúng ta đều biết rất nhiều người đã không bước lên.”

“Bước lên.”

“Đúng thế.”

“Vào thập niên sáu mươi và đầu thập niên bảy mươi.”

“Vâng.”

“Giả sử có một nhân chứng mà ông không thích, thưa ông Patterson. Theo quan điểm cá nhân. Ông có thể công bằng được không?”

“Ý ông là sao?”

“À, ví dụ như bên bị hoặc bên nguyên có một người làm chứng nói điều khiến ông phật ý. Liệu ông có lắng nghe lời làm chứng của họ với thái độ cởi mở không?”

“Có chứ. Có vẻ như tôi sẽ làm được. Đó là nhiệm vụ của tôi,” ông Patterson nói, nhưng trước khi ông kịp nói hết câu, tôi biết Stephen sẽ gạch một đường ngang tên ông ta.

Khi rời phòng xử án để ăn trưa, chúng tôi đi qua một hàng phụ nữ ngồi ở băng ghế phía sau đang chuẩn bị cho con bú. Những đứa bé nhỏ nhất không phải do mẹ tôi đỡ đẻ, vì bà đã dừng hành nghề gần sáu tháng trước. Nhưng có hai đứa bé ở đó được mẹ tôi đỡ đẻ khoảng vài tuần hoặc vài tháng trước

khi Charlotte Bedford chết, những đứa trẻ sơ sinh lớn hơn, đầu chừng sáu đến chín tháng tuổi. Tôi nhìn chúng bú mẹ một lúc trước khi phát hiện ra một điều còn thú vị hơn nữa: Một số nhà báo, ngay cả nhà báo nữ, đang cố hết sức để nói chuyện với các bà mẹ cho con bú trong thời gian nghỉ giải lao mà không để cho mắt nhìn xuống dưới trán của các bà mẹ. Trông như họ đang cố phỏng vấn bức tường phía sau các bà mẹ ấy.

Mẹ tôi ăn trưa với bánh mì quế nướng và chocolate nóng trong một nhà hàng, bà khẳng khẳng muốn chúng tôi ghé qua cửa hàng hoa trên đường Main Street để ngắm các vòng hoa mùa thu treo ở đó. Khi nói chuyện, bà nhắc đến khung cảnh mùa thu năm đó, và những hàng xe mang biển số bang khác đỗ ở một số điểm dọc các con đường thôn quê. Bà nghĩ lá phong có màu đỏ rực rỡ hơn bình thường, và rõ ràng điều đó khiến bà vui thích.

Stephen và nhóm thuộc hạ nhỏ của ông không bao giờ rời khỏi phòng xử, ngoại trừ luật sư tập sự có tên Laurel. Cô ấy cùng chúng tôi đi ăn trưa, và dường như trách nhiệm chính của cô là giúp chúng tôi chen qua đám nhà báo và tươi cười nói với họ rằng chúng tôi chẳng có gì để nói.

“Tôi nghĩ nhà mình đang làm rất tốt,” cô ấy nói khi chúng tôi đứng lại một lúc bên vệ đường phía ngoài cửa sổ kính của tiệm hoa. “Tôi nghĩ mọi người thể hiện rất tốt hình ảnh một gia đình.”

Bà ngoại cười tươi còn mẹ tôi gật đầu, như thể nhận ra ý nghĩa lớn lao trong câu bình phẩm của Laurel. Mẹ mỉm cười với cô luật sư tập sự, nụ cười thường trực trên khuôn mặt bà như những nếp nhăn mới xuất hiện trong nửa năm qua - một nụ cười vừa mang tính hoài nghi vừa mang tính kiên nhẫn. “Chà, cô biết đấy,” mẹ nói, giọng của bà cực kì nghiêm túc, “chúng tôi đã phải mất rất nhiều năm mới có được hình ảnh đó.”

Một lần, nhiều tuần trước, tôi đã nhìn trộm từ cửa sổ phòng ngủ của bố mẹ cảnh mẹ đón Stephen khi ông ta đến nhà chúng tôi vào cuối ngày. Tôi đã nghe thấy tiếng xe đỗ lại trong đường chạy xe vào nhà, và thế là tôi đặt bài tập về nhà qua một bên rồi đi xuyên qua nhà, đến một trong những căn

phòng nhìn ra phía trước nhà chúng tôi. Trong buổi ăn sáng, bố đã nói phải bảy giờ, bảy rưỡi tối đó ông mới về nhà, nên tôi muốn biết ai ghé qua lúc năm giờ chiều.

Đó là Stephen. Khi tôi đến cửa sổ, mẹ đã đi ra ngoài, sải bước trên lối đi để đón ông. Bà di chuyển chậm rãi, với dáng đi của người mộng du, hoặc của một người đang nghĩ ngợi mông lung. Tuy thế, tôi vẫn bất ngờ khi thấy bà rời khỏi nhà để đến xe của Stephen: Bà có thể đã mất bước sải chân rạo rực của một cô gái trẻ đang yêu, bà có thể đã tiêu tụy vì phải chờ đợi phiên tòa, nhưng bà vẫn có một đam mê đủ để đem lại không khí cho chút tia sáng để chịu mà cuộc đời vừa rọi xuống cho bà.

Khi Stephen bước khỏi xe, mẹ tôi đã đến đó. Bà để ông nắm cả hai bàn tay bà trong tay ông, và họ đứng đó một lúc, cửa xe vẫn mở, khoảng cách giữa đôi chân họ bị tấm thép xám che khuất khỏi tầm mắt tôi.

...

“Ai chịu sức ép bằng chứng?” Stephen hỏi Lenore Rice, một cô gái trẻ làm việc tại siêu thị Grand Union ở Barton. Lenore lớn hơn tôi có lẽ sáu hoặc bảy tuổi, nhưng trông không giống như vậy: Cô thuộc dạng người nhỏ con, vóc dáng nhỏ nhắn chẳng khác nào mới dậy thì.

“Tôi không biết đó là gì,” cô trả lời.

“Sức ép bằng chứng là một thuật ngữ pháp lý,” Stephen chậm rãi bắt đầu, nhưng không tỏ vẻ nhượng bộ. “Chúng ta có hai phía trong phòng xử này, phía biện hộ và phía chính quyền bang. Tôi đại diện phía biện hộ, còn ngồi ở đằng kia, ông Tanner đại diện chính quyền bang. Một trong hai chúng tôi sẽ phải chứng minh một điều gì đó bên trong bốn bức tường này trong vòng vài tuần tới, và người còn lại sẽ không làm thế. Tôi có phải là người sẽ chứng minh điều gì đó không?”

“Có chứ sao không,” cô ấy đáp. “Đương nhiên.”

“Và điều đó là gì?”

“Là thân chủ của ông vô tội.”

Stephen gật đầu, rồi ngồi một lúc xuống mép bàn của luật sư biện hộ. Peter đưa cho ông danh sách kẻ ô theo hàng những bồi thẩm viên tiềm năng trước khi ông yêu cầu.

“Thưa ông Anderson, ông có đồng ý với cô Rice không?” Stephen hỏi sau khi liếc nhìn vào tờ giấy. “Ông có đồng ý rằng tôi phải chứng minh điều gì đó trong quá trình kiện tụng này không?”

“Không.”

“Tại sao lại không?”

“Một người là vô tội cho đến khi bị chứng minh có tội.”

“Đúng thế,” Stephen nói, đứng dậy và bước về hàng thứ nhất của bồi thẩm đoàn. “Hoàn toàn chính xác. Ông làm nghề gì, thưa ông Anderson?”

“Tôi là thợ điện.”

“Cảm ơn ông. Đừng đi đâu cả, chốc nữa chúng ta sẽ nói chuyện thêm. Thưa cô Rice, cô nghĩ sao về điều ông Anderson vừa nói? Cô có đồng ý không?”

“Về việc gì?”

“Về việc tôi có phải chứng minh thân chủ của mình vô tội hay không.”

“Chà, ông ấy nói là ông không phải làm thế.”

“Thật ra, không phải ông Anderson nói tôi không phải làm thế, mà đó chính là toàn bộ triết lý của ngành luật học của chúng ta. Hệ thống công lý của chúng ta. Ở đất nước này, một người là vô tội - vô tội tuyệt đối - cho đến khi bị chứng minh có tội. Nếu cô là một bồi thẩm viên, cô cần bắt đầu phiên tòa này với quan điểm bị cáo vô tội. Cô có đồng ý với điều đó không, thưa cô Rice? Cô có thể làm thế không?”

Cô ta nhìn xuống đùi mình. “Tôi không biết,” cô lẩm bẩm.

“Cô không biết?”

“Tôi cứ nghĩ rằng người ta sẽ không phải ra tòa nếu không làm điều gì sai.”

Stephen quay sang thẩm phán Dorset. “Thưa quý tòa, tôi có thể tiếp cận ghế chủ tọa được không?”

Thẩm phán gật đầu, cả Stephen và Bill Tanner đứng trước hàng rào chắn bằng gỗ cao rồi thì thầm với Dorset một lúc lâu. Khi họ nói xong, thẩm phán lẩm bẩm gì đó với chấp hành viên tòa án. Tanner sau đó lùi lại ghế ngồi của mình, còn Stephen trở lại mép bàn của ông.

“Thưa cô Rice, cô đã bị loại. Tòa cảm ơn cô rất nhiều vì đã sẵn lòng dành một ngày cho chúng tôi,” thẩm phán Dorset nói.

Cô gái trẻ đứng dậy, trông có vẻ ngoan cố hơn là nhẹ nhõm, và chấp hành viên tòa án gọi bồi thẩm viên số ba mươi hai tiến lên phía trước từ một trong những băng ghế phía sau. Lenore Rice là người thứ tư cả Stephen và Bill Tanner không muốn thấy có mặt trong mười bốn bồi thẩm viên cuối cùng, và đã cố gắng loại bỏ có lý do.

“Nó làm bằng đậu nành hữu cơ,” Nancy Hallock nói.

“Và bà dùng nó thay cho sữa?” Stephen hỏi.

“Đúng. Chúng tôi không có bất kì sản phẩm hoặc phụ phẩm từ động vật nào trong nhà mình.”

“Không có thịt ư?”

Người phụ nữ nhún vai. “Eo. Chúa ơi, không.”

“Gia đình bà đều là người ăn chay hoàn toàn à?”

“À, tôi và chồng tôi thôi. Chúng tôi không có con.”

“Cho phép tôi hỏi bà bao nhiêu tuổi?”

“Vâng, tôi bốn mươi mốt.”

“Bà có định sinh con không?”

“Tôi nghĩ đã có đủ người trên hành tinh này rồi, ông không nghĩ thế sao? Nếu chúng tôi quyết định có con thì chúng tôi sẽ nhận con nuôi.”

Khi tôi đi vào văn phòng của mẹ để hôn bà và chúc ngủ ngon sau ngày chọn bồi thẩm đoàn đầu tiên, bà đang hí hoáy viết nhật kí ở bàn làm việc. Bà chưa bao giờ che giấu chuyện mình viết nhật kí nhiều năm rồi, và những quyển sổ đóng gáy lỏng lẻo mà bà dùng - những quyển sổ dày có khoen sắt, bọc bằng lớp vải màu xanh mỏng, giống như sổ của tôi - chất đầy ngăn dưới cùng của kệ sách phía sau bàn làm việc. Bà tin bố và tôi tôn trọng sự riêng tư của bà.

“Mẹ có muốn thêm nước nóng trước khi con đi lên lầu không?” tôi hỏi, chỉ về tách trà còn một nửa của bà.

“Thôi khỏi, được rồi con ạ,” bà đáp, đặt bút xuống và tựa lưng vào ghế. “Con chẳng nói chẳng rằng trong bữa ăn tối nay. Mọi việc ổn cả chứ?”

Tôi nhún vai. “Chắc thế.”

“Con nghĩ ngày đầu tiên của mẹ con ở tòa thế nào? Khá là nhàm chán, phải không?” bà nói, hi vọng giảm nhẹ tầm quan trọng của điều tôi đã chứng kiến.

“Con nghĩ nó khá thú vị đấy chứ.”

Bà mỉm cười. “Ở tuổi con, con lẽ ra chỉ nên nghĩ các buổi nhạc rock và những chàng trai dễ thương là thú vị thôi.”

“Họ cũng thú vị.”

“Tối nay con đã nói chuyện với Tom chưa?”

“Rồi ạ.”

“Con có kể với cậu ấy về ngày hôm nay không?”

“Chỉ những việc mà chú Stephen bảo là được bàn đến thôi ạ,” tôi nói dối. Thật ra, tôi đã kể với Tom mọi chi tiết mà tôi nhớ được.

“Con có hài lòng vì đã ở đó không?”

“Vâng, có ạ.”

Bà đặt bút xuống, vươn tay qua đầu ra sau vai, các ngón tay lướt trên kệ sách. Ngoài nhật kí cá nhân của bà, kệ sách còn có các chuyên luận về sinh sản - những quyển sách có tựa đề như *Nghề bà mụ thiêng liêng* và *Trái tim và đôi tay* - và những quyển sổ mẹ dùng để ghi chép hồ sơ bệnh án của các bệnh nhân. Tôi biết trong chiếc tủ hồ sơ bằng gỗ nằm sau kệ sách còn có nhiều bệnh án hơn nữa, trong đó nhiều hồ sơ đã bị chính quyền bang tịch thu theo trát của tòa.

“Mẹ cá là nó sẽ khiến con muốn trở thành luật sư khi lớn lên,” bà nói, đảo tròn mắt.

“Hoặc là một bà mụ.”

“Đúng. Hoặc là một bà mụ.”

Từ nơi đang đứng, tôi có thể nhìn thấy hàng hàng lớp lớp dòng mực xanh trải dài trên những trang giấy trắng như những con sóng. Bà viết ở mặt trước lẫn mặt sau của mỗi tờ giấy, vì thế khi quyển sổ được mở phẳng ra, nó tạo hiệu ứng giống như một quyển sách rất lớn.

“Mẹ nghĩ chuyện này sẽ kết thúc sớm chứ?”

“Ồ, mẹ nghĩ như thế đấy, cục cưng ạ,” mẹ đáp, giọng đờm vẻ lo lắng vì tôi. Tôi lập tức thấy hối hận vì câu hỏi của mình. “Stephen nói phiên tòa chỉ diễn ra trong hai tuần thôi.”

“Và con chắc chắn là chúng ta sẽ thắng,” tôi nói, hi vọng tạo cho bà ấn tượng rằng tôi rất tự tin đến nỗi - hơn hết thảy - bà không cần phải lo lắng gì về cô con gái mười bốn tuổi của mình.

“Ồ, mẹ cũng tin chắc là như thế,” bà nói.

“Và rồi mọi việc sẽ trở lại bình thường.”

Bà mở miệng ra để nói, và tôi nghe tiếng vọng lại trong đầu mình - *Chắc chắn rồi, Connie ạ. Khi đó mọi việc sẽ trở lại bình thường* - nhưng không có từ nào thốt ra, cả một tiếng thì thầm cũng không. Thay vào đó bà gật đầu, nhưng cả hai chúng tôi đều biết thẳm sâu trong lòng rằng cái chết của Charlotte đã thay đổi mọi thứ mãi mãi. Với mẹ tôi, không gì có thể trở lại bình thường được nữa.

16

Cuối cùng họ cũng chọn xong bồi thẩm đoàn vào chiều nay. Tôi nghĩ các luật sư sẽ tiếp tục đặt câu hỏi sang ngày thứ tư, nhưng đến trước giờ ăn trưa hôm nay, thẩm phán đã nghe đủ, và cả hai bên đều đồng ý sẽ tiến hành lựa chọn vào lúc ba giờ chiều.

Vermont là một bang nhỏ, và Stephen đinh ninh rằng nhiều người trong nhóm sẽ bị loại vì họ biết tôi hoặc Charlotte, nhưng chỉ có một người bị loại vì lý do này. Mà người đó cũng không hẳn là biết rõ hai chúng tôi. Ông ấy từng đến nhà thờ của Asa vào một ngày Chủ nhật để xem giáo đoàn ở đấy có phù hợp với gia đình mình hay không - ông ta đã quyết định là không - và đã bắt tay Asa trong lúc vị mục sư bắt tay mọi người khi họ ra về sau buổi lễ.

Trong bồi thẩm đoàn cuối cùng, có hai người được sinh ra tại nhà, nhưng chẳng qua chỉ vì họ chào đời vào thập niên sáu mươi - họ sinh ra vào thời mà chuyện đến bệnh viện để đẻ còn rất hãn hữu ở đây.

Cũng có vài người trong nhóm ứng viên ban đầu từng sinh con tại nhà, tôi khá chắc chắn một người đã nhờ Molly Thompson đỡ đẻ, nhưng cả hai đều bị loại. Ở sau lưng, tôi nghe Rand khẽ văng tục khi số thứ tự của họ được xướng lên lúc họ bị loại, một tiếng “Mẹ kiếp!” nho nhỏ mà tôi chắc chắn chỉ có Peter và tôi nghe thấy, nhưng tôi ngoái đầu lại để nháy mắt với anh, ngậm nói, Không sao đâu, chẳng có vấn đề gì cả.

Nhưng dĩ nhiên là có.

Stephen không muốn tôi ngoái đầu lại để nháy mắt với người nhà hoặc nhìn những người ở sau lưng chúng tôi, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn làm thế. Tôi không cưỡng lại được, giống như một phản xạ vậy. Đôi khi tôi chỉ muốn nhìn thấy Connie. Hôm nay tôi cũng nháy mắt với nó một lần. Thế thôi.

Tôi ước gì Connie trở lại thời thơ bé. Tôi ước gì nó còn bé và tôi còn trẻ - có lẽ không phải là trẻ sơ sinh, dù tôi thật sự rất thích quần con bé trong tã khi nó còn là một đứa bé ấm áp, bụng kêu óc ách và bé xiu xiu. Tôi ước gì Connie lại hai hay ba tuổi, khi nó là một cô bé loắt choắt xinh xắn thích nhảy múa, xoay vòng vòng và leo trèo lên ghế sofa như leo núi, miệng lúc nào cũng hát theo những bài hát mà tôi và Rand đã sửa lời một chút:

“Vầng trăng nhỏ sáng lấp lánh lấp lánh. Soi sáng phòng Connie lên nào?”

Connie ôm nồng nhiệt nhất khi con bé lên hai. Nhất trần đời. Nó thường quàng hai cánh tay tí hon quanh cổ tôi rồi cứ thế siết thật chặt: “Ôm, Mẹ!” Tôi yêu điều đó biết bao nhiêu.

Và khi Connie hai tuổi, tất cả những điều mà tôi đang buộc gia đình mình trải qua lúc này còn cách xa nhiều nhiều năm lắm. Tôi ước gì mọi việc lại được như thế. Tôi ước gì cuộc đời mình không phải như chiếc đĩa nhạc ai đó tặng tôi sắp hát hết, mà chỉ có vài bài đầu là nghe được mà thôi.

Như thế thì có ích kỉ quá không? Tôi rất tiếc nếu đúng là thế, vì tôi không có ý định tỏ ra ích kỉ, hoặc làm ra vẻ mình là một nạn nhân đáng thương đã bị một người chỉnh nhạc hoặc nhà sản xuất băng đĩa nào đấy làm cho toi

đời. Tôi biết tôi đã phạm phải sai lầm gì, tôi biết mình đã toi đời ở điểm nào.

Thỉnh thoảng trong tuần này tôi cũng quay sang để nhìn gia đình Charlotte, nhìn chị gái và mẹ cô ấy. Chị gái Charlotte cắn móng tay giống hệt như cô thường làm. Chị ta giơ thẳng các ngón tay. Chúng tôi đã chạm mắt nhau vài lần ngày hôm nay, tôi đã nghĩ chị ta sẽ suy sụp tinh thần và bật khóc khi chúng tôi nhìn thấy nhau.

Chạm mặt chị ta và ngồi thật gần chị ta như thế khiến tôi cảm thấy bụng mình trương lên vì tội lỗi. Tôi cảm thấy nó lớn lên trong người mình, tôi chỉ muốn dùng tay trái chạm vào bụng mình để cảm nhận cái gì đó đang di chuyển. Một cú đá nhẹ. Một cái nấc cụt.

Chị gái Charlotte căm ghét tôi. Cả chị ta và mẹ chị ta đều căm ghét tôi. Cảm giác bị căm ghét thật là kinh khủng, và khi tôi ở một mình trong phòng lúc thế giới đã say giấc - ít nhất là thế giới của tôi - có vẻ như tôi đáng bị như vậy.

Vậy mà điều kì lạ nhất là, gia đình Charlotte có lẽ sẽ không hận tôi đến như thế nếu tôi không cố gắng cứu Veil. Cháu trai của người này và cháu ngoại của người kia.

Stephen nói đến lúc việc này kết thúc, mọi người sẽ hiểu điều đó. Anh nói anh sẽ đảm bảo mọi người nhận ra rằng tôi đã cố gắng để cho đứa bé ấy chết ngay trong bụng mẹ nó, và nếu tôi làm thế, thì chẳng ai trong số chúng tôi phải có mặt ở đây vào lúc này. Anh sẽ cho họ thấy bi kịch sẽ còn tồi tệ hơn nữa vì có đến hai người sẽ chết thay vì một người, và không ai phải ngồi cả ngày trong phòng xử án đổ lỗi cho người kia.

Tôi đã không gặp Veil kể từ ngày nó chào đời. Liệu nó cũng sẽ lớn lên và căm ghét tôi không? Liệu nó cũng sẽ đổ lỗi cho tôi vì đã giết mẹ nó?

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

SUỐT MÙA HÈ VÀ SANG THU, tôi luôn lo sợ rằng Bill Tanner sẽ tổng mẹ tôi vào tù và hủy hoại gia đình tôi. Nhưng phải đến buổi sáng thứ tư đầu tiên của phiên tòa, khi tôi nhìn ra ngoài cửa sổ phòng xử án và thấy những đám mây màu xám hợp kim cuộn cuộn từ phía Tây Bắc, tôi mới bắt đầu sợ rằng người đàn ông này còn có thể hô phong hoán vũ. Bầu trời u ám và căn phòng trở nên tối lờ mờ khi lão ta bắt đầu phần biện luận mở đầu, và đến ngày nay các luật sư bang ở hạt Orleans vẫn còn lắc đầu cười khi kể lại chuyện Bill Tanner đã tính toán để kiện Sibyl ra tòa đúng vào lúc trời nổi cơn bão tố.

Dĩ nhiên, ngoài phòng xử án, với những người đi mua sắm trên đường Main Street ở Newport hoặc với những người thơ thần ngắm lá thu trên những con phố nhỏ ở thị trấn Jay, thì đó chỉ là một ngày mưa bình thường của mùa thu. Chỉ với những người ở trong phòng xử án tại tầng ba với tầm nhìn toàn cảnh ra ao hồ núi non ở phía Bắc mới cảm thấy ý nghĩa siêu nhiên đáng sợ ấy.

“Sẽ không có ai nói với quý vị rằng Sibyl Danforth là một người độc ác. Sẽ không có ai nói với quý vị rằng bà ta là một sát nhân máu lạnh,” Tanner nói. “Có chẳng, quý vị sẽ nghe bên biện hộ nói bà ấy là người tốt thế nào... là người giỏi ra sao. Theo những gì tôi biết, họ sẽ nói với quý vị bà ta là một người mẹ tuyệt vời, người vợ hoàn hảo. Có thể bà ta đúng là như thế. Có thể không. Tuy nhiên, về phía quý vị, những điều đó không hề quan trọng. Hoàn toàn không.

Sibyl Danforth đã bị truy tố vì hành nghề y không phép, và bà ta đã bị truy tố tội bất cẩn gây chết người. Sẽ không có ai nói bà ta đã giết ai. Nhưng bà ta đã làm thế. Đó là một sự thật, và đó là điều quan trọng.

“Một phụ nữ trẻ đã chết và được an táng tại nghĩa trang Alabama bởi vì Sibyl Danforth, và một người cha đang phải đối mặt với trách nhiệm nặng nề là tự tay nuôi nấng hai đứa con trai nhỏ dại. Hãy tưởng tượng: Bé Jared Bedford chỉ mới nhận được tình yêu thương chăm sóc của mẹ trong bảy

năm. Bảy năm ngắn ngủi. Tệ hơn nữa, em trai của bé, Veil - một đứa trẻ đã sống sót, một cách kì diệu và may mắn, bất chấp sự bất cẩn không thể lý giải và sự sử dụng dao bếp tùy tiện của bà Danforth - sẽ không bao giờ, không bao giờ biết người phụ nữ lẽ ra sẽ nuôi dạy cháu nên người: Charlotte Fugett Bedford.”

Tanner lắc đầu thở dài trước khi tiếp tục. “Charlotte Fugett Bedford đã chết vì Sibyl Danforth. Không thể chối cãi. Không thể phủ nhận. Không thể đảo ngược. Một người phụ nữ hai mươi chín tuổi đã chết vì sự khinh suất có tính tội ác của Sibyl Danforth. Và nếu bà Danforth không phải loại người cầm súng lên bắn một người trong số quý vị vì tiền hoặc ma túy hoặc... hoặc gây án vì bị kích động, thì bà ta vẫn phải chịu trách nhiệm trước cái chết của Charlotte Bedford. Sibyl Danforth đã giết cô ấy. Rõ ràng và đơn giản: Sibyl Danforth đã giết cô ấy. Đó là lý do tất cả chúng ta có mặt ở đây vào lúc này.”

Người câu cá bằng côn trùng nhìn vào từng bồi thẩm viên trong lúc phát biểu, như thể lão ta đang ca tụng một dòng sông mà họ từng cùng nhau câu cá giờ đây đã cạn khô vì ô nhiễm đến mức không thể dùng được. Để nhấn mạnh, lão thỉnh thoảng dừng lại và nhìn ra những đám mây ngoài cửa sổ, nhưng hình như lão luôn nhìn lại bồi thẩm đoàn khi muốn trình bày một điểm đặc biệt quan trọng.

“Phía biện hộ sẽ cố gắng thuyết phục quý vị rằng đây là một vụ án phức tạp với rất nhiều tình tiết chưa rõ ràng, và họ sẽ đưa vào phòng xử này rất nhiều người xưng là chuyên gia nhưng có thể chưa bao giờ đặt chân đến Vermont. Chưa bao giờ. Nhưng quý vị sẽ sớm nhận ra vụ án này chẳng phức tạp chút nào.

“Chúng tôi sẽ cho quý vị thấy rằng từ thời điểm Charlotte và Asa Bedford ngồi xuống với Sibyl Danforth để bàn bạc việc đẻ con tại nhà, bà Danforth đã hành xử với một thái độ thiếu trách nhiệm trầm trọng, một thái độ chỉ có thể dẫn đến thảm họa.

“Liệu ngay từ đầu Charlotte Bedford có nên được cho phép đẻ con trong phòng ngủ hay không? Chúng tôi sẽ chứng minh rằng các bà mụ khác - cũng như có thể là mọi bác sĩ có hiểu biết trên hành tinh này - sẽ trả lời là không. Rủi ro quá cao.

“Liệu Charlotte và Asa có hiểu rủi ro này không? Rõ ràng là không. Hoặc bản thân bà Danforth đã không nhận ra rủi ro ấy, hoặc bà ta đã chọn cách không chia sẻ hiểu biết của mình về rủi ro ấy với khách hàng; dù thế nào thì bà ta đã chưa hề cảnh báo nhà Bedford về những nguy hiểm trong quyết định của họ.

“Vào ngày Charlotte Bedford chuyển dạ, Sibyl Danforth có chứng tỏ bà ta đã suy nghĩ bằng lý trí khi cân nhắc yếu tố thời tiết không? Không, bà ta đã không làm thế. Liệu một người phụ nữ đã sinh ra và lớn lên ở ngay tại Vermont, một người phụ nữ hẳn phải biết... sự thất thường, trái gió trở trời và hoàn toàn không ổn định của thời tiết Vermont, có bàn bạc với nhà Bedford về khả năng họ bị sẽ mắc kẹt trong nhà trong trường hợp chuyện không may xảy ra không? Không. Bà ta đã không làm thế.”

Mưa vẫn chưa dội lên cửa sổ bằng kính rộng đối diện với bồi thẩm đài, nhưng tôi để ý thấy một vài bồi thẩm viên đã nhìn ra ngoài bầu trời u ám phía sau Bill Tanner. Tôi cũng không thể cưỡng lại việc nhìn về phía ấy.

“Và rồi đêm hôm ấy,” lão nói, “khi bà ta nhận ra rằng vì sự tặc trách đáng kinh ngạc của mình mà bà ta và một người phụ nữ đang chuyển dạ bị dồn vào một phòng ngủ cách xa sự hỗ trợ của bệnh viện nhiều cây số, bà Danforth đã làm gì? Bà ta đã bảo Charlotte rặn... và rặn... và rặn. Bà ta đã bảo Charlotte rặn trong thời gian lâu hơn rất nhiều so với sự cho phép của bất kì bác sĩ nào. Bà ta đã bảo cô ấy rặn lâu hơn rất nhiều so với sức một người phụ nữ khỏe mạnh có thể chịu đựng. Không gây tê. Không thuốc giảm đau. Bà ta cứ bảo cô ấy rặn.”

Mẹ tôi cử động rất ít trong suốt cuộc công kích. Thỉnh thoảng bà quay về phía hồ nước, và hẳn bà đã ngắm những con sóng bạc đầu do bão gây ra,

nhưng bà vẫn ngồi thản nhiên với hai tay đan lại đặt trên bàn. Đôi khi Stephen hoặc Peter viết ra gì đấy, nhưng mẹ tôi thì không bao giờ chạm đến cây bút của bà. Trông bà như bị gây tê, hoặc đã trở nên chai lì trước sự thù ghét. Dù bố và tôi đều nóng phùng phùng vì điên tiết, nhưng bà vẫn như đang ở một nơi khác hẳn.

“Sibyl Danforth đã buộc người phụ nữ đáng thương ấy rặn lâu đến nỗi bà ta nghĩ rằng mình đã giết cô ấy! Bà ta quả thực tin rằng đã buộc một bệnh nhân của mình rặn lâu, lâu kinh khủng, đến mức người phụ nữ ấy cuối cùng tắt thở. Bị ép rặn đến chết, có thể nói như vậy. Điều nực cười ở đây là gì? Sibyl Danforth đã không ép cô ấy rặn đến chết. Bà ta đã suýt làm thế. Nhưng không hẳn. Charlotte Bedford không chết vì rặn. Cô ấy chết vì một con dao hai mươi lăm tấc với một lưỡi dao mười lăm tấc sáng choang.

“Tất cả quý vị sẽ thấy - và tôi vô cùng đau xót khi nói ra điều này - khi chúng ta kết thúc, người phụ nữ ấy đã chết bởi vì con người đang ngồi ở chiếc bàn đằng kia đã cầm một con dao bếp và tàn nhẫn mổ phanh bụng của Charlotte Bedford trong phòng ngủ của người phụ nữ tội nghiệp ấy, và bà ta làm thế trong lúc người phụ nữ ấy vẫn còn thở.”

Lão ta nhìn mẹ tôi rồi lắc đầu khinh bỉ. Mẹ tôi không nao núng, nhưng cạnh tôi, bố đang sôi gan lộn ruột. Ông vắt hết chân nọ qua chân kia.

“Tội ác này rất ghê tởm trên nhiều cấp độ, nhưng quý vị sẽ nhận thấy hai điều đặc biệt đáng sợ: Charlotte Bedford lẽ ra đã không chết nếu ở trong bệnh viện. Điều này đã rõ. Và Charlotte Bedford lẽ ra đã không chết nếu được một bác sĩ chăm sóc suốt thời gian mang thai. Rõ ràng, Sibyl Danforth không phải là bác sĩ. Bà ta là bà mẹ. Và tuy những người phụ nữ xưng là bà mẹ tự nhận họ có đủ mọi kiến thức nhà nghề, tuy tự nhận họ có khả năng đỡ đẻ, nhưng trong thực tế họ biết về thuốc men còn ít hơn cả quý vị hoặc tôi. Sibyl Danforth chưa bao giờ học ngành y. Bà ta chưa bao giờ học ở trường hộ sinh. Bà ta không có giấy phép hành nghề y. Thực ra, bà ta được đào tạo y khoa quá ít đến nỗi vào lúc từ sáu giờ đến sáu giờ ba mươi sáng

ngày mười bốn tháng ba, bà ta thậm chí còn không phân biệt được giữa một người còn sống với một người đã chết! Hãy nhìn nhận điều này, Sibyl Danforth không hề đủ tiêu chuẩn để đỡ đẻ, chẳng khác nào người phụ nữ ở cửa hàng văn phòng phẩm bán báo cho tôi sáng nay hoặc cậu trai bơm xăng cho xe của tôi!”

Tanner dừng lại để hình ảnh hiện lên sống động trong đầu bởi thẩm đoàn: một cậu trai mặt mụn đội mũ lưỡi trai và những đôi tay bẩn thỉu đỡ đẻ một đứa bé.

Tuy nhiên, trong sự im lặng thoáng chốc đó, tôi nghe thấy tiếng một em bé sắp được cho bú ở phía sau phòng xử, và tôi cảm thấy sững sờ. Một con khỉ mới lớn dính dầu mỡ là một hình ảnh ấn tượng, nhưng với tôi, nó dường như bị lu mờ trước một đứa bé sơ sinh đang bú mẹ. Sinh vật bé nhỏ sau lưng chúng tôi khóc ré lên vì đói, rồi mê mẩn khi mẹ nó cởi áo ra và con bé trông thấy bầu vú mà nó sắp được bú.

Khi Tanner nói tiếp, lão đứng thẳng lưng và đặt một bàn tay lên thanh chắn của bục nhân chứng, khi đó còn trống. “Phía biện hộ có thể quả quyết rằng phiên tòa này là để vạch ra sự thật về việc nghề y đã cướp đi quá trình sinh đẻ thuộc về phụ nữ như thế nào,” lão nói, giọng trở nên sôi nổi hơn khi tiến gần đến cái mà tôi cho là đỉnh điểm. “Ái chà, đó là chỉ chuyện vớ vẩn. Họ có thể tranh luận rằng phiên tòa này là để nêu lên quyền của thai phụ được chọn đẻ con tại nhà. Điều đó cũng vớ vẩn nốt.”

“Phiên tòa này nhằm vào một điều, và chỉ một điều mà thôi: sự vô trách nhiệm và phán đoán sai lầm của Sibyl Danforth, đã dẫn đến sai lầm tước đi mạng sống của Charlotte Bedford. Khái niệm bất cần gây chết người ở Vermont đã rõ - quý vị đã nghe nó từ thẩm phán - và vụ án trước mắt quý vị là một ví dụ đáng sợ nhưng rất điển hình: Sibyl Danforth đã cực kì khinh suất. Sibyl Danforth đã nhúng tay vào một việc có nguy cơ gây chết người cao. Và vào buổi sáng ngày mười bốn tháng ba năm 1981, bà ta đã gây ra

cái chết cho Charlotte Fugett Bedford - nói theo luật là ‘một con người khác’.”

Tanner có lẽ đã định nói thêm, nhưng cơn bão đã ngăn lão lại: Như một tín hiệu, có lẽ chỉ một giây sau khi trích luật, một cơn gió dội lớp nước mưa đầu tiên vào những cửa sổ phía sau lão ta với một lực mạnh đến nỗi nghe như sấm và làm mặt kính rung lên.

Tôi chỉ là một trong số nhiều người có mặt trong phòng xử há mồm kinh ngạc.

Ở trường, chúng tôi được phép vắng học tối đa ba lần một quý nếu có lý do chính đáng như phiếu hẹn khám bệnh hoặc là phiên tòa xét tội bất cẩn gây chết người của mẹ bạn gái. Bằng cách đến lớp trước giờ ăn trưa và cúp của tiết lịch sử sau đó, Tom có thể tận dụng gần ba giờ đồng hồ để lái xe đến Newport và làm gia đình Danforth bất ngờ khi chúng tôi bước ra khỏi tòa án. Bố mẹ tôi mời Tom ăn cùng chúng tôi tại nhà hàng, nhưng anh đã đem theo bánh mì sandwich, nước ngọt, và viễn cảnh một buổi dã ngoại mùa thu dành cho hai người, vì thế họ để chúng tôi tự đi chơi riêng trong một giờ.

“Chỉ cần các cháu đừng nói chuyện với nhà báo,” Stephen căn dặn khi chúng tôi tách ra khỏi người lớn. “Làm ơn đấy. Thực ra, đừng nói chuyện với bất kì ai... nhớ nhé.”

Trời vẫn còn mưa, vì thế Tom và tôi ngồi ăn sandwich trên băng trước chiếc Sunbird gỉ sét mà anh trai anh đã sửa xong nhưng phải đến cuối tuần mới được chủ lấy về. Anh đỗ cạnh một chiếc xe khác gần Thư viện Quốc gia, một khối bê tông sừng sững âm đạm nằm đối diện tòa án trên đường Main Street.

Trong gần suốt buổi ăn trưa, chúng tôi chẳng nói gì về phiên tòa, dù tôi không tin rằng cả hai chúng tôi dứt khoát hoặc cố ý né tránh chủ đề ấy. Anh hỏi mọi việc thế nào khi chúng tôi vừa ngồi vào xe, và tôi kể với anh, Bill Tanner là lão già khốn nạn ra sao, nhưng rồi sau đó chúng tôi chuyển sang

các đề tài khác: chuyện Sadie Demerest sắp chia tay với Roger Stearns. Chuyện chúng tôi sợ đội bóng của trường sẽ thua trận đầu tiên tối thứ sáu hôm đó trước St. Johnsbury, một trường lớn hơn nhiều với một đội mà chúng tôi phải thừa nhận là lớn hơn và giỏi hơn nhiều. Chuyện Chip Reynolds đang thử những miếng ngậm thuốc phiện bé tí mà anh trai nó thường đem về từ Montreal, và sự quả quyết của chúng tôi rằng nó đang đâm đầu vào rắc rối.

Cơn bão tôi nhìn thấy trong phòng xử án vào sáng hôm đó đến từ phương Bắc, và Tom kể với tôi anh đã nhìn thấy nhiều đàn ngỗng Canada lũ lượt bay về phương Nam: tôi tưởng tượng những hình chữ V lớn màu xám kêu inh ỏi trên bầu trời, và trong đầu tôi hình dung cảnh chúng bay về trước hết đàn này đến đàn khác. Anh bảo chú của anh đã săn được con ngỗng đầu tiên của năm vào ngày hôm ấy, một cú hạ nhanh ở trên phố Gary ngay trước bữa ăn sáng, và anh cười cợt trước niềm tự hào của ông chú khi bắn hạ một con chim “có lẽ chỉ nặng cỡ một thanh kẹo Snickers.”

Trước khi chia tay, lúc tôi nhét tờ giấy bạc đã vo thành viên xuống đáy túi xách màu nâu của mình, tôi hỏi anh ở trường có ai nói về phiên tòa không.

“Anh biết có một lớp, tiết đạo đức của lớp trên, nói về nó suốt bốn mươi lăm phút sáng nay. Làm cho nhiều đứa bọn anh ước gì mình lớn hơn một tuổi.”

“Ý anh là ở trong lớp học á? Họ nói về phiên tòa trong lớp học à?”

“Anh thề có Chúa. Garrett Atwood kể với anh mà,” anh nói, nhắc đến một cầu thủ bóng rổ lớp trên đang hẹn hò với cô bạn Rollie dậy thì sớm của tôi.

“Và họ nói về phiên tòa?”

“Không nói nhiều lắm về phiên tòa,” anh đáp, ấn đầu thuốc lá bốc khói vào gạt tàn, “chủ yếu về việc nó quá ư... quá ư đau lòng. Cô Bedford lấy một mục sư và những chuyện đại loại thế.”

Tôi không nghĩ lúc đấy trong vốn từ chúng tôi thường dùng có từ *trở trêu*, nhưng tôi biết chính xác hàm ý của anh.

“Garrett có kể với anh nó kết thúc thế nào không?”

“Anh không nghĩ cuộc thảo luận thực sự đi đến đâu, ngoại trừ cuối cùng có vài đứa con gái khóc.”

“Cho cô Bedford? Hay là cho chồng cô ta?”

“Cả hai. Cả cho em và mẹ em nữa.”

“Thật buồn quá.”

“Toàn bộ chuyện này thật đáng buồn. Dĩ nhiên, thầy Rhymer rất giỏi, thầy ấy giúp cho mọi người không kích động. Nhưng Garrett nói mọi người vẫn cảm thấy như đây là một trong những chuyện khủng khiếp mà chúng ta không thể nào hiểu nổi.”

“Thế còn ngoài lớp học thì sao? Người ta có nói về nó ngoài lớp học không?”

“Ừ, có. Vì em không đi học. Nhưng nói thật, nếu em đi học, người ta có thể sẽ vẫn nói - chỉ không nói khi em ở gần bên thôi,” anh nói thêm.

“Họ nói gì?”

Anh nhún vai. “À, chủ yếu là họ nghĩ rằng chuyện đang xảy ra thật bất công. Đa số lũ con gái nói chúng nghĩ rằng để con ở nhà thì cũng chả sao, và mai một có thể chúng sẽ làm thế.”

Anh không nhìn tôi trong lúc nói; anh nhìn trần trời vào đầu thuốc lá vẫn còn bốc khói của mình, và tôi biết ngay rằng anh đang nói dối. Tôi biết với một niềm tin mang tính bản năng, trực giác. Thực ra, tôi biết rằng sự thật hoàn toàn ngược lại. Lũ con gái, nếu có nói về hoàn cảnh của tôi hoặc mẹ tôi đi nữa, đều sẽ bày tỏ nỗi sợ về đề tài nhà nói chung, và nỗi kinh ngạc

của chúng khi có ai đó lại ngu ngốc đến nỗi thử làm một việc như thế tại nhà.

“Như nhiều bà mụ, bà ấy có lẽ đã được dân làng nhìn nhận với một thái độ vừa khâm phục vừa ganh tị, vừa sợ hãi vừa tôn trọng,” Stephen nói, nhắc đến một bà mụ sống vào cuối thế kỉ mười tám, tác giả quyển nhật kí mà ông đã đọc kĩ. Người phụ nữ đó từng hành nghề ở New Hampshire, và quyển nhật kí hai trăm năm tuổi của bà đã được phát hiện và xuất bản khi tôi học lớp sáu. Tôi chưa đọc quyển sách đó, nhưng mẹ tôi và các bà mụ bằng hữu của bà thì đã đọc rồi, và người phụ nữ ấy - Priscilla Mayhew ở xứ Fullerton - đã trở thành một vị thánh nhỏ và một hình mẫu lớn trong mắt họ.

“Làm bà mụ luôn luôn là như thế,” ông nói với thái độ trang nghiêm, bình thản bước trước mặt bồi thẩm đoàn. “Với một số người, họ là phù thủy - hoặc, ngày nay, là loài lạc hậu kì lạ và có phần nguy hiểm của một thời đại khác. Nhưng trong mắt những người khác, họ là những người chữa bệnh. Không ngạc nhiên khi phụ nữ thường xem họ như người chữa bệnh, còn đàn ông xem họ như phù thủy dễ khóc. Hoặc là pháp sư. Hoặc là người vác tù và hàng tổng. Bà mụ, về bản chất và nghề nghiệp, đã luôn luôn thách thức chính quyền; họ luôn có vẻ quá độc lập - ý tôi là trong mắt đàn ông ấy. Lịch sử nghề bà mụ của nước Mỹ chứa đầy những tên tuổi phụ nữ được đề cao bởi những người cùng giới và bị tẩy chay bởi cánh đàn ông. Những tên tuổi như Anne Hutchinson. Đúng thế, Anne Hutchinson. Thủ lĩnh tôn giáo đầu tiên của nước Mỹ thuộc địa là một người phụ nữ và là một bà mụ.

“Không chỉ có một trí tuệ siêu phàm, Anne Hutchinson còn có một trái tim mạnh mẽ và đôi tay êm ái của một bà mụ. Và bà có nhiều tín đồ. Vậy điều gì đã xảy ra với Anne? Những người đàn ông - *những người đàn ông* - của Massachusetts đã đẩy bà đến vùng rừng rậm, và với sự giúp đỡ của bà, nơi đó đã trở thành tiểu bang Rhode Island xinh đẹp.

“Họ có hỏi xem các bà mẹ cảm thấy thế nào về việc này không? Không. Dĩ nhiên họ không hỏi,” Stephen nói tiếp, ông lắc đầu và mỉm cười với các bồi

thăm viên, trao cho họ một nụ cười ngụ ý, *Tôi chẳng lấy làm ngạc nhiên, còn quý vị?*

Tôi nhìn theo ánh mắt của ông đến bồi thăm đoàn, hi vọng thấy họ cũng đang phần nộ như ông. Tôi không thể biết. Người Vermont sẽ là những người chơi bài rất giỏi nếu họ có quyết định từ bỏ nghĩa vụ quân sự, và nhóm những người gồm nông dân, thợ bán hoa, giáo viên, thợ quét ống khói, thợ đốn gỗ, thư kí và thợ mộc này cũng không ngoại lệ: Họ ngồi bất động, nhiều người đặt tay lên đùi, nét mặt gần như đanh lại hết nhau, trịnh trọng, và không thể giải mã.

Có bảy phụ nữ và năm đàn ông trong bồi thăm đoàn. Hai người dự bị đều là nữ, vì thế bồi thăm dài trông cứ như tuyển là nữ. Không ai trong số họ từng đẻ con tại nhà, dù tôi biết hai trong số ba người phụ nữ lớn tuổi trong bồi thăm đoàn đã từng chào đời tại nhà. Không có bác sĩ hoặc y tá trong bồi thăm dài, như Stephen mong muốn, nhưng rõ ràng cũng không có bà mụ, hoặc những người liên quan đến bà mụ.

Một người đàn ông biết một bà mụ, nhưng không rõ lắm, còn một người khác - thợ quét ống khói bán thời gian và thợ lợp mái nhà bán thời gian - thường cạo muội than bám trong ống khói ở nhà của một bà mụ. Nhưng ông ta không nhớ hai người có bao giờ nói về chuyện sinh đẻ khi ở đó.

Không ai trong bồi thăm đoàn làm việc ở hợp tác xã lương thực hoặc các cửa hàng bách hóa thực phẩm thiên nhiên đông khách. Không ai nói rằng mình từng sống trong công xã.

Có một phụ nữ ở độ tuổi sinh sản trong bồi thăm đoàn, đối tượng mà Stephen hi vọng tránh được. Đó là một phụ nữ gần ba mươi tuổi có mái tóc đỏ thời thượng và kiểu trang điểm mà người Vermont chỉ thường thấy ở những du khách đến từ thành phố New York. Cô có hai con ba tuổi và sáu tuổi, và dự định sẽ đẻ thêm. Cô ta làm thư kí tại một khu nghỉ mát trượt tuyết, nhưng chẳng ai trong chúng tôi nghĩ cô làm việc đấy vì tiền. Ngoài ra, ông nội cô là bác sĩ, vì thế cô ta làm cho Stephen lo lắng chẳng kém bất

kì người nào khác trong bồi thẩm đoàn. Cô ta thông minh, nói năng lưu loát, và hăng hái một cách thích hợp - hoặc không thích hợp, cô ta là loại người có thể điều khiển các cuộc nghị án.

Thật không may, còn có những ứng viên tệ hơn nữa, theo quan điểm của chúng tôi, và do đó cô ta được ở lại.

Stephen giở quyển nhật kí của Priscilla Mayhew lên cho bồi thẩm đoàn xem một lần nữa, một quyển sách bìa cứng với lớp bọc chống bụi bằng giấy bóng. Bìa trước có tranh vẽ một chiếc ghế dùng trong đỡ đẻ tại nhà, và đó là nguồn cơn khiến mẹ tôi không thôi bực bội. Rất có thể Priscilla Mayhew đã không bao giờ dùng đến một vật như thế, và nếu đọc kĩ quyển nhật kí, người ta sẽ nhận ra điều đó.

“VẬY, theo tiêu chuẩn của nước Mỹ cuối thế kỉ hai mươi, tỉ lệ sản phụ tử vong của bà Mayhew có cao không?” Stephen hỏi bồi thẩm đoàn câu hỏi tu từ.

“CÓ. Theo tiêu chuẩn của chúng ta thì đúng là cao. Theo tiêu chuẩn của chúng ta, nó cao một cách không thể chấp nhận. Bà Mayhew đã chứng kiến một ca tử vong trên mỗi một trăm chín mươi hai đứa trẻ khỏe mạnh, vui vẻ mà bà đỡ đẻ. Khoảng hai trăm năm sau, vào năm 1981, chỉ có một trên một nghìn bà mẹ chết trong lúc sinh con. Vậy mà chỉ mới vào năm 1930, chỉ mới năm mươi năm trước thôi, tại Mỹ có một trên một trăm năm mươi người chết vì sinh đẻ. Một trên một trăm năm mươi. Quý vị có thể tìm hiểu tại Trung tâm Thống kê Y tế Quốc gia. Có điều gì trở trêu ở đây không? Tất nhiên là có.

“TẠI MỸ VÀO NĂM 1930, ĐA SỐ PHỤ NỮ ĐẺ CON TRONG BỆNH VIỆN, VÀ HỌ ĐẺ CON VỚI SỰ CHĂM SÓC CỦA BÁC SĨ.

“NÓI CÁCH KHÁC, PRISCILLA MAYHEW, BÀ MỤ Ở THẾ KỈ MƯỜI TÁM, CÓ TỈ LỆ SẢN PHỤ TỬ VONG THẤP HƠN ĐÁNG KỂ SO VỚI CÁC BÁC SĨ HÀNH NGHỀ VÀO NĂM 1930.

“Và dù sản khoa đã có những bước nhảy vọt ấn tượng trong năm mươi năm qua, thống kê cho thấy ngày nay một ca đẻ tại nhà theo dự tính cũng an toàn không kém một ca đẻ trong bệnh viện - cho cả mẹ lẫn con,” Stephen nói, sải bước về chiếc bàn mà mẹ tôi và Peter đang ngồi. Peter đưa cho ông một tờ giấy có các cột số liệu.

“Các con số trong nghiên cứu này có thể khiến quý vị ngạc nhiên, nhưng chúng đây. Trong một nghiên cứu gần đây, có một phẩy ba trẻ em chết trên một nghìn trẻ được sinh tại nhà, trong khi có một phẩy bảy trẻ chết trên một nghìn trẻ chào đời tại một số bệnh viện ở Minnesota... hoặc hai phẩy bốn tại một bệnh viện của bang New York.

“Quan điểm của tôi? Những người đang truy tố bà Danforth sẽ quả quyết rằng sinh tại nhà không chỉ là vô trách nhiệm, mà còn điên rồ. Chà, quý vị sẽ thấy là họ đã sai. Đó có thể không phải là một sự lựa chọn đúng đắn cho một số phụ nữ, nhưng nó cũng không nguy hiểm hơn so với một ca đẻ ở bệnh viện là bao. Hãy thừa nhận điều này, phụ nữ đã đẻ con tại nhà từ khi, à, từ khi bắt đầu có sự sống. Và cho đến gần đây, họ đã được chăm sóc bởi những người như Priscilla Mayhew: những bà mẹ hiểu biết, hết lòng hết dạ, tận tình. Những người phụ nữ cống hiến cuộc đời họ cho những chị em lúc sinh đẻ. Những phụ nữ này là ai?

“Có một người đang ngồi ngay trước mặt quý vị. Sibyl Danforth. Như quý vị đã biết, Sibyl Danforth là một bà mẹ. Quý vị sẽ biết bà ấy là một bà mẹ hiểu biết. Một bà mẹ hết lòng hết dạ. Một bà mẹ tận tình.

“Quan trọng nhất là, quý vị sẽ biết bà ấy là một bà mẹ xuất sắc.

“Quý vị sẽ biết theo số liệu thống kê, những đứa trẻ do bà ấy đỡ đẻ khỏe mạnh không kém những đứa trẻ chào đời ở bệnh viện North Country, và các bà mẹ của bà ấy thực ra còn khỏe hơn nữa. Đúng vậy, các bà mẹ của bà ấy khỏe hơn. Họ ít bị rạch âm hộ hơn, ít bị vết rách hơn, và ít sự can thiệp phẫu thuật hơn,” ông nói, ngụ ý mỉa mai. Ông đã giải thích với gia đình tôi rằng ông sẽ dùng những cách nói uyển ngữ bất kể khi nào có thể vào lúc

đầu - những từ như vết rạch chẳng hạn, thay vì vết rách đáy chậu - và ông sẽ tránh dùng từ để mô tả bằng mọi giá. Từ đó, và toàn bộ ý nghĩa bao hàm của nó, sẽ sớm trở thành một từ cố định trong phiên tòa, ông đã nói thế.

“Trong suốt những năm đỡ đẻ em bé và chăm sóc bà mẹ của bà ấy, chỉ có duy nhất một phụ nữ thiệt mạng. Charlotte Bedford.

“Và xin hãy hiểu cho, chúng tôi sẽ không nói với quý vị rằng cái chết ấy không phải là một thảm kịch. Nó đúng là thảm kịch, Chúa ơi, đúng là như vậy.” Stephen nói, lướt bàn tay trên lớp gỗ sơn bóng ở mép chiếc bàn dành cho báo cáo viên tòa án. Hầu hết gỗ trong phòng xử án đều láng bóng đến độ sáng choang, nhất là những cây cột màu hổ phách sạm viền quanh những cánh cửa như những cột Doric^[24].

“Và không ai buồn vì điều đó hơn Sibyl Danforth. Gia đình của Charlotte Bedford có đau đớn vì sự mất mát này không? Có. Bất kì gia đình nào cũng sẽ đau đớn. Nhưng Sibyl Danforth cũng đau đớn không kém. Nói gì đi nữa, Sibyl Danforth đã chứng kiến cái chết của cô ấy. Bà đã ở đó, bà đã có mặt trong phòng. Bà đã chứng kiến người phụ nữ ấy chết.

“Nhưng Sibyl Danforth không giết cô ấy, và đó là toàn bộ nội dung vụ án này,” ông nói, rồi dừng lại. Ông đứng im, tuyệt đối bất động trước bồi thẩm đài suốt một lúc lâu, trong bộ complet xám nhỉnh- hơn-một-bậc, không hề nhúc nhích. Ông đứng thẳng lưng, hai tay áp vào hai bên người, và lần đầu tiên trong ngày hôm đó tôi nhớ lại rằng Stephen là một cựu binh chiến tranh.

Rồi ông đột ngột dang hai tay ra, và bằng một cử chỉ dứt khoát đặt chúng mạnh xuống thanh chắn trước mặt, sát một bồi thẩm viên đến độ người thanh niên đó giật bắn mình khi hai tay ông chạm xuống.

“Vì Chúa, Sibyl Danforth không giết ai cả,” Stephen nói, “bà ấy đã cứu mạng một người. Sibyl Danforth không cướp đi mạng sống của một người phụ nữ trẻ vào sáng hôm đó ở Lawson, bà ấy đã cứu mạng một bé trai. Đó

là chuyện đã xảy ra, đó là sự thật: Bà ấy đã cứu một đứa bé từ người mẹ đã chết của nó.

“Chính quyền bang dĩ nhiên đang nói ngược lại, quả quyết rằng Charlotte Bedford vẫn còn sống khi Sibyl Danforth tiến hành cứu người. Lời buộc tội này đến từ đâu? Từ quan điểm của một cô gái hai mươi hai tuổi hoảng sợ, kiệt sức, và ngây thơ: một cô gái chưa chứng kiến hơn hai mươi ca đẻ trong đời, nhưng đã trải qua bi kịch của thời tuổi trẻ. Chính quyền bang sẽ yêu cầu quý vị tin lời nói của cô học việc hai mươi hai tuổi này thay vì tin lời của bị cáo, một bà mụ giàu kinh nghiệm từng đỡ đẻ an toàn cho hơn năm trăm đứa trẻ. Một người phụ nữ biết về hô hấp nhân tạo và xử lý y tế khẩn cấp có lẽ tốt hơn hầu hết các hỗ trợ viên y tế.

“Đừng phạm sai lầm: Sibyl Danforth biết về sinh đẻ, nhưng bà cũng biết về cái chết. Bà đã được đào tạo quá tốt nên không thể nhầm lẫn giữa một người sống và một người chết. Charlotte Fugett Bedford đã chết khi Sibyl Danforth cứu mạng đứa bé trong tử cung của cô ấy.”

Ông quay sang mẹ tôi và chỉ về phía bà: “Người phụ nữ này không phải là một tội phạm, bà ấy là một anh hùng! Hành động của bà ấy không phải là bất cần gây tội ác, mà là hành động dũng cảm! Bà ấy là người dũng cảm!”

Mưa đã ngớt từ trước giờ ăn trưa, nhưng bầu trời vẫn không có dấu hiệu sáng sủa hơn. Stephen đi về phía cửa sổ, nhìn thoáng ra những đám mây, rồi lại nhìn chăm chú vào bồi thẩm đoàn từ đầu kia của phòng xử án.

“Sinh đẻ là có rủi ro, và sinh đẻ tại nhà là có rủi ro,” ông nói, giọng nói đều đều, có phần buồn bã. “Quý vị biết điều đó, và Charlotte Bedford cũng thế. Cả cô ấy và chồng đều biết những rủi ro chực chờ. Chính quyền bang quả quyết rằng bà Danforth đã không chia sẻ thông tin về rủi ro với họ. Chúng tôi sẽ cho quý vị thấy chính quyền bang đã sai.

“Chính quyền bang nói việc bà Danforth làm là hành nghề y không giấy phép. Chúng tôi sẽ cho quý vị thấy bà ấy chỉ làm điều mà bất kì con người

tử tế và can đảm nào - có thể là bất kì ai trong số quý vị - sẽ làm, khi đứng trước cùng một sự lựa chọn kinh khủng: Hai cái chết. Hay một.

“Cuối cùng, chính quyền bang sẽ nói với quý vị rằng Charlotte lẽ ra đã không chết nếu sinh con trong bệnh viện. Chúng ta không bao giờ biết được điều đó. Nhưng nó không quan trọng. Nó không quan trọng bởi vì Charlotte Bedford đã quyết định đẻ con tại nhà và thông báo quyết định đó. Và quý vị sẽ thấy rằng khi tình hình chuyển dạ của Charlotte Bedford không tiến triển theo cách mà thân chủ tôi mong muốn, thì thân chủ tôi thực ra đã làm tất cả trong khả năng để đưa người phụ nữ ấy đến bệnh viện. Tất cả. Thật không may, băng đá và gió mưa đã ngăn cản bà ấy.

“Cái chết của Charlotte Bedford là một thảm kịch. Chúng ta biết điều đó. Chính quyền bang biết điều đó. Nhưng căn cứ trên khát khao của Charlotte và Asa Bedford được đẻ con tại nhà, một quyền được chính quyền bang Vermont bảo vệ, thì đó là điều không thể tránh khỏi - như quý vị sẽ thấy.

“Lý do duy nhất thân chủ của tôi phải ra tòa là vì chúng ta có những bác sĩ ở bang này mong muốn nhìn thấy lựa chọn sinh đẻ tại nhà bị xóa sổ; họ muốn toàn bộ tư tưởng này biến mất. Họ muốn mọi đứa trẻ trong bang này chào đời ở bệnh viện. Ý nghĩ một bà mẹ có thể làm điều họ đang làm - và lại làm tốt hơn - khiến vài người trong số họ phát điên, và thế là họ hành hạ thân chủ của tôi. Một bà mẹ xuất sắc. Và tôi đã suy nghĩ thận trọng khi dùng từ *hành hạ*: Họ không chỉ khởi tố Sybil Danforth, họ đang hành hạ bà ấy. Bà ấy và... lòng tốt của bà ấy.

“Điều các bác sĩ giờ đây đang làm với Sibyl Danforth chính là điều mà đàn ông đã làm với các bà mẹ trong nhiều thế kỉ, kể từ những ngày khi Anne Hutchinson bị trục xuất khỏi Massachusetts. Họ đang tìm cách tống khứ Sibyl Danforth. Và họ đang làm điều đó bằng cách cáo buộc bà những tội ác mà bà không phạm phải.”

Ông gật đầu với thẩm phán rồi thì thầm một tiếng cảm ơn khẽ đến bồi thẩm đoàn. Sau đó ông ngồi xuống cạnh mẹ tôi và chống tay lên cằm.

Vào lúc đó tôi nghĩ đó là một bài tranh luận hùng hồn và ấn tượng, và dù vẫn còn gần hai tuần lấy lời khai trước mặt, nhưng tôi chắc chắn đã quyết tâm xóa toàn bộ cáo buộc đối với mẹ tôi nếu tôi ngồi trong bồi thẩm đoàn. Nhưng có gì đó gặm nhấm tôi khi Stephen ngồi xuống, và chỉ đến khi gia đình tôi lái xe về nhà còn tôi ngồi một mình nghĩ ngợi ở băng ghế sau trong xe, tôi mới nhận ra nó là gì: Dù Stephen đã nói bằng nhiều cách trôi chảy khác nhau rằng mẹ tôi không giết Charlotte Bedford, ông chưa bao giờ nói chính xác tại sao người phụ nữ xấu số ấy thiệt mạng.

17

Tôi có thể tính được tương đối số lần tôi đọc đi đọc lại những gì mình viết vào ngày 15 tháng ba. Tôi chỉ cần đếm trên lịch số ngày đã trôi qua kể từ hôm đó để có số liệu ước tính, vì hiếm có ngày nào trôi qua mà tôi không đọc lại bài viết đó. Tôi nghĩ mình đã bắt đầu viết vào khoảng bốn giờ rưỡi sáng vì không ngủ được, và hình như tôi đã viết không dừng cho đến khi Rand thức dậy vài giờ sau đó. Đó chính là hôm thứ bảy chúng tôi gặp Stephen.

Bài viết đó như một tai nạn xe ô tô với tôi vậy. Tôi bị hút vào nó, tôi không thể không dán mắt vào từng con chữ.

Khi Stephen và Bill Tanner đang trình bày phần biện luận mở đầu hôm nay, mỗi người đều có một phiên bản riêng về điều đã xảy ra, và tôi không thôi nghĩ về phiên bản của mình - những gì tôi đã viết vào ngày mười lăm. Sau gần ấy thời gian, dường như những gì tôi viết cũng đã trở thành một phiên bản nữa. Tôi có một phiên bản, Asa có một phiên bản, và Anne có một phiên bản. Và chúng tôi hi vọng mười hai con người này sẽ quyết định về điều gì đã thực sự xảy ra, trong khi ngay cả chúng tôi còn không thống nhất được.

Có phải tôi đã từng rất thích đỡ đẻ em bé hay không? Chúa ơi, tôi biết là phải, vì tôi đã làm thế nhiều năm rồi. Nhật kí của tôi tràn ngập những cách thể hiện niềm đam mê đó; tôi có thể lướt ngón tay trên các con chữ - những con chữ của tôi. Nhưng tôi đã không đỡ một đứa bé nào trong nhiều tháng rồi, tôi đã không cảm nhận một cơn dâng trào lúc chuyển dạ của bà mẹ nào kể từ mùa xuân năm nay.

Và tôi chẳng còn nhớ nổi cảm giác đó là như thế nào nữa.

Tất cả những hân hoan mà tôi từng trải nghiệm đã biến thành nỗi đau, kiểu cảm xúc mà bạn không nhớ rõ khi nó kết thúc. Rất ít người trong số chúng ta nhớ được nỗi đau khi nó qua đi; chúng ta không thể kể lại nó khủng khiếp thế nào. Đó là những gì mà tất cả hân hoan tôi từng có trong các ca đẻ đã trở thành: một từ mơ hồ chẳng có ý nghĩa gì lắm.

Tuần sau tôi sẽ ngồi ở bục nhân chứng và kể với mọi người tôi nghĩ điều gì đã xảy ra, và tôi có thể sẽ lấy đủ tinh thần để tỏ ra bình thản và chắc chắn về điều đó. Tôi chắc mình sẽ tự tin về điều đã xảy ra như Stephen mong muốn ở tôi, vì đó là việc tôi phải làm lúc này vì gia đình mình.

Nhưng sự thật của vấn đề là, tôi không còn biết điều gì đã thực sự xảy ra nữa.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

TRONG NHỮNG TUẦN TRƯỚC khi phiên tòa của mẹ diễn ra và những tuần khi nó diễn ra, đó là tất cả những gì bố mẹ có thể làm để chăm sóc bản thân. Đứa con gái mới lớn của họ dĩ nhiên không phải là ưu tiên thấp nhất trong cuộc đời họ, nhưng, cũng thật dễ hiểu, sự chú ý của họ không tập trung vào tôi.

Trong những đêm phiên tòa diễn ra, tôi có nghĩa vụ ở nhà, ngồi trong phòng đọc thứ mà những người lớn xung quanh đã kết luận là không cần phải thảo luận trong lớp học hoặc giảng giải. Cố vấn dẫn dắt của trường đã gặp các giáo viên và mẹ tôi vào tuần trước khi phiên tòa diễn ra, và mọi người đều

đồng ý tôi sẽ tiếp tục tự học môn Anh văn và lịch sử, rồi sau đó học đuổi môn toán, khoa học và Pháp văn sau khi mọi chuyện kết thúc.

Nhìn lại, tôi ngạc nhiên khi người ta lại có thể yêu cầu một việc như thế. Những người lớn đều kiệt sức sau mỗi ngày ra tòa, và tôi cũng thế: Sau khi chứng kiến mẹ của mình bị tấn công dữ dội trong sáu đến tám giờ đồng hồ, tôi chẳng còn hơi sức đâu mà học với hành.

Tương tự, bố mẹ tôi cũng quá mệt nên không thể răn đe tôi, quá bận rộn đến nỗi cả nhắc nhở tôi làm bài tập về nhà cũng không thể.

Kết quả là, tôi dành phần lớn buổi tối sau phiên biện luận mở đầu, ngày thứ tư đầu tiên của phiên tòa, ở kho thóc nhà McKenna với Rollie, Tom và Garrett Atwood. Đến mười giờ, bốn đứa chúng tôi đã phê thuốc túy lúy, đến nỗi đã chụm tay quanh lỗ mũi con Witch Grass tội nghiệp và gắng sức thổi chất ma túy chúng tôi vừa mới đưa vào phổi mình qua phổi nó.

Con ngựa ngất ngậy một chút, nhưng không lão đảo như chúng tôi. Cơn mưa ngày hôm đó đã khiến bên trong kho thóc nhớp nháp, nhưng Tom và Garrett đã có tầm nhìn xa trông rộng, được xúc tác bằng kích thích tố sinh dục nam, khi đem theo chăn và cần sa. Thế là Tom và tôi nằm ôm nhau sát rạt ở một góc kho thóc, trong khi Rollie và Garrett tìm được một góc khác. Phần lớn mây đã di chuyển về phía đông, và một mặt trăng to khổng lồ thấp sáng bầu trời xuyên qua một ít mây còn lại.

Khi tôi loạng choạng về nhà trước mười hai giờ đêm, ánh sáng duy nhất phát ra từ nhà chúng tôi đến từ phòng ngủ của bố mẹ. Tôi đoán họ thức đợi tôi về, và sẽ đi xuống đón tôi ngay khi tôi mở cửa. Thế là với kiểu suy luận tùy hứng của một đứa con gái mới lớn phê thuốc, tôi lững thững đi ra phía sau nhà và giật tung cửa sổ chắn bão ở phòng làm việc của mẹ. Cách bố tôi trét sơn matit để bịt kín những cạnh rìa kim loại vào mỗi mùa thu khiến tôi luôn nghi ngờ rằng cửa sổ chắn bão không được đóng kín, và tôi đã đúng. Rất dễ mở nó ra từ bên ngoài, và cũng dễ leo qua gờ cửa chui vào bên trong.

Cạnh cửa sổ là bàn làm việc của mẹ, và dưới ánh trăng tôi có thể thấy một quyển nhật kí của bà đang mở ra trên bàn. Có vẻ như bà đã viết nhật kí tối hôm đó.

Tôi đóng cửa lại, đẩy nó thật khê về phía khung cửa để ánh sáng không lọt ra ngoài khi tôi mở đèn bàn lên. Nếu không phải quá phê thuốc, thì tôi muốn tin rằng tôi sẽ tôn trọng sự riêng tư của mẹ và để yên quyển nhật kí của bà, nhưng lần này thì tôi không chắc. Và không cần biết liệu thuốc phiện có thể hoặc nên là lý do để bào chữa cho hành vi xấu, nhưng không thể chối cãi rằng chúng thường giải thích cho chuyện đó. Cúi người xuống bàn, tôi bắt đầu đọc, và khi tôi thấy những gì mẹ viết về ngày 15 tháng ba, tôi lật lại những trang từ nửa năm trước đó.

Trong suy nghĩ của bố mẹ, mãi đến hai giờ sáng tôi mới về nhà, vì đó là thời điểm tôi cuối cùng cũng ngừng đọc và quyết định đi lên lầu. Dù phòng của họ nghe có vẻ im ắng khi tôi bắt đầu bước lên cầu thang, nhưng cửa phòng đã mở ra ngay khi tôi đặt chân lên chiếu nghỉ, và tôi nhận ra cả hai đều còn thức.

Nếu lúc đó mẹ tôi không phải đang ra tòa thì tôi hẳn đã bị cấm túc cho đến hết Lễ tạ ơn. Nhưng bà đang ra tòa, và dù bố mẹ hết sức giận dữ vì tôi đã khiến họ lo lắng và hành xử thiếu trách nhiệm, song dường như họ cho rằng tôi làm vậy là do căng thẳng từ phiên tòa và những ngày dài ở tòa án. Họ dẫn vật bản thân nhiều hơn là trách móc tôi và cảm thấy chút an ủi khi biết rằng tôi không đi đâu xa khỏi nhà suốt thời gian đó ngoại trừ đến kho thóc nhà Rollie, và tôi đã ở đó với một nhóm những đứa trẻ khác.

Chúng tôi đều mệt mỏi trong bữa sáng hôm sau vì thiếu ngủ, chỉ có tôi là còn nuốt nổi chút gì, ngoài điều đó ra, ngày thứ năm đã bắt đầu giống như những ngày còn lại trong tuần: Bố mẹ tôi thảo luận những gì Stephen đã nói có thể xảy ra vào hôm đó tại tòa, còn tôi lắng nghe, hiểu, và lo lắng.

Nhân chứng đầu tiên Bill Tanner gọi lên không phải là cảnh sát hoặc bác sĩ; cũng chẳng phải là chuyên gia pháp y hoặc bà mẹ.

Đó là người dự báo thời tiết. Người đầu tiên tôi thấy tuyên thệ chính là giọng nói trong chương trình “Nhìn lên trời” phát sóng hai lần mỗi ngày trên Đài phát thanh công cộng Vermont, nguồn thông tin thời tiết duy nhất lúc bấy giờ cho hầu hết chúng tôi ở Vương Quốc Đông Bắc. Người đó thấp hơn tôi tưởng tượng, nhưng cũng dễ thương hơn rất nhiều. Nghe giọng của ông ấy trong xe ô tô hoặc đôi khi trong bữa ăn sáng, tôi luôn hình dung một người đàn ông cao ngều đeo kính què mùa, trong khi ngoài đời đó là một người khỏe mạnh, chắc nịch, có tóc xoăn vàng hoe và thị lực đúng là rất hoàn hảo.

Ông ta cung khai không quá hai mươi phút, và có lẽ đã rời phòng xử án trước chín giờ ba mươi. Tôi rất thích thú trước cách ông được một chấp hành viên tòa án dẫn vào phòng và một người khác hướng dẫn ông đọc tuyên thệ. Tanner sau đó đảm bảo mọi người trong bồi thẩm đoàn hiểu rằng người đàn ông này có thể là chuyên gia hàng đầu của Vermont về thời tiết - một nhà khí tượng học không chỉ dự báo thời tiết mà còn dạy môn khí tượng học ở một trường cao đẳng tại góc phía Bắc của bang - và ông ta đã dành trọn ngày 12 và 13 tháng ba cảnh báo các thánh giả của mình về những trận mưa và không khí lạnh đang tiến đến, cùng khả năng rất cao là các tuyến đường cao tốc sẽ đóng băng.

“Ông có bao giờ đề nghị mọi người tránh đi trên đường không?” Tanner hỏi ông ta.

“Có,” ông ta đáp. “Chiều thứ tư và cả ngày thứ năm tôi đã nói bão có thể rất khủng khiếp và sẽ có rất nhiều băng tuyết. Tôi đã nói tình hình sẽ cực kì nguy hiểm.”

Rồi để khẳng định hơn nữa, Tanner mở đoạn dự báo dài hai phút của người dự báo thời tiết từ bản tin “Nhìn lên trời” giờ phát sóng buổi trưa của thứ năm ngày mười ba, và chúng tôi nghe một đoạn ghi âm của người đàn ông này nói chính xác như thế.

“Thi thể cô ấy nằm dưới một tấm vải, được kéo lên đến cổ,” Leland Rhodes, viên cảnh sát mà cho đến nay vẫn hiện lên trong đầu tôi mỗi khi tôi trông thấy một chiếc xe cảnh sát màu xanh chạy lướt qua trên đường liên bang, nói. Ông ta ngồi thẳng vai trên bục, chiếc mũ cảnh sát rộng vành đặt trên đùi. Bộ đồng phục của ông ta trông bánh bao và được là rất thẳng thớm, đến nỗi lớp vải trông cứng đờ như bộ quần áo vẽ trên người những con búp bê nhựa. Sự mất lòng tin ở cảnh sát mà người ta thường cảm thấy ngày nay vẫn chưa xuất hiện ở góc nhỏ của chúng tôi tại Vương quốc vào năm 1981, và Rhodes là một người chân thành đầy quyền uy.

Vả lại, như Tanner đã hết sức làm rõ với bồi thẩm đoàn, Rhodes không có lý do gì để phóng đại sự thật hoặc nói dối.

“Ông biết là cô ấy đã chết?” Tanner hỏi.

“Chúng tôi biết khi nhận tin báo tổng đài rằng cô ấy đã chết trước khi chúng tôi đến.”

“Nhân viên tổng đài đã cho ông biết?”

“Đúng vậy.”

“Hãy mô tả tình trạng phòng ngủ,” Tanner nói, và bên cạnh tôi, bà ngoại khẽ rùng mình.

Tuy nhiên, trước khi Rhodes kịp mở lời, Stephen đã đứng lên phản đối: “Thưa quý tòa, loại câu hỏi này hoàn toàn không hợp lý.”

Thẩm phán Dorset lắc đầu, nói rằng ông cho phép hỏi. Với sự giúp đỡ của một câu hỏi gợi ý từ luật sư bang, Rhodes sau đó kể với bồi thẩm đoàn ông đã nhìn thấy gì khi đến nhà Bedford. Giọng nói của ông vẫn mạnh mẽ nhưng bình tĩnh, ngay cả khi ông kể lại những chi tiết đặc biệt rùng rợn, ông nói gần một giờ đồng hồ mới xong và lúc đó Stephen mới được phép đối chất.

Rhodes bắt đầu với việc ông phát hiện ra chiếc xe nhà ga của mẹ tôi bị kẹt trong vách tuyết thế nào, và ông ta cùng cộng sự đã phải đi bộ thật chậm qua sân đến cửa trước ra sao: Họ đã nghĩ cỏ làm nền thì sẽ tốt hơn là những viên đá xanh phủ bằng tuyết.

Không có người ra mở cửa khi họ gõ cửa, nhưng họ đã đoán trước điều đó, và thế là họ tự ý vào nhà và gọi to lên cầu thang từ lối đi phía trước. Mẹ tôi gọi đáp trả từ phòng ngủ ở lầu hai.

Dù Rhodes để ý thấy đồng hồ của ông ta chỉ bảy giờ ba mươi tư, nhưng rèm cửa trong phòng ngủ vẫn khép, và chỉ có chiếc đèn sàn nhà trong góc phòng là đang mở. Căn phòng, theo suy nghĩ của ông, rất u uất, tối tăm và im lìm, trừ tiếng khóc như nấc cụt của Asa Bedford.

Ông nói Anne Austin đang ngồi trên một chiếc ghế dựa vào tường, vỗ về đứa bé trong tay. Ông nghĩ đứa bé đang ngủ. Asa đang ngồi trên giường cạnh vợ, cơ thể ông hơi cúi lên người cô, còn mẹ tôi đang ngồi cạnh ông, xoa vai ông trong lúc ông khóc.

Rhodes thường nói trực tiếp với bồi thẩm đoàn hoặc với Tanner. Sau khi quan sát những nhân chứng khác trong một tuần rưỡi tiếp theo đó, cả tôi cũng nhận thấy rõ rằng Rhodes - như nhiều sĩ quan cảnh sát - thường xuyên cung khai và rất thoải mái khi đứng ở bục nhân chứng.

“Hãy kể cho chúng tôi về những đồ vật ông tìm thấy trong phòng,” Tanner gợi ý, và Rhodes tuân thủ. Ông bắt đầu với những vật dụng cơ bản trong bất kì ca đề tại nhà nào, những loại vật dụng có thể làm trầm trọng hơn kết cục của một trải nghiệm mà mẹ tôi cho rằng vô cùng đẹp đẽ: Một hộp bông y tế mới, và một chiếc giỏ rác chứa đầy những miếng bông đã dùng. Một chiếc nhiệt kế hậu môn. Một bầu hút cao su, vẫn còn chứa một ít nước nhầy. Một ống thuốc bôi trơn đã mở. Một ly nước có ống hút. Những cái kẹp kim loại. Một cốc giấy hiệu Dixie đựng nước cam vắt. Kéo. Một đĩa đựng bánh dự định dùng để đựng nhau. Một mũi kim. Một ống Pitocin. Khăn giấy. Ba túi giấy màu nâu nhà Bedford đã dùng để tiệt trùng những tấm ga giường, chặn

và khăn rồi sau đó đem vào phòng ngủ, và rồi toàn bộ những tấm ga giường, chăn và khăn đó, một số được gấp lại và còn mới, một số đỏ sẫm vì máu khô.

Ông nói nhìn thấy một chiếc gối mà ông hình dung thuộc về chiếc ghế sofa dưới nhà, vì nó có màu đỏ thẫm không hợp với bất kì thứ gì trong phòng ngủ, nhưng rồi ông nhận ra chiếc gối ướt sũng máu. Một lúc sau ông nhận thấy một túi chỉ y tế rỗng trên tủ đầu giường, và máu trên tấm ga giường phủ lên người cô Bedford, một số chỗ dày đến nỗi trông giống lớp vảy hơn là vết loang.

“Ông có thấy con dao không?” Tanner hỏi.

“Không thấy ngay.”

“Tại sao không?”

“Nó đã bị đem ra khỏi phòng ngủ.”

“Ông có biết ai đem nó đi không?”

“Bà Danforth nói bà ấy đã đem nó đi.”

“Bà ấy đem nó đi đâu?”

“Chúng tôi tìm thấy nó trong nhà bếp.”

“Bà ấy có nói với ông tại sao lại đem nó đến đó không?”

“Bà ấy nói không muốn chồng của sản phụ phải tiếp tục nhìn thấy nó.”

“Tình trạng của con dao thế nào?”

“Nó sạch bong. Toàn bộ máu và mô đã không còn trên lưỡi dao, trong bồn rửa vẫn còn bọt xà phòng.”

Tanner sau đó đi về phía bàn của mình, trợ lý luật sư đưa cho lão một bìa nhựa trong suốt chứa đầy giấy viết tay. Ở chiếc bàn trước mặt tôi, Stephen

với lấy một bản mà tôi cho là bản sao của tài liệu đó.

Lão đưa bìa nhựa về trước cho Rhodes rồi nói, “Để tôi cho ông thấy vật được đánh dấu nhận dạng số mười bảy của bang. Ông có nhận ra nó không?”

“Tôi nhận ra. Đó là biên bản mà Hạ sĩ Tilley và tôi ghi lại từ bà Danforth vào đêm xảy ra sự cố.”

Tanner gật đầu, và tiến đến để đưa biên bản đó vào làm vật chứng. Stephen lập tức phản đối, lập luận giống như trong một đơn thỉnh nguyện gửi vào mùa hè năm đó rằng biên bản này không thể được chấp nhận vì nó đã được lập mà không có sự hiện diện của luật sư. Nhưng ông đã bị bác vì theo quan điểm của thẩm phán, vấn đề này đã được giải quyết, và Rhodes kể lại cho tòa nghe những gì mẹ tôi đã nói với cảnh sát vào đêm đầu tiên đó.

“Anne Austin có nói gì với ông khiến ông tin rằng Sibyl chịu trách nhiệm về cái chết của cô Bedford không?” Stephen hỏi Rhodes trước giờ ăn trưa.

“Ý ông là vào buổi sáng chúng tôi đến đó à?”

“Đúng, ý tôi là buổi sáng hôm đó.”

“Không.”

“Còn Asa Bedford thì sao? Ông ấy có nói với ông là ông ấy nghĩ thân chủ của tôi đã làm điều gì đó... sai?”

“Không.”

“Liệu ông ấy có thể đã nói không? Ông ấy có dịp để nói không?”

“Tôi nghĩ là có.”

“Nhưng ông ấy đã không nói.”

“Đúng.”

“Ngay cả khi chỉ có hai người trong nhà bếp vào khoảng tám giờ mười.”

“Đúng.”

Stephen nhìn ông ta chăm chú nhưng giữ im lặng, và để cho câu trả lời của người cảnh sát lơ lửng trong phòng một lúc lâu.

Có một lần khi Leland Rhodes đang cung khai, lúc ông ta và Stephen đang tranh luận về việc liệu viên cảnh sát có xem nhà của gia đình Bedford là hiện trường án mạng khi ông ta mới đến hay không, chị của Charlotte bắt đầu khóc. Đó không phải là những giọt nước mắt lặng lẽ, đó là kiểu khóc thút thít mà nếu không ngăn chặn thì sẽ hóa thành tiếng khóc lớn.

Stephen và Tanner tiến đến ghế chủ tọa gần như đồng thời, sau đó vị thẩm phán và hai luật sư thì thầm với nhau, xoay lưng về phía chúng tôi một lúc. Khi họ nói xong và hai luật sư đã trở về bàn, thẩm phán Dorset nói với phòng xử án, đôi mắt ông quét từ bên này sang bên kia của căn phòng, rằng ông hiểu rõ các phiên tòa thường gây ra những cảm xúc mạnh, nhưng mọi người có mặt cần kiềm chế cảm xúc, và ai không làm được như thế sẽ bị yêu cầu rời khỏi phòng.

Anh rể của Charlotte đưa tay ôm vợ vào lòng, và cô từ từ bình tĩnh lại. Stephen và viên cảnh sát tiếp tục cuộc tranh luận, và dù mẹ tôi tuyệt đối tin rằng ý nghĩ một án mạng có thể đã xảy ra không hề xuất hiện trong đầu Rhodes vào buổi sáng hôm đó, nhưng viên cảnh sát cứ lặp đi lặp lại, “Một người phụ nữ đã chết, và tôi biết nhân viên pháp y sẽ là người kết luận được nguyên nhân cái chết.”

Cuối ngày hôm đó Peter Grinnel nói với tôi rằng Stephen hài lòng bao nhiêu khi chị của Charlotte cuối cùng cũng im lặng thì Bill Tanner lại vui sướng nhiều hơn bấy nhiêu: Điều cuối cùng bên công tố muốn là một vụ án xử sai vì một người nhà nào đó không thể nín khóc.

Hai tuần trước khi phiên tòa bắt đầu, tôi nghe mẹ nói chuyện điện thoại với Stephen Hastings. Lúc đó đã muộn: Những chiếc đĩa ăn tối đã nằm gọn

trong máy rửa bát, bố tôi đã lên lầu đi nằm. Mẹ tôi đã đi tắm.

“Có chứ, tôi đã gặp những người đàn ông làm nghề bà mụ,” mẹ đang nói, và tôi tự hỏi bà có biết tôi đang đứng gần hay không. Bà đang mặc áo ngủ bằng vải bông, nằm cuộn mình trên đệm sofa trong phòng khách, còn tôi thì xuống nhà để lấy quyển sách lịch sử bỏ quên trên quầy bếp.

“Không, giờ thì hết rồi,” bà nói tiếp. “Tôi nghĩ bây giờ chẳng còn người nào ở Vermont hoặc New Hampshire. Số ít ỏi từng làm đều chuyển sang nghề khác.”

Tôi đã có thể lấy quyển sách và đi, nhưng tôi nghe bà cười khúc khích, và âm thanh tiếng cười đó đã trở nên quá hiểm hoi đến độ tôi không thể không nán lại nghe thêm.

“Nếu anh mà làm thì sẽ khủng khiếp lắm đây, Stephen ạ, ghê lắm luôn. Anh nhìn ngực như một cậu nhóc mới lớn ấy. Tôi ghét phải nghĩ đến cách anh xử lý một ca khám thai! Anh sẽ tha hồ mà đùa giỡn... Đúng, nhưng không phải kiểu đùa giỡn đó... Có thể ngày nào đó tôi sẽ làm thế, chắc chắn... Với sách và tranh ảnh... Chỉ với sách và tranh ảnh thôi...”

Tôi đã thấy mẹ tán tỉnh trên đùa với những người đàn ông mà bố mẹ quen biết trong nhiều năm rồi, những người tạo nên một nửa nam giới trong số cặp vợ chồng hình thành nên nhóm bạn bè của họ, nhưng tôi chưa bao giờ tưởng tượng nổi cảnh bà tán tỉnh họ qua điện thoại. Có thể vì bố tôi không có mặt, có thể vì bà đang mặc một chiếc áo ngủ mỏng, gần như trong suốt, mà tôi cảm thấy việc này thật không phải tí nào, và tôi nhận ra mình đã bất động vì kinh ngạc.

“Đó không phải là một loại thuốc kích dục, tôi đảm bảo luôn. Tôi không nghĩ là các nam bác sĩ sản phụ khoa cảm thấy nóng nực và bức bối khi về nhà, anh thì sao?... Trời ạ, anh hư hỏng quá... Vậy thì tất cả các anh đều là lũ hư hỏng! Nhưng tôi không thật sự nghĩ thế đâu. May là những người đàn ông trở thành bà mụ hoặc bác sĩ sản phụ khoa không có đầu óc thiển cận

quái đản như anh,” bà nói, và trong một khoảnh khắc giọng bà như lóe lên sự tươi tắn từng làm rạng rỡ nhiều cuộc nói chuyện của bà lúc trước.

“Anh đợi máy một chút nhé, Stephen?” bà đột ngột nói. “Connie? Phải con không, con yêu?”

Tôi đứng im bất động cho đến khi bà lại nói tiếp. Khi bà cuối cùng cũng nói, tôi quay lưng và rón rén đi thật nhanh lên cầu thang.

Có lẽ vì tôi đã mừng rỡ trong đầu về cách ăn mặc của hầu hết những bạn bè làm nghề bà mụ của mẹ - quần jeans và áo len, giày boots to và dép xăng đan, vô số những chiếc váy bohemian hằn đã treo trong những chiếc tủ quần áo to bằng phòng ngủ - cho nên tôi đã bất ngờ trước hai người phụ nữ cung khai sau giờ nghỉ trưa: một bà mụ, tiếp theo sau là một bác sĩ sản phụ khoa từng làm bà mụ.

Bà mụ, Kimberly Martin, thậm chí trông giống hệt như bác sĩ. Bà ấy mặc một bộ complet nữ màu xanh dương, có mái tóc cắt ngắn bóng mượt rất mốt: Rất dễ hình dung cảnh bà mặc bộ quần áo phẫu thuật rộng thùng thình của bệnh viện.

Tôi cũng để ý thấy bà ấy đeo nhẫn đính hôn nhưng không có nhẫn cưới, điều đó cũng khiến tôi bất ngờ: Bà ấy có lẽ lớn hơn mẹ tôi đến mười tuổi, và hình như sắp kết hôn.

“Bà đã làm hộ sinh có chứng chỉ được bao lâu rồi?” Tanner hỏi.

“Mười bốn năm.”

“Xin bà cho biết làm hộ sinh có chứng chỉ nghĩa là gì?”

“Trước tiên, chúng tôi đều là y tá được cấp phép. Đó là điều căn bản. Chúng tôi được đào tạo y khoa chính thống. Thứ hai, chúng tôi đều đã tốt nghiệp một trong khoảng hai mươi chương trình đào tạo nâng cao trên cả nước tập trung vào chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nghề bà mụ. Thứ ba, tất cả chúng tôi đều thi đỗ kì thi cấp chứng chỉ do trường Cao đẳng Hộ sinh Mỹ cấp.

Cuối cùng - và về phương diện cá nhân, tôi tin rằng điều này rất quan trọng - tất cả chúng tôi đều đáp ứng những yêu cầu của các cơ quan y tế hoặc ủy ban nghề y tại tiểu bang mà chúng tôi hành nghề.”

“Và bà vẫn học tiếp, đúng không?”

“Vâng, đúng. Tôi có bằng thạc sĩ. Từ trường Marquette.”

“Bà có phải là thành viên của trường Cao đẳng Hộ sinh Mỹ không?”

“Vâng, đúng vậy. Năm nay tôi cũng gia nhập Phân hội Kiểm định chất lượng.”

Tanner mỉm cười như thế ngạc nhiên thú vị, và tôi tự hỏi chẳng lẽ lão không biết chi tiết này. “Có bao nhiêu hộ sinh ở nước này?” lão hỏi.

“Khoảng hai nghìn năm trăm.”

“Có phải hầu hết hộ sinh đều đỡ đẻ tại nhà không?”

“Ồ, không, phải nói ngược lại mới đúng. Phần đông chúng tôi làm việc trong bệnh viện hoặc các trung tâm bảo sanh - gần như chín mươi lăm phần trăm.”

“Còn bà thì sao?”

“Tôi đã đỡ đẻ tại nhà, nhưng không còn làm nữa từ khi còn rất trẻ. Tôi thích phòng đẻ trong bệnh viện hơn.”

“Tại sao bà nghỉ đỡ đẻ ở nhà?”

“Theo quan điểm của tôi, nó đem lại rủi ro không cần thiết.”

“Bà có kinh nghiệm xương máu nào không?”

“Tạ ơn Chúa, không.”

“Điều gì khiến bà nghĩ rằng nó nguy hiểm?”

“Giáo dục. Càng học về sản khoa, tôi càng nhận ra rằng để một phụ nữ đẻ con ở nhà tức là đặt mọi người - mẹ và trẻ - vào những mối nguy hiểm hoàn toàn không cần thiết.”

...

“Bà nói khoảng chín mươi lăm phần trăm hộ sinh làm việc trong bệnh viện và các trung tâm bảo sinh. Vậy điều đó có nghĩa là khoảng năm phần trăm không làm thế?” Stephen hỏi Kimberly Martin.

“Đúng.”

“Năm phần trăm đó: Họ có làm việc ở nhà không?”

“Có.”

“Họ có tỉ lệ trẻ sơ sinh tử vong cao hơn những người kia không?”

“Không.”

“Cũng tương tự chứ?”

“Số lượng rất nhỏ, vì thế khó mà so sánh được.”

“Ngay cả khi số lượng rất nhỏ: Cũng tương tự chứ?”

“Vâng.”

“Còn tỉ lệ sản phụ tử vong thì sao? Bà có thấy số ca sản phụ tử vong ở các bà mẹ đỡ đẻ tại nhà cao hơn không?”

“Không.”

“Thực tế, có hộ sinh nào trong tổ chức của bà từng thấy bất kì người phụ nữ nào chết khi đẻ con tại nhà vào năm ngoái không?”

“Tôi không nghĩ thế. Nhưng điều đó không làm giảm...”

“Thực tế không có ai chết cả, thưa bà Martin,” Stephen nói, ngắt lời người phụ nữ trước khi bà ta có thể làm rõ câu trả lời của mình. “Bà có biết Bell Weber không?” sau đó ông hỏi.

“Tôi biết.”

“Bà có thể cho chúng tôi biết đó là ai không?”

“Đó là một nữ hộ sinh. Bà ấy qua đời vào mùa hè năm nay vì một tai nạn giao thông.”

“Bà ấy có đỡ đẻ tại nhà không?”

Martin gật đầu. “Ở Maryland.”

“Bà ấy có phải là một thành viên trong nhóm của bà không?”

“Cho đến khi bà ấy qua đời.”

“Bà ấy có nằm trong Phân hội Kiểm tra Chất lượng với bà không?”

“Có.”

“Bà ấy có nằm trong ủy ban nào khác của trường Cao đẳng Hộ sinh Mỹ không?”

“Bà ấy từng làm chủ tịch ủy ban sinh đẻ tại nhà.”

“Tổ chức của bà có một ủy ban sinh đẻ tại nhà à? Thật sao?”

Bà mẹ ấy trông có vẻ khó chịu với Stephen, cau có trước cách đặt câu hỏi khiếm nhã của ông. “Rõ ràng chúng tôi chỉ có một ủy ban như thế thôi.”

“Có phải vì một số bà mẹ trong nhóm của bà vẫn chọn hành nghề ở đó?”

“Đúng.”

Stephen gật đầu. “Trường Cao đẳng Hộ sinh Mỹ có chính thức phản đối sinh đẻ tại nhà không?”

“Không.”

“Cảm ơn bà.”

Tiếp theo sau Kimberly Martin là một phụ nữ khác từng đỡ đẻ tại phòng ngủ của sản phụ, và rồi sau đó hình như đã quyết định đây không phải là một ý đặc biệt hay. Vài phút sau khi bà ta bắt đầu trả lời các câu hỏi của Bill Tanner, trông tôi có lẽ rất lo lắng hoặc hồi hộp, vì Patty Dunlevy quay sang tôi và thì thầm rằng chúng tôi cũng có chuyên gia, và những chuyên gia của chúng tôi sẽ gây ấn tượng không kém những người này.

Nhưng buổi chiều hôm đó thật khó để tôi tin rằng chúng tôi sẽ tìm được người nào thành đạt như bác sĩ Jean Gerson. Ba mươi năm trước, Jean từng là một bà mụ trẻ đỡ đẻ tại nhà; giờ đây bà là một bác sĩ sản phụ khoa liên kết với một bệnh viện giảng dạy ở Boston, một thành viên của khoa Y trường đại học Boston, và tác giả hai quyển sách về chăm sóc sức khỏe lúc mang thai.

Bà cũng đã viết rất nhiều về lịch sử sinh sản ở Mỹ. Chính bà đã nhắc chúng tôi ở phần đầu buổi cung khai rằng dù sinh đẻ là chuyện tự nhiên, nhưng nó vẫn rất nguy hiểm: “Hãy đối mặt với sự thật,” bà nói thêm, “đã có lúc phụ nữ và trẻ em liên tục mất mạng trong quá trình sinh nở.”

Bác sĩ Gerson đã xem xét tiền sử bệnh án mà Charlotte Bedford cung cấp cho mẹ tôi vào mùa hè khi Veil được thụ thai, bà đã kiểm tra những hồ sơ mà mẹ tôi lưu giữ, vẽ sơ đồ tiến triển của người phụ nữ ấy. Bà bảo với tôi rằng bất kì người nào có trách nhiệm, cả bác sĩ lẫn bà mụ, đều sẽ không để cho Charlotte Bedford đẻ tại nhà. Dựa trên ca đẻ đầu tiên của cô ấy, rõ ràng cô ấy là một ứng viên tồi cho lựa chọn đẻ tại nhà, và trong suốt thời gian mang thai, rõ ràng cô ấy quá yếu ớt để chịu được cơn đau đẻ. Cô ấy không tăng đủ cân nặng, và bị thiếu máu.

Hơn nữa, bác sĩ Gerson cực kì ăn ảnh trên tivi. Đó là một người phụ nữ đẹp quý phái, thường mỉm cười trong lúc nói, mẫu người được yêu thích ngay

lập tức dù ở một khoảng cách - nghĩa bóng lẫn nghĩa đen - phân chia hai chiếc bàn của phía biện hộ và bên công tố trong phòng xử án. Nhiều năm sau, khi tôi học trường y, tôi vẫn còn nhớ khuôn mặt và giọng nói của bà, và tôi lại nhận ra mình thậm ước được học ở trường đại học Boston.

Trớ trêu thay, một phần trong lời biện hộ của mẹ tôi là việc Charlotte quả thực không phải là một ứng viên cho sinh đẻ tại nhà, nhưng không phải vì cô ấy thiếu máu: Stephen dự định làm lớn chuyện Charlotte từng được điều trị chứng cao huyết áp ở Alabama nhưng không chịu báo thông tin này cho mẹ tôi biết. Và thế là khi ông đứng lên để bắt đầu phần đối chất với bác sĩ Gerson vào cuối ngày, mặt trời đã ngả tím về phía tây đến độ căn phòng gần như chỉ được thắp sáng bằng chiếc đèn chùm to và những chiếc đèn treo tường, tất cả chúng tôi đều nghĩ hai người sẽ nói chuyện ngắn gọn, mang tính chiếu lệ mà thôi.

“Có nhiều thai phụ bị thiếu máu không?” Stephen hỏi bà ấy, và tôi rất ngạc nhiên khi giọng của ông vẫn tràn đầy năng lượng. Có lẽ vì tôi đã thức rất khuya đêm hôm trước, có lẽ do căng thẳng, nhưng tôi đã mệt kiệt sức. Tôi không thể tưởng tượng được Stephen lấy đâu ra sức lực.

“Tôi sẽ không nói nhiều người bị ‘thiếu máu,’ mà tôi sẽ nói rằng nhiều người mắc chứng thiếu máu nhẹ,” bà đáp.

“Tại sao lại như thế?”

“Khi người phụ nữ mang thai, khối lượng máu của người ấy sẽ tăng lên. Đôi khi nó tăng lên đến một nửa. Vì thế nó dẫn đến sự loãng máu tự nhiên, và thiếu máu tự nhiên.”

“Bệnh có chữa được không?”

“Có.”

“Như thế nào?”

Một đứa trẻ sơ sinh ở cuối phòng cất tiếng khóc rống lên, và tôi nghe âm thanh của chiếc dây kéo dài phía trước áo người mẹ. Tôi thấy nhiều bồi thẩm viên nhìn theo phản xạ về phía người phụ nữ, và rồi thẩm phán Dorset cũng nhìn về phía ấy. Tất cả đàn ông gần như nhìn đi chỗ khác ngay lập tức khi thấy người phụ nữ đặt núm vú trên bầu ngực căng mọng của cô ấy vào miệng đứa bé, quyết định cố tình nhìn vào Stephen hoặc vị bác sĩ.

“Viên sắt. Thường là thuốc ferrous sulfate.”

“Có tác dụng phụ gì không?”

“Đôi khi gây khó tiêu. Thường gây táo bón.”

“Bà nói đã xem xét cách Sibyl điều trị chứng thiếu máu của Charlotte Bedford, đúng không?” Stephen hỏi.

“Đúng thế.”

“Sibyl đã làm gì?”

“Bà ta cho cô ấy uống viên sắt.”

“Tình trạng cô ấy có cải thiện không?”

“Không đủ để được cho là...”

“Tình trạng của Charlotte Bedford có được cải thiện không?”

Bác sĩ Greyson nở một nụ cười rất rộng khiến tôi nghĩ rằng - và tôi phải tưởng tượng bồi thẩm đoàn cũng thế - bà sẽ không hạ mình trước thái độ bất lịch sự và cung cách tranh luận của Stephen. Nụ cười của bà nói nếu ông muốn xen vào và cắt ngang lời bà, chẳng sao hết. Với bà nó chẳng có gì khác biệt cả.

“Có,” bà đáp.

Stephen cho gọi nhân viên tòa án đang đứng cạnh chiếc xe đẩy mà Bill Tanner vừa đặt lên một chồng chứng cứ gồm hồ sơ bệnh án mà chính quyền

bang vừa nộp thêm. Sau đó ông đưa cho bác sĩ hai tờ giấy kê ô và biểu đồ.

“Bà có nhận ra cái này không?”

“Đó là hồ sơ về người quá cố mà bà mẹ của ông đã giữ.”

“Đây là những hồ sơ mà bà đã xem xét?”

“Đúng, một phần trong đó.”

“Chúng đề ngày tháng năm nào?”

Bà chỉnh nhẹ kính rồi trả lời, “Một bản đề ngày mười lăm tháng chín, 1980, một bản đề ngày mười hai tháng hai, 1981.”

“Tôi muốn tập trung vào các giá trị hematocrit,” Stephen nói, nhắc đến thuật ngữ mà giới y khoa dùng để mô tả tỉ lệ phần trăm của hồng cầu trong máu. Tất cả những người trong phòng xử án đều đã biết thuật ngữ đó trong phần đầu buổi cung khai của bác sĩ Greyson. “Giá trị hematocrit của Charlotte Bedford vào tháng chín là bao nhiêu?”

“Ba mươi một phần trăm.”

“Bình thường thì là bao nhiêu?”

“À, ở hầu hết phụ nữ là khoảng bốn mươi hai. Ở phụ nữ mang thai thì thấp hơn một chút.”

“Vậy trong tháng hai thì sao? Hematocrit của bệnh nhân trong tháng hai là bao nhiêu?”

“Ba mươi lăm.”

“Đó có phải là một sự cải thiện không?”

“Cải thiện nhẹ.”

“Khi một bệnh nhân của bà - một thai phụ - có giá trị hematocrit là ba mươi lăm, bà có tiên lượng một kết quả xấu không?”

“Đó là một câu hỏi kì lạ, và tôi không biết nó có liên quan hay không. Dù sao thì tôi cũng đỡ đỡ trong bệnh viện. Nếu ý ông là, việc đó có ảnh hưởng đến chuyện tôi xử trí một thai ph...”

“Tôi sẽ lặp lại câu hỏi: Bà có tiên lượng một kết quả xấu không?”

Bác sĩ Gerson im lặng một lúc. Cuối cùng bà nói rất đơn giản, “Không.”

“Cám ơn bà.”

“Không có chi.”

Stephen chấp tay sau lưng đi về phía cửa sổ. Khi đã tạo được khoảng cách giữa ông với nhân chứng, ông quay lại về phía bà ta và hỏi, “Khi này bà nói với chúng tôi rằng huyết áp của Charlotte Bedford cao hơn bình thường một chút. Tôi nói đúng không?”

“Đúng.”

“Nếu là bà thì bà sẽ điều trị như thế nào?”

“Tôi sẽ theo dõi thật cẩn thận. Có thể cho cô ấy nằm nghỉ trên giường. Tôi không biết liệu mình sẽ kê thuốc chống tăng huyết áp hay không. Có thể tôi sẽ làm thế.”

“Liệu bà có kiểm tra protein trong nước tiểu không?”

“Vâng, có chứ.”

“Dựa trên những hồ sơ đó, Sibyl có làm thế không?”

“Có vẻ như có.”

“Cám ơn bà. Có dấu hiệu nào trong hồ sơ bệnh án của Charlotte Bedford cho thấy cô ấy từng được chữa trị chứng cao huyết áp trước đây không?”

“Tôi không thấy.”

Stephen từ từ đi trở về phía bà ta. Tôi đã thấy ông làm điều này quá nhiều lần ngày hôm đó đến nỗi biết được rằng đó là một phần trong chiến thuật chọc tức và đe dọa: Ông đang sắp sửa xâm chiếm không gian cá nhân của vị bác sĩ giỏi, thực tế là chồm người vào trong bọc nhân chứng.

“Tôi có đúng không khi nói có một ô trong mẫu đơn nói rằng ‘Tiền sử của Bệnh nhân?’” ông hỏi khi tiến lại gần.

“Vâng, có.”

“Và nó liệt kê một loạt những... bệnh tật?”

“Đúng vậy.”

“Cái gì đã được khoanh tròn trong ô đó?”

Vị bác sĩ nhìn vào mẫu đơn rồi đọc lên, “Nhiễm trùng bàng quang. Rubella.” Khi bà ngược lên, Stephen đã ở ngay bên cạnh bà, đứng ở góc chéo để bồi thẩm đoàn có thể nhìn thấy khuôn mặt của cả hai người.

“Vậy thôi ư?”

“Đúng vậy.”

“Những từ ‘huyết áp cao’ có được khoanh tròn không?”

“Không.”

Ông gật đầu và chuẩn bị cuộc tàn sát. Đương nhiên, đôi khi thợ săn cừ nhất cũng bắn hụt mục tiêu; đôi khi con sư tử bất ngờ tấn công và khiến cho ngay cả tay súng lạnh lùng nhất cũng phải bối rối. Đây chính là một khoảnh khắc như thế. Và dù Stephen sẽ yêu cầu gạch bỏ lời nhận xét của bác sĩ Gerson ra khỏi biên bản, dù thẩm phán sẽ đồng ý, thì bồi thẩm đoàn đã không bỏ sót điều xảy ra, còn tôi không nghĩ rằng họ lại có thể quên điều đó khi định đoạt số phận mẹ tôi.

“Không có dấu hiệu nào cho thấy Charlotte Bedford từng tiết lộ tiền sử bệnh cao huyết áp của mình với Sibyl, phải không, thưa bác sĩ?”

“Điểm cốt lõi, thưa ông luật sư,” người bác sĩ lên tiếng, nói nhanh nhưng bình tĩnh, giọng của bà nhẹ nhàng nhượng bộ, “chính là hồ sơ cho thấy người phụ nữ đáng thương ấy có triệu chứng của cả bệnh thiếu máu và cao huyết áp. Cả hai. Không một bác sĩ hoặc bà mẹ biết suy nghĩ nào lại cho phép người phụ nữ ấy đẻ tại nhà.”

Chúng tôi mở máy sưởi khi lái xe về nhà vào tối thứ năm, tôi ngồi bó gối ở băng sau, áo khoác trùm kín người như tấm chăn. Máy sưởi trong xe mẹ vẫn có thể sưởi ấm chiếc xe, nhưng từ mùa đông trước, nó đã bắt đầu kêu lách cách, giống như một miếng giấy bị kẹt đâu đó trong lỗ thông.

Bố mẹ tôi nói chuyện với nhau rất ít, như vẫn thế suốt tuần đó. Tôi tưởng tượng họ mệt đến không nói nổi, mà nếu họ còn chút sức lực nào thì tôi cũng nghi họ chẳng biết nói gì. Thịnh thoảng bố lại cố làm cho mẹ vui bằng cách bình phẩm về sự khéo léo của Stephen khi gây lúng túng cho một nhân chứng, hoặc dự đoán một lời cung khai bất lợi của một nhân chứng khác sẽ bị phủ nhận khi Stephen bắt đầu phần bào chữa.

Thông thường mẹ chỉ âm ừ đồng tình và nhìn vào hàng cây trong ánh chiều chạng vạng.

Tuy nhiên, khi chúng tôi về đến nhà, đã có nhiều bình thủy tinh cắm hoa hồng đang đợi mẹ trên quầy bếp: một bó màu đỏ, một bó màu vàng, và một bó màu hồng. Bố tôi đã nhờ người giao hoa đến nhà hôm đó, và mỗi bình hoa có một tấm thiệp lớn cạnh bên do ông tự làm từ những tấm hình cũ chụp hai người, trên giấy thiết kế kiến trúc màu xanh, và những chiếc kẹp giấy tôi biết ông đã dùng trong những bài thuyết trình với các khách hàng tiềm năng. Những tấm thiệp rất đẹp, và mẹ tôi vô cùng cảm động.

Tối hôm đó khi bố mẹ đi ngang qua phòng tôi để về phòng, mẹ vẫn đang nói về những tấm thiệp và những đóa hoa, còn tôi nhận ra mình đang khoe

khoang về bố trên điện thoại với Rollie, Sadie và Tom.

Sáng thứ sáu bắt đầu với lời cung khai của một người phụ nữ lúc đầu dự định nhờ mẹ tôi đỡ đẻ, nhưng cuối cùng đã đẻ mổ trong bệnh viện. Đó là một ca đẻ khó nhọc, vất vả, và cô ấy nói mẹ tôi đã bảo cô ấy rặn gần nửa ngày trời: mười giờ rưỡi đồng hồ rặn và nghỉ, rặn và nghỉ, trước khi mẹ tôi cuối cùng cũng - theo cách nói của người phụ nữ này - “cho phép” họ đến bệnh viện.

Sau đó đến lượt một người đàn ông quả quyết rằng mẹ tôi chưa bao giờ cảnh báo ông ta hoặc vợ ông ta là đẻ ở nhà thì rủi ro cao hơn đẻ trong bệnh viện. Theo ông này, vợ chồng ông ta sẽ không bao giờ đẻ con ở nhà nếu mẹ tôi thật thà hơn. Dù chính quyền bang không được phép hỏi ông ta kết quả ca đẻ như thế nào, nhưng bố mẹ và tôi phải ngồi nén giận suốt buổi cung khai của ông ta, vì biết rằng đứa trẻ đó là một trong số hiếm hoi em bé chết từ trong bụng mẹ khi mẹ tôi đỡ đẻ.

Và, khi giờ nghỉ trưa sắp đến, chính quyền bang cố nhét thêm một nhân chứng, một bác sĩ giải thích với chúng tôi thế nào là một cơn đau đẻ giai đoạn hai kéo dài, và những nguy cơ nó đem lại cho người mẹ. Bác sĩ đó là một nhà nghiên cứu làm việc ở trường Cao đẳng Sản phụ khoa Mỹ tại Washington, D.C., một tổ chức mà giờ đây tôi, trở trêu thay, trở thành thành viên sau một thời gian trầy trật nỗ lực. Giống bác sĩ Gerson, ông ta xem việc đẻ tại nhà là một trò làm xiếc nguy hiểm: Ông ta chính là người mà trong một phút hồi tưởng hiếm hoi đã so sánh bệnh viện như ghế ngồi an toàn trong xe ô tô, rồi sau đó lẫn lộn một tai nạn giao thông với một thiết bị nhà bếp.

Nhưng rõ ràng bồi thẩm đoàn đã hiểu được quan điểm đó, và nghĩ rằng bác sĩ Geoffrey Lang là một người thông thái và có sức thuyết phục.

Trong một cuộc tranh luận dữ dội về quan điểm của mẹ tôi, ông ta đã cố gắng giải thích tại sao rặn quá lâu sẽ gây nguy hiểm cho sản phụ, đồng thời bồi thêm một lời bôi nhọ lên năng lực của mẹ tôi: “Hoàn toàn có thể hiểu tại

sao một người được đào tạo hạn chế như một bà mụ lại nghĩ đến chứng phình động mạch não. Rõ ràng, đó không phải là điều đã xảy ra trong ca này, nhưng một người chỉ mới được học sơ đẳng về sản khoa thì có thể nghĩ đó là bệnh này.”

“Điều gì đã xảy ra?” Bill Tanner hỏi, và lần đầu tiên tôi nghe phát ra từ mà tôi đã thấy viết trên tường trong phòng làm việc của Stephen vào tháng trước. *Thần kinh mê tẩu*. Đó là một trong những từ và cụm từ viết bằng bút lông hiệu Magic Marker trên những tờ giấy poster màu trắng khổ lớn mà tôi và Tom Corts đã nhìn thấy.

“Cô ấy - và đây là một thuật ngữ nói tắt mà một số bác sĩ tôi quen biết vẫn dùng khi giao tiếp - đã bị mê tẩu. Cô ấy bất tỉnh vì mê tẩu.” Sau đó, theo đúng thủ tục y khoa, ông ta bắt đầu đặt nền tảng cho lời cung khai mà chúng tôi sẽ nghe vào buổi chiều hôm đó từ chuyên gia pháp y.

“Anh dễ dãi với Farrell quá,” bố tôi nói với Stephen khi chúng tôi dùng bữa trưa trong giờ nghỉ giải lao. Farrell là ông bố đã nói rằng mẹ tôi không làm rõ những rủi ro trong việc đẻ tại nhà.

“Ông ta thật tình cũng không gây nhiều bất lợi lắm,” Stephen nói, rồi nhờ Peter Grinnell đưa một tờ khăn giấy từ hộp kim loại tựa vào tường nhà hàng.

“Ông ta nói cứ như Sibyl che giấu mọi chuyện,” bố nói tiếp.

Stephen chạm một góc khăn giấy vào lưỡi rồi chà tờ giấy ẩm lên một vết mực trên mu bàn tay. “Anh nghĩ thế ư?”

“Ừ, tôi nghĩ vậy đấy. Còn anh?”

Stephen nhìn lớp da trên tay rồi gấp tờ khăn giấy lại hai lần đến khi nó chỉ còn một phần tư. “Có vẻ như nó tồi tệ đối với anh hơn so với thực tế. Bởi thẩm đoàn không biết là vợ chồng ông ta đã có một kết cục xấu.”

Thức ăn trên đĩa của bố tôi, món phô mai nướng và xà lách trộn, trông y nguyên như lúc người phục vụ dọn bữa trưa cho chúng tôi. Bánh mì sandwich vẫn còn nguyên hai miếng hình tam giác phẳng lì, phết bơ nướng, còn khối xà lách trộn vẫn nguyên hình kem ốc quế.

“Còn lão bác sĩ đó thì sao?”

“Ông Lang à? Tôi nghĩ chúng ta đã làm khá tốt với ông này.”

Peter ra dấu cho người phục vụ đem hóa đơn đến bàn chúng tôi.

“Tôi ước gì chúng ta đã làm nhiều hơn.”

“Tôi đã đảm bảo để bồi thẩm đoàn hiểu rằng từng từ ông ta nói đều là phỏng đoán. Và tôi đảm bảo họ nhận ra ông ta chưa bao giờ nhìn thấy thi thể của người phụ nữ. Anh nói đi, anh còn muốn gì nữa?” Câu hỏi của Stephen không khó chịu, không có dấu hiệu gì của sự bức bối.

“Lão ta là tên khốn. Tôi ước gì chúng ta làm rõ được điều đó.”

Stephen gật đầu, để nỗi bức xúc của bố ập lên ông như con sóng. Khi thấy người phục vụ đặt hóa đơn lên bàn cạnh Peter, ông cho tay vào túi áo khoác complet để lấy ví.

“Vậy thì chúng ta sẽ hạ gục họ vào chiều nay,” ông nói, nghe giống như giáo viên huấn luyện môn chạy của tôi.

“Nhìn kia,” mẹ tôi nói, giọng bà nghe uể oải một cách kì lạ trong lúc bà dán mắt ra hồ Memphremagog ngoài cửa sổ. “Có gì đó bằng phẳng đang nổi ngoài đó. Nhìn mấy con chim hải âu kia.”

Cách bờ hồ khoảng một trăm mét, hàng chục con chim hải âu đang đứng trên mặt nước - không phải nổi hoặc ngoi ngóp như người ta thường hình dung, mà đứng trên đôi chân nhỏ bé duỗi ra trên những thanh gỗ trôi bập bênh. Tất cả chúng tôi đều quay đầu qua, lúc đó tôi nhìn vào mắt mẹ, và có

gì đó trong mắt bà cho thấy bà đã chẳng nghe thấy một lời nào mà bố và Stephen đã nói.

18

Tôi nghi mình sẽ không bao giờ nói chuyện với Anne nữa, vì thế có lẽ tôi sẽ luôn thắc mắc: Cô ấy đã nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra khi nhắc điện thoại lên gọi cho B.P. Hewitt? Cô ấy có mong đợi một điều gì khác không? Hay cô ấy đã có điều mình muốn?

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

ANNE AUSTIN KHÔNG CÒN LÀM VIỆC với mẹ tôi từ lâu rồi, vì thế cô ta đã không trở thành một phần trong cuộc đời chúng tôi như những người học việc trước đó. Ví dụ như Heather Reed, tuy không đảm nhiệm vai trò của một người chị lớn, nhưng cô đã dành gần sáu năm ở gần cuộc sống chúng tôi - khám thai cho bệnh nhân trong căn phòng cạnh nhà bếp hết ngày này đến ngày khác, ăn tối ở nhà chúng tôi gần như mỗi tuần, những buổi tối trông chừng tôi khi bố mẹ phải cùng nhau đi đâu đó - và hầu như chuyện gì quan trọng tôi cũng chia sẻ với cô khi tôi còn học tiểu học. Heather dường như lúc nào cũng biết khi nào thì tôi đang cãi nhau với Rollie và Sadie, cô là một nguồn giúp đỡ đáng tin cậy với đồng bài tập về nhà của tôi, và là một bờ vai vững chắc những khi có rắc rối.

Nhưng tôi biết rất ít về Anne Austin khi Charlotte Bedford qua đời. Sau nhiều năm, tôi khó phân biệt được quan điểm của mình về cô ta sau cơn biến động với quan điểm của mình về cô ta trước đó, và rất khó để nhớ rằng tôi không phải lúc nào cũng căm ghét cô ta. Nhưng thực tế là, Anne chỉ là một phần trong cuộc đời chúng tôi trong mùa đông Charlotte chết; cô ta chỉ mới hỗ trợ mẹ tôi kể từ tháng mười hai năm ngoái. Cô đã ăn tối ở nhà tôi hai, ba lần, và thỉnh thoảng tôi lại thấy cô ta đến rồi đi vào những ngày mẹ tôi có bệnh nhân ghé qua khám bệnh. Tôi tin rằng cô ta để lại ấn tượng cho

tôi là một người dễ thương nhưng rụt rè với mái tóc nâu cắt ngắn: mẫu phụ nữ tôi thỉnh thoảng gặp ở trường cao đẳng, sẵn sàng đổi một buổi tiệc tối thứ bảy lấy một buổi tối cắm đầu vào sách ở thư viện khoa học, nhưng vẫn không làm tốt bài thi. Sự đổi chác thường xuyên xảy ra đó xuất phát từ lý do nhút nhát hơn là động cơ ham học, và một bài thi hóa hữu cơ chỉ đơn thuần là cái cớ hợp lý để tránh tiếng nhạc ồn ào và những cậu trai hăng tiết vệt.

Nhưng tôi không cho rằng khi mới gặp Anne, tôi nghĩ cô là người tự cao tự đại hoặc hợm hĩnh; tôi không cho rằng tôi nghĩ cô có ác ý với mẹ tôi. Ấn tượng đó lớn dần trong mùa hè và mùa thu, khi phiên tòa của mẹ cận kề, và tôi nghe người lớn thảo luận lần nữa về điều đã xảy ra trong đêm mười ba và sáng mười bốn.

“Và đó là khi chị xé màng ối cho cô ấy,” Stephen nói với mẹ tôi trong một lần thảo luận, nhắc đến Charlotte, khi hai người ở một mình trong nhà bếp.

“Đúng.”

“Và Anne đã hỏi gì?”

“Cô ấy chẳng hỏi gì cả.”

“Nhưng cô ta đã nói gì đó...”

“Cô ấy nói ‘Tôi không hiểu tại sao chị làm thế.’”

“Và đó không phải là loại câu hỏi mà một người học việc có thể hỏi bà mẹ của mình? Nó không phải là một... một phần của quá trình học hỏi sao?”

“Không. Cô ấy cáu với tôi. Cô ấy nghĩ tôi đang can thiệp.”

“Can thiệp?”

“Can thiệp vào tiến trình tự nhiên.”

“Đó có phải là lần đầu tiên cô ta nổi cáu với chị?”

“Cô ấy không nổi cáu với tôi. Cô ấy chỉ thấy bức mình.”

“Lần đầu tiên?”

Mẹ tôi bật cười. “Chúa ơi, không!”

“Cô ấy thường bức mình chị à?”

“Anne đọc quá nhiều sách nhưng lại chứng kiến quá ít ca đẻ,” mẹ tôi nói, và dù tôi đang đứng nghe trên cầu thang ở phòng trước, tôi vẫn biết chắc bà đang trợn tròn mắt.

Anne đến học việc mẹ tôi lúc cô hai mươi hai tuổi, và đến mùa đông năm đó cô vẫn chưa nhìn thấy một đứa trẻ nào nhú ra hoặc đỡ đẻ một đứa bé nào trong đời. Nhưng cô có trong đầu viễn cảnh về một ca đẻ hoàn hảo, và qua tiếp xúc ở các bữa ăn tối cùng chúng tôi, rõ ràng cô đã đọc rất nhiều về chủ đề này. Dưới sự dạy dỗ của mẹ tôi, cô ta đã học hành chăm chỉ, và mẹ tôi nghĩ cô là một người học việc tử tế, mặc cho sự khó chịu thường xuyên của Anne với điều mà cô cho là xu hướng thích can thiệp của mẹ tôi. Anne vô cùng khao khát trở thành bà mụ, và không có lý do gì để tin rằng mai này cô sẽ không thành công.

Tuy nhiên, đến khi phiên tòa diễn ra, cô ta đã biến từ một bà mụ tương lai rụt rè bé bỏng thành một kẻ phản bội ngạo mạn với những tính cách gần như đóng kịch: làm ra vẻ ngoan đạo, tự cho mình là quan trọng, và - vì những lý do mà tôi không thể nghĩ ra - hả hê trước sự tan nát của gia đình tôi. Cô ta đã rời khỏi Vermont vào cuối tuần Charlotte chết, có vẻ như chỉ quay lại hai lần trước khi phiên tòa diễn ra: một lần để cung khai và một lần để thu dọn đồ đạc mà cô còn để lại trong căn phòng thuê từ một giáo sư cao đẳng ở Hardwick.

Nhưng khi cô ta lần đầu tiên gọi cho B.P. Hewitt - bác sĩ dự bị của mẹ tôi - vào sáu tháng rưỡi trước, tôi không tin rằng cô ta ghét mẹ tôi. Tôi không tin cô ta ghét bà ngay cả sau khi B.P. cố gắng trấn an cô rằng điều cô chứng kiến không phải là một ca mổ lấy thai trên người sống. Khi cô ta nhắc điện

thoại lên để gọi cho ông bác sĩ, tôi không muốn tin rằng cô thậm chí đã hiểu gói thuốc nổ mà cô chuẩn bị châm ngòi, chuỗi sự kiện mà cô sắp sửa tháo cũi - một tiến trình mà khi nghĩ lại mới thấy có thể không đem lại một kết cục tốt đẹp cho gia đình tôi. Nhưng như những gì tôi biết, ý định của cô thậm chí có thể đã rất tử tế, mong muốn của cô rất cao thượng: Một người phụ nữ đã chết, và phải làm điều gì đó.

Tuy nhiên áp lực hẳn đã ngày càng lớn với Anne Austin vào buổi sáng hôm đó, và tôi sẽ không ngạc nhiên nếu đến tận ngày nay cô ta vẫn không thể lý giải tại sao mình làm thế. Có lẽ cô nghĩ rằng B.P. sẽ nói với mẹ tôi về cuộc gọi đầu tiên của cô ta, và điều đó sẽ chấm dứt quá trình học việc của cô. Nói gì thì nói, làm sao mẹ tôi có thể tin Anne lần nữa sau khi cô ta gọi điện cho bác sĩ dự bị của bà sau lưng bà chứ?

Và thế là cô ta phải thuyết phục bản thân mình rằng cô đã đúng, mẹ tôi đã sai. Cô ta gọi cho Asa Bedford, hỏi xem ông ta đã nhìn thấy gì. Rồi sau đó, khi đã đề cập nỗi sợ của cô với chồng của người quá cố, nỗi sợ của cô được củng cố bằng những kí ức khủng khiếp của ông - những tia máu bắn lên từ người phụ nữ nằm trên giường - cô phải gọi cho luật sư bang. Cô phải làm thế. Có lẽ cô sợ rằng nếu cô không gọi thì vị mục sư sẽ gọi, và rồi chính cô sẽ bị truy tố tội đồng phạm. Dù gì thì cô ta cũng là người học việc của bà mẹ này mà. Cô ta còn đi cùng Asa để lấy con dao nữa.

Không, tôi thực tình không tin rằng Anne Austin ghét mẹ tôi khi bắt đầu các cuộc điện thoại vào buổi sáng tháng ba cay đắng đó. Nhưng tôi thực tình tin rằng cô bắt đầu ghét mẹ tôi khi mùa hè trôi qua; tôi thực tình tin rằng cô đã học cách ghét mẹ tôi. Cô ta phải làm thế; sức khỏe tinh thần của cô đòi hỏi điều đó. Cô ta còn cách nào khác để bào chữa cho nỗi đau mà cô ta gây ra cho mẹ tôi và cho gia đình tôi? Cô ta còn cách nào khác để sống thật với bản thân mình?

Đến khi phiên tòa bắt đầu, tôi đã khá chắc chắn rằng trong suy nghĩ của Anne, mẹ tôi là một bà mẹ cầu thả và nguy hiểm, đáng nhận lấy sự trừng

phạt trước mắt.

Tôi có thể nhận thấy điều đó khi cô ta vừa đến tòa vào chiều thứ sáu, chỉ ngay sau khi tất cả chúng tôi đứng dậy để chào bồi thẩm đoàn và thẩm phán rồi an tọa. Cô ta tiến về bục nhân chứng, cẩn thận nhìn thẳng về phía trước, nhưng tôi vẫn thấy được sự căm ghét cô ta dành cho chúng tôi rục lên trong đôi mắt đen tròn của cô, và cách cô ta chĩa cằm về phía chúng tôi.

Cô ta và mẹ tôi chưa nói chuyện với nhau kể từ khi họ rời bệnh viện ở Newport vào buổi sáng thứ sáu trong tháng ba; họ đã không nói một lời nào với nhau. Tôi quan sát mẹ nhìn Anne khi cô ta được một nhân viên tòa án hướng dẫn đi bằng qua trước phòng xử án và đọc lời tuyên thệ, và có vẻ như mẹ tôi đang lần đầu tiên nhìn thấy một người chị em sinh đôi mà bà không biết là có tồn tại, hay một con thú lạ và đáng sợ trong sở thú - loại sinh vật có thể khiến người ta bỏ chạy hoặc co rúm người lại nếu không có những song chắn bằng thép. Mẹ tôi chậm rãi xoay ghế để có thể nhìn trực diện Anne, và đó là một trong số hiếm hoi lần trong phiên tòa tôi thực sự thấy bà thì thầm với Peter và Stephen khi cơn choáng váng vì nhìn thấy Anne cuối cùng cũng đi qua.

Mẹ tôi trông có vẻ lúng túng hơn là giận dữ. Thình thoảng bà khẽ lắc đầu, một cử chỉ nhỏ như để hỏi Anne: *Tại sao cô làm chuyện này với tôi?*

Giọng nói của Anne mang một chút âm giọng Boston mà tôi không còn nhớ kể từ mùa đông, và nó khiến cô ta có vẻ mạnh mẽ hơn, uy quyền hơn. Cô ta nhỏ bé và trông có vẻ mệt mỏi, nhưng cô gái này - chỉ lớn hơn tôi tám tuổi - ngồi thẳng lưng và nói năng mạch lạc, kể với bồi thẩm đoàn bằng giọng chùng mực về những điều khủng khiếp mà cô đã chứng kiến, và mẹ tôi đã dùng một con dao bếp để mổ phanh bụng của một người sống ở Lawson như thế nào.

Chính trong buổi cung khai của Anne, bồi thẩm đoàn bắt đầu cảm thấy khó chịu, và bắt đầu liếc mắt nhìn mẹ tôi. Dù Anne cung khai vào buổi chiều khi phiên tòa đã diễn ra được năm ngày, tức là vào thứ sáu đầu tiên của

phiên tòa, và dù bồi thẩm đoàn biết rõ tổng quát điều gì đã xảy ra trong phòng ngủ nhà Bedford, nhưng họ vẫn chưa nghe lời kể từ một nhân chứng. Và khi Anne trả lời hết câu hỏi này đến câu hỏi khác của Bill Tanner, tôi nghĩ Charlotte Bedford lần đầu tiên trở nên có thật trong đầu một số bồi thẩm viên.

Không cần nghi ngờ gì nữa, đó là kế hoạch của Tanner. Tất cả những cá nhân mà chính quyền bang đặt ở bậc đến nay chỉ đơn thuần là màn khởi động cho ba người cuối cùng, một bộ ba nhân chứng nặng kình, về mặt lý thuyết có thể niêm phong số phận của mẹ tôi. Anne Austin và chuyên gia pháp y vào chiều thứ sáu. Mục sư Asa Bedford vào sáng thứ hai. Ngay cả khi mới mười bốn tuổi, tôi đã hiểu ngay logic của trình tự này: Nhân chứng đầu tiên, người đã gây ra phần kiện tụng của thiên tiểu thuyết này, kể lại cơn ác mộng mà cô đã chứng kiến. Nhân chứng thứ hai, một chuyên gia có uy tín cao, giải thích nguyên nhân chính xác dẫn đến tử vong. Và nhân chứng thứ ba, người đã mất mát nhiều nhất, có vai trò như chiếc mỏ neo giữa mớ hỗn loạn.

Điều tôi không nhận ra cho đến cuối ngày thứ sáu hôm đó (và có thể không nhận ra nhiều năm sau đó nếu Patty Dunlevy không giải thích với tôi) chính là sự tinh tế trong thứ tự của Tanner. Nhân chứng cuối cùng bồi thẩm đoàn sẽ nghe trước cuối tuần - hai ngày dài họ sẽ dùng để nghiền ngẫm lại tất cả những gì đã thấy và nghe trong tuần đầu tiên - sẽ là chuyên gia pháp y trình bày phiên bản của chính quyền về nguyên nhân cái chết. Sau đó, nếu chính quyền có lo sợ rằng vụ kiện của họ đã mất động lực trong những ngày cuối tuần, thì họ biết rằng vào sáng thứ hai, họ còn người đàn ông góa vợ, một mục sư đau buồn nhưng lưu loát, một người rất chi quen thuộc với việc nói chuyện trước công chúng.

Đến khi Stephen có cơ hội đối chất Anne, hầu hết bồi thẩm viên đã có trong đầu hình ảnh về Sibyl Danforth như một bà mẹ cầu thả đáng báo động, một người đàn bà vì bất cẩn mà cuối cùng đã tước đi mạng sống của một người mẹ. Không những thế, khi họ hình dung về mẹ tôi vào buổi sáng Charlotte

Bedford qua đời, hẳn họ đã hình dung bà như một người điên: một bà mẹ trở nên kích động và bồn loạn tinh thần, một người đàn bà mất trí tạm thời và đột nhiên có khả năng mổ phanh thây một phụ nữ còn sống trong những giai đoạn chuyển dạ cuối cùng. (Liệu mọi việc có kết thúc khác đi nếu mẹ tôi dùng sự mất trí làm lời bào chữa không? Chúng có thể khác với tôi, nhưng về lâu dài, kết quả sẽ không khác là bao đối với mẹ tôi. Và dù khi ấy tôi chưa biết rằng Stephen đã từng đề cập đến ý tưởng dùng sự mất trí tạm thời làm lời bào chữa, nhưng lúc đó mẹ tôi vẫn tin bà sẽ lại được hành nghề khi phiên tòa kết thúc, và lập tức bác cuộc thảo luận đó. Bà nói với Stephen rằng không một ai muốn một bà mẹ dễ phát điên khi gặp sức ép.)

Giống như mẹ tôi, Anne ra tòa trong trang phục kín đáo, không có gì nổi bật: áo sơ mi kiểu màu trắng, áo khoác mỏng, váy màu xám. Không sơ mi chuyên dụng của bà mẹ tương lai; không váy rộng thùng thình với túi to. Trông cô ta như một giao dịch viên ngân hàng trẻ tuổi đến từ Burlington.

Trong suốt buổi cung khai, cô ta tránh nhìn mẹ tôi, và tôi để ý thấy khi Stephen đứng dậy để bắt đầu phần đối chất, ông vẫn đứng tại bàn để Anne ít nhất cũng phải nhìn về hướng mẹ tôi.

“Trước khi đỡ đẻ Veil Bedford, cô chỉ mới chứng kiến chín ca đẻ, đúng không?” ông hỏi.

“Đúng.”

“Và không có ca nào rơi vào tình huống khẩn cấp, đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Ca của Veil Bedford là ca đầu tiên, đúng không?”

“Đúng.”

“Trước ngày mười bốn tháng ba, cô có bao giờ gặp phải một tình huống khẩn cấp không?”

“Như là gì?”

Stephen đi ra phía sau ghế của mẹ tôi để Anne nhìn bà. Thoạt đầu cô ta quay về phía hồ nước và nhìn những đám mây trắng bông bênh trôi về Canada. “Một tai nạn giao thông chẳng hạn. Cô có bao giờ có mặt trong một tai nạn giao thông mà có người bị thương nặng chưa? Hoặc là chứng kiến một vụ?”

“Chưa.”

“Tai nạn máy bay?”

“Dĩ nhiên là chưa.”

Stephen nhún vai. “Tai nạn tàu hỏa? Một người bị đau tim? Em bé rơi vào hồ nước?”

“Không, tôi chưa thấy những chuyện như thế.”

“Chưa bao giờ?”

“Chưa bao giờ.”

“Và cô chưa bao giờ có mặt cùng một nhân viên cấp cứu y tế hoặc tình nguyện viên đội cứu hộ trong một tình huống nguy cấp sinh tử, đúng không?”

“Chưa.”

“Charlotte Bedford là người đầu tiên, đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Và cô chưa bao giờ chứng kiến một ca phẫu thuật nào cả, đúng không?”

“Phẫu thuật như trong bệnh viện à?”

“Đúng. Như trong bệnh viện ấy.”

“Chưa.”

“Cô có được đào tạo y khoa chính thống không?”

“Ý ông là giống như ở trường cao đẳng ấy hả?”

“Vâng. Chính xác là thế.”

“Chưa, nhưng tôi đang dự định...”

“Cám ơn, cô Austin. Cô chưa bao giờ tham gia một khóa huấn luyện sơ cấp cứu có cấp chứng chỉ, đúng không?”

“Đúng.”

“Và cô không biết hô hấp nhân tạo, đúng không?”

“Tôi biết một chút. Vài ngày sau khi Charlotte chết, tôi đã định bắt đầu...”

“Cô có được đào tạo và cấp chứng chỉ một cách chính thức để thực hiện hô hấp nhân tạo không?”

“Không.”

Stephen giơ một cánh tay lên và tôi đã thoáng nghĩ ông sẽ đặt nhẹ bàn tay lên vai mẹ tôi, nhưng ông không làm vậy. Thay vào đó ông chỉ đưa tay vào trong áo khoác để lấy ra một cây bút. “Charlotte Bedford có phải là người chết đầu tiên cô nhìn thấy không?” ông hỏi, và lần đầu tiên trong buổi chiều hôm đó ông lên giọng một bậc và tỏ vẻ sẵn sàng cho một trong những cuộc đối đầu mà ông có vẻ thích thú.

“Đúng.”

“Khi cô nhìn thấy máu từ nỗ lực của bà Sibyl để cứu đứa bé, đó có phải là lần đầu tiên cô nhìn thấy một cơ thể bị mổ ra không?”

“Tôi đã nhìn thấy tranh ảnh trong sách giáo khoa.”

“Làm ơn đi, cô Austin, tôi đâu có hỏi cô nhìn thấy cơ thể người trong sách hay chưa. Đó có phải là lần đầu tiên cô nhìn thấy một cơ thể bị mổ ra không?”

“Tôi đoán là vậy.”

“Đúng hay không?”

“Đúng.”

“Cám ơn cô.” Stephen cầm cây bút lên và bắt đầu gõ nhẹ nó lên bàn một lúc, có lẽ để làm cho Anne nhìn về phía ông. “Vậy trước buổi sáng sớm ngày mười bốn tháng ba, cô chưa bao giờ nhìn thấy lượng máu có thể hoặc không thể chảy ra trong tình huống như thế. Đúng không?”

“Đúng.”

“Cô chưa bao giờ nhìn thấy máu bắn ra từ một người sống hoặc một người chết?”

“Chưa.”

“Trong trường hợp đó, cô dựa vào đâu mà đi đến kết luận bừa bãi rằng máu cô nhìn thấy vào lúc đó là từ một người sống?”

“Là do cách nó bắn ra.”

Ông lắc đầu. “Tôi không hỏi cô rằng cô nghĩ mình đã thấy cái gì. Tôi đang hỏi cô rằng cô dựa vào đâu để đi đến kết luận rằng dựa trên việc chảy máu, Charlotte Bedford vẫn còn sống?”

“Ông không nhìn thấy đó thôi. Nếu ông có ở...”

“Thưa quý tòa, xin hãy hướng dẫn nhân chứng trả lời câu hỏi,” Stephen đột ngột nói.

Thẩm phán Dorset chỉ nhìn xuống Anne và nói, “Cô Austin, cô hãy trả lời câu hỏi.”

“Nhưng nếu bất kì ai trong số...”

“Cô Austin,” thẩm phán nói tiếp, và xem ra ông cũng cảm thấy khó chịu không kém Stephen, “hãy trả lời các câu hỏi. Ông Hastings, xin vui lòng tiếp tục.”

“Phần nào trong kiến thức đào tạo của cô khiến cô nghĩ rằng máu cô nhìn thấy là từ một người sống?” Stephen hỏi, và ông tiếp tục chậm rãi gõ đầu bút xuống mặt bàn.

Cô ta khoanh tay trước ngực. “Tôi không nhớ.”

“Đó có phải vì cô không có - tuyệt đối không có kiến thức đào tạo y tế?”

“Có lẽ vậy.”

“Tôi có đúng không khi nói rằng mọi phỏng đoán của cô về máu đều hoàn toàn không dựa trên kinh nghiệm nào - không hề có kinh nghiệm từ bản thân, hoặc chứng kiến, hoặc nghe kể lại?”

Cuối cùng cô ta cũng nhìn về phía Stephen và khi nhìn thấy mẹ tôi, cô ta nhắm tịt mắt để không khóc, nhưng nước mắt đã trào lên. Cô hít vào một ít, nhưng câu trả lời của cô vẫn kèm tiếng sụt sịt. Như thể Stephen chưa hỏi cô câu nào, như thể ông thậm chí không hiện diện, cô bất thành lình khóc nức nở khi nhìn thấy mẹ tôi, “Chúa ơi, Sibyl, tôi xin lỗi, tôi xin lỗi, nhưng tôi phải làm thế, tôi phải gọi điện thoại! Chị đã giết cô ấy...”

Stephen cố cắt ngang lời cô ta. Ông yêu cầu câu nói đó bị gạch khỏi biên bản, và thẩm phán Dorset nện búa xuống bàn ông mạnh hơn gấp nghìn lần so với cách Stephen gõ bút lên bàn trước đó, nhưng trước khi suy sụp và khiến tòa phải nghỉ giải lao, Anne cố gắng khóc lóc lần nữa, “Tôi xin lỗi, Sibyl, tôi thật sự xin lỗi! Tôi biết chị không cố ý, nhưng cả hai ta đều biết chị đã giết cô ấy!”

Mẹ nhấp một ngụm nước từ chiếc cốc giấy trong một phòng họp nhỏ không có cửa sổ trong giờ giải lao, còn bố thì nắm tay bà. Trông bà có vẻ nhợt

nhật hơn so với trước khi cơn bộc phát của Anne xảy ra, thỉnh thoảng bà ấn rìa cốc vào môi dưới.

“Cô ta đúng là một mụ phù thủy nhỏ, phải không nào?” Peter lầm bầm, tôi nghĩ ông độc thoại hơn là đối thoại.

“Không,” mẹ đáp, “thực sự là không.”

“Như thế thì rộng lượng quá đấy, Sibyl ạ. Ở đây toàn là người nhà và bạn bè; chị đâu cần làm ra vẻ cao thượng,” Stephen nói với bà, trông ông có vẻ bức bối không kém gì lúc thẩm phán yêu cầu giải lao mười lăm phút trước.

“Tôi đâu có. Anne chỉ... cô ấy còn trẻ, và đã lún quá sâu vào chuyện này.”

“Chà, nếu vậy thì,” Stephen nói, “cô ta sắp chìm rồi. Sẽ nhanh chóng êm ái thôi, nhưng chúng ta sắp nhận chìm cô ta lần thứ ba.”

“Cô Austin, cô sẽ chỉ tập trung vào câu hỏi mà ông Hastings đưa ra, còn ông Hastings, ông sẽ cho phép cô ấy trả lời đầy đủ từng câu. Như thế có rõ chưa ạ?” Thẩm phán Dorset hỏi khi chúng tôi trở lại.

Stephen gật đầu, di chuyển ra ngoài từ phía sau bàn của mình và bắt đầu đi đi lại lại trong phòng như đã làm với hầu hết các nhân chứng khác. Ông yêu cầu báo cáo viên tòa án đọc lại câu hỏi cuối cùng mà ông đã hỏi, câu hỏi về kinh nghiệm bản thân, hoặc chứng kiến, hoặc nghe kể lại.

“Đúng vậy,” Anne đáp. Mắt cô ta đỏ hoe vì khóc, và lời lẽ cô ta đã không còn sự đĩnh đạc vốn có.

“Ấy vậy mà khi Sibyl rạch vết đầu tiên, cô đã kết luận rằng Charlotte Bedford còn sống.”

“Khi tôi nhìn thấy máu, đúng.”

“Cơ thể có biểu hiện bất kì dấu hiệu nào khác của sự sống vào lúc vết rạch được thực hiện không - hoặc là sau đó, nếu có?”

“Ví dụ như là gì?”

Stephen nhún vai. “Người phụ nữ đó có khóc lớn vì đau không?”

“Không, cô ấy bất tỉnh rồi.”

“Cơ thể cô ấy có... rung lên không?”

“Tôi không thấy nó rung lên.”

“Cô không thấy nó rung lên?”

“Không.”

“Nó không hề nhúc nhích, có đúng không?”

“Tôi không thấy nó nhúc nhích.”

“Vậy có phải dấu hiệu duy nhất mà cô có thể chứng tỏ người phụ nữ còn sống là máu không?”

“Đúng.”

“Nhưng chừng ấy cũng đủ để khiến cô hoảng sợ rồi?”

“Đúng vậy.”

“Vậy cô đã làm gì khi cô hoảng sợ? Cô có cố gắng ngăn cản Sibyl không?”

“Không.”

“Cô có nói với bà ấy, ‘Đừng làm vậy, Sibyl, cô ấy còn sống’ không?”

“Không.”

“Cô có cố gắng đoạt lấy con dao từ tay Sibyl và...”

“Phản đối. Câu hỏi mang tính quấy rầy nhân chứng,” Tanner nói.

“Phản đối vô hiệu.”

“Cô có cố gắng đoạt lấy con dao từ tay Sibyl không?”

“Không.”

Stephen gật đầu, đi hết chiều dài bời thăm dò. “Vậy là dù sau đó cô nghĩ rằng Charlotte Bedford còn sống trước khi bị rạch, nhưng cô lại chẳng hề làm gì để cố gắng cứu mạng người phụ nữ ấy. Cô có ít nhất cũng chia sẻ nỗi sợ của mình với người cha khi hai người còn ở trong phòng không?”

“Không, lúc đó thì không.”

“Cô đã cung khai khi này rằng cô ngạc nhiên khi Sibyl không kiểm tra nhịp tim thai nhi. Cô có đề xuất với bà mẹ này rằng bà ta nên làm thế không?”

“Không.”

“Vậy tôi có đúng không khi nói rằng dù sau khi sự việc xảy ra, cô nói rằng Charlotte Bedford đã chết sau khi bị rạch, nhưng cô vẫn không hề làm gì vào lúc đó để cố gắng ngăn chặn ca phẫu thuật?”

“Tôi chỉ không biết phải...”

“Cô Austin...”

“Tôi chỉ không...”

“Thưa quý tòa...”

Thẩm phán Dorset gõ búa trên chiếc bàn gỗ sậm màu trước mặt và rồi làm tôi ngạc nhiên - có lẽ là làm tất cả chúng tôi ngạc nhiên - khi ném cho cô gái trẻ chiếc phao cứu hộ, nhờ đó giúp cô tránh bị dón vào chân tường lần cuối. “Luật sư,” ông nhắc Stephen, “tôi đã yêu cầu anh cho phép nhân chứng có thời gian trả lời đầy đủ mỗi câu hỏi. Hãy nói đi, cô Austin.”

Cô ta hít một hơi sâu và lấy khăn giấy chặm mắt. Cuối cùng, bằng giọng khê run rẩy, cô nói, “Lúc đó tôi chỉ không đủ tự tin để ngăn chị ta lại, tôi chỉ không đủ hiểu biết. Như ông nói, tôi chưa bao giờ trải qua một việc như thế

trước đây. Nhưng tôi đã nhìn thấy máu bơm ra hết lần này đến lần khác và tôi biết có gì đó không ổn, và chỉ vài giờ sau đó tôi đã quyết định rằng tôi có... có trách nhiệm đạo đức phải nói với ai đó về những gì tôi đã thấy. Tôi không muốn đâu, tôi thực sự không muốn. Nhưng tôi phải làm thế. Vấn đề là ở đó: Tôi phải làm thế.”

Có lẽ vì cuộc gọi mà tôi đã nghe trộm vào một đêm giữa mẹ tôi và Stephen - một cuộc nói chuyện mà tôi cảm thấy có quá nhiều lời nói bóng gió chột nhả - mà tôi đã quyết định ở nhà khi ông ta ghé qua nhà chúng tôi vào một buổi chiều trong tuần lễ trước khi phiên tòa bắt đầu. Tôi lượn lờ trong nhà bếp, giả vờ làm bài tập trong khi họ gặp nhau trong phòng làm việc của bà. Khi ông ta đi rồi, lúc mẹ tiễn ông ra xe, tôi đến một cửa sổ đang mở để nhìn họ qua lớp kính. Họ tưởng tôi đang ở trong nhà bếp.

Tuy nhiên, thay vì đi về phía chiếc xe, họ lại đi lững thững vào vườn hoa của mẹ, dừng lại đâu đó giữa những cây hướng dương - vào ngày hôm đó của tháng chín, chúng cao hơn họ rất nhiều, nhưng đã sắp chết - ở một điểm mà tôi không thấy được. Vì thế tôi quay trở lại nhà bếp rồi sau đó đi ra vườn sau nhà thông qua cửa kính trượt. Dựa lưng vào bức tường bên hông nhà, tôi vẫn không nhìn thấy họ, nhưng tôi nghe được loáng thoáng cuộc nói chuyện của họ.

Tôi không biết Stephen có thực sự định hôn mẹ tôi trước khi tôi đi ra hay không: Trong suy nghĩ của tôi, tôi có thể nhìn thấy ông nắm tay bà giống như cách ông đã từng nắm một lần ở cạnh chiếc xe của ông, và đặt môi lên môi bà. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy ông làm điều đó.

Dù sao đi nữa, tôi vẫn luôn hiểu tại sao luật sư tin vào suy luận logic, ý nghĩ rằng người ta không cần nghe hoặc thấy trời mưa vào buổi tối để biết vào sáng hôm sau rằng trời đã mưa nếu xe cộ, mặt đất và cây cối đều ướt.

Vì thế tôi tin rằng Stephen có thể đã tìm cách hôn mẹ tôi bởi tôi nghe mẹ nói với ông, “Không, không phải chỉ vì địa điểm. Là vì mọi thứ. Nếu tôi

phát ra những tín hiệu đó với anh thì tôi xin lỗi. Tôi thật sự, thật tình xin lỗi.”

Trước khi tôi trở thành bác sĩ, tôi không thể tưởng tượng tại sao lại có người muốn làm chuyên gia pháp y. Tôi nghĩ rằng bất kì ai sẵn sàng dành ngần ấy thời gian cạnh các xác chết hẳn phải cực kì đam mê về cái chết hoặc ít ra cũng chưa bao giờ từ bỏ sở thích của một đứa bé trai chín tuổi dành cho ma cà rồng, xác ướp và kẻ đào mả. Chỉ đến khi tôi học trường y, niềm đam mê đối với công việc ấy mới trở nên rõ ràng với tôi, và lý do vì sao quá nhiều người tuyệt đối bình thường - ít nhất là ở bề ngoài - lại chọn nó làm sự nghiệp. Nó giống như làm thám tử tư vậy. Và khi bạn đã vượt qua được xác chết đầu tiên thì mô người không còn khiến bạn sợ hãi nữa, còn nội tạng xương xấu thì trở thành chuyện thường ngày ở huyện.

Tuy nhiên, vào năm mười bốn tuổi, tôi tưởng tượng một chuyên gia pháp y phải là người cực kì bệnh hoạn. Vì thế tôi hoàn toàn bất ngờ khi chuyên gia pháp y của bang Vermont được chấp hành viên tòa án đưa vào giữa hai hàng ghế chật kín người trong phòng xử án vào chiều thứ sáu, và dẫn đến bục nhân chứng. Terry Tierney trông như bất kì ông bố nào mà tôi biết ở Reddington, làm huấn luyện viên cho đội bóng chày Little League vào mùa xuân và đội bóng bầu dục Pop Warner vào mùa thu: nhiệt tình nhưng nhẩn nại trong công việc, và có ngoại hình đặc biệt nổi trội. Ông ta lớn hơn bố mẹ tôi một chục tuổi, có hàm râu màu đen đang bạc và đeo kính rất giống Stephen.

Ông ta mỉm cười khi Bill Tanner cất tiếng chào, và - với sự gợi ý của Tanner - trình bày với bồi thẩm đoàn bảng liệt kê dài dằng dặc những bằng cấp và thành tựu của mình. Hai người ấy thân thiết đến độ tôi đã đôi lần chờ nghe họ bắt đầu thảo luận về chuyến đi săn hươu vào cuối mùa thu năm đó.

Tuy vậy, khi cuối cùng họ cũng nói đến cảnh tượng chờ đón Tierney khi ông ta bước vào phòng ngủ của nhà Bedford hồi tháng ba, mọi thứ thay đổi,

và Tierney trở nên nghiêm túc. Ông mô tả cách mẹ tôi khâu vết mổ ngoài do bà rạch ra rồi sau đó kéo áo ngủ của Charlotte xuống che người lại.

“Bà Danforth có nói với ông rằng Charlotte Bedford đã chết không?” Bill Tanner hỏi.

“Bà ấy nói người phụ nữ đó bị đột quy.”

“Ông nghĩ sao?”

“Tôi nghĩ chuyện đó là có thể. Trong sinh đẻ tại nhà thì chuyện gì cũng có thể xảy ra.”

“Phản đối!” Stephen nói, đứng phắt dậy từ ghế ngồi, và thối phán đồng ý.

“Ông tiến hành giải phẫu tử thi lúc nào?” Tanner tiếp tục, tựa như không hề có sự gián đoạn.

“Cuối buổi sáng hôm đó.”

“Ông có tìm thấy dấu hiệu gì cho thấy người phụ nữ ấy bị đột quy không?”

“Không.”

“Nếu Charlotte Bedford bị đột quy, thì ông có thể kết luận được điều đó từ một ca giải phẫu tử thi không?”

“Chắc chắn là được.”

“Tại sao?”

Bác sĩ Tierney thở dài và suy nghĩ một chút. Ngẫm lại, tôi tin rằng ông ta chỉ dừng lại để nghĩ cách trả lời sao cho có thể diễn tả những chi tiết giải phẫu người chết mà không làm bối thối đoàn cảm thấy ghê rợn. Nhưng vào lúc đó, tôi nghĩ ông do dự vì cảm thấy buồn.

“Khi tôi kiểm tra não, tôi sẽ tìm thấy những thay đổi quan trọng. Tôi sẽ thấy tình trạng xuất huyết. Mô sẽ bị mềm; nó sẽ trở nên xối.”

“Và ông không thấy bất kì dấu hiệu nào vừa kể - không xuất huyết, không mềm đi - khi ông kiểm tra não của Charlotte Bedford?”

“Không, tôi không thấy gì cả.”

Tanner quay trở lại bàn của mình, trợ lý luật sư đưa cho lão một bản mà tôi nghĩ là những ghi chú của lão.

“Ông có kiểm tra vùng bụng của Charlotte Bedford không?”

“Có.”

“Bắt đầu với vết mổ?”

“Đúng vậy.”

“Kể cả các cơ quan sinh sản của cô ấy?”

“Dĩ nhiên.”

“Ông nói bà Danforth đã khâu chỗ da mà bà ta mổ Charlotte lại. Bà ta có khâu các cơ quan nội tạng không?”

“Không.”

“Bà ta không khâu tử cung lại?”

“Không.”

“Tại sao không?”

“Phản đối,” Stephen nói. “Câu hỏi mang tính suy đoán.”

“Phản đối được chấp nhận.”

“Vậy là ông thấy tử cung không được khâu lại,” Tanner tiếp tục.

“Đúng, nó không được khâu lại.”

“Ông có biết đứa bé nằm ở đâu trong đường sinh khi bà Danforth kéo nó ra từ người mẹ không?”

“Không.”

“Ông có biết liệu đứa bé đã di chuyển xuống trong suốt thời gian bà Danforth bắt Charlotte rặn hay không?”

“Phản đối, không ai bắt ai làm gì cả.”

“Phản đối được chấp nhận.”

Tanner cười lấy lòng với bồi thẩm đoàn, một nụ cười có vẻ ranh mãnh hơn là cầu tài.

“Ông có biết liệu đứa bé đã di chuyển xuống trong suốt thời gian Charlotte rặn hay không?”

“Không, tôi không biết.”

“Ông có biết liệu đã xảy ra hiện tượng nhau bong non hay không?”

“Vâng, chắc chắn rồi. Có những vùng xuất huyết.”

“Đó có phải là nguyên nhân cái chết?”

“Không. Như thường gặp ở tình trạng này, nó đã đông lại. Bắt đầu tự lành lại.”

“Đó có phải là một yếu tố trong cái chết của Charlotte Bedford không?”

“Nó sẽ là một yếu tố gián tiếp.”

Tanner liếc nhìn ghi chép của mình và trở nên im lặng. Cuối cùng: “Nghĩa là sao?”

“Người phụ nữ đã mất một lượng máu trong quá trình đó. Căn cứ trên việc mổ lấy thai được thực hiện vài giờ sau đó, không thể đo được là bao nhiêu. Nhưng đó có thể là một lượng đáng kể.”

“Tức là?”

“Cơ thể cô ấy yếu hơn. Cô ấy không còn khỏe như trước.”

“Tại sao điều đó quan trọng?”

“Như bà mẹ nào cũng biết, sinh đẻ là một quá trình rất vất vả. Cực kì vất vả. Người phụ nữ cần tất cả sức lực có thể huy động được, đặc biệt là nếu có gì... có gì đó bất thường xảy ra.”

“Có điều gì bất thường xảy ra trong ca này không?”

“Tôi cho rằng ý ông là ngoài chuyện người phụ nữ đáng thương ấy thiệt mạng.”

“Đúng.”

“VẬY THÌ CÓ, RÕ RÀNG CÓ CHUYỆN BẤT THƯỜNG XẢY RA.”

“Dựa trên cuộc giải phẫu tử thi mà ông tiến hành, và toàn bộ công việc trong phòng thí nghiệm sau đó, ông nghĩ chuyện đó là chuyện gì?”

Như thể đang kể lại một sự kiện bình thường như một chuyến lái xe về nhà trên đường trơn trượt trong cơn bão tuyết - nguy hiểm, có thể, nhưng là một nỗ lực mà mọi người trong phòng xử án đó đều đã chịu đựng và có thể thảo luận thoải mái tại bàn ăn tối - ông ta đáp, “À, dù không có bằng chứng y học nào cho thấy có đột quỵ, nhưng có nhân chứng nhìn thấy triệu chứng mà ai không phải là bác sĩ sẽ lầm tưởng đó là đột quỵ. Người phụ nữ co giật hoặc rung lên, rồi sau đó bất tỉnh. Người bố nhìn thấy, cô gái trẻ - người học việc - nhìn thấy, và dĩ nhiên bà Danforth nhìn thấy. Nhưng tôi không cho rằng chứng phình mạch là nguyên nhân gây co giật.”

“Ông có ý kiến gì về nguyên nhân của nó không?”

“Có.”

“Xin ông cho biết đó là gì?”

“Nói theo cách của bác sĩ Lang, tôi nghĩ người phụ nữ ấy bị ‘mê tẩu’.”

“Xin ông nói rõ hơn?”

“Ở đây, ngay chỗ phía sau đầu của chúng ta,” Tierney nói, chỉ vào một điểm trên đầu ông ta, “có một cặp dây thần kinh sọ cấu tạo bằng những sợi vận động và sợi cảm giác. Đó là những dây thần kinh mê tẩu. Chúng điều khiển một loạt cơ quan và cơ bắp - chẳng hạn như thanh quản và nhiều cơ quan nội tạng vùng ngực và vùng bụng.”

“Điều đó theo cách nói của người bình thường có ý nghĩa gì?”

Tierney nở một nụ cười dè dặt với bồi thẩm đoàn. “Chúng giúp não và tim trao đổi thông tin. Chúng giúp não truyền thông tin đến tim nên đập nhanh hay chậm. Giống như mọi cơ quan khác trong cơ thể, não cần oxy. Và oxy được máu đưa đến não - máu dĩ nhiên được bơm bằng tim. Nếu não không nhận đủ oxy - nếu nó gặp chứng mà chúng tôi gọi là sự giảm oxy huyết - thì nó không hoạt động bình thường được. Hoặc ngừng hẳn. Rõ ràng, có rất nhiều thứ có thể khiến não bị thiếu oxy, trong đó có cả thủ thuật y tế được lên kế hoạch trước như gây mê tổng quát chẳng hạn. Nhưng một nguyên nhân khác có thể là sinh đẻ, và cách rặn của sản phụ. Bạn hít vào rất sâu, cố gắng rất nhiều, và rồi thở ra lập tức. Và bạn làm việc này trong nhiều giờ. Đột nhiên, khi bạn còn chưa nhận ra, thì não của bạn đã bị thiếu oxy.”

“Điều này có nguy hiểm không?”

“Chắc chắn là có. Nếu bạn căng thẳng quá và trở nên thiếu oxy não, thì tim có thể đập chậm lại hoặc thậm chí ngừng đập. Nó là một dạng phản xạ do dây thần kinh mê tẩu điều khiển. Tim bạn ngừng đập và bạn bất tỉnh. Như một số bác sĩ nói, bạn bất tỉnh vì mê tẩu.”

“Có thể chết không?”

“Ồ, có, sự thực là người ta có thể chết. Nhưng phụ nữ đang đẻ thì hầu như không bao giờ chết, vì một y tá trong phòng đẻ hoặc một bác sĩ sản phụ

khoa biết chính xác các triệu chứng ban đầu là gì, chính xác những dấu hiệu đầu tiên là gì. Và nó rất dễ chữa trị: Chỉ cần để sản phụ nghỉ ngơi một chút hoặc - trong trường hợp nghiêm trọng hơn - hỗ trợ khí oxy.”

“Điều gì khiến ông nghĩ Charlotte bị mê tẩu?”

“Thứ nhất, cô ấy có những triệu chứng của người bị thiếu oxy não: Cô ấy bị động kinh, bất tỉnh, và tim ngừng đập. Các nhân chứng có thể nhìn thấy những điều đó. Rồi sau đó, khi chúng tôi tìm kiếm những chấn thương ở tế bào não trong hồi cá ngựa, chúng tôi thấy bằng chứng quan trọng của hiện tượng thiếu oxy não.”

“Nó trông như thế nào?”

“Nhân của tế bào bị thoái hóa - bị teo lại và thâm đen, trông rất xấu xí. Trong khi đó tế bào chất của thân tế bào thì chuyển màu đỏ sậm, trông như thủy tinh.”

“Vậy ý ông là Charlotte Bedford bị bắt... ông đang nói rằng Charlotte Bedford rặn quá lâu đến nỗi bị thiếu oxy não. Cô ấy bị mê tẩu.”

“Đúng.”

“Theo quan điểm của ông, đó có phải là nguyên nhân tử vong không?”

“Chà, đó là vấn đề. Tôi không nghĩ như vậy.”

“Tại sao không?”

“Điều này sẽ nghe có vẻ trớ trêu, xét lý do tất cả chúng ta có mặt ở đây, nhưng tôi tin bà Danforth đã cứu cô ấy sau khi cô ấy bị mê tẩu. Tôi tin rằng việc hô hấp nhân tạo do bà Danforth thực hiện - toàn bộ những lần đó - thực ra đã giúp người phụ nữ sống lại.”

Ý kiến của bác sĩ Tierney không làm gia đình tôi ngạc nhiên, và mẹ tôi hầu như không cử động khi ông ta nói. Nhưng đó là một tiết lộ bất ngờ với hầu hết những người khác, và một bà mẹ ngồi ở dãy ghế phía sau hẳn đã giật

mình rất mạnh hoặc kêu lên thảng thốt đến nỗi làm đứa con nhỏ của bà tỉnh dậy. Tất cả chúng tôi đều nghe tiếng khóc, sau đó là tiếng sột soạt mà tất cả chúng tôi đều đã quá quen thuộc, khi người mẹ men theo lối đi hẹp giữa các hàng ghế và sau đó đi ra khỏi phòng xử án.

“Điều gì khiến ông nghĩ như vậy?” Tanner hỏi khi căn phòng đã trật tự trở lại.

“Lượng máu trong khoang bụng. Ý tôi là, có gần bảy trăm năm mươi mililit máu trong đó.”

“Gần một lít à?”

“Chùng đấy. Cộng thêm máu ở bên ngoài vết thương: Xung quanh vết rạch. Trên giường. Và, dĩ nhiên, trên chiếc gối bà Danforth dùng để thấm máu để có thể thấy đường làm việc mà bà ấy đang làm. Tôi đoán là tìm tử cung. Theo ý kiến của tôi, sẽ không có nhiều máu đến như thế trong bụng của người quá cố và chung quanh giường nếu người phụ nữ ấy đã chết khi bà Danforth cố gắng thực hiện mổ lấy thai.”

“Vì vậy ông tin rằng Charlotte Bedford còn sống khi bà Danforth tiến hành mổ đẻ?”

“Đúng vậy.”

“Trong trường hợp đó thì nguyên nhân tử vong là gì? Charlotte Bedford đã chết như thế nào?”

Bác sĩ Tierney thở dài và sau đó nhìn thẳng vào bồi thẩm đoàn. “Như tôi đã đánh máy trên tờ giấy chứng tử - bản cuối cùng - cô ấy chết vì choáng xuất huyết do ca mổ đẻ. Theo quan điểm của tôi, chính ca mổ đẻ của bà Danforth đã giết chết cô ấy.”

Tôi không phải mất ngủ vì lo lắng, nó không giống như thế. Đôi khi tôi còn chẳng nhớ mình đã lắng nghe hơi thở của Rand trong nhiều giờ liền, cảm nhận thân nhiệt của anh dưới lớp chăn. Nhưng vào buổi sáng, trông tôi thường giống như mất ngủ. Tôi cúi bần, mệt mỏi, và đi vào những căn phòng trống để khóc.

Stephen nói chị gái của Charlotte không ghét tôi. Nhưng anh không phải là phụ nữ, anh chưa từng biết đến sinh đẻ. Anh chưa từng nhìn thấy sự sống dâng trào trong căn phòng vào thời khắc sinh đẻ.

Về điều này anh đã sai.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

TÔI MUỐN STEPHEN XÉ XÁC TIERNEY. Tôi biết chuyên gia pháp y là một nhân chứng bất lợi; tôi hiểu lời cung khai của ông ta có sức mạnh thế nào: Ông ta nói năng có vẻ thông minh và uy quyền; ông ta trông hoàn toàn có lý. Trông ông ta thật tử tế trên bục nhân chứng.

Nhưng tôi cũng hiểu rằng nếu thiệt hại mà Tierney gây ra có thể khắc phục được, thì phần lớn công việc khắc phục sẽ phải đợi đến tuần sau, khi Stephen đưa những “chuyên gia” của chúng tôi ra bục nhân chứng. Tôi hi vọng khi đó, mọi người trong phòng xử án sẽ nhận thấy rằng bác sĩ Tierney chỉ là một chuyên gia pháp y của Vermont mà thôi. Ông ta chẳng phải đến từ Boston hay New York hay Washington, D.C. gì cả. Quan điểm của Tierney chỉ là một trong nhiều quan điểm, và nó chắc chắn là đã sai lầm: Cuối cùng bồi thẩm đoàn sẽ bị thuyết phục rằng Charlotte Bedford chắc chắn đã chết trước khi mẹ tôi quyết định cứu cậu bé Veil.

Đương nhiên, Stephen sẽ không lấy lòng một bồi thẩm đoàn ở hạt Orleans bằng cách làm Tierney bẽ mặt chỉ vì ông ta đến từ Vermont. Vì thế phần lớn chiến thuật của ông trong cuộc đối chất chuyên gia pháp y vào cuối buổi chiều thứ sáu chỉ đơn giản là đặt nền tảng cho các chuyên viên thẩm nghiệm y lý tư pháp của ông, và để đề xuất rằng sẽ còn có nhiều ý kiến bất đồng.

“Ông nói rằng bà Bedford có khoảng bảy trăm năm mươi mililít máu trong bụng. Tôi nói có đúng không?” có lúc ông hỏi.

“Vâng, khoảng chừng đấy.”

“Nếu ai đó gặp ông và nói rằng một phụ nữ đã chết vì một ca mổ đẻ được tiến hành trong... trong những tình huống này, liệu ông có nghĩ rằng sẽ có nhiều máu hơn không?”

Tanner đứng dậy để phản đối, nói rằng thật lố bịch khi yêu cầu một chuyên gia pháp y phỏng đoán về một tình huống giả định khi mà có một ca mổ đẻ thật để thảo luận, nhưng thẩm phán cho phép Stephen tiếp tục.

“Bảy trăm năm mươi mililít là một lượng máu rất nhiều rồi,” Tierney nói.

“Nhưng... nhưng... nếu ai đó nói với ông rằng một phụ nữ chết vì mổ lấy thai... liệu ông có nghĩ là máu sẽ nhiều hơn như thế không?”

Tierney suy nghĩ một lúc lâu. Cuối cùng: “Tôi có thể nghĩ như thế.”

“Cám ơn ông. Nếu ông muốn bằng chứng tuyệt đối... không thể chối cãi... không thể phủ nhận rằng một ca mổ đẻ chính là nguyên nhân tử vong, thì ông muốn tìm thấy bao nhiêu mililít máu trong khoang bụng?”

Tierney khẽ gật đầu trong lúc suy nghĩ tìm câu trả lời. “Có lẽ là một nghìn,” ông nói.

“Trong khoang bụng của Charlotte Bedford có chừng ấy máu không?”

“Không.”

“Cám ơn ông,” Stephen nói, và bắt đầu đi lại bàn của mình. “Không còn câu hỏi nữa.” Trong một khoảnh khắc tôi đã nghĩ rằng câu nói đó sẽ đánh dấu sự kết thúc của ngày hôm đó - và do đó kết thúc cả một tuần - và tôi trở nên phấn khích. Đây có vẻ như là một lưu ý tuyệt vời để gửi các bồi thẩm viên đem về nhà vào dịp cuối tuần.

Nhưng trước khi Stephen kịp ngồi xuống, Tanner đã đứng dậy để tiến hành phần hỏi bổ sung.

“Hai câu hỏi nhanh, thưa bác sĩ Tierney, nếu tôi được phép,” lão ta bắt đầu. “Căn cứ trên mọi thứ mà ông đã biết từ cuộc giải phẫu tử thi, và căn cứ trên lượng máu khổng lồ tìm thấy ngoài khoang bụng - chẳng hạn như máu mà bà Danforth đã thấm bằng gối - liệu bảy trăm năm mươi mililit có đủ để thuyết phục ông rằng ca mổ đẻ chính là nguyên nhân tử vong không?”

“Có, gần như chắc chắn.”

“Căn cứ trên toàn bộ kinh nghiệm của ông, và toàn bộ thời gian ông dành cho ca này, ông có tin rằng nguyên nhân tử vong chính là ca mổ đẻ do bị cáo thực hiện không?”

“Vâng, tôi tin là thế.”

“Cám ơn ông,” Tanner nói, và thăm phán Dorset ngược nhìn chiếc đồng hồ ở bức tường phía xa. Lúc đó đã quá năm giờ, và tuần đầu tiên trong phiên tòa xử mẹ tôi sắp kết thúc bằng một hồi búa.

Trước khi tất cả chúng tôi rời khỏi phòng xử án và đường ai nấy đi vào tối thứ sáu, Stephen cố gắng trấn an bố mẹ tôi rằng đây là điểm đáy trong phiên tòa đối với chúng tôi - cả về nghĩa đen, tức là viễn cảnh được tuyên trắng án của mẹ tôi, lẫn về mặt cảm xúc. Dù sao đi nữa, chính quyền bang đã trình bày hầu như toàn bộ vụ án - nhân chứng duy nhất còn lại chính là ông góa - trong khi chúng tôi thậm chí còn chưa bắt đầu phần bào chữa của mình.

Stephen cảnh báo chúng tôi rằng trong hai ngày cuối tuần, chúng tôi có thể bận tâm đến những gì bồi thẩm đoàn đang nghĩ, và có thể trở nên hoảng hốt.

“Hãy nhớ, chặng đường trước mặt còn rất dài,” ông nói, và mặc dù tôi rất muốn tin ông, nhưng sự trấn an của ông lại mâu thuẫn với một quan điểm khác mà tôi đã nghe ông nói ít nhất năm, sáu lần: Phần biện hộ của chúng

tôi sẽ mất ít thời gian hơn rất nhiều so với phần của bên công tố. Tất cả những gì chúng tôi cần làm là nuôi dưỡng sự nghi ngờ hợp lý, và dù - như cách nói ẩn dụ của ông - ông muốn chúng tôi đảm bảo rằng gốc rễ của sự nghi ngờ đó khỏe mạnh và vững chắc, nhưng ông cũng nói rằng sự nghi ngờ trong trường hợp này là một bụi rậm nhỏ xù xì thô ráp.

Điều cuối cùng ông nói trước khi leo lên xe là ông sẽ gặp lại chúng tôi vào Chủ nhật, khi ông cùng Peter đến để giúp mẹ tập dượt lời khai và chuẩn bị cho phần đối chất.

Khi chúng tôi lái xe về Reddington, mẹ hỏi tôi cảm thấy thế nào, và tôi nói dối với bà rằng tôi vẫn ổn. Thật ra, tôi đang cố ngăn nước mắt trào ra. Nhưng bố mẹ tin vào câu trả lời của tôi, và đó là tất cả những gì chúng tôi nói với nhau trên đường về nhà. Nỗi lo sợ kết hợp với sự mệt mỏi khiến họ chẳng còn tâm trí nào để nhận xét về lời cung khai mà chúng tôi đã nghe hôm đó hoặc nhận ra sự run rẩy đã len lỏi vào giọng nói của tôi.

Khi gần về đến nhà, chúng tôi thấy một hàng xe nối đuôi nhau ở phần đường lái xe vào nhà chúng tôi. Miếng dán ở phía sau chiếc xe cuối cùng, một chiếc xe tải nhỏ cũ kỹ, cho thấy ai đã đổ bộ đến nhà chúng tôi: CÁC BÀ MỤ LÀM THẾ KHẮP NƠI!

Những bà mụ Vermont, một số có lẽ rời khỏi tòa trước khi bác sĩ Tierney kết thúc phần diễn giải của ông ta về nguyên nhân cái chết, đã đem theo bữa tối đến cho chúng tôi. Cheryl và Molly, Donelle và Megan, và Tracy - những cái tên luôn gợi lên trong tôi hình ảnh những người phụ nữ dạt dào tình cảm, gặp là ôm, và có thể yêu thương không cần thắc mắc hoặc điều kiện hoặc hạn chế - đã đến để cổ vũ mẹ tôi. Dàn âm thanh nhà chúng tôi đang rộn rã giai điệu của một băng nhạc dance có bài của ABBA tiếp sau Shirelles, và Joni Mitchell hát sau Janis Joplin. Bàn ăn được trải khăn màu xanh da trời, trên bàn bày nến, thịt hầm, và những giỏ bánh mì mới nướng.

Ngay cả Cheryl Visco, người mà sự có mặt thường xuyên ở nhà chúng tôi suốt mùa hè đã khiến bố và tôi trở nên khó chịu, cũng là một hình ảnh khích

lệ. Bà vẫn đẹp và mạnh mẽ như mọi khi, dù suốt tuần qua phải ngồi ủ rũ trong phòng xử án: Mái tóc bạc dày của bà lại sáng bóng như kim loại mới, nhưng trông vẫn mềm mượt như lụa cashmere, còn đôi mắt bà mở to vui vẻ khi trông thấy chúng tôi.

Bà vòng tay ôm tôi trước, sau đó mới chào mẹ tôi, như thể đang thực hiện một lựa chọn thứ tự tình cảm theo bản năng.

“Cháu gầy quá, cả ngôi sao trên đường chạy cũng không gầy như cháu,” bà thì thầm vào tai tôi.

“Bác cũng thế mà ạ,” tôi đáp.

Khi những bà mẹ khác thấy chúng tôi về đến, cùng với bạn, chồng và một số người với con cái, họ bắt đầu vỗ tay chào mẹ tôi. Cheryl choàng tay qua vai mẹ rồi dẫn bà vào phòng ăn trong khi bố và tôi đi theo phía sau. Đột nhiên có một người đã dừng vỗ tay để đưa mẹ tôi một ly rượu vang và bố tôi một ly rượu scotch, và một người khác đưa tôi một ly nước ngọt mát lạnh. Tôi ngước lên để cảm ơn người đã đưa ly nước cho tôi, và nhận ra đó chính là Tom Corts.

“Em muốn uống bia thay nước ngọt không? Sẽ chẳng ai quan tâm đâu,” anh nói, vỗ vai tôi một cách vừa dễ thương vừa kì lạ.

“Sao anh biết chuyện này?”

“Bác Cheryl bạn của mẹ em gọi điện thoại đến gặp mẹ anh,” anh trả lời, chỉ tay về phía bà mẹ luống tuổi.

Tôi nhìn bà âu yếm ôm mẹ tôi bằng cả hai tay, và nhìn nụ cười mà bà đã làm hiện ra trên khuôn mặt mẹ tôi - một nụ cười rạng rỡ mà chúng tôi hiếm khi thấy trên mặt mẹ gần đây - và những giọt nước mắt mà tôi kiềm nén từ khi rời tòa án bắt đầu chảy xuống hai gò má tôi. Tiếng khóc của tôi lúc đó hoàn toàn lặng lẽ, và trong sự hỗn loạn và hân hoan tràn ngập căn phòng, không ai ngoài Tom nhận ra tôi đang khóc.

“Này, em về nhà rồi mà,” anh lo lắng nói, không biết tại sao tôi lại khóc và anh nên làm gì mới phải. “Mọi việc sẽ ổn thôi.”

Tôi lắc đầu, biết chắc rằng mọi việc sẽ không còn được bình thường như trước nữa. Rồi sau đó tôi nắm tay anh dẫn lên phòng tôi, ở đó tôi khóc trong vòng tay anh cho đến khi bàn bẻ của mẹ về hết, và dưới nhà tôi trở nên tĩnh lặng.

Tôi đã không gặp Mục sư Asa Bedford kể từ trước khi con trai ông chào đời và vợ ông qua đời. Có nhiều lời đồn đại ở miền Bắc của hạt trong mùa hè và đầu mùa thu rằng ông đã ghé thăm Lawson vì lý do này hay lý do khác, và mỗi khi ai đó nhìn thấy một người bố đầu hói tóc màu đỏ với một đứa trẻ sơ sinh và một cậu con trai, người ta lại thoáng nghĩ rằng người đàn ông tội nghiệp này đã quay lại bang. Nhưng ngoài lần ông cung khai vào mùa hè năm đó, tôi nghĩ ông chưa bao giờ thực sự trở lại: Gia đình ông và gia đình Charlotte đều ở Alabama, và một ông bố gà trống nuôi con như thế có thể tận dụng mọi sự giúp đỡ mà ông có được.

Khi tôi thấy ông vào sáng thứ hai, trông ông như người từ cõi chết. Dù tôi chưa bao giờ nghĩ ông là người đẹp trai, nhưng ông luôn đối xử tốt với Foogie và Charlotte - cũng như rất quan tâm đến Rollie và tôi - nên ở ông vẫn có nét hấp dẫn nào đó. Ông không toát lên vẻ nghiêm nghị thường thấy ở những vị mục sư khác mà tôi đã gặp trong đời, ngược lại ông có một sự nhạy cảm sâu sắc: tôi không biết đó có phải vì niềm tin vào ngày tận thế của ông hay vì dù cho thế đi nữa, ông vẫn là một người rất dễ thương.

Tuy nhiên, Mục sư Asa Bedford sắp ra cung khai lại trông rất mệt mỏi, phờ phạc và rầu rĩ không chịu nổi. Có những quầng thâm đen dưới mắt ông, và nếp nhăn đã hình thành trên mặt ông. Có những dải tóc bạc giữa vàng tóc đỏ hào quang mọc viền quanh đầu ông như móng ngựa, làn da xanh xao của ông nhuộm màu xám xịt. Ông đã già đi, và già đi một cách tồi tệ.

Vào lúc đó tôi không biết tên Asa trong tiếng Hebrew có nghĩa là bác sĩ, và tôi đã rất mừng. Đã có một danh sách dài dằng dặc những bác sĩ xếp hàng

để chống lại mẹ tôi, cho nên tôi sẽ xem ý nghĩ Asa cũng là một bác sĩ như một điềm cực kì xấu.

Trong phần đầu buổi cung khai, Tanner gợi ra những chi tiết có chọn lọc về cuộc sống của vị mục sư từ ngày vợ qua đời: Những công việc mỗi ngày - những khó khăn - của cảnh gà trống nuôi con. Sự khó ngủ của ông. Việc ông vẫn chưa sẵn sàng về mặt tâm lý để trở lại bục giảng kinh. Ông nói bằng giọng nhỏ nhẹ, ngập ngừng, không hề lộ chút oán hận nào dành cho mẹ tôi, nhưng Mục sư Asa cũng là con người như tất cả chúng ta, trong lòng ông hẳn phải chất chứa một nỗi oán giận rất lớn.

Sau đó, như đã làm với Anne Austin, Tanner yêu cầu người cha kể lại từng bước những gì ông đã chứng kiến vào buổi tối và buổi sáng khi con trai ông chào đời, nhấn ở những điểm quan trọng mà ông ta muốn bồi thẩm đoàn sẽ ghi nhớ và đem theo về nhà.

“Vậy là ông yêu cầu bà Danforth cố lần nữa?” Tanner hỏi.

“Tôi chỉ không thể tin là Charlotte đã thực sự... qua đời. Tôi không thể nào tin được. Cho nên đúng vậy, tôi đã yêu cầu bà ấy thử lần nữa để làm Charlotte sống lại. Tôi nghĩ tôi đã nói một câu như ‘Chị có thể hô hấp nhân tạo thêm không?’”

Tanner khẽ gật đầu. Khi buổi sáng chuyển thành buổi trưa và họ đã nói đến đoạn Charlotte tử vong, Tanner bắt đầu nói rất nhỏ nhẹ, như thể muốn cho bồi thẩm đoàn hiểu rằng không chỉ là một người bảo vệ chu đáo và nhiệt thành của Dân chúng, lão còn là một người đàn ông dịu dàng, hiểu rõ đây là một buổi cung khai rất đau lòng đối với Asa Bedford. “Bà Danforth nói gì với ông?” lão hỏi.

“Bà ấy nói cô ấy - Charlotte - đã ra đi. Bà ấy nói cô ấy sẽ không trở lại.” Mục sư Bedford chưa bao giờ vỡ tiếng vì xúc động, nhưng có những khoảnh khắc nghe như ông vẫn còn bị sốc.

“Lúc đó ông có tin bà ta không?”

“Có, thưa ông, tôi đã tin. Nhưng lúc đó tôi giống như bị đâm mạnh vào bụng và thốc hết hơi sức trong người ra ngoài. Hết sạch sành sanh. Tôi thở không nổi, rồi tôi... tôi nhớ mình đã trượt xuống sàn và quỳ trên đầu gối. Tôi đặt đầu mình lên ngực Charlotte, và tôi chỉ còn biết nhìn trân trối vào khuôn mặt cô ấy. Tôi chỉ nhìn mà thôi. Tôi nói với cô ấy tôi yêu cô ấy đến nhường nào. Rất nhiều. Rất, rất nhiều. Và tôi nói tôi vô cùng muốn cô ấy quay trở lại.”

“Ông ngồi như thế với vợ có lâu không?”

“Ồ, không. Không lâu lắm. Không lâu chút nào. Bà Danforth nói gì đó giống như ‘Hãy di chuyển nào!’ Lúc đầu tôi không hiểu bà ấy định nói gì. Tôi không biết bà ấy muốn làm gì. Bà ấy nghe có vẻ kích động, và...”

“Phản đối.”

“Phản đối được chấp nhận.”

“Mục sư Bedford,” Tanner nói, “bà Danforth đã làm gì tiếp theo? Bà ta đã nói gì?”

“À, bà ấy lau nước mắt và... và vung tay. Bà ấy cứ nói, ‘Chúng ta không còn thời gian nữa, chúng ta không còn thời gian nữa!’”

“Ông đã nói gì?”

“Tôi hỏi bà ấy như thế nghĩa là sao.”

“Và bà ta nói sao?”

“Bà ấy nói... bà ấy nói đứa bé chỉ còn vài phút, và chúng tôi đã dùng chúng... dùng chúng... dùng phần lớn thời gian đó... cho Charlotte.”

“Lúc đó ông có biết bà Danforth định làm gì không?”

“Không. Tôi hoàn toàn không ngờ tới. Tôi nghĩ tôi còn hỏi bà ấy, ‘Chị định làm gì?’”

“Bà ta có nói không?”

“Cũng có. Bà ấy nói sẽ cứu đứa bé. Tôi nghĩ câu chính xác là ‘Cứu con của ông.’ Nhưng Charlotte của tôi chỉ vừa mới chết, và ý nghĩ cứu đứa bé và... mổ phanh bụng Charlotte ra vẫn không... kết nối được với nhau trong đầu tôi. Khi cuối cùng tôi cũng liên kết được chúng vài giây sau đó - khi tôi hiểu ra tại sao bà ấy cần con dao - tôi đã hỏi bà ấy lần nữa là Charlotte đã chắc chắn... chết chưa.”

Với giọng miền Nam, ông kéo dài chữ *chết* thành hai âm tiết, và tôi tự hỏi có bao nhiêu bồi thẩm viên đang lần đầu nghe thấy giọng người miền Nam. Còn tôi thì lần đầu tiên nghe giọng miền Nam chính là ở nhà của gia đình Bedford.

“Và bà Danforth nói gì với ông?”

“Bà ấy nói ‘Dĩ nhiên rồi.’”

“Tức là ‘Dĩ nhiên cô ấy chết rồi.’”

“Đúng vậy.”

“Bà ta có hỏi xem ông có muốn bà ta cố gắng cứu đứa bé không?”

“Không, thưa ông.”

“Bà ta có xin phép ông để tiến hành mổ lấy thai cho vợ ông không?”

“Không, thưa ông, bà ấy không hỏi.”

“Trước khi bà ta bắt đầu ca mổ, ông có thấy và Danforth kiểm tra xem Charlotte còn mạch không?”

“Không.”

“Ông có thấy bà ta kiểm tra xem còn... nhịp tim không?”

“Không.”

“Ông có thấy bà ta làm bất cứ điều gì để khẳng định rằng Charlotte thật sự đã... qua đời không?”

“Không.”

Tanner liếc nhìn mẹ tôi một cái, lắc đầu vẻ không tin nổi. Bà tránh cái nhìn của lão và hướng về hồ nước, còn mẹ của bà - bà ngoại của tôi - nhìn lại luật sư bang. Bà tôi đã nổi giận vào tuần đó, điên tiết với bất kì ai vu khống con gái bà.

“Còn đứa bé thì sao?” Tanner sau đó hỏi vị mục sư. “Bà ta có kiểm tra xem còn nhịp tim thai nhi không?”

“Ý ông là dùng...”

“Ông nghe tim thai.”

“Không, thưa ông, tôi không thấy bà ấy làm thế.”

“Vậy: Ông không hề thấy bà ta bận tâm kiểm tra để khẳng định...”

“Phản đối.”

“Phản đối được chấp nhận.”

“Ông không hề thấy bà ta kiểm tra để khẳng định rằng Charlotte đã chết hoặc đứa bé còn sống trước khi bắt tay vào mổ đẻ.”

“Không.”

“Bà ta cứ thế mà làm.”

“Đúng.”

“Ông làm gì suốt cuộc phẫu thuật?”

“Tôi vẫn nghĩ Charlotte đang... đã... tôi vẫn nghĩ Charlotte đã chết, nên tôi đi đến bên cửa sổ.” Ông ra dấu về phía giá vẽ nằm giữa ghế ngồi của ông và

cúi bời thẳm dài, trên đó đặt một bức tranh vẽ theo mô tả phòng ngủ của nhà Bedford.

“Ông có nhìn không?”

“Tôi có nhìn một ít.”

“Ông có thấy vết rạch đầu tiên không?”

“Có, thưa ông.”

“Ông nhớ gì về nó - vết rạch đầu tiên?”

“Tôi nhớ máu phụt ra,” Bedford nói, lần đầu tiên ông nói lớn tiếng trong suốt buổi cung khai. “Tôi nhớ đã nhìn thấy Charlotte của tôi chảy máu.”

Đến ngày thứ hai của tuần thứ hai của phiên tòa, tôi đã quen với việc nhìn thấy gia đình Charlotte trong phòng xử. Tôi không sẵn sàng để vẫy tay chào và nói bằng giọng thông cảm miền Nam, “Chào, mọi người khỏe hông?” nhưng tôi đã không còn tránh né ánh mắt họ. Và khi tôi liếc về phía đó lúc người anh rể kể phiên bản của ông về điều đã xảy ra, tôi có thể nhìn thấy trong mắt họ sự thật rằng chúng tôi - Sibyl Danforth và gia đình mình - sẽ thua.

Dĩ nhiên có đôi lúc trong phần đối chất của Stephen, tinh thần tôi đã được vực dậy: đó là khi, ví dụ như, Stephen liệt kê chi li toàn bộ lý do tại sao Asa Bedford không thể nhìn thấy máu bắn ra hoặc Charlotte *của ông ta* “chảy máu”. Nhưng khi Stephen nói xong, tôi vẫn biết rằng chúng tôi đã toi đời. Mục sư Asa, dù sao đi nữa, vẫn là một mục sư. Lời khai của chuyên gia pháp y vào ngày thứ sáu đã áp đảo như thế, nhưng ngay cả uy tín của một chuyên gia pháp y cũng lu mờ trước uy tín của một mục sư.

Cuộc đối chất diễn ra gần hết buổi chiều, và khi nó kết thúc, Tanner đã hỏi bổ sung một chút. Mục sư Bedford kể lại mình đã thấy gì, trước sau như một quả quyết về sự tồn tại và sức mạnh của một tia máu nhỏ. Và rồi nó kết thúc, và chính quyền bang nghỉ ngơi.

Luật sư có lời lẽ lạnh lùng như bác sĩ vậy. Nhưng bản thân những thuật ngữ luật pháp vốn không lạnh giá, mà chính là cách chúng được sử dụng. Đó là cách những người đó nói khi họ ở trong phòng xử, cách họ dùng cả những từ và những cái tên thông thường. Đặc biệt là những cái tên.

Mỗi khi Stephen nói về tôi, anh gọi tôi là “Sibyl.” Mỗi khi anh nói về Charlotte, cô là “bà Bedford” hoặc “Charlotte Bedford.” Hoặc đơn giản là “người vợ.”

Trong khi đó, Tanner thì làm điều hoàn toàn ngược lại: khi ông ta mở miệng, tôi luôn luôn là “bà Danforth” hoặc “bà mẹ.” Chưa bao giờ, không bao giờ là “Sibyl.” Còn Charlotte, dĩ nhiên, luôn là... “Charlotte.”

Stephen chưa đề cập điều này, nhưng đó là chiến thuật mà cả hai người đang sử dụng. Mỗi luật sư đang dùng Charlotte và tôi để chống lại nhau, cố gắng làm một trong hai chúng tôi trở nên thân thiện và dễ mến, còn người kia thì bàng quan, trịnh trọng và xa cách.

Vấn đề là, tôi nghĩ trước đây cả hai chúng tôi đều thân thiện. Nếu Charlotte không có nhiều bạn, thì đấy không phải vì cô ấy xa cách.

Theo lịch tôi sẽ cung khai thứ tư. Không phải vào thứ tư. Thứ tư. Có vẻ như sự khác nhau nằm ở chỗ thời lượng. Giữa những câu hỏi mà tôi sẽ phải trả lời với hai luật sư, tôi có cảm giác tôi sẽ phải làm “Sibyl” rồi sau đó làm “bà Danforth” trong một khoảng thời gian dài, rất dài.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

STEPHEN CHƯA BAO GIỜ nghi ngờ chuyện mẹ tôi sẽ là một nhân chứng hấp dẫn và quyến rũ. Nhưng ông không muốn bà làm nhân chứng cuối cùng; ông không kết thúc với bà như cách Tanner đã chọn để kết thúc với Asa Bedford. Ông muốn bà bị kẹp ở giữa, giữa các nhân viên đội công trình giao thông với các nhân chứng đại diện ra tòa vào ngày thứ ba, còn các

chuyên gia y khoa và pháp lý - các chuyên gia y khoa và pháp lý của chúng tôi, những người hoặc trong thâm tâm tin rằng mẹ tôi đã làm đúng, hoặc ít nhất cũng sẵn sàng nói như thế để được một khoản tiền hợp lý - thì xếp hàng chờ vào thứ năm.

Stephen nói ông muốn mẹ tôi chiếm lĩnh phần biện hộ ở giữa để bà trở thành một “sự hiện diện tiếp cận được, một người phụ nữ có tiếng nói” đối với các bồi thẩm viên suốt thời gian đó - đặc biệt là kết luận quan trọng khi các chuyên gia của chúng tôi trình bày phần cung khai của họ. Theo quan điểm của ông, cuối cùng vấn đề này vẫn sẽ là cuộc chiến giữa các chuyên gia, vì thế ông muốn kết thúc với những người có rất nhiều bằng cấp và trang phục tử tế.

Ông hi vọng hoàn tất phần biện hộ của mình trong ba ngày, nhưng nói rằng nếu nó kéo dài bốn ngày thì đó cũng không phải là tận cùng thế giới. Mục tiêu chính của ông khi nhìn vào lịch là kết thúc trước cuối tuần, để bồi thẩm đoàn không phải về nhà với nỗi sợ rằng phiên tòa sẽ kéo dài lê thê mãi mãi.

Tôi không biết chính xác thẩm phán Dorset chờ đợi gì ở những bà mẹ bằng hữu và khách hàng của mẹ tôi khi Stephen chuẩn bị trình bày phần ra tòa của phía chúng tôi, nhưng vào sáng thứ ba, trước khi bồi thẩm đoàn được đưa vào phòng xử án, ông yêu cầu tất cả các bà mẹ có con cần được cho bú phải đưa con ra khỏi phòng khi chúng đói. Stephen phản đối, lập luận rằng thay đổi luật giữa chừng như thế sẽ gửi đến bồi thẩm đoàn một tín hiệu gây ấn tượng xấu về nghề bà mẹ, chuyện đẻ tại nhà, và - dĩ nhiên - mẹ tôi. Ông cũng ngụ ý rằng thẩm phán có nguy cơ sẽ xử sai.

Thẩm phán Dorset mỉm cười: “Trừ khi có một bà mẹ hoặc trẻ sơ sinh nào có mặt ở đây muốn làm lớn chuyện này, nếu không, tôi nghĩ bồi thẩm đoàn sẽ chẳng hề bận tâm.”

Và thế là chúng tôi bắt đầu. Graham Tuttle, tài xế lái xe máy xúc ở Lawson, nói với mọi người rằng đường số hôm 14 tháng ba bị phong tỏa hết cả. Lois Gaylord từ công ty điện thoại xác nhận khoảng thời gian điện thoại bị hỏng.

Chuyên gia tái tạo hiện trường tai nạn của chúng tôi khẳng định với bồi thẩm đoàn rằng mẹ tôi thực tình đã bầm dập trên băng đá trên đường chạy xe vào nhà Bedford, và một bác sĩ dùng những tấm ảnh để giải thích các vết cắt và vết bầm mà mẹ tôi hứng chịu trên bề mặt trơn trượt. Đến giờ ăn trưa, Stephen đã làm xong những gì có thể để truyền đi thông điệp rằng mẹ tôi đã bị kẹt lại với gia đình Bedford, và tuyệt nhiên không còn một cách nào khác để họ đi đến bệnh viện.

Dĩ nhiên, điều Stephen không thể làm với nhóm nhân chứng này chính là phản bác lại luận điểm của Tanner rằng ngay từ đầu bà lẽ ra không nên để bị kẹt lại với gia đình Bedford - rằng một bà mẹ có tay nghề và đáng tin cậy phải kiểm tra thời tiết và nắm được thông tin về cơn bão sắp đến, rồi sau đó lựa chọn chuyển Charlotte Bedford đến bệnh viện vào lúc cơn chuyển dạ của cô bắt đầu. Về lý thuyết, trách nhiệm đó sẽ rơi vào các nhân chứng đại diện dự định ra tòa chiều hôm đó: Họ sẽ bác bỏ mọi đề xuất nói rằng mẹ tôi không đủ tay nghề và không đáng tin cậy.

Và hầu hết họ đều làm rất tốt, đặc biệt là B.P. Hewitt, bác sĩ dự bị của mẹ tôi. Hewitt chịu đựng một cuộc đối chất có thể khiến phần lớn người khác đầu hàng.

“Nếu Sibyl tin rằng người phụ nữ ấy đã chết, thì tôi tin cô ấy đã chết,” có lúc ông nói với Tanner.

“Ông có mặt tại buổi khám nghiệm tử thi không?”

“Không.”

“Ông có kiểm tra bệnh án của Charlotte sau khi cô ấy chết không?”

“Không.”

“Ông có bao giờ khám cho cô ấy trong thời gian cô ấy mang thai không?”

“Không.”

“VẬY thì ông quả thật không biết mình đang nói gì, phải không?”

“Phản đối!”

“Chấp nhận.”

“VẬY thì ông quả thật không... hiểu cặn kẽ về ca này. Đúng không?”

“Ồ, tôi nghĩ là tôi hiểu. Tôi nghĩ tôi biết một ca để tiến triển thế nào và...”

“Ca để *này*. Không phải bất kì ca để nào. Ca để *này*.”

“Tôi hiểu câu hỏi của ông. Ông hỏi tôi có hiểu cặn kẽ về ca này không. Chà, tôi hiểu chứ. Và tôi không tin đó là lỗi của Sibyl.”

“Thưa quý tòa, xin ông vui lòng hướng dẫn cho nhân chứng trả lời câu hỏi của tôi.”

“Theo quan điểm của tôi, ông ấy đã trả lời rồi.”

Tanner bị bối rối một lúc, nhưng khoảnh khắc đó rất ngắn ngủi. Lão chăm chú nhìn các ghi chép của mình, hít thở, rồi nhanh chóng lấy lại phong độ.

“Được rồi,” cuối cùng lão tiếp tục. “Ông chưa bao giờ gặp Charlotte. Ông chưa bao giờ thấy thi thể cô ấy sau khi chết. Ông chưa bao giờ đọc bệnh án của cô ấy. Tại sao ông cảm thấy ông hiểu cái chết của cô ấy quá rõ?”

B.P. ngạc nhiên lắc đầu. “Thôi nào. Tôi là bác sĩ dự bị của Sibyl. Tôi nghĩ không có cuộc nói chuyện nào của tôi với các bác sĩ sản phụ khoa trong sáu tháng qua mà không nhắc đến ca này.”

“Nhưng ông không biết gì một cách trực tiếp cả, đúng không?”

“Tôi đã biết Sibyl gần một thập niên rồi. Và tôi biết bà ấy đã nói gì với tôi về sự cố này. Nếu Sibyl nói với tôi người phụ nữ ấy đã chết khi cô ấy tiến hành mổ lấy thai, thì theo tôi vụ án này đã khép lại.”

Sẽ không chính xác khi viết thế này, vào đêm trước khi mẹ tôi ra cung khai, bà sợ mình sẽ bị kết án. Từ sợ cho thấy viễn cảnh đó khiến bà hoảng sợ, và tôi nghĩ đến tối thứ ba, nỗi sợ đó - và những quyển nhật kí của bà cho thấy đã có những lúc trước đó bà thật sự rất sợ - đã bị thay thế bằng sự chết lặng và choáng váng. Đúng hơn là, vào đêm trước khi mẹ tôi ra bục nhân chứng, bà chỉ đơn giản nghĩ rằng mình sẽ bị kết án.

Bố tôi thì ngược lại, rất hoảng sợ. Sau một bữa tối với các món đông lạnh mà chẳng ai ăn hoặc nói năng gì, tôi đi lên lầu để tìm những quyển sách mình phải đọc trong chương trình học. Tuy nhiên tôi không kì vọng mình sẽ đạt được gì, và đến chín giờ tôi đã ôm điện thoại nói chuyện với Rollie hoặc Tom, kể với họ tôi nghĩ chuyện gì đã xảy ra ngày hôm đó trong tòa án, và tôi nghĩ điều đó có nghĩa gì.

Tôi đang ngồi trên giường vào khoảng tám giờ rưỡi khi bố gõ cửa phòng tôi (một cú gõ lúc nào cũng to hơn cách gõ của mẹ), và tôi nói ông cứ vào đi.

“Mẹ con mới đi ngủ,” ông nói, đặt tách cà phê lên bàn tôi. “Mẹ muốn ngủ ngon để chuẩn bị tinh thần cho ngày mai.”

“Mẹ mệt không?” tôi hỏi. Trong vài tuần vừa qua, tôi nhận thấy bố đã chuyển từ rượu scotch sau bữa ăn tối sang cà phê, và tôi rất mừng.

“Chắc là mệt. Bố thì mệt lử đây.” Ông xoay chiếc ghế ở bàn học của tôi để nó quay về phía giường, rồi ngồi phịch xuống yên ghế gỗ, cứ như nó là một tấm đệm phòng nhỏ. “Còn con thì sao? Có mệt không?”

“Có ạ.”

“Con đã biểu hiện rất tốt trong chuyện này, con biết không.”

Tôi tròn tròn mắt, cố giảm nhẹ lời khen. “Biểu hiện tốt à? Sến quá, bố ạ. Rất là sến.”

“Bố già rồi.”

“Vâng, đúng đấy. Bố mẹ đẻ ra con khi bố mẹ được khoảng bảy tuổi. Nếu con mà có bầu bằng tuổi mẹ lúc ấy thì hai người sẽ giết con mất.”

Ông gật đầu. “Có thể lắm.” Ông với tay lấy tách cà phê rồi uống thật lâu đến nỗi làm tôi ngạc nhiên. “Dù sao thì, bố chỉ muốn con biết rằng bố mẹ rất tự hào về con. Bố mẹ rất tự hào khi có con bên cạnh qua toàn bộ... việc này.”

“Bố nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra?”

“Ngày mai à? Hay là khi mọi việc kết thúc?”

“Khi mọi việc kết thúc.”

Ông thở dài. “À, chúng ta sẽ chỉ trở lại sống cuộc đời bình thường, nhàm chán đến khó tin. Và chúng ta sẽ yêu thích nó.”

“Vậy bố nghĩ họ sẽ tuyên mẹ vô tội?”

“Ừ, đúng vậy. Nếu không, chúng ta sẽ kháng cáo.”

“Bố và chú Stephen nói về chuyện đó chưa?”

“Cũng có nói rồi, con ạ.”

Ông rời phòng tôi vài phút sau đó. Khi ông đi rồi, tôi cố để không diễn giải buổi nói chuyện của ông thành một cái gì khác ngoài việc ông muốn khen ngợi cô con gái mình, nhưng tôi không làm được. Trước khi nghĩ về những gì tôi sẽ nói với Tom, tôi nhận ra mình đang mô tả cuộc nói chuyện ngắn với bố như một bằng chứng nữa cho thấy mẹ tôi sẽ bị kết án, kể với bạn trai tôi rằng ý nghĩ một cuộc sống gia đình bình thường và nhàm chán đến khó tin trong những năm tới đã trở thành câu chuyện cổ tích trong suy nghĩ của bố.

“Ngày mai anh đi cùng em đến tòa nhé?” Tom nói.

“Anh không nên nghỉ học. Và lại có thể anh cũng không được ngồi cạnh em,” tôi nói. Nhưng tôi thích ý nghĩ Tom sẽ có mặt trong phòng xử án, biết rằng tôi có thể xoay lại và nhìn thấy anh ở đó - một chàng trai mười sáu tuổi mặc áo cổ lọ màu đen, ngồi ở hàng ghế phía sau với những đứa trẻ bé xíu và các bà mẹ xung quanh - và tôi hi vọng anh sẽ mặc kệ lời tôi nói và nghỉ học.

Mọi việc đã trở nên tệ hại đối với tôi, không chỉ vì tôi là một đứa con gái mười bốn tuổi có phán đoán của trẻ con và hormone của người lớn. Đến ngày hôm nay, tôi tin việc mình đã làm ở phiên tòa là chính xác, và những hành động của tôi ngày hôm sau là lý giải được - nếu không muốn nói là hoàn toàn có thể biện minh được.

Tối hôm đó khi cuối cùng cũng chìm vào giấc ngủ, tôi nghe bố mẹ tôi yêu nhau trong phòng họ, và ngay cả khi điều đó dường như cho thấy một dấu hiệu rằng đoạn kết đã cận kề, tôi vẫn lấy gối úp lên đầu để không nghe tiếng động từ giường họ ở đằng xa và để gối thấm được nước mắt tôi. Ngay khi lớp bông trắng đã ướt và tôi cảm thấy má mình nhòe nhoẹt nước, tôi chợt nhớ lại mẹ tôi đã dùng một chiếc gối để thấm máu trong người Charlotte Bedford.

Và khi đó những giọt nước mắt của tôi trở thành tiếng khóc nức nở.

Mẹ tôi mặc chiếc váy màu xanh lá cây mà bà đã mặc vào ngày phiên tòa khai mạc, và kẹp tóc bằng chiếc kẹp màu xanh da trời. Bà mặc áo trắng, nhưng vì áo có cổ tròn và nhiều đường chỉ trang trí nên trông không hề nhà quê. Khi mẹ đứng trên bục, lập tức bà trông giống như một giáo sư và một bà mẹ - một người mẹ hiện đại, còn quá trẻ để có một đứa con gái tuổi vị thành niên.

Hơn nữa, vì bục nhân chứng có xu hướng khuếch đại cả điểm mạnh và điểm yếu về mặt thẩm mỹ của người đứng đó, nên sự mệt mỏi của mẹ đem lại cho bà một dáng vẻ như nữ anh hùng: Sự kết hợp của chiều cao tăng thêm và thanh chắn ngang eo khiến bà trông giống như một tình nguyện

viên Chữ thập đỏ mà tôi xem thấy gần đây trên bản tin truyền hình, đã thức suốt đêm để đưa cà phê và chăn màn đến những nạn nhân bão ở nhánh Mississippi.

Đối với các bồi thẩm viên, dĩ nhiên trông mẹ tôi chỉ đơn giản là giống kẻ có tội. Trông bà có thể chỉ như một người đàn bà mỗi mệ không thể chớp mắt vì tay đã vấy máu.

Nhưng ít nhất trong hai giờ đầu buổi cung khai của mình, bà đã nói rất tốt. Bà nói năng mạch lạc khi Stephen yêu cầu giải thích lý do trở thành bà mẹ, và tại sao giúp phụ nữ đẻ con tại nhà tại quan trọng với bà đến thế. Bà nói chuyện như người có lý nhất thế giới khi Stephen hỏi bà về vai trò của bệnh viện trong việc hành nghề của bà.

“Nếu tôi thấy một mối nguy hiểm, tôi sẽ không bao giờ để niềm khát khao đẻ con tại nhà của một bà mẹ - dù cho đó là một niềm khát khao cháy bỏng - che lấp lý trí tôi. Nếu có bất kì dấu hiệu nào cho thấy có hiện tượng suy thai, tôi sẽ luôn chuyển bệnh nhân đến bệnh viện.”

“Còn người mẹ thì sao?”

“Tương tự như vậy. Nếu có vấn đề phát sinh, chúng tôi sẽ đến bệnh viện. Nhiều người nghĩ các bà mẹ chống đối bệnh viện hoặc chống đối bác sĩ. Chúng tôi không chống đối. Tôi không chống đối. Tôi có mối quan hệ rất tốt với B.P. - bác sĩ Hewitt. Tôi làm việc mình làm - tôi giúp phụ nữ đẻ con tại nhà - vì tôi biết tôi có thể dựa vào bệnh viện và bác sĩ nếu một tình huống y tế khẩn cấp phát sinh.”

Cũng có lý như khi tranh luận về bệnh viện, mẹ đã tỏ ra cực kì tự tin và kiên định khi kể phiên bản của bà về điều xảy ra vào sáng 14 tháng ba.

“Bà có kiểm tra lần cuối xem người phụ nữ còn mạch không?” Stephen hỏi.

“Có.”

“Bà có nghe thấy mạch không?”

“Không.”

“Bà có kiểm tra lần cuối xem cô ấy còn nhịp tim không?”

“Vâng, chắc chắn là có.”

“Và bà có nghe được nhịp tim không?”

“Không, tôi không nghe thấy.”

“Bà đã làm mọi việc có thể để đảm bảo rằng người phụ nữ đã chết?”

“Ồ, vâng.”

“Còn đứa bé thì sao? Bà có kiểm tra xem nó còn sống không?”

“Có, tôi có kiểm tra. Tôi nghe nhịp tim bằng ống nghe tim thai. Và tôi đã nghe được nhịp tim thai,” bà trả lời, nhìn trực diện Stephen trong lúc nói. Bà không hề để ánh mắt của mình lang thang sang bố và tôi, hoặc về hướng khác của căn phòng, nơi bà có thể chạm mắt với gia đình Charlotte.

“Tôi đã làm mọi việc có thể trước khi bắt đầu và cố gắng đảm bảo rằng Char - người mẹ - đã chết, nhưng đứa bé vẫn còn sống,” bà trả lời.

“Người bố và người học việc ở đâu khi bà kiểm tra? Họ có ở cùng bà không?”

“Không, họ không có mặt trong phòng. Tôi nghĩ họ vẫn còn ở trong nhà bếp.”

“Để lấy dao ư?”

“Đúng vậy.”

“Vậy là họ không hề thấy bà kiểm tra người mẹ hoặc đứa bé?”

“Không.”

“Nhưng bà đã kiểm tra?”

“Vâng. Chắc chắn là như vậy.”

Tom Corts đến tòa vào giữa buổi sáng, khiến tôi vừa ngạc nhiên vừa vui mừng. Trừ khoảng không gian nhỏ cạnh gia đình Fugett, trong phòng chẳng còn chiếc ghế trống nào, nên anh phải đứng cạnh một nhân viên tòa án gần cửa ra vào, tựa lưng vào tường.

Khoảng gần mười một giờ, các câu trả lời của mẹ tôi bắt đầu thiếu chính xác và có phần lộn xộn. Bà đã đứng trên bục gần hai giờ, trả lời các câu hỏi của Stephen từ những câu chung chung như những từ bà thường dùng để mô tả rủi ro với các bậc cha mẹ trong buổi gặp ở thai kì đầu tiên, đến chi tiết như tại sao bà lại cắt lớp màng ngăn nước ối của Charlotte Bedford.

“Tôi không hỏi Asa bằng nhiều lời, ‘Tôi có được phép cứu đứa bé không?’ và có lẽ tôi nên hỏi, nhưng vào lúc đó tôi chỉ tập trung vào đứa bé - đứa bé và người mẹ - và cuộc nói chuyện đó dường như không cần thiết,” bà nói, có vẻ lúng túng một chút khi chất adrenalin giúp bà vượt qua phần lớn buổi sáng bắt đầu suy giảm.

“Tôi có đúng không khi nói rằng cuộc nói chuyện là không cần thiết vì theo quan điểm của bà, Asa đã hiểu chính xác bà đang định làm gì, và do đó đã đồng ý?” Stephen hỏi, cố gắng cứu nguy cho mẹ.

“Phản đối. Câu hỏi dẫn dắt nhân chứng, thưa quý tòa.”

“Chấp nhận.”

“Bà có tin rằng Asa đã đồng ý không?”

“Có,” mẹ tôi nói.

Và rồi, một lúc sau đó, khi Stephen hỏi, “Người cha có cố gắng ngăn cản bà không?” bà đã tình nguyện đưa ra một câu trả lời mà tôi biết không có trong kịch bản: “Asa là một người chồng, cũng như là một người cha, và không một người chồng nào trong tình huống đó lại có thể đưa ra bất kì quyết định nào.”

“Nhưng theo phán đoán của bà ông ấy đã thực hiện một... quyết định có ý thức là không ngăn cản bà, đúng không?”

“Đúng.”

Trước khi ngày bắt đầu, tôi đã lo lắng về phiên đối chất, chứ không hề lo gì về buổi cung khai trực tiếp của mẹ. Giờ thì tôi rất lo: tôi tin mẹ không muốn bị kết án, nhưng khi buổi sáng sắp kết thúc, một số câu trả lời của bà suýt khiến cho bà nghe như chẳng còn bận tâm gì nữa. Thật không may, Stephen không dám kết thúc buổi cung khai của bà vào lúc đó, vì như thế thì cuộc đối chất sẽ bắt đầu trước giờ nghỉ trưa. Tôi nghĩ Stephen cho rằng quan trọng nhất là phải giữ bà trên bục cho đến khi kết thúc buổi trưa để buổi đối chất chỉ có thể diễn ra sau giờ nghỉ và ông có thể dùng thời gian giải lao để củng cố tinh thần bà, giúp bà tập trung trở lại.

Ngay trước mười một giờ ba mươi, trong khi vẫn đang cung khai trực tiếp, mẹ tôi vụt miệng nói ra một câu trong phần trả lời của bà mà không ai ngờ đến, cả bản thân Stephen cũng không ngờ đến. Nếu đó không phải là điều bất lợi nhất bà có thể thốt ra theo quan điểm của chúng tôi, thì cũng là điều bất ngờ nhất. Nó làm thay đổi mọi thứ, và mọi người trong phòng xử án đều biết nó đã thay đổi mọi thứ kể từ giờ phút bà thốt ra nó:

HASTINGS: Và người bố vẫn còn đứng bên cửa sổ?

DANFORTH: Vâng, ông ấy đang ngồi trên một chiếc ghế ở đó, ôm đưa bé trên tay. Ông đang nhìn xuống nó, còn Anne thì ở ngay cạnh bên ông - quỳ gối trên sàn nhà. Từ chỗ họ đứng, họ có thể nhìn thấy một thi thể trên giường, nhưng tôi biết họ không thể thấy vết... vết rách, và tôi rất mừng. Tôi nghĩ họ sẽ cảm thấy rất đau đớn nếu phải nhìn thấy nó. Tôi không nhớ có thật mình đã tắt chiếc đèn cạnh giường hay không khi tôi làm xong, nhưng tôi đã xem lại nhật kí của mình hôm trước và thấy là tôi đã tắt.

Stephen lập tức cố gắng làm rõ lời bà, hỏi, “Ý bà là sổ sách ghi chép y khoa của bà, đúng không?” nhưng lúc đó đã quá muộn.

“Không,” mẹ tôi từ tốn trả lời, giọng của bà đuối đi vì sốc. Bà biết ngay lập tức mình đã làm gì, và bà biết điều gì sẽ xảy ra. “Sổ sách cá nhân của tôi. Nhật kí của tôi.”

Không hề có tiếng xao động hoặc lầm rầm trong phòng xử, vì tất cả chúng tôi đều quá sửng sốt không nói nên lời. Tất cả, trừ Bill Tanner.

Với giọng hăm hở, lão hỏi thẩm phán liệu có thể tiếp cận ghế chủ tọa không, rồi sau đó lão và trợ lý của mình, cùng Stephen và Peter, tất cả tề tựu quanh thẩm phán Dorset. Ở hàng ghế của tôi, bố, bà ngoại, Patty, và hai luật sư tập sự im lặng nhìn thẳng về trước, cố gắng kìm nén cảm xúc trong lòng. Nhưng tôi biết họ đang cảm thấy gì. Mọi người trong phòng đều biết mình đang cảm thấy gì, vì mọi người trong phòng đều biết điều đó có nghĩa là sao. Ngay cả khi, giống như tôi, họ không biết chính xác luật lệ thế nào hoặc chính xác chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo, nhưng tất cả họ đều biết mẹ tôi vừa tuyên bố với bên công tố rằng có những quyển nhật kí mà họ chưa hề thấy và chúng có thể chứa đựng mối liên hệ trực tiếp - và bất lợi - đến án của bà.

...

Luật quy định thế này: Trong quá trình điều tra ở bang Vermont, Stephen Hastings không có nghĩa vụ thông báo cho Bill Tanner về sự tồn tại của những quyển sổ ghi chép cá nhân của mẹ tôi, hoặc phải nộp chúng cho cơ quan công tố.

Sự thật là thế này: Mẹ tôi đã kể với Stephen ngay sau khi họ gặp rằng bà có những quyển sổ đó, và ông đã đọc một số quyển - ít nhất là một số quyển, có thể viết trong nhiều năm trời. Khi ông thấy rằng một số bài viết vào giữa tháng ba có thể bị diễn giải theo hướng trở thành vật chứng buộc tội, ông đã bảo bà dừng viết cái về bản chất là nhật kí cá nhân, và không bao giờ nói về quyển nhật kí lần nữa cho đến sau phiên tòa. Bà nói bà sẽ làm theo cả hai yêu cầu đó, rồi sau đó phớt lờ cả hai - một chuyện là cố ý, còn một chuyện là vô tình. Mẹ tôi chỉ đơn giản là không thể không viết nhật kí. Bà đã viết

nhật kí suốt cuộc đời trưởng thành của mình, và có vẻ không thực tế chút nào khi kì vọng bà dừng ghi chép lại những hành động và tình cảm của mình giữa cơn căng thẳng thần kinh tồi tệ nhất mà bà từng trải qua.

Và thế là chính quyền bang đã nhìn thấy hồ sơ bệnh án và bảng biểu của các bệnh nhân do mẹ tôi lưu giữ - các mẫu khám thai, tiểu sử bệnh nhân, kết quả kiểm tra sản khoa - nhưng chưa thấy thứ mà bà gọi là các quyển sổ ghi chép.

Bốn luật sư và báo cáo viên tòa án chụm lại quanh thẩm phán Dorset để tiến hành cuộc họp tại chỗ kéo dài mười tám phút. Đồng hồ trong phòng chỉ mười một giờ hai mươi chín phút khi Bill Tanner đứng lên và bốn mươi bảy phút khi bốn người đàn ông trở về bàn mình, còn báo cáo viên tòa án ngồi lại vào bàn của cô ta.

Khi thẩm phán nhận ra rằng cuộc thảo luận sẽ kéo dài hơn dự kiến, ông yêu cầu dẫn bồi thẩm đoàn ra khỏi phòng trong thời gian tranh luận. Nhưng không ai nghĩ đến việc cho mẹ tôi cơ hội trở về chỗ ngồi của bà, vì thế bà buộc phải ngồi một mình trong bụi nhân chứng suốt thời gian đó, tựa như bà bị cho đội mũ tai lừa và bảo đứng ở góc lớp học. Bà chỉ nhìn vào phòng xử hoặc nhìn lên chiếc đèn chùm, không biểu lộ cảm xúc gì, tay chống cằm, nhưng bà có liếc nhìn một lần về gia đình chúng tôi và lóe một nụ cười. *Đau ời là đau ấy nhỉ?* nụ cười le lói đó ngấm nói, và trong đầu tôi, tôi nghe giọng bà nói chính xác những từ đó với tôi, gợi nhớ về nhiều năm trước, khi tôi đang đứng trên băng ghế của chiếc bàn ngoài trời đặt ở sân sau nhà chúng tôi và trượt ngã, đập cùi chỏ lên mặt bàn.

“Đau ời là đau ấy nhỉ?” bà đã xuyt xoa, dùng hai ngón tay xoa lên làn da chuyển thành màu tím bầm không lâu sau đó của tôi.

Khi Stephen trở lại bàn, ông trông có vẻ cau có. Khoảng cách từ ghế chủ tọa đến bàn ông rất ngắn, nhưng ngay cả trong những bước ít ỏi đó, rõ ràng ông đã đánh mất trong thoáng chốc phong độ nhỉnh hơn một bậc của mình.

Thẩm phán viết lại một ghi chú trước khi thông báo đến chúng tôi quyết định của ông, rồi sau đó nói kết hợp bằng cả thuật ngữ pháp lý cho các luật sư và thuật ngữ thông thường cho chúng tôi. Có vẻ như trong cuộc họp, Tanner đã đòi mẹ tôi trình các quyền nhật kí để chính quyền bang có thể xem xét trong đó có gì. Stephen đã lập luận rằng chúng chẳng liên quan gì đến sự kiện này, và không có chi tiết y học nào trong đó đáng để bận tâm. Nhưng Tanner vẫn quả quyết rằng dù sao đi nữa, chính mẹ tôi là người đề cập đến chúng, và bà đã đề cập đến chúng để củng cố lời khai của mình. Vì thế thẩm phán Dorset quyết định rằng ông muốn có trong tay toàn bộ những quyền nhật kí từ tháng ba trở về sau vào lúc kết thúc giờ nghỉ trưa. Phiên tòa sẽ tiếp tục sau khi ông đã đích thân kiểm tra chúng *dưới sự giám sát của máy quay* - trong phòng làm việc của ông.

“Tôi sẽ kết luận chuyện gì có liên quan, nếu có,” ông kết luận.

Sau đó ông bảo với chúng tôi rằng bồi thẩm đoàn sẽ được đưa vào phòng xử trở lại và mẹ tôi phải hoàn tất phần cung khai trực tiếp; khi bà nói xong, chúng tôi sẽ nghỉ cho đến khi ông xem xong các quyền nhật kí.

“Thưa quý tòa, xin chờ một chút,” Stephen nói, và thẩm phán gật đầu. Stephen sau đó ra hiệu cho Patty cùng Peter Grinnel đến bàn ông. Ba người thì thầm với nhau một lúc, sau đó Stephen đề nghị được tiếp cận mẹ tôi. Thẩm phán một lần nữa gật đầu, và Stephen đi nhanh về phía mẹ tôi rồi hỏi bà một câu mà chúng tôi không nghe thấy.

Nhưng tất cả chúng tôi đều nghe được câu trả lời, và tôi bắt đầu nhận ra điều gì sắp xảy ra đến sau đó.

“Chúng ở ngay sau bàn làm việc của tôi,” mẹ tôi nói. “Chúng ở trên một cái kệ sách, gần dưới cùng.”

Tôi có biết chính xác vào lúc đó chuyện mình sắp làm không? Tôi không tin là thế; ý nghĩ ấy chỉ mới bắt đầu hình thành thôi. Nhưng chỉ với một ý thức mơ hồ, tôi vẫn biết bước đầu tiên phải là gì.

Bố tôi, bà tôi, và tôi bị ngăn cách khỏi bàn bị cáo bởi một sợi dây thừng nhung màu đen - loại rào chắn thường ngăn các phòng ngủ trong những tòa nhà di tích lịch sử. Lần đầu tiên và duy nhất trong suốt phiên tòa, tôi đã nhõm khỏi ghế, chồm về trước, gần như ngồi xổm, và vỗ vào sau vai Peter Grinnel.

Khi ông ta quay sang, tôi thì thầm, “Chú ơi, nếu chú cần giúp gì, thì cháu sẽ đi với chú. Cháu biết chúng để ở đâu.”

Stephen vẫn phải kết thúc phần hướng dẫn cung khai cho mẹ tôi, vì thế Peter ngồi lại cùng ông trong phòng xử án. Patty Dunlevy được cử đến Reddington để lấy các quyển nhật kí.

Tôi đi cùng cô điều tra viên, cảm thấy ngạc nhiên khi mình đang ngồi ở ghế trước trong chiếc xe nhỏ bé sành điệu của cô. Tôi tự nhủ mình chưa phạm phải điều gì, mình chưa phải là một tội phạm; tôi vẫn, trong mắt mọi người xung quanh, chỉ đang về nhà mình với Patty Dunlevy để chỉ cho cô ấy chỗ mẹ tôi cất những quyển sổ, để chúng tôi có thể đem chúng về tòa án như thẩm phán đã yêu cầu.

Nhưng tôi đang ở đây, cố gắng phớt lờ tiếng tim đập thành thịch trong đầu, chỉ tập trung vào những gì tôi đã đọc được vào khuya thứ tư đó. Tôi cố gắng nhớ lại ngày tháng nào có thể buộc tội nhất, bài viết nào có nguy cơ - như các luật sư và thẩm phán đã nói một cách hoa mỹ - có liên quan nhất.

Đến thời điểm đó, cây cối hai bên đường đã rụng hết lá, một dấu hiệu nhỏ cho thấy thế giới đã biến đổi ra sao trong suốt thời gian chúng tôi quay cuồng trong phòng xử án.

Tôi nghĩ đến sự giam giữ tệ hại hơn rất nhiều đang chờ đón mẹ tôi.

“Cháu cảm thấy thế nào?” Patty hỏi, giọng nói vang lên thiên hướng làm mẹ mà tôi chưa hề nghĩ là có ở cô.

“Ồn ả,” tôi đáp, tập dượt trong đầu mình sẽ nói gì khi chúng tôi về đến nhà: *Cô đợi ở đây nhé, cháu sẽ chạy vào nhà lấy chúng ra.*

“Chuyện mới xảy ra vẫn thường xuyên xảy ra. Cố gắng đừng lo lắng nhé. Một phiên tòa như thế này lúc nào cũng có một ít xáo trộn,” cô nói tiếp.

“Vâng ạ.” Như tôi nhớ, có thể có ba quyển sổ đóng khoen rồi khiến thẩm phán Dorset bận tâm: Những bài viết vào tháng ba ở cuối một quyển sổ; đầu tháng tư đến tháng tám ở quyển thứ hai; và tháng tám đến tháng chín ở đầu quyển thứ ba. Đó là những quyển sổ tôi cần đem đến tòa.

“Cuối cùng, đây sẽ chỉ là một... một chú thích nhỏ trong toàn bộ chuyện này,” cô nói.

Tôi gật đầu. *Cô đợi ở đây nhé, cháu sẽ đi tìm chúng. Cô đừng lo, cháu có thể đem chúng ra.*

Cô hỏi, “Cháu đói không?”

“Không ạ.” Tôi nhắm tính mình có ít nhất năm phút trước khi Patty bắt đầu thắc mắc tôi đang làm gì. Tôi không biết cô có phải loại người sẽ đi theo tôi vào nhà để giúp nếu tôi không nhanh chóng quay trở lại.

“Cô thì đói. Thật là khó tin nhỉ?”

May sao, khi mẹ tôi bắt đầu viết nhật kí nhiều năm trước, bà đã chọn những quyển sổ đóng bằng ba vòng khoen và giấy rời. Ngoài ra, từ khi nào không rõ, bà đã hình thành thói quen sang trang mới mỗi khi viết một bài mới.

“Cháu nghĩ cháu chẳng nuốt nổi cái gì cả,” tôi nói với cô. Chắc chắn tôi sẽ tháo bài viết ngày 15 tháng ba ra, vì tôi biết có một bài khác vào ngày mười sáu cũng nói về cái chết của Charlotte Bedford. Tôi phải kiểm tra lại cho chắc, nhưng tôi nghĩ có thể mẹ tôi đã viết về chuyện Mục sư Asa ôm đứa bé ở đâu và Anne ngồi ở đâu vào ngày mười sáu. Và có mấy bài tiếp theo sau đó vào mùa hè, những bài cuối tháng bảy và tháng tám, kể cả tháng chín, khi sự nghi ngờ trong bà đã trở nên rõ ràng đến mức chúng không còn là

ngghi ngờ nữa: Bà gần như đã chắc chắn rằng mình đã giết Charlotte Bedford.

Những bài viết đó cũng phải tháo ra luôn.

“Chà, sau khi đưa mấy quyển sổ cho thẩm phán Dorset, cô sẽ phải lĩnh ra ngoài kiếm gì để ăn mới được.”

Tôi gật đầu.

“Cháu có biết mẹ cháu viết gì trong nhật kí không?”

“Mẹ chưa bao giờ cho cháu xem cả,” tôi trả lời.

Tôi nghĩ lúc đầu Patty định nổ máy xe trong lúc tôi chạy vào nhà, nhưng rồi tôi nghe cô tắt máy trong lúc tôi lóng ngóng tra chìa khóa vào ổ khóa cửa trước.

Tôi cần đi vệ sinh, nhưng tôi không dám làm mất thời gian lúc đó. Tôi đi thẳng đến phòng làm việc của mẹ và tìm thấy ba quyển nhật kí mà thẩm phán yêu cầu, rồi mở chúng ra, đặt thành một hàng trên bàn làm việc của bà. Tôi sẽ xem theo thứ tự từ tháng ba trở đi.

Tôi đã thoáng nghĩ đến việc lấy khăn giấy Kleenex quấn đầu ngón tay trước khi lật các trang, nhưng rồi tôi nhớ ra các trang giấy đã dính đầy dấu vân tay của tôi từ tuần trước đó rồi. Thế là tôi quyết định sẽ chỉ dùng đến khăn giấy khi tôi đè mạnh tay xuống những miếng kim loại ở trên và dưới của gáy quyển sổ để lấy ra những trang quan trọng.

Tom có đề nghị đi cùng chúng tôi, nhưng tôi mừng mình đã từ chối. Tôi cảm thấy quá hổ thẹn về điều mình đang làm rồi; tôi không muốn làm cho ai dính líu thêm vào vụ này nữa.

Tôi run lấy bầy trong lúc ra tay, giống như một điềm báo cho cơn run lập cập mà tôi đã trải qua khi chúng tôi chờ đợi phán quyết. Tôi không rõ mình

đang phạm điều luật gì, nhưng tôi biết việc mình đang làm là phạm pháp. Và tôi biết việc mình đang làm là sai.

Khi quay trở lại xe của Patty, tôi vẫn đang run như cây sậy. Tôi ném ba quyển sổ xuống sàn xe phía dưới hộc đựng găng tay và lấy chân đẩy chúng qua một bên khi leo lên xe. Năm tờ giấy rời, gấp lại bằng cỡ quyển sách bìa mềm, đang được nhét sát vào bụng tôi, giấu dưới lớp áo kiểu, áo len và áo khoác ngoài.

“Tất cả sổ sách đây à?” Patty hỏi, liếc xuống các quyển sổ trên tấm thảm sàn xe.

“Tất cả đấy ạ,” tôi nói, lần đầu tiên trong ít nhất ba lần tôi còn nhớ mình đã nói ra câu nói dối đó.

Lúc chúng tôi quay lại, mẹ đã hoàn thành phần cung khai và phiên tòa đã nghỉ giải lao. Trước khi đem những quyển sổ vào phòng, thẩm phán nói với chúng tôi rằng đến một giờ rưỡi hoặc hai giờ, ông sẽ cho biết liệu chúng tôi có thể kết thúc và về nhà hay là phiên tòa sẽ được nối lại vào xế chiều. Nếu chúng tôi được phép về nhà thì có nghĩa là ông có thể sẽ chấp nhận một số hoặc toàn bộ những quyển sổ, và Stephen và Bill Tanner sẽ được cho một ngày để xem xét các bài viết; nếu chúng tôi được yêu cầu ở lại thì có nghĩa là thẩm phán đã quyết định trong các quyển sổ chẳng có gì liên quan và chính quyền bang sẽ không được phép xem chúng.

Stephen đã chuẩn bị tinh thần để thua: ông đã chuẩn bị tinh thần để thua riêng trong chuyện các quyển sổ, và tôi nghĩ ông đã chuẩn bị tinh thần để thua vụ kiện này. Ông biết mẹ tôi đã viết gì trong tháng ba và - có lẽ - đầu tháng tư: Có lẽ ông đã biết rằng nó chỉ ngày một xấu đi mà thôi.

Và tôi nghĩ mẹ tôi cũng đã sẵn sàng thua kiện. Lúc đó tôi không tin bà đã lỡ lời trên bục nhân chứng với hi vọng nó sẽ đảm bảo một lời kết án - kể cả đến hôm nay, tôi cũng không nghĩ bà làm thế theo tiềm thức - nhưng tôi nghĩ bà đã trở nên cam chịu trước sự chắc chắn của nó. Với tội lỗi trong

đầu, bà hẳn đã xem những quyển nhật kí của mình như tất cả bằng chứng mà chính quyền cần để thuyết phục bồi thẩm đoàn bà đã giết một người phụ nữ trong lúc sinh con.

Sự khác nhau trong thái độ của mẹ tôi và Stephen, nếu có đi nữa, chính là Stephen vẫn còn một chút phản kháng trong người. Ông đã sẵn sàng để chống lại quyết định cho phép đưa bất kì phần nào của các quyển nhật kí làm vật chứng, và ông cũng đã thay đổi chiến thuật cho các nhân chứng chuyên gia: Sibyl Danforth nghĩ rằng Charlotte Bedford đã chết hay còn sống không quan trọng, vì bà chỉ đơn giản là một bà mẹ mà thôi. Các chuyên gia sản khoa và chuyên viên thẩm nghiệm y lý tư pháp của chúng tôi đều tin rằng, dựa trên số năm kinh nghiệm nghề y của họ, người phụ nữ đó đã chết trước khi mẹ tôi tiến hành vết rạch đầu tiên.

Vấn đề cơ bản ông phải vượt qua chính là lời khai của mẹ tôi. Ông đã cẩn thận gợi lên từ bà ý nghĩ rằng bà đã làm mọi việc có thể để xem liệu Charlotte Bedford đã chết hay chưa, mà không để cho bà nói thẳng ra rằng bà tin chắc một trăm phần trăm người phụ nữ ấy đã chết. Với tôi, phần biên bản lời khai đó đã trở thành một nghiên cứu điển hình trong ngành đạo đức luật:

HASTINGS: Bà có kiểm tra lần cuối xem người

phụ nữ còn mạch không?

DANFORTH: Có.

HASTINGS: Bà có nghe thấy mạch không?

DANFORTH: Không.

HASTINGS: Bà có kiểm tra lần cuối xem cô ấy còn

nhịp tim không?

DANFORTH: Vâng, chắc chắn là có.

HASTINGS: Và bà có nghe được nhịp tim không?

DANFORTH: Không, tôi không nghe thấy.

HASTINGS: Bà đã làm mọi việc có thể để đảm bảo rằng người phụ nữ đã chết?

DANFORTH: Ồ, vâng.

Mẹ tôi đã không nói dối, nhưng nếu các quyền nhật kí được chấp nhận thì bồi thẩm đoàn sẽ nghĩ rằng bà đã nói dối, và ngay cả chuyên gia của Stephen Hastings cũng không thể cứu vãn uy tín cho bà.

Vì vậy, buổi ăn trưa của chúng tôi cực kì tĩnh lặng, ngay cả Patty Dunlevy cũng ỉu xiu trong lúc chúng tôi chờ đợi phán quyết của thẩm phán Dorset. Thịnh thoảng bố hoặc Stephen lại tìm cách vực dậy tinh thần mẹ như họ đã làm trong những ngày trước khi phiên tòa khai mạc, và một, hai lần Peter Grinnel đã cố làm cho Tom tham gia trò chuyện - người mà, dù bận lo nghĩ bao nhiêu thứ trong đầu, mẹ vẫn nhớ mời ăn trưa cùng chúng tôi - bằng cách hỏi anh về chuyện học hành. Nhưng phần lớn thời gian, mọi người đều ngồi lặng lẽ quanh chiếc bàn gỗ của nhà hàng.

Trong khi nỗi lo sợ của những người lớn xung quanh tôi bắt đầu và kết thúc với việc liệu thẩm phán Dorset có cho phép nhận các quyền sổ làm vật chứng hay không, thì tôi còn có thêm một nỗi lo nữa khi chúng tôi đi lên cầu thang đến phòng xử ở tầng ba để nghe phán quyết của thẩm phán. Tôi sợ ông đã phát hiện ra có nhiều trang bị mất, và bằng giọng vô cùng tức giận và phẫn nộ, ông sẽ hỏi Stephen hoặc tôi rằng chúng tôi đã làm gì với chúng. Trong suốt bữa ăn trưa và lúc đi bộ về tòa án, tôi đã chắc chắn rằng mọi người xung quanh đều nghe tiếng giấy sột soạt dưới lớp áo tôi mỗi khi tôi cử động, và tôi đã tin chắc rằng khi thẩm phán vừa nhìn thấy tôi, ông sẽ biết ngay tôi là đứa chịu trách nhiệm.

Khi tôi vào phòng vệ sinh ở nhà hàng, tôi đã nghĩ đến chuyện xé các tờ giấy thành mảnh vụn rồi cho vào bồn cầu và giặt nước, nhưng tôi sợ: Nếu thẩm phán phát hiện ra chúng đã biến mất và nhất định yêu cầu phải có chúng, thì sự tồn tại kéo dài của chúng có thể là hi vọng duy nhất của tôi để được khoan hồng. Nhưng khi chúng tôi đi gần phòng vệ sinh nữ ở tòa án, ý nghĩ tiêu hủy chúng lại nảy ra trong đầu tôi, và tôi nói với bố mẹ rằng mình cần đi vệ sinh, sẽ gặp lại mọi người trong phòng xử án sau một phút nữa.

Tom hỏi tôi có ổn không, tôi đáp tôi vẫn khỏe.

Tuy nhiên, trong nhà vệ sinh của tòa, tôi lại không thể xử lý những trang nhật ký đó, dù lần này không hẳn là nỗi sợ vị thẩm phán ngăn cản tôi. Tôi nghĩ đến một lúc nào đó, mẹ sẽ lấy những quyển nhật ký ấy lại: dù khó có khả năng tôi sẽ ấn mở gáy rồi đặt chúng vào các quyển nhật ký trước khi bà nhận ra chúng đã biến mất, nhưng ít ra tôi vẫn có thể trả chúng lại cho bà. Một ngày nào đó, tôi hình dung bà sẽ tha thứ cho tôi vì đã đọc chúng - nhất là, tôi lý lẽ, nếu nhờ một phép màu nào đó mà bà được tuyên trắng án.

Nhưng tôi đã đọc lại các trang một lần nữa trong nhà vệ sinh, và khi đó tôi trấn an mình rằng tôi đang thực hiện một quyết định đúng đắn: Tôi phải làm tất cả để bảo vệ mẹ mình và giữ gìn gia đình chúng tôi.

Và lại, lời kết án dành cho mẹ tôi cũng không thể đem Charlotte Bedford trở lại. Nó chỉ hủy hoại thêm một người phụ nữ nữa mà thôi.

Bồi thẩm đoàn không có mặt khi thẩm phán Dorset công bố phán quyết, nhưng hầu hết những người tham dự phiên tòa đều đã có mặt.

Tất nhiên, không ai trong chúng tôi có thể nhìn thấy nét mặt của Stephen hoặc mẹ tôi khi thẩm phán tuyên bố, nhưng tôi cho rằng nếu những người dự khán có hình dung gì đi nữa, thì họ cũng chỉ hình dung được sự nhẹ nhõm: Thẩm phán quyết định rằng không có gì trong các quyển nhật ký liên quan đến lời khai của mẹ tôi nói riêng, hoặc đến vụ án nói chung. Các quyển sổ chỉ là ghi chép cá nhân về cuộc sống của bà song có rất ít liên hệ

đến các vấn đề cần xem xét, do đó không cần chia sẻ chúng với chính quyền bang.

Liệu thẩm phán Dorset - người có thể nhìn trực diện Stephen và mẹ tôi - có nhìn thấy rằng ngoài sự nhẹ nhõm còn có thêm sự ngạc nhiên nữa? Ông là một người thông minh, vì thế tôi chắc chắn rằng ông đã nhận ra. Tôi chắc chắn ông đã nhìn thấy sự bất ngờ trong ánh mắt họ: Mẹ tôi biết chính xác mình đã viết gì vào những thời điểm khác nhau trong bảy tháng qua, và họ đều biết bà đã viết gì vào ngày 15 tháng ba.

Mẹ tôi và Stephen hẳn đã nghĩ rằng họ được ban tặng - không thể lý giải được, không có lý do nào - một món quà bất ngờ từ thẩm phán, một món quà trở nên có thật khi một nhân viên tòa án đem ba quyển sổ màu xanh đến bàn bị cáo và đưa chúng cho mẹ tôi. Một lát sau, bồi thẩm đoàn được đưa vào phòng xử, mẹ tôi trở lại bục, và Bill Tanner bắt đầu phần đối chất.

21

Tôi không thể đảo ngược những gì đã làm, hoặc những gì tôi hẳn đã làm.

Tôi nghĩ chẳng còn có gì để tôi sửa chữa.

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

PHẦN ĐỐI CHẤT CỦA TANNER thường rất ác liệt và đôi khi đê tiện. Lão cáo tiết khi các quyển sổ không được chia sẻ với chính quyền bang, và cơn thịnh nộ của lão rất mãnh liệt.

Tuy nhiên mẹ tôi vẫn chịu đựng và thậm chí ngắt lời Tanner một vài lần. Một lần bà nhắc lão nhớ rằng xét về tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh, số liệu của bà tốt không kém số liệu các bác sĩ sản khoa khác; một lúc sau bà lưu ý rằng những đứa trẻ do bà đỡ đẻ ít có nguy cơ bị nhẹ cân. Thậm chí bà còn kể lại được bà đã nỗ lực hết sức thế nào để cứu Charlotte, và chỉ tiến hành mổ lấy thai vì dường như không còn lựa chọn nào khác.

“Lúc đó tôi đã làm ít nhất tám hoặc chín lần,” bà nói với Tanner, nhắc đến số lần hô hấp nhân tạo bà đã thực hiện trên người Charlotte, “và tôi vẫn không nghe được nhịp tim của cô ấy - nhưng tôi nghe được nhịp tim của thai nhi. Tôi phải làm gì bây giờ, để cho cả hai người chết à?”

Tôi sẽ không nói mọi lời khai của bà đều hùng hồn, nhưng đã có một số phần nói chuyện đầy khí thế, và bà đã lấy lại được sự rõ ràng từng thể hiện vào đầu buổi sáng hôm đó.

Và Tanner không hề hỏi câu hỏi mà tôi lo sợ - và có thể là câu hỏi mà mẹ tôi và Stephen sợ nhất: Liệu bà có tuyệt đối không hề nghi ngờ rằng Charlotte Bedford đã chết khi bà tiến hành mổ lấy thai không? Nhưng Tanner không biết mẹ tôi viết gì trong nhật kí, vì thế lão cho rằng không hề có mối nghi ngờ nào. Hỏi bà câu ấy trước mặt bồi thẩm đoàn sẽ chỉ gây tổn hại cho vụ kiện của chính quyền bang, vì như thế là cho bà thêm một cơ hội nữa để nói rằng Charlotte đã chết khi bà chọn cách cứu mạng đứa bé.

Dù có vài điểm lóe sáng trong buổi chiều hôm đó, cuộc đối chất của mẹ tôi và phần còn lại của phiên tòa vẫn có vẻ như đều đều, không có cao trào đối với tôi.

Tối thứ tư, tôi đem những quyển nhật kí của mẹ từ xe vào nhà cho bà và đề nghị được cất chúng lại kệ sách.

“Con thật là đáng yêu,” bà nói. “Cám ơn con.”

Tôi vuốt phẳng hết cỡ những trang mà tôi đã tháo ra trước khi gắn chúng vào các quyển sổ, nhưng nhìn là biết đã có người từng gỡ chúng ra. Đường như mẹ không viết gì thêm vào nhật kí tối hôm đó, và bà đã quá mệt nên thậm chí chẳng xem lại chúng trước khi đi ngủ.

Ngày hôm sau, thứ năm, các bác sĩ sản khoa và chuyên viên thẩm nghiệm y lý tư pháp của chúng tôi đều nói bằng cách này hoặc cách khác rằng theo quan điểm của họ, mẹ tôi đã không giết Charlotte Bedford. Nhưng Bill Tanner vẫn đảm bảo làm cho mỗi nhân chứng thừa nhận rằng đã nhận một

khoản tiền để ra tòa làm chứng, và rằng những quan điểm đó không phải dựa trên việc tiến hành - hoặc thậm chí là chứng kiến - cuộc giải phẫu tử thi. Tuy nhiên, họ đều là những nhân vật gây ấn tượng, đặc biệt là một người lớn tuổi đến từ Texas từng tiến hành giải phẫu tử thi bốn lần cho những người phụ nữ thiệt mạng trong các ca mổ đẻ không thành, một số ca thực hiện tại các bệnh viện nghèo xác xơ ở biên giới Mexico. Trong suốt thời gian làm việc và trong các cuộc giải phẫu tử thi đau lòng đó, ông chưa bao giờ thấy ít hơn một nghìn một trăm mililit máu trong khoang bụng - nhiều hơn số lượng mà bác sĩ Tierney của Vermont tìm thấy trong người Charlotte Bedford.

Và rồi vào thứ sáu, các luật sư trình bày phần biện luận kết thúc, dù họ nói rất lưu loát, rõ ràng cả người đi câu cá bằng côn trùng lẫn cựu binh Việt Nam đều đã đuối sức. Tôi cứ nghĩ phần biện luận sẽ kéo dài cả ngày - hoặc ít nhất cũng phải cả buổi sáng - và tôi đã sai. Phần biện luận kết thúc lúc mười một giờ kém mười lăm, và bồi thẩm đoàn nhận được chỉ thị của thẩm phán lúc mười một giờ rưỡi. Họ bắt đầu phần nghị án trước giờ nghỉ trưa.

Chúng tôi nghĩ phần nghị án sẽ kéo dài, vì thế chúng tôi về nhà. Stephen mời chúng tôi đi ăn trưa, nhưng mẹ tôi nói bà không đói.

Và thế là chúng tôi - gia đình Danforth và các luật sư - rời tòa án, nghĩ rằng sẽ chia tay nhau ở bãi đỗ xe phía bên kia đường. Ngay trước khi chúng tôi leo lên chiếc xe nhà ga, lúc Patty đang kể với bà ngoại và tôi chuyện gì đó về những năm tham gia đội tuyển chạy ngắn của trường phổ thông khi cô ở khoảng tuổi tôi, tôi nghe bố hỏi Stephen nếu phần nghị án kéo dài đến cuối tuần thì sao.

“Toàn bộ chuyện này có nhiều điều khó lý giải lắm.” ông nói với bố mẹ tôi. “Thông thường, một cuộc nghị án kéo dài thì không tốt cho bị cáo. Nếu bồi thẩm đoàn cho người ta về nhà một thời gian dài, thì điều đó có nghĩa là họ muốn chắc chắn không còn nghi ngờ gì về tội lỗi của người đó. Và điều đó có thể tốn thời gian. Nhưng tôi cũng đã chứng kiến nhiều vụ, kể cả các vụ

giết người cấp độ một, mọi việc được tiến hành rất nhanh chóng, bởi thẩm đoàn quay lại với một lời kết án chỉ sau hai hoặc ba giờ.”

“Còn vụ này?” bố tôi hỏi.

“Tôi chẳng biết nữa. Nhưng có rất nhiều cái gọi là lời khai của chuyên gia mà họ phải cân nhắc kỹ lưỡng, và với tôi điều đó có nghĩa là họ sẽ cần thời gian.”

“Cần đến cuối tuần?”

“Có thể. Nhưng giờ thì chúng ta chỉ biết rằng đúng lúc về đến nhà, mọi người sẽ nhận được điện thoại của tôi nói mọi người quay lại và đến tòa ngay.”

“Anh có quay về Burlington không?”

“Không.”

“Anh ở lại Newport à?”

“Đúng vậy.”

“Vậy theo ý anh, có khả năng họ sẽ thống nhất một phán quyết vào chiều nay.”

Ông nhún vai. “Tôi ghét phải về đến Burlington và họ ra phán quyết vào khoảng bốn giờ. Như thế thật không công bằng với anh chị.”

“Với chúng tôi?”

“Thẩm phán Dorset sẽ không cho phép họ đọc phán quyết nếu tôi không có mặt. Và anh chị cũng không muốn nó được đọc khi không có tôi. Nếu tôi không thể quay lại đây trước năm giờ - muộn nhất là năm giờ mười lăm - thì ông ấy sẽ phải đợi đến sáng thứ hai mới cho phép tuyên bố phán quyết. Và như thế thì thật không công bằng với chị, Sibyl ạ. Với tất cả mọi người.”

“Ừ, tôi nghĩ thế thật không công bằng,” bố tôi đồng tình.

“Không, không hề.”

“Nhưng chuyện ‘khó lý giải’ đó,” bố tôi nói. “Còn nhiều không?”

Stephen mỉm cười. “À, một số luật sư nghĩ rằng có thể biết bồi thẩm đoàn đã ra phán quyết gì vào giây phút họ quay lại phòng xử án sau khi nghị án. Nếu họ nhìn bị cáo, thì anh ta sẽ được tuyên trắng án. Nếu họ không nhìn anh ta - nếu họ không sẵn sàng hoặc không thể nhìn anh ta - anh ta sẽ bị kết án.”

“Theo kinh nghiệm của anh?”

“Theo kinh nghiệm của tôi ư? Đừng tin làm gì, chỉ là chuyện đồn thổi thôi.”

Đó là ngày duy nhất trong suốt phiên tòa mà chúng tôi chở bà ngoại đến tòa, vì thế trước khi rời khỏi Newport, chúng tôi đã thảo luận ngắn xem nên đến nhà bà hay là về nhà chúng tôi để đợi. Mẹ tôi thì muốn về nhà, thế là chúng tôi quyết định đi Reddington.

“Anh muốn đi cùng chúng tôi không, Stephen?” mẹ hỏi. “Mọi người muốn đi cùng chúng tôi không? Sẽ chỉ có bánh mì sandwich thôi, nhưng...”

Stephen suy nghĩ một lúc, nhìn các cộng sự của mình - Patty, Peter và hai luật sư tập sự - rồi sau đó nhìn bố tôi. Tôi biết chắc bố không vui trước chuyện luật sư của mẹ và đoàn tùy tùng của ông ta đổ bộ lên nhà chúng tôi một lần nữa, nhưng lời mời đến từ vợ ông, vì thế ông chỉ mỉm cười với Stephen.

“Được thôi,” Stephen nói, “như thế cũng được.”

Liệu tôi có suy sụp tinh thần như tôi đã suy sụp nếu phán quyết được đưa ra trong tuần sau đó, liệu tiếng gào thét của tôi có to như thế nếu bồi thẩm đoàn nghị án qua cuối tuần? Liệu chờ đợi trong cuối tuần - và do đó phải chịu đựng điều khó lý giải là một cuộc nghị án dài đồng nghĩa với việc kết tội - có gây ra kiểu bùng nổ cảm xúc tương tự như vậy hay không?

Có thể có, nhưng chúng tôi sẽ không tài nào biết được, vì chúng tôi nhận cuộc gọi lúc ba giờ ba mươi báo tin chúng tôi phải quay lại tòa án.

Với sự hiện diện của mẹ tôi, không ai dám nói ra phán đoán của mình rằng một cuộc nghị án kéo dài bốn giờ thực sự có ý nghĩa gì, nhưng tôi biết lần đầu tiên trong hơn một tuần qua, tôi đã cảm thấy rằng có khả năng mẹ sẽ được minh oan. Tôi đoán Patty Dunlevy cũng cảm thấy tương tự, và có vẻ như Stephen đã lấy lại được phong độ.

Nhưng không ai nói những điều như thế với mẹ tôi. Trong một cuộc trò chuyện lạ lùng nhất mà tôi nghe thấy trong toàn bộ thời gian trước khi phiên tòa diễn ra và hai tuần nó diễn ra, bà ngoại đã hỏi mẹ khi chúng tôi lái xe quay lại tòa án, “Con có bao giờ nghĩ đến việc lắp thêm một cái cửa sổ ở phòng khám bệnh của con không? Mẹ nghĩ thêm ánh sáng sẽ làm cho căn phòng tươi tắn hơn.”

“Con chưa nghĩ đến,” mẹ tôi đáp, có vẻ như đang nghĩ ngợi về một tương lai phần nào khác với tưởng tượng của chúng tôi. “Nhưng có thể một ngày nào đó khi các tấm áp phích thai phụ đó được tháo ra, con sẽ dán một ít giấy dán tường có hoa. Giấy dán tường với hoa diên vĩ chẳng hạn. Rất nhiều rất nhiều hoa diên vĩ xanh.”

Nghĩ lại, tôi cho rằng chính tốc độ của cuộc nghị án đã dẫn đến tiếng khóc của tôi trong phòng xử.

Đến lúc chúng tôi quay lại Newton và đi lên cầu thang trong tòa án, đến lúc thẩm phán nói với những người dự khán rằng ông sẽ không chấp nhận “bất kì sự kịch tính, sự náo loạn, hoặc phản ứng thái quá nào đối với phán quyết” khi nó được đọc, đến lúc ông yêu cầu một trong các chấp hành viên tòa án dẫn bồi thẩm đoàn trở lại khu ghế ngồi dài của họ còn chúng tôi đứng dậy từ hàng ghế của mình, tôi đã kết luận rằng mẹ tôi sẽ được tuyên vô tội đối với tội danh quan trọng nhất: bất cẩn gây chết người.

Tôi nghĩ mình không thực sự bận tâm nếu bà bị tuyên có tội với tội nhẹ còn lại, đó là hành nghề y không giấy phép.

Tuy nhiên khi bồi thẩm đoàn được đưa vào, điều đó đã thay đổi. Nó thay đổi hoàn toàn. Không ai trong số mười hai bồi thẩm viên nhìn mẹ tôi cả. Họ nhìn thẳng về trước lúc bước vào, họ nhìn xuống giày mình khi ngồi xuống. Họ nhìn đồng hồ trên tường, họ nhìn ra hồ.

“Mời ngồi,” thẩm phán nói với chúng tôi khi bồi thẩm đoàn đã quay lại. “Xin chào mọi người,” ông nói với bồi thẩm đoàn, rồi sau đó quay lại một chấp hành viên tòa án.

“Thưa cô Rivers, cô có giữ phong bì dán kín có các mẫu phán quyết bên trong không?”

“Có, thưa quý tòa.”

“Cô vui lòng trao chiếc phong bì đó lại cho chủ tịch bồi thẩm đoàn được không?”

Mẹ tôi ngồi bất động giữa Stephen và Peter, hai tay bà đan chặt vào nhau, đặt trên chiếc bàn trước mặt. Bên cạnh, tôi thấy hai tay bà ngoại đang run.

“Ông chủ tịch bồi thẩm đoàn, xin vui lòng xem lại phong bì với các mẫu đơn bên trong.”

Ông chủ tịch có một bàn tay lành lặn, bàn tay kia chỉ có một ngón cái. Nhưng sau nhiều năm, có vẻ như ông đã trở nên khéo léo với sáu ngón tay của mình: Với bàn tay dị dạng, ông dùng ngón cái và bàn tay để cầm phong bì, với bàn tay kia ông lật qua các tờ giấy.

“Đó có phải là những tờ đơn mà quý vị đã kí không? Chúng có theo thứ tự không?” Thẩm phán Dorset hỏi.

Ông chủ tịch nhìn thẩm phán rồi gật đầu. Và vẫn không một bồi thẩm viên nào nhìn mẹ tôi lấy một lần. Một lần ngán ngủ cũng không. Họ thậm chí

không nhìn cả bố tôi hoặc tôi.

Làm ơn, tôi thăm cầu nguyện, làm ơn, hãy nhìn tôi, hãy nhìn mẹ tôi. Hãy nhìn chúng tôi, nhìn đây, nhìn đây, nhìn đây. Nhưng chẳng ai nhìn. Rồi một người, người đàn bà lớn tuổi họ Lipponcott, nhìn về phía Bill Tanner, và tôi biết mọi chuyện đã kết thúc, chúng tôi đã thua. Mẹ tôi sẽ bị tuyên có tội, mẹ tôi sẽ vào tù. Hành động ăn cắp những trang nhật kí của mẹ tôi chỉ đơn thuần là một cử chỉ vô nghĩa nữa trong một bi kịch vô nghĩa. Charlotte Bedford đã chết, và cuộc đời mẹ tôi như thế là hết. Bà sẽ đi tù, bà sẽ không bao giờ đỡ dẽ nữa.

Và đó là khi tôi bắt đầu khóc. Không hẳn chỉ vì sức ép khiến tôi gào lên và khóc lóc, không hẳn là sự chờ đợi hay sự căng thẳng hay sự lo âu. Mà chính là ý nghĩ rằng chuyến đi tàu lượn cuối cùng đã kết thúc, và nó đã về đích với một đoàn tàu rất dài - một số chở theo gia đình Bedford và một số chở theo gia đình Danforth - nện lên những trụ đỡ thẳng đứng được dựng lên để đưa chúng tôi lên tít trên cao, qua khỏi những nỗi sợ dốc đứng trên mặt đất.

Tôi đã không có mặt khi phán quyết được tuyên bố, tôi ở cạnh bà ngoại, Cheryl Visco và Patty Dunlevy trong một phòng họp nhỏ cách xa cuối hành lang. Tôi nghe kể rằng khi thẩm phán yêu cầu mẹ tôi đứng lên và đối mặt với bồi thẩm đoàn, Stephen đã đỡ bà dậy. Một số người có mặt kể với tôi rằng ông đã nắm cùi chỏ tay bà khi phán quyết được tuyên bố, nhưng những người khác thì không chắc lắm. Với bố tôi ở ngay sau lưng ông, tôi không tin Stephen lại làm một việc như thế.

Nhưng tôi đã sai về quá nhiều chuyện; có lẽ ông đã làm thế.

Nếu mẹ tôi tin điều khó lý giải về các bồi thẩm viên mà Stephen kể trước đó trong bãi xe, nếu bà nhận thấy không ai trong số họ nhìn bà, thì bà hẳn phải hết sức bất ngờ trước phán quyết. Tôi nghe kể bà đã khẽ gật đầu và thờ dài, và sự nhẹ nhõm của gia đình tôi đã được bố tôi thể hiện một cách rõ rệt hơn rất nhiều: Ông lẩm bẩm một tiếng “Cám ơn” to đến nỗi những người ở hàng

ghế thật xa phía sau vẫn nghe thấy, và ông ngược nhìn lên trần nhà với lòng biết ơn và sự nhẹ nhõm.

Một giây dài sau đó, khi mọi người trong phòng xử án đã tiếp nhận phán quyết, có một sự phản ứng đồng thời mà thẩm phán đã quyết định không cản trở: Chị gái, mẹ của Charlotte và các bà mẹ bắt đầu khóc. Các bà mẹ khóc vì sung sướng, còn gia đình Fugett nức nở vì người em gái, con gái và người bạn quá cố của họ.

Một số nhân chứng bị tách ra khỏi phòng xử án trong phần lớn thời gian phiên tòa diễn ra, những người như Mục sư Asa Bedford, Anne Austin và B.P. Hewitt, đều có mặt khi phán quyết được công bố, nhưng không ai thể hiện phản ứng nhiều. Cả Mục sư Asa cũng không. Ông ôm mẹ của Charlotte và vỗ về bà, nhưng khuôn mặt ông vẫn bình thản.

Sau đó Bill Tanner cố gắng nói thêm rằng dù mẹ tôi được tuyên trắng án với tội danh bất cẩn gây chết người, bởi thẩm đoàn vẫn gửi đi một thông điệp quan trọng đến các bà mẹ về chuyện sinh đẻ tại nhà: Họ đã tuyên bà có tội với tội danh hành nghề y không giấy phép, ông nói đó là một tín hiệu cho thấy các bồi thẩm viên Vermont không hề thích thú với ý nghĩ đẻ con tại nhà.

Tuy nhiên, tối hôm đó, các bà mẹ lần bố tôi đều chẳng hề bận tâm việc mẹ tôi bị tuyên có tội với tội nhẹ kia. Một mức phạt hai trăm đô la tuyệt đối chẳng là gì so với một lời kết tội ngộ sát, và một lần nữa những người lớn lại bật băng nhạc tiệc tùng tại nhà chúng tôi, trong khi tôi nằm cuộn mình trên ghế sofa giữa sự huyên náo của họ và nhấm nháp trà thảo dược cho đến gần giữa đêm.

Kể cả bảy năm sau phiên tòa, nhiều bà mẹ bằng hữu của mẹ vẫn sợ rằng quyết định đi học trường y của tôi sẽ khiến nhiều người cho là một sự lên án đối với sinh đẻ tại nhà. Nhưng sự thật không phải thế. Tôi trở thành bác sĩ sản phụ khoa ít nhất một phần bởi vì quyền chọn đẻ con tại nhà của một

phụ nữ là quan trọng đối với tôi, và tôi muốn đảm bảo rằng luôn luôn có bác sĩ túc trực để ủng hộ quyết định đó.

Tôi biết còn những lý do khác nữa, nhưng các lý do đó khó nói ra hơn: Chúng bắt đầu, ở một chừng mực nào đó, với ham muốn được ở gần em bé mãnh liệt đến độ có lẽ đã trở thành di truyền, nhưng chúng còn sâu sắc hơn thế. Một nhu cầu được biết toàn diện chính xác khi nào thì một người còn sống và khi nào thì một người đã chết. Sự chuộc tội. Một sự căm ghét cùng cực với chuyện mổ lấy thai, kết hợp với một nghề nghiệp đòi hỏi tôi phải tiến hành thủ thuật đó thường xuyên. Sự bù đắp. Sự bồi thường. Sự công bằng.

Một số đồng nghiệp của mẹ biết tôi sẽ viết quyển sách này, và giờ đây họ lo sợ rằng lời kể của tôi sẽ bị nghề nghiệp của tôi ảnh hưởng. Trong mắt họ, tôi không phải là người nên kể câu chuyện của mẹ tôi, và họ muốn tôi để nó yên.

Nếu họ biết điều tôi biết, nếu họ đã đọc các quyển nhật kí và biết rằng tôi đã ăn cắp những bài viết quan trọng, thì cảm giác của họ sẽ còn hơn cả sợ: Họ sẽ nổi trận lôi đình. Họ chắc chắn sẽ không muốn chuyện này được kể lại.

Nhưng vào ngày thứ tư của tuần thứ hai của phiên tòa, câu chuyện của mẹ tôi cũng đã trở thành câu chuyện của tôi. Giờ đây tôi biết mẹ sẽ muốn câu chuyện của chúng tôi được kể lại.

Bà phát hiện có người đã gấp các trang giấy từ những quyển sổ của bà vào thứ hai sau khi phiên tòa kết thúc, chỉ ngay sau khi tôi đi học và bố đi làm. Dường như suy nghĩ đầu tiên của bà là thẩm phán Dorset đã tháo chúng ra khỏi khoen để đọc kĩ hơn, và ông là người đã làm nhàu chúng. Nhưng ý nghĩ thẩm phán dành thời gian cho những bài viết ấy rồi sau đó ra phán quyết những quyển sổ không liên quan thật là vô lý, thực sự không có lý một chút nào. Và thế là ý nghĩ một người khác chịu trách nhiệm, và người khác đó có thể là tôi, nảy ra trong đầu bà.

Đến giữa buổi sáng, bà đi ra cửa hàng bách hóa để mua báo, và sự nghi ngờ của bà về tôi lớn dần. Cuối một bài viết phân tích phiên tòa, một bồi thẩm viên đã nhắc đến các quyền nhật kí.

“Tất cả chúng tôi đều biết thẩm phán đã đọc nhật kí của bà ấy trong thời gian giải lao - điều đó là khá rõ ràng,” vị bồi thẩm viên nói. “Vì thế chúng tôi chờ đợi sẽ được nghe bà ấy viết gì. Nhưng rồi thẩm phán đọc nó và chẳng thấy điều gì có thể buộc tội được trong đó cả. Tôi không thể nói thay mọi người, nhưng điều đó rất quan trọng với tôi.”

Khi tôi đi học về, mẹ chặn tôi lại. Bà nói thật tình không biết nên thất vọng về tôi hay tự hào không nói nên lời. Một mặt, bà thấy cô con gái của mình là một cô bé mới lớn tự tiện đọc nhật kí riêng tư của người khác rồi sau đó cả gan phạm luật và cản trở luật pháp. Mặt khác, bà kinh ngạc trước sự can đảm của tôi và rủi ro tôi sẵn sàng chấp nhận vì bà. Bà nói dù thế nào bà vẫn yêu tôi, nhưng rồi bà hỏi tôi một câu cho thấy thêm một cảm xúc nữa đang nhộn nhạo trong người bà:

“Bây giờ con nghĩ gì về việc mẹ đã làm?”

Tôi nói với mẹ tôi rất mừng vì bà đã cứu đứa bé, nhưng câu trả lời của tôi thật vô nghĩa. Cả hai chúng tôi đều hiểu rằng chính câu hỏi mới đáng quan tâm, nó là câu hỏi cho thấy rõ cuộc sống chúng tôi với tư cách mẹ và con gái đã thay đổi mãi mãi: tôi mười bốn tuổi, và tôi biết nỗi sợ khủng khiếp nhất của mẹ.

Trước khi bố về nhà, mẹ thực ra đã đề nghị tôi chủ động tự thú chuyện mình đã làm. Tôi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; mức phạt sẽ không quá nghiêm khắc, bà nói thế. Có thể là vào trường cải tạo. Bà không nói nghiêm túc - như tôi đã làm tất cả để bảo vệ bà, mẹ tôi sẽ làm tất cả để bảo vệ tôi - nhưng trong vài giờ đồng hồ, tôi đã trốn trong phòng như một con mèo con sợ sệt, tin rằng mẹ tôi đang tâm hủy hoại cả hai chúng tôi bằng chiến thuật hi sinh gia đình vì đại nghĩa.

Thực tế bà không hề nói gì với bố về việc tôi đã làm. Khi lên phòng gọi tôi xuống ăn tối, bà nói chúng tôi sẽ không bao giờ nhắc lại chuyện đã trở thành tội lỗi của chúng tôi.

Và cho đến khi mẹ bị chẩn đoán mắc bệnh ung thư phổi hai năm trước, chúng tôi đã không nói gì. Mãi đến buổi chiều hóa trị thứ ba - một trong những ngày tôi lái xe chở bà đến bác sĩ chuyên khoa ung thư ở Hanover, New Hampshire, và có mặt cạnh bà khi chất độc được truyền vào tay bà - bà mới nhắc đến tên của Charlotte Bedford.

“Cô ấy có phải là lý do con trở thành bác sĩ không?” mẹ tôi hỏi. “Hay là vì mẹ?”

“Chắc là cả hai.”

Bà gật đầu, nhìn ống dây trong suốt nối vào một cây kim rồi vào da bà.

“Mẹ đã không mở nhật kí ra trong nhiều năm rồi. Mẹ cho chúng vào hộp khi con đi học cao đẳng. Chắc là con biết chuyện đó, phải không?”

Tôi tròn mắt. “Chắc là con biết đấy.”

Không lâu sau khi nộp phạt, mẹ tôi trở lại nghề bà mụ. Bà làm được gần một năm, và trong một khoảng thời gian, cuộc đời bà đầy ắp hoạt động, nếu không muốn nói chính xác là niềm vui. Có những buổi khám thai và tư vấn sức khỏe, những phụ nữ - đôi khi phụ nữ và đàn ông - lui tới nhà chúng tôi. Tất cả chúng tôi đều nhận thấy bà sẽ có thể phục hồi nghề của mình.

Nhưng rồi các khách hàng mới của mẹ bắt đầu đến ngày khai hoa nở nhụy, và bà phải bắt tay đỡ đẻ trở lại. Bà nhận ra trong ca đỡ đẻ đầu tiên rằng cảm giác gần như mê đắm mà sự sinh nở từng đem lại cho bà đã bị thay thế bằng nỗi sợ hãi. Mỗi khi bà khuyến khích một thai phụ rặn, bà lại nghĩ đến Charlotte; mỗi khi bà đặt bàn tay ấm áp lên bụng một thai phụ đang chuyển dạ, bà lại nhớ đến đường vẽ tưởng tượng bà từng vẽ bằng móng tay từ rốn đến xương mu Charlotte.

Vì thế bà dừng lại. Bà đỡ đẻ đưa bé cuối cùng vào một buổi chiều đầy nắng đầu tháng mười một, sau một cơn chuyển dạ khó nhọc nhưng ngắn ngủi, và nhìn chung không gặp sự cố gì. Bà kịp về nhà để ăn tối, bố, mẹ và tôi ăn tối cùng nhau. Chúng tôi biết đó là ca đẻ cuối cùng, và bố đã nâng ly chúc mừng mẹ và tất cả những điều đẹp đẻ mà bà đem đến cho cuộc đời này.

Trong một thời gian ngắn, một tin đồn lan truyền ở Vermont rằng mẹ tôi đã bỏ nghề nghiệp mà bà yêu quý vì một thỏa thuận nào đấy với Asa Bedford. Tin đồn nói rằng cả ông lẫn gia đình Fugett đều sẽ không xúc tiến một vụ kiện dân sự gây chết oan chống lại mẹ tôi nếu bà đồng ý bỏ nghề bà mụ, nhưng không hề có một thỏa thuận nào cả.

Mục sư Asa quyết định không tiến hành kiện dân sự gần như lập tức vì - như ông được dẫn lời trong một bài báo - ông “không quan tâm đến giá trị tính bằng tiền của mạng sống Charlotte.” Và lại, Mục sư Asa là một người tốt và là một mục sư: Ông biết cũng như mọi người đều biết sự trả thù thực sự thuộc về ai.

Dù sao đi nữa, mẹ tôi đã không bao giờ đỡ đẻ sau ca đẻ cuối cùng vào tháng mười một đó. Chính xác như bà đã nói với mẹ của mình, bà tháo những tấm áp phích thai phụ xuống và dán các bức tường ở nơi từng là phòng làm việc của bà bằng giấy dán tường in hình hoa diên vĩ xanh. Sau đó bà đọc sách trong căn phòng ấy, may chần trong căn phòng ấy, và tôi biết khi căn nhà yên tĩnh, bà ngồi một mình trong căn phòng ấy ngắm nhìn những rặng núi xa xa. Trong vài năm sau bà viết nhật kí trong căn phòng ấy.

Và rồi, đột nhiên bà cho những quyển sổ vào hộp và đem chúng lên cất ở gác mái. Khi về nhà trong đợt nghỉ Giáng sinh ở năm đầu tiên học cao đẳng, tôi tìm trong phòng đọc sách của bà và phát hiện các quyển sổ đã biến mất, kệ sách giờ đây chất đầy sách làm vườn và tạp chí trang trí nhà cửa.

“Con có biết mẹ cất những quyển sổ ở đâu không?” mẹ hỏi tôi khi chất đống nhỏ giọt vào tay bà.

“Trên gác mái, phải không ạ?”

“Đúng rồi. Chúng là của con nếu con muốn. Khi thời gian thích hợp.”

Tôi cố bật cười: “Mẹ à, đừng tưởng tượng lung tung nữa.” Nhưng là bác sĩ và là một bà mẹ về hưu, cả hai chúng tôi đều đã tìm hiểu thông tin về bệnh ung thư của bà, và dù không bao giờ nói ra các con số thống kê, nhưng chúng tôi biết tiên lượng bệnh rất xấu. Dạng bệnh ung thư phổi của bà có thể gây chết người. Bà có khả năng thuyên giảm trong thời gian ngắn, nhưng hầu như không có cơ hội phục hồi hoàn toàn.

“Mẹ đâu có nói thời gian sẽ đến vào ngày mai. Nhưng mẹ muốn con biết chúng là của con. Muốn làm gì chúng thì làm.”

Bà được thông báo đang thuyên giảm bốn tháng rưỡi sau khi phát hiện bệnh, nhưng cơn thuyên giảm chỉ kéo dài được một mùa, và bà qua đời năm tháng sau khi bệnh ung thư trở lại.

Trong số những người đàn ông hiện diện trong cuộc đời tôi năm tôi lên mười bốn, chỉ có bố là tôi còn gặp mặt. Và tôi may mắn có thể gặp ông thường xuyên. Ông vẫn sống ở Reddington, còn tôi thì làm việc ở miền Trung Vermont, vì thế chúng tôi có thể ăn trưa hoặc ăn tối cùng nhau ít nhất mỗi tuần một lần kể từ khi mẹ qua đời. Ông không còn làm việc nữa: Khi mẹ tôi được chẩn đoán bệnh ung thư, ông bán cổ phần trong công ty có mười lăm thành viên của mình.

Tom Corts cuối cùng đã thoát khỏi garage sửa xe của gia đình. Anh đi học trường cao đẳng sân khấu khi tôi học trung học phổ thông, và chúng tôi chia tay nhau không lâu sau đó. Nhưng đường đời chúng tôi thường xuyên giao nhau khi đã trưởng thành, vì anh làm việc cho công ty thiết kế phần mềm cho giới y khoa. Anh cũng dự đám tang mẹ tôi, một cử chỉ khiến cả bố lẫn tôi xúc động.

Tom đã kết hôn, tôi thì chưa. Một ngày nào đó tôi hi vọng mình cũng sẽ lập gia đình.

Cho đến gần đây, tôi tiếp tục thấy tên của Stephen Hastings trên báo chí và đáng vẻ nhỉnh hơn một bậc của ông trên truyền hình. Chỉ thế thôi. Đường như khi ngày càng già đi, ông cũng chọn nhận ít vụ kiện hình sự hơn.

Suốt một thời gian dài gia đình chúng tôi nhận được thiệp chúc mừng giáng sinh từ công ty ông vào tháng mười hai hằng năm, và trong một số năm Stephen đích thân viết thiệp lên thiệp. Nhưng rồi sau đó những thiệp ngắn dần thành một câu chào, một lời chúc, và một chữ kí, rồi sau đó những tấm thiệp cũng thôi không đến nữa.

Tôi không nghĩ rằng bố tôi nhớ chúng, nhưng tôi biết ở chừng mực nào đó mẹ tôi thì có.

Tôi chưa bao giờ nói chuyện với gia đình Fugett, nhưng tôi đã nói chuyện một lần với Mục sư Asa Bedford. Tôi đến thăm Mobile và những thị trấn xung quanh như Blood Brook, và tôi biết rằng Mục sư Asa cuối cùng đã tái hôn và trở lại bục giảng kinh tại một thị trấn duyên hải ở Alabama có tên gọi Point Clear. Tôi không có ý định thăm ông khi đến Alabama, ít ra thì cũng không phải một cách chủ ý, nhưng khi tôi đến đó, ý muốn được gặp ông thôi thúc mạnh mẽ, khiến tôi gọi điện cho ông từ điện thoại công cộng ở một tiệm bách hóa.

Ông nói đang bận rộn chuẩn bị đồ đạc cho một chuyến dự hội nghị các mục sư ở phía Bắc của bang, nhưng ông chắc chắn có thể dành nửa giờ cho người đã lặn lội đến từ tận Vermont. Ông nói ông và vợ sẽ rất buồn nếu tôi không đến nhà ông. Thế là tôi đến, và ba người chúng tôi uống cà phê đá, Mục sư Asa và tôi kể về cuộc sống của mình trong những năm sau phiên tòa.

Tôi được biết Foogie gần đây đã chuyển đến bang Texas để vợ chồng cậu ấy có thể ở gần gia đình vợ hơn. Cậu sắp trở thành giáo viên. Còn Veil, cậu bé đã được mẹ tôi cứu sống, đã trở thành một thanh niên đẹp trai. Nếu Veil không toát ra sự khỏe khoắn, cường tráng và mạnh mẽ đó, thì hẳn cậu sẽ giống mẹ như đúc.

Khi Mục sư Asa tiễn tôi ra cửa của căn nhà nhỏ khiêm tốn, chúng tôi đứng ở khung cửa một lúc lâu, rồi ông ôm tôi, vỗ lên lưng tôi, và chúc tôi bình an.

22

trích nhật kí bà mẹ Sibyl Danforth

15 tháng ba, 1981

CĂN PHÒNG THỰC SỰ RẤT YÊN TĨNH, như thể cả băng đá và tuyết cũng đã thôi đập vào cửa sổ. Tôi thoáng nghe thấy tiếng lập cập và nhìn xung quanh, phát hiện Asa và Anne hẳn cũng đã nghe thấy. Nhưng thật ra họ không nghe thấy, vì nó nằm trong đầu tôi. Đó là tiếng hai hàm răng tôi va vào nhau.

Răng tôi đang đánh lập cập. Căn phòng vô cùng ấm áp, nhưng răng tôi vẫn đánh. Tôi nhìn xuống tay mình, và chúng đang run bần bật đến nỗi con dao cũng rung lên.

Vì thế tôi hít vào thật chậm rồi thở ra. Khi tôi rạch lên người Charlotte, tôi không muốn mình run quá nhiều đến độ không thể kiểm soát con dao và cắt nhầm vào đứa bé. Sau đó tôi dùng móng tay vạch một đường từ rốn đến xương mu của Charlotte, và nhắc mình rằng các bác sĩ cũng làm thế này suốt mà không hề làm bị thương đứa trẻ. Tôi đã chứng kiến rất nhiều ca mổ lấy thai trong cuộc đời mình, vì hầu hết những bà mẹ mà tôi chuyển viện đều phải mổ, và chưa bao giờ tôi thấy bác sĩ chạm trúng thai nhi. Vì thế tôi tự nhủ mình chỉ cần hết sức cẩn thận, và sau đó tôi tiến hành.

Tôi đã làm thế, tôi ấn mạnh mũi dao xuống da.

Tôi nghĩ ngoài tôi ra, không ai nhìn thấy cơ thể rùng mình. Vào lúc đó tôi chỉ nghĩ đó là một phản xạ đáng sợ sau khi chết mà bạn nghe nói ở một số

loài động vật, vì thế tôi tiếp tục. Tôi cũng nghĩ tương tự khi thấy quá nhiều máu, và nó không ngừng chảy ra.

Dù sao đi nữa, tôi đã kiểm tra mạch và nhịp tim, và không hề tìm thấy. Vậy làm sao cô ấy còn sống cho được? Sự thật là cô ấy không thể còn sống, tôi tự nhủ, và cô ấy đã chết rồi. Tôi đã nghĩ như thế khi tôi nhấn con dao xuống, và tôi biết lúc đó tôi đã vô cùng chắc chắn về điều này.

Nhưng giờ nghĩ lại - một ngày sau, sau khi tôi đã chớp mắt được đôi chút - tôi quả thật không biết. Mỗi khi tôi nghĩ đến cơn rùng mình đó, tôi thật sự không biết...

Lời tri ân

TÔI VÔ CÙNG BIẾT ƠN MỘT NGƯỜI PHỤ NỮ tuyệt vời có lòng kiên nhẫn vô bờ bến: Carol Gibson Warnock, một bà mẹ sẵn sàng mời tôi bước vào cuộc đời mình, chia sẻ với tôi những niềm vui trong sự nghiệp, và đọc qua tác phẩm này ít nhất năm, sáu lần.

Tôi cũng muốn cảm ơn bốn chuyên gia khác - giờ là bốn người bạn của tôi - vì đã chịu đựng những câu hỏi và thắc mắc của tôi, tiếp điện thoại của tôi cả ngày lẫn đêm, cũng như đọc lại các bản thảo hết lần này đến lần khác: Lauren Bowerman, trưởng trợ lý luật sư bang ở hạt Chittenden của bang Vermont; Kerry DeWolfe, luật sư bào chữa hình sự hạt Washington thuộc bang Vermont; bác sĩ sản phụ khoa Nancy Fisher; và (một lần nữa) bác sĩ Paul Morrow, trưởng trung tâm pháp y bang Vermont. Đây là câu chuyện thứ hai của tôi nhận được sự cố vấn kiến thức lớn lao từ Paul.

Nhiều quyển sách rất quan trọng với tôi trong quá trình nghiên cứu tài liệu cho tác phẩm này, nhưng có hai quyển nổi bật nhất. *Nghề bà mẹ thiêng liêng* của Ina May Gaskin là một sự giới thiệu đầy ý nghĩa về nghề bà mẹ và một lời nhắc nhở thường xuyên rằng sự sinh nở là một phước lành. Tương tự, *Câu chuyện của một bà mẹ*, mô tả chân dung một bà mẹ và thầy thuốc vào thế kỉ mười tám của tác giả Laurel Thatcher Ulrich, nhắc tôi nhớ đến truyền thống lâu đời mà nghề bà mẹ hiện đại ngày nay chỉ là một bộ phận nhỏ.

Tôi chắc rằng Sibyl Danforth cũng đã đọc cả hai quyển sách ấy và trân trọng chúng.

Chín người đã cố vấn thêm cho tôi về mặt văn học, y học, hoặc cả hai: bác sĩ Eleanor L. Capeless, Stanley Carroll, bác sĩ J. Matthew Fisher, Ellen Levine, Russell Luke, Ken Neisser, Nancy Stevens, bác sĩ Ivan K. Strausz, và Dana Yeaton. Và mặc dù Lexie Dickerson - nay là một cô bé chững chạc đang học tiểu học - chưa đọc một từ nào của *Bà mẹ*, nhưng quyển sách sẽ

khác đi một chút nếu cô bé không về nhà từ trường mẫu giáo một ngày nọ và nói ra từ *âm hộ*.

Cuối cùng, hai người phụ nữ đã đóng vai trò bà mẹ cho câu chuyện này từ ý tưởng phôi thai - hoặc lúc khởi đầu - và làm cho những vất vả của tôi trở nên nhẹ nhàng hơn: Anne Dubuisson và Shaye Areheart, một người là đại diện xuất bản còn một người là biên tập viên, mỗi người là một người bạn tuyệt vời.

Tôi xin cảm ơn tất cả các bạn.

Vào một đêm mùa đông bão bùng, tại căn nhà hẻo lánh nơi vùng quê Vermont, miền Bắc nước Mỹ, bà mẹ đầy đặn kinh nghiệm Sibyl Danforth đã cố gắng trong tuyệt vọng để cứu lấy sinh mạng một đứa bé sơ sinh. Bà phải thực hiện ngay ca mổ lấy thai trên cơ thể người mẹ mà bà nghĩ rằng đã chết sau cơn đột quỵ. Nhưng nếu thai phụ đã chưa thật sự chết – phải chăng Sibyl vô tình đã giết chết cô ấy?

Đêm mùa đông định mệnh đó đã mở ra một cuộc chiến khốc liệt giữa Sibyl và luật pháp đầy định kiến, hơn thế, đó còn là cuộc chiến giữa Sibyl với chính lương tâm bà. **"Bà mẹ"** hứa hẹn khiến chúng ta sùng sờ và ám ảnh như những cuốn tiểu thuyết hay nhất từng đọc.

- #1 New York Times Bestseller
- Sách trong danh mục của Oprah's Book Club
- Sách hay nhất trong năm của Publishers Weekly
- Sách trong danh mục New England Booksellers Association
- Đã được dựng thành kịch và chuyển thể thành phim

RON MITCHELL



Phượng Nhà Sách

100/11 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số 100/11 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 0903 908 888 Email: phuongnhasach@gmail.com

Bà mẹ



8 932000 113463

Giá: 120.000Đ



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Chú thích

^[1] Một trang web tin tức quốc tế chuyên về sách.

[2] Liberation News Service (LNS): hãng tin cánh tả chuyên xuất bản tin tức tại Mỹ từ năm 1967 đến 1981. (Tất cả chú thích trong quyển sách này là của người dịch).

[3] Chuỗi hạt tình yêu (love beads): vòng đeo cổ gồm nhiều hạt nhỏ, được nhiều thanh niên hippie ưa chuộng như một biểu tượng của tình yêu và hòa bình.

[4] Phát âm gần giống “condom”, nghĩa là bao cao su.

[5] Sears: chuỗi cửa hàng bán lẻ nổi tiếng ở Mỹ.

[6] Xe nhà ga (station wagon): Loại xe ô tô có thể vừa chở người vừa chở hàng, ban đầu chuyên dùng để chở hành khách và hành lý đến hoặc đi khỏi ga tàu hỏa.

[7] Thang điểm Apgar: Dãy số biểu thị tình trạng của trẻ mới sinh, thường được xác định trong vòng 60 giây sau khi sinh, là tổng số điểm tính được dựa trên nhịp tim, sức thở, tình trạng hoạt động của cơ, phản xạ đáp ứng với kích thích và màu sắc.

[8] Vương quốc Đông Bắc (Northeast Kingdom): chỉ góc Đông Bắc của bang Vermont, thường được người dân Vermont gọi là “Vương quốc”.

[9] Ngày lễ Tưởng niệm, còn gọi là Ngày lễ vinh danh chiến sĩ trận vong, diễn ra vào ngày thứ Hai cuối cùng của tháng Năm hằng năm tại Mỹ, để vinh danh những binh lính Mỹ tử trận lúc làm nhiệm vụ.

[10] Cảnh báo Miranda: Luật pháp Mỹ quy định một người phải được cảnh sát thông báo về các quyền của mình trước khi bị thẩm vấn thì những tuyên bố của cảnh sát chống lại người đó mới có giá trị. Cảnh báo này được đưa vào luật pháp Mỹ sau phán quyết của tòa án tối cao trong vụ Ernesto Arturo Miranda kiện bang Arizona năm 1966, vì quyền của ông này đã bị vi phạm trong thời gian ông bị bắt giữ và xét xử vì tội bắt cóc và cưỡng dâm.

[\[11\]](#) Camel's Hump: Ngọn núi cao thứ ba ở Vermont.

[12] Ansel Adams: nhiếp ảnh gia người Mỹ nổi tiếng với các tác phẩm ảnh đen trắng khắc họa miền Tây nước Mỹ.

[13] Trong tiếng Anh, huyết áp là “blood pressure”, viết tắt là B.P.

[14] Knute Rockne (1888-1931): một cầu thủ bóng bầu dục Mỹ nổi tiếng, được xem là một trong những huấn luyện viên xuất sắc nhất trong lịch sử bóng bầu dục học đường Mỹ.

[15] Jonathan Edwards (1703-1758): nhà truyền giáo và thần học người Mỹ.

[16] Phố Vừng (Sesame Street): một chương trình truyền hình Mỹ dành cho thiếu nhi.

[17] Trong tiếng Anh, “vagal” là thần kinh mê tẩu, gần giống “vagina” là âm đạo.

[18] Abenaki: một bộ lạc người da đỏ sống ở Đông Bắc Bắc Mỹ.

[19] Lễ Lao động ở Mỹ diễn ra vào ngày thứ hai đầu tiên của tháng chín hằng năm.

[\[20\]](#) Adirondack: một loại ghế gỗ dùng để ngồi ngoài trời.

[21] Thăm tra sơ khởi (voir dire): Một thủ tục theo đó các luật sư của bên đối lập đặt câu hỏi cho các thành viên bồi thẩm đoàn tương lai trong một phiên tòa để xác định xem liệu bồi thẩm viên có thành kiến đối với vụ việc cụ thể của họ hay không.

[22] Bram Stoker (1847-1912): nhà văn người Ireland, tác giả tiểu thuyết kinh dị nổi tiếng Dracula. Lucy Westenra và Mina Harker là hai nhân vật nữ trong truyện.

[23] Câu cá bằng côn trùng (Fly-fishing): Môn câu cá mà người đi câu đứng dưới nước rồi ném câu. Mồi thường dùng là các loại côn trùng sống dưới nước hoặc trên cạn.

[24] Cột Doric: một loại cột cơ bản trong kiến trúc Hi Lạp.

Mục lục

[Lời khen tặng dành cho tiểu thuyết Bà mẹ của Chris Bohjalian](#)

[Lời nói đầu](#)

[Về tác giả](#)

[Dẫn nhập](#)

[Phần một](#)

[1](#)

[2](#)

[3](#)

[4](#)

[5](#)

[Phần hai](#)

[6](#)

[7](#)

[8](#)

[9](#)

[10](#)

[11](#)

[12](#)

[13](#)

[Phần ba](#)

[14](#)

[15](#)

[16](#)

[17](#)

[18](#)

[19](#)

[20](#)

[21](#)

[22](#)

Lời tri ân